

OSHO

NHỊP ĐẬP CỦA TUYỆT ĐỐI

*Bài nói về
Ishavasya Upanishad*

HÀ NỘI - 1/2011

OSHO

HEARTBEAT OF THE ABSOLUTE

*Discourse on the
Ishavasya Upanishad*

Mục lục

Giới thiệu	i
1. Tất cả là phép màu	1
2. Không của tôi không của bạn	33
3. Hình dáng của nước	61
4. Ham muốn thực sự	77
5. Cột mốc số không	93
6. Chân lí là ngớ ngẩn.....	115
7. Trở thành tấm gương.....	125
8. Cái bóng của bản ngã	141
9. Bên ngoài khoa học	153
10. Dốt nát sẽ chỉ cho bạn con đường.....	179
11. Tôi cũng lắng nghe.....	189
12. Tôi không là thân thể.....	205
13. Con vật, cây cỏ hay Thượng đế?	219
14. Hạt mầm và cái cây.....	243
15. Chúng ta chết đi	255
16. Chỉ việc biết còn lại	285
17. Cái nhảy tối thượng	297
18. Tại cánh cửa của samadhi.....	307
19. Biến đổi là phép thử	333
20. Sự tồn tại là một.....	357
Về Osho	385

*Bài nói ngẫu hứng
cho các đệ tử và bạn bè
tại Mount Abu,
Rajasthan, Ấn Độ*

Giới thiệu

Tất cả đều là Thượng đế! Điều này, tôi được bảo, chính là ý nghĩa của *Ishavasya*. Nhưng điều tất cả đều là Thượng đế có nghĩa gì? Có một câu chuyện mà Osho đã có lần kể, về một người đã cống hiến nhiều năm để đi tìm ý nghĩa cuộc đời. Cuộc truy tìm của người đó đã dẫn người đó đi khắp thế giới nghiên cứu đại học và thực hành bí truyền, qua các loại thuốc ảo giác và trị liệu tâm lý, nhưng câu trả lời vẫn cứ lảng tránh anh ta. Thế rồi một hôm, khi người đó gần như từ bỏ hi vọng, người đó được nghe nói về một hiền nhân sống trong một vùng xa xôi và gần như không tới được của Himalayas, người biết ý nghĩa của cuộc đời. Bị thuyết phục sau rất nhiều điều tra rằng hiền nhân này thực sự có giữ câu trả lời đó, người này kết thúc công việc của mình, khăn gói tề chỉnh, cất bước lên đường tìm hiền nhân đó.

Cuộc hành trình thật gian truân - hết máy bay đến tàu hoả, ô tô cũng đều trở nên ngày một ọp ẹp và cổ lỗ hơn khi con đường trở nên gồ ghề hơn và mấp mô hơn dưới chúng, rồi còn lồi trèo chênh vênh và chót vót trên con đường đi vào lãnh địa cấm, chưa khai hoá của Himalayas. Sau nhiều tuần lễ người này cuối cùng cũng đã đạt tới đích. Không còn nghi ngờ gì nữa, có một làng nhỏ tí xíu, và ngay sau nó là chính cái lều mà trong đó, như người đó đã được kể, hiền nhân đó đang sống. Chính với một cảm giác thúc đẩy mệnh mông mà người này đã bước vào trong

lều, vì người đó thấy mình phải trút hết mọi năng lực trong công việc của cuộc đời vào một khoảnh khắc này.

Hiền nhân ngồi đó, và một vẻ chân thành tràn ngập mọi thứ quanh ông ấy đã nói lên về trí huệ lớn lao của ông. Trong sự cực kì xúc động, sau khi đã được mời ngồi cùng hiền nhân, người này đưa ra câu hỏi nóng bỏng của mình: “Xin nói cho tôi,” người đó nói, “ý nghĩa của cuộc đời này là gì?”

Hiền nhân ngồi im lặng vài phút, trong khi vị khách chờ đợi với trái tim đập phồng và hơi thở hồi hộp. Thế rồi hiền nhân nói. “Cuộc đời,” ông ta nói, “là một dòng sông chảy.”

Sau mười lăm phút im lặng sững sờ, vị khách cuối cùng bùng ra, nổ tung với cơn cuồng nộ: “Ông nói rằng tôi đã quấy rối toàn bộ sự tồn tại của tôi, vật lộn với con đường của tôi sau bao nhiêu năm lục vắn thành kính, đối diện với những gian khổ và nguy hiểm trên đường, và mọi lúc, không có gì hơn ngoài niềm tin của tôi vào trí huệ của ông, đã giữ tôi đi tiếp, thế mà chỉ được bảo rằng cuộc đời là dòng sông chảy thôi ư?”

Hiền nhân nhìn người đó với vẻ mặt biểu lộ ngạc nhiên hết sức: “Anh cho rằng không phải thế à?”

Ishavasya cũng vậy - tất cả đều là Thượng đế! Và cũng như vậy lời kinh mà này *Ishavasya Upanishad* bắt đầu và kết thúc. Giữa câu kinh đầu và cuối đó chỉ có một từ thay đổi - từ ‘hoàn hảo’ được thay thế cho từ ‘toàn bộ’, và có gì khác biệt giữa cái là hoàn hảo và cái là toàn bộ không? Trong phần mở đầu Osho nói rằng với những người đã hoàn toàn hiểu câu kinh này, chẳng cần gì thêm nữa. Giống như “Tất cả đều là Thượng đế” và “Cuộc đời là một dòng sông chảy,” lời kinh này nói tất cả những gì cần phải nói. “Với những người đã đến tới đỉnh hiểu biết, đây là điểm cuối của *Ishavasya*; nhưng với những người vẫn còn đang trèo lên, đây chỉ là sự bắt đầu.” Và trong khi nói cho chúng ta qua những

lời kinh này giữa điểm bắt đầu và điểm kết thúc mà đây cũng là sự bắt đầu, Osho đưa chúng ta đi trên một cuộc hành trình phi thường.

Điều tôi thích thú về câu chuyện người đàn ông này đi tìm kiếm ý nghĩa cuộc đời là cuộc hành trình của anh ta. Cuộc hành trình này phải thật xứng đáng biết bao! Và đây là điều làm cho tôi kính nể khi đọc và đi tới biết về những bài nói sâu sắc này của Osho về *Ishavasya*. Cuộc hành trình qua những chương này tới đích từ cái chúng ta bắt đầu khởi hành thật ngoạn mục. Đây là một cuộc hành trình đi vào trong và đi lên, cuộc hành trình của mọi người qua mọi tầng của sự tồn tại, cuộc hành trình của đàn ông và đàn bà qua tất cả những điều mà việc là một con người có thể nghĩa là gì - qua sự hỗn nhiên, dốt nát, tri thức, tình yêu, cái chết, địa ngục, thiên đường, gắn bó, sầu não, dục, buông xuôi, chân lí, ham muốn, tự do, thiên, bất lực, câu nguyện, phúc lạc - qua tất cả, không phải một cách tuần tự như tôi phải viết chúng ra, mà như sự sáng suốt được hàm chứa bên sự sáng suốt.

Điều Osho đề lộ cho chúng ta là trí huệ nội tâm. Giống như cuộc hành trình đi vào lãnh địa Himalayas, khung cảnh trở nên thậm chí còn hùng vĩ hơn, bầu không khí thậm chí còn loãng ra hơn. Nhưng điều kì diệu đối với tôi nằm ở *phía bên trong* của cuộc hành trình; chân lí lộ ra trong cái đẹp đơn giản thật say đắm. Nhưng tiếng nói Osho vẫn thì thào, “Bạn nhìn vào trong nó đi! Bạn thấy nơi bạn đang đi. nhìn xem! nhìn xem!” và, khi nhìn qua trí huệ của người, chân lí mà chúng ta đang nhìn vào mở ra, và chúng ta được hướng dẫn đi vào trong chân lí đang nằm ẩn khuất bên trong nó - một viên ngọc trai bên trong viên ngọc trai, và chứa viên ngọc trai ẩn kín của riêng nó. Cứ đi vào mãi, chúng ta thấy chúng ta đang đi lên nữa. Đây là cuộc hành trình đi vào trong tâm thức!

Nhịp đập của Tuyệt đối là bản ghi của một cuộc hành trình tương tự. Nhưng đây không chỉ đơn thuần là một bản ghi; đây còn là một công trình giả kim, một bài ca mà có thể biến con đường của bạn thành đi vào trong và đi lên, nếu bạn để cho âm nhạc đi vào!

Như người nói trong bài nói cuối cùng, “Bất kì cái gì tôi kể cho bạn cũng chỉ với một mục đích làm vẩn nhảy cho bạn thôi. *Mục đích chính là việc nhảy*. Đây là lí do tại sao chúng ta đã đi vào trong thiền tại cuối mỗi lời kinh, để cho bạn có thể kinh nghiệm được ý nghĩa của nó bằng việc nhảy vào nó.”

Swami Anand Rajen

1

Tất cả là phép màu

*Om,
Cái đó là toàn thể, và cái này cũng là toàn thể.
Vì chỉ cái toàn thể được sinh ra từ toàn thể;
và khi cái toàn thể được lấy ra từ cái toàn thể,
Chú ý, phần còn lại là toàn thể.
Om. An bình, an bình, an bình.*

Ishavasya Upanishad bắt đầu và kết thúc với lời kinh này, và trong nó là tuyên bố về tất cả những gì có thể được nói tới. Nó hoàn toàn là duy nhất. Với những người hiểu nó đầy đủ, không cần thêm gì nữa; phần còn lại của Upanishad chỉ dành cho những ai không hiểu. Do vậy lời cầu nguyện an bình, thường đưa Upanishad tới việc kết thúc của nó, ở đây được gọi ra tại chỗ cuối của chính lời kinh đầu tiên. Và với những người đã đi lên đến đỉnh của hiểu biết, đây là chỗ kết thúc của Ishavasya; nhưng với những người vẫn còn đang trèo lên, nó chỉ là bắt đầu.

Phần về tính duy nhất của nó nằm trong sự sáng tỏ mà với nó có phân biệt giữa các phương pháp tư duy và lập luận của phương Đông và phương Tây. Hai trường phái lập luận đã nở hoa trên thế giới - một trường phái ở Hi Lạp, và trường phái kia ở Ấn Độ. Hệ thống logic của Hi Lạp đã cho sinh thành ra toàn thể khoa học phương Tây, trong khi từ hệ thống Ấn Độ nổi lên tôn giáo. Khác biệt nền tảng nhất và đầu tiên giữa hai trường phái này nằm ở phương Tây - Hi Lạp - phương pháp tiến dần tới kết luận. Bất kì khi nào chúng ta tìm kiếm chân lý về vật chất, câu hỏi đầu tiên sẽ dẫn qua việc nghiên cứu tới kết luận cuối cùng; đầu tiên, ý nghĩ và câu hỏi, thể rồi kết luận.

Cách thức Ấn Độ đích xác là cái đối lập. Ấn Độ khẳng định rằng cái chúng ta định nghiên cứu bao giờ cũng có đó. Nó không lấy hình dạng như kết quả của việc hỏi của chúng ta, nhưng nó đã hiện diện thậm chí trước cả khi việc nghiên cứu của chúng ta bắt đầu. Chân lý mà sẽ trở nên biểu hiện đã có đó trước khi chúng ta ở trong sự tồn tại. Nó đã có đó trước khi chúng ta khám phá ra nó hết như nó có đó khi chúng ta đã làm như vậy. Chân lý không được hình thành hay được xây dựng qua nghiên cứu của chúng ta; điều nghiên cứu làm là đem nó vào trong thực tại của kinh nghiệm chúng ta. Chân lý bao giờ cũng hiện diện. Đó là lý do tại sao cách thức Ấn Độ về lập luận tuyên bố kết luận ngay từ đầu,

và sau đó thảo luận tới phương pháp và thủ tục; trước hết kết luận, thể rồi đến phương pháp. Cách thức phương Tây đặt phương pháp lên trước, rồi điều tra, và cuối cùng kết luận.

Một điểm quan trọng nên lưu tâm: phương pháp phương Tây rất thích hợp cho những người tìm kiếm chân lý bằng việc suy nghĩ về nó. Phương pháp lập luận này giống như việc cố tìm ra điều gì đó trong đêm tối với sự giúp đỡ của chiếc đèn nhỏ. Đêm tối như mực, và ánh sáng tỏa ra mờ nhạt trong khoảng một mét dưới đất. Chỉ thấy được một miếng nhỏ, phần lớn vẫn còn không thấy được; và kết luận được đưa tới về cái được thấy sẽ là không dứt khoát. Sau một chốc, khi người ta tiếp tục với chiếc đèn, thêm một chút ít nữa trở thành thấy được, và cần sửa lại hay thay đổi kết luận. Khi người ta tiến xa thêm chút nữa, những điều mới liên tục trở thành thấy được và do vậy kết luận lại bị thay đổi lặp đi lặp lại.

Đi theo như người ta làm với trường phái logic Hi Lạp, khoa học Phương Tây không bao giờ đạt tới kết luận cuối cùng. Mọi kết luận của nó do đó đều không dứt khoát, tạm thời, và dựa trên tri thức thu nhận được cho đến thời hiện tại. Nếu cái gì đó mới được phát hiện ra ngày mai, sẽ có thay đổi trong kết luận. Đó là lý do tại sao không chân lý nào được đạt tới bởi phương Tây là tuyệt đối. Nó là không toàn bộ. Mọi chân lý và kết luận của nó đều bất toàn. Nhưng chân lý không bao giờ là bất toàn hay không đầy đủ cả, và bất kỳ cái gì bất toàn đều sẽ là phi chân lý. Cái kết luận mà chúng ta cần sửa đổi vào ngày mai thực ra không phải là chân lý thậm chí cho cả hôm nay! Nó đơn giản có vẻ là chân lý thôi. Cái một mình nó có thể là chân lý, chúng ta không bao giờ cần thay đổi. Cho nên các kết luận đã được phương Tây công bố là chân lý thực sự là phi chân lý dựa trên tri thức thu được cho tới lúc đó và cần thay đổi theo tri thức thu được vào ngày mai.

Hệ thống lập luận Ấn Độ không giống việc nghiên cứu chân lý với sự giúp đỡ của chiếc đèn. Nó giống như việc nghiên cứu đêm tối trong ánh sáng chói lọi của tia chớp, khi mọi thứ đều trở thành thấy được đồng thời. Không phải là cái gì đó - một phần - được thấy bây giờ, thỉnh thoảng về sau phần khác, lại cái gì đó thêm về sau, và cứ như thế; không, cách thức Ấn Độ không giống điều đó. Trong hệ thống Ấn Độ về nghiên cứu, khả lộ của chân lý xảy ra ngay một lúc; mọi thứ đều được khám phá ngay lập tức và đồng thời. Mọi con đường trải rộng đến chân trời, và tất cả - dù là bất kỳ cái gì - đều được thấy đồng thời trong chớp loé của tia sét. Không có phạm vi nào cho thay đổi trong tương lai vì cái toàn thể đã được thấy.

Phương pháp phương Tây có tên logic nghiên cứu chân lý bằng quá trình suy nghĩ. Cách thức Ấn Độ, điều chúng ta gọi là kinh nghiệm hay trí huệ, phơi bày tất cả mọi thứ ngay một lúc giống như ánh chớp loé, với kết quả là chân lý hiện ra như nó vậy, trong tính toàn bộ của nó, không để lại chỗ nào cho thay đổi hay sửa đổi. Xem như kết quả, không có tiềm năng nào cho việc thay đổi điều mà Phật hay Mahavira hay Krishna đã nói. Nhưng các nhà tư tưởng phương Tây - nghiêng về hoài nghi và lo nghĩ - hỏi liệu điều Mahavira nói hai nghìn năm trăm năm trước đây có thể vẫn còn đúng cho ngày nay không. Điều hợp lý đối với họ là nêu ra nghi ngờ như vậy; qua suốt một thời kì như thế chúng tôi phải đã trông đợi tới hai mươi năm *ngàn* thay đổi nếu chúng tôi đi tìm chân lý bằng một ngọn đuốc! Những sự kiện mới sẽ xuất hiện mọi ngày, và chúng tôi buộc phải thay đổi hay biến đổi các sự kiện cũ. Nhưng chân lý do Mahavira, Krishna hay Phật tuyên bố là những khả lộ. Chúng không phải là chân lý được tìm ra nhờ ánh sáng đèn; chúng đã được thấy và được biết và được khả lộ trong ánh chớp loé chói lọi của tâm trí tĩnh lặng - tâm trí trống rỗng ý nghĩ. Chân lý mà Mahavira biết đã không được ông ấy khám phá ra dần từng bước; bằng không ông ấy không thể nào

biết được chân lí toàn bộ ấy. Ông ấy biết nó với tính toàn bộ của nó trong một khoảnh khắc.

Điều tôi muốn nói với bạn là ở chỗ mọi thứ được khai lộ trong tính toàn bộ của nó thông qua trí huệ của phương Đông là được bao hàm trong lời kinh ngắn gọn này. Nó có đầy trong tính toàn bộ của nó. Đây là lí do tại sao chúng ta ở Ấn Độ vẫn công bố rằng kết luận là trước nhất và rồi việc hỏi theo sau. Công bố về chân lí được thực hiện lúc ban đầu, thế rồi chúng ta thảo luận về cách chân lí có thể được biết, cách thức nó đã được biết tới, và cách thức điều đó có thể được giải thích. Kinh này là lời công bố - bản tuyên ngôn. Phần còn lại của cuốn sách này là không bản chất cho những ai có thể hiểu ý nghĩa đầy đủ từ lời công bố này. Không cái gì mới sẽ được phát biểu trong toàn bộ Upanishad: chân lí sẽ được kể đi kể lại mãi theo nhiều cách khác nhau. Phần còn lại của cuốn sách này là dành cho những người mù loà trước tia chớp chói lọi của sét, và bưng bình đi tìm kiếm chân lí với sự trợ giúp của chiếc đèn. Với ánh sáng của chiếc đèn này, chân lí có thể được nhặt ra từng dòng một trong lời kinh Ishavasya; nhưng trước hết chủ đề này được trình bày trong tính toàn thể của nó trong lời kinh vĩ đại này. Đây là lí do tại sao tôi nói cho bạn kinh này là duy nhất thế: nó nói mọi điều. Bây giờ chúng ta sẽ cố gắng hiểu nó.

Nó tuyên bố rằng cái toàn thể được sinh ra từ cái toàn thể, và vậy mà cái còn lại đằng sau bao giờ cũng là cái toàn thể; đến cuối cùng cái toàn thể được hấp thu vào trong cái toàn thể; và thậm chí thế thì cái toàn thể không tăng thêm chút nào, nó vẫn còn như nó trước đây. Đây là một phát biểu phản toán học rất vĩ đại. P.D. Ouspensky đã viết một cuốn sách tên là Tertium Organum. Ông ấy là một nhà toán học có tiếng của Nga, người trong những năm cuối đời, như một đệ tử của một thầy phương tây xuất sắc, Gurdjieff, tự mình đã trở thành nhà huyền học. Ông ấy là một

thiên tài toán học, thông minh của ông ấy thấm suốt độ cao và chiều sâu của đề tài của ông ấy.

Phát biểu đầu tiên ông nêu ra trong cuốn sách tuyệt diệu này là ở chỗ chỉ có ba tác phẩm vĩ đại về tư tưởng trên thế giới. Tác phẩm thứ nhất, mang tựa đề Organum, của Aristotle, cha đẻ của khoa học logic phương Tây. Organum nghĩa là nguyên lí về tri thức. Cuốn sách thứ hai là của Francis Bacon và có tên là Novum Organum - nguyên lí mới về tri thức. Và cuốn sách thứ ba là cuốn của riêng ông ấy, được mang tên Tertium Organum - nguyên lí thứ ba về tri thức. Ông còn viết tiếp sau phát biểu này một câu ngắn mà đã từng thách đố cho nhiều người: “Trước khi cuốn thứ nhất tồn tại, đã có cuốn thứ ba rồi.” Tức là, nguyên lí thứ ba đã có trên thế giới này trước khi nguyên lí thứ nhất được phát hiện ra. Cuốn sách thứ nhất do Aristotle viết ra hai nghìn năm trước đây, cuốn thứ hai do Bacon viết ba trăm năm trước đây, và cuốn thứ ba mới được viết ra quãng bốn mươi năm trước đây. Nhưng Ouspensky nói cuốn thứ ba đã tồn tại trên thế giới này trước khi cuốn thứ nhất được viết ra, mặc dầu ông ấy đã viết cuốn sách thứ ba này chỉ bốn mươi năm trước đây. Khi bất kì ai hỏi ông ấy ý nghĩa của phát biểu kì dị, phi logic này, ông ấy trả lời, “Bất kì cái gì tôi đã viết ra đều không được viết ra bởi tôi. Nó đã tồn tại trong sự tồn tại rồi; tôi đã đơn giản tuyên bố nó thôi.”

Trái đất này đã dưới ảnh hưởng của lực hấp dẫn từ trước khi Newton được sinh ra. Trái đất hấp dẫn hòn đá từ trước sự ra đời của ông ấy theo hết như cách nó đã tiến hành từ trước tới nay. Newton đã không phát minh ra nguyên lí hấp dẫn, ông ấy chỉ làm lộ nó ra. Ông ấy đã mở ra cái bị giấu kín, ông ấy làm cho mọi người biết tới cái còn chưa được biết. Nhưng lực hấp dẫn đã có đây từ trước Newton; bằng không bản thân Newton đã không thể có đó được. Newton không thể đã được sinh ra mà không có lực hấp dẫn. Lực hấp dẫn có thể tồn tại không có ông ấy, nhưng ông

ấy không thể tồn tại không có lực hấp dẫn của trái đất. Nó đã tồn tại nhưng còn chưa được biết tới trên thế giới thôi.

Ouspensky nói nguyên lý thứ ba của ông ấy tồn tại từ trước khi nguyên lý thứ nhất đã được biết tới. Nó không được biết tới là vấn đề hoàn toàn khác; và có lẽ nói nó không được biết cũng là sai, vì điều Ouspensky đã nói qua cuốn sách của ông ấy đã được hàm chứa trong lời kinh nhỏ bé này. Cuốn Tertium Organum của ông ấy là một cuốn sách rất có giá trị. Ông ấy nói rằng chỉ có ba cuốn sách vĩ đại như thế trên thế giới thôi - và cuốn thứ ba của ông ấy - cũng không phải là sai. Ông ấy không nói vậy từ điều hão huyền đâu, đây là sự kiện. Cuốn sách của ông ấy quan trọng như thế. Nếu ông ấy không nói như vậy, im lặng của ông ấy sẽ chỉ là khiêm tốn giả. Nó là sự kiện, cuốn sách của ông ấy là quan trọng. Nhưng mọi điều ông ấy nói trong đó đều có trong lời kinh nhỏ bé này của Ishavasya Upanishad.

Trong toàn bộ cuốn sách của mình ông ấy đã cố gắng để chứng minh rằng có hai loại số học trên thế giới. Một là ở chỗ nói hai cộng với hai là bốn. Đây là số học đơn giản tất cả chúng ta đều biết, một tính toán đơn giản kiểm chứng rằng nếu chúng ta cộng tất cả các bộ phận của một vật, chúng không bao giờ có thể lớn hơn cái toàn thể của nó. Số học đơn giản nói rằng nếu chúng ta bẻ một vật thành nhiều mảnh thể rồi cộng các mảnh đó lại, tổng của chúng không bao giờ có thể vượt quá cái toàn thể. Đây là một sự kiện đơn giản, trực tiếp. Nếu chúng ta đổi một ru pi thành một trăm xu, tổng của một trăm xu này không bao giờ có thể lớn hơn một ru pi được. Nó có thể lớn hơn được không? Chính số học đơn giản là việc cộng các bộ phận không bao giờ có thể lớn hơn cái toàn thể. Nhưng Ouspensky nói còn có một toán học khác, cao hơn, và đó là toán học của cuộc sống. Trong toán học này, không nhất thiết là hai cộng với hai phải bằng bốn. Lúc thì hai cộng với hai có thể là năm - hay ba. Trong cuộc sống, ông ấy bảo chúng ta, tổng của các bộ phận đôi khi vượt quá cái toàn

thể. Chúng ta sẽ phải hiểu điều này rõ ràng hơn chút ít, vì nếu chúng ta không thể hiểu được nó chúng ta sẽ không có khả năng hiểu được đầy đủ ý nghĩa của lời kinh đầu tiên và cuối cùng của Ishavasya.

Một họa sĩ vẽ một bức tranh. Giả sử chúng ta ước lượng về giá vật liệu của anh ta. Màu giá bao nhiêu? Chẳng nhiều mấy, chắc chắn. Còn vải vẽ? Cũng không mấy. Nhưng không công trình nghệ thuật lớn nào, không một bức tranh đẹp nào, đơn thuần là pha trộn màu sắc được thêm lên vải vẽ: nó là cái gì đó nhiều hơn.

Một nhà thơ soạn ra một bài thơ, một bài ca. Tất cả các từ được dùng trong đó đều hoàn toàn là những từ bình thường chúng ta vẫn dùng hàng ngày. Có lẽ bạn có thể gặp một hay hai từ trong đó ít được dùng thường xuyên hơn; dù vậy, chúng ta vẫn biết chúng. Vậy mà không bài thơ nào đơn giản là tuyển tập các từ. Nó là cái gì đó nhiều hơn tuyển tập và bố trí từ ngữ. Một người chơi đàn sitar; hiệu quả được tạo ra trong tim ta khi nghe những nốt nhạc này của đàn sitar không chỉ đơn thuần là tác động của âm thanh. Cái gì đó hơn nữa làm chúng ta xúc động.

Chúng ta hiểu hiện tượng đó theo cách này. Trong khi nhắm mắt, một người chạm vào tay bạn một cách yêu mến. Lần nữa, cũng người đó chạm vào tay bạn với thất vọng lớn lao. Cái chạm trong cả hai trường hợp là như nhau. Khi có liên quan tới cái chạm thể chất, chạm thân thể không có khác biệt căn bản giữa hai cái chạm này. Vậy mà chắc chắn có một phần tử phân biệt nào đó trong cảm giác về một ai đó chạm vào chúng ta một cách yêu mến: cái chạm của người giận dữ là hoàn toàn khác với cái chạm yêu mến. Và lần nữa, khi ai đó chạm vào chúng ta hoàn toàn dừng đọng chúng ta chẳng cảm thấy gì trong cái chạm đó. Vậy mà hành động chạm là như nhau trong tất cả những trường hợp này. Nếu chúng ta hỏi nhà vật lý, ông ta sẽ đáp rằng mức độ sức

ép được sử dụng trên tay chúng ta từ cái chạm của người khác có thể đo được - thậm chí cả lượng nhiệt truyền từ tay nọ sang tay kia cũng có thể đo được. Tuy vậy, tất cả nhiệt, tất cả sức ép, đều không thể bằng bất kì cách nào phơi bày ra được liệu một người chạm vào chúng ta đã làm như vậy từ yêu hay giận. Vậy mà chúng ta kinh nghiệm khác biệt giữa những cái chạm có khác biệt về chất. Cho nên chắc chắn cái chạm không đơn thuần là tổng của nhiệt, sức ép và điện tích được chuyển vận trong tay: nó là cái gì đó hơn nữa.

Cuộc sống phụ thuộc vào toán học cao hơn. Cái gì đó hoàn toàn mới, và đây ý nghĩa, được sinh ra từ tổng của các bộ phận. Cái gì đó tốt hơn tổng của các bộ phận được tạo ra. Cái gì đó quan trọng được sinh ra ngay từ những cái thấp nhất. Cuộc sống không chỉ là số học đơn giản - nó là số học tinh tế và sâu sắc hơn nhiều. Nó là số học nơi con số trở thành vô nghĩa, nơi qui tắc cộng và trừ trở thành vô dụng. Người không biết tới cái bí mật này của cuộc sống, cái nằm bên ngoài số học thông thường của cuộc sống, sẽ không hiểu ý nghĩa và mục đích của cuộc sống.

Có nhiều điều ngạc nhiên cho lời kinh vĩ đại này. Nó nói rằng:

*Khi cái toàn thể được lấy ra từ cái toàn thể,
chú ý, phần còn lại là toàn thể.*

Theo quan điểm của số học thông thường điều này tuyệt đối không đúng. Nếu chúng ta loại bỏ một phần nào đó của một vật, phần còn lại không thể cùng như nó lúc đầu. Cái gì đó ít hơn sẽ còn lại. Nếu tôi lấy mười đồng khỏi số tiết kiệm có một triệu đồng, tổng số sẽ là cái gì đó ít hơn. Nó sẽ ít hơn thậm chí nếu mười xu được lấy ra. Phần còn lại không thể bằng với số tiền như nguyên gốc ban đầu. Một của cải lớn đến đâu cũng có thể - ngay cả như kho châu báu của Solomon hay Kubla - bị rút bớt nếu chỉ

mười xu bị loại bớt khỏi nó; nó không thể như nó trước đây nữa. Tương tự, dù một của cải lớn đến đâu, cứ thêm mười xu vào, nó vẫn lớn ra. Nhưng theo lời kinh này cái toàn thể có thể bị lấy ra từ cái toàn thể - không chỉ mười xu mà toàn bộ của cải - và phần còn lại vẫn cứ là toàn thể.

Điều này dường như giống việc làm nhảm của người điên có tri thức số học bằng không. Ngay cả người mới bắt đầu cũng biết rằng một vật sẽ ít đi nếu cái gì đó được lấy ra khỏi nó, không thành vấn đề lấy ra ít đến đâu; và nếu cái toàn thể được lấy ra; sẽ không có gì còn lại cả. Nhưng lời kinh này tuyên bố rằng không chỉ cái gì đó, mà cái toàn thể, vẫn cứ còn lại. Những người chỉ biết đến logic của hộp tiền tiết kiệm chắc chắn sẽ không hiểu được hiện tượng này. Hiểu biết dường như từ một chiều hướng hoàn toàn mới.

Tình yêu của bạn có giảm bớt đi khi bạn đem nó cho ai đó không? Bạn có kinh nghiệm thấy bất kì sự khan hiếm tình yêu nào khi bạn cho nó toàn bộ không? Không! 'yêu' là từ mà chúng ta cần để đi tới để hiểu lời kinh này; đây là từ chúng ta sẽ phải dùng. Dù bạn cho đi biết bao nhiêu tình yêu của mình, cái còn lại với bạn vẫn nhiều như nó tự nguyên thủy. Hành động cho nó đi không tạo ra thiếu hụt. Ngược lại, nó tăng trưởng, tăng thêm khi bạn cho nó đi, nó đi vào bạn càng sâu hơn khi bạn phân phát nó càng nhiều hơn. Khi bạn cho nó một cách tự do, sự giàu có tình yêu bên trong bạn bắt đầu phát triển. Người đem cho toàn bộ tình yêu, một cách tự do và không điều kiện, trở thành người sở hữu tình yêu vô tận.

Số học đơn giản không bao giờ có thể hiểu được rằng khi cái toàn thể được lấy ra từ cái toàn thể, phần còn lại là toàn thể. Chỉ tình yêu có thể tìm thấy nghĩa này trong phát biểu này. Einstein không thể giúp gì được. Tìm kiếm loại trợ giúp đó sẽ là vô dụng. Thay vì vậy tới Meera hay Chaitanya đi; qua họ có lẽ bạn có thể

tìm ra cách thức của mình để hiểu, vì đây là một chủ đề liên quan tới cái khác nào đó, chiều hướng không biết, trong đó không cái gì giảm đi khi bị đem cho. Kinh nghiệm duy nhất bạn có mà có khả năng làm cho bạn hiểu được điều này trong tia chớp bất thần của sáng suốt là tình yêu - và trong số một trăm người, chín mươi chín người trong các bạn là mù với kinh nghiệm này. Nếu, trong khi cho đi tình yêu của bạn, bạn kinh nghiệm cảm giác về mất mát, thế thì biết rằng bạn không có kinh nghiệm gì về tình yêu chút nào. Khi bạn trao tình yêu cho ai đó, và cảm thấy bên trong bạn rằng cái gì đó đã biến mất, thế thì biết rằng điều bạn đã cho đi phải là cái gì đó khác. Nó không thể là tình yêu được. Nó phải là cái gì đó thuộc vào thế giới của đô la và đồng bằng. Nó phải là thứ đo đếm được điều có thể được định giá theo con số, cân đong theo số dư và ước lượng theo mét. Nhớ lấy, bất kì cái gì đo đếm được đều là chủ thể cho luật giảm thiểu. Chỉ cái không đo đếm được và không dò được sẽ còn như cũ bất kể bao nhiêu thứ bị lấy ra khỏi nó.

Bạn đã kinh nghiệm rằng tình yêu, khi được trao đi, giảm đi không? Gần như mọi người đều quen thuộc với nó. Nếu ai đó yêu tôi, tôi muốn rằng cô ấy không yêu ai khác nữa, vì lập luận của tôi nói rằng tình yêu bị phân chia là tình yêu bị giảm sút. Cho nên tôi tìm kiếm trở thành người chủ duy nhất và sở hữu tình yêu của cô ấy. Yêu cầu của tôi là ở chỗ người yêu tôi phải không trao dù chỉ một thoáng nhìn yêu đương cho bất kì ai khác; một thoáng nhìn như vậy là chất độc đối với tôi, vì “tôi biết” rằng bây giờ tình yêu của cô ấy với tôi sẽ bắt đầu giảm sút đi. Nếu tôi níu bám vào khái niệm giảm sút tình yêu này, tôi cần phải chấp nhận rằng tôi không có ý tưởng gì về tình yêu là gì. Nếu tôi có bất kì đánh giá cao nào về tình yêu đúng đắn, tôi cũng sẽ muốn người yêu của tôi đi ra và đem tình yêu đó cho toàn thể giới một cách tự do, bởi vì qua việc cho như thế cô ấy sẽ đi tới hiểu ra bí mật của nó

và điều bí ẩn của nó, và khi cô ấy rơi ngày càng đi sâu hơn vào trong tình yêu, tình yêu của cô ấy với tôi nữa, cũng sẽ tràn ngập.

Nhưng không, chúng ta dốt nát về toán học cao hơn này. Chúng ta sống trong thế giới của toán học rất đơn giản nơi mọi thứ đều giảm sút đi qua phân phát; cho nên điều hoàn toàn tự nhiên là mọi người sẽ sợ về hành động cho. Vợ sợ chồng cho tình yêu của anh ấy cho ai đó khác, và chồng sợ rằng vợ mình có thể yêu người đàn ông khác. Thực tại, nói về chồng hay vợ có thể rơi vào tình yêu với ai đó khác là bên ngoài vấn đề, vì cái thế khó xử đó đã tồn tại bên trong gia đình rồi. Khi người mẹ biểu lộ tình yêu với con trai, chồng cô ấy ghen; và khi bố biểu lộ tình yêu với con gái, vợ người đó ghen. Căng thẳng phát sinh trong những hoàn cảnh như thế, vì tình yêu thực vắng bóng. Cái cảm giác mà chúng ta vẫn gọi là *yêu* không phải là tình yêu thực.

Kiểm thử thực sự về tình yêu nằm ở chỗ liệu nó có vượt ra ngoài luật số lượng không. Tình yêu là không đo đếm được. Vứt bỏ ảo tưởng của bạn rằng tình yêu thực suy giảm khi nó được chia sẻ. Chướng ngại là ở sự kiện rằng tất cả những kinh nghiệm khác có sẵn cho chúng ta đều là đo đếm được. Bất kì cái gì chúng ta có đều có thể đo đếm được; giận của chúng ta, ghét của chúng ta, và tất cả những tình cảm khác đều có thể đo đếm được.

Kinh nghiệm duy nhất vượt ra ngoài đo đếm là yêu; và yêu là không được biết với bạn. Đây là lí do tại sao bạn thấy khó hiểu thế về Thượng đế là gì. Người hiểu tình yêu thực là gì không lo nghĩ về việc hiểu Thượng đế, vì nếu bạn biết yêu bạn biết Thượng đế - chúng là một phần và một mảnh của cùng một số học, chúng thuộc về cùng chiều. Người đã hiểu tình yêu thực sẽ nói, “Cũng được cho dù tôi không biết đến Thượng đế. Tôi đã biết tình yêu, thế là đủ. Mục đích của tôi đã được đáp ứng - tôi đã biết! Tôi đã được điếm đạo vào thế giới cao hơn đó, thế giới mà

việc chia sẻ không đem tới suy giảm, nơi mọi thứ đều được trao một cách tự do và dư dả, vẫn cứ còn lại với người cho.”

Và nhớ lấy, khi bạn cảm thấy bên trong mình một loại tình yêu vẫn còn là toàn thể ngay cả sau khi nó đã được trao đi trong tính toàn bộ của nó, thế thì nhu cầu của bạn về tình yêu của người khác sẽ biến mất, vì tình yêu của riêng bạn không thể tăng lên dù bạn có nhận được tình yêu nhiều đến đâu. Tâm niệm rằng cái không thể bị giảm qua việc đem cho nó đi cũng không thể được tăng thêm lên qua việc nhận nó. Những hiện tượng này xảy ra đồng thời. Cho nên cũng nhận biết rằng bạn không có kinh nghiệm gì về tình yêu chừng nào mà bạn còn cần đòi hỏi nó từ người khác.

Điều đó không chỉ ở trẻ con mà cả người lớn nữa đấy! - tất cả chúng ta đều đòi hỏi tình yêu, và cứ thế mà đòi hỏi về nó. Qua các kiếp sống chúng ta cầu xin tình yêu. Các nhà tâm lý nói rằng chỉ có một vấn đề trong các kiếp của chúng ta, và đó là nỗi lo âu của chúng ta về cách nhận được tình yêu từ người khác. Tất cả mọi căng thẳng của chúng ta, tất cả mọi lo lắng của chúng ta, nỗi lo sợ và ưu tư đều có thể qui cho duy nhất điều khó xử này; và khi chúng ta không thể tìm thấy được tình yêu, chúng ta tìm kiếm cái thay thế. Qua các kiếp sống của mình chúng ta cố gắng để đạt tới tình yêu; chúng ta ngưỡng mộ mùi thơm của nó, và trong theo đuổi thường xuyên. Tại sao? Trong hi vọng rằng kho dự trữ tình yêu của chúng ta sẽ tăng lên nếu chúng ta nhận nó. Và tất cả những điều này có nghĩa là chúng ta vẫn chưa biết tới tình yêu, vì cái mà tăng lên trong khi nhận thì không phải là tình yêu. Dù khối lượng tình yêu mà chúng ta nhận được nhiều đến đâu không thành vấn đề, tình yêu vẫn cứ còn như nó vậy.

Cho nên người hiểu lời kinh này về tình yêu một cách đầy đủ cũng hiểu hai sự kiện này. Thứ nhất, dù tôi đem cho nó đi nhiều đến đâu, tình yêu của tôi sẽ không giảm đi; và thứ hai, dù tôi

nhận được tình yêu nhiều đến đâu, tình yêu trong tôi sẽ không tăng lên. Cho dù toàn thể đại dương tình yêu xô vào trong tôi, tình yêu của tôi sẽ không tăng thêm lấy một giọt, không giảm đi một giọt nếu tôi đem tất cả nó cho đi.

*Và khi cái toàn thể được lấy ra từ cái toàn thể,
chú ý, phần còn lại là toàn thể*

Toàn bộ vũ trụ này bắt nguồn từ Thượng đế. Nó không nhỏ đâu - nó là vô tận, vô giới hạn, không biên giới. Nó không có chiều hướng, vô thủy, vô chung. Thượng đế vẫn còn là toàn thể mặc dầu cái mệnh mông như thế đã được sinh ra từ ngài. Và ngay cả khi tất cả vũ trụ bao la này trở về trong cái toàn bộ cao nhất đó - sự tồn tại - và một lần nữa lại được nhận chìm vào trong nó, Thượng đế vẫn còn là toàn thể. Sẽ không có tăng lên không giảm đi trong nó.

Chúng ta có hiểu hiện tượng này từ tầm hướng khác. Chúng ta biết đại dương: nó là một kinh nghiệm được các giác quan chúng ta thấy và cảm nhận. Nó có thể giảm đi, nó có thể tăng lên. Bao la như nó, nó không phải là vô giới hạn. Sông chảy vào trong nó liên tục, và không bao giờ nổi ra. Mây trên trời cứ lấy nước của nó và mưa rào xuống đất. Không bao giờ có thiếu hụt nước trong biển. Và cho dù nó có giảm đi, vì nó mệnh mông thế, nó không là vô tận, không vô giới hạn. Hàng nghìn dòng sông chảy vào trong nó khó làm sai biệt dù chỉ một li nước trong khối lượng của nó; nó bao la thế. Nó thách thức trí tưởng tượng để quan niệm cho nổi và khối lượng nước đã được ném vào trong biển cả mọi khoảnh khắc bởi những con sông như Brahmaputra, sông Hằng, sông Amazon. Vậy mà với mọi dáng vẻ biển vẫn còn là vậy. Ngày tiếp ngày tia nắng mặt trời làm khô nước của nó, và mây trên trời được sinh ra từ nó. Mặc cho tất cả những thao tác này biển dường như vẫn còn là hằng số về khối lượng, nhưng

điều đó thực ra không là sự kiện cho hoàn cảnh không tăng hay giảm. Nó giảm đi và nó tăng lên, nhưng nó bao la đến mức chúng ta không biết gì về những thay đổi này.

Nếu chúng ta ngẩng mặt lên trời và tìm trong không gian, chúng ta gặp một kinh nghiệm thuộc loại khác. Mọi thứ đang tồn tại, tồn tại trong không gian. Chính ý nghĩa của không gian là một phần tử mà trong đó mọi thứ được hàm chứa. Không gian là cái mà trong đó tất cả mọi thứ đều được hàm chứa. Cho nên ghi chép lại, rằng không gian không thể tồn tại bên trong bất kì phần tử nào. Nếu chúng ta bắt đầu suy nghĩ rằng không gian bản thân nó phải được chứa bên trong một phần tử nào khác, chúng ta phải quan niệm về ý tưởng của một không gian lớn hơn nào đó. Tình huống này trở nên khó khăn, và chúng ta bị buộc vào trong nguy hiểm mà các nhà logic gọi là hồi qui vô hạn. Điều này là việc lao vào ngu xuẩn bất tận, trong đó bây giờ chúng ta phải xác định bản chất của không gian lớn hơn mà trong đó không gian này được hàm chứa. Câu hỏi trở thành bất tận, vì bây giờ chúng ta cứ phải hỏi mãi, “Và cái gì là bản chất của phần tử bao quanh?”

Không, chúng ta phải chấp nhận rằng mọi thứ đều được hàm chứa bên trong không gian, và không gian không bị chứa. Không gian bao quanh tất cả và không bị bao quanh. Do đó mọi thứ xảy ra bên trong không gian, nhưng nó không được thêm vào bởi sự xảy ra; và mặc dầu mọi thứ bên trong nó đều đi đến kết thúc, không gian không bị giảm đi. Không gian là như nó vậy. Nó vẫn còn trong cái như thế của nó; nó vẫn còn trong hoàn cảnh riêng của nó. Bạn xây toà nhà, một lâu đài tráng lệ; sau một thời gian, lâu đài của bạn sẽ sụp đổ thành đồng đồ nát. Cho nên các lâu đài vươn lên trời xanh sẽ bị thu về mặt đất lần nữa. Không gian sẽ không bị ảnh hưởng gì; nó không bị bớt đi khi bạn xây lâu đài của mình, và nó sẽ không tăng lên khi lâu đài của bạn sụp đổ. Lâu đài được xây dựng bên trong không gian, và tương tự sẽ sụp đổ bên trong không gian. Những biến cố này không gây khác biệt

gì trong không gian. Có lẽ, thế thì, không gian đem chúng ta tới gần sự tồn tại hơn: điều này tôi định giải thích cho bạn.

Không gian ở bên ngoài tầm với của chúng ta, nó là không có chất liệu: và vậy mà, trong khi xây nên một toà nhà hay làm bất kì vật gì khác, chúng ta có cảm giác về không gian tăng lên hay giảm đi. Bạn không thể chiếm chỗ tôi đang ngồi, vì tôi đã chiếm không gian này. Có không gian ở đây mà bạn có thể dùng nếu tôi không lấp kín nó. Ở một chỗ chúng ta chỉ có thể xây dựng một toà nhà; chúng ta không thể dựng lên một toà nhà khác tại cùng chỗ ấy. Tại sao? - vì toà nhà được chúng ta xây dựng đã dùng không gian đó. Bây giờ nếu toà nhà này đã dùng không gian đó, có một cảm giác trong không gian đó có thể được nói là đã bị giảm đi. Chúng ta bị bắt buộc phải xây dựng các toà nhà chọc trời chính xác bởi vì không gian bề mặt đất bị giảm đi từng ngày. Khi giá đất tăng lên, các toà nhà được xây dựng cao hơn và cao hơn và đất trở nên đắt hơn vì ngày càng nhiều đất bị chiếm giữ. Cho nên, khi không gian có sẵn bị giảm đi, các toà nhà leo lên cao hơn và cao hơn. Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ bắt đầu xây dựng những toà nhà dưới đất, vì có giới hạn chiều cao cho điều chúng ta có thể xây dựng.

Chúng ta bận bịu lấp đầy không gian bầu trời của mình, bầu khí quyển của mình. Càng ngày chúng ta càng lấn lên trời, ngấu ngiên ngày càng nhiều không gian hơn. Biết bao nhiêu không gian trống đã giảm đi... Đúng là không gian vô tận trải rộng vào trong cái trống rỗng về mọi phía. Thực sự không thiếu hụt không gian chút nào. Nhưng không không gian nào khác có thể được tạo ra trên đất mà chúng ta đang ngồi. Bất kì chỗ nào các toà nhà đứng, không gian bị dùng. Không gian đất có sẵn cho chúng ta còn lại ít hơn nhiều.

Thượng đế là không giới hạn. Thượng đế không giảm đi. Đại dương, bao la thế với chúng ta, là một giọt tí xíu thế của điều

Thượng đế là gì. Vâng, nó là khổng lồ so với những con sông lớn như sông Hằng và Brahmaputra. Tất cả mọi việc chảy của chúng vào đại dương không tạo ra khác biệt thấy được nào đối với nó; và vậy mà có khác biệt, mặc dầu nó không thể cân đong hay đo đếm được. Lớn hơn biển cả và đại dương rất nhiều là bầu trời; vậy mà đối với chúng ta, điều này nữa cũng có giới hạn. Việc đạt tới khái niệm về Thượng đế cần thêm một bước nhảy nữa, trong đó mọi logic, ý tưởng và tưởng tượng sẽ phải bị vứt bỏ.

Thượng đế có nghĩa là sự tồn tại, hiện hữu - điều đơn giản là: tính đang đây là thuộc tính của Thượng đế. Bất kì cái gì chúng ta có thể làm, nó không tạo ra khác biệt gì cho tính đang đây của ngài. Các nhà khoa học có một cách khác để phát biểu chân lý này. Họ nói, “Không cái gì có thể bị phá hủy.” Điều này có nghĩa là chúng ta không thể loại bỏ được bất kì điều gì khỏi tính đang đây của nó. Nếu chúng ta muốn phá hủy một mẫu than, chúng ta có thể biến nó thành tro, nhưng tro đó sẽ tồn tại. Chúng ta thậm chí có thể vứt nó xuống biển; nó sẽ trộn lẫn vào trong nước và sẽ không còn thấy được nữa, nhưng dù hình dạng của nó bây giờ thế nào, nó vẫn sẽ tồn tại. Chúng ta có thể phá hủy hình dạng của nó, nhưng chúng ta không thể phá hủy tính đang đây của nó. Tính đang đây của nó sẽ vẫn còn mãi mãi. Bất kì cái gì chúng ta cứ làm với nó, sẽ không tạo ra khác biệt gì cho tính đang đây của nó. Tính đang đây sẽ vẫn còn. Tất nhiên, chúng ta có thể thay đổi hình và dạng của nó; chúng ta có thể cho nó hàng nghìn hình dạng khác nhau - chúng ta có thể biến đổi nó lặp đi lặp lại - nhưng chúng ta không thể thay đổi cái ở bên trong nó. Cái đó sẽ còn lại. Nó đã là gỗ hôm qua, nó là tro hôm nay. Nó là đất sét hôm qua, hôm nay nó là than. Hôm qua nó là than, hôm nay nó là kim cương. Bao giờ cũng thế, nó vẫn đây. Không cái gì tạo ra bất kì khác biệt gì cho nó: nó vẫn còn.

Thượng đế là tính đang đây trong mọi thứ - hiện hữu của chúng, sự tồn tại của chúng. Mọi thứ có thể được tạo ra theo bất

kì số lượng nào, nhưng sẽ không có việc bổ sung thêm nào cho tính đang đây; chúng có thể bị phá hủy theo bất kì số nào mà dầu vậy sẽ không có việc rút bớt trong tính đang đây. Nó sẽ vẫn còn như cũ - không hoen ố, không gấn bó và không bị đụng chạm tới.

Khi chúng ta vẽ một đường trên mặt nước, cho dù nó tan biến ngay khi được vẽ ra, cái gì đó đã xảy ra. Thậm chí không một đường tạm thời như thế này có thể được vẽ vào trong sự tồn tại - thậm chí ngắn này là không có thể. Lời kinh này nói rằng cái toàn thể này đã đi ra từ cái toàn thể kia. Cái kia là không biết; cái này đã biết. Cái này mà thấy được đã đi ra từ cái kia, cái không thấy được. Cái này mà chúng ta biết được đã đi ra từ cái kia mà chúng ta không biết. Điều này mà chúng ta kinh nghiệm qua đã đi ra từ điều kia mà nằm bên ngoài kinh nghiệm của ta.

Hiểu hiện tượng này cho đúng. Bất kì cái gì rơi vào bên trong kinh nghiệm của chúng ta bao giờ cũng đến từ cái nằm bên ngoài kinh nghiệm của chúng ta. Bất kì cái gì được chúng ta thấy đều nổi lên từ cái không thấy được. Điều chúng ta biết đến từ cái không biết; và bất kì cái gì quen thuộc với chúng ta đều dẫn ra từ cái không quen biết. Nếu chúng ta gieo một hạt mầm, cây mọc lên từ nó. Nếu chúng ta đập hạt mầm và nghiền vụn nó thành từng mảnh, sẽ không có cây. Sẽ không có dấu vết gì của hoa mà đáng ra sẽ nở. Sẽ không có dấu vết gì của những cái lá mà đáng ra sẽ xuất hiện. Chúng tới từ đâu?

Chúng tới từ cái vô hình. Chúng được tạo ra bởi cái vô hình. Mọi khoảnh khắc cái vô hình đang được biến đổi thành cái hữu hình, và cái hữu hình đang mất đi vào cái vô hình. Mọi khoảnh khắc cái vô hạn đi vào trong cái hữu hạn và mọi khoảnh khắc trở lại từ nó. Cũng hết như qua trình thở của chúng ta - hít vào và thở ra. Cái toàn thể của sự tồn tại liên tục hít vào và thở ra. Những người biết đến bí mật của quá trình thở của sự tồn tại gọi nó là sáng tạo và triệt tiêu. Họ nói sáng tạo xảy ra khi sự tồn tại hít

vào, và triệt tiêu xảy ra khi sự tồn tại thở ra, và giữa hai hơi thở này chúng ta trải qua vô hạn kiếp sống. Khi sự tồn tại thở vào rồi thở ra, chúng ta trải qua vô hạn lần sinh thành, không thể đếm được số lần chúng ta tới và đi.

Lời kinh này nói lên hai điều. Thứ nhất, đó là cái toàn thể tới từ cái toàn thể và cái còn lại là cái toàn thể. Thứ hai, đó là khi cái toàn thể bị hấp thu vào trong cái toàn thể, nó vẫn là cái toàn thể. Cái toàn thể đó bao giờ cũng vẫn còn trinh bạch, bao giờ cũng chưa bị động tới. Không cái gì ảnh hưởng tới trinh bạch của nó. Đây là vấn đề rất khó hiểu. Nó giống như thế này: một đứa trẻ được sinh ra, nhưng người mẹ vẫn còn trinh. Câu chuyện như thế đã được kể về Jesus và mẹ của ông ấy, Mary. Sau khi sinh ra Jesus, Mary được gọi là đức mẹ đồng trinh đầy ân huệ. Câu chuyện này lan truyền trong những người biết và hiểu về Jesus và Mary, và nó đích xác giống như sinh thành của sự tồn tại; cái toàn thể tới từ cái toàn thể.

Ki tô giáo không có khả năng giải thích biến cố này. Người Ki tô giáo đã bị trở ngại bởi khái niệm về sinh thành đồng trinh. Họ dốt nát về số học mà có thể để cho người mẹ còn đồng trinh sau khi đã sinh con. Họ không biết chút nào về số học đó; họ hoàn toàn dốt nát về toán học cao hơn. Ki tô giáo bị thách đố lớn. Người Ki tô giáo hỏi, “Làm sao chúng ta có thể giải thích hiện tượng này được? Điều ấy không thể được - đây là phép màu! Điều ấy tuyệt đối không thể được nhưng nó đã xảy ra, Thượng đế đã cho chúng ta thấy phép màu.”

Bất kỳ phép màu nào được sự tồn tại trưng ra trong thế giới này đều được trưng ra bởi mọi khoảnh khắc của nó. Không có phép màu nào xảy ra trong thế giới này - hay, để thấy nó theo cách khác, việc xảy ra của mọi khoảnh khắc đều là phép màu. Tất cả đều là phép màu. Khi cây lớn lên từ hạt mầm, đây là phép màu; và khi đứa trẻ được sinh ra từ bụng mẹ, đây là phép màu. Không, không có gì lạ ở đây cả: vũ trụ bao la này được sinh ra từ

cái toàn thể, vậy mà cái mà nó tới từ đó không bị động chạm. Nếu người mẹ đi sâu đến mức bà ấy bị cuốn hút - theo ý nghĩa của lời kinh này - vào trong cái toàn thể, thế thì đâu là khó khăn trong việc vẫn còn trinh bạch sau khi sinh con? Nếu người mẹ hội nhập vào trong lời kinh này, trở thành một với nó, cô ấy có thể trở thành người mẹ và vẫn còn trinh bạch.

Nhưng người tìm kiếm phải hiểu lời kinh này cho đúng - và tôi đang nói điều này bởi vì tôi thấy ham muốn của bạn để đạt tới. Bạn muốn đạt được cái gì đó. Người tìm kiếm thực sự không nói về tất cả những điều này: sau hết, cái gì có thể xảy ra chỉ bởi việc nói? Người đó biết rằng người đó không biết; và trong bất kỳ hoàn cảnh nào điều gì có thể xảy ra chỉ qua việc biết? Người đó sống nó. Người đó có ý thức. Có lẽ bạn sẽ hiểu dễ dàng thông qua thực nghiệm cá nhân hơn là bạn sẽ hiểu qua lời tôi. Cho nên thực nghiệm đi. Tự tham dự vào trong một hành động thường lệ, nhỏ bé, và có ý thức vào mọi lúc: Nó đang xảy ra - tôi không làm nó. Thử nó đi. Thấy nó, trong khi làm bất kỳ cái gì. Thấy nó trong khi ăn, thấy nó trong khi bước dọc đường, thấy nó khi bạn đang giận ai đó. Và nhận biết rằng sự việc đang xảy ra. Đứng đằng sau và là nhân chứng cho điều đang xảy ra - thế thì bạn sẽ phát hiện ra bí mật của lời kinh này. Bạn sẽ giữ chìa khoá bí mật trong tay bạn. Bạn sẽ hiểu rằng cái gì đó đang xảy ra bên ngoài và bạn đang đứng đằng sau, không động chạm và không liên quan. Như bạn đã vậy trước khi làm nó, cho nên bạn vẫn còn lại sau đó, và sự kiện xảy ra ở giữa đến như giấc mơ, và qua đi như giấc mơ.

Với sự tồn tại, luân hồi *samsara* - bánh xe cuộc sống - không nhiều hơn mơ. Nếu nó trở thành mơ với bạn nữa, thế thì bạn trở thành không tách biệt khỏi sự tồn tại. Tôi nhắc : với sự tồn tại, luân hồi không gì nhiều hơn mơ; và chừng nào luân hồi còn hơn là mơ đối với bạn, bạn sẽ kém hơn sự tồn tại. Cái ngày luân hồi trở thành như mơ với bạn, bạn là sự tồn tại. Thế thì bạn có thể nói, “Ta là Brahman.”

Đây là lời kinh sâu sắc thế. Không ai biết được bao nhiêu bí mật được hàm chứa bên trong nó. Phần còn lại là toàn bộ ngay cả khi cái toàn thể được lấy ra khỏi nó. Tâm niệm cả hai điều này - cái toàn thể còn lại, và cái toàn thể được lấy ra: nó đi toàn bộ, nó còn lại toàn bộ! Điều này nghĩa là gì? Nó có nghĩa là mọi cá nhân cũng là sự tồn tại, trong sự toàn bộ. Mỗi và mọi cá nhân, và mỗi và mọi nguyên tử, là sự tồn tại toàn bộ. Không phải là một nguyên tử là sự tồn tại bộ phận - không, nó là sự tồn tại trong toàn bộ. Bởi điều này không được biết tới trong số học thông thường của chúng ta, có hơi chút khó hiểu.

Nếu bạn đã hiểu rằng cái toàn thể đến từ cái toàn thể, và cái còn lại là cái toàn thể, thế thì tôi có thể nói thêm cho bạn. Cái toàn thể vô tận đến từ cái toàn thể, và dầu vậy cái còn lại là toàn thể. Nếu sau khi một cái toàn thể nổi lên, không có khả năng nào cho cái toàn thể khác xuất hiện, điều đó có nghĩa là một khiếm khuyết nào đó được gây ra bởi việc sinh thành nên cái toàn thể thứ nhất. Nhưng nếu, sau khi cái toàn thể thứ nhất nổi lên, cái toàn thể thứ hai xuất hiện, cũng nhiều như cái toàn thể này, và cái thứ ba cũng thế - nếu những cái toàn thể liên tiếp cứ nổi lên và dầu vậy bao giờ cũng có nhiều tiềm năng cho việc nổi lên của các cái toàn thể - thế thì cái còn lại quả thực là cái toàn thể.

Do đó không phải bạn là một phần của sự tồn tại; nói điều này là sai lầm. Bất kì ai nói bạn là một phần của sự tồn tại đều sai. Người đó nói về toán học thấp hơn. Người đó đang nói về cái thế giới mà hai cộng với hai là bốn. Người đó đang nói về thế giới của cân đong và đo đếm. Tôi bảo bạn, và Upanishad bảo bạn, và những người đã từng biết tới chân lí bảo bạn, rằng bạn là sự tồn tại trong toàn bộ. Điều này không có nghĩa là người hàng xóm của bạn không phải là sự tồn tại trong toàn bộ.

Không, sự kiện này không thể thay đổi được. Một bông hồng nở trên bụi cây - và việc nở hoa tới độ cao nhất; nhưng tính toàn

bộ của việc nở hoa của nó không ngăn cản việc nở hoa của nụ hoa bên cạnh nó. Giúp đỡ và hợp tác trở thành có thể, nhưng chắc chắn không có cản trở. Một nghìn bông hồng có thể nở tới độ tròn trịa nhất: tính toàn bộ của sự tồn tại là tính toàn bộ vô tận. Từ tính toàn bộ vô tận này, các cái toàn thể vô tận có thể được sinh ra. Từng cá nhân đều là sự tồn tại trong toàn bộ. Từng nguyên tử đều là vũ trụ bao la này trong toàn bộ; không một chút xiu khác biệt nào giữa nó và cái toàn thể. Nếu có bất kì khác biệt nào thế thì nó không bao giờ có thể là cái toàn thể được, thế thì không có cách nào để làm nó thành cái toàn thể; và nếu nó sẽ trở thành cái toàn thể, thế thì nó là toàn thể ngay lúc này - chúng ta đốt nát về sự kiện đó. Khiếm khuyết này đơn giản là trong tri thức của chúng ta.

Lưu tâm tới lời kinh này trong những ngày *sadhana* của chúng ta - công việc chúng ta cùng nhau. Lặp lại cho bản thân bạn, “Cái toàn thể đến từ cái toàn thể, và cái còn lại là toàn thể. Khi cái toàn thể được hấp thu vào trong cái toàn thể, cái toàn thể vẫn còn là cái toàn thể.” Tất cả nó đều không tạo ra khác biệt nào! Nhớ điều này trong tâm trí, và cứ lằm bằm nó bên trong bạn với từng hơi thở của bạn. Mỗi ngày nhiều việc diễn giải của nó sẽ được khai lộ ra dưới nhiều dạng khác nhau và trong nhiều cách khác nhau. Giữ lời kinh này trong tâm trí, và khi chúng ta tiếp tục khám phá nó, cứ đi sâu hơn mãi vào trong ý nghĩa của nó, và vào trong ghi nhớ của bạn về nó. Để những quá trình này cứ làm việc bên trong bạn. Trong bây giờ này có thể là vào bất kì lúc nào cái gì đó có thể xảy ra - bất thình lình lời kinh này có thể bật ra từ môi bạn, và bạn sẽ cảm thấy cái toàn thể đến từ cái toàn thể, và cái toàn thể còn lại. Cái toàn thể mất đi trong cái toàn thể và vậy mà cái toàn thể vẫn còn là cái toàn thể. Không có gì khác biệt gì cả. Tất cả những điều này xảy ra tựa một giấc mơ và thế mà chẳng cái gì thực sự xảy ra cả. Tất cả những điều này xảy ra tựa như mơ và vậy mà không cái gì thực sự xảy ra. Tất cả những điều

này giống như đóng kịch, vậy mà cái toàn thể vẫn còn không bị quấy rối và không bị động chạm tới như bao giờ.

Nhớ lời kinh này nhiều nhất có thể được có thể sẽ có ích cho bạn. Cố sống theo tinh thần của nó hai mươi bốn giờ một ngày.

Bản chất của Upanishad không thể được hiểu thông qua một mình tâm trí; nó phải được lĩnh hội bằng việc sống nó. Kinh này không tuyên bố về lý thuyết; nó trình bày sadhanas nào đó, những thực hành nào đó. Nó không chỉ bao gồm những kết luận tới được với sự giúp đỡ của tri thức; nó tuyên bố kinh nghiệm. Khi bạn sống với những kinh nghiệm này bên trong bản thân bạn - cho chúng sinh ra trong bản thân bạn, cho phép chúng đi vào máu, xương, thịt và các mô của bạn, cho phép chúng hội nhập vào trong hơi thở của bạn; khi bạn sống trong lắng nghe, nhớ và lẩm nhẩm về chúng trong lúc trải qua các việc thường ngày của bạn như thức, đứng, ngồi và ngủ - thế thì, và chỉ thế thì bí mật của chúng, những cánh cửa của chúng, bắt đầu mở ra cho bạn.

Bạn chỉ được trao cho lời công bố đầu tiên trong lời kinh này. Họ phải là những người rất xuất sắc đã nói, như họ đã làm, tất cả những cái có đó để được nói chỉ trong một lời kinh này. Nó đi tới đầu kết thúc tuyên bố sự lắng xuống của ba dạng đau đớn:

Om. Shanti, shanti, shanti.

Lời kinh này có thể có quan hệ gì với việc làm lắng xuống của nỗi đau ba lần này? Liệu khổ sở của bất kì ai có kết thúc được bằng cách tụng niệm công thức nào đó không? Không, nhưng hiền nhân này nói, “Om!” và điều đó kết thúc vấn đề. Liệu tất cả mọi khổ sở của bạn có hết không, liệu bạn có trở nên thoát khỏi chúng bằng việc tụng niệm lời kinh này không?

Nếu nó được tụng niệm trong tất cả sự chân thành, với đầy hiểu biết, điều ấy là có thể đấy. Nếu nó đơn thuần được đọc ra từ sách, điều ấy chẳng bao giờ có thể. Điều này là nói rằng nếu nó được tụng niệm với thái độ, “Mình đã đọc điều này rồi - Mình đã nghe điều này rồi,” thế thì không cái gì là có thể. Nhưng với những người đã nói, “Om!” bằng tất cả dũng cảm và bạo dạn của họ, mọi vấn đề xong rồi. Tất cả mọi khổ của người đã hiểu chân lý đều được chấm dứt. Tất cả ưu phiền của thân thể, tâm trí và linh hồn họ đều biến mất. Người như thế vượt ra ngoài ưu phiền.

Bạn nghĩ, “Phải có ý nghĩa nào đó khi ông ấy nói điều này với sự dễ dàng thế, tin tưởng thế.” Ý nghĩa là thế này: bất kì ai sống lời kinh này, bất kì ai cho sinh thành ra nó bên trong bản thân mình, sẽ kinh nghiệm bản thân mình thoát khỏi mọi ưu phiền, bởi vì chỉ có một loại ưu phiền, chỉ có một nỗi đau - dù đó là ở mức độ tâm trí, thể chất hay tâm linh; chỉ có một loại thôi, và đó là bản ngã. “Tôi đang làm điều này - điều này do *tôi* làm đấy,” là ưu phiền duy nhất, chướng ngại duy nhất. “Xúc phạm này nhằm vào *tôi* - tôi bị lăng mạ vậy ...” Tất cả những sự xảy ra này tích lũy quanh cái *tôi* này. Nhưng khi một vũ trụ bao la như thế không tạo ra khác biệt gì với sự tồn tại, và để nó không bị động chạm tới, tôi có phải cho phép những điều tầm thường như vậy ảnh hưởng tới tôi không? Chẳng lẽ tôi không thể vẫn còn không bị đụng chạm được sao? Chẳng lẽ tôi không thể đứng sang bên và nói, “Xúc phạm này đã không được trao cho *tôi*” sao; và, “Bất kì điều gì tôi đã làm đều đã được làm rồi. Tôi đã không làm nó.” Nếu tôi trở thành nhân chứng cho những hành động xảy đến với tôi và tiến hành từ tôi - nếu tôi đừng là người làm - thế thì những bí mật kì diệu bắt đầu lộ ra.

Cho nên thử sống lời kinh này trong bảy ngày này đi. Trong khi tôi đang nói về Ishavasya Upanishad bạn sẽ nghe kinh này được diễn giải từ nhiều góc độ khác nhau. Nếu bạn cố sống theo

diễn giải tôi đã nêu ra hôm nay, hiểu biết chắc chắn sẽ tới với bạn; không có điều ngược .

Đây là đủ về lời kinh. Bây giờ tôi sẽ nêu ra một số hướng dẫn liên quan tới thiền, vì sáng mai chúng ta sẽ bắt đầu thực hành thiền. Điều đầu tiên phải lưu tâm là trong cả ngày thở thật toàn bộ hết mức và, bất kì khi nào bạn nhớ ra, hít vào thật sâu hết mức. Thật nhiều ô xi! Năng lượng bạn giải phóng ra cho công việc của bạn sẽ tỉ lệ trực tiếp với việc lấy vào hơi thở của bạn. Rất nhiều năng lượng nằm ẩn trong thân thể bạn. Nó phải được khuấy động và kích hoạt hướng tới thiền; nó phải được chuyển kênh vào thiền. Cho nên lời kinh thiền đầu tiên tôi trao cho bạn là để kích hoạt năng lượng đó. Phương tiện gần nhất và dễ nhất có sẵn cho bạn là hoạt động thở của bạn.

Ngay khi bạn thức dậy vào buổi sáng và trở lại với ý thức, bắt đầu thở sâu, vẫn ngồi trên giường. Khi bạn bước đi dọc con đường, thở sâu nhất có thể được. Làm điều đó chậm rãi, đừng quá gắng sức mình, thoải mái và vui vẻ - nhưng nhớ, hơi thở của bạn phải sâu. Nhớ trong tâm vào mọi lúc rằng bạn sẽ dễ dàng đi vào trong thiền nếu bạn hít thật nhiều ô xi có thể được. Bạn càng có nhiều ô xi trong máu, trong tim, bạn sẽ thấy việc thiền của mình càng dễ hơn. Bạn càng tổng ra nhiều các bô níc, thiền càng dễ dàng hơn cho bạn. Cái không thuần khiết giảm đi khi bạn làm tăng khối lượng ô xi trong thân thể mình. Điều thú vị là biết rằng tâm trí thấy nó khó vận hành nếu cơ sở của sự không thuần khiết của thân thể bị loại bỏ. Cơ hội cho ý nghĩ nảy nở trong tâm trí bạn sẽ ít đi khi bạn hấp thu nhiều không khí tươi mát; và như tôi đã bảo bạn, điều này sẽ làm tăng thêm tiềm năng cho lời kinh giống thể này nở bung và đâm hoa bên trong bạn.

Cho nên điều thứ nhất là: thật nhiều ô xi. Để có thừa thải ô xi trong bạn đi. Nhớ điều này trong suốt bảy ngày này. Hai hay ba điều sẽ xảy ra nếu bạn làm điều này, nhưng đừng sợ chúng. Khi

bạn bắt đầu thở sâu, giấc ngủ của bạn sẽ ngắn hơn. Điều này không phải là cái gì đó phải lo âu. Khi giấc ngủ sâu và say, việc kéo dài của nó giảm đi, và khi bạn bắt đầu thở sâu hơn, chiều sâu của giấc ngủ của bạn cũng sẽ tăng lên. Đây là lí do tại sao những người làm việc vất vả về thể lực ngủ say thể trong đêm. Chiều sâu của giấc ngủ của bạn sẽ tăng lên tỉ lệ với chiều sâu của hơi thở của bạn, và khi chiều sâu giấc ngủ của bạn tăng lên, việc kéo dài của nó cũng sẽ giảm đi. Đừng lo lắng về điều này. Nếu bây giờ bạn ngủ bảy tiếng, nó sẽ trở thành bốn hay năm tiếng. Đừng lo lắng về điều đó - bạn sẽ tỉnh dậy vào buổi sáng sáng khoái hơn, vui vẻ hơn và mạnh khoẻ hơn từ giấc ngủ năm tiếng này so với bạn vẫn thường tỉnh dậy sau khi ngủ tám tiếng. Cho nên khi giấc ngủ của bạn tới điểm kết thúc vào buổi sáng - và điều này sẽ bắt đầu xảy ra sớm hơn nếu bạn đã thở sâu - bạn nên dậy ngay lập tức. Đừng bỏ lỡ khoảnh khắc phúc lạc ấy của buổi sáng; dùng nó cho thiền.

Điểm thứ hai cần nhớ là ở chỗ bạn càng ăn ít thức ăn, và bữa ăn càng nhẹ, càng tốt hơn cho bạn. Giảm số lượng thật nhiều cho thoải mái nhất có thể được. Nhịp độ thiền của bạn sẽ càng nhanh chóng và dễ dàng hơn nếu bạn ăn càng ít đi. Tại sao có điều này? Có một số lí do có căn cứ cho nó đấy. Thân thể chúng ta có một số thói quen đã lắng đọng. Thiền không nằm trong số đó; nó là công việc mới cho thân thể. Thân thể có những liên kết cố định. Nếu thói quen đã thành hình của thân thể bị ngắt tại bất kì điểm nào, thể thì thân thể và tâm trí chúng ta có thể hình thành thói quen mới một cách dễ dàng. Giả sử bạn là người lo âu, và bắt đầu gỡ đầu theo thói quen. Bây giờ nếu tay bạn bị buộc xuống vào lúc đó để cho bạn không thể gỡ đầu được, thể thì bạn không thể còn bị lo âu. Điều này rất thách thức. Bạn có thể hỏi, “Cái gì là mối quan hệ giữa lo âu và gỡ?” Câu trả lời là thói quen. Thân thể giữ thói quen của nó một cách bền vững và vận hành qua chúng.

Ăn là thói quen được bắt rễ sâu nhất của thân thể; nó là sâu nhất bởi vì không thể có cuộc sống nếu không có nó. Nhớ điều đó trong tâm trí, nó mạnh mẽ hơn và có uy lực hơn dục. Trong mọi thói quen bắt rễ sâu của cuộc sống, thói quen ăn uống là sâu nhất. Nó bắt đầu từ ngày đầu của cuộc đời và tiếp diễn cho đến ngày cuối cùng. Chính sự tồn tại của cuộc sống, bản thân thân thể, phụ thuộc vào nó.

Cho nên, nếu bạn muốn thay đổi thói quen của tâm trí và thân thể bạn, thế thì làm yếu đi cái thói quen sâu xa nhất này ngay lập tức. Ngay khi bạn làm điều này, mọi lẽ thói và cách bố trí thể chất cố định của thân thể bạn sẽ bị khuấy động, và bạn sẽ thấy dễ dàng hơn để đi vào những miền mới, và đi vào những tầm hướng mới với thân thể bạn trong hoàn cảnh đã khuấy động này; bằng không bạn sẽ thấy càng khó khăn hơn. Cho nên tự bản thân bạn cam kết nhiều nhất có thể được theo chiều hướng này đi. Bạn có thể chọn nhịn ăn, hay có lẽ ăn một bữa một ngày. Làm như bạn chọn; không cần qui tắc. Một cách yên tĩnh, và với nhịp độ của bạn, đi theo con đường dễ dàng nhất cho bạn.

Điểm thứ ba là tập trung. Bạn phải thở sâu hai mươi bốn giờ một ngày, và đồng thời nhận biết về việc thở của bạn. Chú ý tới việc thở của bạn, và tập trung sẽ dễ dàng xảy ra. Khi bước đi, đem nhận biết vào việc bước, đem nhận biết vào khi tắm. Tập trung có thể dễ dàng được đạt tới - ngay cả khi bước đi trên đường. Theo cách này: hít vào, bạn quan sát rằng hơi thở từ bên ngoài đi vào bên trong - chăm chú! Giữ việc quan sát hít vào cũng quan sát cả việc thở ra của mình. Nếu bạn chăm chú bạn cũng sẽ có thể thở sâu. Nếu bạn không chăm chú bạn sẽ quên quan sát, và quá trình thở của bạn sẽ trở thành nông. Nếu bạn cứ thở sâu bạn sẽ có khả năng vẫn còn chăm chú vì bạn sẽ phải chăm chú để làm việc thở sâu. Cho nên kết hợp thiền với thở. Khi bạn đang làm việc gì đấy, nếu bạn cảm thấy việc ấy không thể giữ được chú ý của bạn vào việc thở, thế thì giữ tập trung của bạn

vào nhiệm vụ của bạn. Chẳng hạn, khi bạn đang ăn thức ăn, tập trung đầy đủ vào hành động ăn. Lấy mọi miếng nhai với tập trung đầy đủ. Khi bạn đang tắm, tập trung vào nước đang phun lên người bạn. Khi bước trên đường, tập trung vào từng bước bạn đi.

Chìm ngập bản thân bạn vào tập trung trong hai mươi bốn giờ một ngày trong bảy ngày này. Việc thiền chúng ta sẽ thực hiện ở đây là hoàn toàn tách biệt, nhưng tôi đang giải thích cho bạn về nền tảng của điều bạn cần phải làm trong thời gian còn lại. Cho nên thực hành ba điểm này: thật chăm chú, thật tập trung - và đặc biệt vào việc thở của bạn, vì việc thở là quá trình không dừng, hai mươi bốn tiếng một ngày. Không ai có thể cứ ăn hay bơi hay bước liên tục hai mươi bốn tiếng, nhưng thở tiếp diễn không dừng, cho nên việc tập trung có thể được thực hành trên nó vào mọi lúc. Tập trung vào nó! Quên đi rằng có cái khác đang diễn ra trên thế giới. Sống dường như chỉ một điều đang xảy ra trên toàn bộ thế giới này, và đó là việc thở vào và việc thở ra. Thế là đủ; đi theo quá trình thở đi vào và ra giống như chuỗi hạt. Bạn tập trung chỉ vào điều này.

Điểm thứ tư là tước đi cảm giác. Ba điều cần phải được làm. Nếu bạn cảm thấy có khả năng giữ im lặng trong cả ngày, thế thì bắt đầu ngay đi; và nếu bạn thấy điều này là khó, thế thì thật vất vả trong việc nói của bạn. Hiểu rằng bạn đang phải trả giá cho từng lời bạn nói. Cho nên đừng nói quá hai mươi từ trong cả ngày. Chỉ nói khi tuyệt đối cần thiết, khi không thể tránh được - giống như vấn đề sống và chết! Bạn không thể tưởng tượng nổi sẽ ích lợi thế nào cho bạn để giữ im lặng toàn bộ - giá trị của nó không thể tính nổi.

Cho nên để cho bản thân bạn là im lặng toàn bộ; bạn sẽ không thấy điều ấy là khó. Để một tờ giấy và bút chì cạnh mình và nếu bạn thấy tuyệt đối bản chất, viết ra thông điệp của bạn rồi

chỉ nó cho ai đó. Vẫn còn hoàn toàn im lặng. Năng lượng này sẽ giúp bạn đi sâu hơn vào thiền. Quá nửa năng lượng của con người bị tiêu tốn bởi lời nói. Cho nên đừng việc dùng lời hoàn toàn đi. Với năng lực cao nhất của bạn, gìn giữ im lặng; và hết sức chú ý đừng làm tan vỡ im lặng của người khác. Nếu im lặng của bạn bị tan vỡ, đấy là điều không may của bạn, đấy là trách nhiệm riêng của bạn; nhưng thấy rằng bạn không làm tan vỡ im lặng của bất kì ai. Đừng hỏi bất kì ai những câu hỏi vô dụng, đừng đưa ra những yêu cầu không cần thiết, đừng nêu ra những câu hỏi vô dụng, đừng cố kéo bất kì ai vào đối thoại. Hợp tác và giúp đỡ người khác giữ im lặng. Nếu ai đó hỏi một câu hỏi, ra hiệu cho người đó giữ im lặng. Người đó cần được nhắc nhở.

Gạt việc nói sang bên tuyệt đối trong bảy ngày. Bạn đã nói quá nhiều cho tới hôm nay, và bạn sẽ làm như thế trong thời gian bảy ngày. Nhưng trong một tuần này, bỏ việc nói hoàn toàn đi. Mọi người phải cố gắng hết sức. Nếu bạn có thể duy trì im lặng trong cả bảy ngày điều đó sẽ giúp bạn cực kì lớn, và bạn sẽ chẳng cần phải xin lỗi, “Tôi không thể thiền được.” Nếu bạn tuân theo năm hướng dẫn tôi đang trao cho bạn, bạn sẽ chẳng có lí do nào để phàn nàn. Nếu bạn tạo ra vấn đề bởi việc bỏ qua những điểm này, chỉ bạn chịu trách nhiệm. Cho nên giữ im lặng toàn bộ, và nếu bạn không thể làm được điều này - nếu bạn yếu đuối, nếu bạn thiếu quyết tâm, nếu thông minh của bạn không đủ mạnh - thế thì ít nói đến mức có thể được đi. Nếu bạn còn có thông minh nào đó, sức mạnh ý chí nào đó, sức mạnh nào đó, tự tin nào đó, thế thì giữ im lặng toàn bộ.

Im lặng là điều bản chất đầu tiên của chương trình loại bỏ giác quan. Điều thứ hai là bịt mắt. Bạn làm một khăn bịt mắt và bắt đầu dùng nó từ sáng mai. Mắt bạn phải hoàn toàn bị che kín. Mắt là cánh cửa qua đó bạn đi ra. Bạn càng giữ cho chúng đóng điều đó càng tốt hơn cho bạn. Ngay cả khi bạn chỉ ngồi đây, đeo cái che mắt lên, vì thế thì bạn sẽ không thấy người khác, và cơ

hội cho đối thoại sẽ không nảy sinh; và khi thấy bạn bị che mắt, người khác sẽ không thử quấy rối bạn một cách không cần thiết. Cho nên che mắt đi. Bạn đã nghe nói về giữ im lặng; bây giờ tôi yêu cầu bạn phải bịt mù nữa.

Im lặng là một loại giải thoát và bịt mù là giải thoát lớn hơn và sâu hơn, vì chính mắt làm cho chúng ta chạy ra ngoài cả ngày. Bằng việc nhắm mắt, bạn sẽ có ít phạm vi đi ra ngoài nhiều hơn, và năng lượng sẽ bắt đầu luân chuyển bên trong. Cho nên bạn giữ cho mắt được bịt kín. Trong khi bước đi nâng nó lên một chút, đủ để nhìn xuống, đủ để thấy mặt đường quãng một mét hai phía trước bạn. Để cái bịt mắt trong cả ngày. Nếu bạn có thể ngủ mà vẫn đeo nó trong đêm, cứ đeo. Chỉ cởi nó ra nếu bạn thấy bất tiện. Nếu bạn ngủ vẫn đeo nó, sẽ có khác biệt trong việc ngủ ngon giấc của bạn. Bạn cứ giữ nó trong thời gian bạn còn lại ở đây. Khi chúng ta gặp nhau ở đây cho buổi thiền sáng, miếng che mắt phải vẫn còn đeo. Cởi nó ra cho buổi thiền chiều, nhưng vẫn giữ nó cho tới khi bạn tới được nền tảng của thiền. Vào đêm bạn cũng phải đeo khăn che mắt đó. Một lần ở đây, bỏ nó ra trong thời gian thiền đêm.

Cho nên, khi tôi bắt đầu nói vào buổi sáng, bỏ khăn che mắt của bạn ra, và bỏ cả trong buổi thiền chiều và đêm. Tôi đang trao cho bạn những cơ hội này để dùng mắt bạn vì có cơ hội nào đó để thấy thế giới bên ngoài có thể giúp cho mắt bạn quay vào bên trong; bằng không giữ mắt bạn nhắm lại. Bạn sẽ ngạc nhiên biết bao nhiêu căng thẳng tâm trí biến mất khi mắt bạn được giữ nhắm lại. Rất nhiều căng thẳng tâm trí đi vào qua mắt, và chính căng thẳng mắt gây ra căng thẳng trong mô não. Nếu mắt vẫn còn không bị quấy rối, bình thản và thanh thoi, chín mươi chín phần trăm bệnh tật tâm trí sẽ biến mất. Cho nên có ý thức và dùng đầy đủ phương tiện này.

Không có vấn đề về bất kì ai được miễn thứ hay miễn trừ; nếu bạn cố gắng tránh nó, tôi không phải là người mất mà bạn là người mất. Nhớ trong tâm rằng bạn phải vẫn còn mù trong phần lớn thời gian. Bạn phải cho mắt bạn kì nghỉ một tuần; tưởng tượng rằng bạn không có mắt chút nào. Sau bảy ngày bạn sẽ nhận ra mắt bạn có thể được thanh thoi và bình lặng đến đâu. Bạn sẽ không bao giờ tưởng tượng được rằng nhiều vui đến thế có thể tuôn chảy ra từ thanh thoi của chúng này. Nhưng nếu trong những ngày này bạn chọn tự lừa dối mình, thế thì tôi không chịu trách nhiệm. Tất cả đều phụ thuộc vào bạn. Không ai có trách nhiệm cho bất kì ai khác ở đây cả. Bạn có thể tự lừa dối mình hay không, tùy bạn thôi.

Cũng như vải che mắt, lấy miếng bông nút vào lỗ tai. Chúng ta muốn cho tai nghỉ ngơi nữa. Nếu mắt, tai và miệng đều đóng và được nghỉ ngơi, kết quả là một hoàn cảnh cho việc mất giác quan. Nút bông vào tai, thế rồi buộc chặt khăn che vào mắt. Theo cách đó những người khác, nếu muốn, không thể quấy rầy bạn trong im lặng của bạn. Nếu tai bạn để mở ai đó có thể định nói với bạn. Sẽ không có cảm dỗ nào nếu tai bạn bị nút kín. Bạn để mở tai chỉ khi tôi nói ở đây vào buổi sáng, và ban đêm khi bạn đi ngủ. Giữ mắt mở và tai nút kín trong các buổi thiền chiều và đêm.

Hướng dẫn thứ năm và cuối cùng là điều kiện quan trọng nhất và bản chất nhất của tất cả. Nó là thế này: chỉ những người nào đang nhảy múa và cười trong đầy vui và phấn khởi mới vào ngôi đền của sự tồn tại. Không người khóc nào đến được lối vào ở đó. Cho nên vứt bỏ ưu tư và phiền muộn của bạn trong bảy ngày này. Phúc lạc đi! Cười, nhảy múa và vẫn còn vui vẻ. Để phúc lạc có với bạn trong mọi lúc. Vẫn còn phấn khởi và vui vẻ ngay trong việc thường lệ của bạn. Phúc lạc trong khi ngồi hay bước - say sưa với âm nhạc, điên lên với vui! Khi bạn đang bước, đừng bước như mọi người vẫn thường bước; bước như

người tìm kiếm, như một *sadhu* bước, với vũ điệu trong bước chân bạn. Đừng lo nghĩ về điều người khác có thể nói. Chúng ta tới đây là để được tự do với mọi phê phán của người khác. Tệ nhất người khác có thể cho là bạn gàn dở, người trên cung trăng. Vậy chấp nhận tình huống ấy ngay từ đầu đi; đây là điều xấu nhất có thể xảy ra. Cố tạo ra bầu không khí phúc lạc và vui vẻ cho toàn bộ trại.

Giữ im lặng - im lặng rạng ngời với vui mừng và khoan khoái, im lặng nhảy múa trong nô giỡn và hớn hờ; im lặng ở bên ngoài, và năng lượng nhảy múa bên trong. Trong vui mừng của bạn, nhảy múa và cười đùa. Nếu bạn cảm thấy phải nhảy múa thậm chí trong phiên thiền im lặng buổi chiều, bạn có thể làm như vậy. Tràn đầy vui vẻ và hạnh phúc ngay cả trong phiên thiền buổi sáng ở đây. Nếu bạn muốn, nếu bạn cảm thấy thích nó, thậm chí trong thiền cũng có thể nhảy, múa và cười được. Nếu bạn khóc, để cho việc khóc đó là kết quả của vui vẻ của bạn. Để cho nước mắt bạn giúp cho phúc lạc của bạn tuôn chảy. Nhớ tất cả những điều này trong tâm trí. Nếu bạn muốn đừng đưa, thế thì đừng đưa. Nếu bạn muốn nhảy múa trong buổi thiền đêm, thế thì nhảy múa. Nếu bạn muốn nhún nhảy ra trước ra sau, làm điều đó. Nếu bạn muốn cười, thế thì cười. Rung động của vui vẻ bao giờ cũng nên có cùng với bạn.

Năm điều này là để thực hành từ sáng mai. Cho nên thu xếp từ bây giờ để có khăn bịt mắt và bông nút tai. Đến lúc mặt trời lên sáng mai bạn sẽ không là cùng con người đã đến đây hôm nay nữa. Đây là trông đợi của tôi. Làm điều tôi đã nói, và nếu bạn hoàn thành trông đợi của tôi, chẳng cái gì có thể ngăn cản bạn có khả năng nói, “*Om. Shanti, shanti, shanti!* - an bình, an bình, an bình!” khi bạn khởi hành từ đây. Nếu, khi bạn rời khỏi đây, trái tim bạn có thể thốt ra những lời này, thế thì không có khó khăn gì với bạn cả.

Không của tôi không của bạn

*Tất cả mọi thứ trong thế giới này, hữu cơ và vô cơ,
đều tràn ngập với Thượng đế.
tận hưởng chúng qua việc từ bỏ chúng.
được tách rời;
đừng thêm muốn giàu có của người khác.*

Lời tuyên bố bản chất của Ishavasya Upanishad, chính nghĩa của tiêu đề của nó, Ishavasya, là: Mọi thứ đều là của Thượng đế. Tất cả mọi thứ đều thuộc về Thượng đế. Nhưng tâm trí con người

cố gắng biện minh rằng tất cả đều là của chúng ta, và chúng ta sống trong ảo tưởng này qua bao nhiêu kiếp sống. Cái gì đó là của tôi. Cái ý tưởng về quyền làm chủ và sự sở hữu - nó là của tôi!

Khi mọi thứ là của sự tồn tại, không chỗ nào còn lại cho cái ‘tôi’ này của tôi đứng đấy. Nhớ lấy, để biểu lộ cho nó ngay cả bản ngã cũng cần một cơ sở. Để tồn tại, ngay cả cái ‘tôi’ cần sự hỗ trợ của cái ‘của tôi’. Nếu hỗ trợ của cái ‘của tôi’ không có đó, sẽ không thể tiến tới được cái ‘tôi’. Từ một quan sát nhân quả dường như là cái ‘tôi’ tới trước rồi cái ‘của tôi’ theo sau nó. Nhưng sự kiện là hoàn toàn đảo ngược lại. Trước hết, cái ‘của tôi’ được đặt nền móng, và thế rồi cấu trúc của cái ‘tôi’ được xây dựng lên trên nó. Nếu bất kì cái gì bạn có mà bạn gọi là ‘của tôi’ đều được lôi ra toàn bộ từ hiểu thấu của bạn, thế thì cái ‘tôi’ của bạn sẽ không được cần tới. Nó sẽ biến mất. Cái ‘tôi’ không là gì ngoài một tuyển tập những cái ‘của tôi’. Cái ‘tôi’ được tạo ra từ cơ cấu của cái ‘của tôi’ - của cải của tôi, nhà của tôi, tôn giáo của tôi, đền thờ của tôi, vị trí của tôi, tên tôi, gia đình tôi, và vân vân.

Khi chúng ta cứ ném đi dần từng cái ‘của tôi’ thì cơ sở của cái ‘tôi’ đồng thời cũng bị xói mòn dần đi. Nếu không một cái ‘của tôi’ nào được giữ lại, thế thì không có nền tảng nào để nâng đỡ cho cái ‘tôi’ cả. Cái ‘tôi’ cần chỗ dựa, chỗ trú ẩn, một toà nhà bằng cái ‘của tôi’. Cái ‘tôi’ đòi hỏi hòn đá nền tảng là cái ‘của tôi’, bằng không toàn bộ cấu trúc của cái ‘tôi’ sẽ đổ nhào. Tuyên bố đầu tiên của Ishavasya dự định làm đổ sập toàn bộ cấu trúc này. Hiền nhân này nói, “Mọi thứ là của Thượng đế.” Không có chỗ cho cái ‘của tôi’. Không có cơ hội chút nào để cho cái ‘tôi’ nói với chính nó về cái ‘của tôi’. Nếu nó có thể nói ‘tôi đây’, điều đó là sai. Nếu nó cứ khẳng khẳng nói ‘tôi đây’, thế thì nó là một cái ‘tôi’ bị bối rối. Cần phải hiểu điều này từ hai hay ba quan điểm.

Điều thứ nhất là thế này: bạn được sinh ra, tôi được sinh ra. Nhưng không ai hỏi tôi liệu tôi có muốn được sinh ra hay không; không rắc rối nào đã được tính tới để tìm ra ước muốn của tôi. Việc sinh ra tôi không phụ thuộc vào ham muốn của tôi hay chấp thuận của tôi. Khi tôi biết về bản thân mình, tôi biết bản thân mình đã được sinh ra. Không cái gì giống như bản thể tôi trước việc sinh của tôi. Chúng ta xem xét điều đó theo cách này: bạn đang xây một toà nhà; bạn chưa bao giờ hỏi toà nhà liệu nó có muốn được xây dựng ra hay không. Toà nhà không có ý chí riêng của nó. Bạn đang xây dựng ra nó, và nó được dựng lên.

Bạn đã bao giờ nghĩ rằng bạn cũng chưa lần nào được tư vấn trước việc sinh của bạn không? Sự tồn tại làm cho bạn được sinh ra, và bạn được sinh ra. Sự tồn tại tạo ra bạn, và bạn được tạo ra. Nếu toà nhà trở thành có ý thức, nó sẽ nói, ‘tôi’. Nếu nó trở thành có ý thức, nó sẽ từ chối coi người làm ra nó là người chủ của nó, là người thầy nó. Toà nhà sẽ nói, “Người xây là người hầu của ta; người đó đã xây dựng ra ta. Vật liệu là của ta; nó đã phục vụ ta. Ta sẵn lòng được tạo ra, cho nên người đó đã làm ra ta.”

Nhưng toà nhà không có tâm thức. Con người có. Và thực ra, ai biết được liệu toà nhà có tâm thức hay không? Điều đó là có thể; điều đó có thể là vậy. Có hàng nghìn mức độ tâm thức. Tâm thức của con người là một loại đặc biệt, không nhất thiết mọi vật có cùng loại tâm thức. Toà nhà có thể có tâm thức thuộc loại khác, đá có thể có loại khác nữa, cây loại khác nữa. Có thể là chúng nữa sống trong cái ‘tôi’ riêng của chúng. Khi người làm vườn tưới cây, có thể cây không nghĩ, “Người làm vườn này đang cho ta cuộc sống,” mà thay vì thế, “Ta đang biểu lộ quý mến với người làm vườn này bằng việc chấp nhận phục vụ của người đó. Qua ân huệ của ta, ta chấp nhận phục vụ của người đó.” Không ai đã bao giờ lại gần cây cối để hỏi về ham muốn của nó được sinh ra.

Điều tuyệt đối ngớ ngẩn là gọi điều đó là việc sinh *của tôi* khi nó được gây ra không có ham muốn của tôi. Đây là nghĩa trong việc nói là sinh thành của tôi, mà về nó tôi chưa bao giờ được hỏi đến trước sự sinh thành của tôi? Khi cái chết tới, nó không hỏi sự cho phép của chúng ta. Cái chết sẽ không hỏi chúng ta, “Anh muốn gì? Anh có đi cùng tôi hay không?” Không, khi nó tới, nó tới theo cách riêng của nó, giống như việc sinh tới mà không có việc biết của chúng ta về nó. Cái chết tới không gõ cửa, không cần sự cho phép của chúng ta, không lời hướng dẫn, không báo trước, và đứng yên tĩnh trước chúng ta; và nó không cho chúng ta phương án khác, không chọn lựa. Nó không do dự thậm chí đến một giây, dù chúng ta ước muốn gì. Thật là ngu si hết mức để mà nói cái chết *của tôi* cho cái mà tôi không ham muốn hay sẵn lòng ít nhất.

Việc sinh thành đó không phải là sinh thành của tôi mà trong đó không có chọn lựa về phần tôi. Cái chết mà với nó sự sẵn lòng của tôi là không có liên quan, không phải là cái chết của tôi. Cho nên làm sao cuộc sống nằm giữa hai đầu này có thể là của tôi được? Làm sao khoảng thời gian ở giữa đó là của tôi được, khi cả hai đầu không tránh khỏi của nó - mà không có chúng tôi không thể tồn tại được - không phải của tôi? Đây là lừa dối - lừa dối mà chúng ta cứ làm mạnh thêm, quên đi hoàn toàn sinh và tử. Nhưng nếu chúng ta tư vấn nhà tâm lý về vấn đề này, người đó sẽ nói, “Ông cố tình quên chúng đi, vì chúng là những kí ức buồn thế.” Khi việc sinh ra không phải là của tôi, tôi trở thành tội nghiệp và đáng thương làm sao. Khi cái chết không phải là của tôi, mọi thứ bị giăng khỏi tôi, không cái gì được giữ. Tay tôi vẫn còn trống rỗng. Chỉ có tro tàn còn lại.

Chúng ta dựng lên cây cầu cuộc sống dài giữa hai đầu này, giống như chiếc cầu bắc qua con sông; nhưng không bờ sông nào là của chúng ta cả. Mổ cầu tại cả hai đầu không phải là của chúng ta. Cho nên nghĩ một chút: Làm sao cây cầu trải rộng từ bờ nọ

sang bờ bên kia ngang qua con sông đó có thể là của chúng ta trong khi nền tảng của nó không phải là của chúng ta? Do đó chúng ta cố gắng quên đi việc sinh và tử - những nền tảng của chúng ta.

Nhiều người quên nhiều việc một cách cố ý. Người đó cố gắng không nhớ, vì việc nhớ có thể phá tan tất cả bản ngã của người đó và làm nó nát vụn. “Thế thì cái gì sẽ là của tôi đây?” Cho nên chúng ta kìm việc suy nghĩ về sự sinh và tử, và điều này tạo ra khả năng hiểu lầm lớn rằng tất cả những cái chúng ta thấy trong cuộc sống là của chúng ta. Nhưng nếu chúng ta để cho bản thân mình khám phá và xem xét điều ta thấy, chúng ta chắc chắn phát hiện ra rằng nó không phải là của chúng ta.

Bạn nói, “Tôi đã rơi vào tình yêu với ai đó,” không xem xét liệu chuyện tình đó có là quyết định của bạn hay không. Nghe điều những người yêu nhau nói: “Chúng mình không biết khi nào nó xảy ra. Chúng mình đã không làm cho nó xảy ra.” Thế thì làm sao cái là của chúng ta nhưng đã xảy ra theo ý riêng của nó được? Nếu nó xảy ra, nó xảy ra. Nếu nó không xảy ra, nó không xảy ra.

Chúng ta bị phụ thuộc thế, bị điều chỉnh thế, dường như đầu đó mọi thứ bị cố định và tất định. Hoàn cảnh của chúng ta là tương tự như hoàn cảnh của một con vật bị buộc vào cọc qua chiếc dây thừng. Con vật sẽ đi vòng tròn quanh chiếc cọc và sẽ sống trong việc hiểu sai rằng nó đang tự do vì nó đang tự do đi vòng tròn. Nó sẽ quên mất chiếc dây thừng, vì việc nhớ tới điều đó là đau đớn; chiếc dây thừng buộc vào cọc làm cho chúng ta đau đớn vì nó nhắc nhở chúng ta về sự phụ thuộc của mình. Chân lý là ở chỗ nó bảo chúng ta rằng chúng ta không là cái ta thực của mình.

Chúng ta không đáng để bị phụ thuộc, ta hãy một mình xem xét vấn đề trở nên tự do. Phụ thuộc vào người ta - tức là cảm thấy

sự dày vò của chiếc dây thừng - là cần thiết để nhận biết về bản thể người ta; và nhận biết rằng chúng ta không có đó. Con vật đi lang thang quanh chiếc cọc cố định, lúc sang trái, lúc sang phải và nghĩ, “Tôi tự do,” và khi nó nghĩ, “Tôi tự do”, cái “tôi” có đấy. Thế rồi, dần dần, nó phải bắt đầu tự thuyết phục mình rằng, “Đấy cũng là do ý muốn của tôi mà tôi bị buộc vào cọc. Tôi có thể cắt dây ra bất kì khi nào tôi muốn, nhưng tôi đang nghĩ về hạnh phúc của mình.”

Chúng ta tạo ra biết bao nhiêu ảo tưởng trong các kiếp sống của mình. Chúng ta nói, “Tôi trở nên giận dữ, tôi làm tình, tôi không thích, tôi ghét, tôi làm bạn, tôi trở thành kẻ thù...” nhưng không điều nào trong những việc làm này là quyết định của chúng ta. Bạn đã bao giờ trở nên giận dữ và là người làm ra giận dữ đó không? Bạn chưa bao giờ làm như vậy cả. Khi có giận dữ, *bạn* không có đó. Bạn đã bao giờ làm tình mà việc làm tình do bạn làm không? Nếu *bạn* có thể làm tình, thế thì bạn có thể làm tình với bất kì ai; nhưng sự kiện là ở chỗ bạn có thể yêu ai đó và bạn không thể yêu người nào đó khác. Bạn có thể làm tình với ai đó thậm chí khi bạn không muốn làm, và bạn không thể làm tình với ai đó thậm chí khi bạn muốn làm như vậy.

Tất cả mọi cảm giác và xúc động của cuộc đời đều đến từ một góc không biết nào đó - chúng tới như việc sinh của bạn tới. Bạn xâm lấn bừa vào việc xảy ra này và trở thành người chủ, người làm ra nó. Vậy mà bạn đã làm cái gì? Cái gì có đó do bạn làm ra? Cảm giác đói đến; giấc ngủ đến; buổi sáng việc thức kéo đến; và buổi tối mắt bạn bắt đầu nhắm lại lần nữa. Tuổi thơ đến. Khi nào nó đi qua? Nó trôi qua như thế nào? Nó không hỏi chúng ta, nó không đi vào tư vấn và thảo luận với chúng ta, và nó không chậm trễ trong việc trôi qua một khoảnh khắc, ngay cả liệu chúng ta có yêu cầu nó làm như vậy hay không. Thế rồi tuổi thanh xuân trôi qua, và tuổi già bước vào. *Bạn* đang ở đâu? - nhưng bạn cứ nói, “Tôi là thanh niên, tôi là người già,” cứ như tuổi thanh niên

phụ thuộc vào bạn. Tuổi thanh niên của bạn có hoa riêng của nó. Tuổi già có hoa riêng của nó nữa; và chúng nở như hoa nở trên cây. Bụi hồng không thể nói, “Tôi làm cho hoa hồng nở.” Nó chỉ có thể nói như thế nếu nó có khả năng làm cho hoa hướng dương nở!

Đừng tính công trạng nào về mọi điều xảy ra này. Nếu có hồn nhiên trong tuổi thơ, nó có đó mà không có nỗ lực nào về phần bạn. Và khi dục và những ham muốn khác bắt giữ bạn trong tuổi thanh niên, chúng làm như vậy hết như hồn nhiên bắt giữ bạn trong tuổi thơ. Bạn không là người chủ của hồn nhiên tuổi thơ của mình, không là người chủ của ham muốn dục của tuổi thanh niên của bạn, và đừng coi nó là thành tựu của bạn khi tâm trí bạn bắt đầu nghiêng về phía vô dục trong tuổi già. Nó giống như thế này: dục bắt giữ bạn trong tuổi thanh niên, và đừng đừng bắt giữ bạn trong tuổi già. Những người chưa bao giờ là nô lệ cho dục không có kiểm soát gì trên sự kiện đó. Cho nên bản thân đừng tự hào về sự kiện là bạn không phải là nô lệ cho dục.

Xem xét mọi nguyên tử nhỏ bé của cuộc sống và bạn sẽ nhận ra rằng không có chỗ đứng cho cái tôi - bản ngã. Thế thì tại sao chúng ta đang tạo ra ảo tưởng này? Nó xảy đến như thế nào? Lừa dối này đến từ đâu? Nó tới bởi vì chúng ta bao giờ cũng cảm thấy rằng có một phương án. Chẳng hạn, bạn xúc phạm tôi. Bây giờ tôi có hai phương án: tôi có thể xúc phạm trả lại bạn; hay tôi có thể bỏ qua nó, cho rằng việc xúc phạm là không có đó chút nào. Tức là, tôi có thể chọn đáp lại nếu tôi muốn, và nếu tôi không muốn, tôi có thể chọn không đáp lại. Nhưng thực có phương án nào không? Bạn có cho rằng người đáp lại xúc phạm cũng có thể đã chọn không xúc phạm, nếu người đó muốn không? Bạn sẽ nói: Nếu người đó không muốn làm như vậy, người đó không cần phải đáp lại xúc phạm ấy. Nhưng bạn sẽ phải đi sâu thêm chút ít để hiểu điều này. Phải chăng ham muốn đã có trong người đó,

hay người đó đem nó ra từ đâu đó? Phải chăng ham muốn xúc phạm hay không xúc phạm nằm dưới kiểm soát của người đó?

Những người tìm kiếm bên trong nói rằng điều mà các chiều sâu lộ ra chỉ là ở chỗ những việc xảy ra đi ra ngoài kiểm soát của chúng ta. Người nghĩ tới xúc phạm, và người đó xúc phạm. Người khác quyết định không xúc phạm, và người đó không xúc phạm. Nhưng từ đâu ý tưởng này về việc đưa ra hay không đưa ra xúc phạm lại tới? Nó có phải là ý tưởng của bạn không? Không, nó tới từ nơi việc sinh tới. Nó tới từ nơi tình yêu hiện hữu. Nó tới từ nơi tâm thức hiện hữu. Nó trở về từ nơi cái chết hiện hữu. Nó được hấp thu nơi hơi thở đi qua.

Dễ dàng tự lừa dối mình bằng việc nói, “Đây là tay tôi, nó đang dưới sự kiểm soát của tôi. Nếu tôi muốn, tôi sẽ không xúc phạm.” Nhưng ai đã bảo bạn, ai đã yêu cầu bạn, xúc phạm? Người như Phật và Mahavira sẽ không đưa ra xúc phạm. Bạn có cho rằng họ đơn giản chọn việc cảm thấy xúc phạm không? Không; cũng như bạn kinh nghiệm một tình huống cố định và không tránh khỏi trong việc phải xúc phạm, Phật và Mahavira cũng kinh nghiệm một tình huống không thay đổi được tương tự về không cảm thấy xúc phạm. Họ không thể chọn, cho dù họ muốn, để cảm thấy xúc phạm. Bản thân ham muốn đó không được tạo ra.

Một người tới gặp một thiền sư vào sáng sớm và bắt đầu hỏi thiền sư tại sao ông ấy là bình thản và yên tĩnh thế, trong khi bản thân người đó khuấy động và rối loạn thế. Thiền sư trả lời, “Ta bình thản và ông khuấy động, có vậy thôi. Vấn đề qua rồi. Không cái gì cần nói thêm.”

Người này cứ nài nỉ, “Không tôi muốn biết làm sao thầy trở nên bình thản thế.”

Thiền sư trả lời, “Ta muốn biết làm sao ông trở nên khuấy động thế.”

Người này trả lời, “Khuấy động đến theo ý của nó chứ.”

Thiền sư nói, “Điều đó đích xác đã xảy ra với ta. Bình thân tới với ta theo ý riêng của nó, và ta không tính công nào cho nó. Khi khuấy động tới, nó tới. Ta không thể làm gì để dừng nó lại, và bây giờ, khi bình thân tới với ta, ta không thể làm bất kì điều gì để đem khuấy động tới dù ta muốn đem nó tới, cho nên ta bị giới hạn bởi tình huống.”

Người này nói, “Không, xin thầy chỉ cho tôi cách bình thân và yên tĩnh.”

Thế là thiền sư nói, “Ta chỉ biết có một cách, và đó là thế này: vứt bỏ ảo tưởng của ông rằng ông có khả năng làm bất kì cái gì về nó. Nếu ông trở nên bị khuấy động, vẫn còn bị khuấy động. Biết rằng ông đang bị rối loạn và rằng ông không thể làm được gì về nó. Nó ở ngoài kiểm soát của ông. Đừng làm nỗ lực để bình thân. Ngay cả những người làm nỗ lực để bình thân đều trở nên bị khuấy động và rối loạn. Họ trở nên bị khuấy động, và trong nỗ lực của họ để trở nên bình thân họ tạo ra sự không thoải mái mới trong bản thân mình.”

Nhưng người này khẳng khái, “Lời khuyên của thầy không định được tâm tôi; tôi muốn bình thân.”

Thiền sư nói, “Thế thì ông nhất định vẫn còn bị khuấy động bởi vì ông muốn cái gì đó. Ông từ chối để vấn đề này cho Thượng đế, trong khi sự kiện là ở chỗ mọi thứ đều phụ thuộc vào ngài; không cái gì ở trong điều khiển của ông. Ta trở nên bình thân từ ngày ta bắt đầu sẵn lòng chấp nhận bất kì cái gì xảy ra, bất kì cái gì đến với ta. Ta có thể không bình thân khi ta ham muốn và cô trở thành cái gì đó.”

Nhưng người này không chấp nhận điều thiền sư đã nói, “Tôi ghen tị với bình thân của thầy,” người đó nói. “Tôi không thể vẫn còn thoả mãn với giải thích của thầy.”

Thế là thiền sư yêu cầu người đó đợi và đặt câu hỏi cho người đó khi không có ai trong lều của mình, vì ông ấy có nhiều khách thăm. Người này đồng ý, và khi không còn ai trong lều người đó yêu cầu thầy chỉ cho người đó cách thức. Thế rồi thầy, đưa ngón tay lên môi anh ta, nói, “Tĩnh lặng.”

Người này thấy rất phân vân. Người đó nói, “Khi có người ở đây và tôi xin thầy trả lời, thầy bảo tôi hỏi khi không có ai ở đây; và khi không có ai ở đây và tôi hỏi thầy câu trả lời thầy bảo tôi giữ tĩnh lặng. Làm sao vấn đề của tôi sẽ được giải quyết?”

Trời tối, mặt trời đã lặn, và mọi người đã đi hết. Túp lều trống rỗng, và người này lại tìm câu trả lời. Thiền sư yêu cầu người đó đi ra ngoài. Trăng tròn toả sáng. Thiền sư hỏi, “Ông có thấy những cây này không?” Nhưng cây nhỏ đang mọc ở phía trước túp lều.

Người này đáp, “Tôi thấy chúng.”

Lần nữa thầy hỏi, “Ông có thấy những cây xa xa kia không, vươn cao lên trời ấy?”

Người này nói, “Tôi thấy chúng.”

Thế rồi thiền sư nói, “Những cây kia to cao. Những cây này nhỏ thấp. Không có xung đột gì giữa chúng. Ta chưa bao giờ nghe nói tới bất kì tranh cãi nào giữa chúng về vấn đề này. Những cây nhỏ này không bao giờ hỏi những cây cao tại sao chúng cao; chúng thoả mãn với cái nhỏ bé của chúng. Cây cao cũng không bao giờ hỏi những cây nhỏ tại sao chúng nhỏ. Cây cao có khó khăn riêng của chúng, như chúng phát hiện ra khi có bão. Cây nhỏ cũng có vấn đề của chúng nữa, nhưng chúng bằng

lòng với cái nhỏ bé của mình, cũng như cây cao bằng lòng với cái cao của mình. Ta chưa từng nghe nói gì về tranh cãi giữa hai loại cây này; ta bao giờ cũng thấy chúng tĩnh lặng. Cho nên xin rời khỏi ta. Ta là cái ta đang vậy, và ông là cái ông đang vậy.”

Nhưng làm sao người đó thoả mãn được với ví von đó? Và làm sao chúng ta được thuyết phục? Tâm trí bao giờ cũng ham muốn là cái gì đó. Tại sao nó hành xử như vậy? Đây là vì chúng ta bao giờ cũng coi là đương nhiên chúng ta có thể làm điều gì đó. “Không,” Ishavasya nói, “bạn không thể làm được điều gì cả. Bạn không thể là người làm.” Điều này là bí mật của một ý tưởng lớn được gọi là định mệnh. Định mệnh không có nghĩa là bạn không nên làm gì. Điều đó sẽ là ngồi tĩnh lặng - và định mệnh nói rằng bạn thậm chí không thể ngồi theo ý chí riêng của mình. Nếu định mệnh đặt bạn ngồi, chỉ thế thì bạn có thể ngồi. Định mệnh làm cho việc “tôi sẽ không làm gì cả” trở thành không thể được đối với bạn. Nếu định mệnh muốn bất kì việc không làm nào, thế thì việc không làm sẽ xảy ra.

Xin nhớ trong tâm trí, không có một người theo thuyết định mệnh nào trong số những người dường như theo định mệnh. Họ nói, “Mọi thứ đều trong tay của định mệnh. Chúng ta có thể làm được gì nào? Cho nên chúng ta không làm gì.” Chính sự tồn tại của ý tưởng là chúng ta không làm gì cả có nghĩa là cảm giác về việc làm vẫn còn hiện hữu. Khái niệm về định mệnh toàn bộ có nghĩa là chúng ta không có. Không có cách nào để làm bất kì cái gì. Nó là sự tồn tại.

Khi chúng ta không thể làm được bất kì cái gì, khi chúng ta không thể là người làm, thế thì liệu sẽ có 'cái của tôi', cái gì của tôi không? Chúng ta sẽ nói, “Nó là của tôi” cho ai? Chúng ta có thể nói, “Đây là con tôi” không? Trông có vẻ như vậy, vì dường như là, “Tôi đã cho nó sinh thành.” Ảo tưởng như thế xảy ra mặc

dầu không ai đã bao giờ cho ra đời bất kì đứa con nào. Con được sinh ra, chúng tìm đường của chúng qua bạn. Bạn bắt đầu yêu một người đàn bà. Tình yêu đó không đến từ bạn, tình yêu tìm đường của nó qua bạn. Ham muốn dục, tình yêu, khao khát của thân thể bạn để gặp lẫn nhau - khao khát đó không phải là của bạn. Nó bị giấu kín trong từng hạt của thân thể bạn, trong từng sợi lông nhỏ bé nhất trên thân thể bạn. Nó được nén vào trong từng hạt và nó chèn ép bạn, nó thôi thúc bạn. Cuối cùng, đứa trẻ được thụ thai, ai đó trở thành mẹ và ai đó trở thành bố của nó. Có vẻ là họ đã mang đứa trẻ vào hiện hữu. Số phận cười bạn! Nó cười khoái trá vào bạn. Bạn đã bị làm thành công cụ của việc sinh: bạn đã không cho nó. Bạn chỉ là bước chuyển. Người mẹ chỉ là bước chuyển cho cuộc hành trình của ai đó đi vào cuộc sống. Qua cô ấy, định mệnh cho việc sinh. *Bạn* đã không làm gì.

Bạn xây ra một toà nhà và nói, “Nó là của tôi.” Nhưng bạn có quan sát chim cũng làm tổ cho chúng không? Trên thế giới này ngay cả con vật nhỏ nhất cũng xây dựng chỗ trú ẩn của nó. Có những loài chim mà mẹ của chúng bay đi sau khi đẻ trứng. Khi trứng nở, chim con bước ra. Chúng không nhận huấn luyện của mẹ không có bảo vệ của bố, chúng không tới trường. Và phép màu là ở chỗ những con chim đó làm tổ đích xác như mẹ chúng làm, bà chúng làm trước chúng. Tổ ấy không phải là tổ bình thường; nó bao gồm kĩ năng kiến trúc lớn lao. Nó đẹp đến mức nếu con người muốn làm một cái tổ như thế thì người đó sẽ phải học cách làm nó, và ngay cả sau khi học, vẫn khó cho người đó để xây dựng nó một cách khéo léo đến thế.

Tổ như thế được làm như thế nào? Các nhà khoa học gọi đây là chương trình định sẵn. Họ nói có một chương trình định sẵn trong từng tế bào nhỏ của thân thể con chim. Toàn bộ quá trình xây dựng tổ được giấu kín trong xương, thịt và mô của chim. Điều con chim này có thể làm tổ của mình là điều chắc chắn. Nó sẽ tìm ra đích xác loại cỏ và lá mà mẹ nó đã tìm. Không ai dạy

nó; chim mẹ thậm chí không nhìn tới chim con, và chim con đã không tới trường. Vậy mà nó sẽ nhặt những cái lá đó và những cọng cỏ đó và làm nên cái tổ hết như trước đây mẹ nó và bà nó làm. Con người cũng xây dựng; mọi loài sinh vật đều xây dựng. Không có lí do gì để nói, “Nó là của tôi” - tuyệt đối không lí do nào.

Chúng ta có thể nói về cái gì qua “Nó là của tôi”? Chúng ta có thể làm đòi hỏi như vậy về của cải không? Mọi con vật đều tích trữ: chúng làm như thế theo nhiều cách khác nhau, và con người chắc chắn không phải là kẻ thông minh nhất về điều đó. Có những con vật khéo léo vượt xa hơn con người trong nghệ thuật tích trữ. Tại Siberia có gấu trắng; tuyết khắp sáu tháng trong năm, và con người có khó khăn sống sót trong sáu tháng đó, nhưng gấu tự bảo vệ nó. Phương pháp tích lũy của nó thật kì diệu. Nó không thu thập các thứ, nó thu thập mỡ - đủ để kéo dài trong sáu tháng. Nó chỉ cứ tích trữ thật nhiều mỡ trong thân thể. Nó cất giữ nhiều mỡ trong thân thể đến mức nó có thể sống nhờ số mỡ đó trong sáu tháng này mà trong lúc đó nó ngủ dưới tuyết.

Kho báu của bạn không ở sâu như thế bên trong bạn. Kẻ cắp có thể đánh cắp nó từ bạn; và để hữu dụng cho bạn, của cải của bạn phụ thuộc vào nhiều hoàn cảnh. Bạn có thể có của cải, nhưng nó sẽ không dùng gì được cho bạn nếu thị trường chứng khoán sụp đổ. Con gấu trắng kia thông minh hơn bạn. Nó tích trữ thức ăn của mình ngay bên trong người nó, và bởi vì - nằm dưới tấm chăn tuyết nặng nề - thật bất tiện cho con gấu để nhai, nuốt và tiêu hoá rồi tạo ra thịt và mô mới, nó cất giữ thức ăn của nó dưới dạng mỡ mà có thể hấp thu một cách an bình.

Cả thế giới tích trữ. Đừng nghĩ rằng chỉ có bạn làm như thế. Nó là quá trình tự nhiên. Khi người mẹ cho con bú vú, tự hào cô ấy cảm thấy là vô căn cứ nào. Không sớm hơn khi đứa con được sinh ra là vú mẹ bắt đầu đầy sữa, thân thể cô ấy bắt đầu tạo ra

sữa. Nếu đứa trẻ không chịu bú, người mẹ sẽ khó khăn và cảm thấy rất khó chịu. Chính phúc lành là đứa trẻ bú sữa. Người mẹ không chủ định chuẩn bị sữa. Việc sinh ra đứa con là một quá trình tự phát, và như một phần của quá trình này, sữa được tạo ra trong người mẹ. Khi đứa trẻ lớn lên, dòng sữa mẹ bắt đầu giảm đi, và khi nhu cầu của nó hết, sữa biến mất.

Tất cả những việc xảy ra này là tự nhiên. Ham muốn tích lũy là tự nhiên. Đó là lí do tại sao lời kinh này của Ishavasya nói, “*Prakriti*” - Ishavasya gọi điều đó là Thượng đế: mọi thứ là của Thượng đế. Tự nhiên, số phận, prakriti, tất cả đều là từ mạng tính máy móc; và ngài không lộ, tràn đầy bí ẩn, tràn đầy cuộc sống và tâm thức đến mức ngài không thể có tính máy móc được.

Khoa học cũng xác nhận rằng tự nhiên làm mọi thứ, nhưng khi chúng ta nói về Thượng đế theo ngôn ngữ của khoa học, chúng ta trở nên đáng thương; chúng ta trở thành vô giá trị và máy móc. Khi Ishavasya nói, “Thượng đế làm mọi thứ,” một mặt bản ngã của chúng ta rơi xuống, và mặt khác chúng ta trở thành Thượng đế. Điều này là quan trọng; nó đáng được hiểu. Khi khoa học tiến triển, nó nhấn mạnh rằng con người phải vứt bỏ ảo tưởng là *tôi* đang làm. Mọi thứ đều đang xảy ra. Nhưng việc nhấn mạnh của khoa học là vào mọi thứ đang xảy ra một cách máy móc. Mọi thứ đang xảy ra như trong một cái máy. Toàn bộ thế giới hành xử một cách máy móc. Và khi mọi thứ đang xảy ra một cách máy móc, vị trí con người là đáng thương. Bản ngã của con người chắc chắn bị đập vỡ, nhưng không cái gì được lộ ra để cho con người bất kì ý nghĩa hay giá trị nào.

Thật sự, lòng tự hào của con người, bản ngã của con người, là một hiện tượng rất không có ý nghĩa và nhỏ mọn, hết như ngọn lửa cháy từ dầu trong một chiếc đèn đất nhỏ. Nó bị khoa học dập tắt, và có bóng tối sâu xa bao quanh tất cả; nhưng không có mặt trời mọc lên xảy ra ở chỗ đó. Đó là lí do tại sao lời tuyên bố của

Ishavasya là có giá trị hơn nhiều lời tuyên bố của khoa học. Một mặt nó dập tắt ánh sáng cháy lò mờ của bạn và vồ lấy bản ngã nhỏ bé của bạn, bằng việc nói, “Tắt đi! Bạn không có, và sợ của bạn là không cần thiết!” và mặt khác nó cho sinh thành một siêu mặt trời. Trong một khoảnh khắc, từ một phía nó nói, “Bạn không có,” và lập tức, từ phía bên kia, nó đặt cho bạn ở vị trí của Thượng đế. Từ một mặt nó vồ lấy bạn và tẩy sạch bạn hoàn toàn, và từ mặt khác nó tặng cho bạn cái toàn thể. Nó dập tắt ngọn đèn đất của bản ngã, ngọn lửa lò mờ nặng mùi, mùi dầu lửa đầy khói, nhưng thay vào đó nó cho bạn ánh sáng rực rỡ, chói lọi của mặt trời. Nó tẩy sạch cái tôi, bản ngã, nhưng đặt chúng ta ở cái ta cao nhất - Thượng đế!

Đây là khác biệt giữa chiều hướng của tôn giáo và của khoa học. Khoa học xác nhận cùng những sự kiện mà tôn giáo xác nhận, nhưng nhấn mạnh của khoa học và vào máy móc. Tôn giáo, trong khi thảo luận về cùng thứ, đặt nhấn mạnh vào tâm thức, vào trí huệ, vào việc sống; và nhấn mạnh này là quan trọng. Nếu khoa học phương Tây thành công, con người chung cuộc sẽ trở thành cái máy; và nếu tôn giáo ở phương Đông thành công, con người cuối cùng sẽ trở thành Thượng đế. Cả hai đều phá huỷ bản ngã, nhưng khoa học làm giảm cấp con người trong quá trình này.

Quảng trăm rưỡi hay hai trăm năm trước đây, khoa học bắt đầu tuyên bố lần đầu tiên rằng con người là loài vật bất lực. Khi Darwin nói với loài người, “Quên rằng bạn đã được Thượng đế tạo ra đi; bạn đã tiến hoá từ loài vật, từ loài thú,” bản ngã của con người bị đập mạnh lần đầu tiên - với một cú bùm! Con người đã từng tin rằng mình là con của Thượng đế, là sự sáng tạo của Thượng đế, mặc dầu người đó không có bằng chứng nào về điều đó. Thế rồi bất thần lại hoá ra là người bỏ không phải là Thượng đế, mà là con vượn! Đây hẳn phải là một cú sốc lớn lắm. Một cú sụp đổ tan tành! Khoảnh khắc trước đã có Thượng đế, ngồi trên

ngai vàng cao nhất, và chúng ta là con của ngài, và khoảnh khắc tiếp chúng ta được chứng minh là con cháu của khi. Điều này thật rất đau đớn cho con người; nó tác động tới con người nhiều lắm. Cho nên khoa học đã tuyên bố lần đầu tiên rằng con người nên quên tất cả về việc là người và nên tự coi mình như con vật, con thú đi. Tất cả mọi nỗ lực của con người để nuôi dưỡng bản ngã của mình đều bị đập tan tành.

Nhưng một cuộc hành trình một khi đã bắt đầu, dù theo chiều hướng nào, cũng không kết thúc trước khi nó được hoàn tất; nó tìm kiếm cái kết thúc của nó. Thật khó để dừng lại ở mức con vật. Ban đầu khoa học tuyên bố rằng con người là một loại thú; thế rồi, sau khi nghiên cứu thêm về bản chất của loài vật, khoa học thấy rằng con vật là máy.

Bạn quan sát con rùa bò. Bạn sẽ thấy rằng khi cái nhiệt tăng lên, rùa bò vào bóng râm. Bạn sẽ nói nó bò đến đó bởi vì nó cảm thấy nóng quá. Khoa học bác bỏ điều này. Khoa học chế tạo ra rùa máy. Chúng được đặt dưới ánh mặt trời, và chúng cứ ở đấy chừng nào mà nhiệt còn không lớn lắm; nhưng ngay khi nhiệt tăng lên, chúng bắt đầu bò. Chúng bò vào trong bụi cây, chỗ bóng râm. Những con rùa này chỉ là những thứ máy móc - điều gì đã xảy ra cho chúng? Khoa học gọi nó là điều kiện tự cân bằng - cách thức mà theo đó thông báo được đưa ra cho bất kì thay đổi có ý nghĩa nào về nhiệt độ. Không có tâm thức tham dự vào đó chút nào. Bạn thấy bướm đêm bay vào ngọn lửa đèn. Nhà thơ mô tả nó là một kẻ yêu đương mù quáng, điên cuồng với ngọn lửa, hi sinh cả mạng sống của mình cho tình yêu của nó. Nhà khoa học sẽ không chấp nhận điều này; với ông ta không cái gì giống như tính điên khùng trong sự kiện này. Tất cả chỉ là máy móc. Ngay khi con bướm nhìn thấy ngọn lửa thì cánh của nó bắt đầu nghiêng về ngọn lửa. Họ tạo ra các con bướm máy, và để chúng bura bãi trong bóng tối. Thế rồi họ bật đèn lên, và lập tức các con bướm này xô về cái đèn.

Cho nên khoa học đã xác minh rằng các con vật đều là máy; và kết luận cuối cùng về chúng là đáng ngạc nhiên. Trước hết các nhà khoa học đã xác minh rằng con người bị hạ xuống loài vật; rồi họ xác minh rằng con vật giống như máy: phân xét cuối cùng của họ là ở chỗ con người là máy. Một cách tự nhiên, có chân lý nào đó trong biện luận này. Điều tốt là họ đã đập tan bản ngã của con người, nhưng khi làm như vậy, họ thu con người về trạng thái của cái máy - con người thoái hoá thành cái máy. Với con người việc nghĩ theo cách này là nguy hiểm, và đã chứng tỏ là có hại. Những người như Stalin và Hitler có thể đẩy hàng triệu người vào chỗ chết bởi vì họ coi con người như cái máy và do vậy trái tim của họ không xúc động bởi việc tàn sát.

Bây giờ xét tình huống đáng quan tâm này. Krishna đã nói trong Gita rằng linh hồn con người là bất tử, nó không chết, cho nên giết kẻ thù của bạn không tạo ra khác biệt gì. Stalin cũng có thể nói rằng vì con người là máy, không linh hồn, nên cũng không hại gì trong việc giết anh ta. Khi Krishna nói với Arjuna rằng linh hồn là bất tử và sẽ không chết dù bạn cố gắng đến đâu, tác động lên Arjuna là ở chỗ người đó trở nên dịu đi khi giết kẻ thù của mình. Nhưng kết quả của hai hành động này hoàn toàn khác nhau. Khi tính bất tử của linh hồn được chấp nhận, câu hỏi về cái chết trở thành vô nghĩa. Stalin hài lòng đẩy hàng triệu người vào cái chết; nhưng với ông ấy thì không có cái gì như linh hồn chút nào, không cái gì sai được thực hiện vì con người chỉ là cái máy.

Có thể không có phản đối việc phá huỷ cái máy. Nếu bạn đập cái máy bằng chiếc gậy, ngay cả người bất bạo hành cũng không thể buộc tội gì bạn về việc phạm bạo hành. Bên ngoài, kết quả dường như tương tự, nhưng chúng không như nhau, vì ý nghĩa thực sự của những kết quả này là rất khác và thay đổi toàn bộ nghĩa trong mỗi trường hợp. Khoa học cho rằng tự nhiên làm mọi việc. Khoa học không chỉ đập tan bản ngã con người, mà còn

làm thoái hoá con người; khi tôn giáo đập tan bản ngã con người, nó nâng con người lên một mức cao hơn và đưa tiến con người trên cuộc hành trình đi lên.

Lời kinh này nói bản ngã bạn sẽ biến mất nếu bạn dừng việc gọi mọi thứ là của bạn. Coi nó tất cả đều là của sự tồn tại đi. Đừng nuôi dưỡng ham muốn về của cải của bất kì ai. Sau rốt, tại sao? Khi không còn cái gì là của tôi, thế thì cũng không có cái gì là của bạn. Cần thận, bởi vì lời kinh này, “Đừng thêm muốn; đừng ham muốn giàu có của người khác,” đã bị hiểu sai nhiều lắm: nó đã bị diễn giải không đúng đến mức người ta có thể trở nên bị lúng túng sâu sắc.

Phần lớn những người bình luận đã giải thích nó là: “Ham muốn của cải của người khác là tội lỗi, cho nên đừng nuôi dưỡng ham muốn như thế.” Nhưng họ có vẻ ngu, vì phần đầu của lời kinh nói rằng của cải không thuộc vào ai cả; nó là của sự tồn tại. Phần thứ nhất của lời kinh này nói, “Khi nó không phải là của tôi, làm sao nó có thể là của bạn được?”

Không. Không, nghĩa đúng đắn của nó là thế này - rằng bạn không nên ước ao của cải của người khác bởi vì của cải không phải là của tôi cũng không phải là của bạn. Cơ hội cho ham muốn tồn tại chỉ khi, vì nó có thể là của bạn, nó cũng có thể là của tôi; bằng không ham muốn không có nền tảng nào để đứng. Các chuyên gia trong khoa học về luân lý đã giải thích điều ấy như có nghĩa là ngay cả việc nghĩ đến của cải của người khác cũng là tội lỗi; nhưng vì nó không thể là của tôi thì làm sao nó có thể là của người khác được?

Không chuyên gia về đạo đức nào có thể nắm được nghĩa thực của lời kinh này. Nó là tinh tế và sâu sắc. Nhà đạo đức học lo lắng khi thấy rằng không ai ăn cắp tài sản của người khác; khi không ai coi là của mình cái thuộc về người khác. Nhưng nhấn mạnh của ông ta vào tài sản của người khác chỉ là mặt trái của

nhấn mạnh của ông ta vào cái của riêng ông ta. Nhớ lấy, người nói, “Đây là của bạn,” chưa thoát khỏi khái niệm, “Đây là của tôi,” vì hai khái niệm này là hai mặt khác nhau của cùng một đồng tiền. Chừng nào cảm giác này vẫn cứ còn, “Toà nhà này là của tôi,” phản tương ứng của nó, “Toà nhà này là của bạn,” sẽ vẫn tiếp tục: và khi cảm giác về toà nhà ‘của tôi’ biến mất, làm sao cảm giác tương ứng về toà nhà ‘của bạn’ còn lại được? Không ao ước tới của cải hay tài sản của người khác không có nghĩa là tài sản thuộc về người khác, cho nên ham muốn nó là tội lỗi; nghĩa thực của nó là ở chỗ tài sản và của cải không thuộc vào ai cả - của cải thuộc vào một mình sự tồn tại: chính bởi vì điều này mà việc ham muốn là tội lỗi. Đừng coi cái gì là của tôi hay của bạn, đừng xem bản thân mình là người chủ, và đừng cố đánh cắp từ người khác - vì đó là coi cái gì đó như của anh ta. Chúng ta không thể đánh cắp mà cũng không thể giữ được cái gì. Tất cả nó đều là của sự tồn tại, và cái là của sự tồn tại chúng ta không thể thu được cũng không tích trữ được.

Ý tưởng sở hữu nhận làm sao! Tôi đặt một tấm biển lên một mảnh đất nói rằng nó là của tôi. Mảnh đất đó đã có ở đó từ trước khi tôi được sinh ra. Nhìn vào hành động này của tôi, mảnh đất đó phải cười phá lên, vì nhiều người trước tôi cũng đã từng dựng lên những tấm biển như thế mà nói nó là ‘của tôi’ - và mảnh đất chôn vùi tất cả họ. Họ được chôn vùi nơi bạn đang ngồi bây giờ đây! Có ít nhất là mười năm mồ ở chỗ mỗi chúng ta đang ngồi. Khó mà còn tác đất nào trên mảnh đất này mà có thể không chứa mồ của mười người. Biết bao nhiêu người đã được sinh ra và đã chết đi trên thế giới này mà có thể ít nhất mười người đã được chôn vùi dưới từng tác đất. Mảnh đất đó biết hoàn toàn rõ ràng người yêu sách khác đó cũng đã dựng lên những tấm biển như thế trên nó. Nhưng không cái gì dừng con người lại; như người đó vậy, người đó sẽ vẫn cứ cắm biển của mình lên, và người đó không muốn thấy rằng người đó đang thêm tên mình vào một cái

biển cũ, được sơn vẽ đè lên. Người đó không muốn thấy rằng ai đó khác sẽ phải nhận cùng rắc rối ngày mai. Thực ra, tất cả những công sức này không là gì cả. Mảnh đất đó phải cười to!

Cho nên đừng ước ao của cải của người khác, vì nó không thuộc vào người nào. Tôi không đơn giản ngụ ý rằng việc chiếm của cải của người khác là có tội với cách xem xét làm cho nó thành của bạn. Điều là tội lỗi ở ngay chỗ đầu tiên khi xét nó là của người đó hay của bạn. Nó là tội lỗi khi coi nó là của bất kì ai. Nó chắc chắn là tội lỗi nếu lấy cơ quyền sở hữu của bất kì ai trừ của sự tồn tại. Nếu bạn có thể hiểu cách diễn giải này, thế thì và chỉ thế thì bạn mới có khả năng hiểu thấu nghĩa sâu xa và tinh tế của Ishavasya. Bằng không nghĩa rõ ràng của những lời kinh này là ở chỗ mỗi người phải sở hữu vững chắc của cải của riêng mình và, để bảo vệ quyền lợi của riêng mình, phải quảng bá đi mọi phương rằng không ai được ước ao của cải của người khác.

Đây là lí do tại sao Marx và những người khác theo cách nghĩ của ông ấy đã không sai khi họ cảm thấy rằng mọi tôn giáo đều đưa ra bảo vệ cho người giàu có, phong lưu, bởi vì những diễn giải của lời kinh này đã bị sai lạc và không đúng. Từ những giải thích này dường như là bạn không nên cố gắng chiếm lấy của người khác những cái mà người đó là chủ sở hữu. Điều này rõ ràng xác định ra rằng người chủ có thể nhận được sự giúp đỡ của cảnh sát để bảo vệ của cải của mình. Cho nên ý định của nó là để duy trì luật pháp và trật tự, nguyên trạng và ý tưởng về quyền sở hữu. Nhưng lời kinh này không dự định điều này; chính lời tuyên bố đầu tiên của Ishavasya là ở chỗ mọi thứ đều thuộc về sự tồn tại. Một mình sự tồn tại là người chủ. Cả tôi lẫn bạn không là người chủ, và ý tưởng của chúng ta về quyền sở hữu là ảo tưởng. Một mình nó là người chủ, người chưa bao giờ tuyên bố, “Ta là người chủ.” Nó tuyên bố trước ai? Với ai mà nó nói, “Đất này là của ta?” Để nói như thế ít nhất cần phải có người khác - và tất cả đều là của sự tồn tại!

Nhớ lấy điều này khi bạn ghi tên mình lên một mảnh đất. Bạn làm như thế là để cho người khác, để cho người đó có thể biết rằng đây là của bạn. Bạn không đặt tấm biển trong rừng rậm. Và giả sử bạn sống một mình trên trái đất này, tôi cho là bạn không điên khùng đến mức phải đi dựng biển ở các chỗ khác nhau. Nếu bạn là người duy nhất sống trên trái đất này, toàn bộ đất đai là của bạn. Không còn mục đích chút nào trong việc bạn tâm nói như vậy.

Sự tồn tại không đưa ra những công bố như thế vì nó là người chủ. Tâm niệm điều này nữa; nó là một nghĩa nữa được hàm chứa trong lời kinh này của Ishavasya: những người đưa ra lời công bố này không thể là người chủ. Không cần người chủ phải công bố. Người chủ là người chủ, mặc dầu không có công bố nào. Chỉ người hầu đưa ra công bố. Nếu một người đưa ra một đòi hỏi mạnh mẽ về cái gì đó, điều ấy có thể tạo ra một hoài nghi mạnh tương đương trong tâm trí của người nghe. Khi một ai đó tuyên bố mãnh liệt rằng của cái là của mình, thế thì đương nhiên điều đó không thể là của người đó được. Tại sao đòi hỏi này được đưa ra hùng hồn thế? Chúng ta bao giờ cũng lớn tiếng trình bày đòi hỏi về một vật để chúng tỏ rằng nó là của chúng ta khi thực ra nó không vậy.

Sự tồn tại không đưa ra lời công bố nào. Nó phải làm như vậy cho ai? Tại sao nó phải công bố? Lời tuyên bố sẽ là vô nghĩa. Lời tuyên bố, ngược lại, sẽ chứng tỏ rằng điều ấy không phải là của nó. Tất cả những điều này đều thuộc về nó, kẻ chưa bao giờ đưa ra lời đòi hỏi nào về nó. Nó không thuộc về bất kì ai đã từng lên tiếng đòi hỏi về nó. Đừng ao ước của cái của người khác, vì nó không thuộc vào ai cả - nó tất cả là của sự tồn tại. Đừng coi nó là của bạn hay của người khác, coi nó là của sự tồn tại: và nhận biết rằng người khác này, và cả bạn nữa, tất cả đều là của sự tồn tại - *tất cả* chúng ta đều là của nó. Cho nên đánh cắp hay tống tiền là vô dụng, vô nghĩa và không liên quan. Không có kĩ năng

hay nghệ thuật gì trong đó. Nó cũng gần như là lao động bị mất. Nó là nỗ lực giống như vẽ đường trên nước.

Vẫn còn có một điểm nữa: tận hưởng chúng thông qua từ bỏ chúng. Người ta nói rằng nếu bạn từ bỏ một vật, bạn có thể tận hưởng điều đó. Nhưng không, điều đó không phải là tin của chúng ta. Ngược lại, chúng ta tin rằng chúng ta có thể tận hưởng chỉ cái chúng ta ôm giữ thật chặt. Nhưng hiền nhân này chỉ dẫn chúng ta làm điều hoàn toàn ngược. Ông ấy nói rằng chỉ họ có thể tận hưởng các thứ mà họ từ bỏ chúng. Phát biểu này rất đối chọi với niềm tin của chúng ta. Chỉ những người từ chối làm người chủ trở thành người chủ thật. Mọi thứ đều rơi vào trong tay những người không ham muốn ôm giữ thứ gì.

Một ví von hay là cố giữ không khí trong tay bạn. Bạn có thể lĩnh hội ý nghĩa thực của lời kinh này - từ bỏ để hưởng thú - nếu bạn đơn giản cố gắng giữ không khí trong tay mình. Ngay khi bạn nắm chặt nắm tay, không khí thoát ra ngoài hết. Bạn càng siết chặt nắm tay bạn càng giữ ít không khí, cho đến cuối cùng không còn lại không khí nào nữa. Để lỏng nắm tay và không khí sẽ xô bàn tay để mở của bạn. Bao giờ cũng có không khí trong bàn tay để mở, nhưng trong nắm tay chặt thì chúng trốn biệt. Một người để tay mình mở ra bao giờ cũng có đầy không khí; nó không bao giờ trống rỗng, mọi khoảnh khắc không khí đều tươi mát. Bạn đã bao giờ quan sát điều này chưa? Bàn tay để mở không bao giờ trống rỗng, và bàn tay nắm bao giờ cũng trống rỗng; và nếu một chút ít không khí vẫn còn lại trong nắm tay, nó là cũ rích và suy tàn. Riêng những người từ bỏ mới có khả năng tận hưởng.

Trong thế giới này, trong cuộc sống này, con người nhận được nhiều khi người đó sẵn sàng cho đi và buông bỏ. Đây là ngược đời - nhưng mọi qui tắc của cuộc sống đều ngược đời. Chúng không đối lập; chúng là ngược đời. Chỉ dường như chúng

là đối lập. Người ao ước được tôn vinh và kính trọng trên thế giới này chắc hẳn tìm thấy hổ thẹn và bất kính. Người ham muốn được giàu có, nhưng khi người đó bắt đầu tích lũy của cải, người đó trở thành nghèo nàn và hèn hạ bên trong, khi người đó có vẻ giàu có bên ngoài. Người nghĩ hay mơ về tính bất tử lo âu về sợ chết cả hai mươi bốn tiếng một ngày. Cái chết không bao giờ tới viếng thăm nhà của người luôn sẵn lòng đón chào nó: người sẵn lòng gặp gỡ cái chết ném những giọt cam lồ, trong khi người sợ hãi cái chết chết đi từng giờ mỗi ngày. Người ấy chết đi mọi lúc bởi vì người ấy không biết chút nào về cuộc sống là gì. Người nói, “Ta sẽ trở thành người chủ,” sẽ sớm trở thành kẻ nô lệ; và người nói, “Ta sẵn lòng là kẻ nô lệ,” sẽ là người chủ vô hạn. Nhưng đây là những phát biểu mâu thuẫn cho nên rất khó để hiểu chúng, và khi chúng ta cố gắng diễn giải chúng, chúng ta làm điều ấy theo cách để chúng ta được cứu giúp trong cái ngược đời trong chúng - và do đó chúng ta bỏ lỡ vấn đề.

Do vậy mọi người đã hiểu nhầm những lời kinh này. “Tận hưởng qua từ bỏ” đã đi tới ngụ ý là nếu bạn làm việc từ thiện, bạn sẽ được thưởng ở cõi trời. Cho người ăn mày ngồi bên bờ sông Hằng một vài xu và bạn sẽ được thưởng hàng nghìn lần hơn. Không có cái gì khác trên thế giới này bị đối xử tệ bạc như những lời kinh này, và tương tự, không ai bị đối xử bất công như những hiền nhân này - bởi vì khó hiểu được họ theo đúng tinh thần của họ. Thay vì vậy, chúng ta diễn giải họ theo cảnh quan của chúng ta. Chúng ta nghĩ chúng ta hiểu lời kinh này: nếu bạn đem cái gì đó đi làm việc từ thiện, bạn sẽ được lên cõi trời sau khi chết. Nhưng chú ý: lời kinh này nói, “Người từ bỏ, nhận được.” Nó không nói: “Người từ bỏ với quan điểm để nhận được, sẽ nhận được.” Thực ra, người từ bỏ với quan điểm để nhận được, là không từ bỏ, vì người đó chỉ tìm cách để nhận được phần thưởng.

Người làm điều từ thiện ở đây trên thế giới này là để cho người đó có thể nhận được phần thưởng trên cõi trời không từ bỏ cái gì cả. Người đó đơn giản siết chặt nắm tay của mình cho tương lai. Nếu được hiểu đúng, hành động của người đó không chỉ là siết chặt nắm tay trên thế giới này, mà còn siết chặt nó cả trong thế giới tiếp nữa. Người đó đang nói với người khác bằng hành động của mình, “Hành động này là không quan trọng lắm ở đây, nó hoàn toàn thông thường, nhưng nó rất quan trọng ở kia, trong thế giới tiếp.” Nếu người đó hoàn toàn chắc chắn, nếu người đó một trăm phần trăm chắc chắn rằng người đó sẽ được thưởng trong thế giới tiếp vì hành động tốt của mình trên thế giới này, thế thì người đó được chuẩn bị để làm việc đầu tư nào đó. Người đó được chuẩn bị để chịu rủi ro một số tài sản của mình nếu người đó được đảm bảo đầy đủ về phần thưởng của người đó trong thế giới tiếp.

Không, người như vậy đã không hiểu thấu được nghĩa này chút nào. Đây không phải là điều lời kinh này đang nói. Nó đơn giản nói, “Người từ bỏ, nhận được.” Nó không nói, “Từ bỏ để cho bạn có thể nhận được trong tương lai.” Một người có con mắt chỉ chăm chăm vào đầu nhận được cái gì đó không bao giờ có thể nghĩ dưới dạng từ bỏ được. Khi người đó dường như là từ bỏ, đây không phải là từ bỏ mà là đầu tư. Người đó đơn giản thay đổi vấn đề tài chính để thu được nhiều hơn. Nếu một người đầu tư một triệu vào một nhà máy, đây có thể được gọi là làm điều từ thiện không? Chắc chắn không. Người đó đang đầu tư với ham muốn để kiếm được một triệu rưỡi. Rồi người đó có thể đầu tư một triệu rưỡi. Đây là từ thiện chăng? Vậy là người đó cứ tiếp tục, cứ đầu tư ngày một nhiều để cho người đó có thể có một cái nắm chặt hơn vào tài sản của mình. Người đó muốn ngày càng nhiều hơn. Người thực hành từ thiện với quan điểm để thu lại được cái gì là không hiểu nghĩa của từ thiện.

Lời kinh này đưa ra một tuyên bố đơn giản, trực tiếp rằng người từ bỏ, tận hưởng. Nó không nói, “Từ bỏ nếu bạn muốn tận hưởng.” Nó công bố rằng nếu bạn có thể từ bỏ, thế thì bạn có thể tận hưởng; nhưng nếu bạn đang nuôi dưỡng ý tưởng về tận hưởng, bạn có thể không bao giờ từ bỏ.

Đây là lời kinh tuyệt diệu. Nó tuyên bố ngay từ đầu rằng mọi thứ là của sự tồn tại: điều này bao hàm việc từ bỏ. Cái gì còn lại đó để sở hữu và nắm giữ đối với người đã hiểu rằng mọi thứ đều thuộc về sự tồn tại? Không cái gì còn lại để mà sở hữu. Từ bỏ là đầy đủ - và người đã nhận ra điều này, người đã từ bỏ mọi thứ và có bản ngã đã tan biến, là bản thân sự tồn tại; và việc trở thành sự tồn tại là bắt đầu tận hưởng. Người đó được hội nhập vào trong tận hưởng tối cao, được hấp thu vào trong phúc lạc tối cao. Người đó bắt đầu kinh nghiệm tận hưởng tối cao đó từ khoảnh khắc nọ sang khoảnh khắc kia. Mọi hạt nhỏ bé nhất trong cuộc sống người đó bắt đầu nhảy múa. Cái gì còn lại để được tận hưởng đối với một người đã trở thành bản thân sự tồn tại? Người đó bắt đầu tận hưởng mọi thứ. Mọi thứ! Bầu trời bao la, hoa nở, mặt trời mọc, sao đêm, nụ cười và tiếng cười - tất cả đều trở thành đối tượng phúc lạc của người đó. Tận hưởng tối cao đó bây giờ tự nó trải rộng về mọi phía cho người đó. Người đó bây giờ là người chủ và người sở hữu của không cái gì, nhưng theo mọi chiều hướng đều có sự trải rộng của tận hưởng, và từ khắp xung quanh, người đó uống nước cam lồ thiêng liêng.

Tôn giáo là tận hưởng. Khi tôi nói điều này - rằng tôn giáo là tận hưởng - nhiều người trở nên bất ổn bởi vì khái niệm của họ về tôn giáo là ở chỗ nó là từ bỏ. Nhớ trong tâm trí, người nghĩ tôn giáo là từ bỏ sẽ phạm phải sai lầm về đầu tư. Vậy mà bản chất của cuộc sống là từ bỏ. Cuộc sống là từ bỏ. Điều cực kì ngu xuẩn là ôm giữ bất kì cái gì trong cuộc sống. Sai lầm lớn là nắm giữ chặt; trong khi làm như vậy người ta mất đi cái mà người ta đáng

thu được. Trong khi nói rằng, “Đó là của tôi,” con người đánh mất cái người đó đã là.

Mọi thứ rơi rụng đi theo ý của nó từ người đã nhận ra rằng mọi thứ đều là của sự tồn tại. Thế thì không còn lại gì cho người đó để từ bỏ. Nhớ lấy, hành động từ bỏ là không thể được với người nói, “Đó là của tôi.” Nếu một người nói, “Tôi đang từ bỏ điều này,” điều đó chứa niềm tin rằng vật ấy là của anh ta. Chân lí là ở chỗ anh ta, người nói như vậy không thể từ bỏ được, vì các khái niệm của người đó về của tôi và cái của tôi vẫn còn dai dẳng. Người duy nhất có thể từ bỏ được là người có thể nói, “Không cái gì là của tôi; tôi có thể từ bỏ cái gì?”

Trước khi từ bỏ cái gì đó, người ta phải có cái đó. Nếu tôi nói, “Tôi cho bạn bầu trời,” bạn sẽ cười vào tôi và nói, “Trước hết phải quyết định rằng bầu trời mà thầy đem cho đó là của thầy đi đã.” Tương tự tôi có thể nói, “Tôi làm điều từ thiện cho bạn hành tinh Sao Hoả đấy.” Điều này tương đương với điều vô nghĩa; nó phải là của tôi trước khi tôi có thể làm điều từ thiện với nó. Áo tưởng về từ bỏ này xảy ra cho người đang áp ụ các khái niệm về cái của tôi. Không, từ bỏ không xảy ra chỉ bởi hành động bỏ đi cái gì đó. Nó xảy ra chỉ trong việc nhận ra chân lí rằng mọi thứ thuộc về sự tồn tại. Thế thì việc từ bỏ xảy ra - nó không phải được thực hành.

Từ bỏ là kinh nghiệm, là việc nhận ra sự kiện rằng tất cả đều là của sự tồn tại. Bây giờ không cái gì còn lại để được từ bỏ. Bây giờ ngay cả bản thân bạn, người tranh đấu để từ bỏ, cũng không được dự trữ lại. Bây giờ không còn lời đòi hỏi về bất kì cái gì có thể quan niệm được về từ bỏ. Toàn bộ phúc lạc tới với người có việc từ bỏ mang bản chất này. Tất cả cái tinh túy, tất cả cái đẹp đẽ, tất cả nước cam lồ của cuộc sống bây giờ là của người đó. Do đó lời kinh này nói rằng người đó, người từ bỏ, đạt được mọi thứ. Người đó, người làm trống rỗng bản thân mình, người buông

xuôi ngay cả cái tôi của mình, trở thành người chủ của tài sản vô tận.

Đủ cho lời kinh này. Chúng ta sẽ nói thêm nữa vào tối nay. Xin lưu ý tới một vài điều hướng dẫn về thiền sáng trước khi chúng ta bắt đầu. Điểm thứ nhất là thể này: Bất kì cái gì tôi đã nói tất cả đều là thiền. Để bàn tay mở và bạn sẽ được đầy không khí. Khi bạn kinh nghiệm, khi bạn nhận ra, rằng mọi thứ đều thuộc về sự tồn tại, bạn sẽ xúc động với phúc lạc bên trong bạn.

Việc thiền này sẽ trong vòng bốn mươi phút. nhắm mắt và bịt tai hoàn toàn để cho không ánh sáng, không âm thanh nào có thể đi vào. Trong mười phút đầu thở sâu. Cố gắng hết mức, để cho tất cả năng lượng của kundalini có thể được khuấy động. Nếu thân thể bạn bắt đầu nhảy múa, nhún nhảy, quay vòng, cứ để nó làm như vậy. Đừng lo lắng về nó chút nào. Trong mười phút tiếp, với vui vẻ bên trong, thanh thoi thân thể bạn đầy đủ. Thân thể bạn sẽ muốn nhảy nhót, múa may, cười nói, la hét, kêu khóc, hát hò. Cho phép nó làm bất kì cái gì nó muốn; hợp tác với nó hoàn toàn và đầy đủ. Trong mười phút tiếp nữa, tiếp tục hợp tác với thân thể bạn và đồng thời tự hỏi mình, “Ta là ai?” Cứ hỏi, “Ta là ai?” cứ như là bạn đang tụng mật chú vậy. Làm điều này với sự hài lòng, với vui vẻ. Thế rồi, trong bốn mươi phút, một số trong các bạn sẽ muốn đứng dậy, một số sẽ muốn nằm ra, và số khác sẽ muốn lăn tròn. Làm bất kì cái gì bạn thích! Cuối cùng, trong mười phút cuối, vẫn còn im lặng, đợi việc đi vào sự tồn tại bên trong. Giữ bản thân bạn thật hoàn toàn thanh thoi và không có kháng cự gì để cho nó có thể đi vào bạn. Bạn sẽ phải đợi cho điều đó.

Trước khi chúng ta bắt đầu thực nghiệm của mình, đặt hai tay lên nhau, và trước sự tồn tại trịnh trọng đưa ra lời nguyện. Nhắm mắt, đặt hai tay lên nhau, nghĩ về sự tồn tại như nhân chứng của bạn, và lặp lại lời nguyện này ba lần: “Trong sự hiện

diện của sự tồn tại, tôi nguyện rằng tôi sẽ cố gắng hết sức trong thiền.”

3

Hình dáng của nước

*Với người như ông,
người muốn sống một trăm năm
tham dự vào các hoạt động trên thế giới
và tin rằng “Ta là người làm,”
không có con đường nào khác hơn con đường này -
con đường của việc sống mà không bị hoen ố
bởi việc làm của ông.*

Có một con đường duy nhất có thể giữ bạn không bị ảnh hưởng trong khi làm mọi việc bạn phải làm trong thế giới này. Con đường được Ishavasya thảo luận tới chính là con đường này: sống bằng việc buông xuôi cho sự tồn tại, trao cho nó tất cả, để mọi thứ dưới chân nó. Buông xuôi mọi thứ cho nó. Khi vứt bỏ khái niệm về bản thân bạn như người làm, bạn có thể sống cuộc sống của mình và vẫn còn không bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện các nghĩa vụ trần gian của mình. Đây là con đường duy nhất; không có con đường khác.

Sẽ có ích để hiểu hai hay ba điểm trong mối liên hệ này. Số một: sống trong thế giới này mà không bị ảnh hưởng bởi nghiệp, bởi việc làm của bạn, là thuật giả kim vĩ đại, và là vấn đề có giá trị và trí huệ lớn. Nó cũng gần như việc tưởng tượng một người tới từ hầm than mà không có dấu vết gì của bụi than trên người đó. Hơn nữa, đây không phải là vấn đề sống trong hầm than trong một hay hai giờ. Nếu chúng ta xem xét thời hạn toàn bộ cuộc đời chúng ta, chúng ta đang nói về thời kì một trăm năm; và nếu chúng ta xét tới nhiều kiếp sống quá khứ, cuộc hành trình của chúng ta sẽ đi qua nhiều nghìn năm. Bây giờ, nó sẽ là vấn đề của trí huệ lớn, hay bằng không cũng là cực kì may mắn, nếu một người sống trong hầm than như vậy, trong một trăm năm khi vẫn thực hiện công việc thường ngày của mình - thức dậy, đi ngủ, ngồi, đứng vân vân - vậy mà có thể không bị dính bởi bụi than trong hầm. Điều hoàn toàn hiển nhiên và tự nhiên là người đó sẽ bị bôi bẩn bằng nhọ than. Rất dễ hình dung rằng người tiếp xúc với bụi than trong hầm chứa không chỉ nhọ nhem mà thực tế rất có thể còn biến thành bụi than nữa. Người đó có lẽ trông giống như hoá thân của bụi than! Dường như khó mà tin được - khi sống trong hầm than ấy một trăm năm - mà một người sẽ không trở thành bản thân bụi than.

Làm sao chúng ta đi qua một vật mà không chạm vào nó? Ngay khi chúng ta đi qua nó chúng ta bị gắn với nó. Khi chúng ta

giận dữ, chúng ta trở nên bị hợp nhất với giận dữ của mình. Khi chúng ta yêu ai đó, chúng ta được thống nhất với anh ấy hay cô ấy. Bất kì khi nào chúng ta đánh nhau hay bỏ chạy hay tận hưởng một điều, chúng ta được hợp nhất với hành động của mình. Ngay cả khi chúng ta làm việc từ bỏ, chúng ta được hợp nhất với nó; và nếu chúng ta bị dính với sự từ bỏ của mình, chúng ta làm như bần tay mình bằng vết nhơ. Chúng ta trở nên vấy bẩn. Việc hãnh diện có biết bao nhiêu của cái nẩy sinh trong tâm trí một người khi người đó tận hưởng kết quả của nó. Tương tự, việc từ bỏ đem vào trong tâm trí người đó hãnh diện về việc đã từ bỏ nhiều thế. Hãnh diện đó là bụi than với chúng ta; kiêu ngạo đó bản thân nó là vết nhơ.

Không thành vấn đề một người trải qua cuộc đời một trăm năm của mình như thế nào, người đó sẽ làm cái gì đó, và nếu điều ấy được làm với sự hãnh diện, nó sẽ bôi đen người đó. Nhưng lời kinh này của Ishavasya bảo chúng ta rằng có một con đường tạo khả năng cho người ta không bị mất đi sự thuần khiết của mình, và nơi mà người đó không bị ảnh hưởng bởi hành động của mình, mặc dù sống trong hầm than. Điều này dường như không thể được, nhưng nó không phải là không thể được nếu chúng ta hiểu đúng nghĩa của lời kinh này. Người ta có thể làm bất kì cái gì, nó nói, nhưng chừng nào mà người ấy còn là người làm, người ấy còn bị bôi đen. Chỉ một phương án khác là có sẵn: đừng hoàn toàn việc là người làm.

Người ta không thể tránh hành động. Hành động chắc chắn sẽ có đấy chừng nào chúng ta còn sống. Sẽ là sai lầm mà nói, “Từ bỏ làm mọi thứ để cho chúng không có cơ hội nào bôi bẩn bạn.” Hành động sẽ có đó cho đến tận cái chết. Thở vào là hành động. Không chỉ có người quản lí cửa hàng được tham dự vào hành động; người ăn mỳ cũng đang làm. Không chỉ người nội trợ được tham dự vào việc làm; người bỏ nhà cửa chạy vào rừng rậm cũng là đang làm. Hành động của họ có thể khác nhau, nhưng

điều này không có nghĩa là người này hành động còn người kia không hành động: cả hai đều là hành động cho nên không ích gì mà tin chúng ta có thể tự bảo vệ mình khỏi bụi than, khi bỏ tất cả cũng là hành động như sống nó tất cả. Bằng suy nghĩ như vậy, chúng ta sẽ không đi đến đâu cả. Bằng việc từ bỏ hành động, người ta chạy trốn, nhưng thế thì việc chạy trốn trở thành hành động của người ta. Hành động gắn chặt vào chúng ta.

Chỉ có mỗi một cách thoát ra khỏi tình thế khó xử này, và đó là tìm ra cách thoát khỏi việc là người làm, cho dù chúng ta không thể giải phóng bản thân mình khỏi việc làm. Nhưng làm sao chúng ta có thể giải thoát bản thân mình khỏi việc làm trong khi việc làm tiếp diễn? Liệu tôi có không trở thành người làm khi tôi đang làm hành động không?

Ishavasya bảo chúng ta rằng ngay cả khi làm, chúng ta vẫn có thể thoát khỏi việc là người làm. Thông thường dường như đối với chúng ta là có lẽ chúng ta thoát khỏi việc trở thành người làm chỉ nếu chúng ta từ bỏ các hành động. “Tôi sẽ không làm gì cả, do đó tôi sẽ không trở thành người làm.” Nhưng Ishavasya bảo chúng ta một cách hoàn toàn dứt khoát rằng điều này là không thể được. Ngược lại, điều có thể là ở chỗ bạn cứ làm mọi việc, nhưng bạn vẫn còn tách bạch với việc trở thành người làm của chúng.

Đừng là người làm! Làm sao điều này có thể có được? Chúng ta đã quen thuộc chút ít với hành động như thế. Đóng vai trên sân khấu là trải qua khả năng về làm mà không là người làm. Rama khóc to trong rừng khi Sita bị lạc. Anh ta chạy từ cây nọ sang cây kia, bám vào thân cây và kêu, “Sita đâu rồi?” Khi kêu la với cây, người diễn viên có thể kêu gào thống thiết hơn bản thân Rama, và có thể còn khéo léo và tài giỏi hơn nữa, vì Rama không có cơ hội nào để diễn tập. Người diễn viên này có rất nhiều lần thực hành. Người đó biểu diễn cùng những hành động mà Rama

đã thực hiện, nhưng không có người làm đằng sau chúng; chỉ có diễn viên thôi.

Nhớ lấy, hành động có thể có hai loại: một loại trong đó có người làm, và loại kia trong đó có diễn viên. Nếu diễn viên thay thế cho người làm, hành động sẽ tiếp diễn trên bề mặt, nhưng sẽ có biến đổi toàn bộ bên trong. Việc diễn tập không gắn bạn vào hành động, nó không ảnh hưởng đến bạn. Nó vẫn còn hoàn toàn ở bên ngoài, nó không đi vào bên trong. Nó không đi sâu vào bên trong, nó rung động trên bề mặt và thế rồi biến mất. Diễn viên đóng vai Rama có thể khóc than và thương tiếc đến đâu cũng không thành vấn đề, những giọt nước mắt đó không đi vào cái ta bên trong của người đó. Thông thường người đó phải bôi bụi than để làm cho nước mắt trào ra, và nếu người đó không dùng bụi than thì đây là vì người đó đã học cách làm chảy nước mắt qua thực hành. Chúng không tới từ chiều sâu mà từ bề mặt. Người đó kêu la, người đó làm âm ỉ, nhưng nó tới từ cổ họng người đó và không từ trái tim. Cái ta bên trong vẫn còn tuyệt đối không bị động chạm tới và không bị ảnh hưởng tới. Người đó đi qua hăm than, nhưng không như người làm; người đó vẫn còn là diễn viên.

Nhớ lấy, chính người làm bị bao phủ bởi bụi than, không phải là hành động. Nếu như hành động gây ra bụi than, thế thì điều Ishavasya nói không thể xảy ra được, điều Gita nói không thể xảy ra được. Thế thì sẽ không có cách nào tự do khỏi hành động khi người ta còn sống. Thế thì người ta có thể tự do khỏi hành động chỉ sau khi chết. Thế thì dường như là sẽ không có giải thoát chừng nào mà cuộc sống vẫn còn dai dẳng. Nhưng làm sao người ta có thể được tự do sau khi chết khi mà người ta không thể được tự do trong khi còn sống? Nếu người ta không tìm được tự do trong khi còn sống chắc chắn không có cơ hội nào tìm được tự do sau cái chết .

Nếu bản thân hành động có thể làm vấy bẩn cuộc sống, thế thì giải thoát là không thể có được. Nhưng những người tìm kiếm sâu bên trong nói rằng bụi than bám vào người làm và không bám vào việc làm. Tức là, nó chỉ bám khi người ta nói, “Tôi là người làm,” khi việc nhấn mạnh là vào hành động và khi tôi và hành động là bị đồng nhất lẫn nhau. Chỉ khi việc làm như xảy ra - khi cái tôi trở thành một với hành động, và nói “Tôi là người làm” - chỉ trong tình huống như vậy bụi than mới bao phủ người làm; và thế thì cuộc sống bị tràn đầy với bóng tối và bóng đen.

Nếu không có người nào bên trong nói, “Tôi là người làm,” và đồng thời có người biết, người hiểu rằng hành động đang tiếp diễn - rằng các diễn viên đã lên sân khấu để diễn kịch - thế thì sân khấu có lớn đến đâu cũng không khác biệt gì; để cho nó rộng lớn như toàn thể thế giới này! Không khác biệt gì việc bức màn trong vở kịch được kéo lên chỉ một lần lúc sinh, và được hạ xuống chỉ vào lúc chết. Không thành vấn đề vở kịch kéo dài rất lâu giữa lúc mở màn và hạ màn. Tất cả những điều này không tạo ra khác biệt; nó không ảnh hưởng tới bạn chút nào nếu bạn nhìn nó từ bên trong như việc biểu diễn. Nếu bạn mang hiểu biết này bên trong, thế thì toàn thể thế giới là một *leela* - một vở kịch, một vở diễn, một sân khấu cho bạn - và cuộc sống bản thân nó giống như một câu chuyện. Thế thì chúng ta là diễn viên, và không cái gì ảnh hưởng tới diễn viên.

Lời kinh này của Ishavasya nói chỉ có một cách duy nhất cho con người không bị ảnh hưởng trong khi thực hiện các nghĩa vụ trong cuộc sống, và đó là biến cuộc sống thành việc đóng kịch. Nhưng chúng ta là những người phi thường. Chúng ta biến việc đóng kịch thành cuộc sống, nhưng chúng ta không biến cuộc sống thành việc đóng kịch. Chúng ta cố gắng nhiều lần để trình bày việc đóng kịch của chúng ta như cuộc sống thực của mình, và những hành động lặp của chúng ta thực tế trở thành các lực hướng dẫn cuộc sống chúng ta. Nếu chúng ta tới hỏi nhà tâm lý,

họ nói rằng hành vi hiển nhiên của con người tất cả đều là hành động được trau dồi. Nó tất cả đều là việc ước định.

Chúng ta gọi điều này là bản tính của con người, nhưng các nhà tâm lý tuyên bố rằng không cái gì giống như bản tính của con người. Nếu có cái gì giống như bản tính của con người, nó là tính hay thay đổi vô tận. Bản tính của con người giống như nước. Nếu chúng ta rót nước vào cốc, nó lấy hình dạng của cốc, còn nếu nó được rót vào chén, nó sẽ lấy hình dạng của chén; nếu nó được rót vào vò, nó sẽ lấy hình dạng của vò. Nước bao giờ cũng lấy hình dạng của bình mà nó được rót vào. Thế thì hình dạng tự nhiên của nước là gì? Nó không có hình dạng tự nhiên. Bản tính của nó có thể được mô tả như khả năng lấy vô tận hình dạng. Nước không ương bướng, nó không ngang ngạnh. Nó không quả quyết, “Tôi sẽ vẫn còn trong hình dạng đặc biệt này.” Nó nói, “Tôi sẵn lòng sống theo bất kì hình dạng nào, dù nó có thể là bất kì cái gì.”

Con người không có bản tính nào của riêng mình. Hiện tượng mà chúng ta gọi là bản tính chỉ là những mẫu hình hành vi thường xuyên được thực hành. Đây là những hành động được thực hiện theo khuôn khổ văn hoá trong những hoàn cảnh thường lặp lại. Cho nên, một người được sinh ra trong một gia đình không ăn chay sẽ ăn thịt. Không phải bản tính của người đó là chọn điều đó; nếu người đó được nuôi lớn lên trong gia đình ăn chay, người đó sẽ ăn thức ăn chay. Thế thì người đó có thể trở nên buồn nôn hay nổi giận khi thoáng thấy thịt. Nhưng đây không phải là bằng chứng cho một bản tính đức hạnh, mà ăn thịt không có ý nghĩa là bản chất ác độc. Các đặc trưng như thế không phải là những chỉ dẫn về tính cao thượng.

Hình dạng của một hành động là một việc được thực hành, cái mà chúng ta đang dạy cho mọi người từ ngay thời thơ ấu của họ. Nếu chúng ta hiểu đúng điều sự huấn luyện đó là gì, đây chỉ

là sự chuẩn bị cho việc biểu diễn mà một người được trông đợi trong cuộc sống của người đó. Các thể chế giáo dục đều là các phòng tập diễn. Chúng là các phòng huấn luyện nơi chúng ta chuẩn bị cho bản thân mình cho việc trình diễn của cuộc sống của chúng ta. Chúng ta huấn luyện một người sắm vai theo một kiểu cách đặc biệt trong gia đình chúng ta, xã hội, trường phổ thông và đại học. Chúng ta huấn luyện người này là Hindu, người kia là người Mi, người nọ là người Trung quốc, và người khác là người Ki tô giáo. Khi họ được huấn luyện và khuôn khổ tâm trí của họ trở thành mạnh mẽ và vững chắc, có vẻ như cái khuôn khổ tâm trí đó là bản tính của họ. Không, tất cả những cái đó chỉ là những trình diễn được lặp lại nhiều lần, cuối cùng được ấn định chắc chắn trong tâm trí con người đến mức ngay cả người đó đơn giản diễn xuất về phần mình mà không biết.

Bạn đã bao giờ nghĩ bạn thuộc về tôn giáo nào không? Hindu giáo, Jaina giáo, Mô ha mét giáo, Ki tô giáo và các tôn giáo khác tất cả đều là những việc trình diễn được dạy cho bạn. Nếu bạn chưa được huấn luyện trong chúng bạn sẽ không bao giờ biết được về chúng. Nhưng khi bạn nói, “Tôi là người Hindu giáo,” bạn trở thành người làm. Thế thì bạn có thể cầm thanh gươm trong tay để bảo vệ tôn giáo của bạn. Thế thì mạng người có thể bị hi sinh và việc giết người có thể được thực hiện. Tranh cãi có thể tình cờ nổ ra với bất kì ai nói bạn không phải là Hindu.

Các nhà tâm lý hay nói rằng thói quen là bản tính thứ hai. Điều này đã là quan điểm của các nhà tâm lý quá khứ. Nhưng thay vì thế, các nhà tâm lý hiện đại nói rằng bản tính là thói quen thứ nhất. Càng nhiều nghiên cứu được tiến hành về bản tính con người, điều được biết càng được thuyết phục hơn rằng bản tính là thói quen thứ nhất - một thói quen ăn sâu đã trở thành được cố định chắc chắn đến mức con người quên mất rằng người đó đang biểu diễn. Nếu bạn có thể nhớ trong tâm trí rằng bạn đang biểu diễn thì sẽ không còn việc giết lẫn nhau. Ngược lại, bạn sẽ nói,

“Điên làm sao! Tôi đang đóng vai người Hindu và bạn đang đóng vai người Mô ha mét giáo; tại sao phải có bất kì cãi nhau nào ở đó?” Không, chỉ khi hiện tượng này không được xem như vở kịch, như diễn kịch, cãi nhau và đánh nhau mới bùng ra. Thế thì mọi người trở nên nghiêm chỉnh, và họ dừng vui đùa.

Eric Berne đã viết một cuốn sách tên là *Mọi người chơi điên kinh*. Ông ta không chỉ đơn thuần giải quyết các môn điên kinh như bóng đá, khúc côn cầu, chơi bài và chơi cờ, mà giải quyết cả với người Hindu, Mô ha mét giáo và Ki tô giáo. Đây cũng là những môn điên kinh mọi người chơi thôi, đôi khi với giá rất cao và với nhiều tác hại. Những người chơi cờ đã được biết là đã từng rút gươm ra đánh nhau chỉ vì ván đề thắng hay thua ván cờ, cho nên chỉ vừa mới động tới mỗi quan tâm lớn là họ đã giết lẫn nhau với vấn đề khác biệt về tôn giáo của họ.

Dường như là khi trò chơi bị coi là nghiêm chỉnh chúng trở thành một phần của cuộc sống; và với bất kì cái gì được dạy đều được bám vào đó. Trên khắp thế giới đàn bà đã được dạy rằng họ là thua kém đàn ông, và họ đã tin vào điều đó. Nhưng cũng có những xã hội mẫu hệ, nơi mà đàn ông được dạy là người đó thấp kém hơn đàn bà; và người trong một trật tự xã hội như thế sẽ bám vào niềm tin này. Có những gia đình mà đàn bà cao siêu hơn đàn ông. Điều đáng quan tâm về tình huống này là ở chỗ trong trường hợp đàn bà cao siêu hơn đàn ông, đàn bà trở nên thông minh hơn đàn ông. Và nơi mà đàn bà được dạy cô ấy thấp kém hơn đàn ông, đàn ông trở nên thông minh hơn.

Chúng ta định hình con người giống như nước trong bình chứa. Thế thì việc đóng kịch giữ bản ngã chặt đến mức nó không nói, “Tôi đang đóng kịch”; nó nói, “Tôi đây!” Thế thì là người Hindu không còn là vở kịch nữa: nó là điều tôi đang là. Và bụi than bắt đầu tác động vào bạn ngay khi bạn nói, “Tôi đây.” Nó cũng có thể được xem là ít quan trọng hơn nếu nó chỉ ảnh hưởng

tới bạn: nhưng một người bị vấy bẩn với bụi than chẳng mấy chốc sẽ bắt đầu ném nó lung tung vào người khác. Bụi than trên tay chúng ta được bôi lên người khác. Bản thân chúng ta bị làm đen và chúng ta bôi đen cả người khác. Chúng ta bắt đầu biến đổi việc đóng kịch thành một vai do người làm thực hiện.

Khi hai đứa trẻ làm lễ cưới cho hai con búp bê, chúng ta nói chúng đang chơi. Nhưng bạn đã bao giờ nhận ra rằng đám cưới của đàn ông và đàn bà, ở một mức nào đó, không là gì nhiều hơn đám cưới của hai con búp bê không? Trong cả hai đám cưới, mọi hình dạng, mọi xem xét, mọi sắp đặt, mọi âm nhạc, mọi phô trương và tất cả những cái bầy khác đều như nhau. Khác biệt duy nhất là ở chỗ một đám do trẻ nhỏ chơi và đám kia do trẻ đã lớn chơi. Trẻ nhỏ chóng quên trò chơi; buổi tối chúng không nhớ rằng đám cưới đã được cử hành vào buổi sáng. Nhưng trẻ đã lớn thậm chí đưa nhau ra toà án để tranh giành quyền hôn nhân. Họ không quên sự kiện ấy, nhưng bám lấy nó rất chặt.

Không ai được chuẩn bị để coi hôn nhân của họ như vở kịch. Khó làm như vậy, bởi vì nếu hôn nhân được xem như vở kịch, thế thì gia đình cái là kết quả của đám cưới không tránh khỏi bị xem như vở kịch. Thế thì cộng đồng được tạo nên từ các gia đình cũng là vở kịch. Vậy cái vòng này mở rộng dần, cho tới khi toàn bộ thế giới loài người bao quanh cộng đồng này trở thành vở kịch. Đó là lí do tại sao chúng ta phải bám chắc vào mọi chi tiết về vị trí chúng ta và nói, “Không, thế chế hôn nhân không phải là vở kịch, đây là vấn đề nghiêm chỉnh; đây là vấn đề sống-và-chết.” Gia đình không phải là vở kịch, cộng đồng không phải là vở kịch. Thế thì mọi bước, mọi hành động, trở thành cứng nhắc và khó uốn như tảng đá.

Toàn bộ cấu trúc trở thành ngày càng cứng nhắc; và chúng ta, xã hội, sẽ phá huỷ bất kì người nào coi các dàn xếp nhân tạo này chỉ là vở kịch, bởi vì người như thế đe dọa phá hoại mọi cách

dàn xếp nghiêm chỉnh của chúng ta. Người đó từ chối tuân theo các qui tắc của trò chơi của chúng ta, cho nên chúng ta trả thù anh ta. Cuộc sống của chúng ta là việc diễn xuất liên tục, dài lâu; nhưng chúng ta đã cấu trúc việc diễn xuất đến mức chúng ta có thể nói nó là việc làm của mình - chúng ta là người làm.

Ishavasya khẳng định điều ngược lại. Nó nói, “Ít nhất biết việc diễn xuất là diễn xuất; không có gì trong thế giới này để bạn phải đủ rõ để là người làm của nó. Nếu bạn trở thành người làm, bạn mất trí chắc chắn. Để sự tồn tại là người làm đi. Để mọi thứ cho nó điều bao giờ cũng có đó, đã có đó rồi khi bạn còn chưa sinh ra, sẽ có đó khi bạn đã dừng sự sống. Để tất cả việc làm của bạn cho sự tồn tại. Đừng nhận tải trọng của việc làm lên bản thân bạn. Tải trọng đó sẽ quá nhiều với bạn; nó sẽ lớn hơn sức bạn có thể mang. Việc mang gánh nặng đó nằm ngoài năng lực của bạn. Bạn sẽ bị nghiền nát dưới sức nặng của nó và bạn sẽ chết. Không cái gì có thể cứu bạn được khỏi nó.”

Nhưng bản ngã của chúng ta thấy khó nuốt trôi điều này. Ngược lại, nó thấy thích thú với sức nặng của tảng đá đè lên ngực nó. Nó nói, “Tôi đang nâng một hòn đá nặng thế, và cái bạn đang nâng không là gì nếu so với gánh nặng của tôi! Ta đang mang một tải trọng nặng thế!” Tổng thống, thủ tướng, đều là những người thấy thích thú trong việc mang những tảng đá nặng. Để nâng những tảng đá như thế họ nhận hàng nghìn sự xúc phạm và thấy bản thân họ gặp hàng nghìn khó khăn. Nhưng họ có thể nói, “Nhìn vào hòn đá nhỏ bé tầm thường mà anh đang mang trên lưng kia: anh cũng không hơn gì ông chủ tịch xã - đâu là so sánh giữa anh và tôi? Tôi là chủ tịch nước và anh là chủ tịch xã!” Ham muốn trở thành chủ tịch xã là ở qui mô nhỏ; trở thành chủ tịch nước đòi hỏi sự mất trí trên qui mô lớn hơn. Nhưng mỗi bận tâm thường xuyên của ông chủ tịch xã là với vấn đề khi nào ông ta có thể mang được những hòn đá lớn hơn. Trong nhiều kiếp sống

chúng ta định giá một người tỉ lệ theo trọng lượng của hòn đá - tải trọng càng lớn trên lưng người đó, người đó càng vĩ đại.

Chân lí đích xác đi ngược lại niềm tin này. Những người biết thì tìm kiếm người không có tải trọng nào trên lưng người đó; người đó không mang gánh nặng nào và nhẹ như hoa. Nhưng khó mà tìm được người như thế, vì mọi người đều bám vào tải trọng nào đó này khác; dù nhỏ đến đâu cũng không thành vấn đề, tải trọng có có. Nếu người đó không phải là chủ tịch xã, người đó ít nhất là chủ gia đình - và không phải bao giờ cũng chỉ có người bố là người chủ gia đình. Nếu người bố vắng nhà một chốc, đứa con cả sẽ nắm vai trò người đứng đầu với các em trai em gái. Nó lập tức bắt đầu chi phối họ. Nó bắt đầu đóng vai trò của người bố nó. Chẳng hạn, đứa con cả của bạn đang cãi nhau với đứa em trai trong sự hiện diện của bạn, nhưng nếu bạn rời khỏi chỗ đó, bỗng nhiên bạn sẽ thấy rằng đứa con cả bắt đầu chi phối. Nó bắt đầu giữ vai trò mà bạn đã giữ vai. Qui mô của nó có thể nhỏ, trạng thái của nó có thể nhỏ, nhưng vở kịch là một. Bạn có thể đóng vai trong vở kịch này trước hai hay ba trăm người, trong khi con bạn diễn hết vở kịch đó trước hai hay ba đứa trẻ. Không có gì khác biệt trong vở kịch cả, chỉ có tỉ lệ là khác đi. Trẻ nhỏ sẽ đóng vở kịch nhỏ, trẻ đã lớn sẽ đóng vở kịch lớn, còn bậc huynh trưởng sẽ đóng vở kịch thật lớn.

Con người cảm thấy khó chịu khi người đó không thể chỉ ra rằng người đó đang mang một tải trọng lớn trên lưng mình, cho nên một nét đặc biệt thú vị khác nổi lên: người đó nói chung khoe khoang một tải trọng lớn hơn cái người đó thực sự đang mang. Có một bà giáo sư cùng làm việc với tôi ở trường đại học nơi tôi đã làm việc. Tôi phát chán việc nghe về các loại tật bệnh của bà ta. Liệu một người có thể có nhiều bệnh tật đến thế được không? Bất kì khi nào bà ấy gặp tôi là bà ấy phàn nàn về một bệnh nặng nào đó; bà ấy đã bao giờ phải chịu một bệnh nhỏ nào đâu. Thế rồi tôi hỏi chồng bà ấy về nỗi đau đớn của bà ấy do biết

bao nhiêu bệnh tật, và nói thêm rằng, thông thường, một người vợ bản thân bà ấy đã là đủ bệnh tật cho ông chồng rồi, “nhưng trong trường hợp của ông tất cả những bệnh tật đó được thêm vào nó. Làm sao mà ông chịu đựng được tất cả những bệnh đó?”

Ông ta trả lời, “Xin ông chớ tin vào các câu chuyện của bà ấy. Bà ấy không bao giờ bị một bệnh tật tí xít nào. Ngay cả đến một cơn cảm lạnh nhỏ bà ấy cũng không bao giờ nói gì ít hơn bệnh lao!”

Tôi phân vân và bắt đầu tự hỏi bí mật gì nằm sau nhu cầu khuếch đại bệnh tật của người ta. Đây là bí mật ấy: nếu bạn có một bệnh trầm trọng, bạn có một gánh nặng lớn; bạn sẽ được coi là quan trọng. Nhưng nếu bạn bị một bệnh nhẹ, bạn trở thành người vô giá trị, vì bệnh tật của bạn có bản chất lật vật. Nó không mang giá trị là bao, không cần để người khác phải lo lắng về bạn. Cho nên bệnh trầm trọng được gọi là bệnh vương giả - bệnh lao được xem như bệnh vương giả. Người nghèo không phải chịu bệnh đó, chỉ có vua bị bệnh đó!

Gần đây tôi vừa đọc về một người đàn bà, người tới một bác sĩ và yêu cầu ông ta cắt bỏ ruột thừa cho mình. Ông bác sĩ hỏi, “Ruột thừa của bà gây rắc rối cho bà sao?”

Người đàn bà nói, “Không, nhưng điều đó không thành vấn đề. Tất cả đàn bà trong câu lạc bộ mà tôi là thành viên đều đã trải qua ca mổ - một số người đã cắt ruột thừa, số khác có cái gì đó khác để bị cắt bỏ, nhưng không có cái gì đã bị bỏ khỏi thân thể tôi. Tôi không cái gì để nói cả!”

Con người quý trọng gánh nặng trên lưng mình, cho nên thật khó để phát hiện ra người nhẹ như hoa, người có thể nói, “Tôi không mang tải trọng nào.” Chỉ người đã giao phó tất cả tải trọng của mình cho sự tồn tại mới có thể nói như thế, và điều đáng

quan tâm về việc này là ở chỗ toàn thể tải trọng là một mình của sự tồn tại trong bất kỳ trường hợp nào. Chúng ta cứ chôn mình vào một cách không cần thiết. Hoàn cảnh của chúng ta giống như hoàn cảnh của hành khách đang đi trên tàu hỏa với tải trọng của mình để trên đầu mình. Hành khách khác khuyên người đó đặt nó lên sàn, và thế rồi nói, “Sao anh làm nặng bản thân mình một cách không cần thiết thế?”

Người đó trả lời, “Tôi chỉ mua có mỗi một vé cho bản thân tôi thôi.” Người đó đơn giản và ngây thơ làm sao. Người đó nói, “Tôi đã không mua vé cho hành lý của tôi. Làm sao tôi có thể đặt cái va li này và đồ trải giường lên sàn được? Như thế là đánh lừa chính phủ. Cho nên tôi đặt nó lên đầu.”

Bởi vì con người đơn giản ấy không có ý tưởng gì về việc đặt tải trọng trên đầu mình thì đâu có gì khác biệt với toàn bộ tải trọng của con tàu. Tải trọng toàn bộ của vũ trụ này do sự tồn tại mang. Toàn bộ việc thực hiện quản lý vấn đề của vũ trụ này được thực hiện bởi một mình sự tồn tại. Nhưng chúng ta là những hành khách rất kì lạ. Chúng ta nhận được hạnh phúc lớn do việc đặt hành lý lên đầu mình trong suốt cuộc hành trình trong con tàu của sự tồn tại. Chúng ta thậm chí nói với những người đang mang những gánh nặng, “Anh đã làm lãng phí đời mình rồi đấy. Anh nên tăng gánh nặng lên.” Và tại sao? Để cho đến lúc người ấy chết tải trọng của người đó trông lớn đến mức mọi người sẽ bình luận người đó đã dễ sau nhiều điều thế! Đây là lí do tại sao, khi một ai đó chết, chúng ta bàn tán ngay cả về những tải trọng mà họ không bao giờ mang. Chúng ta giúp làm cho tải trọng đó có vẻ lớn hơn.

Tôi đã từng nghe: một người chết, và ông linh mục của làng, đứng gần nấm mồ anh ta, bắt đầu nói về người đó trong khi cỗ quan tài đang được hạ dần xuống huyệt. Ông ấy ca ngợi về đức hạnh của người quá cố, những hành vi tốt của người đó, và việc

phục vụ của người đó với người khác. Nghe thấy điều này, vợ của người quá cố trở nên hơi lo âu. Bà ta bảo đứa con mình cúi mình thêm chút nữa để nhìn vào trong quan tài và để chắc chắn rằng nó có chứa thi hài người cha, vì bà ấy chưa bao giờ nghe nói về tất cả những hành vi tốt này mà ông linh mục nói là đã làm. Đến đêm bà ấy tới ông linh mục và hỏi ông ta, “Ông đã nói gì về chồng tôi vậy? Theo chỗ tôi được biết, chồng tôi chưa bao giờ làm bất kì điều gì mà ông đã nói.”

Ông linh mục đáp, “Bà đừng lo. Ông ấy có thể đã không làm bất kì những hành vi tốt đó, nhưng người ta sẽ nói gì về ông chồng bà nếu những hành động như vậy không được nhắc tới?”

Voltaire có một người bạn. Ông ta đã xúc phạm Voltaire trong cả đời. Ông ta thường chỉ trích Voltaire theo mọi cách thức có thể. Ông ta thường đối lập với Voltaire trên mọi vấn đề. Ông ấy không phải là một người tốt. Khi ông ấy chết, một ai đó tới Voltaire và nói, “Bây giờ giữa các ông có hoà bình rồi; sau rốt, ông ta là bạn của ông. Cứ cho là ông ta đã xúc phạm ông nhiều lắm, đã điếm tên ông, phê phán ông chua cay, và cố gắng phá hoại ông. Nhưng bây giờ ông ta chết rồi, xin ông viết đôi lời ca ngợi ông ta.” Cho nên Voltaire đã viết, “Ông ấy là người tốt và là một người vĩ đại - với điều kiện là ông ấy thực sự chết.” Nếu một người đang sống thì chúng ta không thể ca ngợi người đó được. Khi người đó chết rồi chúng ta phải ca ngợi người đó, và gánh nặng mà người đó chưa hề mang được gán cho anh ta.

Nhưng Ishavasya đang nói tới một người mà với người đó không còn lại gì để ca ngợi sau cái chết của anh ta. Nó nói về người đã dồn tất cả quyền tác giả cho sự tồn tại. Một người nói, “Tôi không có chút nào, một mình nó có đấy. Nếu có người làm, đấy chỉ là sự tồn tại. Nhiều nhất tôi chỉ là quân tốt đen trong trò chơi của nó. Tôi sẵn lòng đi tới bất kì đâu nó hướng tôi tới; tôi sẵn lòng là bất kì cái gì nó muốn, tôi sẵn lòng làm bất kì cái gì nó

chỉ thị. Nếu nó muốn làm tôi thất bại, tôi sẵn lòng bị thất bại; nếu nó làm tôi thành người thắng, tôi sẵn lòng thắng. Không thành công không thất bại là của tôi. Thất bại là của sự tồn tại, thắng lợi cũng là của sự tồn tại.”

Việc buông xuôi của người như thế là toàn bộ. Người đó qui mọi thứ cho sự tồn tại: “Tôi nữa - cũng như tất cả mọi việc làm - đều là của sự tồn tại.” Người như vậy sẽ làm tất cả những gì cần thiết trong cuộc sống - sống, thở, đi, đứng, ngồi, làm nghĩa vụ của mình, ăn thức ăn và ngủ ban đêm. Mọi hoạt động này sẽ có đó, nhưng sẽ không có người làm bên trong.

Đây là con đường duy nhất. Để tôi nhắc lại, hiền nhân của Ishavasya hoàn toàn đúng khi ông ta tuyên bố rằng đây là con đường duy nhất. Và người đã thực sự sống không bị ảnh hưởng bởi thế giới này - không bị đụng chạm, bao giờ cũng tươi tắn và mới tinh, hồn nhiên như khi họ được sinh ra - là những người chưa bao giờ tích lũy, chưa bao giờ nuôi dưỡng bất kì loại bản ngã nào trong cuộc hành trình của họ qua cuộc sống; người đã sống trong một trạng thái vô ngã. Bản ngã nghĩa là tôi là người làm, vô ngã nghĩa là buông xuôi - buông xuôi mọi thứ dưới chân sự tồn tại.

Ham muốn thực sự

*Asura -
ma quỷ -
là những người bị vây bọc
trong bóng tối của không hiểu biết mình.
Những người là kẻ giết cái ta
đi tới thế giới của Asura sau cái chết.*

Upanishad chia con người ra làm hai loại. Loại thứ nhất là những người giết chết *atman* - cái ta; họ là những người tự tử vì họ giết cái ta riêng của họ. Và có những người biết cái ta; họ thuộc vào loại thứ hai. Người biết cái ta và người giết cái ta. Chúng ta có một từ, *atmahatya*, nghĩa là giết cái ta, nhưng chúng ta không dùng nó theo đúng nghĩa của nó. Upanishad đã dùng nó theo đúng nghĩa của nó. Khi một người phá huỷ thân thể mình, chúng ta nói người đó tự tử - đã giết chết *atman*. Điều này không đúng, vì giết chết thân thể không có nghĩa là giết chết *atman*. Giết thân thể riêng của bạn chắc chắn là tự tử. Nó chắc chắn có nghĩa là cái chết riêng của riêng bạn, và vậy mà, đồng thời, nó không phải là của riêng bạn. Nó đơn thuần là thay đổi cái vỏ, thay đổi thân thể. Nó là việc giết chết thân thể, không phải là giết cái ta - không phải là giết chết *atman*.

Upanishad gọi người ấy là kẻ giết chết - kẻ phá huỷ cái ta - người cứ sống mà không biết đến bản thân mình, người bị bao phủ trong dốt nát. Người như thế là người đang giết chết *atman* của mình. Sống mà không biết đến bản thân mình là việc tự tử thực sự. Và tất cả chúng ta đều sống mà không biết đến chính bản thân mình. Chúng ta sống nhưng chúng ta không biết chút nào về chúng ta là ai, chúng ta từ đâu đến, tại sao chúng ta có, chúng ta có với mục đích gì, chúng ta đi đâu, ý nghĩa cuộc sống này là gì. Không, về tất cả những câu hỏi này, chúng ta không có ý tưởng mờ nhạt nào. Chúng ta không biết gì về bản thân mình. Chúng ta có thể biết về nhiều thứ khác, nhưng chúng ta hoàn toàn dốt nát về một điều; chúng ta không biết gì về bản thân mình.

Upanishad sẽ gọi chúng ta là kẻ giết cái ta, là *asura* - là ma quỷ. Cố ý hay không cố ý chúng ta làm tổn thương bản thân mình chừng nào mà chúng ta còn chưa biết tới bản thân mình. Trước hết dốt nát của chúng ta gây rắc rối cho chúng ta, thế rồi nó gây rắc rối cho người khác. Nhớ trong tâm, người dốt nát tấn công

bản thân mình trước và tấn công người khác sau. Thực ra chừng nào mà chúng ta còn chưa tấn công mình trước, không thể tấn công người khác được. Không thể gây đau cho người khác trước khi chúng ta làm như thế cho bản thân mình. Người chưa bao giờ bị gai đâm vào chân mình không rải gai trên đường của người khác. Và người còn chưa làm cho mình phải khóc không bao giờ tạo ra kế hoạch gây rắc rối cho người khác. Sự kiện là trước hết chúng ta tạo ra rắc rối cho chính mình, và khi nó đã trở thành rắc rối và tập trung và bắt đầu biểu lộ qua chúng ta, thế thì chúng ta bắt đầu phân phát nó. Duy nhất khổ làm cho người khác bất hạnh. Điều này dường như là phải vì chúng ta đang chia sẻ cái chúng ta có. Nhưng việc cho này là cái đến sau, cái thứ yếu; trước hết chúng ta gây ra đau đớn và khổ sở cho bản thân mình.

Không phải tất cả chúng ta đều đang gây ra đau khổ cho bản thân mình đây sao? Chúng ta đang làm thế đấy! Chúng ta có thể cố gắng để đem vui vẻ và thích thú đến cho người khác nhưng đến cuối cùng chúng ta chỉ đem cho đau khổ. Con đường tới địa ngục được lát bằng thiện ý, và nó được làm bằng những nỗ lực của mong muốn tốt lành mà chúng ta nuôi dưỡng cho bản thân mình. Ham muốn của chúng ta là gì không phải là vấn đề gốc rễ. Tất cả chúng ta đều ham muốn đem vui vẻ đến cho bản thân mình, nhưng không ai có thể đem cho mình vui vẻ mà không biết đến bản thân mình. Làm sao một người không biết “Tôi là ai?” có được bất kỳ ý tưởng nào về “Vui vẻ của tôi là gì? Tôi có thể biết được vui vẻ của mình là gì chỉ khi tôi biết bản tính của tôi, bản thể của riêng tôi, cái ta của tôi.”

Chừng nào mà tôi còn chưa biết gì về loại gốc rễ ẩn sâu trong tôi, làm sao tôi có cảm giác nào về hoa gì có thể nở trong tôi? Tôi có thể hi vọng vào loại hoa nào khi tôi đốt nát đến thế về loại hạt mầm nằm bên trong tôi? Tôi nên ao ước là loại hoa nào? Nếu tôi không có một ý tưởng tối thiểu nào về bản thân hạt mầm, kết quả chỉ có thể là bất hạnh cho tôi, dù tôi có thể cố gắng bất kỳ

cái gì, vì tôi không thể là cái tôi cố là được, và hậu quả tôi trở thành khổ, đau buồn, lo âu. Tôi sẽ chết trong căng thẳng và lo âu. Toàn thể cuộc đời tôi sẽ là cuộc chạy đua điên cuồng của thèm khát, nhưng tôi sẽ không đạt tới đâu cả. Mặc dầu cuộc hành trình rất dài, tôi sẽ không tìm ra nơi đến, vì nó bị giấu kín trong bản tính của tôi, trong cái ta của tôi.

Trước hết tôi phải biết tôi là ai. Tôi phải chắc chắn liệu tôi đang cố gắng phát hiện ra tôi là gì, hay liệu tôi đang cố gắng phát hiện ra tôi không là gì. Nếu tôi không phát hiện được tôi không là gì, tôi sẽ chắc chắn bị khổ. Điều đáng quan tâm hơn là ở sự kiện rằng nếu tôi thực sự thành công trong việc phát hiện ra tôi không là gì, tôi vẫn sẽ khổ. Những người không thành công trong cuộc sống chắc chắn trở nên khổ, nhưng không có sự chấm dứt khổ sở cho cả những người thành công. Những người không thành công đó trở thành khổ là có thể hiểu được. Nhưng những người thành công cũng trở nên bất hạnh. Đi và tìm ra điều ấy từ người thành công mà xem.

Thế thì dường như là cuộc sống là một trò đùa lớn, sự điều cợt. Trong thế giới này người không thành công trở thành bất hạnh, điều dường như hoàn toàn logic; điều ấy dường như công bằng và đúng đắn. Nhưng những người thành công trong cuộc sống cũng bất hạnh. Trong những hoàn cảnh như thế, thế giới này dường như là rất quái dị và không cân bằng. Khi cả người thành công và người không thành công đều phải bất hạnh, thế thì dường như không có cách nào để hạnh phúc. Cho nên trước hết chúng ta hỏi những người thành công tại sao họ bất hạnh, vì không cái gì đáng ngạc nhiên về người không thành công bị bất hạnh. Chúng ta hỏi những người như Alexander Đại đế và Stalin; chúng ta hỏi các nhà triệu phú như Carnegie và Ford. hỏi những người đã thu được cái họ muốn. Hỏi họ, “Ông có tìm thấy hạnh phúc không?” và bạn sẽ rất phân vân khi nghe họ trả lời. Họ nói, “Chúng tôi đã thành công, nhưng thành công trong việc tìm ra bất hạnh.”

Những người không thành công cũng nói, “Chúng tôi không đạt tới hạnh phúc; thay vì thế chúng tôi tìm thấy bất hạnh.” Những người đã đạt tới thành công nói, “Chúng tôi thành công trong việc trở nên bất hạnh; chúng tôi chỉ tìm thấy bất hạnh trong tay.”

Những người chạy nhanh nhất trong cuộc đua của cuộc sống đạt tới đích của họ chỉ qua bất hạnh; và những người không đạt tới đâu và cứ lang thang đây đó nơi hoang vu cũng vẫn vơ trong khổ sở. Khi như vậy là trường hợp, cái gì là khác biệt giữa đích đến và con đường? Cái gì là khác biệt giữa đi lang thang và đạt tới đích? Đường như không cái gì khác biệt cả. Khác biệt không thể được thấy, vì người không biết mình là ai sẽ bị làm cho khổ sở ngay cả bởi thành công của người đó. Cái ngày mà người đó trở nên thành công người đó sẽ nhận ra rằng toà nhà mà người đó đã xây dựng - thành tựu lớn của người đó - đã không hoàn thành nhu cầu của người đó. Nó không cho bản tính của người đó sự nuôi dưỡng nào. Toà nhà đã được xây dựng, người đó đã tích lũy của cải, người đó đã tìm thấy danh vọng và tài sản; nhưng những thành đạt này không nuôi dưỡng gì cho bất kì phần nào của cuộc sống nội tâm của người đó cả, chúng không đem đến mãn nguyện. Người đó đã phải thăm dò để phát hiện, “Cái gì là ham muốn thực sự của mình, cái gì là khát khao của mình? Mình thực sự ước muốn cái gì?” Không biết được ham muốn thực sự của mình bạn sẽ đơn giản cứ tiếp tục ham muốn, nhảy hết từ ham muốn nọ sang ham muốn kia.

Vài ngày trước khi chết, Freud đã viết trong một bức thư gửi cho một người bạn: “Sau khi nghe nói về khổ sở của hàng nghìn người trong cả cuộc đời tôi, tôi đã đi đến kết luận rằng loài người mang định mệnh là bao giờ cũng còn trong bất hạnh, lí do là ở chỗ con người không biết mình muốn gì.” Khi một người như Freud nói một điều như vậy, vấn đề này cũng đáng để suy nghĩ tới. Ông ấy nói, “Tôi đã đi đến kết luận rằng con người không biết mình muốn gì, sau khi đã nghiên cứu những đau khổ, lo âu,

khắc khoải và những xung đột tinh thần của hàng nghìn người bất hạnh.”

Con người sẽ không bao giờ biết điều mình muốn bởi vì, ngay ở chỗ đầu tiên, người đó không biết mình là ai. Giả sử tôi ra phố mua quần áo may sẵn cho bản thân mình. Tôi không biết gì về thân thể tôi cả, tôi không biết gì về số đo của mình cả, tôi không biết gì về các yêu cầu thân thể của tôi; nói tóm lại, tôi không có bất kì ý tưởng nào về bản thân mình vậy mà tôi ra phố mua quần áo may sẵn. Khi chúng có đây ra đây tôi thấy rằng chúng không vừa với tôi. Có cái gì sai ở đâu đó; chúng không khớp với việc sử dụng của tôi. Bằng đủ mọi cách đi và kiểm quần áo may sẵn đi, nhưng trước khi đi ra, tìm xem bạn là ai, tìm xem quần áo của ai đang được chuẩn bị, nhà của ai đang được xây dựng, hạnh phúc của ai đang cần được tìm.

Điều rất đáng quan tâm là quan sát rằng một người biết mình là ai không sớm hơn cuộc hành trình, và mọi thu xếp cùng chuẩn bị cho toàn bộ cuộc đời anh ta, được biến đổi. Người đó không còn tìm kiếm những cái mà chúng ta tìm kiếm nữa. Người đó không biểu lộ sự sẵn lòng mỉm cười và vẻ hài lòng bởi ai đó chào giá hời - hay không phải mất gì - để có được cái mà vì nó chúng ta phải lao động vất vả. Nếu ai đó sẵn lòng cho không người đó cái gì đó, người đó sẽ quay mặt đi với người này trong trường hợp cái đó bị tổng vào anh ta. Người đó quyết tâm đạt tới cái gì đó hoàn toàn khác, cái gì đó bất thường; và cũng rất đáng quan tâm mà thấy rằng những người đã biết bản thân mình không bao giờ thất bại. Cho đến giờ họ chưa bao giờ không thành công. Họ thành công cũng nhiều như những người không biết bản thân mình vẫn không thành công. Người đã biết tới bản thân mình trở nên thành công bởi vì, khi biết về cái ta, người đó mở ra cho bản thân mình cái bí mật đó và cái cửa đó nơi phúc lạc có đấy. Phúc lạc đó bị ẩn giấu bên trong cái ta.

Cho nên, Upanishad tuyên bố có hai kiểu người: những người biết tới chính bản thân họ, và những người dốt nát về bản thân họ. Những người không biết tới bản thân mình theo đuổi con đường của họ đi vào dốt nát, và mọi thứ họ làm đều được tiến hành trong dốt nát. Họ cứ thu nhận trong dốt nát, họ ra quyết định trong dốt nát, và trong cái dốt nát của họ, cuộc đua của họ càng trở nên ngày một nhanh hơn. Cách nhìn nhận thông thường là: “Mình đã không đạt được điều mình muốn trong cuộc sống bởi vì mình chạy chưa nhanh như mình đáng phải chạy. Để mình chạy nhanh hơn một chút, nhanh hơn, rồi nhanh hơn nữa, để cho mình có thể đạt tới mục đích của mình. Có lẽ mình chưa đạt được nó bởi vì mình đã không đặt cược tất cả. Nếu mình đặt cược tất cả, mình có thể đạt được.”

Chúng ta không bao giờ dừng việc xem xét liệu điều ta đang cố gắng đạt tới có bất kì hài hoà nội tâm nào với chúng ta hay không. Cho dù một điều được đạt tới, nó sẽ thành vô dụng, và nếu nó không được đạt tới, nó không thể hữu dụng gì; và thời gian dành ra để thu được nó hay để không thể thu được nó bị mất đi. Tới mức độ này chúng ta trở thành kẻ ám sát của mình. Chúng ta đã trở thành asura, ma quỷ, kẻ giết atman - cái ta. Từ *asur* nghĩa là những người sống trong bóng tối. Nó có nghĩa là những người sống tại một nơi mà ánh sáng mặt trời không đạt tới, một nơi mà không có bừng sáng. Họ dò dẫm trong bóng tối, họ vẫn vờ trong bóng tối, giống như mầm mống của bóng tối. Những người không biết tới bản thân mình đang sống trong bóng tối này.

Biết tới bản thân mình là trở thành mặt trời. Cuộc hành trình của một cá nhân như vậy là đi vào trong thế giới của ánh sáng; nhưng có những người mà ánh sáng bên trong của họ không cháy, bị tắt ngấm; họ chìm sâu trong bóng tối. Những người vẫn còn đang chạy, dò dẫm, khao khát, đi theo kẻ mù, đều giống như kẻ mù theo sau kẻ mù. Và còn có một số người trong số họ là

những kẻ nói lớn; những người như thế có những người theo sau ít nói hơn, và cứ thế cuộc đua tiếp diễn. Kẻ mù với chút ít dũng cảm tập hợp quanh mình những kẻ mù ít dũng cảm hơn.

Kahlil Gibran đã viết rằng ông ấy đi lang thang từ làng nọ sang làng kia, hứa hẹn cho mọi người thấy Thượng đế nếu họ theo ông ấy. Không ai đã bao giờ theo ông ấy cho nên không rắc rối nào nảy sinh. Dân làng bảo ông ấy tới lần nữa vì họ đang rất bận với những việc khác. Mùa màng đang chín rộ và phải gặt ngay, cho nên ông ấy nên tới sau một thời gian nữa. Khi ông ấy lại tới thăm họ, họ nói, “Năm nay mùa màng không được tốt; có khan hiếm lương thực và chúng tôi đang khó khăn. Xin phiền ông tới sang năm vậy.” Ông ấy vẫn tiếp tục tới thăm làng ấy. Ông ấy không vội vàng gì để thuyết phục bất kì ai theo ông ấy, nhưng một người hăng hái trong làng đó quyết định đi theo ông ấy. Khi Gibran nói, “Theo ta nếu ông muốn gặp Thượng đế,” thì người đó quẳng chiếc rìu của mình đi và nói, “Tôi xin theo ông!”

Gibran trở nên nóng nảy. Thế rồi ông ấy nghĩ, “Không biết thằng cha này theo mình bao lâu? Trong một hay hai tuần nó sẽ mệt mỏi và sẽ rời bỏ ta.” Nhưng người dân làng này vẫn tiếp tục theo ông ấy.

Một năm trôi qua. Người này nói, “Tôi sẽ theo ông đến bất kì đâu ông đưa tôi tới.” Hai năm trôi qua và Gibran trở nên ngày một nóng nảy hơn. Ông ấy cố tránh người theo mình, nhưng người này bao giờ cũng đứng sau ông, nói, “Tôi được chuẩn bị để theo ông tới bất kì đâu ông đưa tôi đến. Tôi sẽ tuân theo bất kì điều gì ông bảo tôi làm.”

Sáu năm trôi qua theo kiểu này. Thế rồi một hôm người này tóm lấy cổ Gibran và nói, “Ông đã lấy thời gian khá lâu rồi, bây giờ chỉ cho tôi Thượng đế. Ông muốn đi đâu bây giờ nào?”

Thầy nói, “Ta xin lỗi; ta thậm chí đã lạc đường trong việc đi cùng với ông. Bản thân ta đã lạc đường vì ông đã theo ta. Trước khi ông bắt đầu theo ta, con đường của ta hoàn toàn rõ ràng cho ta. Mọi thứ đều rõ ràng thấy được. Ta đã gần tới đích, Thượng đế đã ở trước mặt ta. Tai hoạ làm sao mà ta để ông đi cùng ta! Bây giờ ta đã lạc mất đường rồi. Cho nên xin ông rời bỏ ta và đi theo đường của ông đi.”

Người dân làng đó cảnh cáo ông, “Đừng tới làng tôi lần nữa đây!”

Gibran nói, “Này người anh em, tôi xin ông thứ lỗi. Tôi sẽ không bao giờ tới thăm làng ông nữa đâu, nhưng tôi có thể sang làng khác, vì không có những người như ông trong các thôn làng này. Họ chỉ đơn giản nghe tôi và tôi cứ đi một mình trên con đường của mình.”

Con người, bản thân người đó sống trong dốt nát, thường được cho là đi nói cho người khác về ánh sáng của tri thức đúng đắn; để làm cho người đó thoải mái và giúp người đó quên đi bóng tối của riêng người đó. Điều quan trọng là nhận biết về những người như thế. Khi bạn bắt đầu nói về những vấn đề mà bạn không biết gì về nó, thật khó ước lượng được bạn làm hại người khác đến mức độ nào. Nhưng thật khó mà tìm ra một người tuân theo qui tắc chỉ nói những điều mình biết, và người giữ im lặng về điều người đó không biết. Không, có hấp dẫn lớn để chỉ cho người khác, để bảo người khác, nếu cơ hội nảy sinh. Hấp dẫn này cực kì lớn. Nếu chúng ta gặp ai đó mà dường như chút ít yếu về chủ đề Thượng đế và linh hồn, và người mà có thể bị tràn ngập và kính cẩn bởi việc nói của chúng ta, thế thì chắc chắn chúng ta sẽ tổng tri thức của chúng ta cho người đó. Thế thì chúng ta sẽ chỉ cho người đó con đường đạt tới Thượng đế và chỉ dẫn người đó cách tiến hành.

Công việc chỉ ra con đường cho người khác là thích thú và hài lòng bởi vì nó tạo ra ảo tưởng trong chúng ta rằng chúng ta đã biết con đường; và trong việc chỉ nó cho người khác qua một thời gian dài, dần dần chúng ta quên mất rằng bản thân chúng ta không biết đến chân lí. Có rất ít người thực sự biết, nhưng có rất nhiều người bao giờ cũng sẵn sàng cố vấn cho người khác. Sẽ có lợi rất nhiều cho thế giới nếu những người không biết mà cứ đi nói cho người khác sẽ giữ im lặng về chủ đề tri thức tâm linh. Nhưng rất khó để họ giữ yên tĩnh, và cũng khó tương đương cho người khác để làm im lặng họ. Nếu bạn cố gắng làm họ im lặng, họ sẽ bắt đầu hét to nhiều hơn, vì trong việc hét to lên họ có thể tự lừa dối mình. Âm thanh riêng của họ rơi vào tai họ tạo ra niềm tin trong họ: “Tất cả đều ổn thoả, tôi biết chân lí rồi!”

Upanishad tuyên bố rằng có hai kiểu người. Cần nhắc và xem xét cẩn thận xem bạn thuộc vào kiểu nào trong hai kiểu này, bạn thuộc vào phân loại nào. Cần phải ra quyết định một cách chân thành và đúng đắn về bản thân mình để cho bước tiếp có thể được lấy đúng đắn và theo đúng hướng. Bạn là ai? Người tự giết mình hay người tự biết mình?

Nếu bạn là người tự biết mình thế thì không vấn đề gì nảy sinh, vấn đề xong rồi. Thế thì không có hành trình nào cho bạn. Nếu bạn là người tự giết mình thế thì bạn phải làm cuộc hành trình. Nó còn chưa bắt đầu, để một mình câu hỏi về sự tồn tại của nó qua đi. Nhưng thật dễ để coi bản thân mình là người biết về cái ta, vì tất cả chúng ta đều đã đọc Upanishad, Gita, Kinh thánh, Koran và những điều Mahavira và Phật đã nói. Thật khó tương đương được điều này đắt giá và tai hại đến đâu cho nhân loại. Những cuốn sách ‘tôn giáo’ này ở ngay đầu lưỡi mọi người; tất cả họ đều biết đầy đủ. Sự kiện là, không ai biết gì về họ nhưng tất cả đều trong ảo tưởng rằng họ biết mọi điều, vì toàn bộ sách vở đều được ghi nhớ.

Người ta viết thư cho tôi nói rằng, “Thầy nói điều gì đó về vấn đề nào đó, nhưng nó dường như không đúng vì có điều gì đó khác đã được viết về nó trong sách như vậy và như vậy.” Bây giờ, nếu bạn biết cái gì là đúng thế thì không cần bạn phải nghe điều tôi nói. Và nếu bạn không biết cái gì là đúng thế thì làm sao bạn có thể quyết định được cái như thế và như thế mà sách đã viết là đúng? Vấn đề này không thể được quyết định đơn giản chỉ bởi việc suy nghĩ và cân nhắc về nó. Người ta phải làm điều gì đó trong vấn đề này, đơn giản nghĩ và cân nhắc không có tác dụng.

Hôm qua khi tôi rời khỏi chỗ này, một người bạn đã tiến tới chiếc xe và nói, “Điều thầy vừa nói trong bài giảng hôm nay đã được nói tới trong Yogasara rồi.” Bây giờ, người này đã đọc Yogasara. Cho nên tôi nói, “Chú ý làm như tôi vừa bảo bạn - vì nếu bạn đã hành động theo điều mà Yogasara phải nói, bạn sẽ không cần đi đến tôi nữa. Bạn đã bày tỏ tôn kính lớn lao với Yogasara; nhưng bạn đã không làm gì cả. Xin đừng tôn kính tôi theo cùng cách đó. Và bây giờ bạn hỏi liệu điều này đã không được nói trong Yogasara không. Nó có tạo ra khác biệt nào? Bạn đã đọc Yoagasara và bây giờ bạn đã nghe tôi. Câu hỏi là: khi nào bạn sẽ đưa vào thực hành điều bạn đã nghe thấy?”

Người hỏi không phải là trẻ con, trẻ con không bao giờ hỏi những câu hỏi ngu xuẩn như vậy. Người đó là một ông già. Nếu bạn muốn thu thập những câu chuyện rất ngu xuẩn, bạn nên tới với ông già ấy, vì cái ngu xuẩn của họ đã chín muồi và đúng vụ. Họ đã kinh nghiệm đốt nát theo tất cả sức mạnh và sức nặng của chúng. Họ quen thuộc với mọi kinh sách. Họ biết tất cả những điều đã được nói. Họ đã trở thành ‘người biết về cái ta.’ Không có hại gì khi trở thành như vậy. Điều ấy là rất tốt, rất đáng ca ngợi. Nếu ai đó trở thành người biết về cái ta, đây là lí do để mở hội. Nhưng thế thì người ấy không có nhu cầu đến với tôi làm gì cả, và từ khi người ấy tới, tôi biết rằng việc đọc Yogasara của

ông ấy là vô dụng và rằng bất kì cái gì ông ấy đã đọc cho đến nay đều không ích lợi gì.

Điều rất có thể là những người như vậy sẽ làm cho tôi thành vô dụng khi họ đã thực hiện mọi việc đọc của họ. Họ quá bận rộn với hoạt động này. Nếu tôi nói rằng điều Yogasara đã nói là đúng, thế thì - tôi biết điều đó - vấn đề sẽ xong rồi. Nhưng nếu tôi nói, “Nó không được nói theo cách này trong Yogasara,” họ sẽ nắm ngay lấy cơ hội để bắt đầu tranh cãi. Bạn có thể tranh biện trong cả đời mình.

Tôi không hào hứng với bất kì cuộc tranh cãi nào, tôi không lo lắng gì mấy tới bất kì chủ nghĩa nào. Tôi hào hứng với mỗi việc còn con này - rằng bạn có thể có khả năng quyết định được rõ ràng liệu bạn là người giết cái ta hay là người biết cái ta. Nếu bạn là người biết cái ta, bạn ở bên ngoài việc xem xét. Thế thì tôi không bận tâm với bạn. Vấn đề xong rồi! Nếu bạn là người giết cái ta thế thì cái gì đó có thể được thực hiện, và tôi đang bảo bạn điều có thể được làm. Nhớ lấy lấy điều này: không phải là việc tôi bảo bạn làm cho nó thành đúng, không cái gì trở thành đúng bởi vì lời nói của tôi là vậy. Bạn sẽ không biết nó theo bất kì cách nào chừng nào mà bạn còn chưa dịch nó thành hành động. Biết nó sau khi đưa nó vào thực hành đi - sau việc thực hiện của nó.

Tôn giáo là thực nghiệm, không phải là ý nghĩ. Tôn giáo là phương pháp hành động, không phải là phương pháp suy nghĩ. Tôn giáo là khoa học, không phải triết học. Nó chắc chắn là phòng thí nghiệm, nhưng không phải là phòng thí nghiệm phức tạp nơi chúng ta tới và thu thập chất liệu và công cụ, và bắt đầu thực hiện thực nghiệm. Bản thân bạn là phòng thí nghiệm. Toàn bộ thực nghiệm được tiến hành bên trong bản thân bạn.

Đủ cho hôm nay. Chúng ta sẽ nói về lời kinh khác vào ngày mai. Bây giờ tôi sẽ nói vài lời về thực nghiệm của chúng ta ở đây và thế rồi chúng ta sẽ bắt đầu làm nó. Tôi bắt đầu với niềm tin

rằng bạn là người giết cái ta. Bạn có thể bị xúc phạm bởi lời tôi. Điều tốt là bạn bị xúc phạm. Điều tốt là bạn bị tổn thương một chút. Đôi khi tôi thấy mọi người bị chết về xúc động đến mức họ thậm chí không còn bị ảnh hưởng bởi những lời như vậy. Nếu bạn dán cho họ cái nhãn là người giết cái ta, họ sẽ nói, “Anh đúng đấy, chúng tôi chấp nhận cái nhãn của anh.” Tôi bảo bạn rằng bạn đang sống cho đến tận bây giờ mà không biết gì về bản thân mình. Tôi muốn bạn đi vào bên trong cái ta của bạn, và có khả năng nói với cái ta của bạn, “Tôi đang sống mà không biết về cái ta của mình”; vì đau xót của việc không biết tới cái ta là sắc buốt đến mức nó sẽ hướng dẫn bạn trong thực nghiệm của bạn. Bằng không không thể làm được điều đó.

Nhớ lấy trong đầu, thực nghiệm này là tới mức bạn sẽ biết nó chỉ nếu bạn làm nó. Bạn sẽ không có khả năng biết bởi vì người bên cạnh bạn làm nó. Trong buổi thiền chiều nay tôi thấy khoảng chục người tuyệt đối ngây thơ ngồi nhìn quanh đây đó để xem người khác đang làm gì. Họ sẽ thấy gì? Ai đó chạy, ai đó múa, ai đó khác hét to. Bạn nhìn cái gì vậy? Có thể bạn đang nghĩ rằng những người ấy điên. Tôi đang bảo bạn nghĩ lại - *bạn* là người điên đấy! Người kia đang làm điều gì đó. Bạn đã tới để quan sát người điên sao? Tại sao tất cả các bạn đã lên đường tới đây? Chỉ để quan sát ai đó nhảy múa sao? Công sức bạn tới đây bị phí hoài rồi. Cuộc hành trình dài thế và vô ích đến thế. Nếu bạn muốn thấy người điên bạn có thể làm điều đó ở thành phố riêng của bạn. Bạn không cần phải làm cuộc hành trình dài đến thế và leo lên ngọn núi này.

Bạn sẽ không bao giờ có khả năng biết cái gì đang xảy ra bên trong thân thể người khác. Nếu người đó đang cười to bạn sẽ có khả năng nghe thấy âm thanh của tiếng cười, nhưng bạn sẽ không bao giờ biết được giấc mơ người đó đang mơ bên trong bản thân người đó. Nếu người đó đang khóc bạn sẽ có khả năng thấy nước mắt của người đó, nhưng bạn sẽ không bao giờ biết cái

đã bị kích động bên trong người đó và cái trào ra qua nước mắt người đó. Nếu người đó nhảy múa bạn sẽ thấy tay người đó đưa lên đưa xuống, hay bạn sẽ thấy người đó nhún nhảy, nhưng bạn sẽ không bao giờ biết âm thanh nào bắt đầu chơi bên trong người đó, sợi dây nào bắt đầu âm vang bên trong anh ta: bạn sẽ không có khả năng nghe thấy âm thanh không biết đó của cây sáo bên trong người đó, dù bạn có để tai mình sát gần ngực người đó đến đâu. Do đó tôi bảo bạn quên hoàn toàn người khác đi, gạt sang bên mọi bận tâm về người khác.

Cho nên tôi muốn nói rằng từ mai bạn đeo khăn bịt mắt ngay cả trong buổi thiền trưa. Không ai được ngồi đây mà không bịt mắt; và nút tai bạn bằng miếng bông. Gạt sang bên tính tò mò của bạn để nghe và nhìn; bạn sẽ không đến đâu cả qua những hành động như thế. Bạn phải để mắt mở trong chương trình đêm; những người giữ mắt nhắm tới đa trong ngày sẽ có khả năng đi sâu hết mức. Những người chưa làm như thế hôm nay phải nhớ điều này và giữ mắt nhắm nhiều nhất có thể được. Chương trình đêm sẽ thực hiện với mắt mở.

Nhớ lấy điều này: khi mắt bạn mở, năng lượng của bạn tiếp tục chảy ra mọi lúc. Nếu bạn muốn làm thực nghiệm này với năng lượng tối đa của mình, thế thì giữ mắt nhắm nhiều nhất có thể được trong ngày để cho năng lượng đó có thể được tích lũy. Mắt bạn có thể dùng năng lượng này trong chương trình đêm; bằng không nó không thể được dùng. Cho nên thật cẩn thận về điều này sáng mai. Giữ cho mắt, tai và mồm khép kín tới hết mức khả năng bạn. Chương trình sáng và việc im lặng buổi trưa sẽ được trải qua với việc bịt mắt, và mắt bạn sẽ còn để mở cho bốn mươi phút trong chương trình đêm.

Bây giờ chúng ta sẽ ngồi đây trong bốn mươi phút và bạn đơn giản giữ cái nhìn thẳng vào tôi; thậm chí đừng chớp mắt. Để mắt mở trong bốn mươi phút. Bạn sẽ bắt đầu có nhiều kinh

nghiệm, và những người đã tiến hành kinh nghiệm này vào ban ngày - và nhiều bạn đã làm điều đó rất có ý thức - sẽ phát hiện ra một số kết quả rất quan trọng. Những người thích làm điều đó khi đứng nên đi ra vòng ngoài ở các phía và đứng đó, vì họ thích nhảy nhót và múa may mãnh liệt. Những người ngồi ở trung tâm quanh tôi về mọi phía trong góc này nên vẫn còn ở chỗ mình. Bây giờ những người đang đứng nên tản ra mọi hướng. Những người có ý tưởng ít nhất rằng việc đứng sẽ là tư thế thích hợp hơn cho họ nên đi ra xa bây giờ, để cho họ sẽ không cần phải đứng dậy vào giữa chương trình, vì một khi chúng ta bắt đầu bạn sẽ không được phép đứng dậy và quấy rối người xung quanh.

Giữ im lặng hoàn toàn - không ai được nói. Tôi theo dõi và nhìn các bạn trong bốn mươi phút. Tôi sẽ ngồi trong im lặng hoàn toàn. Thế rồi để cho bất kì cái gì xảy ra, cứ xảy ra với bạn. Nếu bạn muốn thở sâu, làm nó; nếu bạn muốn nhảy múa, thì nhảy múa; nhưng chú ý của bạn phải dồn vào tôi, mắt bạn phải nhìn thẳng vào tôi. Nếu bạn có ý hò hét, hay nhảy múa, hay khóc lóc hay cười nói, làm điều đó. Làm bất kì cái gì bạn muốn làm, nhưng giữ mắt hướng về tôi.

Tôi có thể cho bạn vài hướng dẫn. Khi tôi cảm thấy rằng bạn bây giờ đều theo nhịp độ riêng của bạn, tôi sẽ giơ cả hai tay lên. Đồng thời bạn tự thực hiện đầy đủ. Đó sẽ là dấu hiệu của tôi rằng kundalini bên trong của bạn đang dâng lên - đang thức tỉnh. Bây giờ đặt tất cả năng lượng của bạn vào hoạt động của bạn. Và khi tôi cảm thấy rằng bạn đã tràn đầy năng lượng đến mức tính thượng đế có thể giáng xuống bạn, tôi sẽ hạ tay xuống. Thế thì đặt tất cả năng lượng của bạn, không giữ lại một chút nào, vào trong hoạt động của bạn - và nhiều điều sẽ xảy ra!

5

Cột mốc số không

*Yếu tố tâm linh cao nhất đó,
atman, có bản chất không đổi thay,
và có chuyển động nhanh hơn tâm trí.
Các giác quan không thể với tới nó,
vì nó đứng trước tất cả chúng.
Trong sự tĩnh lặng của nó,
nó vượt qua mọi thứ chuyển động.
Chỉ trong sự hiện diện của nó mà
khí sắc cai quản mọi hoạt động
của mọi sinh linh.*

Trong tĩnh lặng của mình, *atman* - yếu tố tâm linh cao nhất - là cái nhanh nhất trong các cái nhanh. Nó vượt qua sự chuyển động của các giác quan và của tâm trí bởi vì nó cao hơn cả hai. Nó có đầy trước khi cả hai thứ này được tạo ra. Nó ở bên ngoài cả hai.

Rất cần thiết và hữu dụng cho người tìm kiếm để hiểu lời kinh này. Điều thứ nhất là ở chỗ chúng ta dốt nát về yếu tố tâm linh cao nhất này; chúng ta không có bất kì tri thức nào về nó. Nó là chúng ta, vậy mà chúng ta không biết gì về nó chút nào. Nó là chiều sâu tối thượng của tâm thức chúng ta, từ nơi con người chúng ta được sinh ra và phát triển.

Nếu bạn tưởng tượng bản thân mình như một cây, việc hiểu biết sẽ được làm thành dễ dàng. Lá trên cây lan rộng trên bầu trời; sau lá là cành nằm lẩn khuất, và tận cùng của cành là phần chóp của cây. Cây cũng có rễ ăn phía dưới, ẩn trong đất sâu. Không quá khó cho cây để tin rằng nó chỉ là lá, vì rễ là không thấy được; chúng bị ẩn sâu trong đất. Cho nên có thể là cây sẽ nghĩ, “Ta là một chùm lá,” quên mất rằng rễ cũng có đó. Nhưng việc nó quên rễ không tạo ra khác biệt gì. Rễ vẫn cứ làm bổn phận của chúng mặc cho việc quên lãng đó. Lá không thể sống lâu được nếu không có rễ của chúng. Điều đáng quan tâm là để ý rằng lá không thể sống nếu không có rễ, nhưng rễ có thể sống mà không có lá. Cho dù nếu chúng ta có chặt cả cây đi, rễ vẫn cứ làm công việc của chúng và một cây mới sẽ mọc ra và nở hoa. Nhưng nếu chúng ta cắt hết rễ lá sẽ đơn giản héo đi, khô đi và chết. Chúng không thể cho sinh thành ra lá được. Rễ ẩn sâu bên dưới trong bóng tối là cuộc sống thực.

Nếu chúng ta xem người như cây, những điều chúng ta gọi là ý nghĩ không gì khác hơn lá của cây - và chúng ta coi tổng toàn bộ những ý nghĩ này là ‘tôi đây’. Rễ nằm ở chiều sâu là cái thực, chúng là yếu tố tâm linh cao nhất. Nhưng cũng như rễ của cây bị

che giấu dưới đất sâu và trong bóng tối, yếu tố tâm linh cao nhất của chúng ta, atman, bị che giấu ở chiều sâu nguyên thủy, trong sự tồn tại. Từ đó chúng ta nhận được điều tinh túy của cuộc sống, từ đó bản thân cuộc sống tới. Từ đó tuôn chảy dòng suối năng lượng-cuộc sống, chảy mãi lên tới lá của chúng ta. Nếu những rễ này không có đó, lá của chúng ta không thể có được. Cho nên vào ngày mà những cái rễ này quăn lại, lá của chúng ta héo đi, cành của chúng ta sẽ khô, mọi người nói về chúng ta, “Người này đã chết.”

Chừng nào mà những chiếc rễ này vẫn còn bú và uống nước nguồn năng lượng cuộc sống, yếu tố tâm linh cao nhất này vẫn còn tiếp tục mở rộng, và chúng ta cảm thấy mình đang sống. Suy nghĩ của chúng ta cũng giống như lá của chúng ta, ham muốn của chúng ta giống như cành của chúng ta, và bản ngã chúng ta được sinh ra từ sự hợp nhất của lá và cành này. Đây là một phần rất nhỏ của sự tồn tại của chúng ta. Phần quan trọng nhất của chúng ta, cái tinh túy cơ bản của chúng ta, bị dấu ngấm dưới đất; nó được Upanishad gọi là atman, nghĩa là yếu tố tâm linh cao nhất. Nó là cái mà chúng ta có thể quên mất, nhưng không có nó chúng ta không thể sống được. Nó là cái mà không có nó chúng ta không thể đạt được cái gì cả. Nhưng nó ở sâu dưới đất, ở độ sâu của sự tồn tại đến mức chúng ta có thể quên mất nó. Yếu tố tâm linh cao nhất ấy bị lãng quên; chúng ta mất cái nhìn về nó.

Điều đáng quan tâm là quan sát rằng cái mà không có nó chúng ta vẫn có thể tồn tại không ở rất sâu, nó ở ngay trên bề mặt thôi, thấy được, và có thể dễ dàng nắm giữ, cho nên khi chúng ta cố gắng nắm giữ bản thân mình, chính do dôi dào suy nghĩ của chúng ta mà chúng ta nghĩ là ‘tôi’. Chúng ta nghĩ rằng tâm trí là ‘tôi’. Nhưng tâm trí - yếu tố trí tuệ - chỉ là đám lá của chúng ta thôi. Yếu tố tâm linh cao nhất là gốc rễ của chúng ta. Và nhớ trong tâm trí, người có hiểu biết chưa đạt tới chính gốc rễ không bao giờ có thể biết đến cái nguồn mà từ đó rễ hút nước. Rễ là

atman, còn người đạt tới gốc rễ của mình sẽ sớm sẽ phát hiện ra đất cái nuôi dưỡng rễ.

Người đã đi tới hiểu ra yếu tố tâm linh cao nhất cũng sẽ có khả năng biết đến yếu tố tối cao - Paramatman - Thượng đế. Nhưng chúng ta sống ở lá và nghĩ rằng đám lá đó là ‘tôi’. Cho nên khi một cái lá nhỏ héo đi và rụng xuống, chúng ta nghĩ là chúng ta chết, chúng ta đã qua đời, chúng ta đã mất. Và khi tất cả lá đều héo đi, chúng ta nghĩ bản thân cuộc sống đã tắt. Chúng ta không biết cuộc sống là gì. Chúng ta sống trong niềm tin rằng cái vỏ bên ngoài của cuộc sống là ‘tôi’.

Upanishad nói rằng một người sống trong cái vỏ ngoài này là kẻ giết cái ta. Người biết cái ta là người đi sâu vào bên trong lớp vỏ, đi xuống tận rễ, tới nơi sự tồn tại làm nên ngọn nguồn nguyên thủy của nó; tại đó người đó phát hiện ra cội nguồn của cuộc sống. Người biết điều này là người biết cái ta. Chỉ người biết điều này mới tìm ra ánh sáng; người đó đạt tới sự sống. Người đó đạt tới bản chất của sự sống.

Ba điều được nhắc tới về yếu tố tâm linh cao nhất này. Điều thứ nhất là ở chỗ nó bao giờ cũng tĩnh lặng, trong khi tất cả quanh nó một mạng lưới biến đổi vĩ đại đang tiếp diễn. Điều có tầm quan trọng lớn là biết về bí mật của cái tĩnh lặng tại trung tâm. Bất kì chỗ nào biến đổi xảy ra, trung tâm sẽ không tránh khỏi tĩnh lặng, cũng như cái trục vẫn còn tĩnh tại khi bánh xe chuyển động. Bánh xe có thể chuyển động được bởi vì cái trục đứng yên. Bí mật của cái bánh xe chuyển động là ở cái tĩnh lặng của trục xe. Nếu trục bắt đầu di chuyển, bánh xe sẽ không di chuyển. Thế thì chiếc xe sẽ bị lật nhào và bị phá hủy. Việc quay của bánh xe phụ thuộc vào sự bất động của trục xe.

Trục xe đi được bao nhiêu dặm khi bánh xe quay được một trăm dặm? Trục xe vẫn còn đứng yên tại chỗ của nó. Điều rất đáng quan tâm là thấy rằng bánh xe chuyển động cần sự trợ giúp

của trục xe bất động. Bánh xe của thay đổi chuyển động trên cái không thay đổi. Cho nên điều đầu tiên cần phải nhớ là ở chỗ mọi thứ trong cuộc sống đều thay đổi; lá sẽ tới và đi chừng nào biến đổi có đó. Chúng sẽ mọc ra trong mùa xuân này và sẽ rụng đi vào mùa thu tới. Không cái gì còn tĩnh tại cho dù trong một giây. Nhưng có một yếu tố không biết nào đó ở sâu, sâu đâu đó bên trong, cái quán qua trung tâm của mọi vật và mang sự biến đổi quanh cái tĩnh lặng của riêng nó.

Bạn đã bao giờ thấy cơn xoáy lốc mùa hè di chuyển rất nhanh trong bầu khí quyển chưa? Nâng cả một đám mây bụi cùng nó, cơn xoáy lốc xoay tròn lôi mọi thứ lên trời. Bạn sẽ rất ngạc nhiên mà thấy những dấu vết bị nó bỏ lại trong cát bụi trên mặt đất. Nó di chuyển mọi thứ đi nhanh làm sao! Nhiều lần nó cuốn cả người lớn đi nữa. Bạn sẽ rất kinh ngạc nếu bạn quan sát các dấu vết do nó tạo ra. Có một khoảng không cỡ như một cái thùng nhỏ, giống như trục của bánh xe, ở trung tâm cơn xoáy lốc. Không gian này vẫn còn tuyệt đối không bị động chạm. Cho dù cơn xoáy lốc chuyển động mãnh liệt thế vẫn còn lại ở trung tâm nó một vị trí mà không bị động chạm tới và không bị xáo trộn. Một cái trục được tạo ra ở đây, và toàn bộ cơn xoáy lốc xoay tròn quanh cái trục vững chắc đó. Thực tế là không cái gì có thể xoay tròn được nếu không có một trung tâm tĩnh lặng cho nó.

Cuộc sống chuyển động rất nhanh; ý nghĩ xoay tròn rất nhanh, ham muốn lơ lửng quanh chúng ta theo sự kế tiếp nhanh chóng, và đam mê cuộn xoáy với lực lớn. Cuộc sống là bánh xe chuyển động thật nhanh. Upanishad nói có một yếu tố bất động ở trung tâm của nó. Chúng ta phải tìm kiếm nó. Cơn xoáy lốc mạnh mẽ như cuộc sống không thể tiếp diễn được nếu không có sự hỗ trợ của yếu tố đó. Yếu tố vững chắc đó là atman. Nó bao giờ cũng tĩnh lặng, nó là bất động. Nó chưa bao giờ đi đâu. Nó chưa bao giờ thay đổi. Nhớ lấy rằng chúng ta chưa biết cuộc sống là gì chừng nào chúng ta còn chưa gặp cái yếu tố không bị thay đổi và

không thể thay đổi đó. Hiện tại chúng ta chỉ biết tới những thay đổi xuất hiện ở phạm vi bên ngoài; chúng ta chưa được giới thiệu với yếu tố tâm linh cao nhất đó. Cho tới giờ chúng ta chỉ quen thuộc với nan hoa của bánh xe; chúng ta còn chưa thấy cái trục mà trên đó mọi thứ đều phụ thuộc vào.

Cụm từ ‘trong cái tĩnh lặng của nó’ có nghĩa gì? Dù chúng ta cho nó bất kì cách diễn giải nào, có toàn bộ khả năng phạm sai lầm. Phần lớn những người bình chú về Upanishad đều phạm phải sai lầm này. Cụm từ này không có nghĩa trì trệ; nó không có nghĩa rằng nó giống như chiếc ao có nước không chảy đi đâu. Khi chúng ta nói yếu tố tâm linh cao nhất này là tĩnh lặng, điều đó không ngụ ý nó là trì trệ. Nó là một yếu tố hoàn hảo thế, nó là đầy đủ về mọi phương diện đến mức không còn phạm vi nào trong nó cho bất kì biến đổi nào. Nó chan chứa, lớn lao, vô tư đến mức tuyệt đối không có tiềm năng nào cho bất kì thay đổi khác xảy ra trong nó.

Cái đó thay đổi mà trong nó có sự không đầy đủ - nó còn thiếu cái gì đó. Biến đổi xảy ra tại nơi có phạm vi nào đó cho việc thích nghi thêm, nơi có tiềm năng nào đó, cơ hội nào đó, để là cái gì đó khác. Đứa trẻ lớn lên là thanh niên, thanh niên lớn lên là cụ già, bởi vì còn chỗ nào đó để chứa lại cho thay đổi; cho nên thay đổi liên tục xảy ra. Lá mọc ra, hoa nở, chúng héo đi và rụng, và lá mới, tươi lại tới nữa. Yếu tố tâm linh cao nhất là tĩnh lặng. Điều này có nghĩa là nó là hoàn hảo, đầy đủ về mọi phương diện.

Làm sao bạn có thể thay đổi cái hoàn hảo được? Biến đổi cho cái hoàn hảo sẽ xảy ra ở phần nào? Không còn chỗ nữa cho biến đổi. Không còn phạm vi thêm cho thay đổi. ‘Trong cái tĩnh lặng của nó’ nghĩa là nó được nở rộ hoàn toàn. Không còn chỗ nào cho việc nở rộ thêm. Nhớ trong tâm trí nó không giống như ao tù, nó giống như hoa sen đã nở trọn vẹn. Nó đã nở đến mức không còn nụ nào nữa để nở. Cho nên ở đây cái tĩnh tại, cái tĩnh

lặng, có nghĩa là cái hoàn hảo. Cánh hoa sẽ nở ở đâu, cho dù chúng muốn nở? - bởi vì yếu tố tâm linh cao nhất là hoàn hảo tới mức tối đa, tới mức độ cao nhất có thể được. Nó hoàn hảo đến mức bây giờ không còn chỗ nào cho cánh hoa mở thêm ra nữa, cho dù chúng muốn làm như vậy. Ở đây, cái tĩnh lặng nghĩa là tiềm năng toàn bộ đã trở thành thực tại. Bất kì cái gì được che giấu trong hạt mầm đều được biểu hiện ra toàn bộ - không còn cái gì vô hình bị bỏ sau nữa. Cho nên, tĩnh lặng ở đây không kéo theo sức ì hay trì trệ; nó có nghĩa hoàn hảo toàn bộ. Cho nên nghĩ về đoá hoa nở tròn trịa chứ không phải là cái ao, và thế thì bạn sẽ hiểu nghĩa của nó.

Điểm tiếp mà lời kinh này của Ishavasya bảo chúng ta là ở chỗ các giác quan không thể đạt tới atman được, 'vì nó đứng trước tất cả chúng.' Khi bạn ở trước mắt tôi, tự nhiên tôi có thể thấy được bạn. Nhưng tôi không thể thấy được bản thân tôi bằng mắt mình vì tôi ở đằng sau đôi mắt. Tôi thấy bạn bởi vì bạn ở trước mắt tôi. Tôi không thể thấy được bản thân mình bằng mắt riêng của mình vì tôi ở đằng sau đôi mắt. Nếu tôi mất mắt, nếu tôi bị mù, thế thì tôi sẽ không có khả năng thấy được bạn chút nào; nhưng điều đó cũng không khác biệt gì cho năng lực của tôi thấy bản thân mình. Nếu tôi mất thị giác, tôi sẽ không có khả năng thấy được bằng mắt của mình. Nhưng tôi chưa bao giờ thấy được bản thân mình bằng mắt mình, cho nên mặc dầu trở nên bị mù tôi sẽ vẫn có khả năng thấy bản thân mình. Về vấn đề này, hai điểm cần được hiểu thấu cho đúng.

Các giác quan trở thành phương tiện để nhìn, để biết về những đối tượng ở trước chúng. Chúng không trở thành phương tiện để thấy những đối tượng ở sau chúng. Từ 'ở sau' tại đây cũng có hai nghĩa. Nó không chỉ có nghĩa là ở sau - đằng sau lưng - nó cũng còn có nghĩa đứng trước. Khi bào thai bám vào tử cung để sinh ra đứa trẻ, sự sống tới trước rồi giác quan theo sau nó. Điều đó hoàn toàn đúng bởi vì, nếu sự sống không tới trước,

ai sẽ tạo ra các cơ quan? Cho nên sự sống tới trước. Linh hồn đi vào bụng mẹ trước; toàn thể linh hồn đi vào và rồi các giác quan bắt đầu tiến hoá bộ phận nọ tiếp bộ phận kia khi thân thể bắt đầu tiến hoá. Các giác quan phát triển chậm qua bảy tháng trong bụng mẹ, và chúng có được hình dạng hoàn chỉnh của chúng trong chín tháng. Nhưng đầu thế vẫn có cái gì đó không được hoàn chỉnh. Chẳng hạn, cơ quan dục không phát triển đầy đủ. Nó còn cần thêm mười bốn năm nữa để tới phát triển đầy đủ của nó, ngay cả sau khi đã hình thành từ trong tử cung. Có một số phần của bộ óc phát triển dần dần, và liên tục phát triển trong toàn bộ cuộc sống. Ngay cả người chết cũng vẫn còn phát triển, ngay cả thế. Nhưng sự sống tới trước, các giác quan theo sau, và các tính năng khác xuất hiện sau.

Người chủ tới trước rồi người phục vụ được gọi tới sau đó. Ai thường gọi tới người phục vụ? Ai sử dụng họ? Người chủ có thể biết người phục vụ, nhưng ngược lại, người phục vụ không thể biết được người chủ. Linh hồn có thể biết các giác quan, nhưng các giác quan, về phần chúng, không thể biết được linh hồn, vì nó đã tồn tại trước chúng, trước khi chúng thành hình, và nó tồn tại ở chiều sâu mà các giác quan không thâm nhập tới. Chúng ở trên bề mặt. Chúng cũng bao phủ cuộc sống. Cho nên không ai có thể biết linh hồn bằng trợ giúp của giác quan, dù chúng vận hành nhanh đến đâu cũng không thành vấn đề.

Tâm trí thì cũng là giác quan. Nó chạy nhanh làm sao! Cho nên, có một phát biểu mâu thuẫn trong lời kinh này; cho dù tâm trí có chạy nhanh thế, nó không có khả năng đạt tới linh hồn, cái là tĩnh lặng. Tâm trí chạy nhanh như thế không đạt tới nó. Đây là cuộc đua rất đáng để ý. Cuộc đua là rất thách đố: tâm trí đua tranh này không thể đạt tới linh hồn bất động này! Nhưng đây là điều vẫn thường xảy ra trong cuộc sống. Những thứ bất động chỉ có thể có được bằng việc duy trì tĩnh lặng, không phải bằng việc đuổi theo chúng.

Bạn đang bước trên đường... có hoa nở bên vệ đường. Chúng là tĩnh lặng, bất rã tại chỗ. Bạn càng bước chậm, bạn càng thấy chúng nhiều hơn và nếu bạn đứng tĩnh lặng bạn sẽ có khả năng thấy tất cả mọi thứ ở đó để nhìn chúng. Nếu bạn đang trong xe chạy nhanh qua chúng với tốc độ một trăm năm mươi ki lô mét một giờ, bạn sẽ không thể có được lấy một thoáng nhìn về chúng, và nếu bạn đang bay trong máy bay qua chúng bạn sẽ không biết gì về chúng. Giả sử, nếu trong tương lai một phương tiện còn nhanh hơn được phát minh ra, thế thì bạn sẽ không bao giờ biết liệu hoa có đó hay không. Một chiếc máy bay bay với tốc độ mười sáu nghìn ki lô mét một giờ sẽ bỏ lỡ hoa đang mọc bên đường. Mặc dầu chúng vẫn đang đứng tĩnh lặng, bạn sẽ lỡ chúng bởi vì tốc độ lớn của bạn.

Tâm trí chạy với tốc độ cực lớn. Cho tới nay chúng ta không có máy bay hay phương tiện nào có thể sánh được với tốc độ của tâm trí. Cứ thử dành ra một phương tiện như thế, hay một phương tiện chạy nhanh hơn tâm trí, để cho tâm trí chúng ta bị bỏ sau khi chúng ta theo cuộc đua mà xem! Sẽ có không thoải mái lớn, và rất khó khăn; con người sẽ thấy bản thân mình trong rắc rối lớn. Không, chắc chắn sẽ không xảy ra chuyện có chiếc máy bay bay nhanh hơn tâm trí chúng ta. Lúc mà máy bay tới được mặt trăng tâm trí chúng ta đã hoàn thành cuộc hành trình của nó tới sao Hoả rồi. Và khi máy bay tới sao Hoả thì tâm trí lúc đó đã đi vào một hệ mặt trời khác. Tâm trí luôn chạy trước mọi máy bay, dù tốc độ của máy bay có thể nhanh đến đâu.

Vậy mà tâm trí, với khả năng tốc độ nhanh thế, không bao giờ có thể đạt tới được atman bất động. Cho nên điều mà Upanishad nói là hoàn toàn đúng. Cái tuyệt đối tĩnh lặng không thể được đạt tới được bằng việc chạy đuổi theo; nó chỉ có thể đạt tới được bằng việc đứng tĩnh lặng. Nếu tâm trí trở thành yên tĩnh toàn bộ - tuyệt đối tĩnh lặng - thế thì, và chỉ thế thì, nó sẽ có khả năng biết cái là tĩnh lặng. Bạn cũng biết điều này - rằng khi tâm

trí tuyệt đối yên tĩnh, nó dừng hiện hữu. Nó chỉ có đầy chừng nào nó đang chạy. Nói thực, chạy là cái tên khác của tâm trí. Nói tâm trí đang chạy là việc thừa. Khi chúng ta nói tâm trí đang chạy, chúng ta lỡ lời, cũng hết như ta lỡ lời khi nói rằng tia sét đang loé lên. Trong sự kiện thật, việc loé sáng đó là tia sét. Không cần phải nêu ra hai phát biểu: “Tia sét đang loé lên.” Bạn đã bao giờ thấy tia sét mà không loé sáng không? Thế thì sao bạn tâm nói như vậy? Chính việc dùng từ tạo nên khó khăn đó. Chúng ta tách bạch tia sét với việc loé sáng khi ta diễn đạt hiện tượng đó bằng lời. Thế rồi chúng ta nói, “Nhìn kia, tia sét đang loé lên!” trong khi việc loé sáng và tia sét thực sự là hai tên cho một hiện tượng.

Chúng ta cũng phạm phải cùng sai lầm khi chúng ta nói tâm trí đang chạy. Thực ra, cái được gọi là tâm trí bao giờ cũng đang chạy. Chạy là tâm trí! Thế thì một tâm trí tĩnh lặng không có nghĩa, cũng như một tia sét không loé sáng không có nghĩa. Nếu ai đó nói, “Tia sét không loé sáng lần này,” bạn sẽ nói ngay, “Thế thì nó không có đó chút nào,” bởi vì phát biểu, “Tia sét không loé sáng,” không có nghĩa. Khi nó loé sáng, nó có đầy. Nếu tâm trí tĩnh lặng, nó dừng hiện hữu. Tâm trí tĩnh lặng trở thành vô trí.

Kabir gọi trạng thái này của vô trí là trạng thái của lặng lẽ. Khi nó tĩnh lặng, nó dừng tồn tại. Tâm trí chỉ hiện diện khi nó đang chạy. Đây là lí do tại sao bạn sẽ không bao giờ có khả năng giữ cho nó tĩnh lặng được. Nếu bạn trở nên tĩnh lặng, bạn sẽ thấy rằng tâm trí không có. Tâm trí không bao giờ có thể biết được linh hồn, vì linh hồn không bao giờ có thể được biết tới qua việc chạy, và tâm trí là từ khác cho việc chạy. Do đó atman chỉ được biết tới vào ngày không có tâm trí. Chúng ta có thể biết toàn thể thế giới qua tâm trí; chỉ yếu tố tâm linh cao nhất là vẫn còn không được biết. Chúng ta có khả năng biết yếu tố tâm linh cao nhất đó chỉ khi tâm trí không có đó.

Tâm trí có toàn bộ công nghệ bắt ổn riêng của nó. Bởi vì việc chạy không mục đích là không thể được, tâm trí tạo ra nguyên nhân hay mục đích cho việc chạy của nó. Những điều này được gọi là ham muốn. Tâm trí nói, “Minh ham muốn điều đó, cho nên mình sẽ đuổi theo nó.” Làm sao bạn có thể chạy đuổi được nếu bạn không có ham muốn đạt tới cái gì đó trong tương lai, hay nếu không có mục đích nào để đạt tới? Do đó hàng ngày tâm trí đều quyết định hoàn thành một mục tiêu đặc biệt trong tương lai. Thế thì việc chạy đuổi bắt đầu, nhưng vào lúc mà mục đích được đạt tới, người ta phát hiện ra nó là vô dụng vì nó chỉ đơn thuần là cái cớ cho tâm trí chạy đuổi. Mục đích được đạt tới trở thành vô giá trị khi được hoàn thành. Thế thì tâm trí tìm kiếm cái cớ khác, mục đích khác để được đạt tới. Sau khi đạt tới mục đích đó nó sẽ nói, “Chẳng có gì thực chất trong cái này. Bây giờ mình phải cố gắng cho *mục tiêu* kia...” Cho nên nó tiếp tục chạy đuổi, thêm nữa thêm nữa.

Đây là lí do tại sao tâm trí bao giờ cũng ở tương lai. Nó không bao giờ có thể trong hiện tại. Người muốn chạy sẽ phải sống trong tương lai. Tâm trí bao giờ cũng ở phía trước bạn. Nó sẽ không còn ở đây nơi bạn đang có đây. Để ở đây, nơi bạn đang *có đây*, việc chạy phải dừng lại. Linh hồn - atman - là ở đây nơi bạn có đây, và tâm trí có đây nơi bạn không có - nơi bạn chưa bao giờ có đây. Nó bao giờ cũng ở trước bạn, và bất kì nơi nào tâm trí đạt tới nó đều nói, “Cái này vô dụng, vô giá trị. Đi tiếp đi!” Nó giống như cột mốc có mũi tên bao giờ cũng báo bạn đi tiếp. Nhưng trong những cột mốc này mọi lần chúng ta đều bắt gặp một cột mốc đánh số không, thay vì mũi tên.

Hôm qua trong khi đi dạo tôi đã thấy một cột mốc với dấu số không trên đó. Không có mũi tên chỉ lối này hay lối nọ, vì số không nghĩa là điểm đích. Không đâu nữa mà đi; bạn đã đạt tới đích của mình. Nhưng tâm trí bịa ra mũi tên nói, “Đi tiếp.” Cột mốc với số không không bao giờ được thấy trên cuộc hành trình

của tâm trí. Và nếu vào bất kì lúc nào, bất kì ngày nào, bạn bắt gặp một cột mốc như thế, biết rằng bạn đã đến một nơi được biết như thiên. Khi bạn tình cờ thấy cột mốc đó trên cuộc hành trình của mình, biết rằng đây là việc nhận ra atman. Linh hồn có đây nơi có số không. Cho nên những người đã biết tới điều tối thượng đều tuyên bố rằng bạn sẽ không thể biết được nó thông qua tâm trí; bạn sẽ biết nó bởi số không. Nhớ lấy, cái mà người chứng ngộ gọi là số không chính là vô trí.

Tôi đã bảo bạn tâm trí luôn tạo ra cớ để săn đuổi mọi thứ. Khi nó bắt đầu chán ngán với mọi thứ trần thế, chúng bị dẹp sang một bên. Tâm trí nói, “Minh thu được giàu sang lớn lao, mình đã xây dựng nhiều toà nhà, mình đã mua bao nhiêu thân thể cho việc tận hưởng nhưng không thu được bản chất gì từ những thứ này.” Thế rồi nó chơi trò mẹo cuối cùng để giữ việc chạy đuổi của nó: nó bắt đầu tạo ra mũi tên trở tới thế giới tiếp, tới cõi trời, tới cứu rỗi và Thượng đế. Cho dù thế, nó không yêu cầu chúng ta dừng tạo ra mũi tên và quay trở về số không. Không, bây giờ nó nói, “Thử đạt tới giàu có tâm linh xem sao. Giàu có trần thế mình đã đạt tới rồi và thấy nó vô dụng, cho nên thử tiếp xem sao! Bây giờ mình phải cố gắng đạt tới tôn giáo. Mình biết mình có thể làm được điều đó. Bằng cách này hay cách khác, mình sẽ làm điều đó!”

Thôi thúc trở thành dai dẳng. Nếu nỗ lực để có được cái gì đó vẫn tiếp tục, thế thì tâm trí cũng sẽ tiếp tục. Nhớ lấy điều này: người không phải là người tôn giáo thực là người ước ao đạt tới điều gì đó. Người tôn giáo là người đã nhận ra chân lí rằng mọi hoạt động nhằm thu được đều chỉ là tâm trí; người đó từ bỏ cố gắng đạt tới bất kì cái gì. “Bây giờ tôi không còn cố gắng đạt tới bất kì cái gì. Bây giờ, chung cuộc, tôi sẵn sàng cho tĩnh lặng. Bây giờ, cho dù Thượng đế có yêu cầu tôi tới chỗ ngài, chỉ bước hai bước tới chỗ ngài, tôi sẽ vẫn còn tĩnh lặng. Bây giờ tôi đang đứng ở cột mốc số không. Tôi không còn cuộc hành trình nào cần tiến

hành bây giờ nữa.” Nhận biết đi, người đứng tĩnh lặng, trong cái tĩnh lặng ấy của người đó, người đó tìm thấy Thượng đế. Người chạy theo Thượng đế không bao giờ đạt tới ngài bởi vì việc chạy là của tâm trí, và yếu tố tâm linh cao nhất đó không bao giờ được đạt tới bởi tâm trí.

Khi bạn phát chán với việc tìm kiếm theo các đồ vật trần gian bởi tâm trí, bạn sẽ bịa ra những cái cớ mới cho tâm trí - atman, Thượng đế, chúng ngộ. Phạt đi xa khi chối bỏ sự tồn tại của atman, vì bằng không bạn sẽ dồn mọi nỗ lực vào việc cố gắng tìm ra nó. Tâm trí lấu cá thể, nó sẽ nói, “Được thôi, nếu không có cái gì khác, ít nhất có atman, cho nên ta sẽ theo đuổi cái đó! Ta sẽ cống hiến năng lực của mình để đạt tới điều đó!” Nếu nó không chạy về nhà nó sẽ chạy hướng tới đền thờ. Nó phải chạy - nếu không hướng tới đối tượng vật chất thể thì hướng tới Thượng đế; trong bất kì trường hợp nào, tâm trí phải chạy.

Nhưng chỉ những người đứng tĩnh lặng mới tìm thấy nó. Đây là tuyên bố của lời kinh này. Nó ở sau các giác quan và bên ngoài tâm trí. Cả hai không thể giúp cho bạn đạt tới atman. Thế thì chúng ta phải làm gì? Vì nó ở sau giác quan, vứt bỏ mọi khái niệm rằng chúng có thể giúp bạn. Vì nó ở bên ngoài tầm với của tâm trí, đừng việc tùy thuộc vào tốc độ tâm trí của bạn.

Tôi đang nói cho bạn để không đặt tin tưởng nào vào cả tâm trí lẫn giác quan. Khi tôi yêu cầu bạn nhắm mắt, thực ra đây là yêu cầu bạn phá vỡ thói quen phụ thuộc vào một giác quan đặc biệt. Tôi đang bảo bạn, bạn đã từng thấy quá đủ bằng mắt bạn, vậy mà điều đó vẫn không được thấy. Mắt đã hoạt động trong nhiều kiếp rồi, nhưng điều đó không thể được thấy. Bây giờ chúng ta thấy bằng mắt nhắm.

Chúng ta đã cố gắng vất vả để nghe tiếng nói của điều đó, nhưng điều đó không thể được nghe thấy. Chúng ta đã mong mỏi đam mê để nghe thấy âm nhạc của nó, nhưng tai chúng ta không

bắt được nó. Bây giờ, chúng ta nút tai lại. Chúng ta đã suy nghĩ và suy tư vô tận, nhưng không bao giờ có thể phát minh ra lời kinh đưa chúng ta tới đó. Chúng ta đã cố gắng vất vả với tâm trí, chúng ta đã chịu đựng nhiều lo âu và buồn phiền, chúng ta đã lập luận và cân nhắc, và đã nhìn vào nhiều triết học, nhiều tôn giáo và nhiều kinh sách. Chúng ta đã tạo ra nhiều cuốn sách và lập ra nhiều lí thuyết và nguyên lí, nhưng không tìm được bất kì dấu vết nào của điều đó. Bây giờ gạt sang bên tất cả những điều này đi. Chúng ta từ bỏ suy nghĩ. Bây giờ chúng ta đi vào vùng vô suy nghĩ. Có lẽ ở đây điều đó có thể được tìm ra.

Tôi dùng từ có lẽ cho bạn. Nó *chắc chắn* được đạt tới ở đây. Nhưng trong khi nó vẫn còn chưa được đạt tới, ngay cả với tin tưởng chân thành rằng trong vùng vô trí nó chắc chắn sẽ được tìm thấy, là nguy hiểm. Cho nên tôi dùng từ có lẽ cho bạn: thông thường, việc giữ niềm tin như thế trở thành chướng ngại cho tiến bộ của chúng ta. Người ta khuyên chúng ta rằng điều đó là được - rằng bây giờ chúng ta sẽ có nó, rằng bây giờ chúng ta đã tìm thấy cách thức để chắc chắn! Cho nên các lí thuyết đi tới trông có vẻ như những thành tựu. Đây là lí do tại sao tôi dùng từ có lẽ, để cho bạn có thể được thuyết phục đi vào trong thực nghiệm.

Đây là điều chắc chắn đạt tới được, nhưng phải từ bỏ sự hỗ trợ của các giác quan. Tâm trí, chạy và đua, phải bị loại bỏ. Đây là bản tính của yếu tố tâm linh cao nhất, cái đã và bao giờ cũng hiện hữu bên trong chúng ta, nhưng cái mà chúng ta liên tục bỏ lỡ qua những phương sách và kế hoạch của riêng chúng ta cho cuộc sống. Nó chưa bao giờ bị chúng ta đánh mất, nó đơn giản bị quên lãng. Chúng ta đơn giản quên nó. Nhưng trong khi quên nó, toàn thể cuộc sống của chúng ta trở thành vô giá trị, trở thành địa ngục. Trong khi quên nó, không hoa nào phát triển trong cuộc sống, chỉ gai. Trong khi quên nó, cuộc sống trở thành sa mạc không có sông, không luồng nước ngọt. Mọi hạnh phúc biến mất. Cuộc sống của chúng ta trở thành sa mạc nơi mà, dù chúng ta tìm

kiếm nhiều đến đâu, không dòng nước nào được tìm thấy, và chỉ có cát tuột qua đôi tay chúng ta. Chúng ta bước đi bao lâu không thành vấn đề, không bóng râm nào được thấy, không đâu là nơi trú ngụ, không đâu là chỗ nghỉ ngơi.

Hiểu điều này: không có chỗ trú ngụ nào, không có ốc đảo nào trong cuộc sống, nếu không có yếu tố tâm linh cao nhất đó, atman. Không cực lạc nào từng tuần chảy mà không có yếu tố tâm linh cao nhất đó. Nó là tất cả nói chung. Nó là tinh hoa thực. Nhưng những người bị vướng vào lá cây không có khả năng tụt xuống rễ. Lá có thể công nhận việc mọc ra của chúng là từ rễ, nhưng những người vẫn còn vướng trong lá không bao giờ phát hiện ra rễ. Từ bỏ lá đi. Đi sâu xuống vào bên trong, vượt ra ngoài cảm giác, vượt ra ngoài giác quan, vượt ra ngoài ý nghĩ. Đi vào bên trong và ra sau chúng, dần dần, cho tới khi bạn đi tới điểm số không. Nó là ở bên trong mọi người. Xoay xung quanh nó, chúng ta vẫn vơ đây đó, nhưng không có nó không thể có việc lang thang được. Không có điểm số không bên trong đó, không có yếu tố tĩnh lặng hoàn hảo đó tại trung tâm, toàn thể quá trình biến đổi này, mạng lưới tuần hoàn không lồ này, không thể tiếp diễn được. Việc chạy đuổi này của bạn giống như con bão, việc xoay tròn này giống như cơn xoáy lốc, tất cả những điều này phụ thuộc vào sự hiện diện của số không đó.

Để tôi làm rõ một điều cuối cùng về vấn đề này. Có hai cách mô tả cho một điều đó: như số không và như sự hoàn hảo. Upanishad thích thuật ngữ hoàn hảo; họ ưa chuộng dùng từ hoàn hảo. Khi Upanishad đã đi vào sự tồn tại, khi những lời kinh này lần đầu tiên được đọc ra, con người chỉ có khả năng hiểu nghĩa này là hoàn hảo. Từ này diễn tả nghĩa này trong ngôn ngữ khẳng định. Việc dùng từ số không là để diễn tả nghĩa theo ngôn ngữ phủ định. Để hiểu thuật ngữ hoàn hảo người ta phải có trái tim hồn nhiên của trẻ thơ. Người già không có khả năng hiểu ngôn ngữ này, người đang đi xa hơn mỗi ngày khỏi trạng thái trẻ thơ.

Những người, giống như trẻ thơ, đã hiểu ngôn ngữ của hoàn hảo trong những ngày khi lời kinh này được soạn ra. Bạn sẽ hiểu tình huống này nếu bạn đã từng nghiên cứu trẻ con, nếu bạn đã theo cách thức và hành vi của chúng. Bước đi trên đường đưa trẻ hỏi đủ mọi loại câu hỏi; tất cả trẻ con đều làm điều này. Thỉnh thoảng câu hỏi khá thách thức, nhưng bạn đưa ra cho chúng những câu trả lời dễ dàng đơn giản, và chúng hài lòng và trở nên yên tĩnh.

Những câu hỏi đó đôi khi khó đến mức người già hơn không có câu trả lời cho chúng. Khi một em bé mới được sinh ra trong nhà, trẻ nhỏ sẽ hỏi, “Em bé mới này từ đâu đến thế?” Câu hỏi này thật khó. Bây giờ, người lớn không có câu trả lời đúng cho câu hỏi này; cả những người biết - các nhà sinh học - cũng không có câu trả lời đúng. Họ nói, “Chúng tôi vẫn còn đang nghiên cứu. Chúng tôi chưa biết dứt khoát em bé đến từ đâu. Chúng tôi có thể nói cho các anh những điều chúng tôi có khả năng phát hiện ra, nhưng cuộc sống đến từ cõi bên kia xa xăm; chúng tôi không biết điều gì một cách dứt khoát.”

Cho nên ngay cả các nhà nghiên cứu, người đã dành nhiều kiếp sống cho vấn đề này cũng không biết. Và những người cho sinh ra trẻ con không biết gì hết cả về điều đó, vì không cần phải biết gì về điều đó để sinh ra trẻ con. Nhưng ý tưởng sai lầm này được tạo ra rằng người bố của bấy đứa con nên biết đứa trẻ từ đâu đến, và vì người đó cũng đã sống trong ảo tưởng này nên người đó sẽ đưa ra lời đáp, người đó sẽ tìm ra câu trả lời. Nhưng quan sát thật kỹ lưỡng phản ứng của đứa trẻ mà xem. Nó hỏi những câu hỏi khó thể - trẻ con từ đâu tới? - điều đó ngay cả khoa học vẫn còn chưa phát hiện ra câu trả lời đúng; và như tôi thấy, khoa học không bao giờ có được câu trả đúng. Nhưng bạn ngay lập tức đáp rằng bạn đã thấy con cò đem em bé tới. Đứa trẻ tin vào bạn, và chạy đi chơi. Với nó vấn đề thế là xong.

Nó đã tin vào bạn. Tâm trí của nó là tâm trí khẳng định, không phản đối, không hoài nghi cho đến lúc đó. Nó sẽ không hỏi để phản đối, “Làm sao cò đem em bé tới được? Nó lấy em bé từ đâu?” Bây giờ nó không nêu ra chút hoài nghi nào. Về sau nó sẽ hoài nghi. Rồi một ngày sẽ tới khi câu trả lời, “Cò đem em bé tới,” không còn tác dụng nữa. Thế thì nó sẽ hỏi nhiều câu hỏi và bày tỏ nhiều hoài nghi. Thế thì bạn sẽ biết rằng tâm trí phủ định đã đi vào sự tồn tại.

Có một thời đại khi toàn thể thế giới, toàn thể loài người đã từng hồn nhiên như trẻ nhỏ; người ta tin vào điều họ được nói cho. Cho nên kinh sách càng cổ bạn sẽ càng ngạc nhiên và bối rối nhiều. Bạn sẽ bị lẫn lộn bởi thiếu logic, và bởi vắng bóng lập luận khéo. Chỉ có những phát biểu trực tiếp. Ai đó đến một hiền nhân và bảo ông ta, “Tôi rất không thoải mái và lo âu. Tôi phải làm gì để có được an bình tâm trí?” Hiền nhân nói, “Niệm tên Rama đi.” Người hỏi được thoả mãn và nói, “Được rồi, tôi sẽ niệm,” và ra đi. Người đó thậm chí không hỏi điều gì sẽ xảy ra hay hỏi làm sao người đó có thể được trợ giúp chỉ bởi việc niệm tên Rama. Người đó không hỏi bất kì câu hỏi nào. Nhớ trong tâm trí, không cái gì sẽ xảy ra bởi việc niệm tên của Rama, nhưng hoàn cảnh của tâm trí con người là tới mức ngay cả nếu hiền nhân yêu cầu người đó lẩm nhẩm “Hòn đá, hòn đá!” người đó sẽ được lợi.

Không cái gì xảy ra bởi việc niệm hoặc từ Rama hoặc từ hòn đá. Nhưng chính hoàn cảnh khẳng định của tâm trí, tâm trạng hồn nhiên của việc chấp nhận, không biết tới chối bỏ hay không vâng lời, không phát sinh hoài nghi, làm cho nó có kết quả. Đó là lí do tại sao người ta hay nói, “Đi và niệm tên Rama rồi mọi thứ sẽ ổn thoả.” Người này về nhà, niệm tên Rama, và mọi sự ổn thoả. Nhớ lấy, không cái gì xảy ra bởi việc niệm tên Rama. Nó xảy ra là bởi vì thái độ khẳng định của tâm trí. Nếu như hiền nhân đã nói, “Cầm lấy bùa hộ mệnh này,” hay nếu ông ta đưa cho người

đó một thứ nước nào đó và bảo người đó uống, người này chắc chắn sẽ uống nước bùa đó và nó sẽ có kết quả. Bất kì cái gì cũng đều sẽ có hiệu quả. Không cái gì khác biệt khi phương thuốc là thể này hay thể nọ. Điều quan trọng là tâm trí khẳng định đằng sau toàn thể sự việc. Nếu điều đó có đấy, kết quả là thành công chắc chắn.

Nhưng bây giờ thái độ khẳng định của tâm trí đã mất rồi. Nó đã hoàn toàn biến mất ngay vào thời của Mahavira và Phật. Cho nên cả Mahavira và Phật đều phải dùng ngôn ngữ phủ định. Mahavira đã dùng nó chút ít và tuyên bố, “Không có Thượng đế!” - không phải bởi vì đã không có Thượng đế, mà bởi vì bây giờ không còn người nào sẽ nhảy múa vui vẻ khi được bảo rằng có Thượng đế. Một người như vậy sẽ không hỏi, “Ngài ở đâu?” Người đó đơn giản nhảy múa theo cách của mình để đi vào cực lạc. Người đó sẽ nói, “Nếu có Thượng đế, tôi sẽ tới gặp ngài, và cửa cõi trời sẽ được mở cho tôi.” Và nhớ lấy, không có cánh cửa nào không mở cho một tâm trí tin cậy và hồn nhiên như thế.

Không có những người như thế ngồi cùng Mahavira. Khi ông ấy bảo ai đó, “Thượng đế có đấy,” người đó lập tức đổi chất với Mahavira với hàng loạt câu hỏi về chủ đề này. Thế thì Mahavira nói, “Không có Thượng đế đâu.” Thực ra, câu trả lời thứ nhất của ông ấy là đúng, nhưng khi một ai đó bắt đầu đưa ra hoài nghi, toàn bộ tình huống trở thành ngớ ngẩn và vô ích. Không có ý nghĩa gì trong câu trả lời này nếu hoài nghi được nó gọi ra. Đó là câu trả lời của các hiền nhân cổ đại. Nhưng mọi người trong thời của Mahavira bắt đầu hỏi, “Thượng đế là ai? Ngài ở đâu? Ngài có bao nhiêu đầu? Ngài có bao nhiêu tay? Ngài được sinh ra thế nào? Ngài từ đâu tới? Chúng ta có thể gặp ngài ở đâu?” Cho nên Mahavira nói, “Ngài không có đó chút nào.”

Câu trả lời cũ không còn hữu dụng nữa. Câu trả lời mà từ đó câu hỏi bắt đầu nảy ra là không có giá trị nào. Mục đích của câu

trả lời là để cho câu hỏi được tập trung vào trong nó. Đó là câu trả lời hàm chứa câu hỏi, cho nên câu hỏi rơi đi. “Có Thượng đế!” là câu trả lời lớn nhất, nhưng Mahavira bị buộc phải từ bỏ nó đi. Và Phật đã phải đi thêm một bước nữa.

Mahavira chấp nhận sự tồn tại của linh hồn, atman, với sứ mệnh của ông ấy. Khác trong quan điểm của Mahavira và Phật đã nảy sinh nhanh chóng thế. Không có khác biệt gì lớn giữa thời đại của Mahavira và Phật, thực ra chỉ ba mươi năm. Vậy mà Phật đã buộc phải nói, “Không có điều như linh hồn.” Mahavira đã nói, “Không có Thượng đế, có linh hồn.” Phật phải nói, “Thậm chí không có cả linh hồn,” vì vào thời của Phật người ta bắt đầu hỏi, “Atman có nghĩa gì?”

Không có câu trả lời cho điều đó. Phật nói, “Nó là số không; nó là cái không.” Nhớ lấy, câu hỏi không thể nảy sinh đối với số không, vì nó có nghĩa là cái không có đây. Câu hỏi nào có thể được nêu ra về nó? Câu hỏi không thể được đưa ra cho số không. Và nếu bạn đưa ra bất kì câu hỏi nào, điều đó nghĩa là bạn đã không hiểu. Nghĩa của số không là ở chỗ nó không có. Bây giờ, bạn có thể hỏi câu hỏi nào thêm nữa về nó? Bản thân chúng ta nói, “Nó không có.” Phật nói, “Số không. Cái không!” và hướng dẫn mọi người trở thành được hợp nhất với nó. Toàn thể ngôn ngữ bị thay đổi. Nhưng tôi bảo bạn rằng số không và sự hoàn hảo là một và là cùng một thứ. Từ hoàn hảo là câu trả lời của tâm trí khẳng định, và từ số không là câu trả lời của tâm trí phủ định.

Điều đáng quan tâm là quan sát rằng chúng ta, trong thế giới này, không có kinh nghiệm gì về sự hoàn hảo, khác với kinh nghiệm về số không. Đó là lí do tại sao vòng tròn được chúng ta tạo ra và chấp nhận như biểu tượng về số không. Nó là hình vẽ hoàn hảo nhất được con người vẽ ra. Không một hình nào khác là hoàn hảo. Điều cũng đáng quan tâm để biết là, trong mọi nước trên thế giới, hình số không lần đầu tiên đã được phát minh ra ở

Ấn Độ; và nó được phát minh ra không phải bởi các lí do toán học mà bởi các lí do của Veda, với mục đích để hiểu biết.

Số một tới chín cũng đã được hình thành nên ở Ấn Độ, nhưng điều rất đáng quan tâm là tất cả những con số này từ một tới chín đều không hoàn hảo. Cái gì đó có thể được thêm vào chúng. Với số một, một khác có thể được cộng vào, và cái mà với nó cái gì đó có thể được thêm vào là không hoàn hảo, vì giá trị của nó tăng lên theo phép cộng. Cái gì đó có thể được lấy đi, bớt từ nó đi, và cái mà từ đó cái gì đó có thể được lấy bớt đi, do vậy làm bé nó đi, là không hoàn hảo. Bạn không thể thêm cái gì vào số không cũng không bớt cái gì đi từ nó được. Nó là hoàn hảo. Bạn không thể bớt cái gì từ số không - làm sao bạn có thể bớt cái gì từ cái không? - bạn cũng không thể thêm gì vào số không được. Bạn có thể làm thế nào?

Số không là biểu tượng, là hình ảnh cho sự hoàn hảo. Nó là hình ảnh hình học của sự hoàn hảo. Chúng ta mang số không này, hình ảnh của sự hoàn hảo, bên trong chúng ta. Nếu bạn có thể đi tới hiểu Thượng đế thông qua sự hoàn hảo, điều đó là tốt. Và nếu bạn không thể hiểu được qua sự hoàn hảo, thế thì tới qua số không. Sẽ không khác biệt gì về kết quả cuối cùng.

Qua thay đổi thái độ tâm trí hai con đường đã đi vào hiện hữu, dẫn tới cùng đích. Nếu tâm trí bạn có tính khẳng định và bạn cảm thấy bạn sẽ không nhận ra nó qua số không, bạn nên lấy con đường của nhảy múa, ca hát và hiện hữu trong cực lạc. Và nếu bạn cảm thấy tâm trí bạn có tính phủ định và hoài nghi, thế thì cứ duy trì im lặng, yên tĩnh, là số không, và mất hút trong số không. Nếu bạn nghĩ tâm trí bạn có cách tiếp cận phủ định, thế thì trở nên được thống nhất với số không. Kết quả cuối cùng là như nhau.

Nhảy múa đó, cực lạc đó, sẽ tới qua cả số không nữa, nhưng nó sẽ tới bởi việc là số không, và số không sẽ tới qua nhảy múa,

bởi việc trở thành một với việc nhảy múa. Người có hoàn cảnh tâm trí thiên về sự hoàn hảo sẽ nhảy múa, ca hát và tụng niệm lời cầu nguyện ngay từ đầu và do vậy biến mất trong số không. Khi việc nhảy múa trở thành nhanh và hoang dại, chỉ thể thì việc nhảy múa của người đó còn lại, và khi nó trở thành điên cuồng như một cơn xoáy lốc, người đó bắt đầu kinh nghiệm số không bên trong. Người đó sẽ cảm thấy ai đó đang đứng đằng sau. Thân thể sẽ tiếp tục nhảy múa và số không, atman, sẽ đứng lại, sẽ được thức tỉnh bên trong. Điểm tĩnh lặng sẽ bắt đầu xuất hiện cùng với bánh xe xoay tròn.

Nhớ trong tâm trí rằng nếu bánh xe bất động, sẽ khó biết tới điểm tĩnh lặng bởi vì cả hai sẽ tĩnh lặng. Sẽ khó phân biệt nổi đầu là trục xe và đâu là bánh xe nếu bánh xe bất động. Nếu bánh xe đang chuyển động, sẽ dễ dàng biết được trục vì nó sẽ không chuyển động khi bánh xe đang chuyển động. Được nhấn chìm trong cực lạc bởi việc trở thành một với sự hoàn hảo, một Chaitanya hay một Meera nào đó đang nhảy múa. Khi điệu nhảy tiếp tục, bánh xe quay càng ngày càng nhanh, và điểm trung tâm xuất hiện như sự tách biệt trong cái tĩnh lặng của nó.

Nếu bạn bắt đầu với số không thì bạn bắt đầu cảm thấy trống rỗng bên trong. Khi mọi thứ bên trong trở thành trống rỗng, bánh xe bên ngoài bắt đầu được thấy đang quay; ý nghĩ tới và đi, *samsara*, thế giới, đang tiếp diễn.

Cuộc hành trình tới điều tối thượng có thể bắt đầu từ trục xe hay từ bánh xe. Cả hai sẽ đem chúng ta tới điểm cuối cuộc hành trình. Yếu tố tâm linh cao nhất có thể được biết tới hoặc bởi việc trở thành sự hoàn hảo hoặc bởi việc trở thành số không; nhưng các giác quan không thể đưa chúng ta hoặc tới sự hoàn hảo hoặc tới số không được - mà tâm trí thì cũng không thể đưa ta tới đó được.

6

Chân lí là ngớ ngẩn

*Yếu tố tâm linh cao nhất
đang chuyển động
và nó cũng không chuyển động.
Nó đi xa mà ở gần.
Nó bị che giấu trong mọi vật
và nó cũng ở ngoài mọi vật.*

Yếu tố tâm linh cao nhất, atman, không chuyển động, vậy mà nó đang chuyển động. Nó là cái ở gần nhất với chúng ta, vậy mà nó là xa xăm. Yếu tố tâm linh cao nhất ở bên trong chúng ta. Nó là linh hồn bên trong, và vậy mà nó là thấy được ở bên ngoài. Đây là một trong những lời kinh vĩ đại nhất đã từng được thốt ra trong lịch sử nhân loại. Nó rất dễ dàng và đồng thời rất sâu sắc và sâu lắng nữa. Không có chân lí nào sâu sắc hơn và sâu lắng hơn tất cả những chân lí đơn giản của cuộc sống. Chúng dường như không mơ hồ thế, nhưng chúng hàm chứa những bí ẩn, và những lời ngược đời phải được dùng để làm lộ chúng ra. Nếu nhà logic định nghiên cứu về chúng, ông ta sẽ nói chúng hoàn toàn không đúng.

Arthur Koestler, một nhà tư tưởng lớn của phương Tây, đã chế nhạo rất nhiều về cách thức phương Đông nhìn vào mọi vật. Ông ấy kết án cách nhìn ấy là ngớ ngẩn. Còn cái gì có thể là lời phát biểu ngớ ngẩn hơn điều này - rằng yếu tố tâm linh cao nhất ở gần hơn cái ở gần và ở xa hơn cái ở xa? Bạn có còn minh mẫn không? Bất kì cái gì ở gần phải ở gần; làm sao nó có thể ở xa được? Yếu tố tâm linh cao nhất này là bất động và cũng là đang chuyển động! Bạn nói điều vô nghĩa gì thế? Không có nghĩa chút nào trong điều bạn nói. Nó ở sâu bên trong và tràn khắp ra ngoài nữa sao? Nếu nó là vậy, thế thì có khác biệt gì giữa bên trong và bên ngoài? Nếu nó là ở bên trong, làm sao nó có thể ở bên ngoài được? Hay nếu nó ở bên ngoài, làm sao nó có thể ở bên trong được? Nếu nó ở nơi xa xăm xin cứ nói như thế, đừng nói nó ở gần. Và nếu bạn nói nó ở gần, thế thì xin chấm dứt việc nói nó đang ở xa xôi đi.

Đây là cách thức Koestler biện luận. Nếu bạn thành thật với thái độ của riêng mình bạn sẽ tán thưởng ý kiến của Koestler. Ông ấy là một con người rất chân thật, và tôi ưa thích tính thật thà của ông ấy với các phương án, bởi vì cách thức có thể được

tìm thấy người như vậy. Koestler nói, “Tôi coi những phát biểu như thế là phi logic. Chúng chỉ tới từ người mất trí, nhưng người mất trí, nếu người đó nói giống như thế này, có thể tha thứ được.” Nhưng Koestler không biết rằng ngay cả khoa học cũng đã đi tới vị trí này trong những năm qua, và đã nêu ra những phát biểu tương tự. Ngay cả Einstein cũng nói ngôn ngữ như thế.

Cứ để chúng một mình đây! Các hiền nhân rất có thể là những người lập dị. Họ chắc chắn không tuyên bố rằng họ không lành mạnh, vì không ai trên thế giới này, ngoại trừ người điên, nói rằng mình không lành mạnh. Các hiền nhân thông minh đến mức họ hoàn toàn được chuẩn bị để điên. Những người đặt tới trí huệ cao nhất đều bằng lòng được coi là kẻ ngu.

Hôm qua tôi đã bảo ai đó rằng tự nhận trí huệ là ngu xuẩn. Không ai ngoài kẻ ngu đã tự nhận là khôn ngoan và thông minh. Tất cả những người khôn ngoan được sinh vào thế giới này đều nói, “Chúng ta là những kẻ khờ vĩ đại, chúng ta không biết gì. Chúng ta biết mỗi điều này: rằng chúng ta biết cái không. Khi chúng ta bắt đầu biết, chúng ta cũng bắt đầu hiểu rằng chúng ta là kẻ dốt nát sâu sắc.”

Ngay cả Koestler cũng không thể nói rằng Einstein là lập dị. Nhưng khó khăn đã nảy sinh trong mười năm qua - khó khăn như Upanishad đã phải đối diện. Khó khăn như thế nảy sinh khi một ý nghĩ nào đó, tìm kiếm nào đó động chạm tới bí ẩn cao nhất. Khi hiền nhân của Upanishad đạt tới bí ẩn cao nhất này - atman tối thượng - ông ấy đã phải dùng ngôn ngữ ngược đời. Ông ấy đã nói một hơi rằng nó là xa xăm và nó cũng là gần gũi; và ông ấy nói một điều này tiếp ngay sau điều kia nhanh chóng và tức khắc đến mức bạn không thể nghĩ nó là xa xôi được. Ông ấy nói nó là gần gũi, rồi lập tức nói tiếp theo đó rằng nó cũng xa xôi nữa, cho nên bạn không thể phạm sai lầm mà nghĩ rằng nó là gần gũi. Điều được nói lần đầu ngay lập tức bị nói ngược lại trong mệnh đề

tiếp. Bây giờ các khám phá của khoa học cũng đang tiếp cận rất gần với yếu tố tâm linh cao nhất đó.

Các nhà khoa học rất phân vân khi điện tử được phát hiện ra. Họ không có từ ngữ nào để mô tả nó. Con người đặt từ cho mọi thứ, nhưng các nhà khoa học bị lẫn lộn khi họ phải dùng từ nào cho điện tử. Họ nên gọi nó là nguyên tử hay là sóng? Nguyên tử và sóng là những thứ tách bạch và mâu thuẫn nhau. Nguyên tử không thể là sóng được. Nguyên tử có nghĩa là hạt ở một chỗ. Sóng nghĩa là một thứ đang chuyển động. Nếu nó dừng chuyển động, nó cũng dừng là sóng. Sóng có nghĩa là một thứ đang trôi nổi, đang tuôn chảy, liên tục trở thành, liên tục thay đổi hình dạng - quá trình. Sóng là quá trình.

Và điện tử, tình trạng của nó là gì? Hai nhà khoa học đang nghiên cứu nó; một người nói, “Với tôi nó dường như là sóng.” Người kia nói, “Với tôi nó có vẻ như nguyên tử.” Cả hai đều nói như thế vào một lúc. Nhà khoa học kia nói, “Nó trông giống như nguyên tử vào khoảnh khắc này và ngay khoảnh khắc tiếp nó trông giống như sóng. Nó là cả hai vào cùng một lúc.” Cho nên có khó khăn lớn để đặt tên nó. Không có từ nào trong bất kì ngôn ngữ nào trên thế giới mang nghĩa đồng thời là nguyên tử và sóng - điều có thể có nghĩa đồng thời cả hai. Cho nên họ đã phát minh ra một từ cho nó, lượng tử. Lượng tử có nghĩa là cả sóng và nguyên tử.

Koestler sẽ gọi Einstein, Planck và những người khác như họ là người điên. Ông ấy sẽ coi họ là người dở hơi. Ai đó hỏi Einstein, “Ông nói gì về điều này? Làm sao nó có thể là cả nguyên tử và sóng được?”

Ông ta đáp, “Làm sao tôi có thể quyết định rằng điều đó là có thể hay không có thể? Tôi chỉ có thể nói, nó là vậy.”

Người hỏi nói, “Phát biểu này của ông bác bỏ mọi luật và nguyên lý của logic. Tất cả lý thuyết logic do Aristotle đề xuất đều bị lật nhào.”

Thế rồi Einstein đáp, “Làm sao tôi có thể dùng được điều đó? Nếu logic bị bác bỏ khi phải đương đầu với sự kiện thì nó phải bị bác bỏ chứ. Sự kiện không thể bị vứt bỏ. Ông đổi cách lập luận logic của ông đi.”

Sự kiện là như vậy. Aristotle là không đúng. Điện tử đơn giản không sẵn sàng để chứng minh Aristotle là đúng. Bạn sẽ phải thay đổi cách lập luận của mình, vì sự kiện là như nó vậy. Cứ để Aristotle sai đi. Điện tử không định trở thành nguyên tử chỉ để tuân theo Aristotle; nó cũng không sẵn sàng đơn giản là sống để chứng minh Aristotle đúng. Nó là cả hai. Nó không bắn khoăn về Aristotle. Logic của ông ấy nói những điều đối lập không thể cùng tồn tại như một thứ. Điều ông ấy nói là đúng. Làm sao một người đồng thời vừa sống và chết? Nhưng những người biết tới bí mật sâu sắc của cuộc sống đều nói rằng sống và chết là hai chân, trái và phải, của một và cùng một người. Khi bạn đang sống, bạn đồng thời cũng đang chết. Bạn không chết vào một ngày; bạn đang chết từ ngày bạn được sinh ra. Tại một đầu cuộc sống tiếp diễn, và từ đầu kia cái chết đang tiến tới. Và bạn đang đi tới chỗ cuối trong bảy mươi năm.

Đây là điều đáng quan tâm để suy ngẫm: một người chết có thể chết được không? Để chết, cần phải có người sống. Tức là phải nói, tuyệt đối cần thiết, không thể tránh được là phải sống để chết. Điều kiện này không thể bàn cãi. Nếu một người không sống, người đó không thể chết. Bây giờ điều này trở thành một phát biểu mâu thuẫn toàn bộ. Một điều kiện không thể tránh khỏi là sống để mà chết. Thế thì điều này có nghĩa một điều kiện không thể tránh khỏi nữa là chết đi để mà sống. Người không chết đi trong khoảnh khắc này, cũng không sống. Chết và sống là

những cái tên của cùng một quá trình. Chúng ta đang chết và đang sống vào cùng lúc. Chúng ta đang bị xoá đi và đang trở thành, đồng thời.

Aristotle nói bóng tối là bóng tối và ánh sáng là ánh sáng; chúng không thể thống nhất thành một. Thông thường, điều này dường như đúng đắn. Có bóng tối nơi không có ánh sáng, và có ánh sáng nơi không có bóng tối. Nhưng khoa học cho ta biết ánh sáng không đủ được gọi là bóng tối, và bóng tối không đủ được gọi là ánh sáng. Khác biệt là ở mức độ. Tương tự, nóng và lạnh không phải là hai điều tách biệt.

Lời kinh này của Upanishad sẽ rất dễ hiểu nếu bạn tiến hành thực nghiệm này. Hơ nóng một tay bạn chút ít trên lửa và để một mẫu nước đá trên tay kia đồng thời. Rồi nhúng sâu cả hai tay vào trong một thùng đầy nước, rồi bạn tự hỏi mình xem nước ấm hay lạnh. Một tay sẽ bảo bạn nước lạnh còn tay kia sẽ bảo bạn nước ấm. Thế thì bạn sẽ phải nói nước là lạnh và ấm nếu bạn không muốn đưa ra một phát biểu sai lầm; bạn sẽ phải đưa ra những phát biểu mâu thuẫn. Theo Koestler điều này sẽ là ngớ ngẩn. Nhưng nước là không lạnh không ấm. Đơn giản có khác biệt về nhiệt độ giữa nước và tay bạn, như bạn thấy khi chúng tiếp xúc với nước.

Upanishad nói atman là gần gũi và cả xa xôi nữa. Nó nói như vậy bởi vì dù lá có thể trải rộng bao xa, chúng bao giờ cũng vẫn gần rễ. Chúng được nối với rễ, nếu không chúng không thể tồn tại được. Nhựa cây tới từ rễ. Nếu chúng ta nhìn đúng, lá không là gì ngoài những cánh tay trải rộng của rễ. Nó là sự kéo dài - rễ được kéo dài và biến thành lá. Không có gián đoạn ở bất kỳ đâu ở giữa. Không có chỗ ở giữa nơi bạn có thể nói rằng tại đây rễ bị gián đoạn và từ đó lá bắt đầu xuất hiện. Toàn thể cây được thống nhất cùng nhau. Lá là ở trên cực điểm kia còn rễ ở trên cực điểm này. Ngón chân ở chân bạn và tóc trên đầu bạn không gián đoạn

với nhau. Chúng được nối với nhau, chúng là một. Chúng là hai đầu của cùng một vật.

Xem rõ gần với lá biết bao nhiêu! Chúng đem cho lá mọi nhựa cây, mọi sinh lực. Làm sao chúng có thể xa xôi được? Và vậy mà chúng xa nhau đây, rất xa xôi, và nếu lá muốn biết tới rễ, chúng sẽ phải lấy cuộc hành trình dài.

Tại sao tôi nói rõ là xa xôi? Chúng xa lắm theo nghĩa là lá thậm chí không biết rằng rễ có tồn tại. Mặt trời dường như gần lá, mặc dầu nó ở rất xa, mười triệu dặm. Nhưng lá có thể cảm thấy mặt trời ở rất gần. Chúng bắt đầu rung rinh trong sớm mai khi mặt trời lên. Chúng nhận biết về sự hiện diện của mặt trời hàng ngày, nhưng chúng bao giờ cũng dốt nát về rễ ẩn kín dưới chúng và là một phần và một mảnh của chúng. Theo nghĩa này, mặt trời là rất gần, trong khi rễ ở rất xa.

Yếu tố tâm linh cao nhất - at man - là rất gần chúng ta bởi vì chúng ta không thể tồn tại mà không có nó, và nó cũng ở rất xa bởi vì chúng ta hoàn toàn không nhận biết gì về nó mặc dù việc tìm kiếm chúng ta về nó đã qua vô lượng kiếp. Người ta nói rằng nó là tuyệt đối tĩnh lặng, vậy mà tất cả mọi chuyển vận của cuộc sống phụ thuộc vào nó. Cái trục không di chuyển; bánh xe chuyển động, vậy mà cái trục cũng thực hiện cùng hành trình như bánh xe thực hiện.

Giả sử bạn bắt đầu cuộc hành trình trên chiếc xe ngựa. Trục xe sẽ không di chuyển một li; chỉ bánh xe là lăn đi. Nhưng khi bạn dừng lại sau khi đi mười dặm, cái trục xe cũng đã làm cuộc hành trình mười dặm đường ấy, không di chuyển một li. Koestler sẽ gọi phát biểu này là phát biểu ngu xuẩn. Nhưng biến cố này - cuộc hành trình - đã xảy ra. Làm sao người ta có thể tranh cãi về sự kiện này được? Nếu Aristotle bị chứng minh là sai, cứ để ông ấy sai đi; sự kiện không thể sai được. Cái trục xe không di

chuyển chút nào vậy mà cuộc hành trình mười dặm đường đã được thực hiện.

Atman chưa bao giờ bước đi, cho dù một khoảnh khắc, và chưa bao giờ di chuyển; và vậy mà nó đã tạo ra một cuộc hành trình qua vô lượng lần sinh thành, dừng ở vô lượng trại và chỗ nghỉ, và du hành xa thế. Đây là lí do tại sao hiền nhân của Upanishad nói nó không di chuyển và vậy mà cũng di chuyển. Ông ấy nói nó ở bên trong và đồng thời ở bên ngoài. Thực ra, bên trong và bên ngoài chỉ là phân biệt tạm thời. Khi bạn hít vào bạn nói hơi thở đi vào, nhưng trước khi bạn hoàn tất câu phát biểu của mình nó đi ra.

Bạn đã từng bao giờ nghĩ về điều này chưa? Bạn nói, “Hơi thở đi vào - nó ở bên trong.” Trước khi bạn có thể hoàn tất phát biểu của mình, trước khi bạn có thời gian để nói như thế, nó đã ở ngoài; và khi bạn nói nó ở ngoài, bạn lập tức thấy rằng nó đã bắt đầu đi vào lần nữa. Cái gì là khác biệt giữa bên trong và bên ngoài trong trường hợp này? Đây đơn thuần chỉ là chiều hướng, không có cái gì khác.

Liệu có một chút xíu khác biệt nào giữa bầu trời bên ngoài nhà bạn và bầu trời bên trong nhà bạn không? Không khác biệt gì cả. Bạn xây các bức tường và do vậy bao bọc một phần của bầu trời. Nó là một phần của cái bầu trời trải rộng bên ngoài nhà. Bầu trời bên trong nhà là một với bầu trời bên ngoài, vậy mà vẫn có khác biệt nào đó. Khi mặt trời nóng gắt, chúng ta biết bầu trời bên ngoài là khác với bầu trời bên trong. Có thoải mái bên trong, trong khi có không thoải mái bên ngoài. Bầu trời bên trong và bên ngoài là một và như nhau, vậy mà chúng khác nhau, tách biệt. Khi chúng ta ngủ dưới bầu trời bên trong ban đêm chúng ta cảm thấy dễ chịu hơn, thoải mái hơn nếu chúng ta ngủ bên ngoài.

Do đó, Upanishad nói, cùng cái một là ở bên trong như ở bên ngoài. Và vậy mà bạn sẽ phải bắt đầu từ bên trong nếu bạn muốn

biết nó. Chỉ sau khi biết nó bên trong, bạn mới có thể nói rằng nó là một với bên ngoài. Trước khi biết điều này, không thể nói được rằng nó là bên ngoài, bởi vì nếu bạn không biết bên trong của mình bạn sẽ không có ý tưởng nào về bên ngoài là gì.

Làm sao những người thậm chí không biết tới bầu trời nhỏ bé của nhà của riêng họ biết được bầu trời bên ngoài khổng lồ, vô hạn ấy? Làm quen trước hết với bầu trời nhỏ bé này đi và thế rồi bạn sẽ làm quen được với bầu trời vô hạn bên ngoài đó. Những người muốn biết nó sẽ phải bắt đầu từ bên trong. Và những người đạt tới giai đoạn cuối cùng của việc biết, sẽ hoàn tất cuộc hành trình bên ngoài của họ. Bước đầu tiên, tự biết, xảy ra bên trong và bước cuối cùng, biết cái tối thượng, xảy ra bên ngoài. Cuộc hành trình bắt đầu với atman và kết thúc với tâm linh tối cao - với Paramatman.

Phát biểu dường như rất ngớ ngẩn, tuyệt đối phi logic và không liên quan này là một phát biểu rất sâu lắng - một chân lý vĩ đại và tràn đầy thực tế. Nhưng những người dừng ở lập luận logic không bao giờ có thể đạt tới được sự kiện đó. Chỉ những người đủ bạo dạn - vứt bỏ ngay cả lập luận mới có khả năng đạt tới sự kiện đó, bởi vì chân lý - sự kiện đó - không tôn trọng lập luận của bạn. Tất cả mọi lập luận đều nhân tạo, và các sự kiện không bao giờ lo nghĩ về điều đó. Lập luận của bạn có thể biện minh theo bất kì cách nào nó thích, nhưng sự kiện, không xáo trộn, sẽ tiếp tục xử lí theo cách riêng của chúng.

Sự kiện cứ nói cho bản thân chúng, không mảy may trăn trở về cách lập luận của bạn. Đó là lí do tại sao lập luận phải bị đập vỡ ra từng mảnh khi có tranh cãi giữa sự kiện và lập luận. Đó là lí do tại sao, khi người trí huệ của phương Đông đạt tới chân lý của cuộc sống, họ vứt bỏ lập luận logic. Họ tuyên bố, “Lập luận không thể có ích gì.” Đây là lí do tại sao những người đã trở thành rất thành thạo trong lập luận thấy khó biết chân lý. Họ kẹt

cứng vào trong lập luận của mình. Họ cứ nói, “Làm sao nước đồng thời vừa nóng vừa lạnh được? Lạnh là một phẩm chất, nóng là một phẩm chất khác và đối lập!” Nhưng chúng là một và cùng một. Họ cứ nói mãi, “Làm sao sinh và chết có thể là một được?” Nhưng chúng *là một* đấy!

Người tìm kiếm chân lý phải đủ táo bạo để vứt bỏ lập luận, ngay cả đấy là táo bạo lớn nhất. Lời kinh này nằm ngoài logic và do đó là vĩ đại. Như tôi đã bảo bạn, nó là một trong những lời kinh vĩ đại nhất đã được thốt ra trong lịch sử nhân loại. Bây giờ chúng ta đi vào chân lý vĩ đại đó cái nằm ngoài logic. Đừng cố gắng lập luận về cách nhảy múa hay hò hét hay khóc lóc hay cười to sẽ có ích cho chúng ta. Đừng nghĩ ngợi. Gạt logic sang một bên và lấy cú nhảy!

Trở thành tấm gương

*Người thấy toàn bộ thế giới
các đối tượng hữu tình và vô tình
Ở bên trong mình
và cũng thấy bản thân mình
trong mọi đối tượng hữu tình và vô tình,
bởi điều này,
không còn căm ghét ai nữa.*

Không thích hay căm ghét người khác là cơ sở của những phức tạp sâu xa của loài người. Có thể nói rằng chất độc căm ghét trở nên biểu hiện trong mọi phô bày độc địa của anh ta. Từ căm ghét có nghĩa là ham muốn phá huỷ người khác. Yêu có nghĩa là sẵn lòng hi sinh bản thân mình cho người khác, nếu cần. Căm ghét có nghĩa là sẵn lòng phá huỷ người khác vì bản thân mình ngay cả khi điều đó là không cần thiết. Theo cách tất cả chúng ta sống có dư thừa căm ghét và không có âm nhạc của tình yêu.

Căm ghét chúng ta gọi là tình yêu, thực ra, chỉ là một dạng của căm ghét. Trong làm tình chúng ta làm cho người kia trở thành phương tiện của chúng ta để có hạnh phúc; và ngay khi người ta làm cho người kia thành phương tiện, căm ghét bắt đầu. Trong khi làm tình chúng ta sống chỉ vì cái ta riêng của mình. Chúng ta muốn phục vụ cho mục đích ích kỉ của riêng mình. Đôi khi chúng ta dường như làm điều gì đó cho người khác, nhưng đây đơn giản bởi vì chúng ta định để nhận được cái gì đó được đền đáp từ người ấy mà thôi. Chúng ta làm điều gì đó cho người khác chỉ khi chúng ta có hi vọng nào đó về việc nhận được cái gì đó từ người ấy - chúng ta ham muốn kết quả; bằng không chúng ta không làm gì. Đó là lí do tại sao tình yêu của chúng ta có thể biến thành căm ghét vào bất kì khoảnh khắc nào. Điều ấy vẫn thường xảy ra: tình yêu được biểu lộ cho ai đó vài phút trước đây có thể biến thành sự khinh thị người ấy ngay sau đó. Nếu một căn trở nhỏ bất ngờ nảy ra len vào con đường thoả mãn ham muốn của ta, tình yêu của chúng ta sẽ biến thành căm ghét. Tình yêu có thể biến thành căm ghét và khinh thị chỉ là căm ghét bị che giấu. Chỉ có căm ghét bên trong, và bao bọc bên ngoài là cái vẻ của tình yêu.

Ishavasya trình bày ở đây một lời kinh rất quan trọng làm cho tình yêu thành có thể; bằng không không thể có. Không có

hiểu biết và hành động theo lời kinh này, không có khả năng nào cho hoa của tình yêu nở ra. Lời kinh này nói rằng căm ghét sẽ tới chỗ cuối chỉ khi chấm dứt khi một người bắt đầu thấy bản thân mình trong mọi đối tượng hữu tình và vô tình, và bắt đầu thấy mọi đối tượng hữu tình và vô tình - toàn thể sự tồn tại - bên trong bản thân mình. Nhớ lấy, Ishavasya không nói rằng thế thì tình yêu sẽ được sinh ra mà nói, “Thế thì căm ghét sẽ đi tới chấm dứt.”

Có một lí do được cân nhắc rất kĩ lưỡng để nói như vậy. Không có vật cản nào trên con đường của tình yêu ngoại trừ sự hiện diện của căm ghét. Nếu không có căm ghét, tình yêu nở rộ theo cách của nó - tự phát, tự nhiên. Không cái gì khác cần được thực hiện cho nó nở rộ. Điều đó giống như vứt bỏ tảng đá chặn dòng suối nhỏ: một khi được bỏ ra, dòng suối tuôn chảy theo cách riêng của nó. Theo cùng cách đó hòn đá của căm ghét đè nặng lên chúng ta. Bởi hòn đá căm ghét này chúng ta không có khả năng thấy được khuôn mặt mình được phản xạ trong tấm gương của mọi đối tượng hữu tình và vô tình; chúng ta không trở thành tấm gương phản chiếu tất cả những đối tượng trong chúng ta.

Cả hai hiện tượng này xảy ra đồng thời: người có thể thấy bản thân mình trong mọi đối tượng hữu tình và vô tình - mọi con vật, toàn thể sự tồn tại - không tránh khỏi sẽ có khả năng thấy được tất cả trong bản thân người đó. Người mà từ người đó toàn thể thế giới trở thành tấm gương, bản thân người đó trở thành tấm gương cho toàn thể thế giới. Chúng xảy ra đồng thời. Chúng là hai mặt của một và chỉ một sự xuất hiện. Upanishad nói rằng khi điều này xảy ra, căm ghét biến mất.

Thế thì cái gì được sinh ra? Upanishad đã không nói rằng thế thì tình yêu sẽ được sinh ra, vì tình yêu là vĩnh hằng, nó là bản tính của chúng ta. Nó không được sinh ra, nó không chết đi.

Chẳng hạn, khi mùa mưa tới và bầu trời bị bao phủ bởi mây, mặt trời bị che khuất. Bây giờ, chúng ta có thể nói rằng mặt trời sẽ được sinh ra khi mây biến mất không? Không, chúng ta chỉ có thể nói rằng mặt trời, cái bao giờ cũng có đấy, sẽ thành thấy được. Khi mây tới mặt trời không bị phá hủy, nó chỉ bị che khuất. Nó không còn thấy được nữa, bị che khuất sau mây. Mây sẽ biến mất và mặt trời sẽ lại chiếu sáng. Mây được sinh ra và mây chết đi, nhưng mặt trời thì bao giờ cũng có đó.

Tình yêu là bản tính của cuộc sống, cho nên nó không sinh không chết. Mây căm ghét được sinh ra và chết đi. Tình yêu bị che phủ khi những đám mây này được sinh ra; nó tự lộ ra khi mây biến mất, khi mây không còn nữa. Nhưng tình yêu là vĩnh hằng, cho nên Upanishad không nói về việc sinh ra của tình yêu, nó chỉ nói ngắn này: căm ghét chết và biến mất.

Nhưng bằng cách nào? Lời kinh này không dễ dàng như nó có vẻ thế. Nhiều lần việc xảy ra là mọi thứ trông có vẻ khó là không khó vậy, và tương tự, những việc có vẻ như dễ dàng là không dễ dàng. Phần lớn các trường hợp, có một chiều sâu lớn và điều phức tạp bị ẩn giấu bên trong các vấn đề dễ dàng. Lời kinh này dường như là trực tiếp và dễ dàng. Toàn thể phát biểu này được hoàn tất chỉ trong hai dòng. Nó nói, người thấy bản thân mình trong mọi đối tượng - hữu tình hay vô tình - và bắt đầu thấy mọi đối tượng trong bản thân mình, sẽ có căm ghét của mình bị phá hủy. Nhưng để làm cho tất cả mọi thứ đều thành tấm gương của người đó, hay để thành tấm gương cho tất cả, là thuật giả kim và nghệ thuật vĩ đại nhất. Không có nghệ thuật nào vĩ đại hơn nữa.

Tôi đã từng nghe: Một người Trung quốc có lần tới triều đình của hoàng đế Iran và nói, “Tôi tới từ Trung quốc, và tôi là

một nghệ sĩ rất vĩ đại. Tôi có thể làm ra những bức tranh mà ngài chưa từng bao giờ thấy trước đó.”

Nhà vua nói, “Thế thì làm chúng ở đây đi. Nhưng nhớ lấy, ở triều đình của ta không thiếu họa sĩ đâu và ta đã từng thấy những bức tranh rất tuyệt diệu.”

Người họa sĩ Trung quốc nói, “Tôi sẵn sàng chấp nhận mọi thách thức.”

Họa sĩ giỏi nhất của triều đình được chọn ra để đua tài. Rồi nhà vua cảnh báo trước cho họa sĩ này, “Dùng mọi tài năng của ngươi, làm cho tốt nhất vào. Bây giờ đây là vấn đề danh dự vương quốc. Coi chừng rằng ngươi phải không bị thua người ngoại quốc này.”

Họ được sáu tháng để hoàn thành công trình của mình. Người họa sĩ Iran bắt đầu công việc của mình một cách rất trang trọng. Với sự giúp đỡ của mười cho tới hai mươi công nhân, ông ta đã vẽ lên toàn bộ bức tường với những bức tranh tuyệt đẹp. Tin tức về bức tranh của ông ta lan tới những vùng xa xôi, và mọi người từ xa đổ đến để xem công trình của ông ta. Nhưng một điều kì diệu lớn hơn việc này đã xảy ra. Người nghệ sĩ Trung quốc nói, “Tôi không cần dụng cụ hay chất liệu nào cho công việc của mình, cũng không cần sơn vẽ nào cả. Tôi chỉ đòi một điều kiện thôi - đó là bức màn che phủ bức tường của tôi không được bỏ ra chừng nào bức tranh còn chưa xong.”

Mỗi sáng ông ta chui vào sau tấm màn, và trở ra lúc tối, kiệt sức, với những giọt mồ hôi trên trán. Nhưng một vấn đề phức tạp, bí ẩn và kì lạ lớn là ở chỗ ông ta không mang bút vẽ hay sơn theo mình khi ông ấy biến mất đằng sau tấm màn. Mà cũng không thấy có dấu vết gì về màu sắc lẫn vết sơn trên quần áo ông ta, và ông ta không cầm chổi vẽ nào trong tay. Hoàng đế bắt đầu tự hỏi liệu ông ta có quái dị không. Làm sao có thể có bất kì đua

tài nào trong hoàn cảnh như thế? Nhưng cần phải đợi cho đủ sáu tháng để đáp ứng điều kiện.

Với sự bồn chồn lớn lao mọi người đều chờ đợi cho sáu tháng trôi qua. Tin tức về các bức tranh của họa sĩ Iran ngày một lan xa và rộng, và cùng với tin này, lời bàn tán cũng lan truyền về đối thủ đua tài kì dị của ông ta, người đã đi vào cuộc đua tài mà không có sơn vẽ gì. Bạn không thể hình dung được mọi người nóng lòng chờ đợi sáu tháng trôi qua như thế nào.

Sau sáu tháng hoàng đế tới xem các bức tranh. Ông ta say mê xem các bức tranh do họa sĩ Iran vẽ. Ông đã từng xem nhiều bức tranh trong đời mình, nhưng ông ta chưa từng bao giờ thấy những bức tranh với tài năng không thể khen hết lời này được. Thế rồi ông ta yêu cầu người họa sĩ Trung quốc trình bày tác phẩm của mình. Ông này cởi bỏ bức màn che phủ bức tường của mình. Khi nhìn vào đó nhà vua rất phân vân. Nó là cùng bức tranh của họa sĩ Iran. Người họa sĩ Trung quốc đã tạo ra cùng bức tranh như của họa sĩ Iran, nhưng với một nét phụ thêm: nó không được vẽ trên tường, nhưng nó nổi lên từ sâu hơn một mét hai phía trong bức tường. Nhà vua hỏi, “Người đã làm điều này như thế nào? Đây là trò ảo thuật gì vậy?”

Người họa sĩ thưa, “Tôi không làm trò ảo thuật nào cả. Nhưng tôi là chuyên gia trong việc làm gương, cho nên ta đã biến bức tường thành một tấm gương chỉ bằng việc mài cạo nó liên tục trong sáu tháng. Bức tranh ngài đang nhìn vào chính là bức tranh của người họa sĩ Iran trên bức tường đối diện. Ta đơn giản chỉ biến tường thành tấm gương.”

Ông ta đã thắng trong cuộc đua tài, bởi vì lung linh trong gương bức tranh của người họa sĩ Iran trở nên sâu thêm vô hạn hơn là bản gốc. Bức tranh của họa sĩ Iran có độ sâu lớn khi được nhìn qua tấm gương. Nó trở thành bức tranh ba chiều. Bức tranh của họa sĩ Iran chỉ hai chiều; nó không có chiều sâu. Bức tranh

của người hoạ sĩ Trung quốc có được chiều sâu ba chiều. Hoàng đế hỏi ông ta, “Tại sao người không nói cho chúng ta ngay từ đầu rằng người chỉ biết cách làm gương thôi?”

Người hoạ sĩ Trung quốc đáp, “Tôi không phải là hoạ sĩ, tôi là *thánh nhân*, sư.”

Nhà vua nói, “Điều này càng trở nên đáng quan tâm hơn, Trước tiên người đã không nói cho chúng ta rằng người làm gương, còn bây giờ người bảo chúng ta rằng người là thánh nhân. Tại sao thánh nhân làm gương?”

Người hoạ sĩ Trung quốc đáp, “Tôi đã chỉ làm gương từ khi tôi làm cho bản thân mình thành tấm gương và thấy thế giới trong đó. Như tôi biến bức tường này thành tấm gương rõ bằng việc liên tục mài cọ và lau sạch nó, cho nên tôi đã biến bản thân tôi thành tấm gương, thuần khiết như pha lê, bằng cách giữ việc quán xét mình thường xuyên. Và một hình ảnh đẹp thế của thế giới này như tôi đã thấy ở bên trong không bao giờ được thấy ở bên ngoài. Cái ngày mà tôi thấy và nhận ra thế giới bên trong tôi, tôi trở thành giống như tấm gương. Mọi đối tượng hữu tình và vô tình của thế giới đã thắm nhuần bên trong tôi.”

Chúng ta sẽ có khả năng thấy được Thượng đế vào ngày trái tim chúng ta trở thành giống như tấm gương. Thế thì tất cả thế giới đi vào trong chúng ta, và toàn thể thế giới trở thành tấm gương cho chúng ta nữa. Thế thì chúng ta có khả năng thấy bản thân mình vào mọi khoảnh khắc, ở mọi nơi. Nhưng toàn bộ thế giới không thể biến thành tấm gương được; chỉ cái ta của riêng chúng ta là có thể được biến thành tấm gương thôi. Đó là lí do tại sao người tìm kiếm chân lí bắt đầu bằng việc làm ra tấm gương của bản thân mình.

Để biết tới thuật giả kim và nghệ thuật làm bản thân mình thành tấm gương, ba điểm cần phải được hiểu. Thứ nhất, có lẽ là không đúng mà nói về việc làm ra tấm gương của cái ta, vì chúng ta tất cả đều đã là những tấm gương rồi, nhưng bị bụi bặm che phủ. Công việc của chúng ta là lau sạch và chùi kĩ tấm gương đó và làm cho nó sáng bóng và rõ nét. Tấm gương không phải là tấm gương nếu bụi được phép lắng đọng lên nó; thế thì nó không phản xạ được gì cả. Năng lực phản xạ của nó bị phá huỷ khi nó bị bụi che phủ. Chúng ta là những tấm gương như thế - bụi đã tích tụ lên chúng ta. Cũng hết như bụi bám vào gương khi đi qua phố xá tấp nập, bụi cũng bám vào khi chúng ta trải qua vô lượng kiếp sống. Nó được tích tụ từ nhiều, rất nhiều cách thức, từ ham muốn của chúng ta, từ vô lượng hành động của chúng ta, và từ việc thường xuyên trở thành người làm của chúng ta. Không ai biết đồng bụi đã tích tụ lớn đến đâu - bụi của hành động, của việc trở thành người làm ra các hành động, của bản ngã, của ý nghĩ, của ham muốn và cảm xúc. Cho nên có một tầng bụi bặm rất sâu trên chúng ta.

Vấn đề quan trọng là loại bỏ nó đi. Nếu nó được quét sạch, chúng ta lại là tấm gương. Và mọi thứ giống như tấm gương đối với người mà bản thân người đó là tấm gương. Tại sao? - vì bất kì cái gì chúng ta đang là đều được chúng ta nhìn thấy về mọi phía. Để hiểu điều này, nhớ lời kinh quan trọng này trong trí: “Chúng ta chỉ thấy cái chúng ta đang là, chúng ta chưa bao giờ thấy bất kì cái gì khác ngoài cái này.” Bất kì cái gì được chúng ta thấy bao giờ cũng là phóng chiếu của chúng ta. Bao giờ chúng ta cũng là cái đó. Đây là khuôn mặt duy nhất của chúng ta mà chúng ta thấy. Nếu không điều gì tốt được chúng ta thấy trong thế giới bên ngoài, thế thì đấy là bởi vì hạt mầm của cái nhìn như vậy là ở bên trong chúng ta. Nếu cái xấu xí được thấy trong thế giới bên ngoài, chúng ta nên biết rằng cái xấu đó đã bắt rễ vững chắc bên trong chúng ta. Nếu chúng ta thấy bất tín ở mọi nơi bên

ngoài, chúng ta nên biết rằng bất tín là ở bên trong ta. Máy chiếu ở bên trong, chỉ màn ảnh là ở bên ngoài, và chúng ta cứ liên tục phóng chiếu lên nó. Chúng ta cứ mở rộng bất kì cái gì bên trong ta lên màn hình đó.

Nếu Thượng đế không được thấy trong thế giới bên ngoài điều đó đơn giản nghĩa là chúng ta không kinh nghiệm điều thiêng liêng bên trong chúng ta. Người nhận ra Thượng đế ở bên trong bắt đầu thấy Thượng đế thường xuyên trong mọi sự vật. Thế thì không có cách khác. Thế thì người ấy sẽ thấy Thượng đế ngay cả trong tảng đá. Nhưng chỉ vào khoảnh khắc đó tảng đá mới được thấy trong Thượng đế. Với tôi không có nghĩa nào khác cho từ người duy vật ngoài nghĩa này: người duy vật là người có trái tim tâm linh đã biến thành đá. Người có trái tim bên trong giống như đá thấy đá ở mọi nơi. Với tôi, người duy linh là người có trái tim tâm linh không giống như đá mà rộn ràng, sống động, rung động

Nhà khoa học sẽ nói rằng không cái gì tâm linh trong cái đập rộn ràng của trái tim chúng ta. Nó là một loại hệ thống, không gì nhiều hơn. Nhà khoa học sẽ nói rằng bất kì trái tim nào chúng ta nói tới đều có thể được thấy bằng cách giải phẫu nó; và cái mà ta sẽ thấy chỉ là cái bơm đẩy máu tuần hoàn, bằng việc ép không khí, trong toàn bộ thân thể. Không có gì nhiều hơn điều đó. Và nếu đây là cách thức nhà khoa học nhìn trái tim của riêng mình và ngọn nguồn của cuộc sống, thế thì người đó có thể không có kinh nghiệm gì về cuộc sống cả, và không có ý thức gì về thế giới bên ngoài. Nếu trái tim đối với con người chỉ có nghĩa là cái máy đẩy máu đi vòng bên trong, thế thì người đó sẽ chỉ thấy sự mở rộng máy móc trong thế giới bên ngoài: thế thì toàn thể hệ thống là hoàn chỉnh. Thế giới đơn thuần là một thứ máy móc. Thế giới bên ngoài chỉ là đá.

Không, còn có những cách khác để đi vào bên trong. Nếu cách thức của khoa học là cách thức duy nhất để đi vào bên trong điều đó sẽ có nghĩa là khó khăn lớn. Thế thì nhà khoa học sẽ thắng. Nhưng ông ta không thể thắng được, thất bại của ông ta là chắc chắn. Có thể sẽ có chậm trễ nào đó trong việc tìm ra những cách thức để đi vào bên trong, vì có nhiều khả năng. Chẳng hạn, ai đó muốn học chơi đàn *veena*. Bây giờ, có thể tìm ra đàn *veena* là gì bởi việc đập vỡ nó mở ra và nhìn vào trong nó. Người ta có thể đứt tất cả những sợi dây của nó, đập vỡ nó thành từng mảnh, xem xét từng mẫu, và cuối cùng tuyên bố, “Không có nhạc nhĩ gì trong đó cả. Ai nói đây là nhạc cụ? Ở đây, nó đang ở trước tôi đã được tách thành từng mẫu, và không có nhạc nhĩ gì trong nó cả.”

Nếu đây là cách duy nhất để biết đàn *veena* là gì thế thì nhạc sĩ đã thua rồi. Nhưng còn có cách khác để tìm ra đàn *veena* là gì. Chắc chắn đây là cách khó khăn; phá nó ra thì dễ, nhưng để biết nó thực sự là gì, là rất gian nan. Chỉ bằng cách chơi nó người ta có thể biết được cái đang được giấu kín trong tim của đàn *veena*. Nó tinh tế đến mức khó mà hiểu thấu, chắc chắn vậy, và nếu bạn điếc bạn sẽ không hiểu thấu nó được chút nào. Nếu bạn chỉ có hiệu quả về mặt trí tuệ, nhưng khiếm khuyết về nhạy cảm, khiếm khuyết về tình cảm, thế thì bạn sẽ không hiểu cho dù bạn nghe nó. Khi người ta nghe nhạc, người ta chỉ nghe thấy âm thanh - dôi dào âm thanh. Nhưng âm nhạc mang nghĩa cái gì đó còn nhiều hơn là chỉ việc nghe. Trong khi nghe nó, cái gì đó khác được thêm vào. Chúng ta phải dồn cả trái tim mình vào nó; thế và chỉ có thế thì âm thanh biến thành âm nhạc. Ngoài ra chỉ có âm thanh lẫn lộn, chỉ có tiếng ồn mà thôi.

Nếu chỉ có một cách duy nhất để biết trái tim - cách của nhà giải phẫu tiến hành mổ nó ra trên bàn mổ - điều đó sẽ không tốt; nhưng cũng có nhiều cách khác nữa. Người tâm linh biết điều đó, thánh nhân biết điều đó. Người đó đã đi tới việc biết nó bởi việc chơi theo trái tim, không phải bởi việc tháo nó rời ra từng phần.

Người đó đã biết nó bởi việc tạo ra âm nhạc từ trái tim. Cho nên người đó hỏi, “Bạn đang nói tới trái tim bên trong nào vậy? Bạn cũng điên khùng và gàn dở như người đập vỡ bóng đèn, lấy từng mảnh thủy tinh vỡ về nhà và nói, ‘Đây là ánh sáng.’” Đúng là ánh sáng đã được tạo ra qua nó, nhưng mảnh thủy tinh mà bạn đem về nhà không là và đã không là ánh sáng. Điều ánh sáng đó tan biến khi bóng đèn bị đập vỡ là sự kiện. Cho nên lập luận logic đằng sau sự kiện này dường như đúng - rằng khi bóng đèn bị đập vỡ ánh sáng đi mất, cho nên bóng đèn là ánh sáng; bằng không ánh sáng phải không mất đi khi bóng đèn bị đập vỡ. Những mảnh vỡ ta đem về nhà đã tạo nên ánh sáng toàn bộ. Điều này là đúng, rằng khi bóng đèn bị đập vỡ ánh sáng biến mất; nó không bị mất đi hay bị phá hủy, nó đơn giản biến mất, trở thành không thấy được. Cái môi giới làm cho nó thấy được đã bị đập vỡ.

Nếu chúng ta phá hủy trái tim, môi giới cho tâm linh biểu hiện bị phá vỡ. Bóng đèn bị đập vỡ. Thế thì trái tim tâm linh không thể chiếu sáng ra, cũng hết như ánh sáng không thể chiếu sáng ra từ việc đập vỡ bóng đèn. Tâm linh do vậy bị che giấu. Trái tim chỉ giúp cho tâm linh biểu hiện. Nhưng có rất ít người trong số chúng ta đã biết tới trái tim tâm linh. Chúng ta chỉ biết tới trái tim vật lý, qua đó mà máu được tuần hoàn và cuộc sống được động viên. Chúng ta chỉ biết cách bố trí máy móc này, cho nên chúng ta thấy nó được khuếch đại trong thế giới bên ngoài nữa.

Cái ngày chúng ta đi tới biết về tâm thức tối cao bên trong mình, thế thì thế giới bên ngoài cũng sẽ xuất hiện với chúng ta như sự mở rộng của tâm thức tối thượng. Cái toàn thể sẽ là tấm gương cho chúng ta khi chúng ta trở thành tấm gương bên trong. Nếu chúng ta đứng gần một tảng đá, thế thì chúng ta sẽ có khả năng thấy bản thân mình ngay cả trong tảng đá đó. Thế thì chúng ta sẽ không nhìn vào tảng đá đó với cái cứng rắn mà chúng ta

đang nhìn vào con người bây giờ. Thế thì chúng ta sẽ chạm vào hòn đá cứ như là chúng ta đang chạm vào người yêu, bởi vì thế thì tảng đá không còn là tảng đá nữa, nó là Thượng đế. Thế thì chúng ta sẽ bước đi trên mặt đất với chăm chú, nhạy cảm và nhận biết lớn, vì cũng có sự sống ẩn trong đó, cũng có sự mở rộng của sự tồn tại, và ở đó cuộc sống cũng đang đập rộn ràng; cũng có ai đó đang nhảy múa. Sự tồn tại đang nhảy múa theo những chiều hướng khác nhau, trong những hình dạng khác nhau, và trong những cách thức khác nhau. Chúng ta không chỉ là người chủ của cuộc sống. Các hình thái của nó là vô tận, và chúng ta là một trong chúng. Hình thái của chúng ta là một cách thức rất nhỏ bé. Và vậy mà chúng ta không có tri thức nào về con đường vào trong của mình.

Làm sao chúng ta có thể trở thành tấm gương được? Để trở thành tấm gương chúng ta sẽ phải chùi sạch bụi bặm đã lắng đọng lên mình. Chúng ta không chỉ phải loại bỏ nó mà chúng ta còn phải dừng việc thu thập bụi mới. Nếu chúng ta cứ chùi bụi tại đầu phía này và đồng thời chúng ta tiếp tục cách sống thu thập nó, thế thì không có khả năng nào trở thành tấm gương được. Chúng ta phải tấn công trên hai mặt. Bụi bặm cũ, bụi đã tích lũy, sẽ phải được loại bỏ và đồng thời chúng ta phải dừng việc thu thập bụi. Bụi cũ được tích lũy dưới dạng kí ức còn bụi mới được thu thập qua ham muốn. Bụi cũ được tích trữ trong kí ức còn bụi mới đến qua ham muốn.

Cả hai nỗ lực này đều phải được tiến hành đồng thời. Chúng ta sẽ phải giải phóng bản thân mình khỏi kí ức và khỏi ham muốn. Chúng ta phải nói với các ham muốn của mình rằng chúng ta không muốn có bất kì cái gì bây giờ, bây giờ không còn hành trình thêm nữa, và chúng ta phải bảo kí ức của mình rằng điều đã xảy ra trong quá khứ bây giờ chỉ là giấc mơ mà thôi. Không cần phải cứ mang tải trọng này một cách vô dụng. Nhưng tất cả chúng ta đều đang mang tải trọng kí ức của mình. Chúng ta

không quên cái gì cả; ngược lại, chúng ta nuôi dưỡng kí ức cũ và ôm giữ chúng. Chúng ta thu thập đồ phế thải này và cồng nó trên vai. Từ lúc sinh tới lúc chết chúng ta thu thập đồ phế thải của mình. Cho nên chúng ta phải bỏ qua kí ức. Chúng ta phải nói, “Điều đã xảy ra đã xảy ra rồi, bây giờ mình không phải là cái ta cũ nữa.” Chúng ta phải tự mình tách hẳn khỏi ngày hôm qua. Chúng ta phải giải phóng bản thân mình khỏi quá khứ và khỏi cả tương lai nữa. Khi chúng ta được tự do khỏi hai điều này, thế thì tâm trí chúng ta sẽ trở thành tấm gương.

Với tôi, sannyasin là người nói, “Tôi tách mình khỏi quá khứ. Bây giờ tôi không phải là cái tôi đã là ngày hôm qua - tôi chấm dứt đồng nhất đó.” Đó là lí do tại sao cái tên được thay đổi. Việc đổi tên là tượng trưng. Nó có nghĩa: “Tôi sẽ không là cái tôi cũ mà đã được gắn với cái tên cũ. Bây giờ tôi giải phóng mình khỏi cái đó. Bây giờ tôi chôn vùi những kỉ niệm cũ đó, cái đồng cũ lộn xộn toàn những thứ quá khứ đó, cùng với cái tên cũ của tôi. Bây giờ tôi là một người mới và bắt đầu cuộc hành trình của mình từ đầu.” Trong quyết tâm kiên định trở thành con người mới từ hôm nay, từ nay, từ bây giờ, tính chất sannyas thật được tìm thấy.

Nhớ điều này: tự do khỏi quá khứ là điều có thể được; nhưng nếu chúng ta vẫn tiếp tục thói quen cũ của mình thế thì quá khứ của chúng ta sẽ vẫn còn là quá khứ của chúng ta. Hiệu quả của việc đổi tên kéo dài được bao lâu? Nó sẽ không còn lại mới cho dù chỉ một khoảnh khắc. Sau khi cắt đứt với quá khứ, nếu chúng ta tiếp tục những thói quen cũ, thế thì chúng ta sẽ thu thập những kỉ niệm cũ quanh cái tên mới, và cùng gánh nặng cũ sẽ có đây, và tấm gương sẽ vẫn cứ còn bị che giấu.

Cho nên sannyas là giải pháp hai mặt. Cắt đứt khỏi quá khứ - tức là, “Tôi bây giờ không là cái tôi đã là ngày hôm qua; tôi phá vỡ sự liên tục. Tôi là nhận biết. Bây giờ tôi là con người mới. Cái

tên cũ không còn là tên của tôi. Ông ấy không phải là bố tôi, đây không phải là gia đình tôi. Không, cái quá khứ đó không có liên quan gì tới tôi. Tôi được tái sinh từ hôm nay.”

Một người tên là Nicodamus có lần tới gặp Jesus và hỏi, “Tôi phải làm gì để đạt tới cực lạc mà ông đang nói tới?”

Jesus nói, “Ông sẽ phải được sinh ra lần nữa.”

Người này hỏi, “Làm sao điều ấy có thể được? Ông đang nói gì vậy? Làm sao điều ấy là có thể được? Tôi đã được sinh ra rồi, tôi đã từng là đứa trẻ. Bây giờ làm sao tôi có thể được sinh ra nữa?”

Jesus nói, “Ông đã không hiểu tôi. Ông chưa bao giờ sinh ra, cho nên tôi bảo ông, ông sẽ phải được sinh ra lần nữa. Ông sẽ phải được sinh ra là một người mới. Ông sẽ phải được sinh ra tự do với cái đồng lộn xộn quá khứ những kỉ niệm và mối quan hệ của ông.”

Trong nước ta, chúng ta quen gọi một người như vậy là được sinh ra hai lần. Được sinh ra hai lần không có nghĩa là người ta phải trải qua nghi lễ điểm đạo của người brahmin trong việc đặt sợi dây thiêng liêng. Nó có nghĩa là một người có lần sinh thứ hai đã xảy ra. Không ai có thể được sinh ra hai lần trước khi trở thành sannyasin. Không ai có thể được sinh ra hai lần chỉ bởi việc đặt sợi dây thiêng liêng. Không ai có thể được sinh ra hai lần bởi việc được sinh ra trong một gia đình brahmin. Từ *dwija* có nghĩa là một người đã lấy lần sinh thứ hai. Lần sinh thứ nhất do cha mẹ trao cho và lần thứ hai là kết quả của sự cố gắng của riêng của người ta.

Nó là quá trình kép. “Tôi đang cắt đứt bản thân mình với quá khứ và cả với hình mẫu sống cũ mà qua đó tôi đã trở nên ngày càng gắn bó hơn với quá khứ. Bây giờ tôi được sinh ra mới mẻ hàng ngày. Bây giờ sẽ không có bụi bặm đọng vào tấm gương

của tôi. Bây giờ cái tên này sẽ vẫn còn tươi tắn mãi mãi. Bây giờ sẽ không có kí ức gắn với nó. Bây giờ tôi sẽ không bao giờ nói tôi đã làm điều này và tôi đã không làm điều kia. Bây giờ tôi sẽ không bao giờ tuyên bố rằng tôi là người làm. Bây giờ tôi sẽ không bao giờ nói rằng toà nhà là của tôi, hay của cái là của tôi, hay tài sản là của tôi.”

Nhớ điều này: sannyasin không phải là người bỏ gia đình mình và bắt đầu nói, “Đạo tràng là của tôi.” Sannyasin là người đã chấm dứt việc dùng từ ‘của tôi’. Người ấy sống ở đâu không thành vấn đề nữa. Người ấy có thể ngồi đây cai quản cửa hàng, miễn là cửa hàng không trở thành ‘của tôi’. Thế thì toàn thể vấn đề chấm dứt. Nhưng chúng ta có thói quen rời bỏ cửa hàng, bỏ nó, và thế rồi tái xác nhận thói quen cũ của chúng ta bằng việc đi vào đạo tràng và bắt đầu nói về đạo tràng *của tôi*. Thế thì đâu có khác biệt gì dù cho chúng ta sống ở nhà hay sống trong đạo tràng. Thế thì đổi tên là vô dụng. Việc ấy vô dụng như việc voi tắm trong sông hay ao, rồi đi ra và tung bụi đất lên thân nó. Việc tắm không phục vụ cho mục đích nào. Toàn bộ lao động bị phí hoài.

Lời kinh này của Upanishad đang yêu cầu chúng ta là tấm gương. Tâm trí đúng là tấm gương. Người có thể nói, “Tôi không có quá khứ không tương lai, tôi đang sống tại đây và bây giờ; chính khoảnh khắc này là tất cả,” người ấy trở thành một tấm gương ngay lập tức.

Làm sao có thể có bất kì cảm ghét nào trong trái tim phản ánh mọi đối tượng hữu tình và vô tình trong tấm gương riêng của nó? Và làm sao có thể có bất kì cảm giác căm ghét nào khi phản xạ riêng của người ấy được thấy trong mọi đối tượng hữu tình và vô tình? Cảm giác căm ghét mất đi; khói của nó tan biến. Đám mây khói biến mất, và cái trở nên thấy được là mặt trời, mặt trời của tình yêu. Nhớ lấy, chừng nào vẫn còn có căm ghét trong tim bạn, tình yêu bạn làm ra và cứ làm ra chỉ có thể là một dạng của

căm ghét. Khi căm ghét tan biến tại chính gốc rễ của nó - tức là, khi nó biến mất hoàn toàn và chung cuộc - cái được sinh ra là tình yêu.

Chỉ sannyasin mới có thể làm ra tình yêu. Chính là từ cái ta - linh hồn - dòng suối tình yêu đó chảy ra. Không cái gì ngoài căm ghét sẽ chảy ra từ thân thể và tâm trí. Chỉ căm ghét sẽ chảy ra từ những ý tưởng ích kỉ - ý tưởng về của tôi và của bạn. Người tìm kiếm phải hiểu đúng nghệ thuật tự mình trở thành tấm gương. Ngay khi người ấy có thể, người ấy phải học để làm khoảnh khắc hiện tại thành sự tồn tại của người đó, và bắt đầu sống từ khoảnh khắc sang khoảnh khắc. Người ấy phải tách hẳn bản thân mình với quá khứ cũng như tương lai. Người ấy phải tìm ra tự do khỏi kí ức và ham muốn. Thế thì bụi bặm tích lũy sẽ phai đi và sẽ không có khả năng nào cho bụi mới lắng đọng .

Cái bóng của bản ngã

*Sầu nào hay gần bó nào
có thể còn có đấy cho linh hồn đã chứng ngộ -
người trí huệ -
khi mọi đối tượng hữu tình và vô tình
của thế giới
đã trở thành cái ta của người ấy,
khi người ấy thấy cái một ở mọi nơi?*

Sầu nào hay gần bó nào có thể có đó cho người đã nhận ra - người trí huệ - người đã biết bản thân mình trong mọi đối tượng hữu tình và vô tình, hay đã biết mọi đối tượng hữu tình và vô tình trong bản thân người ấy?

Có ba hay bốn điểm quan trọng cần phải hiểu trong lời kinh này. Thứ nhất, Upanishad gọi ai là người trí huệ? Từ gốc mà từ này được dẫn ra là *ved*. Từ *ved* nghĩa là biết. Ý nghĩa của từ ‘người trí huệ’ là người biết. Người ấy biết cái gì? Ai đó biết về toán học, ai đó biết về hoá học, ai đó biết về vật lí. Có cả nghìn thứ để biết. Ai đó biết kinh sách. Một số biết tất cả những vấn đề về bí ẩn sâu sắc do các vị thánh nói lại. Nhưng Upanishad không coi họ là trí huệ.

Đây là một điều rất kì lạ và đáng quan tâm. Tích lũy thông tin không phải là tri thức theo Upanishad. Họ gọi người trí huệ là người biết chỉ một yếu tố vĩ đại - chân lí: tức là người biết bản thân mình, vì người biết bản thân mình, biết tất cả. Khi người ấy biết bản thân mình, người ấy trở thành tấm gương mà trong đó hình ảnh được phản xạ của tất cả mọi thứ bắt đầu xuất hiện. Nhưng sự kiện là người ấy biết tất cả không có nghĩa là người ấy phải là một nhà toán học lớn hay một nhà hoá học nổi danh hay một nhà khoa học vĩ đại. Không, đây không phải là nghĩa. Nghĩa duy nhất của câu này - “Bởi việc biết bản thân mình người ấy biết tất cả” - là ở chỗ qua việc biết bản thân mình người ấy đi tới biết rằng cái tối cao đó, cái thuần khiết nhất đó, yếu tố huyền bí đó đang bị che giấu bên trong tất cả. Người ấy biết công thức, cái bản chất có vai trò là tất cả điều này. Người ấy biết rằng luật tối cao có thẩm quyền ngự trị tại mọi nơi. Người ấy biết rằng vị chúa tể tối cao có trong mọi con người. Người ấy biết rằng ông bầu tối cao đó giữ trong tay mình sợi dây để điều khiển mọi con rối nhảy múa.

Người ấy không phải là chuyên gia - người ấy không phải là chuyên gia chút nào. Nếu bạn hỏi người ấy về một điều đặc biệt người ấy có thể không biết câu trả lời. Người ấy biết điều bản chất ẩn kín trong toàn thể vũ trụ. Người ấy không biết từng cái lá, nhưng người ấy cầm chiếc rế trong tay. Người ấy biết sinh lực sâu sắc và vĩ đại, bí ẩn; và ngay khi người ấy biết điều đó, người ấy trở thành tự do khỏi sầu não và gấn bó.

Đây là đặc trưng của người trí huệ, và nó là đặc trưng kì lạ. Nó không phải là năng lực của ông ấy để đáp lại các câu hỏi của bạn, không phải là ông ấy sẽ có khả năng giải quyết các vấn đề của bạn. Đây chỉ là việc ông ấy trở nên tự do khỏi ảnh hưởng của sầu não và gấn bó. Một nhà toán học, dù là một chuyên gia lớn đến đâu, sẽ không thể thoát khỏi sầu não và gấn bó. Cứ cho là ông ấy là một nhà tâm lý vĩ đại như Freud - và có rất ít nhà tâm lý như Freud trên thế giới này - tâm trí của ông ấy vẫn sẽ là tâm trí của người thường, ngay cả sau khi biết rất nhiều về tâm trí. Điều có khác biệt gì, không có một biến đổi nhỏ nhất nào trong tâm trí ông ấy. Ông ấy vẫn trở nên lo lắng, sợ sệt, bùng lên với giận dữ và ghen tức, và vẫn sầu não và gấn bó như bất kì người thường nào. Và điều ngược đời là ở chỗ ông ấy có nhiều tri thức lý thuyết về sợ hãi, về ghen tức, có lẽ là hơn bất kì người nào khác trên thế giới. Ông ấy có đầy tri thức về dục tính, nhưng ngay cả trong tuổi già nó vẫn khuấy động tâm trí ông ấy nhiều như nó khuấy động tâm trí của bất kì ai khác.

Upanishad không coi người như thế là có học. Upanishad thậm chí không coi tri thức của ông ấy là tri thức đúng. Họ gọi nó là kho thông tin. Người như thế là chuyên gia. Bất kì điều gì được biết về sợ đều được ông ấy biết tới. Ông ấy biết về sợ, nhưng không phải là bản thân nỗi sợ. Nếu ông ấy đã biết thực sự về sợ, ông ấy sẽ được tự do khỏi nó. Một chuyên gia về kinh sách tôn giáo biết mọi điều về tôn giáo, nhưng không biết đến tôn giáo. Ông ấy biết điều Veda nói, điều Upanishad nói, điều Gita

nói, điều Koran nói, điều Kinh thánh nói - ông ấy biết tất cả những điều này. Ông ấy biết điều được nói, nhưng ông ấy không biết về người nói ra điều này, cách thức nào điều này được nói ra, với kinh nghiệm nào điều này được nói ra.

Khác biệt tựa như thế này - rằng một người biết mọi điều về việc bơi nhưng không biết cách bơi. Không khó để biết việc bơi về mặt lý thuyết; có thể nghiên cứu qua một cuốn sách về bơi. Tất cả tài liệu về bơi lội đều có thể được ghi nhớ. Một người có thể là một chuyên gia về bơi lội và có thể trả lời bất kì câu hỏi nào được hỏi về việc bơi. Và vậy mà, đừng sai lầm đẩy người ấy xuống sông, vì biết bơi là vấn đề hoàn toàn khác.

Không cần phải biết mọi điều về việc bơi đối với một người biết bơi. Có thể là người ấy chỉ biết bơi nhưng dốt nát về bất kì tri thức lý thuyết nào. Nhưng toàn bộ tri thức lý thuyết của một người sẽ không hữu dụng gì cho người ấy nếu thuyền của người ấy bị chìm và cuộc sống của người ấy bị lâm nguy. Vào lúc như vậy, người không biết gì về tri thức bơi lội nhưng biết chính việc bơi sẽ có khả năng bơi và cứu mạng mình. Đây là lý do tại sao hiền nhân của Upanishad chỉ đúng những đặc trưng nền tảng của người có học thực sự. Ông ấy nói họ là người có học, người trí huệ, người thấy mọi đối tượng hữu tình và vô tình trong bản thân họ và thấy bản thân họ trong mọi đối tượng hữu tình và vô tình. Những người như thế trở thành tự do khỏi mọi sầu não và gấn bó.

Tại sao ông ấy đã gộp nhóm hai điều này - sầu não và gấn bó - với nhau? Chúng được gộp nhóm với nhau bởi vì hai điều này là một; chúng là những bộ phận cùng xảy ra, không tránh khỏi của cùng một hoàn cảnh tâm trí. Trong hai điều này, một điều không bao giờ đứng một mình. Cho nên hiểu chúng cho đúng. Tâm trí bị gấn bó thì sẽ buồn rầu và sầu não nữa; và nơi không có gấn bó sầu não không thể có đó được. Thực ra, sầu não xảy ra khi đối tượng của gấn bó bị phá hủy. Không có lý do nào khác cho

buồn rầu. Giả sử tôi có gắn bó với ai đó: nếu người ấy chết, tôi bị đắm chìm trong buồn rầu. Buồn rầu tựa như cái bóng đi theo gắn bó. Nếu tôi không có gắn bó với bất kì ai, không thể buồn được, cho dù tôi muốn thế.

Có một ngôi nhà mà tôi gắn bó. Nếu nó bị cháy tôi cảm thấy sầu não. Có sầu não ngay khi gắn bó bị đứt đoạn và đứt gãy - bất kì đâu nó gặp khó khăn, bất kì đâu nó bị tan vỡ, bất kì đâu nó bị chống đối. Và nhớ lấy, khi sầu não tới thì bạn sẽ phải tạo ra gắn bó để cứu lấy bản thân mình khỏi sầu não. Khi sầu não tới bạn sẽ phải tìm ra một đối tượng mới cho gắn bó của bạn, để cứu bản thân bạn khỏi sầu não, để tránh xa nó. Nếu một người bạn yêu chết đi, bạn không có khả năng quên được người đó chừng nào bạn còn chưa tìm thấy cái thay thế để yêu. Khó quên gắn bó cũ chừng nào bạn còn chưa ném nó đi và thay thế nó bởi việc bày tỏ tình yêu của bạn cho cái thay thế mới.

Cho nên sầu não tới khi gắn bó bị tan vỡ, và để trốn chạy khỏi sầu não đó chúng ta phải tạo ra những đối tượng mới cho gắn bó của mình. Vậy cái vòng luân quần này cứ tiếp diễn. Mọi gắn bó đều đem tới sầu não và mọi sầu não bị kìm nén bởi những đối tượng mới của gắn bó. Bệnh tật tới; thuốc phải được cho, và nó gây ra các kiểu bệnh tật khác. Thế rồi thuốc mới được đưa ra cho bệnh mới và những bệnh mới này làm phát sinh những bệnh mới nữa. Vậy là cái vòng này cứ tiếp diễn. Cho nên đó là một quyết định trí huệ gộp nhóm hai điều này với nhau.

Đây là lí do tại sao người ta nói rằng người biết trở nên tự do khỏi sầu não và gắn bó. Làm sao những ý tưởng về của tôi và của anh có thể tới được với người thấy bản thân mình trong mọi đối tượng hữu tình và vô tình và thấy tất cả chúng trong bản thân người ấy? Thế thì làm sao gắn bó được tạo ra? Nó được tạo ra chỉ khi bạn gắn bản thân mình với ai đó, và nói, “Cái này là của tôi,

phần còn lại không phải của tôi,” hay khi bạn nói, “Toà nhà này là của tôi, phần còn lại không phải là của tôi.”

Khi tôi tới đây, một bà nào đó tới gặp tôi. Bà ấy nói, “Do ân huệ lớn của thầy cửa hàng của con trai tôi được cứu khỏi bị bắt cháy. Toà nhà kế bên bị bắt cháy, và lửa sắp lan sang cửa hàng chúng tôi. Nhưng cửa hàng của chúng tôi đã được cứu.” Bà ấy mang đồ ngọt tới biếu tôi. Bà ấy vui mừng rằng cửa hàng của con bà ấy đã được cứu. Không, bà ấy không tiếc gì cho toà nhà đã bị lửa tàn phá cả, vì bà ấy không có gắn bó với chúng. Ngược lại, bà ấy hài lòng vì toà nhà mà bà ấy gắn bó đã được cứu thoát.

Gắn bó bao giờ cũng mang tính loại trừ; nó bám vào cái này và bỏ ra phần còn lại. Nó nói, “Đây là vợ tôi, đây là chồng tôi, đây là con tôi, đây là nhà tôi, đây là cửa hàng của tôi” - có cái tôi trong tất cả những thứ này - “và tôi không quan tâm tới những cái còn lại!” Nếu bất kì điều gì xảy ra cho phần còn lại, nó không ảnh hưởng tới bạn theo bất kì cách nào, nó không tạo ra khác biệt gì cho bạn. Bạn hài lòng rằng cái của riêng bạn được cứu thoát.

Mức độ gắn bó giảm đi khi trường gắn bó trải rộng ra. Cái gắn bó lớn lao nhất là cho bản thân mình, vì không cái gì dường như là ‘của tôi’ nhiều hơn bản thân người ta. Cho nên, chẳng hạn, dường như là con thuyền đang chìm, có một người chồng và một người vợ đang trong nó, và tình huống là tới mức chỉ một trong hai người có thể được cứu, thế thì cả hai đều sẽ muốn được cứu. Nếu lửa bùng lên trong toà nhà, người chủ sẽ nhảy ra trước hết và rồi hỏi han về các thành viên khác trong gia đình. Một người biết tới đám cháy không sớm hơn bản thân người đó chạy ra. Cho nên, gắn bó được tập trung phần lớn quanh cái tôi; nó là liên kết mạnh nhất với cái tôi. Thế rồi nó giảm dần đi khi trường của cái ‘của tôi’ mở rộng ra. Nó sẽ ít hơn khi hướng tới gia đình, ít nữa khi hướng tới thành phố, càng ít nữa khi hướng tới quốc gia, và thậm chí còn ít hơn nữa khi hướng tới toàn thể nhân loại. Và nếu

mọi người đang sống trên hành tinh khác nào đó, sẽ không có gắn bó nào hướng tới họ.

Các nhà khoa học tuyên bố rằng có sự sống trên ít nhất năm mươi nghìn hành tinh khác. Chúng ta không biểu lộ sự gắn bó gì với họ cả. Ngay cả hướng tới nhân loại cũng dường như tối thiểu. Chúng ta vẫn còn không quan tâm và không bị ảnh hưởng khi bảy trăm nghìn người chết ở Pakistan. Nếu một người chết trong gia đình chúng ta, chúng ta còn bị tác động sâu não hơn là khi biết bao nhiêu người chết ở Pakistan, và nếu một ngón tay chúng ta bị đứt, chúng ta kinh nghiệm còn đau hơn là chúng ta cảm thấy khi bảy trăm nghìn người kia chết. Khi chúng ta tiến dần tới cái ‘tôi’, gắn bó trở nên tập trung hơn, và khi chúng ta đi xa khỏi cái ‘của tôi’, bóng dáng của nó trở nên mảnh mai và hiếm hơn.

Gắn bó là cái bóng của bản ngã. Gắn bó lập tức được tạo ra bất kì chỗ nào bạn thấy ‘tôi đây’. Nhưng như tôi đã nói, gắn bó mang tính loại trừ; để làm gắn bó thành có thể, cái gì đó hay ai đó phải bị bỏ ra. Do đó, hiền nhân này nói, người đã thấy mọi đối tượng hữu tình và vô tình trong bản thân mình, trở thành không loại trừ; cảm giác trong người ấy bây giờ là, “Tất cả đều là của ta.” Người ấy trở thành người bao hàm tất cả. Thế thì gắn bó không xảy ra, bởi vì bây giờ không có nền tảng cho nó.

Khi tất cả đều là ‘của tôi’, không có mục đích nào trong việc gọi bất kì ai là của tôi. Đã có một mục đích cho việc nói ‘của tôi’ chừng nào còn có một mục đích cho việc nói ‘của bạn’ - có ai đó không phải là ‘của tôi’. Cho nên bạn tạo ra biên giới, bạn vẽ ra đường bao để chỉ ra giới hạn của cái ‘của tôi’. Bạn tạo ra bức tường, biên giới. Bên ngoài giới hạn này, một thế giới khác bắt đầu mà với nó bạn không quan tâm chút nào. “Dù nó chết hay bị tàn phá là không liên quan tới cái của tôi.” Phía bên này của biên giới là thế giới của bạn, vì cái đó mà bạn mong muốn rằng không

có khổ, không có tai hoạ, không có đau buồn, vì bạn bị sâu não khi nó gặp rắc rối.

Upanishad nói gắn bó của một người tan biến đi khi người ấy thấy bản thân mình không chỉ trong mọi loài vật, không chỉ trong mọi vật sống, mà trong mọi đối tượng hữu tình và vô tình, thậm chí trong từng hạt cát - tức là nói trong bất kì sự tồn tại nào trong thế giới này. Thế thì không có gắn bó nào còn lại. Gắn bó có đó trong khi biên giới có đó. Gắn bó không thể vô giới hạn được. Nhớ lấy, gắn bó vô giới hạn là không thể được. Nó sống bên trong các giới hạn. Khi biên giới mở rộng dần ra, gắn bó yếu đi; và khi các giới hạn hẹp lại, gắn bó trở nên mạnh thêm. Trong cái vô giới hạn, gắn bó biến mất.

Và thế thì làm sao sâu não có thể có được khi gắn bó đã biến mất? Nó không tồn tại mà không có gắn bó. Nếu không có gắn bó, không có sâu não. Cho nên Upanishad gọi người ấy là người trí huệ, người đứng ngoài cả gắn bó và sâu não. Và làm sao người ấy đứng ngoài? Người ấy đứng ngoài bởi việc thấy bản thân mình trong toàn bộ sự tồn tại, cái có đó lan toả bao quanh tất cả chúng ta nhưng không thấy được đối với chúng ta bởi vì chúng ta cũng có đó trong nó.

Sự kiện sau đây xảy ra trong cuộc sống của Rabindranath Tagore. Cũng đáng để ý đến. Ông ấy đã viết lời cầu nguyện về Thượng đế trong Gitanjali, bởi điều đó ông ấy đã nhận được giải thưởng Nobel và trở nên nổi tiếng trên thế giới. Nhưng còn có một cụ già sống gần nhà ông, người bắt đầu thường xuyên gây phiền nhiễu cho ông. Bất kì khi nào cụ già gặp Rabindranath, cụ đều giữ ông tẩy lại và hỏi, “Xin nói cho tôi sự thực: ông đã biết Thượng đế chưa?”

Cụ già thật bướng bỉnh còn Rabindranath, là một người lương thiện, không thể nói dối được. Cụ già nhìn thẳng và sâu vào mắt Rabindranath đến mức tay và chân ông ấy run lên. Đây

là người đã được giải thưởng Nobel đây. Bất kì khi nào ông ấy đi ra ngoài ông ấy đều được nhiều người tôn kính. Người ta hay nói, “Đây là tấm gương sống về một người mà Upanishad gọi là Maharishi.” Vậy mà ông ấy ở đây, bị một cụ già hàng xóm làm cho bối rối. Và việc gây phiền nhiễu này không chỉ có một ngày hay một sáng hay một tối, mà liên tục mọi ngày, vì cụ già, không có gì làm, để toàn bộ thời gian ngồi trên ghế cạnh cửa nhà ông ấy cho nên Rabindranath thấy khó mà tránh được cụ.

Rabindranath đã viết trong nhật kí rằng ông thấy rất khó rời khỏi nhà: ‘Trước khi đi ra ngoài, tôi sẽ hỏi liệu cụ già này có đang ngồi đó hay không. Bằng không cụ ấy sẽ túm lấy tôi và hỏi, “Ông đã thấy Thượng đế chưa? Ông có biết ngài không?” Tôi thường bị run lên khi nghe những câu hỏi này bởi vì tôi không biết gì về ngài cả. Khi nghe câu trả lời của tôi, cụ già sẽ cười to và toàn tâm. Cái cười của cụ theo cách đó làm hồng giấc ngủ của tôi, nó bắt đầu ám ảnh tôi; tôi bắt đầu sợ ông cụ ấy. Một lần tôi nghĩ, ‘Minh thực sự tạo ra rắc rối cho bản thân mình khi viết cuốn Gitanjali này.’ Tôi nghĩ, ‘Cụ già đó phải đã có thoáng nhìn nào đó về Thượng đế, bằng không cụ không thể ám ảnh mình đến thế.’” Từ mắt cụ ấy dường như là cụ đã biết điều gì đó, bởi vì Rabindranath không thể trốn tránh cái nhìn đó được khi nhìn vào cụ và lặp lại một hay hai dòng Gitanjali để trả lời cho câu hỏi của cụ.

Rồi nhiều năm trôi qua, và cụ già vẫn cứ tiếp tục là nỗi ám ảnh của ông ấy. Rabindranath đã nói: “Một tải trọng lớn được nhắc ra khỏi tâm trí tôi vào cái ngày mà tôi có thể nói cho cụ, ‘Tôi đã biết Thượng đế.’” Đó là vào đầu mùa mưa, và những cơn mưa để bùn nhão nhoét ở mọi nơi. Vũng chứa nước và những hồ nhỏ trên đường tràn đầy nước. Éch kêu ồm ộp. Hôm đó là buổi sáng và Rabindranath bị lôi cuốn đi ra ngoài bởi những thay đổi đó trong tự nhiên - tiếng éch kêu oà oạp, tiếng rào rào của mưa

roi, hương mới của đất. Ông ấy thấy cụ già ấy không ngồi ở vị trí thường lệ. Có lẽ cụ già còn chưa dậy.

Rabindranath chạy ra khỏi nhà. Mặt trời đã lên trên biển. Ông đứng trên bãi biển. Mặt trời lung linh trên sóng. Ông nhìn vào mặt trời và sự phản xạ của nó, và rồi bắt đầu trở về nhà. Mặt trời được phản xạ trong từng vũng nước, trong từng ao nhỏ, trong từng rãnh nước bên vệ đường. Nó lấp lánh khắp xung quanh - trong những vũng nước bên, trên biển khơi, trên dòng suối nhỏ sạch sẽ, trong mọi phía. Thấy tất cả điều này, một điệu nhạc nào đó, một cái chưa biết nào đó, một âm thanh vô định bên trong bắt đầu ngân lên trong tim Rabindranath.

Khi ông ấy quay trở về, ông ấy nhảy múa. Ông ấy nhảy múa vì ông đã thấy rằng sự phản xạ của mặt trời không bao giờ bị mờ xín. Ông ấy nhảy múa bởi vì ông ấy đã thấy rằng sự phản xạ của mặt trời tươi tắn và sạch sẽ trong nước bùn bẩn cứ như là trong nước sạch nhất. Sự phản xạ không bao giờ bẩn cả. Làm sao nó có thể bẩn được? Chỉ nước có thể bùn và bẩn thôi. Nhưng mặt trời mà nhìn trong đó, sự phản xạ của mặt trời trong đó, là không bẩn. Nó tuyệt đối tươi tắn và sạch sẽ. Không nước nào có thể làm hư hỏng nó được. Đây là một kinh nghiệm cách mạng, rất lớn lao cho ông ấy. Điều đó có nghĩa là Thượng đế, người ở bên trong ngay cả cái tội tệ nhất của con người, không thể bị làm bẩn. Sự phản xạ của Thượng đế trong con người tội lỗi nhất là thuần khiết như nó có trong những người ngoan đạo nhất. Cho nên ông ấy đã trở về trong nhảy múa. Cánh cửa đã mở ra bên trong.

Cụ già kia đã ngồi gần cánh cửa. Đây là lần đầu tiên ông ấy không còn sợ cụ già, và lần đầu tiên cụ già nói, “Được rồi, dường như là anh đã biết ngài.” Cụ già lại gần Rabindranath ôm choàng lấy ông ấy và nói, “Cực lạc của anh, điệu nhảy của anh hôm nay đã nói cho ta rằng anh đã biết ngài. Bây giờ ta có thể kính trọng anh!”

Thế rồi trong ba ngày Rabindranath vẫn còn trong trạng thái cực lạc - trong trạng thái điên khùng. Mọi người trong gia đình đều lo sợ khi thấy điều này. Chỉ cụ già ấy thường tới và bảo họ, “Vui mừng đi! Vui vẻ đi!” và bắt đầu thông báo cho láng giềng rằng ông ấy đã biết Thượng đế. Nhưng mọi người trong nhà đều rất sợ vì Rabindranath hành xử một cách rất kì cục. Nếu ông ấy thấy một cột trụ, ông sẽ ôm chầm lấy nó. Nếu một con bò đi ngang qua trên đường ông ấy sẽ ôm lấy con bò nữa. Nếu ông ấy thấy một cái cây ông ấy sẽ ôm chầm lấy nó. Mọi người trong nhà nghĩ ông ấy đã mất trí: “Ông ấy đã phát điên rồi!” Nhưng cụ già này vẫn tiếp tục nói, “Đừng lo. Ông ấy điên khùng từ trước cho tới nay, và bây giờ ông ấy lành mạnh. Bây giờ ông ấy bắt đầu thấy, trong tất cả sự tồn tại, cái mà không có nó bài hát ông ấy vẫn hát mọi lần đều vô dụng. Đây chỉ là nhịp điệu, một cái cố nghèo nàn cho nhà thơ. Chỉ bây giờ, âm nhạc thực sự được sinh ra trong cuộc đời ông ấy.”

Rabindranath đã viết: “Tôi có thể, dần dần, kiểm soát bản thân mình và đem cực lạc của mình vào sự kiểm soát, với nỗ lực rất lớn. Bằng không tôi mong mỗi ôm choàng mọi người và mọi thứ tôi gặp. Cho tới nay tôi đã mong mỗi và cầu nguyện, ‘Cầu Trời, cánh cửa của ngài ở đâu?’ Bây giờ Thượng đế là cánh cửa của tôi, và bây giờ bất kì khi nào tôi nhìn tôi đều thấy cánh cửa của ngài. Từ trước tới nay tôi vẫn cứ tìm ngài và hỏi, ‘Ngài trốn ở đâu vậy?’ Nhưng bây giờ tôi ngạc nhiên bởi vì ngài đã có đó trong tôi; không cái gì khác ngoài ngài.”

Người thấy sự hiện diện của mình trong tất cả sự tồn tại hay thấy toàn bộ sự tồn tại trong bản thân mình thực sự là người trí huệ; và người như vậy ở ngoài gấn bó và sầu não. Nhớ lấy, không có hạnh phúc không có bất hạnh trong cuộc đời người đó, chỉ có cực lạc. Cái thuần khiết của sự tồn tại nhảy múa trong cuộc đời người ấy. Người ấy là bản thân cuộc sống; nhảy múa và ca hát ngợi ca sự tồn tại. Bản thân cuộc đời người ấy là âm nhạc;

và tất cả những cái đem đến sầu não, tất cả những cái trôi buộc, tất cả những cái trở thành gấn bó, tất cả những cái dường như là đem lại hạnh phúc hôm nay nhưng là nguyên nhân của bất hạnh ngày mai - tất cả những cái này không còn chỗ trong cuộc sống người ấy. Người ấy bây giờ là tấm gương.

Khi bạn đứng trước một tấm gương bạn được phản chiếu vào trong nó, và khi bạn đi xa khỏi nó, nó lập tức rời bỏ bạn. Nó không nắm giữ bạn. Ngay khi bạn đi ra khỏi nó, nó trở thành trống rỗng, không phản xạ. Tấm gương không mang gấn bó nào với bạn. Đó là lí do tại sao, khi bạn đứng đẹp sang bên, thay vì đứng trước nó, nó không bị tan thành từng mảnh vì buồn rầu với bạn. Trái tim nó không tan nát. Nó không nói, “Làm sao tôi có thể sống được mà không có bạn?” Thay vì thế nó nói, “Khi bạn đứng trước tôi bạn rất đẹp, rất tốt, và bạn đã biểu lộ ân huệ lớn cho tôi; và khi bạn rời bỏ tôi, tôi không cảm thấy khó chịu.” Không cái gì thay đổi. Tấm gương vui vẻ khi nó rỗng không và không phản xạ cũng như khi nó tràn đầy với phản xạ.

Do vậy người có học sống tựa tấm gương trong thế giới. Người ấy hài lòng với bất kì cái gì tới trước mình. Người ấy hạnh phúc nếu thấy hoa và trở thành phản xạ của hoa, dội sự phản xạ của nó lại, thấy tính thượng đế trong nó. Nếu không có ai ở trước người ấy - khi tất cả là trống rỗng - người ấy thấy tính thượng đế trong cái trống rỗng. Chính cái trống rỗng là tính thượng đế. Thế thì người ấy nhảy múa trong cái trống rỗng đó, và người ấy là trong cực lạc ngay cả trong cái trống rỗng.

Đủ cho hôm nay. Bây giờ tự chúng ta thử trở thành những tấm gương.

Bên ngoài khoa học

*Nó lan toả khắp nơi,
nó là cái thuần khiết nhất,
nó vô thân thể, nó không thể bị phá hủy,
nó không có gân cốt, nó không tì vết,
nó vô tội, nó thấy hết,
nó biết hết,
nó là cái tốt nhất trong những cái tốt,
và nó là tự sáng tạo*

Lời kinh này cho chúng ta một số chỉ dẫn về bản tính của *atman* - trên hết, rằng nó được tạo ra từ bản thân nó. *Atman*, sự tồn tại, một mình nó là tự sáng tạo. Từ *swayambhoo* có nghĩa là tự khởi nguồn. Điều đó có nghĩa là cái không được tạo ra bởi bất kì cái gì khác, cái mà tự nó được tạo ra. Sự tồn tại của nó là từ bản thân nó. Sự tồn tại của nó không ở trong tay ai cả; nó phụ thuộc vào bản thân nó.

Cho nên điểm đầu tiên này, rằng *atman* là tự khởi nguồn, cần phải được hiểu cho đầy đủ. Mọi thứ chúng ta thấy đều có thể được tạo ra. Bất kì cái gì được tạo ra, bất kì cái gì có thể được làm ra, sẽ không là *atman*. Chúng ta xây nhà; nhà không phải là tự khởi nguồn, nó được làm ra. Chúng ta chế tạo ra máy; nó không phải là tự tạo ra, nó do chúng ta chế tạo ra. Tìm yếu tố đó, cái bản chất đó, cái không do ai chế tạo ra. Bản chất không được tạo ra này là *atman*. Trong nỗ lực của chúng ta để tìm kiếm sự tồn tại của vũ trụ, nếu chúng ta đạt tới đó, nếu chúng ta có thể hiểu thấu được cái bản chất tối cao đó của vũ trụ, cái không do bất kì ai tạo ra, cái là vĩnh hằng, vô thủy, bản thân cái ta, thể thì chúng ta sẽ đạt tới tính thượng đế.

Atman và *atman* tối cao không phải là hai; chúng là những cái tên của cùng một điều được thấy từ hai quan điểm. Nếu bạn tìm nó bên trong bản thân mình, thể thì cái yếu tố không được chế tạo, không được sinh, được tự tạo ra đó được gọi là *atman*. Còn nếu bạn tìm kiếm và thấy nó ở chỗ khác, thể thì yếu tố đó được gọi là *atman* tối cao, vĩ đại. *Atman* đơn giản là *atman* tối cao được biết tới từ bên trong. *Atman* tối cao đơn giản là *atman* được biết tới từ bên ngoài.

Nếu bạn xem xét bản thân mình bạn sẽ thấy rằng thân thể này là thứ được tạo ra. Nó không thể được tạo ra mà không có sự hợp tác của bố mẹ bạn. Cho dù vậy, trong tương lai, nó được tạo ra trong ống nghiệm, nó vẫn còn là thứ được chế tạo. Các nhà

khoa học và sinh học của phương Tây có thể có khả năng, nếu không phải hôm nay thì trong tương lai, hoàn thành được công bố của họ về việc tạo ra đứa trẻ trong ống nghiệm. Họ sẽ thành công trong việc chế tạo ra một thân thể trong ống nghiệm, và do đó hi vọng chung cuộc đánh bại tôn giáo. Nhưng họ sai lầm trong cách nhìn của họ, vì con người tâm linh chưa bao giờ coi thân thể là atman .

Con người tâm linh nói, “Cái mà không được sinh ra, không được tạo ra, là atman.” Bằng việc chế tạo ra thân thể trong ống nghiệm, các nhà khoa học sẽ đơn giản chứng minh rằng thân thể không phải là linh hồn - atman. Dường như là thân thể sẽ được chế tạo ra trong tương lai; tôi không thấy bất kì lí do gì tại sao nó không như vậy. Nhiều người tâm linh e sợ về điều này: “Điều gì sẽ xảy ra cho atman khi thân thể được tạo ra trong ống nghiệm trong phòng thí nghiệm? Điều đó sẽ chứng minh rằng atman không tồn tại nếu chúng ta có thể tạo ra một đứa trẻ mà không có sự hợp tác của bố mẹ và chỉ với sự trợ giúp của hoá chất?” Nhưng những người tâm linh đó không biết rằng thân thể không phải là atman. Nếu nhà khoa học thành công trong thực nghiệm của ông ấy thì đích thực lời kinh của Upanishad sẽ được chứng minh là đúng - rằng thân thể này không phải là atman. Chỉ ngần ấy thôi, và không gì hơn nữa, là được chứng minh.

Ngay cả bây giờ chúng ta biết rằng thân thể không phải là linh hồn. Sự kiện này được khoa học vật lí chứng minh. Trong tương lai thân thể sẽ được tạo ra bằng các quá trình hoá học và nhân tạo. Hiện tại, khi các chất hoá học của bố mẹ tổ hợp và tạo ra tế bào, chính là tế bào đầu tiên của thân thể, thể rồi linh hồn đi vào nó. Nếu trong tương lai tế bào đó được tạo ra trong phòng thí nghiệm, và nếu tinh huông gen đó được tạo ra, điều mà từ trước tới nay vẫn do bố mẹ tạo ra, thể thì linh hồn cũng sẽ đi vào cả trong đó nữa.

Nhưng tế bào đó, cái tế bào đầu tiên của thân thể, không phải là atman. Nó là một thứ được chế tạo ra, nó không phải là tự sinh ra. Nó được tạo ra bởi ai đó. Sự tồn tại của nó, sự sinh thành của nó, tùy thuộc vào cái gì đó, do vậy những người biết tới atman không sẵn lòng gọi nó là atman. Nó không phải là atman. Biết điều đó, chúng ta sẽ phải làm việc theo cách lùi lại hơn; chúng ta sẽ phải đi ngày một sâu xuống hơn.

Cho nên bản thân tôi hài lòng và hi vọng rằng khoa học thành công trong việc làm ra đứa trẻ trong ống nghiệm sớm nhất có thể được, bởi vì thế thì chúng ta sẽ được các nghiên cứu khoa học giúp đỡ để phá vỡ sự đồng nhất của chúng ta với thân thể. Thế thì chúng ta sẽ biết chắc chắn rằng thân thể là một loại máy, và rằng việc tin vào nó như cái ta là điều ngu xuẩn. Ngay cả bây giờ nó cũng là điều ngu xuẩn, nhưng hiện tại chúng ta không sẵn lòng thừa nhận rằng thân thể là một cái máy. Dầu vậy nó vẫn cứ là một cái máy. Nó được tạo ra bởi các lực tự nhiên, cho nên bằng việc hiểu các bí mật này của tự nhiên chúng ta sẽ có khả năng tạo ra nó, và thế thì chúng ta sẽ có được sự hợp tác của các lực tự nhiên để bẻ vỡ việc đồng nhất mình với thân thể.

Khi đi sâu vào bên trong bản thân mình, chúng ta phải đạt tới chỗ đó, cái bản chất đó, cái không thể được tạo ra; và chừng nào mà việc chế tạo nó còn là điều có thể, biết rằng nó không thể là atman. Cho nên bằng việc đi ngày càng sâu hơn vào trong việc chế tạo, khoa học giúp đỡ cho tôn giáo, bởi vì bất kì cái gì khoa học có thể tạo ra, cái đó không phải là atman. Atman còn xa hơn điều đó. Atman bao giờ cũng vượt ra ngoài cái có thể được làm ra.

Cho nên chúng ta biết ơn khoa học rất nhiều về việc nó cứ làm ra hết thứ nọ đến thứ kia, đẩy xa giới hạn về cái có thể được chế tạo và do đó xác định cái không phải là atman; bởi vì chúng ta gọi một yếu tố là atman khi nó tự khởi nguồn, không được sinh

ra, khi nó không thể được tạo ra. Điều đó nghĩa là cái nguyên thủy.

Không hoài nghi gì nữa, phải có cái tối thượng, yếu tố nền tảng cho vũ trụ này được tạo ra, và yếu tố tối thượng này phải là không được tạo ra. Nếu một cơ sở được cần cho việc sáng tạo của mọi thứ, thế thì việc sáng tạo là không thể được. Nếu bạn nói, “Thượng đế được cần tới để tạo ra thế giới,” thế thì bạn sẽ phải nói một Thượng đế tối cao khác là cần có để tạo ra Thượng đế. Không có điểm cuối cho loại logic này. Thế thì chúng ta sẽ không bao giờ đạt tới được chỗ chúng ta có thể nói, “Được rồi, đây là chỗ có sự sáng tạo mà không cần tới người sáng tạo khác.”

Sẽ tốt hơn và khoa học hơn nếu chúng ta hiểu điều đó thế này: rằng cái tự khởi nguồn là atman. Điều này khoa học hơn việc nói rằng atman là tự khởi nguồn. Nếu chúng ta nói, “Chúng ta gọi ngài là atman tối cao - Thượng đế - người không được tạo ra, người không được bất kì ai tạo ra,” sẽ khoa học hơn là nói, “Không ai đã tạo ra Thượng đế.”

Khoa học cũng kinh nghiệm điều này. Trong những nghiên cứu của mình, các nhà khoa học đạt tới giới hạn nào đó và thế rồi họ cảm thấy rằng có cái gì đó còn nằm ngoài những giới hạn này, cái bên ngoài sự sáng tạo. Khi điều này xảy ra, khoa học bao giờ cũng làm các nghiên cứu về các yếu tố, và các nhà khoa học cổ đại đã tuyên bố rằng có năm yếu tố. Người tâm linh cổ đại - người tôn giáo - không nói điều này bởi vì họ không quan tâm tới những yếu tố như vậy. Họ quan tâm tới chỉ cái một, yếu tố tự khởi nguồn.

Tư duy khoa học cổ đại của gần bốn đến năm nghìn năm trước đây đã xác nhận rằng mọi thứ được tạo ra từ năm yếu tố. Bây giờ sai lầm đã xảy ra bởi vì đã không tồn tại những cuốn sách khoa học tách biệt; mọi chủ đề đều được đưa vào trong các sách tôn giáo. Sách tôn giáo là tuyển tập của tất cả tri thức của

những ngày đó, và do vậy niềm tin rằng mọi thứ đã được tạo ra từ năm yếu tố đều có sẵn trong các sách tôn giáo. Nhưng vấn đề này liên quan tới khoa học chứ không phải tới tôn giáo. Tôn giáo chỉ tìm kiếm một yếu tố - yếu tố tự khởi nguồn.

Khoa học đã tiếp tục nghiên cứu của nó, và nó đã thấy rằng nguyên lí về năm yếu tố là không đúng. Khi điều này được chỉ ra là ngu xuẩn thì cái gọi là những người tôn giáo rất lo nghĩ. Họ nghĩ mọi thứ bây giờ bị lẫn lộn hết, bởi vì họ đã tin vào năm yếu tố. Nhưng khoa học vẫn tiến vững chắc với nghiên cứu của nó. Bây giờ các nhà khoa học đã phát hiện ra một trăm lẻ tám yếu tố. Nhưng tôi muốn làm điều này rõ ràng rằng các nghiên cứu mới của khoa học chỉ bác bỏ khoa học cũ.

Không khám phá nào của khoa học có thể bác bỏ được tôn giáo, bởi vì chiều hướng của tôn giáo và khoa học là hoàn toàn tách biệt. Ai đó có thể soạn một bài thơ rất hay, nhưng điều đó không thể bác bỏ nguyên lí của toán học được. Không có quan hệ gì giữa thơ ca và toán học. Tương tự ai đó có thể phát triển một lí thuyết toán học sâu sắc và khó, nhưng điều đó sẽ không làm mất phẩm chất của bài thơ hay, vì chiều hướng của chúng là tách biệt; chúng không huỷ lẫn nhau. Chúng thậm chí không chạm vào nhau. Những chiều hướng này chạy song song tựa như đường ray xe hoả. Nếu chúng dường như gặp nhau ở đâu đấy, đó là ảo giác của chúng ta. Nếu bạn đi tới điểm gặp gỡ, bạn sẽ thấy rằng chúng chạy song song nhau. Chỉ ảo giác về sự gặp gỡ lẫn nhau của chúng là có thể nảy sinh ra, như trường hợp của đường ray xe hoả.

Khi khoa học bác bỏ điều gì đó, nó bác bỏ sự kiện hay niềm tin cũ. Toàn bộ giới Ki tô giáo trở nên rất bồn chồn khi khoa học tuyên bố rằng đất không phẳng mà tròn, vì trong Kinh thánh có nói rằng đất là phẳng. Nhưng điều được viết trong Kinh thánh về hình dạng của trái đất là sự khẳng định của các nhà khoa học vào

thời đó; đây không phải là khẳng định tôn giáo. Cho nên khi khoa học thấy rằng trái đất là tròn, nó bác bỏ niềm tin cũ. Nhưng khám phá mới này đã chỉ ra rằng khoa học cổ đại là sai. Khoa học không bao giờ có thể làm cho tôn giáo không đúng được, tôn giáo không bao giờ làm cho khoa học sai được. Chúng không có quan hệ chút nào với nhau, không có kết nối giữa chúng. Thậm chí không có trao đổi giữa chúng; chiều hướng của chúng là khác nhau. Chiều hướng của chúng tuyệt đối tách biệt.

Bắt đầu với năm yếu tố khoa học đã tìm ra nhiều yếu tố khác và số các yếu tố này là một trăm linh tám ngày nay, do vậy chúng mình rằng năm yếu tố cổ đại đã bị hiểu không đúng như các yếu tố. Chúng chắc chắn không phải là các yếu tố. Thực ra, những cái đã được biết như các yếu tố lúc ban đầu không phải là các yếu tố; chúng là hợp chất. Chẳng hạn, đất. Bây giờ có nhiều chất trong đất - không chỉ có một chất trong bất kì loại đất nào. Một thí dụ khác là nước. Khoa học nói có hai chất, hidro và oxi trong nước. Nước không phải là yếu tố, nó là trộn lẫn của hai chất. Tổ hợp không phải là yếu tố; theo khoa học, nó được gọi là hợp chất. Cho nên nước không thể được xem như một yếu tố. Oxi và hidro là các yếu tố.

Cho nên khoa học đã phát hiện ra một trăm linh tám yếu tố. Nhưng khi khoa học đi sâu hơn vào trong nghiên cứu của nó, các nhà khoa học dần dần bắt đầu nhận ra rằng tất cả một trăm lẻ tám yếu tố này đều có một trung gian chung. Nó có thể là hidro hay nó có thể là oxi, nhưng cả hai đều được tạo ra bởi các hạt điện. Cho nên dường như là hidro và oxi cũng không là các yếu tố. Điện bây giờ đã trở thành yếu tố. Việc hợp nhất một số hạt điện tạo ra hidro và việc hợp nhất một số hạt điện khác tạo ra oxi, và một trăm lẻ tám yếu tố này đơn giản là tổ hợp của các hạt điện. Nếu ba hạt có đó, chúng tạo ra một yếu tố; nếu có hai hạt, một yếu tố khác được tạo ra. Nếu có bốn hạt, một yếu tố khác được

tạo ra. Nhưng dù chúng là ba hay bốn hay hai, chúng tất cả đều là các hạt điện.

Do đó khoa học đã có kinh nghiệm mới - rằng chỉ có một yếu tố, và đó là điện. Tất cả một trăm linh tám cái gọi là yếu tố đó, trong phân tích cuối cùng, là hợp chất. Chúng là các tổ hợp. Chúng không phải là các yếu tố, chúng không phải là các chất cơ sở.

Thế của khoa học hiện tại là ở chỗ nó được chuẩn bị để tin rằng điện là không được tạo ra, rằng nó là tự khởi nguồn, và rằng tất cả sự phát triển bao la này, sự mở rộng này, là sự mở rộng của một yếu tố duy nhất - điện. Điện, khoa học nói, không phải là chất được tạo ra bởi việc tổ hợp hai chất, nó là không được tạo ra. Khoa học gọi chất đó là yếu tố, cái tự khởi nguồn. Cho nên bây giờ khoa học gọi điện là yếu tố tự khởi nguồn. Nó không thể được tạo ra, vì chỉ chất mà có thể được tạo ra bằng cách tổ hợp mới có thể được chế tạo ra. Nếu bạn tổ hợp hai thứ, cái thứ ba sẽ được tạo ra. Nếu bạn tổ hợp ba thứ, kết quả sẽ là làm ra cái thứ tư. Nhưng làm sao bạn có thể tạo ra phân tử nguyên thủy mà không có bất kì tổ hợp nào? Bạn không thể làm ra nó không thể phá huỷ nó. Nếu chúng ta muốn phá huỷ nước, chúng ta có thể làm như vậy bằng việc phân li hidro và oxi, vì nước được tạo nên bằng việc tổ hợp. Nếu chúng ta muốn phá huỷ hidro, chúng ta có thể làm như vậy. Nếu chúng ta phân li các hạt điện của nó - cái chúng ta gọi là năng lượng nguyên tử - thế thì hidro sẽ không còn có nữa. Chỉ năng lượng điện là sẽ còn lại. Nhưng chúng ta không thể phá huỷ được năng lượng đó bởi vì không có việc tổ hợp của hai chất mà chúng ta có thể phân li. Chúng ta có thể đơn giản làm chùng này thôi - chúng ta hoặc có thể tổ hợp hoặc phân lí các vật. Chúng ta không thể tạo ra. Cái mà không được tạo ra là yếu tố.

Hiện tại khoa học gọi điện, năng lượng điện, là yếu tố tự khởi nguồn. Nhưng tôn giáo gọi atman là yếu tố tự khởi nguồn.

Điều đó sẽ trở thành có thể, nếu không phải bây giờ thể thì trong tương lai, vì việc khảo cứu khoa học để phá vỡ, phân li cả điện nữa; và thể thì chúng ta sẽ có khả năng thấy rằng ngay cả điện cũng không tự khởi nguồn. Nhiều năm trước chúng ta đã biết nước như một yếu tố; thể rồi chúng ta đã có thể phân tích nó và thấy rằng oxi và hidro là những yếu tố, nước thì không. Thể rồi chúng ta phân tích hidro và có thể thấy rằng nó cũng không phải là yếu tố; điện là yếu tố.

Có hai khả năng: hoặc có thể thiết lập rằng điện và atman là một và như nhau, hoặc có thể là điện cũng sẽ bị chia nhỏ ra và chúng ta sẽ phát hiện ra là nó cũng không phải là yếu tố. Như chỗ tôi hiểu, điện cũng có thể bị chia nhỏ ra, và khi nó bị chia ra chúng ta sẽ thấy rằng chỉ tâm thức là còn .

Bây giờ, điều đáng quan tâm để xem xét rằng không ai coi đá là năng lượng. Nó là chất - vật chất. Phân biệt cũ của chúng ta phân chia mọi vật thành vật chất và năng lượng. Đá là vật chất. Nhưng khi đem đá ra phân tích, và trong phân tích cuối cùng nguyên tử được tìm thấy, thể thì vật chất đã mất đi và năng lượng còn lại; và khoa học phải bỏ khái niệm cũ của nó về nhị nguyên - nhị nguyên của vật chất và năng lượng. Vật chất mà cứ được phân tích, phân tích thêm mãi người ta thấy rằng nó không tồn tại; chỉ còn có năng lượng. Vật chất là năng lượng. Bây giờ không có chất nào như vật chất cả; vị trí nhất của khoa học là ở chỗ không có cái gì giống vật chất. Bây giờ các nhà duy vật phải rất cẩn thận khi nói bất kì cái gì hỗ trợ cho vật chất vì không có cái gì giống như vật chất tồn tại cả; chỉ có năng lượng.

Chừng nào chúng ta còn chưa đi tới việc phân tích cuối cùng về vật chất, hai chất liệu đã được các nhà khoa học chấp nhận - vật chất và năng lượng. Bạn dứt khoát sẽ thấy phân biệt này nếu bạn cầm một hòn đá trong một tay và chạm vào dây điện bằng tay kia. Bạn sẽ biết rằng hòn đá là hòn đá còn cái chạy qua dây là

năng lượng. Có khác biệt rất lớn giữa hai thứ này. Nhưng bây giờ khoa học nói nếu bạn cứ phá vỡ và phân tích hòn đá, bạn sẽ chấm dứt với năng lượng mà có thể chạy qua dây điện. Bằng cách đập vỡ thêm nó, chúng ta đã giết một trăm nghìn người ở Hiroshima. Đó là cơn sóc điện! Bằng cách đập vỡ vật chất, bằng sự bùng nổ của một nguyên tử nhỏ, nhiều năng lượng đã được tạo ra đến mức chúng ta có thể giết một trăm nghìn người ở Hiroshima và một trăm hai mươi nghìn người ở Nagasaki. Nhiều người sẽ không chết bởi việc chạm vào ngay cả dòng điện mạnh nhất.

Một nguyên tử nhỏ tạo ra một khối lượng điện cực kì lớn, và bằng việc biến đổi nó thành điện, nguyên tử bị phá huỷ - nó không còn nữa. Cho nên khoa học bây giờ nói rằng khái niệm cũ về nhị nguyên - vật chất và năng lượng - đã mất rồi. Bây giờ chỉ còn lại năng lượng. Nhưng tôi bảo bạn, vẫn còn một phân biệt nữa, và đó là sự phân biệt giữa năng lượng và tâm thức.

Khi chúng ta chạm vào điện chúng ta biết nó là năng lượng, nhưng khi chúng ta nói với một người, chúng ta không cảm thấy rằng người đó đơn giản là năng lượng, chúng ta cảm thấy cả tâm thức của người đó nữa. Nếu dòng điện bật lên, máy ghi âm ở đây sẽ làm việc, nó sẽ nói. Nhưng nó sẽ chỉ lặp lại điều tôi đang nói. Cho nên khi nó nói, đấy chỉ là năng lượng. Nhưng khi tôi nói đấy không chỉ là năng lượng; cũng có cả tâm thức nữa. Máy ghi băng không thể tạo ra bất kì thay đổi nào, nó sẽ báo cáo điều tôi đã nói; nhưng ngay cả nếu tôi muốn, ngày mai tôi cũng không thể lặp lại được điều tôi đang nói hôm nay, bởi vì tôi không phải là cái máy. Bản thân tôi không biết câu nào sẽ tiếp sau câu này. Khi bạn nghe tôi, tôi cũng đang nghe nó.

Phân biệt giữa tâm thức và năng lượng vẫn tồn tại. Phải nói rằng thế giới cũ không phải là nhị nguyên, nó là thế giới tam nguyên của vật chất, năng lượng và tâm thức. Từ ba thứ này, vật chất bị loại bỏ ra. Bây giờ có hai - năng lượng và tâm thức.

Những nghiên cứu sâu vào vật chất đã chứng tỏ nó không tồn tại; nó đã biến mất bởi vì chúng ta biết rằng nó là năng lượng. Và tôi bảo bạn năng lượng cũng sẽ biến mất trong những nghiên cứu thêm nữa và sâu nữa, và chúng ta sẽ thấy rằng chỉ còn mỗi tâm thức. Tâm thức đó là atman. Thế thì sẽ không có vật chất, và không có năng lượng; mọi thứ sẽ biến mất và chỉ tâm thức sẽ còn lại.

Đó là lí do tại sao chúng ta đã gọi tên yếu tố tối cao đó là *satchitanand*. Để chuyển tải ý nghĩa đúng của từ ‘atman’, người ta phải dùng ba từ. Từ *sat* nghĩa là sự tồn tại - cái đang đây, cái bao giờ cũng đang tồn tại, cái chưa bao giờ không tồn tại. *Sat* có nghĩa là cái bao giờ cũng có đây. Nó không bao giờ trong trạng thái mà bạn có thể nói về nó là ‘Nó đây’. Mọi thứ đều thay đổi và cứ thay đổi; vậy mà nó có đây, không thay đổi.

Từ *chit* nghĩa là tâm thức. Không phải là nó đơn giản tồn tại, nhưng nó biết rằng ‘tôi đây’. Nó biết sự hiện diện của nó. Một thứ có thể tồn tại; chẳng hạn, một hòn đá đang nằm trên đất, nhưng nó đơn thuần tồn tại. Nếu hòn đá đó biết rằng nó tồn tại, thế thì và chỉ thế thì nó cũng là tâm thức nữa.

Từ thứ ba là *anand* - phúc lạc. Nó là atman vẫn chưa đủ, nó là tâm thức vẫn chưa đủ, nó tồn tại và nó nhận biết về sự tồn tại vẫn chưa đủ. Cũng như nó là nhận biết về sự tồn tại của mình, nó cũng biết rằng ‘tôi là anand’ - cực lạc cao nhất!

Atman được nói trong lời kinh này là tự khởi nguồn bởi vì nó không được tạo ra không bị phá hủy bởi bất kì ai. Nhớ lấy, vì nó là tự khởi nguồn nên nó là không thể phá hủy nổi; nó là bất tử. Cái có thể được làm ra sẽ chết; cái có thể được chế tạo ra sẽ bị phá hủy. Không sản xuất nào có thể kéo dài mãi, không cấu trúc nào có thể mang bản tính thường hằng. Mọi vật được xây dựng đều được tạo ra vào một thời điểm thích hợp và biến mất vào thời điểm định mệnh của nó. Thực ra, cái được sinh ra sẽ chết đi. Dù

nó có thể được làm mạnh mẽ đến đâu, nó chắc chắn chết mặc dầu nó có thể kéo dài hơn chút ít. Các lâu đài, dù được làm bằng giấy hay đá granit, chắc chắn sẽ sụp đổ. Hàng triệu cơn gió tàn phá cuối cùng sẽ xô đổ các bức tường đá của lâu đài. Nếu chúng được làm bằng thép thì chúng sẽ đứng lâu hơn chút ít, nhưng cuối cùng chúng chắc chắn sẽ sụp đổ. Lâu đài bằng bìa sẽ sụp đổ dù chỉ một ngọn gió nhỏ thoảng qua. Khác biệt nhau ở mức độ mà thôi.

Khác biệt giữa việc sụp đổ của ngôi nhà làm bằng bìa và ngôi nhà làm bằng đá chỉ đơn giản là vấn đề khác biệt về tốc độ gió. Không có khác biệt cơ bản trong ngôi nhà; lâu đài bằng bìa là một thứ được xây dựng ra, cho nên nó phải sụp đổ, và lâu đài bằng đá cũng là một thứ được xây dựng ra, cho nên nó nữa cũng phải sụp đổ. Nơi mà có việc tạo ra ở đầu này, chắc chắn sẽ có việc phá hủy ở đầu kia. Vì nó là tự khởi nguồn, atman là không thể bị phá hủy. Vì nó chưa bao giờ được làm ra tại đầu này, nên nó sẽ không bao giờ bị phá hủy tại đầu kia.

Cái tự khởi nguồn có hai đặc trưng: nó không được tạo ra và nó không thể bị phá hủy. Để tôi nói nữa cho bạn là khoa học hỗ trợ cho quan điểm này, rằng bất kì cái gì được làm ra bởi việc tổ hợp của hai thứ đều sẽ chết; trong khi yếu tố được tạo nên từ một thứ không thể bị phá hủy, không thể chết. Không có cách nào cho nó hoặc bị phá hủy hoặc được tạo ra. Để tạo ra cái gì đó những cái khác phải được tổ hợp lại, và để phá hủy một thứ, những thứ khác phải bị tách ra. Làm tức là nối lại, và phá hủy là tách ra. Nhưng yếu tố mà riêng lẻ, không có yếu tố nào khác trong nó, không thể bị phá hủy. Làm sao nó có thể bị phá hủy được? Nó không thể bị đập vỡ. Nếu như nó được làm bằng hai thứ nó có thể bị đập vỡ. Nhưng nó là riêng một thứ, nó bao giờ cũng thế. Yếu tố có nguồn gốc trong bản thân nó là không thể bị phá hủy, và yếu tố đó được Upanishad gọi là atman.

Một số trong các tính năng khác của nó, đặc trưng không tránh khỏi của nó, cũng được mô tả. Người ta nói rằng atman tự tạo là biết tất cả. Biết tất cả nghĩa là gì? Nó có thể có hai nghĩa, và nghĩa sai trong hai nghĩa này là một. Việc thường xảy ra là cái theo một là sai. Tri thức đúng là sâu sắc và bí ẩn đến mức nó không bao giờ có thể là một. Một vấn đề mà không có chiều sâu cho lắm thì ai cũng có thể hiểu được và rất có thể là đúng một.

Một nghĩa nữa của từ biết tất là có tri thức về mọi thứ; đây là ý nghĩa đúng một. Chẳng hạn, người Jaina gọi Mahavira là biết tất, bởi vì khi một người biết atman, người ấy trở thành toàn năng, thấy tất cả; như thế là bản tính của atman. Bản thân Mahavira đã nói rằng người biết đến cái một, biết tất cả. Theo nghĩa này nói Mahavira biết tất cả là đúng. Thế thì điều thường xảy ra là ở chỗ những tín đồ diễn giải điều này nghĩa là Mahavira biết cách chữa châm kim xe đạp! Nhưng Mahavira đã không biết đến xe đạp là gì. Hay như là Mahavira phải biết cách máy bay được xây dựng ra... Nếu thuật ngữ biết tất được hiểu theo cách này, nó sẽ làm phát sinh ra ảo tưởng lớn và khó khăn; và người Jaina cũng đã trong khó khăn lớn khi họ bắt đầu coi Mahavira là biết tất theo nghĩa này.

Phật thường chế nhạo niềm tin này của người Jaina. Điều ông ấy thực sự cười là cái ngờ ngẩn của tín đồ Mahavira khi diễn giải chứng ngộ của ông ấy theo cách này, vì họ thực tại bắt đầu nói rằng Mahavira biết mọi thứ. Cho nên Phật nhiều lần đã đùa, “Tôi có nghe ai đó nói rằng một cá nhân nào đó là biết tất cả, nhưng tôi thấy rằng cá nhân đó đi ăn xin trước một ngôi nhà không có ai cả. Sau đó người ấy nhận ra rằng ngôi nhà không người ở. Tôi đã thấy người ấy bước đi trong ánh sáng nhập nhoạng buổi sớm; liệu người ấy có biết con chó đang nằm trên đường đi của mình không khi người ấy dẫm vào đuôi của nó?”

Vậy Phật cười vào cách diễn giải ngu xuẩn cho thuật ngữ biết tất đó. Ông ấy sẽ nói, “Tôi đã nghe nói về cá nhân biết tất này đang đứng ở ngoại ô một thành phố mà hỏi mọi người về con đường tới thành phố đó.” Nhưng chuyện cười này không nhắm vào Mahavira. Mahavira chưa bao giờ đưa ra những lời như vậy. Những người nêu ra lời đó là các tín đồ của ông ấy. Họ nói, “Mahavira là người biết tất; ông ấy biết con đường nào dẫn tới lâu đài nào.”

Biết tất còn có một nghĩa khác - nghĩa phủ định. Nghĩa khẳng định này của “ông ấy biết tất” là không đúng. Nghĩa phủ định là ở chỗ bây giờ không cái gì còn lại để mà biết; không cái gì còn lại đáng để biết nữa. Có đáng biết con đường đặc biệt dẫn tới đâu, hay liệu có ai trong ngôi nhà? Thành vấn đề gì nếu những điều như thế không được biết? Liệu có đáng biết một con chó đang ngủ hay không ngủ trên đường không? Có hại gì nếu không biết điều ấy?

Như tôi thấy điều ấy, từ biết tất nghĩa là sau khi biết atman, không cái gì bị bỏ lại không được biết mà đáng biết. Tất cả những cái đáng biết đều được biết. Trong thế giới buồn tẻ này nhiều thứ dường như đáng để biết, nhưng có khác biệt gì để mà biết chúng? Cho nên với tôi nghĩa của nó là ở chỗ không cái gì bị bỏ lại mà đáng biết. Không một điều nhỏ nhặt nhất bị bỏ đi khỏi việc biết của chúng ta, cái có thể đem lại ngay cả sự giảm thiểu tí hon nhất trong cực lạc của cuộc đời chúng ta. Không cái gì bị bỏ mà việc thiếu nó có thể gây ra cản trở cho việc trở thành satchitanand của chúng ta.

Nếu một con đường đặc biệt đi về bên trái nó sẽ dẫn người ta tới một chỗ nào đó và nếu nó đi về bên phải nó sẽ dẫn người ta tới một chỗ khác, nhưng điều này không tạo ra khác biệt gì về phẩm chất của satchitanand. Nếu Mahavira lỡ con đường mình và đến sai địa chỉ điều đó sẽ không tạo ra khác biệt gì với ông ấy cả,

vì có khác biệt nào cho một người đã đạt tới mục đích của mình, người đã đạt tới đích đến cuối cùng, khi có lẽ đường trong lúc lang thang ở thế giới này? Có gì khác biệt cho một người đã đạt tới đích đến của mình, còn vẫn ở đây đó? Cái gì có tác động tới chúng ta khi chúng ta còn chưa đạt tới đích tìm ra đúng thôn làng? Và có gì khác biệt với chúng ta nếu chúng ta biết mọi con đường chính xác dường như chúng ta có bản đồ địa lí?

Bởi việc các tín đồ diễn giải sai cho từ biết tất mà Mahavira đã trở thành chủ đề không cần thiết cho hàng đông chuyện lố bịch, bởi vì những lời tuyên bố họ đưa ra là ngu xuẩn; và bây giờ, lần nữa, những người nêu ra điều đó rất phân vân. Chẳng hạn, gần đây họ thấy khó khăn khi các phi hành gia đặt chân lên mặt trăng lần đầu tiên, bởi vì mô tả về mặt trăng của các phi hành gia không tương ứng với mặt trăng như nó đã từng được mô tả trong kinh sách của họ: và trong kinh sách của họ nói rằng những sự kiện đã được ‘người biết tất’ tuyên bố là không thể sai được. Cho nên những người sùng kính Jaina đã đi tới mức độ nói rằng nhưng người du hành không gian đã bị ảo tưởng là họ đã đặt chân lên mặt trăng. Họ đã không đặt chân lên mặt trăng, nhưng đã du hành tới phía xa của mặt trăng nơi các xe cộ - chiếc xe ngựa của các thần - vẫn còn đang chờ đợi. Tại đó họ đã bước xuống và từ đó họ đã trở về! Họ chắc chắn đã không đặt chân lên mặt trăng.

Một tín đồ Jaina thậm chí bắt đầu lập ra một quỹ, và quản lí việc thu thập hàng trăm nghìn đồng ru pi từ những người ngu, đơn giản để chứng minh trong phòng thí nghiệm rằng các phi hành gia vẫn chưa đặt chân lên mặt trăng, mà bước lên chiếc xe của vị thần nào đó. “Và nếu họ mà đạt tới mặt trăng, họ sẽ thấy mặt trăng như được mô tả trong kinh sách của chúng ta, bởi vì bất kì cái gì được nói trong những kinh sách đó đều là nhân chứng của một người biết tất.”

Việc dùng kinh sách của ai đó để níu bám lấy những luận cứ ngu xuẩn như thế làm cho kinh sách thành vô giá trị. Khi được nói đến trong kinh sách của bạn rằng mặt trăng là thế nọ thế kia, và phát biểu này về sau được chứng tỏ là không đúng, nhớ rằng phát biểu đó trong kinh sách là phát biểu của nhà khoa học của ngày xưa ấy, không phải của người biết tới atman. Người biết tới atman có mối bận tâm gì với việc mô tả loại đá nào có và không có trên mặt trăng? Và nếu một phát biểu như thế do ông ta nêu ra, nó không được thực hiện trong năng lực của ông ta như người biết về atman.

Lập trường như thế tạo ra khó khăn lớn. Ta xem xét trường hợp một nhà tư tưởng lớn như Einstein - một nhà toán học lớn. Là nhà toán học lớn cũng không xác định ra mọi tính cách của cá tính ông ta; còn có nhiều thứ khác trong cuộc đời ông. Ông ta không phải là nhà toán học khi ông ấy chơi bài. Và ông ấy sẽ bận tâm gì tới toán học khi ông ấy đang yêu một người đàn bà? Ông ấy không đưa ra phát biểu toán học nào khi ông ấy nói với cô ấy rằng không có người đàn bà nào khác đẹp hơn cô ấy. Nhưng trong tương lai nếu ai đó nói rằng một nhà toán học lớn như Einstein phải nói như thế chỉ sau khi đã đo và so sánh cái đẹp của tất cả phụ nữ trên thế giới, lời tuyên bố đó chắc chắn là ngây thơ. Không, những phát biểu như thế được đưa ra bởi bất kì ai và mọi người trên thế gian này. Mọi đàn bà gặp một đàn ông nào đó, người đó nói với cô ấy điều như vậy. Không cần phải là nhà toán học để nói như vậy. Một phát biểu như vậy được đưa ra, không phải với năng lực của nhà toán học, mà là của người đang yêu.

Cho nên từ biết tất có nghĩa là bây giờ không cái gì còn lại đáng để biết nữa, không cái gì làm tăng thêm cực lạc của người này. Cực lạc của người đó là *toàn diện*. Và không cái gì còn lại có thể cản trở điều đó. Tất cả dốt nát của người đó, tất cả cái điên rồ của người đó, đều bị phá hủy. Giận dữ của người đó, giận bó của người đó, tham lam của người đó, tất cả đều đã mất đi,

đều đã bị phá hủy. Người đó đang trong trạng thái cực lạc tối cao. Biết tất có nghĩa là một người đang sống trong cực lạc tối cao. Người đó biết rằng tri thức đúng đắn đưa người đó vào cực lạc và loại bỏ đi mọi khả năng của bất hạnh.

Atman là biết tất theo nghĩa này, và không theo nghĩa người biết của ba thời - quá khứ, hiện tại và tương lai. Người đó không biết điều gì sẽ xảy ra ngày mai hay ngày kia. Người đó không biết ai sẽ thắng cuộc bầu cử này hay sẽ thua; không có lý do hay sự cần thiết nào để biết những việc như thế. Tất cả những biến cố xảy ra bên trong giới hạn thời gian đối với người đó đều giống như những đường vẽ trên nước. Người đó không đoái hoài tới chúng, người đó không lo nghĩ về chúng. Ai thắng hay ai thua là chất liệu mơ đối với người đó; những việc như thế thuộc về thế giới trẻ con, người đó đã quá chín chắn với chúng rồi. Người đó không bận tâm với những việc như vậy.

Trong việc biết tới yếu tố tối cao người đó trở thành biết tất - tức là, cốt lõi của người đó sụp đổ. Hám lợi, gán bó và giận dữ được tạo ra trong cốt lõi sụp đổ. Thay thế vào chỗ chúng là cực lạc tối, được sinh ra từ việc biết đúng. Ánh sáng của việc biết bắt đầu chiếu sáng, và sống trong chói sáng của nó là sống trong cực lạc tối cao - không dừng và vĩnh hằng.

Đặc trưng thứ ba của atman này là thuần khiết - bao giờ cũng tinh khiết, bao giờ cũng trong sạch, và bao giờ cũng hồn nhiên. Khi chúng ta trở thành không thuần khiết nó không trở thành không thuần khiết. Toàn thể không thuần khiết của chúng ta là ảo tưởng của chúng ta. Như tôi đã nói đêm qua, phản xạ của mặt trời là thuần khiết trong vũng nước bẩn cũng như trong hồ pha lê. Không có một khác biệt nhỏ nhất nhất trong thuần khiết của nó. Thuần khiết của nó không phải là đặc trưng ngẫu nhiên; nó là bản chất, bẩm sinh. Cho nên vấn đề này sẽ dễ dàng được hiểu nếu bạn hiểu khác biệt giữa điều ngẫu nhiên và điều bẩm sinh.

Đặc trưng ngẫu nhiên là ngoại lai; nó được gắn vào bạn nhưng không tới từ bên trong bạn. Chẳng hạn, một người là không trung thực; cái không trung thực của người đó là ngẫu nhiên, không phải là cố hữu. Nó đã được thực hành, nó đã được thu nhận. Đây là lý do tại sao không người nào có thể như vậy mọi giờ một ngày, bởi vì cái được thu nhận là gánh nặng đôi khi phải bị gạt sang bên. Đôi khi người này cần phải được nhẹ gánh về nó. Nó không phải là bản tính của người đó, cho nên người đó phải trung thực với ai đó trong giao thiệp của mình. Và đôi khi điều xảy ra là người không trung thực là trung thực trong số họ tới mức ngay cả người trung thực cũng không được như thế. Lý do là ở chỗ điều chúng ta gọi là trung thực cũng là một thứ được thu nhận mà từ đó đôi khi chúng ta phải tìm kiếm giảm nhẹ.

Bạn không thể sống liên miên với thứ được thu nhận, với cái ngẫu nhiên. Nhiều lúc bạn sẽ phải nghỉ ngơi khỏi điều đó. Bạn sẽ phải làm như vậy, bằng không căng thẳng sẽ tăng lên và gánh nặng sẽ trở thành lớn. Do đó một người với tâm trí nghiêm chỉnh phải tìm kiếm việc giải trí nào đó ở những lúc tạm ngưng, bằng không cái nghiêm chỉnh của người đó sẽ trở thành gánh nặng cho người đó. Mahavira và Phật không cần giải trí vì họ không mang tải trọng nghiêm chỉnh nào. Nhớ lấy điều này trong đầu. Chúng ta có khuynh hướng nghĩ điều này là bởi vì họ mang tâm trí nghiêm chỉnh đến mức họ sẽ không đi xem phim hay xem kịch. Nếu họ nghiêm chỉnh họ sẽ phải đi xem kịch. Không, họ chắc chắn không mang tâm trí nghiêm chỉnh.

Điều này không có nghĩa là họ không nghiêm chỉnh. Nghiêm chỉnh và không nghiêm chỉnh, cả hai đều giả. Mahavira, Phật là bản thân họ; họ là cái ta bản chất của họ. Họ không thu nhận cái gì từ bên ngoài, cho nên không cái gì từ đó mà họ cần phải nghỉ ngơi. Nếu một người thực hành tính thánh thiện và làm nó thành thói quen, thế thì người đó đôi khi sẽ phải có ngày nghỉ. Trong ba hay bốn ngày mỗi tháng hay nửa tháng người đó sẽ phải có ngày

ngủ. Và người đó sẽ không có khả năng duy trì vai trò thánh thiện của mình trong ngày nếu người đó không đi vào thế giới không thánh thiện trong một hay hai giờ trong thời gian đó. Điều đó sẽ khó khăn cho người đó.

Các thuộc tính ngẫu nhiên là những thuộc tính mà chúng ta học, chúng ta thu nhận. Chúng tới với chúng ta từ bên ngoài, chúng không tới từ bên trong. Chúng tất cả đều là những thứ do chúng ta học hỏi. Chẳng hạn, ngôn ngữ là một thuộc tính ngẫu nhiên, được thu nhận. Bất kì ai cũng đều có thể học tiếng Hindu hay Marathi hay tiếng Anh hay tiếng Đức. Có hàng nghìn ngôn ngữ và cũng có thể còn có nhiều nữa, không khó khăn gì. Mọi ngôn ngữ chúng ta phát minh ra cũng đều là ngẫu nhiên.

Nhưng im lặng thì sao? Nó không phải là ngẫu nhiên. Cho nên trong khi sẽ có khác biệt nếu hai người nói chuyện, nếu họ tôn trọng im lặng hoàn toàn sẽ không có khác biệt gì trong cái im lặng đó. Có thể có thảo luận trong lời nói: không thể có bất kì thảo luận nào trong im lặng.

Sẽ không có phân biệt nào trong thuộc tính bên trong của hai người khi họ đang trong im lặng hoàn toàn. Khác biệt gì sẽ có đây trong hai cái im lặng? Nhưng sẽ có khác biệt nếu im lặng được áp từ bên ngoài, bởi vì lời nói sẽ tiếp tục bên trong. Sẽ có khác biệt nếu hai người giữ im lặng chỉ để trung bày. Tôi đang ngồi im lặng, bạn đang ngồi im lặng bên cạnh tôi. Tôi tiếp tục suy nghĩ của tôi, bạn tiếp tục suy nghĩ của bạn. Cho nên mặc dầu môi khép, hành động suy nghĩ vẫn tiếp diễn, và sẽ có khác biệt bao la giữa chúng ta trong hoàn cảnh như vậy. Chúng ta sẽ xa nhau hàng nghìn dặm bên trong. Không ai có thể nói bạn sẽ ở đâu và tôi sẽ ở đâu.

Nhưng nếu im lặng thực sự được đạt tới, không phải bị áp đặt từ bên ngoài mà là nở hoa từ bên trong, mở ra từ bên trong, thế thì và chỉ thế thì chúng ta thực sự trong im lặng hoàn toàn.

Thế thì khác biệt gì sẽ có đó giữa tôi và bạn, khi lời tan biến từ bên trong, khi lời nói đã tan biến từ bên trong? Sẽ không có khác biệt chút nào. Chúng ta sẽ đứng ở cùng chỗ. Chúng ta sẽ dường như chúng ta là một. Dần dần, khi im lặng tiến triển, hai ngọn lửa của chúng ta sẽ hoà trộn thành một ngọn lửa. Chúng không thể còn là hai vật tách biệt được, bởi vì đường biên đánh dấu sự phân biệt giữa hai vật đã biến mất. Phân biệt tạo ra biên giới; trong cái im lặng của nó, biên giới biến mất.

Cho nên im lặng - im lặng ẩn trú, im lặng bên trong - là tự nhiên, trong khi nói là ngẫu nhiên; và bất kì cái gì là ngẫu nhiên đều không kéo dài lâu. Đây là lí do tại sao bạn không thể duy trì được giận dữ trong hai mươi bốn giờ, mặc dầu bạn có thể sống trong khoan hoà hai mươi bốn giờ. Nghĩ về điều này đi. Bạn không thể sống trong giận dữ cả ngày được. Bạn sẽ giận dữ, rồi sau một chốc bạn sẽ không giận nữa. Sẽ có một loại đến và đi của giận dữ. Nhưng sẽ không có chương ngại nào để sống trong khoan hoà trong hai mươi bốn giờ. Bạn vẫn còn có thể khoan hoà trong cả ngày. Tương tự, nếu bạn muốn sống trong căm ghét hai mươi bốn giờ một ngày điều đó là điều không thể được; bạn sẽ tạo ra địa ngục cho bản thân mình. Nhưng ngược lại nếu bạn muốn sống vĩnh viễn trong tình yêu, điều ấy có thể.

Nhưng không thể vẫn còn trong cảm giác mà hiện thời chúng ta gọi là tình yêu, bởi vì nó không phải là tình yêu thực, nó là một thứ bề ngoài. Bạn có thể đẩy tình yêu trong có thể là mười phút trong hai mươi bốn giờ; phần thời gian còn lại điều đó là không thể được. Và nếu ai đó làm nỗ lực để trong tình yêu trong một thời kì dài, sẽ khó khăn cho người đó để yêu ngay cả trong mười phút thôi. Tại sao? - bởi vì chúng ta chỉ có thể ở mãi với cái là bản tính của chúng ta, và chúng ta không thể ở mãi với cái ngoại lai đối với ta và cái được nhập khẩu từ bên ngoài. Cái đó sẽ phải bị loại bỏ, tải trọng đó sẽ phải bị quăng đi.

Atman là thuần khiết, không tì vết. Nó không bị làm hỏng, nó không thỉnh thoảng trở nên không thuần khiết và thế thì cần chúng ta uốn nắn nó, làm cho nó thuần khiết trở lại. Nếu atman có thể không thuần khiết, chúng ta sẽ không có khả năng làm cho nó thuần khiết được. Thế thì ai sẽ làm cho nó thuần khiết? Người có thể làm cho nó thuần khiết thì bản thân người đó bây giờ là không thuần khiết. Bất kì cái gì mà atman không thuần khiết làm bây giờ đều sẽ không thuần khiết.

Không, đây không phải vấn đề atman trở nên không thuần khiết và chúng ta cần làm cho nó thuần khiết. Nó đã thuần khiết rồi. Chỉ chúng ta tích lũy cái không thuần khiết và không thánh thiện ở đủ mọi phía quanh ta, cũng hết như chúng ta treo tấm màn đen tứ phía quanh ngọn đèn. Ánh sáng đèn không thay đổi trong bóng tối vì màn đen. Đèn vẫn đang cháy trong sự toả sáng của riêng nó, nhưng tấm màn đen bao quanh ngăn cản ánh sáng của nó toả ra mọi hướng. Và nếu đèn điện không như chúng ta, và quên mất rằng “Ta là ánh sáng,” nó sẽ đối diện với cùng những khó khăn mà chúng ta đang trải qua.

Mối quan hệ của chúng ta với bản tính của cái ta hoàn toàn bị phá vỡ và chúng ta bị đồng nhất với cái mạng nhện làm bằng thân thể, tâm trí, suy nghĩ, cảm giác, đam mê và ham muốn của chúng ta, bao quanh chúng ta tứ phía. Chúng ta bắt đầu nói, “Đây là tôi!” Người ở bên trong chúng ta tự đồng nhất bản thân mình với bất kì cái gì và bắt đầu nói, “Đây là tôi!” Và yếu tố đó ở bên trong là thuần khiết, không tì vết và trong treo đến mức bất kì cái gì được phản xạ trong nó đều được phản xạ đầy đặn; chúng ta nắm giữ cái phản xạ đó và bắt đầu nói, “Đây là tôi!”

Sai lầm ấy giống như thế này. Giả sử tấm gương đang đứng phía trước bạn trở nên có ý thức và nhìn vào trong bản thân nó và thấy hình ảnh bạn đang đứng trước nó, và thế rồi nói, “Đây là tôi!” Việc xảy ra không may như thế chỉ xuất hiện bởi vì sự thuần

khiết của tấm gương. Atman là thuần khiết và không tì vết, và bởi vì sự thuần khiết trong như pha lê của nó, bất kì cái gì tiếp cận tới nó đều được phản xạ trong nó như một tấm gương - bất kì cái gì có thể có. Nếu thân thể tiến tới nó, thân thể sẽ được phản xạ như trong tấm gương và atman nói, “Tôi là thân thể.”

Bạn không có ý tưởng nào về thay đổi liên tục trong thân thể mình và về cách bạn đồng nhất bản thân mình với chúng. Nếu tế bào đầu tiên được tạo ra trong bụng mẹ bạn được lấy ra và đặt trước bạn rồi bạn được bảo là “Bạn đã có thời là cái này đây,” bạn lập tức sẽ chối phắt và nói, “Làm sao cái này có thể là tôi được? Điều ấy không thể được.” Nếu năm đến mười bức ảnh được chụp hàng ngày về cuộc sống của bạn thì sẽ có một chuỗi dài những tấm ảnh bạn. Mỗi tấm ảnh đều có thời đã từng được bạn nói là bản thân mình. Nhưng thật khác biệt làm sao giữa tấm ảnh thời trẻ thơ của bạn và tấm ảnh tuổi già của bạn! Khác biệt bao la làm sao giữa đứa trẻ mới sinh và cái thân tàn sắp xuống mồ. Trong tất cả những thay đổi này bạn có đấy. Bất kì cái gì được phản xạ trong tấm gương của bạn, bạn đều nói, “Đây là tôi.”

Bạn đã bao giờ thấy bất kì tương tự nào giữa tấm ảnh thời trẻ thơ của mình và tấm ảnh người lớn của mình không? Có sự giống nhau nào không? Bạn có phải là đứa trẻ đó không? Không, một thời bạn đã làm chủ nhân nó, và lời tuyên bố đó đã ăn vào trong kí ức bạn; và chỉ có lời tuyên bố đó là vẫn còn đến hôm nay - rằng đây là bạn. Thân thể thay đổi hàng ngày.

Các nhà khoa học cho chúng ta biết rằng mọi tế bào trong thân thể đều hoàn toàn bị thay đổi sau một thời kì bảy năm; không một tế bào cũ nào còn lại. Nhưng đồng nhất của chúng ta tiếp tục. Đồng nhất tiếp diễn. Trong thời gian bảy năm xương, thịt, máu và mọi tế bào khác của chúng ta đều được thay đổi. Nếu

một người sống bảy mươi năm thì thân thể đã thay đổi toàn bộ mười lần. Toàn bộ thân thể đã trải qua thay đổi mười lần.

Thân thể thay đổi trong mọi khoảnh khắc, nhưng có một tấm gương không tí vết ở bên trong. Bất kì phản xạ nào được thực hiện trong nó, bất kì bức tranh nào được tạo nên trong nó đều bảo cho chúng ta, “Đây là tôi.” Nếu đồng nhất này bị phá vỡ, nếu dốt nát này bị loại bỏ, nếu chúng ta dừng việc nói, “Đây là tôi,” thế thì chúng ta sẽ có khả năng nói, “Tôi là người biết tới tất cả những thay đổi này, tôi là nhân chứng cho tất cả những điều này. Tôi biết tuổi thơ của mình, và tôi không phải là cái đó; tôi biết tuổi thanh niên của mình và nó không phải là tôi. Tôi sẽ biết tuổi già của tôi nữa, nhưng nó sẽ không phải là tôi. Tôi đã biết việc sinh; đây không phải là tôi. Tôi sẽ biết việc chết nữa, và tôi cũng không phải là nó. Tôi là cái biết tới tất cả những pha khác nhau này. Tôi là cái biết tới chuỗi dài này, đoạn phim dài này. Tôi là người biết, tôi không phải là cái được biết tới. Tôi không phải là cái được phản xạ. Tôi là cái trong đó việc phản xạ được tạo ra.” Thế thì atman là tấm gương trong trẻo, thuần khiết và không tí vết, cái ao không bắn, nơi chưa từng có gợn sóng nào của không thuần khiết.

Khi Upanishad nói nó là thuần khiết, họ nói về sự thuần khiết toàn bộ. Không chút không thuần khiết nào đã bao giờ đi vào trong atman. Cho nên Upanishad khẳng định, bằng việc phá vỡ đồng nhất này chúng ta cũng trở nên thuần khiết. Thực ra không ai đã bao giờ trở thành không thuần khiết; điều đó không có thể có, điều đó là không thể được. Không thuần khiết là trong đồng nhất. Việc đồng nhất làm cho người ta thành tội nhân hay thánh nhân. Nhớ lấy, thánh nhân cũng không thuần khiết bởi vì ông ta bị đồng nhất với tính chất thần thánh. Tội nhân mang xiềng sắt, thánh nhân mang xiềng vàng. Nhưng điều đó tạo ra khác biệt gì? Giá trị thị trường của sắt và vàng có thể là khác nhau, nhưng đồng nhất, nô lệ vẫn tiếp tục.

Ai đó nói, “Tôi là tội nhân,” ai khác nói, “Tôi là người đức hạnh.” Chừng nào mà chúng ta còn tiếp tục nói, “Đây là tôi,” chúng ta đang làm cho bản thân mình thành không thuần khiết một cách không cần thiết. Mặc dầu chúng ta về bản chất là thuần khiết, chúng ta cứ chấp nhận cái không thuần khiết. Cái ngày mà bạn có khả năng nói, “Tôi không là cái này, tôi không là cái nọ,” bạn sẽ có khả năng nói, “Tôi là cái mà trong đó mọi thứ được phản xạ. Tôi là tấm gương trong đó mọi hình bóng đến rồi đi. Tôi là cái trống rỗng mà trong đó mọi thứ đều sáng long lanh và biến mất.”

Không ai biết bao nhiêu lần sinh thành, bao nhiêu thân thể, bao nhiêu hình dạng, bao nhiêu thuộc tính ngẫu nhiên, bao nhiêu sự kính trọng, bao nhiêu địa vị và bao nhiêu biến thiên đã long lanh trong nó. Những cuộc hành trình là vô tận nhưng cái hồ là một; và nó bao giờ cũng sạch sẽ và không tí vết. Lữ khách cứ đi trên bờ hồ và hồ thì cứ giả thiết, “Đây là tôi, đây là tôi.” Vào lúc kẻ cắp đi qua trên con đường đó và hồ nói, “Tôi là kẻ cắp”; đôi khi một thánh Hindu đi qua con đường đó và hồ nói, “Tôi là thánh Hindu.” Đôi khi một vị thánh đi qua con đường đó và hồ nói, “Tôi là thánh nhân,” và đôi khi một tội nhân đi qua con đường đó và hồ nói, “Tôi là tội nhân.”

Vậy hồ cứ tuyên bố khi đoàn lữ hành của sự phản xạ điếu qua con đường đó. Và họ đi qua nhanh đến độ ngay khi phản xạ này vừa tan biến phản xạ khác lại xuất hiện trong nó. Chúng ta thậm chí không tính đến khoảnh khắc đó - cái khoảng giữa hai ccieeuf xảy ra - để cho chúng ta có thể nhìn vào hồ trong đó không có phản xạ chút nào.

Thiền là việc thực hành với hội tụ vào khoảng giữa đó. Trong khoảnh khắc đó khi không cái gì đang phản xạ, chúng ta có thể thoáng nhìn vào bản thân hồ; chúng ta có thể biết, “Tôi là hồ, tôi không phải là đoàn lữ hành đang đi trên bờ hồ. Tôi không

phải là những sự phản xạ đó cái hình thành trên tôi. Tôi là cái mà trên đó mọi hình dạng được tạo ra, vậy mà bản thân nó không được tạo ra. Tôi vẫn còn không được tạo ra, không được làm ra.”

Nhớ lấy trong đầu ba điều này. Tất cả những thứ khác được hàm chứa trong Ishavasya Upanishad đều chỉ là những khía cạnh khác biệt của ba điều này.

10

Dốt nát sẽ chỉ cho bạn con đường

*Những người đi theo
con đường của dốt nát
sẽ đi vào trong bóng tối;
và những người đã bị cuốn hút vào
trong hiểu biết
đi vào bóng tối còn lớn hơn.*

Lời kinh này đưa ra một tuyên bố sâu xa về chân lý - một tuyên bố rất táo bạo. Lời công bố như thế chỉ có thể được đưa ra bởi hiền nhân. Nó tuyên bố rằng những người bước đi trên con đường của dốt nát sẽ lạc đường và lang thang đây đó trong thế giới này; nhưng những người bước đi trên con đường của tri thức - tức là, con đường của “tôi biết” - lạc lối trong bóng tối lớn hơn. Khó mà tìm ra một phát biểu khác mạnh bạo như thế này trong toàn bộ lịch sử loài người - tìm ra một sự song hành với một phát biểu mà dám nói rằng người dốt nát dò dẫm trong bóng tối, nhưng những người tuyên bố, “tôi biết,” còn dò dẫm trong bóng tối lớn hơn. Bất kì ai nói điều này đều đã đạt tới nó qua suy nghĩ rất sâu sắc.

Điều người dốt nát lang thang trong bóng tối chúng ta dễ hiểu được, không có gì khó khăn trong nó. Lời phát biểu này là trực tiếp và rõ ràng. Người dốt nát tự làm cho mình lạc đường. Nhưng hiền nhân này nói họ làm mình lạc trong bóng tối - không phải trong bóng tối sâu và lớn. Người dốt nát lang thang chỉ trong bóng tối thôi. Thế thì tại sao cái gọi là người có học lang thang trong bóng tối lớn hơn? Và đâu là phương thuốc để được tự do khỏi bóng tối khi người dốt nát lang thang trong bóng tối còn cái gọi là người có học lang thang trong bóng tối lớn hơn?

Người dốt nát chỉ lang thang trong bóng tối thôi, không sâu lắm, vì dù là dốt nát có thể gây ra lang thang nhiều đến đâu, nó cũng không thể rất sâu được. Điều dẫn tới bóng tối lớn hơn không phải là dốt nát mà là bản ngã. Sai lầm có thể xuất hiện qua dốt nát, nhưng dốt nát bao giờ cũng dọn đường cho việc sửa chữa sai lầm, cho nên có ít khả năng bị lạc xa. Dốt nát bao giờ cũng có thể gây ra sai lầm, nhưng nó bao giờ cũng sẵn sàng sửa chữa chúng. Dốt nát có khiêm tốn của riêng nó. Đây là lý do tại sao trẻ nhỏ có thể học nhanh chóng còn người già không học nhanh được. Trẻ nhỏ là dốt nát và sẵn sàng trau cải tiến. Khi sai lầm

được chỉ ra cho chúng, chúng sẽ sửa chữa nó; nhưng khi người già được chỉ cho sai lầm của mình, họ không bằng lòng và từ chối sửa chúng. Ngược lại, họ trước hết sẽ cố gắng chứng minh rằng đây không phải là sai lầm chút nào. Khi trẻ nhỏ được chỉ cho sai lầm, chúng sẵn sàng thừa nhận sai lầm và sẽ mau chóng sửa sai lầm đó; do đó chúng học nhanh thể.

Người già không thể học trong nhiều năm điều mà trẻ nhỏ có thể học trong vài ngày. Năng lực học tập của họ giảm đi. Nguyên nhân là gì? Năng lực học tập của người già đáng phải tăng lên, nhưng không, nó không phải như vậy. Người già thường trong ảo tưởng rằng họ biết. Trẻ nhỏ chỉ trong bóng tối, người già đã rơi vào trong bóng tối sâu hơn và rộng hơn. Ảo tưởng được thiết lập trong ông ta rằng ông ta biết điều gì đó. Trẻ nhỏ biết là nó không biết gì, cho nên nó sẵn lòng học hỏi. Nó hạnh phúc để học bất kì cái gì bạn dạy cho nó. Do vậy trẻ nhỏ có thể lang thang trong bóng tối, trong khi người già lang thang trong bóng tối lớn hơn.

Người dốt nát, nếu người đó trở nên ý thức về dốt nát của mình, trở nên rất khiêm nhường. Nếu chúng ta nhớ tới dốt nát của mình, nếu chúng ta có thể nhớ, “Tôi không biết, tôi dốt nát,” thế thì không có nền tảng nào cho bản ngã có thể trụ được. Bản ngã có thể xây dựng cấu trúc của nó ở đâu khi nó không có nền tảng? Điều đáng quan tâm là thấy rằng nếu người dốt nát trở nên có ý thức về cái dốt nát của mình, thế thì lang thang của người đó mất đi, người đó tự tìm cho mình tĩnh lặng, và sai lầm của người đó sẽ thôi xảy ra; người đó bắt đầu đi trên đường đúng. Còn người có học, người chắc chắn trong niềm tin rằng người đó là người có học đã bắt đầu cuộc hành trình của mình trong bóng tối lớn hơn. Khi người dốt nát trở nên có ý thức về sự kiện là “Tôi là người dốt nát,” thế thì cuộc hành trình của người đó hướng tới trí huệ bắt đầu. Ý thức về cái dốt nát của người ta dẫn tới khiêm tốn, trong khi ảo tưởng về tri thức, lời tuyên bố về tri thức, dẫn người ta tới bản ngã - và cái cản trở thực là bản ngã.

Dốt nát không phải là bóng tối sâu lắm, nó tựa như chiều tối. Bây giờ không có mặt trời nữa, bây giờ không có ánh sáng của hiểu biết, nhưng đồng thời không có đêm tối của bản ngã. Đây chỉ là chiều tối. Dốt nát đứng ở ngưỡng mà từ đó nó cũng có thể đi ra ánh sáng. Nhưng khi khoác lác của người có học trở nên ngày một mạnh hơn và khái niệm của ông ta, “tôi biết, tôi biết, tôi biết,” trở thành ngày một vững chắc hơn, đêm của ông ta trở nên tối hơn, chiều tối của ông ta biến mất, và ông ta chìm sâu vào trong bóng tối. Và khi khoác lác của ông ta phát triển mạnh thêm, đêm của ông ta sẽ trở thành tối như đêm không trăng.

Bản ngã đưa con người vào trong bóng tối lớn, và điều ngược đời đáng quan tâm nổi lên trong thế giới con người; người trí huệ thấy bản thân họ là người dốt nát - không biết - còn người dốt nát khẳng định tuyên bố của họ, “Chúng tôi biết!” Thế thì chúng ta phải đi đâu để tìm tri thức đúng đắn? Chúng ta phải làm gì? Đây là con đường?

Hai điều cần được nhớ. Chúng ta bao giờ cũng cần tiếp tục nâng cao nhận thức về cái dốt nát của mình. Nhớ tới dốt nát là phá hủy dốt nát. Trở nên nhận biết về dốt nát của chúng ta là làm tan biến dốt nát của chúng ta. Cái nhận biết “tôi là người dốt nát” cũng giống như một người đã thấp lên ngọn đèn và đã đem nó vào trong phòng để tìm bóng tối ở đó. Người đó đã nói, “Để tôi thấp lên ngọn đèn sao cho tôi có thể thấy bóng tối ở đâu,” và người đó bắt đầu tìm kiếm nó với ngọn đèn thấp sáng trong tay. Tất nhiên, bất kì chỗ nào người đó nhìn đều không tìm thấy bóng tối. Khi có nhận biết bên trong để biết dốt nát ở đâu, có ham muốn đi tới nơi dốt nát đang ở và ham muốn biết nó, thế thì việc biết, việc hiểu, có thể xảy ra. Bất kì nơi đâu bạn tới với cây đèn của nhận biết này, dốt nát sẽ tan biến từ đó.

Cho nên điều đầu tiên là việc nhớ tới cái dốt nát - rằng “tôi là người dốt nát.” Nếu bạn muốn đi vào thế giới của ánh sáng, của

trí huệ, của tri thức đúng đắn, bạn phải hoàn toàn nhận biết về cái dốt nát của mình và vẫn còn thường xuyên trong việc tìm kiếm cái dốt nát của bạn nằm ở đâu. Bất kì chỗ nào bạn tìm thấy nó, thừa nhận nó ngay lập tức, đừng chần chừ dù chỉ một khoảnh khắc. Và cúi mình dưới chân của bất kì người nào chỉ cho bạn cái dốt nát của bạn - người đó là thầy giáo của bạn, là thầy của bạn. Và đừng cố gắng chứng minh rằng cái dốt nát của bạn là tri thức, vì tâm trí bạn sẽ thúc giục bạn làm. Bản ngã bạn sẽ nói, “Đừng tin nó.” Bản ngã bạn sẽ tán tỉnh bạn nói, “Anh nói gì vậy? Tôi mà là người dốt sao? Không thể được!” Đây là cách thức tất cả chúng ta nhớ mãi cái dốt nát của mình. Tất cả chúng ta đều khẳng khái bảo vệ ý kiến và thái độ riêng của mình.

Những người không biết gì chút nào đều đưa ra những tuyên bố lớn lao rằng họ là đúng. Những người không biết gì ngay cả đến một tảng đá nằm bên vệ đường, vẫn cứ nói về Thượng đế và khẳng định rằng Thượng đế của họ là Thượng đế thực duy nhất. Không có điểm cuối cho luận điệu của những người không biết chút nào. Dốt nát là kẻ ủng hộ lớn cho luận điệu của nó và nó cứ thế mà rêu rao. Tránh cho bản thân bạn khỏi những luận điệu như thế đi. Nếu bạn muốn đưa ra bất kì lời công bố nào, thế thì chỉ làm công bố về việc là người dốt nát. Nói một cách mạnh dạn, “Tôi không biết.” Bất kì cái gì ngẫu nhiên phát sinh, bất kì thay đổi nào bạn gặp, và bất kì hoàn cảnh nào bạn gặp phải tại nơi mà cái dốt nát của bạn lộ ra, dừng lại, và biết rằng, “Minh là người dốt nát.” Thừa nhận làm thầy của bạn bất kì ai chỉ ra cho bạn về cái dốt nát của bạn, người đã kéo chú ý của bạn vào cái dốt nát của bạn.

Nhưng thực ra chúng ta tạo ra ông thầy từ người nâng đỡ cho bản ngã ta. Chúng ta tới ông ta, nhặt lấy một vài mẫu trí huệ lạc lõng, và trở về nhà với đầy những cái rỗng tuếch và đạo đức giả - và thế rồi nói rằng chúng ta cũng biết. Cái người thổi phồng lời khoe khoang tri thức của chúng ta, chúng ta gọi là thầy của chúng

ta. Nhưng guru thực sự, thầy thực, là người mà trong tiếp xúc với người đó chúng ta nhận ra rằng không có ai là người dốt nát như chúng ta. Thầy thực sự là người tước đi tri thức của chúng ta, người phá huỷ lời khoe khoang của chúng ta về tri thức, người chà nát cấu trúc bản ngã của chúng ta dưới đất, người ném chúng ta xuống đất và nói, “Bạn không là cái gì cả, bạn không ở đâu cả, bạn không biết gì cả!” Người như thế là thầy; không phải là người mà chúng ta thu lấy tri thức, mà là người qua đó chúng ta được nhắc nhở về cái dốt nát của mình.

Nhớ lấy rằng việc nhớ tới cái dốt nát sẽ dẫn người ta tới việc hiểu biết còn việc tích lũy tri thức dẫn người ta vào trong bóng tối lớn hơn. Cho nên điều đầu tiên là tỉnh táo về mặt tinh thần với cái dốt nát, hoàn toàn có ý thức, biết cái dốt nát và nhìn vào trong nó. Biết bản thân bạn như một người dốt nát sâu sắc.

Điều nữa cần phải nhớ là ở chỗ bất kì khi nào bạn nghĩ, “tôi biết,” dừng lại một chốc, và xem xét lại ý nghĩ của bạn; tự hỏi mình, “Minh có biết thật không?” Thế sẽ đủ nếu bạn xem xét lại một lần. Trung thực trong nỗ lực của bạn. Nhận biết và đầy đủ và xem xét lại ý nghĩ của bạn trước khi nói, “Tôi biết.” Tỉnh táo về mặt tinh thần để khám phá ra cái dốt nát của bạn, cũng như với tri thức; và khi bạn bắt đầu kiểm tra bản thân mình, bạn sẽ biết rằng bạn biết lời, bạn biết các nguyên lí, bạn biết kinh sách, nhưng bạn không có ý tưởng chút nào về chân lí. Những người được gọi là bác học, người có tâm trí chất đầy với kinh sách và lời nói, người đã bị nặng gánh với lời và người đã nêu ra công bố giả về tri thức, đã trở thành nhân vật trò cười cho hiền nhân, người nói những người như vậy dò dẫm trong bóng tối lớn lao.

Tôi đã từng nghe: một linh mục Ki tô giáo thường tiến hành buổi giảng đạo tối trong nhà thờ vào mọi chủ nhật. Ông ấy nổi tiếng là người có học. Một hôm, ông ấy bỏ quên mắt kính ở nhà. Một nửa tri thức của ông ấy bị lâm nguy vì bài thuyết pháp đã

được viết ra và bây giờ ông ấy không thể đọc được nó. Nhưng ông ấy nghĩ thật là không phải phép mà nói với giáo đoàn rằng ông ấy đã quên mất kính - họ đang háo hức nghe ông ấy giảng - cho nên ông ấy quyết định cứ giảng đạo mà không cần kính, và bắt đầu nói, nhìn thoáng qua bài viết. Làm việc như ông ấy đã làm từ trí nhớ, sai lầm nhất định xuất hiện, vì ông ấy đã bỏ sự trợ giúp cho trí nhớ của mình đằng sau rồi. Không điều gì ông nói là việc truyền đạt tri thức đúng đắn cả; người trí huệ có thể nói mà không cần sự trợ giúp của mắt, không cần kính. Tất cả những điều ông ấy nói đều đã được rút ra từ trí nhớ nhồi nhét của ông ấy. Nhưng hôm nay phương tiện để nhìn vào trong trí nhớ của ông ấy bị bỏ quên ở nhà mất rồi.

Nói một hồi về phép màu của Jesus ông đã phạm phải một sai lầm. Jesus đang trong rừng với bốn nghìn đệ tử, và ông ấy chỉ mang theo mình bảy ổ bánh mì. Với những ổ bánh mì này, ông ấy không chỉ cho tất cả mọi người ăn, mà bảy ổ bánh mì này đã không bị ăn. Có bốn nghìn tín đồ nhưng ông linh mục lỡ lời kể chi tiết rằng có bảy tín đồ và bốn nghìn ổ bánh mì, và rằng sau khi Jesus đã cho tất cả ăn, bánh mì vẫn cứ còn. Điều này, ông nói, là một phép màu.

Vì thông thường sự kiện trong đền thờ hay nhà thờ là phần lớn mọi người đều ngủ gà ngủ gật và không chú ý gì tới sai sót cả; chỉ những người thức mới nghe điều đó. Mà ngay cả thế, sau đã bỏ những khả năng lập luận ở nhà, như những người đến nhà thờ vẫn làm, họ đều không đáp ứng. Họ đơn thuần chỉ nghe lời nói. Chỉ một người trở nên tỉnh táo và nghĩ, “Loại phép màu nào mà lạ thế này nhỉ? - chỉ bảy người mà những bốn nghìn ổ bánh mì?” Ông ta đứng dậy và hỏi, “Thưa cha, đây mà là phép màu sao? Bất kì ai cũng có thể làm được điều đó!”

Nghe thấy thế, ông linh mục phát rồ. Ông ấy không có ý tưởng gì là mình đã phạm sai lầm, cho nên ông ấy giận dữ và

điên tiết. Ông ấy hỏi, “Anh ngu ý gì vậy, ai cũng làm được điều ấy sao? Anh đang báng bổ Jesus đấy.”

Người này đáp, “Sao vậy, bản thân tôi cũng có thể làm được điều đó!”

Linh mục phân vân và hỏi giáo đoàn về điều mình vừa nói. Ai đó đáp, “Cha đã phạm sai lầm. Cha nói ngược lại điều cha ngụ ý; cha nói có bốn nghìn ổ bánh mì và bảy tín đồ. Kì công này bất kì ai cũng có thể làm được, không có phép màu gì trong đó.”

Ông linh mục rất bối rối bởi sự cố này. Ông ấy đã nổi tiếng là người khôn ngoan, cho nên ông ấy bị rất xáo động và kiên quyết đưa ra thách thức tại chỗ mình. Chủ nhật tiếp ông ấy tới với sự chuẩn bị đầy đủ. Trong buổi giảng đạo ông ấy nêu vấn đề về phép màu lần nữa. “Có lần Jesus đi vào rừng,” ông nói, “Xin chú ý nghe! Ông ấy có bốn nghìn tín đồ và chỉ có bảy ổ bánh mì mang theo, và ông ấy cho mọi người ăn no nê. Tất cả đều được ăn cho thật thỏa mãn ấy thế mà bánh mì vẫn không hết.” Thế rồi ông nhìn vào người đã đẩy ông vào thế khó khăn chủ nhật trước, và hỏi ông ta, “Anh bạn thân mến, bây giờ anh có thể thực hiện được phép màu như thế không?”

Người này đứng dậy và đáp, “Có, tôi có thể làm được.”

Ông mục sư rất bồn chồn và hỏi, “Anh làm việc ấy thế nào?”

Người này đáp, “Tôi có thể làm điều đó với cái kho còn lại từ lần trước ấy!”

Xê dịch lời nói đây đó, chơi chữ, ghi nhớ lời nói - mọi kinh sách đều là trò đùa lớn. Không có mấy nghĩa trong những thứ như thế. Thật là hết sức đại dột mà cố đi sửa chữa cho người khác, và điều cực kì hão huyền là cố gắng không bao giờ thừa nhận sai lầm của chúng ta. Ông linh mục tội nghiệp kia thậm chí

không thể nói được, “Có sai sót trong phát biểu của tôi.” Đây là chuyện vặt, và ông ấy có thể đơn giản xin tha lỗi. Nhưng bản ngã của chúng ta không bao giờ cho phép chúng ta thừa nhận sai lầm của mình, mặc dầu chúng ta nôn nóng và hải lòng làm cho người khác thừa nhận sai lầm của họ.

Cho nên một điểm khác cần phải nhớ là thế này: xem xét lại liệu bạn có biết chút nào hay không. Tự hỏi bản thân mình xem liệu bạn có thực biết hay không, hay liệu tất cả những điều này chỉ là rùng lờ, kinh sách, nguyên tắc và kí ức. Tự hỏi bản thân bạn: “Mình có biết cái gì không? Mình đã sống với nó chưa? Mình đã thực hành điều gì về nó chưa? Mình đã ném trái nó từ kinh nghiệm sống của mình chưa? Mình đã nhảy múa trong kinh nghiệm tối cao đó về tính thượng đế chưa? Mình đã trải nghiệm rung động đó chưa? Hay mình chỉ đơn thuần đốt dầu giữa đêm để giao phó cho trí nhớ lờ của kinh sách?” Cái mùi lợm giọng của dầu đốt thường phát ra từ những người đã nhồi nhét kinh sách vào trong trí nhớ của họ. Dầu lửa cháy toả ra lớp khói dày đặc. Rất khó tìm được người nào đốt nát hơn là người có học.

Do đó, lời kinh này nói, người đốt nát dò dẫm loanh quanh, nhưng người có học dò dẫm loanh quanh trong bóng tối dày đặc. Là người đốt nát còn tốt hơn là người có học. Cái đốt nát sẽ chỉ cho bạn con đường. Đừng thử đi vào bóng tối lớn; còn trong bóng tối đơn giản là tốt hơn nhiều. Từ bóng tối này thật dễ dàng đi vào ánh sáng, nhưng cuộc hành trình từ bóng tối lớn sẽ dài và gian khó.

Đủ cho hôm nay. Bây giờ chúng ta đi vào thiền. Chúng ta tiến vài bước từ bóng tối ra sáng sủa.

11

Tôi cũng lắng nghe

*Một kết quả, họ nói,
thu được từ vidya,
và kết quả khác, họ nói,
cũng thu được từ avidya;
do vậy chúng ta đã nghe
từ người trí huệ
người đó giải thích điều đó cho chúng ta.*

Người có học thực sự, người trí huệ, bảo chúng ta rằng kết quả của tri thức thực, của trí huệ, của hiểu biết - điều Upanishad gọi là *vidya* - là hoàn toàn phân biệt với kết quả của sách vở, thông tin, tri thức được thu thập; điều này Upanishad gọi là *avidya*.

Avidya cũng có nghĩa là dốt nát - thiếu vắng của vidya. Nghĩa được dự định của nó trong Upanishad là tri thức sách vở - tri thức khoa học, vật lý giống như tri thức thực nhưng để cho người ta thành người dốt nát. Qua avidya chúng ta có thể biết mọi chủ đề của việc học nhưng vẫn còn là người dốt nát về chúng ta là ai. Việc học như thế, điều tạo ra ảo tưởng về tri thức, được Upanishad gọi là avidya, dốt nát. Nó có thể được diễn giải để mang nghĩa khoa học, mặc dầu diễn giải này có thể dường như rất kì lạ. Từ avidya, thế thì, có nghĩa là tri thức về khoa học vật lý, tri thức về những thứ khác; và từ vidya - theo đúng nghĩa từ là tri thức, học tập - có nghĩa là tri thức về cái ta.

Tri thức đơn thuần không được ngụ ý trong từ vidya. Từ vidya bao hàm sự biến đổi. Upanishad sẽ không gọi là vidya cho những cái không làm biến đổi bản thể của người ta. Nếu tôi biết điều gì đó, và vậy mà tôi vẫn còn như tôi trước khi biết, thế thì cái biết như thế không phải là vidya theo Upanishad. Cái học đó sẽ được gọi là vidya, cái biến đổi bạn ngay lập tức một khi biết tới nó. Ngay khi tôi biết, tôi được biến đổi. Tôi trở thành người khác khi biết nó.

Nếu tôi vẫn còn như tôi trước khi biết, thế thì việc biết là avidya - dốt nát; và nếu tôi được biến đổi, nó là vidya - tri thức thực. Việc học như thế thì không đơn thuần là việc bổ sung thêm vào quỹ thông tin của bạn mà là việc biến đổi. Qua nó bạn thay đổi, bạn trở thành một người hoàn toàn khác. Cái được Upanishad gọi là vidya, tri thức, cho bạn việc sinh mới.

Socrates đã cho chúng ta một lời kinh rất ngắn tương tự về nghĩa với diễn giải này của Upanishad. Ông ấy nói, “Tri thức là đức hạnh.” Điều này đã được thảo luận và tranh luận hàng trăm năm nay ở Hi Lạp, vì mối quan hệ giữa tri thức và đức hạnh là không hiển nhiên. Một người biết giận dữ là xấu, vậy mà giận dữ không tan biến. Người kia biết ăn cắp là xấu, nhưng người đó tiếp tục ăn cắp. Người khác biết rằng tham lam là xấu, ấy thế mà cái tham lam của người đó không dừng. Nhưng Socrates đang nói rằng cái tham lam của bạn mất đi một khi bạn biết rằng nó là xấu.

Nếu một người biết rằng tham lam là xấu mà vẫn còn tham lam, thế thì cái biết của người đó là avidya. Nó đơn thuần là ảo tưởng về việc biết, nó là tri thức giả. Việc kiểm tra về tri thức đúng là ở chỗ nó lập tức trở thành một phần của hành vi bạn; nó thậm chí không đòi hỏi thực hành. Nếu ai đó nghĩ, “Để tôi biết nó trước đã rồi tôi sẽ đưa nó vào thực hành,” thế thì cái biết đó của người đó không phải là tri thức mà là đốt nát.

Giả sử một đồ uống được đặt lên trước bạn và ngay khi bạn vừa định uống bạn phát hiện ra rằng có chất độc trong cốc; thế thì tay bạn, đang đưa ra nhấc cốc nước, sẽ lập tức rút lại không làm như vậy nữa. Tức là, ngay khi bạn biết rằng đây là chất độc, chiếc cốc vẫn còn không bị động đến chiếc cốc nữa. Do đó, khi việc biết trở thành hành động, nó được gọi là tri thức đúng đắn. Và nếu bạn phải nỗ lực để làm thay đổi hành vi của mình sau việc biết, thế thì hành vi đó là bị áp đặt, nó xô đẩy vào bạn. Điều ấy không thể được gọi là kết quả của tri thức.

Tri thức đã bị áp đặt để tạo ra một hành động nào đó, cái không trở thành hành động theo cách của riêng nó, được Upanishad gọi là avidya - đốt nát. Chính vidya - tri thức thực - cái làm thay đổi cuộc đời người ta một cách vô nỗ lực, dường như người ta không biết rằng bất kì thay đổi nào đã xảy ra. Một

mặt đốt nát bị thiêu cháy, và mặt khác bóng tối tan biến. Cả hai xảy ra đồng thời. Liệu có thể tạo ra một ngọn đèn mà, khi được thắp lên, không xoá bỏ bóng tối đi không? Và chúng ta sẽ cần phải có một nỗ lực đặc biệt để loại bỏ bóng tối sau khi thắp đèn không? Nếu nó là như vậy thế thì ngọn đèn ấy sẽ là biểu tượng cho avidya được - biểu tượng cho bóng tối. Nhưng bóng tối không tồn tại khi đèn được thắp sáng. Thắp sáng đèn có nghĩa là dập tắt bóng tối. Đèn như vậy là vidya.

Có hai điểm cần phải nhớ trong mối liên quan này. Tại sao xảy ra chuyện, ngay cả sau việc biết của chúng ta, biến đổi không xảy ra? Rất nhiều người tới tôi và nói, “Chúng tôi biết giận dữ là xấu; nó là chất độc, nó đốt cháy, nó là lửa, nó là địa ngục, và vậy mà chúng tôi vẫn không thoát khỏi nó.”

Thế rồi tôi bảo họ, “Sai lầm về phần bạn là nghĩ rằng bạn biết nó. Bạn nghĩ bạn đã biết và bạn tự hỏi bản thân mình, 'Mình phải làm gì để cho giận dữ mất đi?' Đây là sai lầm của bạn. Thực ra bạn không biết rằng giận dữ là địa ngục.”

Liệu có thể là một người sẽ không nhảy ra khỏi giận dữ một khi người đó biết nó là địa ngục hay không?

Phật đã nói điều này ở đâu đó. Một người có cuộc sống đầy những điều khó chịu và đau khổ đã tới ông ấy để xin lời khuyên, tìm ra cách thoát khỏi khổ của mình. Không có gì ngoài buồn rầu và ưu phiền trong cuộc đời người đó. Phật bảo người đó vứt bỏ điều lo và khổ đi, thoát ra khỏi chúng ngay lập tức: “Ta sẽ chỉ cho ông cách thoát khỏi chúng,” ông ấy nói.

Người này nói, “Chỉ ngay cho tôi cách thức bây giờ đi, và thế rồi tôi sẽ cố gắng, dần dần, để đi theo cách thức của thầy.”

Thế rồi Phật nói, “Ông đang giống như một người có nhà bị cháy và nói, ‘Cảm ơn thầy lắm về lời khuyên của thầy; bây giờ tôi sẽ dần dần cố gắng để làm cho bản thân tôi thoát ra khỏi ngôi

nhà.” Phật tiếp tục nói rằng sẽ tốt hơn nếu như người đó nói, “Thầy đang nói dối - tôi không thấy đám cháy nào cả.” Nhưng người này không nói như thế; người đó nói, “Tôi tin thầy, tôi tin có đám cháy, và dần dần tôi sẽ cố gắng để thoát ra.”

Liệu có ai sẽ thoát ra dần dần, khi chuông báo cháy đang reo không? Người đó sẽ thoát ra ngay lập tức. Người đó sẽ không dừng lại cho dù người báo tin còn ở phía sau. Người biết có cháy sẽ nhảy ra trước rồi nghĩ sau, khi người đó ở ngoài nhà. Cho nên Phật nói, “Ông tin có cháy, nhưng ông từ chối nhìn nó cho nên ông đau khổ không cần thiết. Một người như ông không nên tự gây rắc rối cho mình để tìm lối ra. Thậm chí ông không nên thử kiểm nghiệm lời khuyên của ta. Ông thậm chí đã không mở mắt để nhìn lửa đang có đầy quanh ông. Ông đã thừa nhận ông đang khó khăn và bây giờ ông nghĩ, ‘Lửa đang có đó, bây giờ mình sẽ thoát ra khỏi nó, dần dần thôi - và ông yêu cầu ta chỉ ra cho ông thoát ra!’”

Khi ai đó bảo tôi, “Tôi biết giận dữ là xấu vậy mà tôi không thể thoát khỏi nó,” tôi nói, “Sẽ là tốt nếu bạn có thể nói, ‘Tôi không biết rằng giận dữ là xấu.’ Điều bạn thực sự biết là : ‘Giận dữ là tốt, và mình đang làm điều tốt. Nhưng mình đã nghe từ người khác nói rằng giận dữ là xấu.’ Chính điều bạn đã *nghe* bạn coi là tri thức.”

Thế thì tri thức thực là gì? Bạn sẽ phải biết bên trong bản thân bạn rằng giận dữ là xấu. Cho nên bạn sẽ phải đi qua nó, bạn sẽ phải chịu đựng khó khăn của ngọn lửa giận dữ, bạn sẽ phải mang đau khổ và đau đớn do giận dữ gây ra. Khi mọi giới hạn của bạn đã bị thiêu cháy bởi ngọn lửa giận dữ và khi cuộc sống của bạn đã trở thành mớ hỗn độn lớn đầy khói, thế thì sẽ không cần thiết phải đi tới bất kì ai để hỏi liệu giận dữ là xấu hay không. Thế thì sẽ không cần tìm kiếm bất kì phương pháp nào, bất kì lễ nghi nào, bất kì phương thuốc nào để thoát khỏi giận dữ của bạn.

Khi biết rằng giận dữ là lửa, bạn sẽ lập tức thoát khỏi nó. Việc biết như thế là vidya - tri thức thực.

Việc biết đó mà được Upanishad gọi là tri thức thực mang tự do bên trong bản thân nó và giải phóng người biết ngay lập tức; và việc biết thiếu thuộc tính này không phải là tri thức thực. Tất cả chúng ta đều có nhiều thông tin, tất cả chúng ta đều biết nhiều điều. Nếu như chúng ta tham khảo tới Upanishad về phẩm chất của việc học của chúng ta họ sẽ công bố nó là avidya - dốt nát - vì cái biết của chúng ta thậm chí không động chạm tới chúng ta, nó không biến đổi chúng ta; mặc dầu tri thức của chúng ta tăng lên, chúng ta vẫn cứ còn ở nơi chúng ta đang ở. Tri thức trở thành nhà kho thông tin, và chúng ta đứng xa khỏi nó. Kho báu của chúng ta cứ ngày một lớn hơn, nhưng nó đơn thuần là tích trữ mặc dầu chúng ta tuyên bố nó là tri thức. Và bất kì ai coi điều này là tri thức sẽ sớm phải lang thang trong hoàn cảnh vô hi vọng. Đây là dốt nát.

Chấp nhận tri thức thực không phải là cái thêm vào cho bạn mà là cái làm biến đổi bạn. Cái là tri thức thực không đòi hỏi bất kì việc ghi nhớ nào mà là cái trở thành bản thân cuộc sống của bạn; cái mà là tri thức thực thì không biến thành trí nhớ mà là cái được hấp thu vào trong bản thân cuộc sống của bạn. Đây không phải là vấn đề về việc biết một cách trí tuệ rằng giận dữ là xấu, mà là hành vi của bạn phản xạ khám phá của bạn rằng giận dữ là xấu. Không phải là bạn treo biển nói rằng “Tham lam là tội lỗi!” trên tường nhà mình, mà là mắt bạn, tay bạn và mặt bạn phản xạ hiểu biết của bạn rằng tham lam là tội lỗi. Nó trở thành tri thức thực chỉ khi toàn bộ cá tính của bạn biểu lộ ra rằng tham lam là tội lỗi.

Upanishad đã ca ngợi vidya thật nhiều. Nó được đánh giá cao. Nó được coi như thuật giả kim để biến đổi cuộc sống. Điều chúng ta hiểu như tri thức đơn giản chỉ là việc thu xếp để kiếm k

sinh nhai. Người này là bác sĩ, người kia là kĩ sư, người nọ là chủ cửa hàng. Tất cả chúng ta đều có tri thức của riêng mình, nhưng nó không làm biến đổi cuộc sống, nó đơn giản giúp chúng ta mang cuộc sống của mình. Các nhánh tri thức đặc biệt khác nhau này không đem bước ngoặt mới cho cuộc sống, chúng đơn giản làm cho cuộc sống được an toàn. Không hoa nào nở ra bởi chúng, chúng đơn giản ngăn cản gốc rễ của cuộc sống khỏi khô héo. Không cực lạc nào đi vào trong cuộc sống bởi vì chúng, chỉ có việc bảo vệ, lập kế hoạch và thu xếp để tránh những vất vả và bất tiện trong cuộc sống. Điều chúng ta gọi là tri thức đơn giản là phương tiện để kiếm sống theo một cách hiệu quả và thuận tiện. Upanishad gọi điều này là avidya.

Cái là vidya, theo Upanishad, là cái không đơn giản kéo lê cuộc sống ra thêm chút nữa, nhưng nâng cuộc sống lên mức cao hơn. Nhớ lấy, avidya là theo chiều ngang. Vidya là theo chiều đứng - nó hướng lên trời. Avidya tựa như chiếc xe bò kéo lăn bánh trên mặt đất. Không có việc cất cánh trong nó, như có trong máy bay. Nó không thể cất cánh và bay cao trong bầu trời. Trong cuộc hành trình của nó từ sinh tới tử, nó không bao giờ rời khỏi mức mặt đất, và chúng ta chết đi tại chính mức chúng ta đã được sinh ra. Nói chung, cái nôi là nằm mơ. Khó có được bất kì khác biệt nào giữa các mức sinh và tử. Liên tục bước đi theo chiều ngang tất cả chúng ta chung cuộc đều tìm thấy nằm mơ mình bởi vì chúng cũng không xa xôi gì mấy với chiếc nôi: và cho dù nếu như chúng có xa, mức độ vẫn còn như nhau.

Vidya là chiều đứng, đi lên. Mức độ được thay đổi. Bạn không là cái bạn đã là trước đây. Ngay khi bạn đạt tới tri thức thực thì bạn đã là con người khác rồi. Phật hay Mahavira hay Krishna đều đang đứng rất gần chúng ta, trong nhà hàng xóm, chạm vai ta, vậy mà họ không cùng chúng ta - họ không ở đâu gần chúng ta. Họ xa tít trên đỉnh nào đó. Thân thể họ dường như

gần chúng ta, nhưng tâm linh của họ không cùng chúng ta. Họ đã đi qua vidya. Họ đã học theo nghĩa thực của từ này.

Lời kinh này của Upanishad bảo chúng ta rằng avidya có giá trị riêng của nó cũng như vidya có phẩm chất riêng của nó. Avidya có cái vô dụng riêng của nó. Upanishad không nói rằng, “Giết avidya”; nó chỉ nói, “Đừng coi avidya như vidya.” Nó không ngụ ý rằng bạn không nên sống với chân đặt trên mảnh đất của thế giới này mà chỉ nên nổi lên cao hơn cao hơn nữa trên bầu trời. Thực sự, người mà muốn đi lên cao hướng tới bầu trời phải giữ chân vững chãi trên mặt đất.

Nietzsche đã nói ở đâu đó rằng cây muốn chạm tới bầu trời phải cắm rễ sâu vào trong đất phía dưới. Cây càng phải đi sâu xuống khi nó càng vươn cao thêm. Cây mà đạt tới các vì sao trên trời phải có rễ cắm sâu trong lòng đất. Cây chỉ có thể vươn cao khi rễ của nó cắm sâu.

Upanishad không đối lập với avidya. Niềm tin rằng chúng đối lập, đã làm nảy sinh ảo tưởng lớn. Tôi sẽ giải thích điều đó cho bạn, bởi vì không ai có thể biết tới bao nhiêu khổ và đau đớn mà phương Đông đã phải chịu bởi niềm tin sai lầm này. Upanishad đã không được hiểu đúng. Chúng ta phạm sai lầm về việc nghĩ avidya là vidya. Upanishad đối lập với điều này. Họ bảo chúng ta avidya không phải là vidya và phân biệt này nên được hiểu cho đúng. Thế rồi chúng ta tạo ra sai lầm khác. Chân lí đơn giản là ở chỗ chúng ta bướng bỉnh cố chấp vào việc bị sai lầm, vì chúng ta làm ra hết sai lầm này đến sai lầm khác.

Theo Upanishad, các đại học ngày nay của chúng ta nên được gọi là các trung tâm avidya, bởi vì chúng không bận tâm gì tới, và không có quan hệ gì với bất kì cái gì là vidya. Các đại học của chúng ta là những trung tâm về avidya, và những hiệu trưởng của chúng là hiệu trưởng về avidya. Chỉ avidya là lan rộng ra từ những trung tâm này. Nhưng Upanishad không chống avidya. Họ

đơn giản nói, “Đừng nghĩ avidya này là vidya; đừng phạm sai lầm này.”

Hiểu phân biệt giữa chúng cho rõ ràng. Avidya có cái tiện dụng riêng của nó. Không phải bác sĩ là không cần thiết, không phải cuộc sống sẽ tốt hơn khi không có chủ cửa hàng. Không, chủ cửa hàng, bác sĩ, kỹ sư, người quét rác và người lao động - tất cả họ đều cần thiết, họ có ích cho xã hội. Nhưng sai lầm là coi việc giáo dục này để kiếm sống là giáo dục cho cuộc sống. Một người như thế sẽ chỉ kiếm cơm và chết.

Jesus nói, “Ông không thể sống chỉ bằng bánh mì.” Điều này không có nghĩa là bạn có thể sống mà không có bánh mì; nhưng một mình bánh mì có thể là cuộc sống được không? Bánh mì là cần thiết cho cuộc sống, nhưng nó không phải là bản thân cuộc sống. Không ai có thể sống sót và hay làm tiến bộ mà không có bánh mì, và vậy mà nó không phải là cuộc sống. Chúng ta trút đá vào móng của toà nhà, và toà nhà không thể được dựng lên mà thiếu chúng, nhưng nhớ lấy, những hòn đá đó trong móng không phải là toà nhà. Đừng sống trong ảo tưởng rằng toà nhà được xây dựng khi nền móng đã được lấp đầy. Không phải là toà nhà có thể được xây dựng nếu không đặt móng. Phải đặt móng đã: đó là điều cần phải chấp nhận. Upanishad nói avidya có cái tiện dụng của nó - có nghĩa là nó cung cấp phương tiện để kiếm sống. Nó là thuộc tính bên ngoài cho cuộc sống; nó liên quan tới cuộc sống vật lý, nó là sự thu xếp để duy trì cuộc sống. Nhưng đừng coi nó là mọi thứ. Nó là cần thiết nhưng chưa đủ. Mọi thứ sẽ không được hoàn thành bởi riêng một mình nó.

Các nước phương Đông, đặc biệt là Ấn Độ, đã phạm phải sai lầm thứ hai. Họ nói, “Khi các hiền nhân của Upanishad - những người trí huệ và có học - nói điều gì đó là avidya, chúng ta nên dừng dừng với nó. Chúng ta chỉ nên bám vào vidya.” Cho nên khoa học không thể có tiến triển nào ở phương Đông được.

Chúng ta bỏ qua bất kì cái gì chúng ta coi là avidya. Do đó phương Đông trở thành không tự lo liệu được, nghèo nàn và bị nô lệ. Giá mà chúng ta đã say mê theo đuổi avidya chúng ta sẽ trở thành vô linh hồn, nhưng chúng ta trở nên nôn nóng bỏ qua nó đến mức chúng ta trở thành không tự lo liệu được và nghèo nàn trong cuộc sống vật lý.

Upanisad nói cả hai đều hữu dụng. Cả hai đều hữu dụng theo các chiều hướng khác nhau. Avidya có vị trí của nó. Nó không phải là để bỏ đi. Điều duy nhất cần phải nhớ là ở chỗ nó không phải là mọi thứ. Nó không phải là cái tối thượng. Vidya cũng có vị trí của nó nữa.

Hiền nhân này đã nói một điều nữa trong lời kinh này: “Chúng ta đã nghe điều này từ những người biết.” Cần phải đi vào trong phát biểu này thêm một chút nữa để hiểu nó. Nó được nói là: *Vậy chúng ta đã nghe từ người trí huệ, người đã giải thích nó cho chúng ta.* Hiền nhân này, người đã nói điều này, bản thân ông ấy không biết nó sao? Ông ấy có nói cho chúng ta điều ông ấy đã nghe không? Bản thân ông ấy không biết nó sao? Ông ấy có lặp lại cho chúng ta tri thức nghe lại ấy không? Không, điểm này cần được hiểu cho đúng, bởi vì rất nhiều lần lộn đã được tạo ra bởi nó. Cần phải hiểu hình thức diễn đạt trong những ngày xa xưa ấy khi Upanishad được viết ra.

Không ai đã từng nói “tôi biết.” Có lí do cho điều đó. Lí do không phải là ở chỗ ông ấy đã không biết. Lí do là ở chỗ bản ngã - cái tôi - biến mất sau việc biết. Nếu hiền nhân của Upanishad đã nói, “Tôi nói điều này sau việc biết,” thế thì những người thời ấy sẽ cười và nói, “Thế thì đừng nói như thế! Ông không thể biết được, vì cái ‘tôi’ của ông vẫn còn đó.” Do đó nhớ lấy điều này: hiền nhân biết điều ấy rõ lắm, nhưng nói, “Tôi đã nghe điều đó từ những người đã biết.” Điều đáng quan tâm là ở chỗ những người mà ông ấy đã nghe nói cũng đã nói, “Chúng tôi đã nghe điều này

từ những người biết." Có bí mật nào đó đằng sau điều này. Không có cá nhân nào tuyên bố, không có bản ngã nào tuyên bố đằng sau điều đó, bởi vì tìm đâu ra cái 'tôi' của người biết ấy? Do đó họ nói, "Chúng tôi đã nghe từ người đã giải thích nó cho chúng tôi." Và tôi muốn kể cho bạn biết một điều đáng quan tâm khác về điều này: rằng bản thân cá nhân đó cũng được bao hàm trong 'chúng tôi' đó, những người đã nghe." Phát biểu này có hơi chút khó hiểu thấu.

Như tôi đã nói với các bạn sáng nay, khi tôi nói điều gì đó cho bạn, tôi nghe nó như bạn nghe nó. Chúng ta nghe nó đồng thời. Người nói đó không biết gì về ai không phải là người nghe điều mà người đó nói. Chân lí là không được làm sẵn; chúng không được làm trước. Chúng được tạo ra, được biểu lộ, chúng được sinh ra một cách tự nhiên, chúng là tự phát. Chúng xuất hiện như hoa xuất hiện - nở bung ra từ cây cối và tràn đầy hương thơm. Khi tôi muốn nói điều gì đó cho bạn, điều đó có thể được làm theo hai cách. Cách thứ nhất là nghĩ về nó rồi chuẩn bị để trao nó cho bạn. Điều bạn cuối cùng nhận được sẽ là cái cũ rích và cổ lỗ; nó sẽ không tươi tắn và sống động, nó sẽ chết. Nhưng khi tôi bắt đầu thốt ra điều tới từ bên trong tôi, thế thì tôi nghe nó, như bạn nghe nó, lần đầu tiên. Thế thì tôi nữa cũng là người nghe. Các bạn không phải là người nghe duy nhất; tôi cũng là người nghe.

Cho nên hiền nhân này nói, "Chúng tôi đã nghe từ những người đã giải thích nó cho chúng tôi." Ông ấy đã nghe, ông ấy nói, từ những người đã biết; nhưng nó là từ bản thân ông ta người đang nghe nó - ông ấy nữa cũng lắng nghe việc giải thích đến từ bản thân ông ấy. Do đó hiền nhân này gọi mình là người nghe.

Còn có lí do khác nữa. Khi một người đạt tới chân lí cao nhất, điều đó không xuất hiện cho người đó như là người đó đã đạt tới. Nó xuất hiện cứ như là nó đã giáng xuống người đó.

Chân lí tối cao không xuất hiện dường như đó là sự sáng tạo của tôi, thành tựu của tôi; nó xuất hiện như là sự khải lộ trước tôi, như sự mở ra, như một hứng khởi. Nếu ai đó có tới hỏi Mohammed, "Có phải ông đã viết Koran không?", Mohammed sẽ trả lời, "Xin đừng nói những điều tội lỗi như thế với tôi. Tôi đã nghe thấy Koran, tôi đã thấy Koran, và khi nghe nó tôi đã đặt nó vào việc viết ra. Tôi đã không viết nó - tôi không phải là tác giả của nó."

Đây là lí do tại sao Mohammed là sứ giả của Thượng đế - người đã chuyển giao thông điệp được trao cho ông ấy. Chân lí được khải lộ trước ông ấy, và ông ấy đến trước bạn và nói điều như thế là chân lí. Chân lí đó không phải là sáng tạo của ông ấy. Đây là lí do tại sao chúng ta gọi các hiền nhân là 'người thấy' - và không phải là tác giả hay người sáng tạo. Chúng ta không nói họ đã tạo ra chân lí, mà nói rằng họ đã thấy chân lí. Đó là lí do tại sao chúng ta gọi điều họ đã thấy là *darshan* - linh ảnh, cái được thấy. Chúng ta có thể gọi nó là bất kì cái gì chúng ta muốn gọi nó, dù là *darshan* hay *shruti* - cái được nghe thấy. Hiền nhân này thực ra đang cho ta biết rằng chân lí là hoàn toàn tách rời và phân tách khỏi chúng ta. Chúng ta không tạo ra nó. Chúng ta chỉ nghe nó, biết nó, thấy nó. Chúng ta đơn giản là nhân chứng. Bạn có thể gọi ông ấy là nhân chứng, người thấy hay người nghe - nhưng nhớ ý tưởng thụ động đằng sau nó.

Hiền nhân này nói, "Chúng tôi thụ động, không tích cực." Khi bạn xây dựng cái gì đó, bạn là tích cực. Khi một nghệ sĩ đang vẽ hoa, người đó là một tác nhân tích cực. Nhưng khi người đó đứng gần một bông hồng và nhìn vào nó, người đó là một tác nhân thụ động. Vào lúc đó người đó không làm gì cả, người đó chỉ tiếp nhận. Người đó đơn giản đã mở cánh cửa và cửa sổ của bản thể mình. Người đó mời hoa vào, người đó dâng hiến trái tim mình cho hoa, người đó đón chào nó, và đứng tĩnh lặng. Người đó có tính tiếp nhận. Thế thì hoa đi vào tim người đó và chạm

cánh hoa vào nó. Hương thơm của hoa dội trong toàn bộ bản thể của người đó; và bởi vì người đó đã cho phép nó vào bên trong bản thân mình như một nhân chứng, như một tác nhân cảm nhận, nên nó sẽ nở bung trong mọi góc bản thể người đó. Nhưng bản thân người nhận là thụ động, người đó đơn thuần nhận.

Hiện nhân này của Upanishad nói, “Tôi đã nghe vậy.” Trong khi nói như thế, ông ấy muốn cho chúng ta biết rằng chỉ người thụ động đạt tới chân lý. Thụ động là cánh cửa.

Mặt trời chiếu sáng trong bầu trời. Chúng ta không thể đem được ánh sáng của nó vào trong nhà, nhưng chúng ta chỉ phải mở cửa ra và ánh mặt trời sẽ đi vào. Những tia sáng của nó sẽ dần dần nhảy múa trong mọi góc nhà. Nhưng chúng ta không thể nói rằng chúng ta đã mang mặt trời vào trong nhà mình được. Nói “Chúng tôi đem nó vào” là quá nhiều rồi. Đây là khoát lác. Chúng ta có thể nói nhiều nhất cũng chỉ thế này, rằng chúng ta không dựng bất kì chướng ngại nào để ngăn cản mặt trời tới. Chúng ta đã để cửa mở. Việc mặt trời lên không cần chúng ta phải có cửa để mở, nhưng chính sự kiện là mặt trời sẽ không bao giờ có khả năng đi vào trong nhà nếu cửa bị đóng. Và nếu cửa được mở ra và nếu mặt trời không lên, chúng ta không làm được gì, chúng ta bất lực.

Bạn có hiểu điều tôi định nói không? Mặt trời không bị buộc phải tới bởi vì cánh cửa của bạn mở ra. Chính tự do của nó là tới hay không. Nhưng hoàn toàn dứt khoát rằng mặt trời không thể vào được nếu cánh cửa bị đóng kín. Cho dù nếu mặt trời có muốn tới, nó không thể vào được. Điều này có nghĩa là nếu chúng ta muốn thì chúng ta có thể vẫn còn mù với chân lý, thế thì chân lý không thể làm gì được. Nếu chúng ta muốn thì ta có thể mở rộng sự thức tỉnh với chân lý; nhưng thế thì chúng ta không tạo ra chân lý, chúng ta đơn giản cởi mở cho sự khai lộ của nó.

Bất kì cái gì có giá trị, bất kì cái gì đẹp đẽ, bất kì cái gì tốt nhất, bất kì cái gì đúng đắn, bất kì cái gì tốt lành cho cuộc sống, đều được tìm thấy chỉ bởi tâm trí cảm nhận. Người để cho cánh cửa mở tìm thấy nó. Do đó hiện nhân này không nói, “Tôi có điều đó,” mà nói, “Tôi đã nghe điều đó từ những người biết. Tôi đã nghe thấy nó, tôi đã nhận nó từ nơi có trí huệ.” Trong phát biểu này có một ham muốn thiết tha để thủ tiêu cái ‘tôi’. Đó là lí do tại sao không Upanishad nào mang chữ kí của tác giả của nó. Chúng ta không biết ai nói ra điều này, ai kể điều này, đây là lời của ai. Ai đó tuyên bố những chân lý vô giá như thế mà không làm lộ ra tác quyền của mình.

Thực ra, những chân lý vĩ đại phải được công bố mà không có lời đòi về tác quyền, bởi vì tác giả chết trước khi sinh thành ra chân lý vĩ đại. Những hiện nhân này đã loại bỏ hoàn toàn bản thân mình ra khỏi lời yêu cầu về tác quyền. Không ai biết ai đang nói những câu này, không ai hay liệu những câu này là do một hay nhiều người viết ra. Trong Upanishad có thể là những lời kinh khác nhau là những khai lộ của các hiện nhân khác nhau, và vậy mà vẫn có một quan sát thú vị được thực hiện. Những lời này có thể là lời của những người khác nhau, như có một sự hài hoà, một âm nhạc trong chúng. Có thể có một số người, có thể có các tác giả khác nhau cho từng lời kinh, nhưng họ phải tuyệt đối giống như một người ở đâu đó sâu bên trong bản thân họ.

Nếu bạn đã có lần tới đền thờ Jaina thì bạn sẽ thấy hai mươi bốn thân tượng của các *tirthankara* - những bậc thầy chứng ngộ của đạo Jaina. Không có phân biệt gì giữa các bức tượng này, ngoại trừ một dấu hiệu rất nhỏ tại bàn chân làm phân biệt họ với nhau. Những dấu hiệu này đã được giữ để chúng ta nhận ra, bằng không sẽ rất khó để biết được tượng nào là Mahavira, tượng nào là Parshvanath, tượng nào là Neminath. Nếu những dấu hiệu đó bị xoá đi, mọi tượng đều giống hệt nhau. Ngay cả khuôn mặt cũng đồng nhất. Điều này không thể là sự kiện lịch sử được.

Khuôn mặt của Mahavira không thể giống hết khuôn mặt của Parshvanath. Thật khó mà tin rằng tất cả hai mươi bốn tirthankara giống hết nhau về hình dạng và nét mặt. Ngay cả hai người giống nhau về hình dạng và nét mặt cũng không thể tìm được nữa là. Tưởng tượng khó khăn làm sao để tìm ra hai mươi bốn người như thế!

Có thể là những người đã làm ra các tượng đó không có ý tưởng nào về một ngày nào đó một ai đó sẽ cười khi nhìn tất cả những hình ảnh giống nhau này và nói, “Điều này không thể là sự kiện lịch sử sao?” Không, họ đã khắc hoạ bằng trí huệ đầy. Không để ý đến sự đồng nhất bên ngoài, họ đã tạo ra hình ảnh về các hình dạng bên trong. Có thiếu vắng khác biệt bên trong. Phải có nhiều khác biệt thể chất giữa Mahavira và Parshvanath, nhưng họ đã đến một giai đoạn trong cuộc sống nơi cái ‘tôi’ tan biến. Thế thì không có phân biệt bên trong; thế thì họ đi tới một loại người không có mặt. Người ta được tự do với khuôn mặt bên ngoài, cá tính. Thế thì khuôn mặt bên ngoài không có giá trị nào. Do đó chúng ta đã không làm ra các thần tượng cho thân thể bên ngoài.

Những thần tượng này biểu hiện sự giống nhau có ở bên trong, cái giống nhau ở bên trong. Đây là lí do tại sao họ tất cả giống nhau. Những lời kinh này của Upanishad đã được những người khác nhau soạn ra, và sẽ không có gì đáng ngạc nhiên khi tìm ra rằng dòng này của cặp câu do hiền nhân này soạn còn dòng kia do hiền nhân khác soạn. Điều như vậy đã xảy ra.

Bốn mươi nghìn bài thơ không đầy đủ đã được tìm ra trong ngôi nhà của Coleridge, nhà thơ Anh vĩ đại, sau cái chết của ông ấy. Trước khi ông ấy chết, bạn bè ông ấy thường hay hỏi tại sao những vần thơ tuyệt diệu như vậy bị bỏ lại không đầy đủ. Họ thúc giục ông ấy hoàn chỉnh chúng. Họ nói, “Sẽ không có nhà thơ nào vĩ đại hơn ông trong thế giới này. Ông đã để bốn mươi

nghìn bài thơ không đầy đủ. Xin ông suy nghĩ và hoàn chỉnh chúng. Một số bài có ba dòng thôi, dòng thứ tư không có đấy. Một số bài có bảy dòng, dòng thứ tám không có đấy. Một số bài có mười một dòng, dòng thứ mười hai không có đấy. Chúng không hoàn chỉnh chỉ bởi mỗi một dòng. Sao ông không hoàn thành tiếp chúng?”

Coleridge trả lời, “Mười một dòng đã tới, và tôi đang chờ đợi dòng thứ mười hai. Mười năm đã trôi qua, vậy mà nó vẫn chưa tới. Thế thì làm sao tôi hoàn thành được nó? Nếu ai đó tìm thấy dòng này, người đó có thể hoàn thành nó. Nó còn chưa tới với tôi. Nếu tôi muốn, tôi có thể soạn ra một dòng, nhưng thế thì nó sẽ giống như giả tạo. Nó sẽ giống như một chân gỗ. Nó sẽ giống như một chân gỗ trên một người hoàn chỉnh khác về thể chất. Mười một dòng này đang sống: chúng đã giảng xuống tôi, chúng không do tôi soạn ra. Chúng đã tới tôi trong khoảnh khắc tiếp nhận, trong tâm trạng tiếp nhận, và tôi đã viết chúng ra. Dòng thứ mười hai còn chưa giảng xuống. Cho nên tôi vẫn đang đợi nó. Nếu nó tới trong cuộc đời tôi, tôi sẽ thêm nó vào; nếu không, tôi sẽ để cho bài thơ không đầy đủ. Những dòng này có thể tới trong cuộc đời của ai đó khác. Có thể là một ai đó khác sẽ tới cánh cửa của dòng thứ mười hai, thế thì người đó sẽ hoàn chỉnh bài thơ này.”

Điều không bản chất là các câu đối của Upanishad có do một cá nhân làm ra không. Chúng là những thơ của những người mà bản thân họ không soạn ra chúng, nhưng họ đã ghi ra điều giảng xuống họ. Cho nên phát biểu đó của các hiền nhân rằng họ đã nghe thấy nó từ những người biết đơn giản là việc thừa nhận tính vô ngã của họ. Đó là một tuyên bố rằng tôi không có đó, tôi chỉ là cánh cửa.

12

Tôi không là thân thể

*Người biết
cả vidya và avidya
vượt qua cái chết qua avidya
và kinh nghiệm cái bất tử
qua vidya.*

Người biết cả avidya và vidya, khi vượt qua cái chết, sẽ biết cái bất tử. Đây là đôi câu thơ rất hân hữu. Nó nói với bạn rằng Upanishad là không đối lập với avidya. Họ thiên về vidya nhưng không đối lập chút nào với avidya. Nó được nói, “Người biết avidya sẽ vượt qua cái chết.” Toàn thể xung đột của avidya là chống lại cái chết. Bác sĩ đang tranh đấu với cái chết, các kĩ sư đang tranh đấu với cái chết. Toàn bộ nỗ lực của khoa học, mọi hoạt động của nó, đều hướng vào việc chống lại cái chết - chống lại bệnh tật, chống lại bất an, chống lại những nguy hiểm tương lai. Việc bảo đảm rằng cuộc sống không kết thúc, việc bảo đảm cho nó được bảo toàn, là toàn bộ nỗ lực của avidya - của tri thức khoa học. Toàn thể avidya là cuộc tranh đấu thường xuyên với cái chết. Cho nên người thành thạo trong avidya thành công dồn cái chết vào đường cùng. Tức là, người đó sống một cách thoải mái. Theo nghĩa này, qua avidya người đó vượt qua cái chết - nhưng người đó không thể đạt tới cái bất tử. Người đó đơn giản kiểm soát cái chết hoàn toàn thoải mái.

Với sự trợ giúp của avidya chúng ta có thể tồn tại, nhưng chúng ta không thể nếm trải thực chất của cuộc sống. Chúng ta có thể đơn thuần tồn tại. Điều này nên được gọi là sống vô vị. Chúng ta sẽ chạy theo quá trình của cuộc sống. Mọi thứ - thức ăn, nhà cửa, thuốc thang và vân vân - sẽ có sẵn cho chúng ta. Chúng ta sẽ có tất cả nó, và cuộc sống sẽ trôi qua dễ chịu, thoải mái. Nhưng cái bất tử sẽ không có sẵn cho chúng ta. Và cho dù avidya có thành công trong việc ngăn cản cái chết, cái bất tử vẫn sẽ không sẵn có.

Khoa học hiện đại bận rộn tìm kiếm các cách thức và phương tiện để chinh phục cái chết. Toàn thể nỗ lực của khoa học thực sự để cứu con người khỏi cái chết. Đó là lí do tại sao khoa học sinh tìm ra cách thức để cái chết có thể được tránh, cách thức nó có thể được tránh mãi mãi. Tình huống này có thể nảy sinh

trong tương lai xa khi chúng ta có thể, nếu chúng ta muốn, tránh cái chết mãi mãi. Nếu chúng ta hiểu đúng tiến bộ của khoa học trong ba nghìn năm qua chúng ta sẽ thấy rằng điều này đã là toàn bộ hoạt động của nó. Toàn bộ xung đột của nó là chống lại cái chết, và nó đã thành công tới một mức độ lớn.

Một nghìn năm trước đây, chín trong mười đứa trẻ mới sinh thường chết, còn ngày nay, trong những nước mà khoa học có tiến bộ nổi bật, thậm chí không đến một trong mười đứa trẻ mới sinh ra bị chết. Trong những cái xương mà các nhà khoa học tìm ra về những người sống mười nghìn năm trước đây, không mấy người được coi như đã sống quá hai mươi năm tuổi. Không người nào sống lâu hơn bốn mươi năm tuổi. Không một bộ xương nào được tìm thấy vào thời ấy trên trái đất này của người mười nghìn năm trước đây chỉ ra rằng người đó sống lâu hơn bốn mươi năm tuổi.

Vậy mà ngày nay có hơn một nghìn người trên một trăm năm mươi tuổi ở nước Nga Xô viết. Việc sống một trăm tuổi bây giờ trở thành chuyện bình thường. Bạn có thể ngạc nhiên mà đọc trong báo rằng một ông già chín mươi tuổi người Nga mới lấy vợ. Chúng ta nghĩ người già phải lú lẫn lắm. Nhưng nhớ rằng ông già đó vẫn chưa là già đâu, và rằng ông ấy không làm bất kì cái gì không thông thường. Khi ông già chín mươi tuổi lấy vợ ở Nga, đừng so sánh ông ấy với người già ở nước chúng ta. Người già ở nước chúng ta sẽ chết hai mươi năm trước khi đạt tới độ tuổi ấy. Ông già chín mươi tuổi đó thuộc vào một cộng đồng nơi độ tuổi tối đa là một trăm năm mươi tuổi. Đến độ tuổi nào một người vẫn còn là trẻ khi khoảng đời của người đó mở tới một trăm năm mươi tuổi? Bạn sẽ không ấn định độ tuổi đó là ít nhất ở một trăm chứ?

Bất kì khi nào khoa học thành công, cái chết lại bị đẩy lùi xa thêm một chút, và trong những thời gần đây khoa học đã thực

hiện thêm nhiều tiến bộ nữa. Rất có cơ may là dường như đến cuối thế kỉ này chúng ta sẽ có thể giữ cho con người sống vô hạn định nếu chúng ta muốn làm điều đó. Sẽ không có chướng ngại còn lại để ngăn cản khoa học hoàn thành điều đó. Con người có thể được làm cho sống vô tận. Đó là lí do tại sao một số nhà tư tưởng phương Tây, và đặc biệt là Mỹ, đã bắt đầu phản đối kịch liệt rằng trước khi khoa học thành công trong việc kéo dài cuộc sống của con người, chúng ta phải bổ sung thêm qui tắc này vào hiến pháp của đất nước - rằng mọi người được sinh ra đều có quyền được chết. Bằng không một tình huống rất khó khăn sẽ nảy sinh; bởi vì nếu chính phủ không cho phép một người được chết, người đó sẽ không có quyền được làm như vậy.

Cho tới tận bây giờ chúng ta đã đặt ra các qui tắc trên toàn thế giới rằng không ai có quyền được giết người khác. Nhưng bây giờ, trên toàn thế giới - đặc biệt là ở các nước như Thụy sĩ, Thụy điển và Na uy, nơi khoa học đã thành công trong việc kéo dài cuộc sống con người - mọi người bắt đầu khuấy lên việc kết thúc cuộc sống. Những người thông minh đã khởi xướng những chiến dịch tuyên truyền xác nhận rằng không bác sĩ nào được quyền cứu mạng cho người muốn được chết, và nếu bác sĩ cứu mạng cho người như thế, phải coi đó là sự lạm dụng chống quyền cơ bản của người đó, quyền cơ bản của người đó đối với cuộc sống của riêng mình.

Chúng ta đang trong một vị thế nguy hiểm. Giả sử một người đã một trăm năm mươi tuổi. Bây giờ, người đó sẽ là ngớ ngẩn nếu người đó muốn sống lâu hơn, người đó muốn có nghỉ ngơi mãi mãi, được chết. Nhưng các bác sĩ phải giữ người đó ở bệnh viện để chữa chạy và cố gắng giữ người đó sống, bởi vì hiện tại các bác sĩ không có quyền giúp cho người ta chết. Cho nên họ sẽ cố gắng tối đa để cứu người này. Nếu mặc cho những cố gắng của bác sĩ, người bệnh vẫn chết, đây là vấn đề khác. Cho nên sự

khuấy động cứ tiếp tục để đòi cho con người cái quyền được chết nếu người đó chọn lựa cái chết.

Vấn đề này không mấy chốc đang trở thành rất có ý nghĩa, bởi vì không một cơ chế nào đã tìm ra trong thân thể con người mà thực tế có thể xua đuổi được cái chết. Lí do duy nhất cho cái chết xảy ra là ở chỗ cho tới nay vẫn không thể thay thế được các cơ quan vật lí của thân thể. Chúng ta không có khả năng thay thế được những bộ phận nào đó của thân thể, và đó là khó khăn. Khi chúng ta tiếp tục đạt tiến bộ trong việc thay thế các bộ phận con người, cái chết sẽ không còn là một hiện tượng không thể tránh khỏi cho con người nữa. Nó sẽ trở thành một hành động của ý chí riêng của người ta. Nhớ trong tâm trí, không bao lâu nữa điều sẽ xảy ra là việc không người nào, ngoại trừ bị tai nạn, sẽ chết trong tiến trình thời gian. Cho nên sẽ có ngày càng ít cái chết tự nhiên và nhiều tự tử hơn trên thế giới. Chắc chắn đây sẽ là tự tử nếu một người yêu cầu bác sĩ chấm dứt cuộc đời họ mình. Thế thì tự tử sẽ là một phương tiện chết thông thường.

Ngay từ thời rất cổ đại, con người đã tuyên bố rằng cái chết có thể vượt qua được nhờ có avidya. Điều mà y học của phương Tây nói ngày nay, được tuyên bố trong Upanishad. Họ nói cái chết có thể bị hạn chế nhiều đến mức nó thực sự bị avidya vượt qua. Cái bên trong vĩnh hằng không bao giờ có thể chết. Cái chết chỉ là của thân thể; thế thì cái bên trong vĩnh hằng của chúng ta chấp nhận một thân thể mới.

Tuy nhiên, nếu chúng ta có thể giữ thân thể cũ mạnh khỏe và tích cực, thế thì không có nhu cầu chấp nhận thân thể mới, và việc chấp nhận thân thể mới dường như tuyệt đối không kinh tế. Dường như là tự nhiên không có kinh nghiệm về bất kì cái gì của khoa học kinh tế. Nó cho ra đời trẻ con và giết chết người già. Người già của chúng ta đều được huấn luyện và có kinh nghiệm, rất nhiều nỗ lực đã đổ vào việc huấn luyện cho họ, trong khi trẻ

con, những người thay thế họ chưa được huấn luyện gì, vô dụng toàn bộ. Tự nhiên chấm dứt cuộc sống của những người đã lao động bảy mươi năm và cho sinh ra những đứa trẻ không có tri thức gì, cho nên chúng phải được nuôi nấng dạy dỗ. Điều này rất không kinh tế.

Nền kinh tế sẽ không cho phép người bảy mươi tuổi, với tất cả kinh nghiệm của mình, được chết. Một người bảy mươi tuổi hay cho rằng sẽ có cuộc sống mới sau cái chết của người đó - và sẽ phải mất từ hai mươi cho tới hai mươi năm trong giáo dục và đào tạo bản thân mình, chỉ để thu lại một cách khó khăn vị trí mà người đó đã có vào lúc chết. Điều này thật là vô giá trị. Cho nên khoa học bận rộn theo chiều hướng này, và làm mọi nỗ lực để chấm dứt phí hoài này. Nếu chúng ta có thể tiết kiệm cuộc sống của Einstein, phí hoài lớn lao được tránh khỏi. Nếu ông ấy lấy ba lần sinh, sự tăng trưởng về tri thức gây ra bởi điều này sẽ không lớn như ông ấy sống liền ba trăm năm, bởi vì điều này sẽ là trưởng thành liên tục. Sẽ không có gián đoạn thường xuyên ở giữa. Sẽ không có những lỗ hổng hai mươi năm hay ba mươi năm để giới hạn trưởng thành đó. Cho nên nếu chúng ta giữ cho Einstein sống được ba trăm năm, chúng ta không thể hình dung nổi ông ấy sẽ cống hiến thêm bao nhiêu nữa cho toàn bộ kho tri thức. Và tri thức là vô tận.

Có vô số triệu tế bào trong bộ não nhỏ bé của con người, và các nhà khoa học nói rằng mỗi tế bào đều có khả năng lưu giữ tri thức đến mức thông tin chứa trong mọi thư viện của thế giới có thể được cất giữ trong bộ não con người. Có nhiều triệu tế bào là một tiềm năng bao la đến mức từng cá nhân có thể là người chủ của mọi tri thức hiện có trên thế giới ngày nay. Điều chúng ta chưa xây dựng ra được thiết bị mà qua đó chúng ta có thể rót nhiều tri thức vào bộ não con người là vấn đề khác. Cách thức truyền đạt tri thức của chúng ta còn rất sơ cấp. Một đứa trẻ chắc chắn sẽ học được điều gì đó sau khi đã được dạy trong hai mươi

năm - nhưng không cái gì thực sự được đạt tới. Sau khi cho ai đó hai mươi năm giáo dục, phần lớn điều chúng ta có thể nói là ở chỗ người đó không được giáo dục. Chỉ ngần này là có thể. Không điều gì đặc biệt là được đạt tới. Cho dù chúng ta có cung cấp việc giáo dục cho cả bảy mươi năm, không mấy điều được đạt tới. Kho tri thức là khổng lồ và chúng ta không có thiết bị lẫn hệ thống chúng ta sẽ cần để rót tri thức vào trong bộ não con người. Do đó nhiều cách thức và phương pháp đang được thăm dò sau khi liên tục phát triển các kỹ thuật tiên tiến về giáo dục.

Công trình lớn về việc dạy học trong khi ngủ hiện đang được tiến hành tại nước Nga. Trẻ con thường đã được dạy học trong ngày, và dành ban đêm cho việc ngủ; mười hai giờ ban đêm bị phí hoài. Cho nên ở Nga người ta cho bật băng ghi âm vào tai trẻ nhỏ khi chúng đang ngủ để cho chúng nhận được việc dạy học trong cả thời gian đêm nữa. Vậy những nỗ lực lớn đang được tiến hành để làm giấc ngủ thành trung gian, công cụ, của việc truyền đạt dạy dỗ, và họ đã thành công trong việc này ở mức độ lớn. Hi vọng của họ là trong tương lai gần họ có khả năng truyền đạt việc nhiều việc dạy trong bảy năm như bây giờ được dạy trong mười lăm năm, thông qua cả việc dùng thời gian ban đêm nữa.

Cũng còn có một thuận tiện khác cho thực nghiệm mới này. Khi giáo viên đang dạy cho trẻ con trong những giờ thức của chúng, có phát sinh xung đột giữa bản ngã của thầy và bản ngã của trẻ em, và điều này tạo ra cản trở lớn cho tiến bộ của đứa trẻ. Không có xung đột khi trẻ đang ngủ và việc dạy được hấp thu trực tiếp. Giáo viên không có đây và trẻ con cũng không có đây. Học sinh đang ngủ, thầy không hiện diện, chỉ có băng ghi âm là chạy. Băng chậm chậm đưa lời dạy vào não trẻ nhỏ trong cả đêm, và chúng nhận được lời dạy đó một cách trực tiếp.

Tuyên bố của Upanishad rằng cái chết có thể bị vượt qua nhờ có avidya, khoa học, nên được chuyển thành bài viết cho mọi

đại học. Hiền nhân của Upanishad nói điều này là như vậy bởi vì cái chết chỉ đơn thuần là thảm kịch thể chất, điều ngẫu nhiên. Nếu chúng ta có thể phát triển những công cụ và công nghệ thích hợp, cái chết có thể bị đẩy lùi ra xa thêm chút ít. Không có khó khăn gì về việc này.

Cho tới nay khoa học đã thiếu các phương tiện để phục hồi người chết về cuộc sống, nhưng các nhà khoa học hi vọng có khả năng đem cuộc sống mới cho người đã chết vào cuối thế kỷ này. Một người chết mười lăm năm trước đây đã làm một chúc thư mười triệu đô la dành cho mục đích gìn giữ thân thể chết của ông ấy theo cách an toàn nhất ít nhất tới lúc ông ấy có thể được làm sống lại. Một số tiền quăng hàng trăm nghìn ru pi mỗi ngày đang được tiêu ra để gìn giữ cái xác chết của ông ấy theo cách tốt nhất để cho thậm chí không có chút xíu phân huỷ trong nó. Ý định là bản quản cái xác chết của ông ấy trong cùng một điều kiện như nó thể, khi ông ấy chết, để cho nếu chúng ta có thể phát hiện ra chìa khoá khoa học cho vấn đề này thì chúng ta có thể làm sống lại xác của ông ấy và cho ông ấy một cuộc sống được làm mới.

Những người duy linh rất sợ hãi về những nghiên cứu này. Họ nói, “Nếu những thực nghiệm đó thành công, cái gì sẽ là vị trí của linh hồn?” Xác chết của người này có thể được đem tới sống lại chỉ với một điều kiện - rằng khoa học có khả năng bảo tồn xác của người đó trong điều kiện tốt. Đây là phần cần của thực nghiệm này, nhưng nó không phải là tất cả. Nếu linh hồn của người đó đang lang thang và còn chưa đi vào một thân thể khác, thế thì nó sẽ đi vào thân thể chết này; và tôi cảm thấy rằng linh hồn của người này sẽ vẫn còn lang thang và chờ đợi. Người này đã từ già cõi đời sau khi làm một bản di chúc rất có giá trị. Mười triệu đô la không phải là số tiền nhỏ. Người đó chắc chắn sẽ chờ đợi. Người đó sẽ chờ đợi thêm mười năm nữa, và nếu thân thể người đó có thể được làm sống, người đó sẽ vào lại nó. Điều ấy

sẽ giống như việc vào lại ngôi nhà đã được xây dựng lại sau khi đã sụp đổ.

Cái chết có thể bị vượt qua bởi avidya - khoa học - nhưng cái bất tử thì không thể được kinh nghiệm qua nó. Phần thứ hai của lời kinh này là quan trọng hơn, và là điều kiện cần. Có thể là khoa học có khả năng đánh bại cái chết, và có thể làm cho con người gần như bất tử, nhưng thế thì làm sao con người được ích lợi bởi thay đổi này? Ngay cả sau khi trở thành gần như bất tử người đó không thể có kinh nghiệm về bất tử. Ngay cả như thế chúng ta sẽ không biết tới cái là bất tử trong chúng ta. Chúng ta có thể có bảy mươi năm tri thức, hay bảy trăm năm tri thức; chúng ta thậm chí có thể sống tới bảy nghìn năm. Nhưng chúng ta không có kinh nghiệm chút nào về cái đã có đó trước cuộc sống chúng ta, cái đã tồn tại trước việc sinh của chúng ta và cũng sẽ tồn tại sau cái chết của chúng ta. Nếu chúng ta muốn biết - kinh nghiệm - cái bất tử, chỉ vidya, tri thức thực, là có ích.

Upanishad rất kính trọng avidya, khoa học. Đó là cách thức tranh đấu chống cái chết, mặc dầu nó bất lực để đạt tới cái bất tử. Xung đột với cái chết là nỗ lực tiêu cực; kinh nghiệm cái bất tử là thành tựu tích cực. Cố gắng kinh nghiệm cái bất tử là nỗ lực để biết cái đã tồn tại trước việc sinh ra của chúng ta và cũng sẽ tồn tại sau cái chết của chúng ta; cái đang trong hiện tại, cái đã có trong quá khứ và cái sẽ có trong tương lai nữa. Nó có trước khi thân thể này tồn tại, và nó sẽ vẫn còn tồn tại khi thân thể này đã tàn lụi.

Biết điều này là đạt tới cái bất tử. Cứ kéo dài cuộc sống của thân thể này đơn thuần là trong xung đột với cái chết. Nó là cuộc vật lộn để mở rộng khoảng cách giữa sinh và tử, trong khi đi sâu vào kinh nghiệm này về cái vượt ra bên ngoài sinh và tử là khám phá ra cái bất tử. Upanishad tuyên bố rằng cái bất tử sẽ được kinh

nh nghiệm thông qua vidya - tri thức thực. Giáo huấn nào về vidya có thể hướng dẫn chúng ta bây giờ hướng tới cái bất tử?

Điểm đầu tiên là ở chỗ người nghĩ mình là thân thể không có khả năng hướng tới cái bất tử. Cho nên lời kinh đầu tiên là để lột bỏ sự đồng nhất với thân thể người ta. Bao giờ cũng biết tới điều đó, nhớ tới nó hàng ngày. Nhận biết về nó thường xuyên, nghĩ đến nó thường xuyên - rằng, "Mình không là thân thể." Khi bạn hiểu sâu và thiết lập lời kinh này ngay bên trong bạn, ngăn ấy sẽ đưa bạn tới cái bất tử. Ngược lại, chừng nào tin tưởng vững chắc rằng "Mình là thân thể này" còn bắt rễ trong bạn, ngăn ấy sẽ đưa bạn tới avidya, hướng tới xung đột với cái chết. Và cuộc sống là ở mức chúng ta thường xuyên được nhắc nhở hai mươi bốn tiếng một ngày rằng "Mình là thân thể."

Nếu chân chúng ta bị thương một chút, chúng ta lập tức nhớ ngay, "Mình là thân thể." Nếu chúng ta đói, chúng ta nhớ, "Mình là thân thể." Nếu có một chút đau đầu là chúng ta nhớ, "Mình là thân thể." Nếu có cơn sốt chúng ta liền nhớ, "Mình là thân thể." Khi tuổi thanh xuân tới chúng ta nhớ, "Mình là thân thể." Khi tuổi già tới chúng ta nhớ, "Mình là thân thể." Cuộc sống thường xuyên nhắc nhở chúng ta từ mọi phía rằng, "Mình là thân thể," trong khi đó chúng ta không nhận được chỉ dẫn nào từ bất kì đâu rằng, "Mình *không phải* là thân thể." Và một điểm đáng để ý là chính với chân lí không có sẵn chỉ dẫn, trong khi với điều phi chân lí hướng dẫn có đầy rẫy hàng ngày.

Nhưng chúng ta phạm phải một sai lầm nền tảng trong diễn giải của mình về những chỉ dẫn đang hiện diện. Khi một điều được chỉ ra, chúng ta xét nó theo ánh sáng hoàn toàn khác, và hiểu lầm lớn xảy ra. Toàn thể cuộc sống do vậy trở thành việc hiểu lầm lớn. Những chỉ dẫn ngụ ý điều này, nhưng chúng ta thấy chúng theo ánh sáng khác. Khi bụng cần thức ăn, chúng ta nói, "Tôi đói." Điều này là không đúng. Chúng ta đã hiểu lầm gợi ý

này. Gợi ý chỉ là thế này - rằng tôi đã đi tới biết rằng bụng đang đói. Nhưng chúng ta nói, “Tôi đói.” Không ai chỉ ra cách thức chúng ta đi tới kết luận này. Mỗi móc nối ở giữa biến mất như thế nào - rằng tôi đã nhận ra là bụng đang đói? ‘Tôi’ không bao giờ có thể cảm thấy bụng đói cả, và vậy mà chúng ta vẫn nói, “Tôi đói.”

Khi có đau đầu, tôi đi tới biết rằng có cái đau trên đầu. Nhưng tôi nói rằng đầu tôi đau. Tôi bảo với người khác rằng tôi bị đau đầu, còn tôi tự nhủ mình rằng có cái đau bên trong tôi. Không có sai lầm gì trong những chỉ dẫn của thân thể cả, nhưng chúng ta phạm phải sai lầm khi chúng ta cố gắng giải mã chúng. Sai lầm là ở trong điều chúng ta làm với chúng.

Swami Ram bao giờ cũng nói điều đúng. Ông ấy bao giờ cũng tự diễn đạt mình một cách đúng đắn. Kết quả là ở chỗ mọi người coi ông ấy như người cung trăng. Thế giới này đầy người điên - và không khó khăn gì trong việc phán người trí huệ là người điên. Ram chưa bao giờ nói, “Tôi đói.” Đôi khi ông ấy sẽ nói, “Nghe này, người anh em, có cơn đói ở đây.” Khi nghe ông ấy, mọi người đều tự hỏi liệu ông ấy có tâm trí lành mạnh không, và rồi đủ loại khó khăn sẽ nảy sinh.

Ram tội nghiệp đã diễn đạt bản thân mình một cách đúng đắn, nhưng mọi người quen nghi ngờ về sự lành mạnh của ông ấy. Đôi khi, trở về nhà, ông ấy sẽ nói, “Hôm nay vui quá. Khi Ram bước đi trên đường mọi người bắt đầu xúc phạm ông ta.” Ông ấy không bao giờ nói, “Họ bắt đầu xúc phạm tôi.” Ông ấy không nói, “Khi tôi đi qua, người ta bắt đầu xúc phạm tôi.” Ông ấy hay nói, “Hôm nay vui quá: một số người trên đường chế giễu Ram. Ram cũng thấy cả họ nữa. Tôi nói, “Nhìn Ram kìa, họ đang chế giễu cậu đấy.”

Điều đó đã gây ra khó khăn lớn khi ông ấy tới Mỹ lần đầu tiên và bắt đầu gọi bản thân mình theo ngôi thứ ba. Ở Ấn Độ, bạn

bè ông ấy đã biết rõ ông, họ biết rằng ông ấy có hơi chút quái dị. Nhưng ở Mỹ thì khó khăn lớn nảy sinh vì mọi người không thể đoán được điều ông ấy đang nói. Nhưng ông ấy hoàn toàn đúng trong phát biểu của mình.

Bụng trở nên đói, nhưng *bạn* không bao giờ đói. Điều đó chưa bao giờ xảy ra cho tới nay. Điều đó là không thể được, bởi vì cái đói là bất lực trước linh hồn, trước cái ta. Linh hồn không có cơ chế để cảm thấy đói, nó không có phương tiện để cảm thấy cái dây vò của cái đói. Không cái gì giảm đi hay được tăng lên trong linh hồn; không cái gì rời bỏ linh hồn; không cái gì bị mất đi từ nó để sinh ra sự giãn vật của cái đói. Cái gì đó bao giờ cũng giảm đi trong thân thể bởi vì nó chết đi hàng ngày, và bởi quá trình chết này mà bạn cảm thấy cái đói.

Bạn có thể ngạc nhiên mà biết rằng cái gì đó bên trong bạn chết đi hàng ngày; cho nên cái phần chết đi đó phải được thay thế bởi thức ăn. Không có lý do khác. Một số phần nào đó bên trong bạn chết đi, cho nên bạn phải thay thế những phần chết đó bằng những phần đang sống sao cho bạn vẫn có thể còn sống. Do đó bạn mất một nửa cân trọng lượng khi bạn nhin ăn trong một ngày. Lý do là gì? Một nửa cân đó đã chết và bạn đã không thay thế nó. Bạn sẽ lại phải thay thế nó. Các nhà khoa học nói một người có thể nhin đói trong chín mươi ngày. Đến cuối cùng điều này sẽ gây ra khó khăn lớn bởi vì người đó vẫn cứ sống trong chín mươi ngày này bằng việc tiêu thụ mỡ tích lũy trong thân thể; nhưng ngày qua ngày, khi vét kiệt kho mỡ dự trữ của mình, người đó chết dần. Người đó sẽ ngày một yếu đi hơn, mất trọng lượng và cảm thấy kiệt sức, nhưng người đó vẫn tiếp tục sống.

Chúng ta thay thế những yếu tố chết của mình bằng thức ăn; cái thiếu hụt được làm đủ lên. Nhưng linh hồn không chết. Không yếu tố nào của nó bị kém đi, cho nên không có lý do cho linh hồn cảm thấy đói. Có một điều đáng quan tâm nên biết về sự

kiện này. Linh hồn không cảm thấy đói; thân thể không biết cơn đói. Thân thể cảm thấy đói nhưng linh hồn biết cơn đói. Toàn thể hiện tượng này là cái gì đó giống như câu chuyện mà bạn có thể đã nghe.

Ngày xưa một khu rừng bốc cháy. Một người mù và một người què đi ngang qua khu rừng này. Người mù không thể thấy được, nhưng người đó có thể bước; người đó có chân khỏe. Thật là nguy hiểm mà tiến bước. May mắn là lửa còn chưa lan tới nơi họ đang đứng. Người què thì không thể bước đi nhưng có thể thấy lửa đang lan tới. Hai người này phải là những người khôn ngoan, mặc dầu bình thường những người như thế không được như vậy. Làm sao bạn có thể trông đợi người mù khôn ngoan khi người đủ mắt còn không khôn ngoan? Làm sao người què có thể khôn ngoan khi người đủ chân không khôn ngoan? Nhưng hai người này quả là khôn ngoan và họ đi tới hiểu biết. Người què nói, “Nếu chúng ta muốn cứu mạng mình chỉ còn mỗi một cách. Để tôi ngồi lên vai bác. Chúng ta sẽ dùng mắt của tôi và chân của bác. Tôi sẽ hướng dẫn và bác sẽ bước theo.” Do đó họ cứu được tính mạng mình.

Hành trình cuộc sống cũng là một loại hiểu biết sâu sắc giữa thân thể và linh hồn vậy. Đó là cuộc hành trình của người mù và người què. Linh hồn có kinh nghiệm - nó kinh nghiệm - nhưng không cái gì xảy ra cả; việc xảy ra là trong thân thể, nhưng thân thể không kinh nghiệm. Tất cả mọi kinh nghiệm đều do linh hồn cảm nhận; và mọi điều xảy ra đều diễn ra trong thân thể, nhưng thân thể không kinh nghiệm chúng. Do đó tất cả những điều này là rắc rối!

Ngày đó cũng rắc rối nào đó phải đã nảy sinh, nhưng Aesop, người đã viết ra câu chuyện người mù và người què này, đã không nhắc gì đến điều đó. Điều cần đối với hai người này là vội vã, cho nên khi người mù chạy thật nhanh còn người què nhìn

thật chóng, rất có thể là người mù cảm thấy, “Tôi có thể thấy,” còn người què cảm thấy, “Tôi đang chạy.”

Điều này đích xác là điều xảy ra với chúng ta. Chính điều xảy ra này cần phải bị phá vỡ. Cả hai nên được phân biệt cho rõ ràng. Cả hai nên tách bạch ra, bằng không dây dợ của chúng ta sẽ bị bắt chéo. Mọi việc xảy ra đều diễn ra trong thân thể, và linh hồn kinh nghiệm chúng. Bạn sẽ bắt đầu hiểu thấu lời kinh về vidya khi bạn tách bạch hai phần này ra. Thế thì cuộc hành trình của bạn hướng tới điều bất tử sẽ bắt đầu.

Đủ cho hôm nay. Chúng ta sẽ lại nói vào sáng mai. Bây giờ chúng ta bắt đầu cuộc hành trình hướng tới điều bất tử.

13

Con vật, cây cỏ hay Thượng đế?

*Những người bị cuốn hút vào sự hoàn thành
của prakriti - tạo hoá biểu hiện -
thì đi vào bóng tối,
còn những người bị hấp thu vào sự hoàn thành
của prakriti giấu kín - tạo hoá không biểu hiện -
thì đi vào bóng tối còn lớn hơn*

Cái biểu hiện ra ngoài của sự tồn tại được gọi là *prakriti* - bản tính vật chất của vũ trụ - thấy được bằng mắt, chạm được bằng tay, biết được qua các giác quan; tất cả những cái mà giác quan của chúng ta trở nên thông thạo. Có thể nói rằng Thượng đế thấy được là *prakriti*; nhưng đây là kinh nghiệm của những người biết Thượng đế. Họ có thể xác nhận rằng *prakriti* là thân thể của Thượng đế. Nhưng chúng ta chỉ biết có thân thể, chúng ta không biết rằng nó là thân thể của Thượng đế. *Prakriti* là hình dạng của tâm thức vô hình, ẩn kín đó, nó là dạng thấy được của cái đó. Sự kiện này chỉ được biết tới bởi những người biết tới cả cái vô hình nữa. Bằng không chúng ta chỉ biết ngân này thôi - đó là cái thấy được tất cả là cái có đó.

Upanishad nói rằng những người bị cuốn hút vào tôn thờ *prakriti* - thiên nhiên thấy được - đi vào bóng tối. Tất cả chúng ta đều bị cuốn hút vào theo cách này. Một mình những người ít bị cuốn hút là những người đưa ra lời cầu nguyện và tôn thờ trong các đền đài. Nhưng chúng ta, những người bị cuốn hút vào trong *prakriti*, đưa ra lời cầu nguyện trong các ngôi đền của giác quan. *Upasana* - tôn thờ - cũng có nghĩa là ngồi gần. Khi bạn bị cuốn hút vào việc ném một thứ, tức là bạn đang ngồi gần với vị giác. Khi bạn đang bị cuốn hút vào trong ham muốn dục, tức là bạn đang ngồi gần cơ quan sinh dục; việc tôn thờ cơ quan sinh dục tiếp diễn vào lúc đó. Những người tự gọi mình là vô thần cũng bị cuốn hút, không phải vào việc tôn thờ Thượng đế, mà là vào việc tôn thờ thiên nhiên biểu hiện.

Rất khó giữ cho bản thân mình khỏi ‘ngồi gần’. Chúng ta phải ngồi gần cái gì đó - chúng ta không thể tránh được điều đó. Nếu chúng ta không ngồi gần Thượng đế chúng ta sẽ ngồi gần thiên nhiên biểu hiện. Nếu chúng ta không ngồi gần linh hồn chúng ta sẽ ngồi gần thân thể. Nếu chúng ta không ngồi gần tâm linh và điều siêu việt thì chúng ta sẽ ngồi gần thế gian và điều

trần tục. Chắc chắn chúng ta sẽ ngồi ở đâu đó. Hành động ngồi gần sẽ tiếp diễn trong mọi hoàn cảnh chỉ với một ngoại lệ. Tôi sẽ nói về điều này về sau.

Lời kinh này của Upanishad nói rằng người đi vào bóng tối là những người bị cuốn hút vào tôn thờ thiên nhiên biểu hiện. Họ đi vào bóng tối bởi vì họ có thể không thiết lập mối liên hệ nào với ánh sáng. Tôn thờ và ngưỡng mộ thiên nhiên biểu hiện chủ yếu là do bóng tối, do dốt nát. Nói thực, bóng tối là cơ sở trên đó việc bị cuốn hút vào thiên nhiên biểu hiện lệ thuộc vào. Nếu bạn muốn đáp ứng cho bất kì ham muốn hay đam mê nào, sẽ rất dễ dàng chỉ chính xác mức độ mà tâm trí bạn được rót đầy với bóng tối và dốt nát. Sẽ khó ngồi gần ham muốn nếu có ánh sáng - tri thức thực - trong tâm trí. Việc chạy đuổi, tìm theo ham muốn, sẽ đích xác nhệch nhằng khi tâm trí được chất đầy với không nhạy cảm. Ham muốn liên quan tới mọi giác quan dẫn chúng ta vào giấc ngủ sâu. Nếu bạn tỉnh thức bạn sẽ vượt qua các giác quan; và nếu bạn ngủ và không nhạy cảm bạn sẽ thấy bản thân mình ngồi gần các giác quan.

Vô ý thức càng lớn bạn sẽ càng ngồi gần hơn với giác quan. Do đó người tôn thờ thiên nhiên biểu hiện sẽ cần trong vô ý thức. Những người sử dụng kính giác quan sẽ phải khám phá ra nhiều cách thức và phương tiện để vẫn còn trong vô ý thức. Do đó họ bao giờ cũng phải, dần dần, tìm ra những chất say mới. Không có gì đang ngạc nhiên là họ phải la cà các quán rượu mạnh hay nhẹ. Thực tại, người sử dụng kính các giác quan không thể xa rời khỏi chất say trong thời gian lâu được. Và bất kì khi nào số những người tôn thờ như thế tăng lên, càng nhiều cách thức và phương tiện mới sẽ được khám phá để duy trì vô ý thức. Để được cuốn hút trong tận hưởng của giác quan, để ngồi gần hơn với giác quan, điều tốt là giữ cho tâm trí vô ý thức và thiếu suy xét sáng suốt. Cần phải giữ cho tâm trí trong trạng thái mê, trong không nhạy cảm, nếu bạn muốn trở nên giận dữ hay tham lam

hay tràn đầy ham muốn dục. Chỉ trong trạng thái vô ý thức như vậy của tâm trí bạn có thể ngồi gần và tôn thờ, thiên nhiên biểu hiện.

Cho nên bạn thấy lời kinh này của Upanishad là rất có ý nghĩa. Nó nói, những người đi vào bóng tối là những người bị cuốn hút trong sự tôn thờ cái biểu hiện, cái thấy được. Nó cũng nói điều gì đó khác nữa - rằng những người đi vào bóng tối lớn hơn là những người bị cuốn hút vào tôn thờ bản ngã. Việc tôn thờ giác quan là tự nhiên. Nó là một loại tôn thờ được ngay cả loài vật thực hành, nhưng không con vật nào bị cuốn hút vào tôn thờ *karma upasana* - tức là, trong việc thoả mãn cho bản ngã. Cần hiểu điều này thêm một chút. Việc tôn thờ karma upasana là duy nhất cho con người.

Giả sử một người đang tìm kiếm danh vọng. Không có khả năng trực tiếp nào để thoả mãn cho bất kì giác quan đặc biệt nào bởi việc thu được một địa vị chuyên nghiệp nào đó. Bởi việc thu được một địa vị nào đó người ta có thể làm dễ dàng cho bản thân mình để thoả mãn gián tiếp những giác quan nào đó, nhưng không có khả năng trực tiếp nào cho việc thoả mãn. Các giác quan này không có mối liên hệ trực tiếp nào với địa vị. Mỗi quan tâm hay ham muốn tìm kiếm địa vị không thuộc vào các giác quan, nó đi đôi với bản ngã - với “Tôi là ai đó.” Đúng là việc là một ai đó sẽ đem những tiện nghi lớn để thoả mãn các giác quan hơn một người là không ai cả, nhưng “Tôi là ai đó” có sự cuốn hút và thích thú riêng của nó. Chính mỗi quan tâm này - việc thoả mãn cho bản ngã người ta - được ngụ ý bởi karma upasana.

Upanishad nói một người như vậy đi vào trong bóng tối lớn hơn. Người đó đi vào trong bóng tối lớn hơn bóng tối của loài vật bởi vì mỗi quan tâm mà loài vật có là tự nhiên và vật lí. Một người quan tâm vào ăn uống: đây là tựa loài vật. Theo một nghĩa nào đó, người đó là một con vật. Nhưng giả sử một người quan

tâm tới chính trị và cứ đi tìm kiếm hết địa vị nọ đến địa vị kia; một người như thế là tồi hơn con vật. Mỗi quan tâm của người đó không tự nhiên chút nào, nó bị hư hỏng. Mỗi quan tâm được dẫn từ việc nắm giữ một vị trí đặc biệt không thoả mãn cho bất kì giác quan nào, bất kì cơ quan tự nhiên nào. Nó là phát triển rất phi tự nhiên. Cái nút, khối u, của bản ngã bên trong cứ tăng dần và cho người đó sự thích thú của cảm giác, “Mình là ai đó và người khác là không là ai cả.” Đây là mối quan tâm về việc chi phối, thích thú về quyền lực trên người khác. Đây là mối quan tâm về việc chà nát người khác dưới chân mình. Đây là thích thú của việc chèn hống người khác.

Do đó nghĩa của việc tôn thờ *karma prakriti* nằm ở nhiều cách thức và phương tiện khác nhau được bày đặt ra để thoả mãn bản ngã. Chúng có thể được hướng trực tiếp tới danh vọng, tới địa vị, tới của cải. Đúng, người ta thu được nhiều tiện nghi hơn để thoả mãn những ham muốn trần tục của mình nếu người đó có tiền. Nếu người đó không có tiền, người đó phải đương đầu với nhiều khó khăn; nhưng có một số người tôn thờ tiền bạc chỉ vì tiền bạc. Họ không tôn thờ nó bởi vì với tiền bạc họ có thể mua được gái đẹp hay đồ ăn ngon. Họ tôn thờ nó chỉ với một ý tưởng rằng họ sẽ là ai đó nếu họ có tiền. Vấn đề về việc có khả năng mua cái gì đó không làm họ băn khoăn. Đây không phải là vấn đề đối với họ.

Trong khi theo đuổi việc tích lũy của cải điều thường xảy ra là người ta mất năng lực tận hưởng những vui thú của giác quan. Thế thì tất cả những điều còn lại để người đó làm chỉ là cất vào kho cái giàu có của mình - để thấy và kiểm tra số dư ngân hàng của mình, chung cuộc điều này trở thành mối quan tâm duy nhất của người đó. Người như vậy vẫn còn bị cuốn hút và trong hoạt động này từ sáng tới tối. Người đó không ngủ yên trong đêm cũng không tỉnh thức trong ngày. Người đó đuổi theo tiền và chất nó thành đống. Người khác đuổi theo danh vọng và cứ theo đuổi

nó ngày càng nhiều. Người khác đuổi theo cái gọi là tri thức, tự để mình thu thập thật nhiều thông tin nhất có thể được. Mọi mạng lưới to lớn các hoạt động của chúng ta bắt đầu từ ham muốn của chúng ta để thoả mãn cho bản ngã của mình - cảm giác của chúng là ai đó.

Nhận biết về ít rối loạn hay hỗn loạn biết bao có trong cuộc sống của loài vật so với thế giới con người, bởi vì các con vật đều là kẻ tôn thờ nồng nhiệt về thiên nhiên biểu hiện. Chúng là những kẻ sùng kính chắc chắn và không thể bị lôi kéo sang bất kì dạng tôn thờ nào khác. Chúng muốn thức ăn, chúng muốn bảo vệ, chúng muốn thoả mãn ham muốn dục của chúng, chúng muốn ngủ, và thế rồi cuộc hành trình cuộc đời của chúng qua đi. Con vật không muốn gì nhiều hơn những điều này. Theo một nghĩa nào đó thì nhu cầu của chúng là ít và có giới hạn. Theo một nghĩa nào đó chúng là rất có chừng mực - ham muốn của chúng là rất ít. Chúng không bao giờ lo nghĩ về bất kì cái gì khác khi nhu cầu của các giác quan của chúng được thoả mãn.

Con vật không có ham muốn làm tổng thống. Nó cứ nghỉ ngơi sau khi ăn thức ăn, và ngay cả nhu cầu hoan lạc dục của nó cũng rất hạn chế và bị kiểm soát. Ngoại trừ trong thế giới loài người, nhu cầu về tận hưởng dục trong toàn thể thế giới loài vật là theo chu kì. Có thời kì khi con vật đòi hỏi tận hưởng dục, và sau khoảng chu kì đó nó mất mọi thôi thúc thoả mãn dục. Con người là con vật duy nhất trên trái đất mà nỗ lực dục bao giờ cũng tích cực, hai mươi bốn giờ một ngày và ba trăm sáu mươi năm ngày một năm. Không có giới hạn nào cho thôi thúc tận hưởng dục của con người; con người vẫn còn hăng hái mọi lúc. Thêm khát hoan lạc dục tràn đầy cả đời con người. Không có con vật nào khác hăng hái đến thế về dục. Nếu nó kiếm được thức ăn, vấn đề chấm dứt ở đó - không có nhu cầu thêm nữa. Con vật không có ham muốn lớn ngay cả để thu thập thức ăn cho ngày mai, hay cho ngày kia, hay cho một hay hai năm tới. Nếu con vật

lo lắng kiếm ăn, nhiều nhất đấy cũng chỉ là cho một năm - mà loại con vật như thế hiếm thôi. Con người là loài vật duy nhất không chỉ lao động để tích trữ trong cả đời, mà còn lao động để tích trữ cho sự tồn tại sau cái chết, nếu như có một sự tồn tại như thế.

Ở Ai cập cổ đại, khi một người chết đi, người Ai cập hay để tất cả những thứ cần thiết trong cuộc sống vào trong năm mộ cùng với cái xác ướp. Các thứ đều được để theo tỉ lệ với mức độ vĩ đại của người chết. Nếu một hoàng đế chết, mọi hoàng hậu của ông ấy đều phải bị chôn theo cùng với ông ấy vì ông ấy có thể cần đến họ sau khi chết. Tất cả của cải, lương thực và rất nhiều vật dụng khác của ông ấy cũng được giữ ở đấy. Những người vợ còn sống bị chôn sống cùng người chồng chết bởi vì họ có thể có ích sau cái chết! Không con vật nào lo lắng về bản thân nó sau cái chết. Nó thậm chí không lo lắng gì về cái chết của nó. Trông đợi thời gian của nó rất hạn chế. Con người làm các thu xếp theo rất nhiều hình dạng và cách thức khác nhau cho thế giới tiếp theo, thế giới bên kia. Người đó xây dựng đền đài và làm việc từ thiện để cho người đó có thể tìm được hạnh phúc ở thế giới bên kia. Người đó muốn được ghi lại ở thế giới bên kia rằng “Tôi đã cho đi biết bao thứ để làm từ thiện, ở đây tôi trông đợi được phần thưởng.”

Tôn thờ một mình các giác quan là kém tinh tế và phức tạp; mạng lưới ham muốn và tôn thờ karma prakriti là kém tinh vi ở những người nguyên thủy, cho nên không có nhiều căng thẳng trong cuộc sống của họ. Tới một mức độ nào đó, trong các xã hội nguyên thủy chỉ có các nhu cầu của giác quan, như có trong các con vật. Tôn thờ karma prakriti không tồn tại. Khi con người cứ ngày càng trở nên văn minh hơn, thoả mãn cho bản ngã thay vì cho các giác quan trở nên có giá trị cao. Chúng ta coi trọng rất nhiều về người biết hi sinh các nhu cầu giác quan của người đó để thoả mãn bản ngã của người đó. Chúng ta gọi người đó là

người vĩ đại và quên mình, người vứt bỏ lo nghĩ về thức ăn, vợ con giống nòi, chỉ vì địa vị. Người đó đang theo đuổi địa vị, người đó đang theo đuổi danh vọng, và chúng ta nói, “Trông người này! - người đó dùng dung biết bao với thức ăn, quần áo, với việc gia đình!” Nhưng khi bạn nhìn vào đằng sau các hoạt động của người đó, bạn sẽ thấy rằng người đó đang hi sinh các nhu cầu của các giác quan để thoả mãn cho bản ngã của mình.

Upanishad nói một cá nhân như thế đi vào bóng tối lớn. Người bị cuốn hút chỉ theo các giác quan ở tình huống tốt hơn cá nhân đó. Mạng nhện, mạng lưới của người đó không thật sâu và tinh tế cho lắm bởi vì nhu cầu của các giác quan không có nhiều. Đòi hỏi của bản ngã là vô tận. Cái đẹp về nhu cầu của giác quan là ở chỗ tất cả chúng đều có ít, rất ít các nhu cầu, chúng bị giới hạn. Chúng là lặp lại, nhưng chúng không phải là vô giới hạn.

Nhớ khác biệt này trong trí và hiểu nó. Những nhu cầu đó là lặp lại nhưng không vô giới hạn. Không nhu cầu của bất kì giác quan nào là vô giới hạn. Chưa bao giờ xảy ra chuyện bạn cứ ăn mãi mà cái đói của bạn vẫn không được thoả mãn. Khi bạn đã thoả mãn ham muốn dục của mình hôm nay, nó sẽ xuất hiện lại vào ngày mai - nhưng cũng khi ham muốn hoan lạc dục của bạn được thoả mãn hôm nay, bỗng nhiên bạn hoàn toàn được tự do khỏi ham muốn đó. Ham muốn dục cũng không phải là vô giới hạn. Nó chắc chắn là lặp lại, nhưng nó cũng bị giới hạn.

Bản ngã là vô giới hạn. Nó không yêu cầu lặp lại; nó yêu cầu ngày càng nhiều hơn nữa. Dù bạn có thể trút đầy nó nhiều đến đâu và thoả mãn nó, nó không bao giờ được đầy, nó không bao giờ được thoả mãn. Bản ngã là tham lam vô độ, nó không thể được thoả mãn. Nếu nó thu được vị trí này, nó lập tức bắt đầu một chiến dịch để có vị trí khác tốt hơn. Ngay khi nó chiếm được một địa vị này nó liền chuẩn bị cho địa vị cao hơn. Nếu bạn bảo một người, “Anh đã là thứ trưởng,” thế thì người đó lập tức -

ngay đêm đó - bắt đầu mơ trở thành bộ trưởng. Người đó nói, “Thế là được, một ham muốn đã được hoàn thành.” Thế rồi bản ngã của người đó lập tức bắt đầu cho cuộc hành trình tiếp của nó.

Bản ngã là không lặp lại. Ham muốn, đam mê là lặp lại, nhưng bởi vì các nhu cầu của chúng có giới hạn, chúng trở nên tĩnh lặng khi chúng được thoả mãn. Khi chúng thức tỉnh lần nữa, chúng lặp lại các nhu cầu. Đây là lí do tại sao các con vật không có khuynh hướng lo lắng và do vậy không bao giờ trở nên thần kinh. Chúng không tự tử. Chúng chưa bao giờ cần được khám bệnh tinh thần, chúng không cần bất kì nhà phân tâm nào. Chúng không cần đến Freud, không cần Jung, không cần Adler; đây là những người vô nghĩa đối với con vật. Nếu bạn chú ý đến cách thức con vật như thế nào thì bạn sẽ thấy chúng rất tĩnh lặng. Ngay cả những con vật dữ tợn nhất là tĩnh lặng. Nếu bạn đã thấy một con hổ sau bữa ăn của nó, bạn sẽ thấy nó rất tĩnh lặng, không một chút khó chịu nào. Nó là kẻ giết hại, con vật ăn thịt hoàn toàn, nhưng bản tính giết hại của nó có đó chỉ chừng nào nó chưa kiếm được thức ăn. Ngay khi ăn xong nó trở thành tuyệt đối bất bạo hành - nó trở thành người Gandhi trung thành. Thế thì nó vẫn còn đứng vững với thức ăn bày ra trước nó. Khi con sư tử nghỉ ngơi sau bữa ăn, các con vật nhỏ hơn mà rất có thể trở thành bữa ăn cho nó, tụ tập quanh nó và ăn những thức ăn còn lại của nó. Nhưng thế thì nó không sẵn sàng giết chúng. Khi nó trở nên đói vào ngày hôm sau nó sẽ sẵn sàng săn mồi và giết hại, nhưng trước khi tới lúc đó việc giết hại đã chấm dứt. Cái đói của bản ngã con người không bao giờ chấm dứt cả; ngược lại, nó cứ tăng lên khi bạn thoả mãn nó.

Hiểu phân biệt này giữa các giác quan và bản ngã. Thoả mãn các giác quan và chúng mau chóng đầy. Chúng sẽ thành trống rỗng lần nữa và thế rồi có thể được làm đầy lần nữa. Nhưng bản ngã không bao giờ đầy, nó không bao giờ được thoả mãn. Khi bạn cứ rót đầy nó, nó cứ tăng lên thêm. Khi bạn ném mỡ vào lửa

để dập tắt nó, lửa càng cháy to hơn thay vì bị dập tắt đi; tương tự như thế tất cả mọi thứ được ném vào để thoả mãn bản ngã đều giúp làm tăng thêm nó. Nó bỗng nhiên thổi bùng lên ngọn lửa và ngọn lửa cứ lên cao mãi. Cho nên bất kì cái gì được cúng tiến cho bản ngã chỉ giúp cho nó phát triển thêm. Do đó, từ khoảnh khắc người ta bị mắc vào trong sự kìm kẹp của bản ngã, người đó bị vướng víu còn hơn cả con vật có thể bị trong khó chịu, lo âu, căng thẳng và phiền nhiễu.

Một phong trào lớn để quay trở lại với tự nhiên đang diễn ra ngày nay ở phương Tây. Các nam và nữ thanh niên mà chúng ta gọi là hippy hay lập dị hay bọn bỏ học, hiện nay đang tiến hành phong trào rộng lớn này. Nó đang hướng về việc quay trở về với các giác quan. Họ nói, “Chúng tôi không cần giáo dục của các vị, bằng cấp của các vị, địa vị, của cái, ô tô, nhà lầu. Chúng tôi chỉ cần thức ăn, tình yêu và dục, thế là đủ. Chúng tôi không muốn tất cả những thứ này của các vị.” Và tôi tin đây là một sự kiện rất lớn xảy ra. Một phong trào như thế với qui mô rộng lớn như thế chưa từng bao giờ xảy ra trong lịch sử loài người, khi người ta đã nói, “Chúng tôi sẵn lòng vứt bỏ karma prakriti để quay trở lại với cái tự nhiên được sinh ra từ các giác quan, thiên nhiên biểu hiện của các giác quan, ham muốn và đam mê. Thế là đủ cho chúng tôi, chúng tôi không ao ước điều nhiều hơn thế.”

Điều này chứng tỏ rằng mạng lưới các hoạt động do bản ngã kích động đã trở thành nguy hiểm đến mức con người muốn thoát ra khỏi nó và sẵn lòng giống như con vật. Ngay cả thế, con người cũng không thể thoát khỏi bản ngã bởi việc trở thành giống như con vật. Người đó có thể thoát khỏi bản ngã chỉ bởi việc trở thành điều thiêng liêng. Bằng cách cuốn hút mình trong việc theo đuổi những hưởng thú của giác quan, người đó sẽ thu được giảm nhẹ nào đó, nhưng mạng lưới các hoạt động đó sẽ lại xuất hiện ra lần nữa. Con người đã sống trong các giác quan của mình hai nghìn năm trước đây, nhưng bản ngã đã nảy sinh từ những hoàn

cảnh đó. Nếu chúng ta quay ngày nay, bản ngã chắc chắn sẽ trở ngày mai.

Lời kinh này nói những người bị cuốn hút vào trong sự tôn thờ thiên nhiên biểu hiện vẫn vơ trong bóng tối, còn những người đi lang thang trong bóng tối lớn hơn là những người bị cuốn hút vào việc thoả mãn bản ngã của họ. Thế thì ai có thể vượt ra ngoài bóng tối? Họ là ai?

Hai kiểu tôn thờ được tiến hành. Có những người tôn thờ giác quan, và người tôn thờ bản ngã, và nói chung người tôn thờ bản ngã chống lại việc tôn thờ các giác quan. Giả sử một người đang trong từ bỏ. Bây giờ nếu chúng ta có thể thám hiểm hoàn cảnh tâm trí người đó một cách kỹ lưỡng, nếu chúng ta có thể thực hiện một chiến dịch thám hiểm tâm trí người đó, chúng ta sẽ thấy rằng bí mật của từ bỏ của người đó là ở chỗ nó thoả mãn cho bản ngã người đó. Người đó đã tiến hành nhịn ăn ba mươi ngày, cho nên người đó được kính trọng với sự tôn vinh lớn của những người trong thành phố; một cuộc đón tiếp lớn lao được bố trí cho người đó. Người đó đã có khả năng kéo dài được việc nhịn ăn trong ba mươi ngày.

Chúng ta tuyên bố điều đó là một hành động quên mình lớn lao; việc vẫn cứ đói trong ba mươi ngày đâu có là việc nhỏ! Không, đây không phải là việc nhỏ đâu. Nhưng chắc chắn nó sẽ là việc nhỏ nếu bản ngã đã được thoả mãn. Nếu bản ngã của người đó nhận được sự thoả mãn từ việc đó con người sẽ vẫn còn đói không chỉ ba mươi ngày mà ba mươi năm! Bản ngã sẽ thuyết phục bất kì giác quan nào đi vào quên mình. Chúng ta từ lâu đã biết bí mật này - thủ đoạn này - cho nên nếu chúng ta muốn việc từ bỏ từ ai đó, chúng ta bắt đầu đánh vào bản ngã người đó.

Loài người rất quen thuộc với phương sách này. Đó là lí do tại sao chúng ta đã kính trọng những người quên mình. Không ai sẵn sàng quên mình nếu người đó không được kính trọng. Người

quên mình thực sự không trông đợi vào bất kì kính trọng và tôn kính nào về từ bỏ của mình. Nếu bạn rút bỏ việc kính trọng của mình, nếu bạn dừng việc kính trọng, bạn sẽ thấy: chín mươi chín trong số một trăm người quên mình sẽ rút khỏi việc quên mình. Nếu bạn muốn biết chân lí về thực hành này, chỉ cần rút bỏ sự kính trọng của bạn khỏi những người như vậy.

Xem điều xảy ra. Một người chỉ ăn một bữa mỗi ngày, cho nên mọi người tới chạm chân người đó và cúi lạy người đó. Họ đã đem nhiều thức ăn cho bản ngã người đó, và điều đó là đủ cho người đó. Người đó có thể dễ dàng bỏ bữa ăn thứ hai. Người đó sẽ chịu khổ trong thân thể nhưng sẽ béo ra trong bản ngã. Vậy mọi người có thể bị thuyết phục làm bất kì cái gì vì mục đích tôn thờ bản ngã, và gần như mọi thứ đều đã được thử để thuyết phục mọi người từ bỏ để thoả mãn bản ngã của họ. Trong lịch sử lâu dài của nhân loại chúng ta thấy hàng nghìn phương sách thuyết phục con người làm bất kì cái gì vì mục đích thoả mãn cho bản ngã của họ.

Trong thời Trung cổ ở Châu Âu đã có một phong trào lớn của những người sùng đạo, người tự quất roi vào mình. Những người này được kính trọng tỉ lệ theo số lần họ tự quất mình, bởi vì họ đoạ đầy thân thể mình nhiều đến thế. Một số trong họ là những người phi thường. Công đức duy nhất của họ là ở chỗ họ đã làm chảy máu và xé rách da thịt mình bằng việc quất roi vào mình. Danh tiếng của họ lan rộng từ thành phố này sang thành phố khác. Mọi người tuyên bố, “Người này tự trừng phạt mình bằng việc đánh năm mươi roi vào thân thể mình; người kia đánh một trăm roi,” và cứ thế. Điều này là công bố duy nhất của họ để có danh tiếng; họ không có công đức nào khác, nhưng với một mình điều này họ có đủ tư cách để được kính trọng lớn. Một số người trở thành các chuyên gia lớn trong việc tự hành hạ mình.

Bây giờ, bạn sẽ ngạc nhiên và nói, “Đây là điên khùng gì thế này? Cái gì là lí do để kính trọng một người không có công đức nào khác hơn việc tự đánh mình?” Nhưng nếu bạn nghĩ thêm một chút về những người sùng đạo riêng của mình, bạn sẽ biết lí do. Một số vị thánh đi bộ hết chỗ này đến chỗ nọ - ông ấy không bao giờ dùng xe cộ nào - và đây là phân biệt của ông ấy, dấu hiệu của ông ấy về sự kính trọng. Vị thánh khác lấy lời nguyện chỉ ăn một bữa mỗi ngày; người khác lấy lời nguyện không bao giờ chạm tới đàn bà, người khác vẫn còn ở trần.

Liệu những phẩm chất phân biệt này có đáng công đức không? Chẳng có gì đặc biệt về chúng. Thế thì bí mật là gì? Bạn có thể đi bộ bằng chân nhiều tùy thích: xét cho cùng, con vật nào mà chả đi bằng chân! Không, nhưng người kính trọng một thánh nhân bởi việc đi bộ chính là những người không còn có thể làm được cái gì đó tự nhiên thế. Người chủ ô tô phải cúi đầu trước người đi bộ này. Ông ta cảm thấy bản thân mình tầm thường khi phải đương đầu với con người này, người đi bộ tới mọi nơi, người này phá huỷ quyền làm chủ xe của anh ta, phá huỷ bản ngã lái xe hoàn toàn. Bạn có thể lái xe, nhưng bạn phải chạm vào chân người này, người bao giờ cũng đi bộ!

Ông thánh đi bộ này có thể không có khả năng mua được xe, có được xe là hoàn toàn khó khăn với ông ta; nhưng ông ta có thể bước đi. Có hai cách mở ra cho ông ta ra để đánh vào bản ngã của bạn. Ông ta hoặc có thể mua một chiếc xe đắt tiền hơn xe của bạn, điều này ở ngoài vấn đề cho ông ta, hoặc ông ta có thể đi bộ, điều dễ dàng làm sao. Cho nên ông ta đánh vào bản ngã của bạn bằng việc bước đi bộ. Theo cách này ông ấy nêu cao bản ngã của ông ấy. Nhưng công đức gì có đó trong việc bước đi? Biến đổi nào đã xảy ra trong người này, người ưa thích bước đi? Dù sao đi chăng nữa, chúng ta ca tụng ông ta. Chúng ta kính trọng ông ta bởi vì chúng ta cảm thấy ông ta đang làm điều gì đó chúng ta thấy quá khó không làm nổi. Cho nên chúng ta nghĩ ông ấy đang

thực hiện một hành động quên mình, vĩ đại và chúng ta tôn kính ông ta.

Theo đuổi việc tôn kính, người ta được chuẩn bị để đi khắp thế giới bằng chân. Tại sao đi bằng chân? Mọi người có thể đi khắp thế giới bằng việc lăn tròn mình trên đất để được kính trọng và tôn kính. Có những người làm điều ấy đấy! Họ cứ lăn tròn trên đất trên con đường hành hương tới Kashi, và hàng trăm người đích xác đi bộ theo họ bởi vì họ đã trở nên nổi tiếng thế qua việc lăn tròn trên đất. Không cần phải hỏi liệu có giá trị nào khác bên cạnh điều này không. Nói chung, những người quên mình cứ bổ sung thêm vào bản ngã của họ bởi việc hi sinh sự thoải mái thể chất của các giác quan của họ.

Tôi gọi người quên mình là người giải thoát bản thân mình khỏi gấn bó với các giác quan của người đó và không còn quan tâm tới việc thoả mãn bản ngã của người đó. Đó là từ bỏ thật; bằng không không có ý nghĩa gì trong tất cả những hành động phô diễn đó. Upanishad đang nói về những người từ bỏ cả hai điều này. Người như vậy không bị cuốn hút vào trong việc tôn thờ thiên nhiên biểu hiện không bị cuốn hút vào bản ngã. Upanishad đang nói về người không quan tâm tới cả hai.

Nhớ trong tâm trí, việc tôn thờ giác quan là hoàn toàn hiển nhiên, nhưng việc tôn thờ bản ngã là rất tinh vi cho nên thường khó phát hiện ra việc tôn thờ bản ngã. Khi một người quan tâm rất nhiều đến thức ăn, điều đó là hiển nhiên. Nhưng cái gì là mối quan tâm của người mặc quần áo đẹp đi lượn vòng quanh thành phố? Không phải ham muốn của người đó là mọi người trong thành phố sẽ thấy bộ quần áo đẹp của người đó, sẽ biết rằng người đó có bộ quần áo như thế, và sẽ coi người đó là một ai đó sao? Cái gì là ham muốn của người đàn bà cứ đi chơi mặc cái áo choàng đáng giá vài nghìn đô la? Không cần phải dùng cái áo choàng đắt như thế. Số tiền hai nghìn đô la không mang bất kì

mối quan hệ gì với cái áo choàng. Cái áo choàng đáng giá bốn mươi hay năm mươi đô la chắc sẽ cũng được rồi. Nhưng việc mặc cái áo choàng đáng giá hai nghìn đô la có thể có nghĩa gì?

Hiển nhiên là không có ý nghĩa gì trong nó khác hơn việc tạo ra ngọn lửa ghen tị trong con mắt những người đàn bà khác. Sự bất lực và sự kém cỏi của người đàn bà khác trở nên rõ ràng trước chiếc áo đó. Đó là mối quan tâm thực sự, và nó có thể được phát hiện ra mà không khó khăn gì mấy. Chúng ta lập tức hiểu ra đó là cái gì khi một người mặc chiếc áo choàng đáng giá hai nghìn đô la. Nhưng cái gì là ý định của người đứng trần trong bãi chợ? Không phải mối quan tâm của người đó cũng là ở chỗ mọi người phải thấy rằng người đó là một ai đó đáng để ý sao? Thế thì không có khác biệt gì giữa cái áo choàng lông chồn và việc ở trần. Hay, chúng ta có thể nói, để mua chiếc áo choàng lông chồn người ta sẽ phải làm việc vất vả trong một thời gian dài để kiếm hai nghìn đô la, trong khi đứng trần sẽ đem đến cùng sự hài lòng tự thỏa mãn do chiếc áo lông chồn đem lại, và còn dễ dàng hơn nhiều - không cần kiếm ra vài nghìn đô la.

Việc tôn thờ giác quan là đơn giản, không tinh vi, cho nên nó là thấy được và hiển nhiên, trong khi tôn thờ bản ngã cứ trở nên ngày một tinh vi hơn. Nhưng chắc chắn về bản thân bạn đi. Đừng lo nghĩ về điều người khác làm, hay tại sao người đó làm như vậy. Nếu một người đang đứng trần bạn sẽ không có khả năng biết được tại sao người đó làm như thế. Toàn bộ vấn đề là tinh vi đến mức nó phải nên được coi là ổn thỏa nếu bản thân người làm hiểu hành động của mình. Có khả năng việc ở trần của người đó có thể là hồn nhiên thực.

Nếu Mahavira đứng trần, chắc chắn ông ấy không dùng việc ở trần của mình như cách người đàn bà dùng chiếc áo choàng lông chồn, bởi vì ông ấy có nhiều áo như vậy lắm. Mahavira có những chiếc áo choàng rất giá trị. Ông ấy có phương tiện vật chất

để là ai đó. Cho nên gần như không có khả năng một người như Mahavira làm vừa lòng bản ngã mình bằng việc đứng trần. Nhưng chúng ta không thể phán xét ngay cả hành động này của Mahavira bởi dáng vẻ bên ngoài; tốt nhất là để cho Mahavira quyết định. Nếu hàng xóm của bạn đứng trần, bạn không thể biết tại sao người đó đứng trần. Nên để cho người đó tìm ra. Để cho người đó tìm kiếm nguyên nhân, bởi vì đây là hiện tượng rất tinh tế và sâu sắc.

Chúng ta phải đi ra ngoài nếu chúng ta muốn thỏa mãn những đòi hỏi của các giác quan. Không cần phải đi ra ngoài nếu chúng ta muốn thỏa mãn bản ngã của mình. Nó cũng có thể được thỏa mãn từ bên trong nữa.

Tôi đã từng nghe rằng một nhà tu khổ hạnh đang sống một mình trong một khu rừng ở rất xa xôi. Ông ấy không điếm đạo cho ai cả. Một sư lữ hành đi qua chỗ cư ngụ của ông ấy, nhìn thấy ông ấy và nói, “Ông là một người rất khiêm tốn và giản dị. Ông không làm ai thành đệ tử của ông mặc dù ông là người trí huệ và vĩ đại thế. Ông là thầy cho không ai cả. Tôi đang trên đường đi tới một vị thánh khác có hàng nghìn đệ tử.”

Người linh thiêng này mỉm cười và nói, “Làm sao ông có thể so sánh ông ấy với tôi được? Tôi là một người hoàn toàn ẩn dật. Tôi không có gắn bó thuộc bất kì loại nào. Tôi không có ham muốn ngay cả để làm ai đó thành đệ tử của tôi. Tôi không muốn nuôi dưỡng bất kì loại bản ngã nào, cho nên tôi không nuôi dưỡng bản ngã của việc trở thành thầy. Tôi là tuyệt đối vô ngã.”

Lữ khách nói với ông ấy, “Tôi đã từng thấy một sư khác vô ngã như ông vậy.” Khi nghe thấy điều này, khuôn mặt sư này liền thay đổi và nụ cười của ông ta lập tức tan biến. Ông ta đã thấy một kẻ cạnh tranh ngay trước mình và bản ngã ông ta bắt đầu làm cho ông ta khó chịu. Ban đầu ông ta còn hài lòng bởi vì bản ngã ông ta còn chưa bị thách thức bởi nhà sư đầu mà người lữ hành

đã kể. Ngược lại, bản ngã của ông ta phồng lên với sự thoả mãn. Nhưng lời phát biểu, “Tôi đã từng thấy một sư khác vô ngã như ông vậy,” làm cho ông ta không thoả mái; ông ta khó chịu. Tâm trí trở nên rất không vui khi nghe thấy, “Ai đó khác như ông cũng tồn tại.” Người tu khổ hạnh đó đã nuôi dưỡng bản ngã mình ngay cả ở nơi cô đơn đến thế, nuôi dưỡng nó bằng cảm giác rằng, “Ta sống một cuộc sống ẩn dật và không chấp nhận bất kì ai làm đệ tử của ta.”

Người này nuôi dưỡng bản ngã của mình với cảm giác, “Ta có nhiều đệ tử,” trong khi người khác nuôi dưỡng nó qua tự hào không có đệ tử nào. Người này nói, “Không ai vĩ đại hơn ta,” và người kia nói, “Ta là người khiên tốn, nghèo hèn, chỉ như hạt bụi dưới chân ông.” Điều ông ấy ngụ ý là, “Không có hạt bụi nào lớn hơn ta đâu! Đừng có nói về bụi lớn hơn ta - ta là cái cuối cùng và là cái tốt nhất!” Không có khác biệt gì trong cách bạn chọn để nuôi dưỡng bản ngã. Nhưng để hiểu những cách làm việc này của tâm trí, bạn sẽ phải đi sâu vào bên trong bản thân bạn.

Vậy, hiền nhân này tuyên bố, một mình ông ấy đi vào ánh sáng, cái giải thoát bản thân ông ấy khỏi cả hai loại tôn thờ - giác quan và bản ngã. Ông ấy phải giải thoát bản thân mình khỏi tôn thờ thiên nhiên biểu hiện cũng như tôn thờ bản ngã tinh tế.

Upanishad nói về một vấn đề rất sâu sắc khi họ nói rằng việc tôn thờ giác quan không dẫn bạn đi vào bóng tối sâu sắc, bởi vì sự kiện tối hậu là ở chỗ các giác quan được trao cho bạn. Chúng là tự nhiên, bạn không tạo ra chúng. Nhưng bản ngã là bịa đặt của bạn, bản ngã là thứ được chế tạo ra. Bạn mang các giác quan theo mình khi bạn được sinh ra.

Rồi một ngày bạn có thể mất quan tâm tới hương và vị, nhưng bạn sẽ không bao giờ thoát khỏi cái đói; điều đó sẽ còn mãi với bạn cho tới lúc bạn chết. Đói là sự cần thiết. Bạn đến thế giới này với các giác quan và dù bản thân bạn có tự do khỏi các

giác quan đến đâu, bạn vẫn không thể tự do khỏi nhu cầu của các giác quan. Bạn có thể được giải thoát khỏi ham muốn của chúng nhưng bạn không thể tự do khỏi nhu cầu của chúng. Bạn có thể trở nên tự do khỏi cái điên khùng của các giác quan nhưng không tự do khỏi nhu cầu của chúng. Cả Mahavira lẫn Phật lẫn bất kì ai khác không thể tự do khỏi chúng. Bạn phải ăn thức ăn, đây là một phần không tránh khỏi của cuộc sống.

Tất nhiên, chừng này là có thể cho người tự do khỏi việc tôn thờ các giác quan - rằng người đó đừng bị ám ảnh bởi chúng. Ngăn này xảy ra - rằng người đó không làm tăng ham muốn của mình, người đó giữ chúng ở tối thiểu; tức là, người đó đừng khi nhu cầu được đáp ứng. Nếu thân thể người đó cần hai lát bánh mì, người đó chỉ ăn hai. Người đó không tăng thêm nhu cầu của mình. Nếu thân thể người đó có thể được che phủ bằng một mảnh vải người đó sẽ mặc một mảnh vải thôi. Người đó không có ham muốn tô điểm cho bản thân mình. Nếu túp lều tranh cung cấp cho người đó chỗ nghỉ ngơi và chỗ trú ngụ mà người đó cần, thế là đủ cho người đó; người đó sẽ không đòi hỏi lâu dài.

Mọi người phải quyết định cho bản thân mình về bản tính của nhu cầu cơ bản của mình; điều đó là khác nhau với mỗi người. Người này cần hai lát bánh mì, người kia cần năm lát. Với người trước, năm lát sẽ là đam mê. Cho nên đừng tìm cách bắt chước mẫu hình của người khác. Mọi người phải tìm bên trong bản thân mình, và một hướng dẫn đơn giản để tuân theo là ở chỗ việc đáp ứng cho nhu cầu cơ bản của các giác quan không bao giờ tạo ra lo nghĩ trong người ta. Nhưng ngay khi người ta vượt quá nhu cầu cơ sở của thân thể mình và đưa ra những yêu cầu quá đáng thì lo nghĩ bắt đầu.

Cho nên xem xét lo âu như một đơn vị đo của bạn. Ngay khi lo âu bắt đầu làm cho bạn không thoả mái thế thì lập tức lưu ý rằng bạn đang đòi hỏi nhiều hơn là sự cần thiết - bởi vì chính

ham muốn về cái không thực chất tạo ra lo âu. Cái cần thiết không tạo ra lo âu chút nào. Cái không thực chất - mà không có nó chúng ta vẫn có thể tiến hành được nhưng không sẵn lòng làm như thế - chính là nguyên nhân cho lo lắng và lo âu của chúng ta. Cho nên khi tâm trí trở nên lo nghĩ, quan sát cách thức bạn bận bịu thoả mãn những đòi hỏi vượt ra ngoài nhu cầu của các giác quan.

Lo nghĩ là triệu chứng; nó là người báo tin. Chẳng hạn, bạn đói và bạn bắt đầu ăn thức ăn. Khi nào bạn sẽ biết rằng bạn ăn quá mức? Ngay khi bạn cảm thấy dạ dày trở nên nặng nề, không cho cảm giác thoả mãn nữa, mà ngược lại, còn gây rắc rối, thế thì bạn nên nhận ra rằng bạn đã vượt ra ngoài nhu cầu của thân thể. Dạ dày đã trở nên bị quấy rầy.

Tôi đã nói với bạn điều này như một minh hoạ. Tương tự từng giác quan bị rối loạn khi nó được cung cấp cho quá mức cần thiết. Nó vẫn còn không bị rối loạn, tĩnh lặng và thoả mãn nếu nó được cung cấp theo nhu cầu của nó. Ngay khi nó nhận được nhiều hơn mức cần thiết nó trở nên bị rối loạn, ốm đau, bệnh tật và phiền nhiễu. Chúng ta trở nên rất hài lòng khi cơn đói của chúng ta được thoả mãn, nhưng ăn nhiều hơn mức cần thiết là mời tật bệnh và ốm yếu tới. Như ai đó có lần đã nói, một nửa thức ăn chúng ta ăn làm đầy bụng chúng ta; còn nửa kia là để cho vào bụng bác sĩ của chúng ta. Một nửa là cần thiết cho chúng ta và nửa kia mời đau ốm. Người ta vẫn còn tỉnh táo và tích cực nếu biết giữ cho bản thân mình hơi đói một chút, nhưng ăn quá mức tạo ra uể oải; một loại bóng tối trùm lên kẻ hấu ăn này.

Mỗi người đều phải tự quyết định cho bản thân mình cái gì là cần thiết, tương ứng với cấu trúc tổ chức riêng của mình. Các giác quan rất nhanh chóng đưa ra cảnh báo về những rắc rối và bệnh tật sắp xảy đến. Các giác quan rất nhạy cảm và sẽ nhanh chóng cảnh báo cho bạn rằng bạn đang vượt quá nhu cầu của

mình. Loại bỏ cái không cần thiết đi; loại bỏ cái không bản chất đi.

Thế thì các giác quan là đồng hành với bạn tới cuối đời bạn; cuộc sống của bạn chạy trên những bánh xe của giác quan. Nhưng bản ngã không phải là thứ bản chất. Nó là bịa đặt của chúng ta, và không hoài nghi gì chúng ta có thể sống mà không có nó - vô ngã. Bản ngã dẫn chúng ta đi vào bóng tối lớn hơn bởi vì nó do con người tạo ra. Nó là tuyệt đối không bản chất. Có cái gì đó cần thiết trong các giác quan mà với nó chúng ta bổ sung thêm cái không bản chất, và cái đó là cái rắc rối của chúng ta. Các giác quan dẫn chúng ta đi vào trong bóng tối do hiệu ứng của phần không bản chất, trong khi bản ngã là không bản chất toàn bộ cho nên nó dẫn chúng ta vào trong bóng tối lớn hơn. Chân lí là ở chỗ càng ít bản ngã người ta càng sống sâu sắc hơn, bản ngã càng lớn người ta càng sống cuộc sống một cách đáng thương và hời hợt hơn, bởi vì bản ngã không cho phép người ta đi sâu vào bên trong. Nó giữ bạn trên bề mặt. Tại sao? Điều này cần được hiểu cho đúng.

Sự kiện đơn giản là ở chỗ bản ngã lấy hài lòng từ con mắt của người khác. Nếu bạn bị bỏ lại một mình trong rừng sâu, bản ngã của bạn sẽ mất tất cả hài lòng của nó. Thế thì việc đeo vòng cổ kim cương sẽ thành vô nghĩa: và nếu bạn cứ đeo nó vào, các con vật sẽ cười bạn! Cho dù nó có là kim cương đi chăng nữa bạn sẽ cảm thấy nó như một vật nặng quanh cổ mà bạn sẽ vui sướng bỏ nó đi. Bạn có thể làm gì cho bản ngã của mình trong rừng rậm? Không, toàn bộ quan tâm của bản ngã là trong những phản xạ được tạo ra trong con mắt của người khác, và giống như mọi phản xạ khác, chúng xảy ra trên bề mặt. Những phản xạ này bao quanh chúng ta đủ mọi phía. Bản ngã giống như hàng rào trang trí quanh toà nhà. Nó có thể thú vị, nó có thể đẹp, nhưng nó được tạo ra bởi con mắt của người khác.

Bản ngã không bao giờ có thể được tạo ra mà không có sự hiện diện của người khác - nó tùy thuộc vào người khác. Đó là lý do tại sao chúng ta bao giờ cũng vẫn còn sợ về người khác, bởi vì việc thỏa mãn cho bản ngã chúng ta là ở trong tay của người khác và người đó có thể rút tay mình vào bất kỳ lúc nào. Giả sử A chúc mừng B sáng nay, rồi không làm như thế vào sáng ngày hôm sau. Bức tường bản ngã của B sụp đổ, bản ngã của người đó bị tổn thương. Tâm trí người đó trở nên bị khuấy động và người đó bận tâm với điều người đó phải làm bây giờ. Giả sử hiểu biết của người đó quyết định là quên B đi. Người đó ra ngoài đi dạo và họ không nhận ra người đó; họ không chú ý gì đến sự hiện diện của người đó. Thế thì B sẽ hầu như là chết rồi. Mọi quan tâm và sự hài lòng của bản ngã là ở trong mắt của người khác, và mắt của người khác đã dời khỏi người đó rồi.

Người có sự hài lòng ở trong những con mắt này không thể đi sâu vào bên trong bản thân mình được. Người đó không thể sống ở bình diện sâu sắc hơn. Người đó sống chỉ ở lớp vỏ và cái bọc bề ngoài. Người một mình có thể đi vào chiều sâu của cuộc sống là người đi vào linh hồn, và người một mình có thể đi vào linh hồn là người quên đi bản ngã. Người đó phải quên đi con mắt của người khác và bắt đầu bước vào bên trong con mắt riêng của mình. Để người đó thấy bản thân người đó. Người đó phải dừng lo nghĩ về cách thức người khác nhìn vào người đó. Để người đó từ bỏ suy nghĩ về ý kiến của người khác có đối với người đó và điều họ nói về người đó. Người đó phải luôn ghi nhớ trong tâm khảm chỉ điều này - “Ta là ai?” Câu hỏi, “Người khác nói gì về mình?” là tuyệt đối vô nghĩa. Bạn có bận tâm gì với người khác? Sự chấp thuận của người khác sẽ không hữu dụng gì. Trong cuộc sống không hữu dụng gì để có sự chấp thuận của người khác.

Tôi đã nghe: Một vị thánh Do thái tên là Josiah đang trên giường chết, và viên giáo sĩ Do thái của thành phố đã tới để đọc lời cầu nguyện cuối cùng cho ông ta. Ông này yêu cầu vị thánh nhớ tới Moses, nhà tiên tri, khi đang trên đường tới Thượng đế.

Vị thánh đang hấp hối mở mắt ra và nói, “Đừng yêu cầu ta phải nhớ đến Moses, vì khi ta đứng trước Thượng đế ngài sẽ không hỏi ta tại sao ta đã không trở thành giống Moses; ngài sẽ hỏi ta tại sao ta không trở thành Josiah. Ngài chắc chắn sẽ không hỏi ta về Moses đâu. Ngài sẽ hỏi ta tại sao ta đã không trở thành ‘cái mà vì nó ta đã gửi con vào thế giới này.’ Ngài sẽ hỏi ta, ‘Tại sao con không trở thành đóa hoa của hạt mầm tiềm năng mà qua nó ta đã gửi con vào thế giới này?’ Cho nên xin đừng yêu cầu ta nhớ tới Moses vào khoảnh khắc này. Vấn đề là về ta bây giờ.”

Nghe thấy điều này giáo sĩ nói, “Xin ông đừng làm hại thanh danh của ông trên giường chết. Mọi người đang đứng khắp xung quanh, và họ có thể nghe thấy điều ông nói về Moses.”

Vị thánh lại mở mắt ra và nói, “Ta đã sống trong cái điên khùng này trong toàn bộ cuộc đời ta; để ta được tự do khỏi nó vào những hơi thở cuối cùng. Ta đang vứt bỏ cái thanh danh đó bây giờ. Để cho ta được tự do khỏi cái thanh danh giả này vào lúc chết. Đừng có lo nghĩ về những người đang đứng quanh ta. Ta sẽ tự do khỏi họ trong khoảnh khắc. Họ không là nhân chứng của ta. Thượng đế sẽ không hỏi họ về ý kiến của họ đối với ta. Thượng đế sẽ thấy ta là cái ta đang là, cho nên để ta lo nghĩ về bản thân ta.”

Thực ra, bản ngã bao giờ cũng lo nghĩ về điều người khác nói về bạn. Nó lo âu thế về đánh giá của người khác. Và linh hồn là kinh nghiệm về ‘cái ta đang là’. Nó không bận tâm gì tới điều

người khác nói. Người khác có thể sai hay có thể đúng - đấy là việc của họ.

Từ bỏ việc tôn thờ giác quan là chấm dứt tại điểm của sự cần thiết, và từ bỏ việc tôn thờ bản ngã là tới điểm số không. Nếu hai điều kiện này được hoàn thành, thế thì cá nhân này không ngồi gần các giác quan không gần bản ngã. Người đó ngồi gần linh hồn - *atman*. Thế thì việc ngồi gần mới bắt đầu - ngồi gần Thượng đế. Thực sự nói ở gần Thượng đế là không đúng, bởi vì ở gần Thượng đế ngụ ý là một với Thượng đế. Thế thì chúng ta mất căn cước của mình. Chúng ta không thể là ‘người khác’ với Thượng đế. Chừng nào mà chúng ta còn bị cuốn hút vào tôn thờ hai điều này - giác quan và bản ngã - chúng ta còn xa xôi với Thượng đế. Không cái gì khác cần làm để được ở gần ngài, để được là một với ngài. Ngay khi bạn vứt bỏ hai tôn giáo này thì bạn là một với ngài.

Điều ấy giống thế này: nếu một người, trước khi nhảy, hỏi, “Tôi định nhảy xuống đất, nhưng tôi phải làm gì để đạt tới đất?” thế thì tôi sẽ bảo anh ta, “Bạn đơn giản nhảy! Phần còn lại sẽ được mặt đất làm - bạn không phải làm cái gì khác.” Người ta nhảy khỏi gốc rễ của giác quan và bản ngã là đủ; phần còn lại Thượng đế sẽ làm. Thế thì bạn không ở gần ngài; bạn đang đi vào ngài. Lực hấp dẫn của ngài là rất mạnh.

Ở nước ta, chúng ta đặt tên Krishana cho hoá thân hoàn hảo của Thượng đế. Từ *krishna* có nghĩa là hấp dẫn - người thu hút, người kéo người khác về phía bản thân mình. Lực hút hấp dẫn của trái đất là rất lớn, nhưng bạn có thể tự dừng mình khỏi bị hút về phía trái đất. Ngay cả một nhành cỏ nhỏ cũng có thể giữ bản thân nó chống lại lực hút mạnh mẽ này của trái đất. Nó có thể chống cự lại.

Nếu bạn bám chắc vào cái gì đó, thế thì lực hấp dẫn của trái đất sẽ không có khả năng hấp dẫn được bạn. Nếu bạn dùng níu

bám, nếu tay bạn thả ra, không bám vào vật gì, thế thì trái đất sẽ lập tức kéo bạn về phía nó. Dù có xa bao nhiêu cũng không thành vấn đề, bạn sẽ bị nó kéo lại. Nhưng miễn là bạn bám vào cái gì đó, bạn sẽ không bị hút về phía nó, cho dù bạn ở rất gần nó.

Thượng đế đang hút về phía ngài những người đã buông bỏ hai điều này - giác quan và bản ngã. Người như thế đi vào ánh sáng.

Đủ cho hôm nay.

Hạt mầm và cái cây

*Người ta đã chỉ ra rằng
kết quả thu được
bởi việc tôn thờ Brahman biểu hiện
là khác với kết quả thu được
từ việc tôn thờ Brahman không biểu hiện.
Chúng tôi đã nghe điều này từ những người trí huệ
người biết và giải thích điều đó cho chúng tôi.*

Upanishad nói về hai dạng của Brahman, yếu tố tối cao. Hình dạng là hai, yếu tố là một. Nhưng sẽ tốt hơn là nói có hai loại người biết, trong khi yếu tố là một. Một là hình dạng nguyên thủy không biểu hiện của Brahman; dạng kia là dạng biểu hiện của Brahman. Hạt mầm là nguyên nhân, cây là hành động, hiệu quả. Mọi thứ bị che giấu trong hạt mầm, mọi thứ được biểu lộ trong cây cối. Cho nên có một hạt mầm-Brahman, mà chúng ta không thấy ở đâu cả. Cái thấy được là cây-Brahman, không phải hạt mầm-Brahman. Cái đã trở thành biểu hiện là thấy được với chúng ta, cái bị ẩn kín, không biểu hiện, là vô hình với chúng ta. Việc tôn thờ có thể được thực hiện cho cả Brahman không biểu hiện và biểu hiện, theo nhiều cách đa dạng. Kết quả của hai loại tôn thờ này là hoàn toàn phân biệt nhau.

Tôn thờ thượng đế đã rất được hâm mộ khi người ta ca ngợi Upanishad. Cần phải hiểu thấu rõ nghĩa của ‘thượng đế’. Trong thượng đế có biểu hiện rõ ràng nhất về tác động của Thượng đế, của Brahman không biểu hiện. Do vậy ngay cả hòn đá cũng là một biểu hiện. Chúng ta gọi ai đó là thượng đế nếu trong người đó cái không biểu hiện toả sáng, mặc dầu bản thân người đó là sự biểu hiện. Chúng ta gọi những người như thế là hoá thân của Thượng đế, hay *tirthankara*, hay con của Thượng đế; chẳng hạn, Jesus, Mohammed, Mahavira, Krishna và Rama. Những cá nhân như thế đang đứng trong khung cửa. Họ là sự biểu hiện và được chúng ta thấy từ bên ngoài cánh cửa. Khuôn mặt của họ từ phía trước là rõ ràng thấy được. Chúng rất giống khuôn mặt chúng ta, và vậy mà chúng không giống khuôn mặt chúng ta. Tia lửa nào đó của cái không biểu hiện, tia sáng le lói của hạt mầm-Brahman được ẩn kín, cũng là trong họ. Từ mọi hoạt động trần gian của họ trong cuộc sống, sự toả sáng nào đó của cái không biểu hiện sáng lên và chỉ báo về điều thiêng liêng cho chúng ta. Tất cả những linh hồn như vậy đều thiêng liêng. Nghĩa của từ điều thiêng liêng là ở chỗ nó là cái thấy được và cũng toả ra cái không biểu hiện.

Upanishad xác nhận rằng việc tôn thờ, cầu nguyện và sùng kính với các linh hồn thiêng liêng đem đến kết quả, bởi vì có cái gì đó trong họ vượt ra ngoài cái thấy được. Với một người nhìn chăm chú vào họ trong thiền sâu, dạng thấy được sẽ biến mất và cái không biểu hiện sẽ còn lại. Xem như kết quả của việc này, một khó khăn nảy sinh. Giả sử Rama đang đứng trước đệ tử của mình; đệ tử này sẽ không thấy Rama như một người bởi vì ông ấy trở thành một với cái không biểu hiện nhiều đến mức hình hài thấy được biến đi. Nét mặt Rama biến mất, và chỉ Brahman, điều tối cao, còn lại. Cho nên khi một đệ tử của Rama lầm nhảm tên ông ấy như một câu mật chú - Rama-japa - người đó không còn bận tâm chút nào với người là con của vua Dasharath nữa. Thế thì người đó đang suy tư chỉ về Brahman - hạt mầm.

Nhưng một người không phải là đệ tử của Rama không thấy phần của Rama mà là không biểu hiện. Hạt mầm-Brahman đó là không thấy được; chỉ có phần được coi như thân thể vật lí là thấy được bởi người đó. Chỉ con trai của Dasharath, hoặc chồng của Sita, hay kẻ thù của Ravana là thấy được. Người bạn của ai đó, hay kẻ thù của ai đó - phần biểu hiện duy nhất là thấy được. Cho nên khi một đệ tử thực nói về Rama và cái gọi là một đệ tử khác cũng nói về Rama, họ đang nói về hai người khác nhau. Không có nhịp nhàng hay hài hoà gì trong việc nói của họ. Không thể có bất kì giao cảm nào giữa họ. Họ không hiểu lẫn nhau bởi vì họ đang nói về hai phần tách biệt của cùng một cá nhân.

Lời kinh này của Upanishad nói rằng việc tôn thờ - ngồi gần - dạng biểu hiện của Brahman nơi sự toả sáng nào đó của dạng không biểu hiện cũng được thấy, đem lại kết quả riêng của nó. Họ sẽ thích thú và hài lòng, hay tốt hơn là nên nói họ sẽ thấy như trên trời. Họ sẽ rất phồn phỡ, nhưng họ sẽ không chứng ngộ. Đó là lí do tại sao chúng ta dùng ba từ cho quả: một từ là địa ngục, từ nữa là cõi trời và từ thứ ba là chứng ngộ. Người ta có thể đi xa như cõi trời bởi việc ngồi gần - tức là, tôn thờ - thượng đế. Người

ta có thể kinh nghiệm những vui thú và hạnh phúc tuyệt vời, nhưng người ta không thể vươn tới chứng ngộ; người ta không thể vươn tới phúc lạc.

Cái gì là khác biệt giữa hạnh phúc và phúc lạc? Dù hạnh phúc sâu sắc và lớn lao đến đâu, nó chắc chắn sẽ trôi qua. Dù nó kéo dài đến đâu không thành vấn đề, nó chắc chắn đi tới kết thúc. Cho nên hiểu phân biệt này cho hoàn hảo. Chứng ngộ - phúc lạc - bắt đầu, nhưng không có kết thúc. Cõi trời - hạnh phúc - bắt đầu, và cũng kết thúc. Địa ngục không bắt đầu; nó chỉ có kết thúc. Để tôi nhắc lại điều này sao cho nó có thể được hoàn toàn hiểu thấu. Địa ngục không có bắt đầu - khổ không có bắt đầu. Có thể không có hạnh phúc, nhưng nó có thể được bắt đầu.

Địa ngục không có bắt đầu nhưng nó có thể được kết thúc.

Cõi trời có bắt đầu và cũng có kết thúc. Nó sẽ bắt đầu và cũng sẽ kết thúc.

Chứng ngộ chỉ có bắt đầu và không kết thúc. Một khi đã được bắt đầu, nó là vô tận.

Bất kì khi nào ngọn lửa thiêng liêng xuất hiện dưới dạng thấy được, Brahman biểu hiện, việc tôn thờ và cầu nguyện của nó có thể đưa người ta lên cõi trời, tới hạnh phúc. Do đó những người có ham muốn hạnh phúc đang chiếm hết trong việc tôn thờ thượng đế. Những người khát khao chứng ngộ không bị cuốn hút đến thế vào trong việc tôn thờ thượng đế; họ quay mặt khỏi thượng đế. Họ không cầu nguyện hạnh phúc bởi vì hạnh phúc không bao giờ xảy ra nơi chứng ngộ. Hạnh phúc, mặc dầu là thích thú, bao giờ cũng sẽ là nô lệ, và những người khao khát chứng ngộ ước ao đạt tới hình thái cao nhất của giải thoát. Họ khao khát về phúc lạc cao nhất không có giới hạn, họ ham muốn rằng nước cam lồ là vô hạn, họ mong ước đạt tới điểm mà là

điểm không quay lại, chỗ vượt ra ngoài không còn gì để tìm kiếm nữa.

Nhưng người khát khao điểm vượt ra ngoài này, nơi không còn chỗ nào để đi nữa, sẽ phải đi tìm hạt mầm-Brahman. Họ sẽ phải đi tìm Brahman không biểu hiện và không đi tìm Brahman biểu hiện. Họ sẽ được chứng ngộ bởi sự sùng kính của họ; đạt tới Brahman họ sẽ đạt tới giải thoát cao nhất.

Có những kết quả khác nhau phân biệt đối với hai loại tôn thờ này, và cái đẹp vĩ đại của Upanishad là ở chỗ họ không bác bỏ loại nào. Kết quả, quả, của cả hai loại được qui định rõ rệt. Họ không bác bỏ loại nào nhưng họ nói những người muốn tôn thờ thượng đế nên làm điều đó với hiểu biết rằng đó là cuộc hành trình tới hạnh phúc, và không vượt ra ngoài điều đó.

Trong phần cuối của lời kinh này có tuyên bố rằng “Chúng tôi có được những điều này từ những người đã biết.” Có một điểm quan trọng cần nhớ trong trí tại đây. Tri thức là vô tận. Dù bạn có thu thập tri thức nhiều đến đâu, nó bao giờ cũng không đầy đủ. Vấn đề tựa thế này: từ một bến bờ này bạn xuống sâu trong đại dương, nhưng cho dù bạn thăm dò được chiều sâu của nó, bạn không bao giờ biết được toàn thể đại dương. Có thể là đại dương đã biết bạn từng tận, nhưng bạn không thể biết được toàn bộ đại dương. Cũng còn có các bến bờ khác nữa, và trên chúng có vô số và vô tận lũ khách. Vô số người hành hương đã đi vào trong đại dương từ vô số nơi, và cũng là một điều tốt nếu tri thức của bạn và tri thức của họ được thu thập và trộn lẫn với nhau trong một phạm vi lớn nhất có thể được.

Đó là lí do tại sao các hiền nhân của Upanishad bao giờ cũng tuyên bố rằng điều họ nói họ đã thu thập từ những người đã biết. Họ trộn lẫn tri thức của họ với kho tri thức vô giới hạn đó. Họ nói, “Chúng tôi đã nghe được điều này từ những người biết. Tại sao chúng tôi phải nói về tri thức bé nhỏ của mình? Chúng tôi

đóng góp tri thức nhỏ bé của mình vào trong kho tri thức bao la, vô tận đã được vô số người thu thập.” Tại sao họ phải nói một cách tách biệt về tri thức của họ? Họ sẽ cảm thấy ngượng khi nói về nó. Họ thậm chí không tham chiếu tới nó. Họ nói điều này cứ dường như bản thân họ chưa thu được nó. Trong một thái độ khiêm tốn họ nói, “Chúng tôi đã nghe từ những người đã biết.”

Có vô số người, vô số hoá thân, và họ tới từ vô số bến bờ. *Tirtha* có nghĩa là bến bờ. Cho nên, người Jaina gọi những người như thế là *tirthankara*. Từ *tirthankara* có nghĩa là người làm việc trên bờ, giúp thuỷ thủ quăng neo xuống biển. Nhưng bởi vì đại dương là vô hạn, đường bờ biển là vô tận. Bởi vì đại dương là vô tận, có vô số *tirthankara*. Chúng ta không biết tất cả về họ. Nếu chúng ta nhìn lại quá khứ, chúng ta không biết gì về những hiền nhân đã nở hoa trước thời Veda. Các tham chiếu chỉ nói tới các hiền nhân thời Veda và hậu Veda.

Không phải là chân lí đã không được biết tới bởi những người đã sống trước các hiền nhân Veda, bởi vì bản thân các hiền nhân Veda thường nói, “Chúng tôi đã nghe được từ những người biết.” Upanishad là kinh sách cổ đại nhất của chúng ta đã được viết ra và được biên soạn bởi những người biết. Nhưng Upanishad liên tục tuyên bố, “Chúng tôi đã nghe nó từ những người đã biết.” Nội dung của tuyên bố này là ở chỗ chân lí bao giờ cũng đã được biết tới kể từ thời còn chưa được ghi nhớ, và nó đã được biết tới bởi biết bao nhiêu người, theo số lượng nhiều thế, và trong vô hạn cách thức thay đổi đến mức mà “Tôi không thể nói được về tri thức nhỏ bé của tôi! Tôi thêm điều gì đó vào cái kho bao la này.” Cho nên người đó nói, “Tôi đang nói cái đã được nói bởi những người đã biết nó.”

Có một điểm khác cần ghi nhớ trong vấn đề này - rằng những người trí huệ cổ đại ấy, người biết ấy, chưa bao giờ háo hức về cội nguồn. Họ không khát khao được là cội nguồn. Không

ai nói, “Điều tôi đang nói là chân lý nguyên thủy; tôi nói điều đó lần đầu tiên, và chưa hề có ai đã nói điều đó trước tôi.” Có khác biệt rất lớn trong thái độ ở thời hiện đại của chúng ta. Ngày nay mọi người đều muốn tuyên bố rằng điều người đó nói chưa từng được nói ra trước đây - rằng người đó là nguyên gốc.

Điều này có nghĩa là gì? Liệu nó có nghĩa là các hiền nhân cổ đại không phải là nguyên gốc chăng? Con người ngày nay là nguyên gốc chăng? Không, sự kiện là hoàn toàn đối lập. Những người cổ đại đã không hoài nghi, đã chắc chắn đến mức họ không cần phải công bố về sự chắc chắn của mình, trong khi ngày nay mọi người hoài nghi về tính nguyên gốc, không thoải mái về nó đến mức họ không thể dừng được việc phải tạo ra tuyên bố về nó. Con người hiện đại bao giờ cũng sợ rằng ai đó có thể nói, “Anh cho rằng anh đang nói điều gì đó mới mẻ sao? Điều anh đang nói không có gì mới với mọi người.” Điều này đơn giản chỉ ra rằng con người hiện đại không hiểu nghĩa thực của nguyên gốc.

Nghĩa thực của từ nguyên gốc không phải là cái gì mới mà là ‘từ ngọn nguồn’. Nguyên gốc không có nghĩa là chưa từng xảy ra, từ này nghĩa là ‘từ ngọn nguồn’. Người biết đến gốc rễ là nguyên gốc, và nhiều người đã biết nó, cho nên từ này không nói tới bất kỳ cái gì mới. Nhưng ngày nay mọi người trên toàn thế giới đều đang tìm kiếm cái gì đó mới. Mọi người đều khẳng định: “Điều tôi đang nói là mới,” bởi vì có nỗi sợ là không cái gì đặc biệt về cái biết của người đó nếu người khác đã biết tới nó. Sự kiện đáng quan tâm là ở chỗ chỉ có một đặc tính đặc biệt trong thế giới này. Liên hệ tới điều này tôi nhớ tới dòng truyền thừa từ nhà huyền môn Jakob Boehme: “Điều duy nhất phi thường là thành bình thường.”

Những hiền nhân này, thay vì công bố rằng họ biết, lại tuyên bố rằng họ đã nghe thấy từ những người biết, là những người phi thường. Họ phải là những người rất không thông thường bởi vì

họ sẵn lòng là bình thường đến thế. Thực ra, một người là người bình thường nếu người đó ấp ủ dù chỉ một khái niệm rất nhỏ rằng mình là bất thường. Mọi người bình thường đều có khái niệm này. Ngay cả người bình thường nhất cũng tin rằng mình là phi thường. Đây là niềm tin rất thông thường. Thế thì chúng ta có thể gọi ai là phi thường? Chúng ta có thể gọi một người là phi thường nếu người đó thậm chí không biết rằng mình là phi thường. Người khiên tốn như thế là phi thường.

Phát biểu này của hiền nhân ấy chắc chắn là phi thường. Khi người biết nhiều thế và biết điều đó sâu sắc thế, nói, “Chúng tôi đã nghe nó...” thế thì người như thế phải đáng đề ý - phải là phi thường. Họ phải giống như các số không, giống như cái không. Họ phải hoàn toàn khiêm tốn. Họ không đưa ra tuyên bố chút nào, dù về chân lý hay con đường, và vẫn có sức nặng và bản chất trong phát biểu của những người đưa ra lời công bố về cái không. Đó là lý do tại sao họ thường lặp đi lặp lại rằng họ đã nghe được từ những người đã biết.

Thái độ tâm trí này của việc xóa bỏ bản thân mình, của việc phá hủy bản thân người ta hoàn toàn, của việc chùi sạch sự hiện diện của người ta, của việc làm cho bản thân người ta dường như là không có, có liên quan tới ngọn nguồn gốc rễ sâu xa nhất của cuộc sống - tới sự tồn tại thuần khiết. Nó vượt ra ngoài tâm trí, ra ngoài sự tưởng tượng hay tình cảm. Nó là siêu việt.

Đủ cho hôm nay.

Chúng ta sẽ gặp lại vào buổi tối.

Bây giờ chúng ta đi về gốc rễ, chúng ta đi hướng tới sự siêu việt... Tôi sẽ nói cho các bạn đôi điều mà tôi nhớ ngay bây giờ về thiên.

Về chín mươi phần trăm trong số các bạn đang thiền tốt và tiến bộ đến mức tôi thấy hài lòng mệnh mông với các bạn. Nhưng tôi cảm thấy tiếc cho mười phần trăm kia. Đừng cứ ru rú trong hoàn cảnh bất hạnh của bạn; đừng là người trong nhóm mười phần trăm đó. Đừng vứt đi những món quà có giá trị đó với giá rẻ của bạn.

Một hướng dẫn nữa về thiền chiều. Một số trong các bạn ngồi ở đây mà không đeo khăn bịt mắt. Bạn sẽ không được lợi lộc chút nào đâu. Không ai nên ngồi đây mà không có khăn che mắt. Điểm nữa cần phải nhớ là thế này: chăm nom về *bản thân bạn*, đừng lo nghĩ về người khác. Những người không làm gì sẽ bắt đầu lo nghĩ về người khác, bởi vì họ nhàn rỗi. Cho nên đừng ngồi yên đó, cứ vui vẻ, nhảy múa và cười đi!

Hôm qua tôi rất là hạnh phúc - đã có nhẹ nhàng lớn lao, các bạn rất giống trẻ con. Một ông già hét lên như đứa trẻ. Ông ấy đã rất hồn nhiên. Ông ấy kêu lên, “Mẹ, Mẹ, Mẹ!” Nhẹ nhàng hét đứa trẻ. Đã có lễ hội lớn. Nó nên tiếp tục tăng tiến. Nó sẽ tiếp tục tăng tiến khi thiền trở nên ngày một sâu hơn. Nếu một ông già trở thành hết như đứa trẻ, điều đó có nghĩa là ông ấy đã đạt tới thiền. Ngày này là cho thiền chiều. Tôi hoàn toàn hạnh phúc với thiền sáng - nó diễn tiến tốt.

Bây giờ tôi phải cho một hướng dẫn đối với thiền tối. Có hai hay ba người bạn đang tổ chức phiên thiền này và họ là đủ. Nhưng những người còn lại, người đã tới để đưa bản thân họ vào việc tổ chức đã tạo ra nhiều lần lộn. Không một ai trong các bạn nên tự bổ nhiệm ở đây. Các bạn ở đây để thiền, không phải để tổ chức các thứ. Thực ra chính những người ngồi rảnh rỗi vơ việc này vào cho bản thân họ. Họ nghĩ, “Chúng ta đi vào việc quản lí.” Hai hay ba người đó được quyền làm việc quản lí này sẽ làm công việc của họ - người còn lại không phải bận tâm về điều đó.

Tôi rất buồn về những người đang ngồi đằng sau bục khi họ không thể thiền đúng được. Họ bị quấy nhiễu bởi những người lảng xãng khác. Có khác biệt gì nếu ai đó ngã vào tôi? Điều đó không tạo ra khác biệt gì! Và những người trong thiền đã không mất ý thức của họ, họ hoàn toàn tỉnh táo. Họ không định ngã xuống. Đừng bắt đầu nghĩ rằng ai đó có thể xô vào tôi hay tấn công tôi. Tất cả họ đều đầy ý thức. Họ yêu tôi như người quản lí yêu. Cho nên đừng lo nghĩ về tất cả điều này.

Họ bị khuấy động nhiều khi họ không thể thấy được tôi. Đó là khi rắc rối bắt đầu, bởi vì việc thiền này hoàn toàn phụ thuộc vào việc con người tôi được thấy. Cho nên ý tưởng của tôi cho việc thiền tối nay là ở chỗ tất cả những người đang đứng nên ở trong phòng, và những người thực hành thiền trong tư thế ngồi nên ngồi đằng sau họ. Đây chỉ là cách bố trí cần thiết.

Một sự cố không mong muốn nữa đã xảy ra hôm qua. Nhiều người bên ngoài bị buộc phải vào nơi họp này. Điều này tạo ra rối loạn lớn. Việc hài hoà hoàn toàn mà có thể được tạo ra trong cuộc họp như thế, không thể được tạo ra khi người ngoài vào. Ngay cả nếu chỉ có một người sai trong phòng, người đó sẽ tạo ra các loại rung động khác. Cho nên không người nào như vậy được phép đi vào. Những người trong trại, người chỉ muốn nghe và không muốn tham gia thiền nên lập tức đi ra khỏi phòng khi bài nói kết thúc. Họ sẽ đóng góp rất lớn cho chúng ta bởi việc làm như vậy. Họ không nên làm hại chúng ta.

Chúng tôi không muốn dù chỉ một người trong phòng mà đơn thuần chỉ là người xem. Người đó tạo ra chương ngại, lỗ hổng. Khi biết bao nhiêu tâm thức đang tuôn chảy trong cùng một kinh nghiệm, toàn thể bầu không khí trở nên được tích điện, và thế thì, nếu một người không được tích điện như thế ở trong nhóm này, người đó tạo ra gián đoạn trong bầu không khí. Một phần nào đó bị người đó xé ra. Có thể không có việc rút năng

lượng tâm linh qua phần đó. Bởi điều này, những rung động mà có thể thấm từ góc này sang góc khác sẽ không có khả năng làm được như vậy. Đây là lí do tại sao hiện tại tôi không hạnh phúc với phiên thiền đêm của chúng ta.

Việc thiền đêm nay là quan trọng nhất và có giá trị, và hai phiên thiền khác được ngụ ý để chuẩn bị cho các bạn vào việc thiền đêm nay. Khi các bạn đã được chuẩn bị sau hai phiên thiền này có thể có bùng nổ trong phiên thiền đêm, nhưng một số chứng ngại đang tới trong chương trình. Nó vẫn còn chưa được hoàn tất. Một số người ngoài đã vào chỗ này ngày hôm kia và do vậy việc thiền không thể được thực hiện đúng đắn. Có tốt hơn trước đây chút ít. Chúng ta có thể đã đạt tới kết quả tốt ngày hôm qua, nhưng một số người không được phép đã tới chỗ bực này và bắt đầu học đòi làm quản lí. Các bạn phải không tới đây để quản lí.

Và đừng lo nghĩ về tôi, lo nghĩ về bản thân bạn đi. Tôi mãi nguyện ngay cả nếu tôi chết trong việc giúp đỡ ai đó, cho dù chỉ một người, để thành công trong thiền.

Chúng ta chết đi

*Người biết tới Brahman không biểu hiện
và đồng thời biết cả Brahman biểu hiện,
đã vượt qua cái chết
bởi việc tôn thờ Brahman biểu hiện,
đạt tới cái bất tử
bởi việc tôn thờ Brahman không biểu hiện*

Chúng ta không thể vẽ ra được hình tròn mà không có tâm. Đường tròn được vẽ ra tất cả xung quanh tâm. Khi đường tròn càng ra xa khỏi trung tâm thì nó trở nên ngày càng lớn hơn. Nếu chúng ta đánh dấu hai điểm trên đường tròn, sẽ có khoảng cách nào đó giữa chúng, và nếu chúng ta vẽ hai đường thẳng từ các điểm trên hình tròn nối với tâm, khoảng cách giữa hai đường này sẽ cứ giảm dần khi chúng tiến tới tâm. Khoảng cách giữa các đường này sẽ biến mất ngay khi chúng đạt tới tâm. Có thể có khoảng cách nào đó giữa hai đường thẳng này ở đường tròn, nhưng khi những đường này tiến về tâm thì chúng cứ tới gần nhau hơn, và khi đạt tới tâm khoảng cách biến mất. Tại tâm chúng là một. Nếu chúng ta tiếp tục vẽ những đường này đi ra ngoài đường tròn, khoảng cách giữa chúng sẽ cứ tăng lên khi đường tròn tăng lên.

Qua việc đưa ra minh họa hình học này, tôi muốn nói cho bạn hai hay ba điều để giải thích lời kinh này. Điểm thứ nhất là thế này; cái yếu tố vẫn được gọi là Brahman không biểu hiện là Brahman trung tâm. Toàn thể sự mở rộng của sự tồn tại đi ra từ nó: và cuộc sống - đường tròn - cứ mở rộng ra mãi từ tâm này.

Sau điều tra sâu sắc trong vài năm qua, khoa học đã đi tới một lý thuyết mới - lý thuyết về vũ trụ giãn nở. Người ta bao giờ cũng tin rằng vũ trụ là cái đang có đấy, không cái gì được thêm vào, không bớt đi cái gì. Nhưng khoa học hiện đại nói vũ trụ không chỉ đơn giản là cái bây giờ đang là, mà nó cứ mở rộng hàng ngày, hết như quả bóng cứ phình mãi ra khi ai đó bơm khí vào trong nó. Sự mở rộng của vũ trụ này là như vậy. Nhưng nó không giống hết như nó đã là ngày hôm qua. Nó mở rộng hàng triệu dặm trong mỗi hai mươi bốn giờ. Nó liên tục mở rộng. Các ngôi sao chúng ta thấy ban đêm đang du hành ra xa khỏi lẫn nhau vào mọi khoảnh khắc.

Điều này đáng quan tâm: phải có một khoảnh khắc khi vũ trụ này đã co lại bên trong bản thân nó đến mức nó phải ở tại tâm số không. Khi bạn đi ngược lại thời gian, vũ trụ này được thấy ngày càng nhỏ đi, trở thành ngày càng co nhỏ lại. Nhất định phải đến một khoảnh khắc khi toàn bộ vũ trụ này bị co lại vào trong chính tâm của nó. Thế rồi dẫn nổ của nó bắt đầu, và quá trình đó vẫn cứ diễn ra kể từ đó. Đường tròn cứ lớn dần hàng ngày. Các nhà khoa học nói chúng ta không thể tiên đoán được nó sẽ còn tiếp tục mở rộng bao lâu nữa. Đây là sự dẫn nở vô tận. Nó sẽ cứ lớn mãi lên.

Cần phải nhớ trong trí một điểm nữa. Khoa học đã bắt đầu dùng thuật ngữ ‘vũ trụ dẫn nở’ mới gần đây thôi, nhưng cái - cái yếu tố - được Upanishad gọi là Brahman, có nghĩa là sự mở rộng. Đó là nghĩa của từ Brahman. Nghĩa của Brahman là không phải Thượng đế, mà là yếu tố thường xuyên mở rộng. Từ Brahman và *vistala* - mở rộng - được suy dẫn từ cùng một gốc. Chúng là các biến thể của cùng một từ. Cho nên, nghĩa của Brahman là cái cứ tiếp tục mở rộng. Không phải là nó đã dẫn nở hay trải rộng; nó không phải là một điều kiện tĩnh, nhưng nó là cái thường xuyên mở rộng. Hoạt động đang diễn ra. Điều xảy ra là thường xuyên mở rộng.

Ngay cả từ quan điểm khoa học, Brahman cũng có hai dạng - một dạng là không biểu hiện, cái được hiện nhân của Upanishad gọi là *asambhuti*. Brahman không biểu hiện có nghĩa là Brahman số không, hạt mầm-Brahman. Chúng ta tưởng tượng thời gian khi còn chưa bắt đầu việc mở rộng, khi hạt mầm còn chưa bị vỡ ra. Thế rồi tưởng tượng khoảnh khắc tuyệt đối đầu tiên của việc mở rộng - và sau đó là sự mọc mầm, tiếp tục mở rộng, việc lớn lên của cây. Từ một hạt mầm tí xíu như thế, cái cây xum xuê sẽ phát triển ra mà hàng nghìn xe bò kéo có thể nghỉ ngơi dưới bóng của nó. Và từ cây đó sẽ rụng xuống vô số hạt mầm; và từ mỗi hạt mầm đó sẽ lại mọc ra cái cây bao la; và lần nữa mỗi cây sẽ phát tán vô số hạt mầm, và từ mỗi hạt mầm ra cây, và hạt mầm và cây

và hạt mầm và cây vô tận. Vậy một hạt mầm nhỏ bé, qua quá trình phát triển của nó, cho sinh thành ra vô tận hạt mầm. Brahman không biểu hiện là hạt mầm-Brahman, Brahman-số không, điểm trung tâm. Chúng ta chỉ có thể tưởng tượng được điều này, bởi vì điểm trung tâm chỉ có thể được tưởng tượng ra.

Nếu chúng ta hỏi Euclid, nhà hình học vĩ đại, ông ấy sẽ nói điểm trung tâm là cái không có chiều dài không có chiều rộng. Bạn không thể thấy được một điểm như thế. Đây là định nghĩa của nó - nó không có chiều rộng không có chiều dài; và nó không thể là một điểm nếu nó có chiều rộng và chiều dài, vì thế thì nó trở thành một hình khác, và sẽ phải có sự mở rộng. Nơi đâu có bề dài và bề rộng, nơi đó có sự mở rộng. Điểm là cái còn chưa được mở rộng, nhưng sắp sửa mở rộng. Do đó, Euclid nói, điểm chỉ có thể được định nghĩa, nó không thể được vẽ ra.

Khi bạn đặt một chấm nhỏ nhất trên giấy bằng đầu nhọn của cây bút chì, ngay lập tức có chiều dài và chiều rộng; điểm không bao giờ có thể được vẽ lên giấy. Cho nên điểm thấy được đã mở rộng. Điểm không thấy được, nhưng chỉ được định nghĩa, là điểm thật. Cái mà được Euclid gọi là điểm ấy là vô hình - nó chưa bắt đầu tồn tại; việc tạo ra nó chưa được biểu hiện. Nó là không biểu hiện. Cuộc sống chưa nổi lên từ nó, nhưng nó có tiềm năng cho cuộc sống; cuộc sống vẫn còn ẩn kín. Cho nên Brahman không biểu hiện này là tựa như điểm trong định nghĩa.

Đây là một hình dạng của Brahman. Nhưng chúng ta không biết nó. Chúng ta chỉ biết Brahman biểu hiện - cái ở ngoài. Chúng ta biết cây-Brahman, cái đã lộ ra. Cái biểu hiện là chưa hoàn chỉnh, nó đang trở thành và trở thành; nó đang trong quá trình trở thành, nó thường xuyên mở rộng. Vũ trụ của chúng ta đang trở nên ngày một lớn hơn vào mọi khoảnh khắc. Mô tả việc tăng lên của nó theo ngày là quá nhiều - đây là điều không thể quan niệm nổi. Cho nên tôi nói nó đang dẫn nở từng giây. Các

ngôi sao đang di chuyển ra xa khỏi trung tâm với tốc độ ánh sáng. Tốc độ ánh sáng là ba trăm nghìn ki lô mét một giây. Cho nên trong một phút vũ trụ đã nở sáu mươi lần khoảng cách đó; và trong một giờ gấp sáu mươi lần nữa lên. Và nhân số nhân này với hai mươi bốn giờ ta biết nó đã nở bao nhiêu ki lô mét vào cuối mỗi ngày.

Đường tròn đang di chuyển với tốc độ cực kì lớn như thế xa khỏi trung tâm, và hoạt động này vẫn cứ diễn ra từ thời vô tận. Hơn nữa, các nhà khoa học không thể xác định được khoảnh khắc thời gian khi cuộc hành trình này phải bắt đầu, khi hạt mầm phải nhú chồi ra lần đầu tiên trong quá trình trở thành cái cây. Chúng ta cũng không thể nói bất kì điều gì về kết thúc của cuộc hành trình này. Khoa học đang gặp thể khó xử lớn ngày nay, vì nó không thể quan niệm được ở đâu và tại sao mà hiện tượng vũ trụ đã nở này sẽ kết thúc. Không có khả năng nào cho việc dừng của nó, bởi vì điều đó sẽ đòi hỏi một sự cản trở khác cho sự tiến triển của nó. Giả sử tôi ném một hòn đá; nếu nó không gặp bất kì chướng ngại nào nó sẽ không dừng ở đâu cả. Nhưng một cản trở nào đó tới - nó có thể va vào cây. Nếu nó không va vào cây nó va vào không khí, và lực hút của trái đất hấp dẫn nó vào mọi lúc. Khi đà do tay tôi trao cho bị yếu đi, lực hấp dẫn kéo nó xuống. Nhưng nếu không có lực hút hấp dẫn và không có cản trở nào trên đường, hòn đá do tay tôi ném đi, hay ngay cả bởi một đứa nhỏ ném đi, sẽ không dừng ở đâu cả, bởi vì không cái gì dừng nó lại.

Vũ trụ này của chúng ta - Brahman biểu hiện này - cái thường xuyên mở rộng, sẽ dừng lại ở đâu? Nhất định phải có cản trở nào đó, trở ngại nào đó, để dừng nó lại. Nhưng trở ngại ấy đến từ đâu? Mọi thứ đều bên trong nó, không cái gì ở bên ngoài nó. Cái gì đang có, là một phần hay một gói của Brahman biểu hiện? Cho nên có thể không có trở ngại. Nó có thể dừng lại ở đâu? Làm sao nó có thể dừng lại? Nó có tiếp tục mở rộng không?

Cả Einstein lẫn Planck, những người đã làm rất nhiều công trình nghiên cứu quanh lí thuyết này, đều bị nó cản trở. Vô phương kế, họ chung cuộc phải bỏ lại điều đó như một bí ẩn. Không nguyên nhân, không cản trở nào là có thể quan niệm được mà có thể dừng nó lại, và vậy mà việc không dừng lại của nó dường như không thể nào quan niệm nổi. Nếu nó cứ mở rộng mãi theo cách này, một ngày nào đó có thể tới khi các ngôi sao sẽ quá xa nhau đến mức ngôi sao nọ không thể thấy được từ ngôi sao kia.

Nhưng Upanishad nói về hiện tượng này từ một cảnh quan hoàn toàn khác biệt và kì lạ, và điều đó nên được hiểu cho đúng. Nếu không phải hôm nay, thế thì trong tương lai, các nhà khoa học sẽ phải làm việc từ cảnh quan đó. Nhưng mãi cho tới nay điều ấy vẫn chưa từng là cách thức lập luận ở phương Tây, và có lí do cho điều này: toàn thể khoa học phương Tây đã phát triển từ triết học Hi Lạp. Nó đứng trên nền tảng của triết học Hi Lạp, và một trong những niềm tin cơ sở của triết học Hi Lạp là ở chỗ thời gian đi theo đường thẳng. Niềm tin này đã dẫn khoa học phương Tây vào khó khăn lớn. Triết học Ấn Độ nghĩ về điều này theo cách khác hẳn.

Triết học Ấn Độ nói tất cả mọi chuyển động đều theo vòng tròn. Không chuyển động nào có thể theo đường thẳng được. Hiểu điều này theo một minh họa. Đứa trẻ được sinh ra, lớn lên rồi già đi. Nếu chúng ta yêu cầu nhà triết học Hi Lạp giải thích điều này, ông ấy sẽ đáp rằng đường thẳng có thể được vẽ ra giữa đứa trẻ và ông già để giải thích việc xảy ra này. Nhà triết học Ấn Độ sẽ bác bỏ điều này và nói vòng tròn phải được vẽ ra giữa đứa trẻ và ông già bởi vì trong những ngày cuối của mình ông già đạt tới điều kiện mà trong đó ông ấy bắt đầu như một đứa trẻ. Đây là một vòng tròn. Do đó không cái gì đáng ngạc nhiên nếu người già được thấy hành xử như trẻ thơ. Không phải là đường thẳng mà là đường tròn nối tuổi thơ và tuổi già. Tuổi thanh niên là điểm giữa của vòng tròn đó, nó là thiên đỉnh. Khi tuổi thanh niên qua

đi, hành trình cuộc sống bắt đầu rẽ sang điểm bắt đầu của nó. Điều đó giống như xoay vòng của các mùa. Khái niệm Ấn Độ về thời gian là vòng tròn, giống như xoay vòng của các mùa. Mùa hè, mùa mưa và mùa đông, mùa nọ theo sau mùa kia trong vòng tròn. Theo cùng cách này buổi sáng có tiếp sau là buổi chiều, và buổi chiều có tiếp theo buổi sáng. Nó là vòng tròn.

Những người trí huệ của phương Đông tin rằng tất cả mọi chuyển động đều vòng tròn. Trái đất xoay vòng, mùa vụ xoay vòng, mặt trời, mặt trăng và các vì sao chuyển động vòng tròn. Mọi chuyển động đều vòng tròn, không chuyển động nào đi thẳng. Cuộc sống chuyển động theo vòng tròn. Và vũ trụ mở rộng nữa, cũng chuyển động theo vòng tròn. Giả sử một đứa trẻ vẫn cứ trẻ mãi; thế thì khó khăn sẽ phát sinh. Tuổi thanh niên của nó sẽ kết thúc ở đâu? Cuộc sống sẽ dừng ở đâu nếu nó cứ mở rộng mãi và không trở về điểm chết?

Cho nên tư duy Ấn Độ nói rằng Brahman biểu hiện này, trong quá trình mở rộng của nó, sẽ đi qua tuổi thơ, tuổi thanh niên và tuổi già rồi lại trở về rơi vào trong Brahman không biểu hiện. Nó sẽ lại là số không và trống rỗng. Nó sẽ trở lại với ngọn nguồn nguyên thủy mà từ đó đó nó đã bắt đầu cuộc hành trình của nó. Vòng tròn của nó sẽ là vòng tròn không lồ. Khoảng đời của chúng ta sẽ là bảy mươi năm. Có những kiếp sống chỉ xoay qua những vòng tròn nhỏ. Con bướm được sinh ra buổi sáng và vòng đời của nó được hoàn tất vào buổi tối. Và còn có những vòng tròn nhỏ hơn thế này nữa. Có những con vật chỉ sống có vài khoảnh khắc. Chúng được sinh ra lúc bắt đầu khoảnh khắc này và chết đi vào cuối khoảnh khắc đó. Nhưng đừng bị ấn tượng rằng con vật này với một cuộc sống chỉ một khoảnh khắc như thế sống một cuộc đời kém hơn một người sống trong bảy mươi năm. Đừng nghĩ cuộc sống của nó là kém bởi vì nó hoàn tất vòng đời của nó trong một khoảnh khắc, trong khi cuộc sống của bạn kéo dài bảy mươi năm. Nó có tuổi thơ của nó, tuổi thanh niên của nó,

nó làm tình, sinh đẻ con cái, nó có tuổi già của nó và nó chết. Trong một vòng tròn kéo dài một khoảnh khắc nó hoàn tất bảy mươi năm của nó một cách mãnh liệt.

Nhưng cái vòng bảy mươi năm ấy không thể được gọi là cái vòng lớn được. Các nhà khoa học nói rằng trái đất chúng ta đã được sinh ra quãng bốn nghìn triệu năm trước đây. Chúng ta không có phương tiện nào để tìm ra xem trái đất chúng ta bây giờ đang ở trong giai đoạn nào của cuộc sống của nó, nhưng từ những xem xét nào đó dường như là nó đang trong tuổi già. Việc sản xuất lương thực đang giảm đi, và dân số thế giới đang tăng lên. Cái chết dường như ở gần. Mọi thứ cần cho cuộc sống đều trong thiếu hụt. Than, chất đốt và lương thực đều không đủ cung cấp, mọi hoá chất của trái đất đều không đủ cung cấp. Trái đất đang già đi, cho nên không bao lâu nó có thể chết.

‘Không bao lâu’ nghĩa là gì? Từ không bao lâu không được hiểu theo quan điểm cá nhân chúng ta; nếu trái đất mất bốn nghìn triệu năm để già đi, bốn nghìn triệu năm nữa là gì? Nhưng chúng ta không thể làm bất kì ước lượng nào về trái đất được. Có khoảng bảy mươi triệu tế bào trong mỗi thân thể con người. Những tế bào đó không có ý tưởng chút nào rằng bạn cũng có đấy, và mặc dầu bảy mươi triệu tế bào vi mô này sống trong thân thể bạn, bạn không biết gì về chúng. Bên trong thân thể bạn chúng được sinh ra, trưởng thành, trở nên già, để lại con cháu sau chúng, và chết, tạo ra nắm mồ của chúng trong thân thể bạn - và vậy mà bạn sẽ không biết gì về chúng. Trong bảy mươi năm cuộc sống bạn, hàng triệu cơ quan này sẽ được sinh ra và sẽ chết đi. Theo một cách tương tự, trái đất không biết gì về chúng ta và chúng ta không biết gì về cuộc sống của trái đất. Cuộc sống của hàng triệu năm của nó là trên vòng tròn.

Thật khó để xác định tuổi của toàn bộ vũ trụ, toàn bộ Brahman biểu hiện, nhưng một điều là chắc chắn - không có việc

vi phạm vào luật trong thế giới này. Chẳng chóng thì chầy, luật này được hoàn thành. Do đó, hiền nhân này nói trong lời kinh này rằng có hai pha của Brahman - giai đoạn biểu hiện, và giai đoạn không biểu hiện mà từ đó toàn thể vũ trụ đã được tạo ra, và trong đó nó sẽ lại bị hấp thu vào: Brahman trung tâm và Brahman mở rộng.

“Người biết tới Brahman mở rộng chinh phục cả hai - người đó vượt ra ngoài nó. Và người biết tới Brahman trung tâm đạt tới cái bất tử.” Nhưng Brahman mở rộng là hàng rào chứa cái chết. Cái chết nhất định xảy ra trong nó. Vòng tròn sẽ phải làm đầy đủ bản thân nó. Nếu có sinh, tử chắc chắn sẽ theo sau nó. Thế thì tại sao hiền nhân này nói rằng một người như vậy chinh phục được cái chết?

Vượt qua cái chết nghĩa là gì? Hiền nhân ấy không chết chứ? Mọi hiền nhân đều chết. Mọi người chứng ngộ đều chết. Chắc chắn, vượt qua cái chết không có nghĩa là không chết. Hiền nhân, người đã ca rằng người nào biết tới Brahman biểu hiện vượt qua cái chết, không còn nữa. Cho nên hoặc ông ấy đã nói điều này một cách không chủ ý hoặc là giả - nếu phát biểu ấy là đúng thì ông ấy phải không chết chứ!

Không, vượt qua cái chết ngụ ý cái gì đó khác. Người biết và kinh nghiệm sâu sắc rằng cái chết là đã được móc nối với sinh thành và là điều không thể tránh được, trở nên thoát khỏi nỗi sợ cái chết. Người đó biết rằng sinh là bắt đầu của vòng tròn và tử là kết thúc của nó. Cho nên người đó, người biết sâu sắc, sâu lắng tới mức cái chết là một định mệnh không tránh khỏi, trở nên tự do khỏi nỗi sợ chết. Tại sao người ta phải sợ điều không tránh khỏi? Tại sao người ta phải lo nghĩ về điều chắc chắn sẽ xảy ra? Lo nghĩ chỉ dành cho cái có thể bị thay đổi hay biến đổi.

Cho nên điều đáng quan tâm là quan sát rằng chưa bao giờ có nhiều lo nghĩ về cái ở phương Đông như ở phương Tây, và có

lí do xác đáng cho điều này. Phương Tây cảm thấy rằng nó có phương thuốc để chinh phục cái chết; phương Đông chưa bao giờ cảm thấy nó có phương thuốc để chinh phục cái chết. Nếu nó cảm thấy rằng cái chết có thể bị thay đổi, thế thì lo nghĩ nhất định tới. Bao giờ cũng có lo âu và lo nghĩ về cái mà có thể bị thay đổi. Không có nguyên nhân cho lo lắng khi một điều không thể bị biến đổi. Tại sao lo nghĩ? Nếu chết là chắc chắn, nếu nó được móc với sinh, thế thì tuyệt đối không có lí do nào để lo nghĩ về nó.

Khi người lính đang trên đường ra chiến trường, và chừng nào họ còn chưa tới chiến trường, họ vẫn còn lo nghĩ và sợ sệt, nhưng một khi trên chiến trường rồi mọi lo nghĩ đều mất đi trong một hay hai ngày. Sau khi tới chiến trường, ngay cả người lính nhút nhát nhất cũng trở thành người bạo dạn. Lí do là gì? Các nhà tâm lí đang cân nhắc về hiện tượng này. Người này đã sợ hãi đến mức người đó không thể ngủ được trong đêm khi nghĩ đến việc đi vào chiến trận vào buổi sáng. Người đó run rẩy và hành xử như người điên; dường như là người đó sẽ chạy trốn khỏi chiến trường. Nhưng khi đã vào trận, chính con người này lại ngủ ngon lành.

Lí do là gì? Chừng nào mà người đó còn chưa tới chiến trường người đó còn nghĩ việc trốn chạy là có thể - người đó có thể tự cứu mình, cách thức có thể được tìm ra, cái gì đó có thể được thay đổi. “Ai đó khác có thể được cử đi thay mình.” Nhưng khi người đó thấy bản thân mình trên chiến trường, thấy bom rơi tứ phía, toàn thể lo nghĩ bay biến mất. Bây giờ không có cách nào thoát ra, và khi không có cách nào thoát nữa, lo nghĩ biến mất. Khi khả năng thay đổi qua rồi, hi vọng về thay đổi cũng tan biến. Chính ham muốn về thay đổi tạo ra lo âu và lo nghĩ. Khi hiền nhân này nói, “Sau khi biết Brahman biểu hiện, người trí huệ chinh phục cái chết,” điều đó nghĩa là người đó không còn sợ

hải cái chết. Nếu cái chết gần người đó, người đó sẽ không sợ hãi.

Có một câu chuyện nhỏ hay về Panini. Ông ấy là một trong số những hiền nhân đã soạn ra những lời kinh này. Ông ấy đang dạy văn phạm cho học trò trong đạo tràng trong rừng của mình một hôm sư tử gầm gừ nhảy vào. Panini bảo học trò nghe tiếng sư tử gầm, và cố gắng viết điều đó ra dưới dạng văn phạm. Con sư tử đang ở tư thế sẵn sàng vồ bất kì ai, lũ học trò run rẩy, còn Panini giải thích về dạng văn phạm cho tiếng gầm của sư tử! Tương truyền rằng ngay cả khi con sư tử vồ ông ấy, ông ấy vẫn tiếp tục giải thích về dạng văn phạm của tiếng gầm của nó. Và khi con sư tử cắn xé ông ấy, ông ấy vẫn dần giải về dạng văn phạm của, “Con sư tử giết người.”

Suy nghĩ tức khắc của chúng ta là ở chỗ Panini có thể đã chạy xa để cứu bản thân mình. Cái gì đó có thể đã được làm, nhưng người như Panini nghĩ - rằng cái chết là chắc chắn, dù nó tới hôm nay hay ngày mai; thế thì có gì khác biệt nếu đây là hôm nay hay ngày mai? Người như thế chấp nhận cái chết không nao núng bởi vì nó là một điều chắc chắn - dù nó tới hôm nay hay ngày mai hay ngày kia.

Đây là thắng lợi. Trong chấp nhận này chúng ta đã chấp nhận tử cùng với sinh. Chúng ta đã chấp nhận khô héo cùng với ra hoa, mở rộng. Vào lúc nở hoa của chúng ta chúng ta đã biết rằng ngày nào đó chúng ta sẽ khô héo. Vào ngày phát lộ của chúng ta, việc sinh của chúng ta, chúng ta đã biết rằng một ngày nào đó chúng ta sẽ lại bị ẩn khuất đi. Vòng tròn nhất định sẽ hoàn tất. Trong chấp nhận như thế có tự do khỏi cái chết. Thế thì cái chết ở đâu? Người như vậy đã vượt qua cái chết. Người đó tự do khỏi sức hút của sinh cũng như từ nỗi sợ chết. Người đó ở ngoài cả hai.

Nhớ trong tâm trí, với phần còn lại trong chúng ta tử và sinh là hai đầu trong cuộc đời chúng ta, và chúng ở ngoài cuộc sống. Sinh là ở ngoài cuộc sống chúng ta, bởi vì trước khi sinh chúng ta không có. Chết là bên ngoài cuộc sống chúng ta, bởi vì sau cái chết chúng ta sẽ không có. Chết là đường biên. Nhưng nó không phải là đường biên cho người biết. Với người đó, chết và sinh là hai việc xảy ra xuất hiện ở giữa, trong quá trình cuộc đời. Người đó sẽ hỏi, “Sinh của ai? Ta đã có trước đó, do đó ta có thể được sinh ra; bằng không làm sao việc sinh có thể xảy ra được? Ta đã là không biểu hiện, do đó ta có thể là biểu hiện; bằng không làm sao ta có thể biểu hiện được? Nếu cây không bị ẩn trong hạt mầm, không có cách nào cho nó mọc ra - được sinh ra. Nếu ta chết, ta phải sống trước đã; bằng không nó sẽ là cái chết của ai? Việc sinh của ta có thể xảy ra bởi vì ta đã có đó trước cái sinh. Ta cũng sẽ có đó sau cái chết; thế thì và chỉ thế thì cái chết mới có thể xảy ra, bằng không nó sẽ là cái chết của ai?”

Chết không phải là kết thúc cho người biết. Nó chỉ là việc xảy ra xuất hiện trong cuộc đời người đó. Sinh cũng là việc xảy ra xuất hiện trong cuộc đời của người đó, nó không phải là bắt đầu. Cuộc sống ở bên ngoài vòng tròn này là cái không biểu hiện. Nó bị giấu kín, không diễn đạt. Cuộc sống không biểu hiện đó - sự tồn tại - trở thành biểu hiện trong sinh và lần nữa lại trở thành không biểu hiện trong chết. Cho nên người biết tới chu trình này của thế giới biểu hiện không rối loạn bởi nó; hình mẫu này không gây cho người đó bất kì bất hạnh nào.

Giả sử bạn đang trong nhà. Bạn biết đây là bức tường, đây là cánh cửa. Thế thì bạn có đâm đầu vào tường để cố đi ra qua nó không? Bạn sẽ không thử đi ra qua bức tường. Nếu bạn muốn đi ra ngoài bạn sẽ dùng cánh cửa. Bạn sẽ không ngò xuống và tiếc nuối và đặt câu hỏi tại sao tường không là cánh cửa. Nhưng người không biết cánh cửa sẽ đâm đầu mình vào tường, và anh chàng tội nghiệp đó sẽ thường xuyên than thân trách phận về việc

là tường không phải là cửa. Nếu bạn biết cửa, thế thì tường là tường còn cửa là cửa đối với bạn. Vậy người biết đầy đủ cách bố trí và động thái trở nên tự do khỏi động thái đó. Người đó biết rằng nơi có sinh, ở đó tử cũng sẽ được tìm thấy. Nhưng người biết nó một cách không đầy đủ - không theo ý nghĩa đầy đủ của nó - đi vào xung đột và khó khăn. Tri thức này rõ ràng dứt khoát, tôi thượng đến mức không còn câu hỏi nào về bất kì thay đổi nào trong nó. Điều này được gọi là định mệnh - định mệnh của cái biểu hiện.

Nhưng chúng ta đã không diễn giải đúng ý nghĩa của định mệnh. Thực ra, bởi vì chúng ta không rõ ràng bên trong bản thân mình, chúng ta diễn giải mọi thứ theo cách sai. Người rõ ràng bên trong bản thân mình diễn giải đúng, và người không rõ ràng diễn giải sai. Bạn đã không hiểu nghĩa thực của định mệnh nếu bạn coi nó như thất vọng.

Nếu một người ngồi khoanh tay trong thất vọng và chán nản và kêu khóc, “Tất cả đều là số mệnh!” thế thì người như thế đã không hiểu nghĩa đúng của định mệnh. Định mệnh nghĩa là lạc quan lớn, hi vọng lớn. Bạn thấy rất khó hiểu thấu cách diễn giải này. Nghĩa đúng của số mệnh là ở chỗ bây giờ không có nguyên nhân cho bất kì khổ nào. Bây giờ không có chỗ cho thất vọng. Cái chết có đấy; nó là không tránh khỏi. Thế thì khổ có thể có ở đâu trong nó được? Đau là đau khổ trong điều đó? Khổ và đau khổ có đó chỉ chừng nào không có chấp nhận.

Phật thường nói, “Cái được làm ra sẽ bị phá hủy, cái có sẽ bị mất.” Nhận biết đi! - trong khoảnh khắc gặp gỡ với người yêu của mình, chúng ta tạo ra phân tách từ chúng; điều ấy nhất định theo sau. Chúng ta không muốn nghe nói về phân tách. Khi chúng ta được nhắc nhở về phân tách vào lúc gặp gỡ với người yêu, chúng ta trở nên bất hạnh. Khi chúng ta nghĩ về phân tách cái theo sau rất sát, vui vẻ của gặp gỡ cũng bị phá hủy. Áo tường

rằng có vui trong gặp gỡ với người yêu ngay lập tức bị mất đi vào ý nghĩ về phân tách.

Đứa trẻ được sinh ra: có hân hoan trong ngôi nhà và nếu ai đó nói, “Với sinh này chết đã vào,” chúng ta bị sốc sâu sắc và bảo người đó đừng nói những điều gở như thế vào lúc hân hoan này. Nhưng khi Phật nói đã có khoảnh khắc phân tách trong gặp gỡ người thương yêu, ông ấy không phá hủy hạnh phúc của gặp gỡ; ông ấy chỉ phá hủy nỗi đau của phân tách.

Cổ hiểu khác biệt giữa hai tình huống này. Người ngu sẽ phá hủy hạnh phúc của gặp gỡ, và người trí huệ sẽ cắt bỏ cái đau của phân tách. Người trí huệ sẽ nghĩ, “Làm sao có thể có đau của phân tách khi nó đã hiện diện trong bản thân gặp gỡ rồi? Khi gặp gỡ được khát khao trông đợi, thế thì phân tách cũng đã được ham muốn rồi. Khi chết hiện diện trong sinh, thế thì làm sao có thể có buồn nào về chết được? Khi việc sinh ra của đứa trẻ được mong ước, cái chết cũng đã được bao hàm trong ước mong đó.” Người ngu sẽ phá hủy hạnh phúc của việc sinh, và người trí huệ thì sẽ phá hủy nỗi đau của việc chết.

Khi biết tới Brahman biểu hiện, Brahman mở rộng, cá nhân vượt qua cái chết. Người đó vẫn còn không bị ảnh hưởng bởi khổ, đau đớn và đau khổ do cái chết gây ra. Nhớ trong tâm trí, khổ, đau và lo nghĩ là cái bóng của cái chết. Vậy người đã tự mình được tự do khỏi cái chết không có khổ, không lo nghĩ và không đau đớn.

Bạn có lẽ còn chưa xem xét điều này - rằng khi bạn trở nên lo nghĩ, thế thì cái chết đang đứng đâu đó gần bạn. Giả sử nhà của một người bốc cháy; người đó sẽ lập tức lo nghĩ và khổ. Ngay khi một người thấy mình bị phá sản, người đó trở nên lo âu và lo nghĩ. Tại sao? - bởi vì bây giờ, bị phá sản, cuộc sống người đó trở nên đầy khó khăn, và cái chết đã tiến đến gần hơn một chút. Khi ngôi nhà bị phá hủy bởi ngọn lửa, cuộc sống người đó

trở nên bất an và không được bảo vệ - và cái chết đến gần hơn một chút. Đây là cách thức tâm trí con người vận hành trong những hoàn cảnh như thế, và do vậy người đó trở nên buồn bã và âu lo. Người đứng một mình trong bóng tối hoảng sợ và lo nghĩ bởi vì không cái gì thấy được trong bóng tối đó, và nếu cái chết tấn công người đó, người đó sẽ không có khả năng thấy được nó. Cho nên bất kì khi nào bạn trở nên lo nghĩ, tỉnh táo ngay lập tức đi; bạn sẽ thấy cái chết đứng đâu đó gần bạn. Lo nghĩ, lo âu là cái bóng của cái chết.

Bất kì khi nào và bất kì ở đâu tâm trí bạn bị cuốn vào trong khổ và đau đớn, nhận ngay ra rằng có ngu xuẩn nào đó về phần bạn trong diễn giải Brahman biểu hiện. Bạn tin điều không tránh được là tránh được; khổ của bạn bắt đầu từ chính điểm này của niềm tin. Bạn hi vọng rằng cái được định mệnh xảy ra có thể không xảy ra, và tại điểm này lo nghĩ của bạn bắt đầu; đau khổ và không thoải mái được tạo ra. Không, cái gì phải xảy ra sẽ xảy ra. Không có lối thoát khỏi nó, không cái gì khác có thể xảy ra. Khi bạn chấp nhận mật chú này, khi bạn chấp nhận thu xếp này về Brahman biểu hiện một cách toàn bộ, mọi thứ bên trong bạn sẽ trở thành bình tĩnh và yên tĩnh. Thế thì không cái gì để bạn lo nghĩ.

Do đó hiền nhân này đã nói rằng có giải thoát khỏi cái chết sau khi biết về Brahman biểu hiện. Nhưng đây là một nửa câu chuyện; lời kinh này vẫn còn chưa đầy đủ, chỉ một nửa thôi. Vẫn còn một điều nữa để chúng ta biết mà chưa được nói trong nửa đầu, và là phần rất tinh tế và sâu sắc. Chừng nào mà chúng ta chưa thể thấy được nó, chúng ta vẫn còn phân vân và ưu phiền, và trong dốt nát của mình chúng ta loạng choạng, đâm đầu vào tường và cố gắng đi qua nơi không có cửa. Chúng ta cứ xây nhà bằng bia và vẽ đường trên nước, và chúng ta cứ than khóc khi chúng ta thấy chúng bị xoá sạch và phá huỷ.

Bạn biết rằng ngay khi những đường được vẽ trên nước thì chúng bắt đầu biến mất. Khi bạn vẽ một đường trên nước và cố gắng làm cho nó thành vĩnh cửu, đây là lỗi của nước, hay của đường này của bạn, mà bạn không làm được theo nỗ lực của mình? Bạn sẽ đổ lỗi cho ai? Cho nước hay cho đường vẽ? Người thấy lỗi ở nước hay ở đường vẽ sẽ khổ; người hiểu được cái ngu xuẩn của riêng mình sẽ cười. Người đó sẽ biết rằng đường được vẽ trên nước nhất định sẽ bị xoá sạch. Nó phải bị xoá sạch. Nếu đường vẽ mà còn lại đó thế thì chúng ta thực sự trong khó khăn đấy!

Làm sao chúng ta có thể hiểu được Brahman không biểu hiện khi chúng ta thậm chí không có khả năng hiểu Brahman biểu hiện này? Nó tuyệt đối không biểu hiện trước chúng ta: có cái gì biểu hiện nhiều hơn cái chết không? Vậy mà chúng ta liên tục tự lừa dối mình. Khi ai đó chết đi, chúng ta nói một cách thông cảm, “Anh bạn đáng thương đã chết.” Điều đó không làm loé lên cho chúng ta cái nhìn về cái chết đó như lời nhắc nhở về cái chết riêng của chúng ta.

Tôi nhớ tới một dòng thơ do một nhà thơ Anh làm ra. Khi ai đó chết, chuông nhà thờ điểm. Nhà thơ đã nói, “Đừng hỏi chuông điểm cho ai; nó điểm cho ba người.” Tức là, không cần hỏi gì, biết rằng đây là chuông cho bạn.

Bằng việc giấu điểm một hiện tượng lớn như cái chết, chúng ta hành xử theo một cách thức mà nếu một lữ khách từ sao Hỏa tới và làm khách của chúng ta trong hai hay ba ngày, có hai điều mà người đó sẽ không phát hiện ra được về chúng ta, và hai điều này được gắn với nhau. Lữ khách đó sẽ không biết rằng có chết và dục trên hành tinh này, bởi vì chúng ta giữ hai điều này trong giấu điểm. Nhớ trong tâm trí, dục là cái khởi thủy cho sinh, nó là bước đầu tiên; và chết là bước cuối cùng của Brahman biểu hiện.

Kìm nén dục, bước đầu tiên, bắt đầu với sợ chết, bước cuối cùng. Nếu chúng ta muốn kìm nén cái chết, chúng ta sẽ phải làm cho bản thân mình quên mất quá trình sinh, bởi vì chết được móc nối với sinh. Do đó chúng ta che giấu quá trình sinh trong bóng tối. Quá trình sinh được thực hiện sau tấm màn. Và chúng ta đẩy cái chết ra ngoài giới hạn của thôn làng chúng ta. Tại đó chúng ta dành ra một chỗ làm nghĩa địa, bởi vì chúng ta rất sợ chết. Chúng ta rải hoa lên những nấm mồ để cho bất kì ai tình cờ đi ngang qua những nấm mồ đó có thể không nhìn thấy chúng. Khi cái xác chết được mang ra nghĩa địa, chúng ta phủ trên nó bằng hoa, để cho cái xác có thể dường như không chết mà là việc nở hoa. Bạn có thể phủ lên xác bằng hoa nhiều tùy thích, bạn có thể xây dựng lăng tẩm đẹp bao nhiêu tùy thích, và khắc chạm tên lên những phiến đá cứng nữa - nhưng người đã chết là chết vĩnh viễn. Khi người nằm trong mồ không thể được gìn giữ, những cái tên khắc trên đá đó kéo dài được bao lâu? Và cũng không thành vấn đề việc chúng ta đẩy các nấm mồ ra xa thành phố bao nhiêu, cái chết sẽ xảy ra trong thành phố chứ không trong nghĩa địa.

Chúng ta kìm nén dục và che giấu nó bởi vì nó là cội nguồn của sinh. Lí do vô ý thức của chúng ta để giữ nó bị kìm nén và bị che giấu là ở chỗ nó là bước đầu tiên. Nếu nó bị để lộ ra và đưa ra công khai, thế thì cái chết cũng sẽ bị lộ ra; sẽ không còn có thể giấu diếm cái chết. Cho nên cũng thú vị mà chú ý rằng những xã hội mà dục không bị kìm nén thì trở nên bận tâm và lo nghĩ về cái chết, còn những xã hội nào mà kìm nén dục hoàn toàn, không hiểu biết về nó cứ như là nó không tồn tại, cũng kìm nén cả cái chết.

Tôi đã nghe câu chuyện này. Một cậu bé Do Thái một hôm từ trường về nhà sau khi đã học ở trường về cách thức trẻ con được sinh ra. Nó rất hài lòng với thông tin mới này và rất háo hức

để phô bày tri thức của mình. Ngay khi nó về nhà nó liền hỏi mẹ: nó được sinh ra như thế nào. Mẹ nó nói, “Thượng đế phái con xuống.”

Thế là nó hỏi, “Thế bố con được sinh ra như thế nào?”

Mẹ nó nói, “Bố con cũng do Thượng đế phái xuống.”

Đứa trẻ hỏi, “Thế ông con được sinh ra như thế nào?”

Mẹ nó bây giờ đôi chút băn khoăn nhưng nói rằng ông ấy cũng do Thượng đế phái xuống. Thằng bé tiếp tục hỏi cho tới khi nó tới đời thứ bảy, và bà mẹ tức điên lên nói, “Nhìn đây, mày không thấy chỉ có một câu trả lời cho câu hỏi của mày sao?”

Thế là thằng bé kêu lên, “Cái gì! Mẹ nói rằng cho suốt đến tận bảy đời mà không có dục trong gia đình ta sao?”

Không, có một nhu cầu vô ý thức lớn để kìm nén dục. Nó là bước đầu tiên của sinh. Nếu nó được công khai ra và được biểu lộ ra thế thì cái chết cũng sẽ được biểu lộ ra. Chừng nào đứa trẻ không biết cách thức con người được sinh ra, chúng cứ hỏi mãi câu hỏi này. Nhưng khi chúng có thông tin này chắc chắn chúng sẽ hỏi con người chết như thế nào. Cho nên bạn giấu diếm bước đầu tiên này, về việc sinh, che giấu với trẻ con, và chúng bao giờ cũng hỏi câu hỏi này; chúng chưa bao giờ có cơ hội để hỏi con người chết như thế nào!

Nhớ trong tâm trí, nếu việc xảy ra của sinh được hiểu rõ, thế thì câu hỏi tiếp không thể là gì khác hơn điều liên quan tới cái chết. Cho nên tại đầu này dục bị kìm nén, và tại đầu kia chết bị kìm nén: tìm ở nghĩa địa bên ngoài giới hạn thôn làng. Do vậy chúng ta sống trong bóng tối giữa hai đầu, và chúng ta sống trong sợ hãi lớn lao. Phải có sợ, bởi vì chúng ta không biết sinh là gì, không biết chết là gì. Khi chúng ta cố gắng làm giả dối ngay cả

Brahman biểu hiện cái công khai và rõ ràng thế, thế thì nói gì về Brahman không biểu hiện mà bị giấu kín và không lộ ra? Làm sao chúng ta có thể đi vào trong điều đó được?

Hiểu hai việc xảy ra này - sinh và tử - cho đúng. Chúng là hai đầu của một hiện tượng. Sinh là bắt đầu và tử là chỗ kết của một và cùng một vòng tròn. Chết xảy ra tại chỗ sinh xảy ra. Việc xảy ra của tử và việc xảy ra của sinh là bộ phận của một việc xảy ra.

Cái gì xảy ra trong sinh? Thân thể được tạo ra. Tế bào dục và tế bào cái tổ hợp lại và cho sinh ra một thân thể hợp thành. Cả hai đều có một nửa vật chất bên trong chúng, do đó có sự hấp dẫn mạnh mẽ của chúng lẫn nhau. Các nửa này kéo lẫn nhau vào mọi lúc. Chúng muốn là cái toàn thể, cho nên có hấp dẫn cực lớn giữa chúng. Đây là lí do tại sao trẻ con được sinh ra vào mọi thời mặc cho tất cả những huấn thị tôn giáo, mọi qui tắc, nguyên lí và giáo dục chống lại dục. Những người thuyết giảng về vô dục tới và đi, nhưng họ bao giờ cũng thuyết giảng mà không tác dụng gì. Sức hấp dẫn mạnh đến mức tất cả những thuyết giảng và giáo lí đều không thể động chạm tới nó được. Đây là hấp dẫn của hai nửa của một và cùng một yếu tố. Điều ấy cũng tựa như là bẻ một vật ra làm hai phần và các phần này muốn gặp lại nhau lần nữa. Khi chúng gặp nhau một thân thể mới được tạo ra. Nửa này của các tế bào do đàn bà trao cho còn nửa kia do đàn ông trao cho.

Cho nên sinh nghĩa là tạo ra một thân thể từ sự gặp gỡ của các nửa tế bào của đàn ông và đàn bà. Ngay khi một thân thể được tạo ra, một linh hồn đi vào thân thể đó - một linh hồn có ham muốn sẽ được thoả mãn bởi thân thể đó, và việc đi vào của nó trong thân thể là tự nhiên và tự định hướng như nước mưa trút đầy lỗ và tạo thành vũng vậy. Trật tự các thứ là sao cho linh hồn đi vào bụng mẹ thuận tiện cho bản thân nó.

Điều gì xảy ra trong chết? Hai phần đã hợp nhất đó của yếu tố ấy bắt đầu tan ra và vỡ ra. Không cái gì khác ngoài điều này xảy ra. Móc nối bên trong bắt đầu yếu đi và lỏng ra. Tuổi già có nghĩa là yếu dần mỗi nối. Thân thể hợp thành này bắt đầu phân rã. Cách thức mà theo đó móc nối rạn nứt đã được đặt vào khoảng khắc thai nghén. Điều này không được xác định bởi chiêm tinh học mà bởi khoa học. Thực ra, khi các tế bào của người đàn ông và đàn bà gặp nhau, tất cả điều này đều được xác định.

Hiện tại tri thức khoa học của chúng ta về những vấn đề này là không thích hợp, mặc dầu nó vẫn đang tăng tiến ngày nọ qua ngày kia. Nếu không phải hôm nay, chắc chắn trong tương lai chúng ta sẽ có khả năng dự đoán được quá trình thân thể cố hữu của một đứa trẻ sẽ kéo dài bao lâu - liệu đó là bảy mươi năm hay tám mươi năm, hay một trăm năm. Nó sẽ giống như đưa ra bảo hành mười năm cho một cái đồng hồ, bởi vì việc kiểm nghiệm những phần khác nhau của bộ máy của nó sẽ cho ta biết rằng chiếc đồng hồ này sẽ có khả năng chống lại hao mòn và tàn phá do không khí, nhiệt độ, tốc độ và những thứ khác trong mười năm. Thế rồi sức mạnh của nó để chống việc hao mòn và tàn phá sẽ mất đi.

Vào ngày đứa trẻ được thụ thai, các tế bào của đàn ông và đàn bà hội nhập lại với nhau và xác định ra đứa trẻ sẽ có khả năng chịu đựng được bao lâu căng thẳng của không khí, nước, nhiệt độ, mưa, khô, đau, xung đột, gặp gỡ, phân tách, bạn bè, kẻ thù, hi vọng và thất vọng, ngày và đêm và mọi thứ như thế. Vậy chúng xác định khi nào thì mỗi nối sẽ nao núng trong quá trình chịu đựng và chống lại căng thẳng, và khi nào thì những tế bào đã thống nhất này sẽ tan đi. Vào lúc phân tách của chúng linh hồn sẽ phải rời bỏ thân thể đó. Chết và dục là hai đầu của một và cùng một điều. Mọi thứ được nối qua dục là bị tách ra qua chết.

Dục là tổng hợp, chết là phân tích. Dục nổi vào, chết tách ra. Việc xảy ra là như nhau, không có khác biệt trong nó.

Người biết đầy đủ Brahman biểu hiện này thành công trong việc chấp nhận nó. Chấp nhận là thắng lợi. Bạn trở thành người chủ của một thứ khi bạn đã chấp nhận nó. Thậm chí nếu bạn chấp nhận cảnh nô lệ, thế thì trở thành người chủ và không còn là nô lệ nữa. Bạn sẽ không có khả năng làm tôi thành nô lệ được nếu tôi vẫn còn hạnh phúc ngay cả qua việc bạn còng tay tôi, hay nếu tôi vẫn cứ nhảy múa ngay cả khi bạn nhốt tôi sau chấn song. Khi thậm chí không có một ý nghĩ tạm thời rằng “Minh có thể vẫn còn tự do nếu...” nhưng thay vào đó là chấp nhận đơn giản về cái đã xảy ra, thế thì bạn thất bại. Bạn đã không làm cho tôi thành tù nhân được. Tôi vẫn cứ là người chủ riêng của mình. Ngược lại, bạn sẽ là nô lệ của tôi, bởi vì bạn sẽ phải khoá tôi và để lính gác ở công. Nếu tôi chấp nhận điều kiện này một cách vui vẻ, nếu tôi có thể hát trong tù trong khi bạn phải đứng đó và theo dõi với khuôn mặt nhìn thẳng và khẩu súng trong tay, thế thì ai là bị tù? Chấp nhận toàn bộ, bạn vẫn còn là người chủ ngay cả trong cảnh nô lệ; và bạn trong cảnh nô lệ nếu bạn không làm chủ toàn bộ bản thân mình. Chấp nhận toàn bộ là giải thoát. Chấp nhận toàn bộ bất kì sự kiện nào là tự do. Khi một người biết đúng đắn Brahman biểu hiện, người đó đạt tới chấp nhận toàn bộ, và do vậy được giải thoát khỏi cái chết.

Bây giờ chúng ta xem xét điểm thứ hai, mặc dầu nó là khó hiểu thấu. Sẽ là đủ nếu điểm thứ nhất được hiểu thấu đúng. Biết Brahman không biểu hiện là vấn đề của kinh nghiệm còn sâu sắc hơn và tinh tế hơn. Để biết nó, người ta phải hoặc đi ra trước việc sinh của mình hoặc đi ra bên ngoài cái chết của mình. Không có cách nào khác ngoại trừ điều này. Đó là lí do tại sao thiền sư ở Nhật yêu cầu người tìm kiếm, những người tới ông ấy, phải thiền và tìm ra khuôn mặt của mình là gì trước khi sinh - tìm ra khuôn mặt nguyên thủy của mình - bản lai diện mục của mình.

Khuôn mặt bạn có bây giờ không khác khuôn mặt nguyên thủy của bạn hơn là khuôn mặt bạn đang mang hôm qua. Khuôn mặt được thấy bây giờ không phải là của bạn; nó đã được nhận từ bố mẹ bạn. Cái mũi này và những nét mặt khác, cái phức hợp này, được nhận từ bố mẹ bạn; chúng không phải là của bạn. Nếu bạn có bố mẹ da đen, bạn thừa hưởng màu da đen, nếu họ là người Anh thì màu sẽ là xám xám. Những chất màu này của thân thể bạn là từ bố mẹ bạn, chúng không phải là của bạn; cho nên đi và phát hiện ra màu riêng của bạn đi. Khuôn mặt này của bạn là được bố mẹ bạn trao cho bạn, cho nên thử tìm khuôn mặt nguyên thủy của bạn. Những khuôn mặt được vay mượn sẽ bị lấy đi. Chúng không là cái gì nhiều hơn mặt nạ - những khuôn mặt giả. Nhưng bởi vì chúng kéo dài bảy mươi năm, chúng ta nghĩ chúng là khuôn mặt thật của chúng ta. Nếu một người được trao cho chiếc mặt nạ cố định, lắp chắc chắn đến mức nó không thể tháo ra được, trong vài ngày người đó sẽ bắt đầu coi nó như khuôn mặt của riêng mình, bởi vì bất kì khi nào người đó đứng trước gương người đó sẽ thấy cái mặt nạ này.

Một thực nghiệm rất kì lạ đã được thực hiện gần đây ở Mỹ bởi một người Mỹ da trắng. Người này quyết định trở thành người da đen bằng việc thay đổi màu da của mình thành màu đen. Sống ở Mỹ, người này muốn tự mình thấy, kinh nghiệm thực sự, người da đen phải sống trong nước mình vất vả như thế nào. Người da trắng này có thể không có ý tưởng gì về việc người da đen phải chịu đựng vất vả thế nào. Làm sao họ có thể nhận ra được mà không thực tế là người da đen? Bất kì cái gì được biết khác đi sẽ chỉ là tri thức của người da trắng.

Đây là một thực nghiệm đòi hỏi lòng dũng cảm rất lớn. Lúc ban đầu, các nhà khoa học từ chối giúp người này bởi vì đây là công việc nguy hiểm. Nhưng người này rất cứng rắn, cho nên dần dần người đó thuyết phục được ba nhà khoa học giúp mình tiến hành thực nghiệm. Sau một sự xử lí lâu dài sáu tháng trong đó

việc tiêm một chất sắc tố mới vào cho anh ta, màu da người đó đã chuyển thành màu da của người da đen. Lớp da của người đó bây giờ đen, và tóc xoắn cũng được cấy nhân tạo.

Người đó đã viết trong hồi kí của mình: “Khi các nhà khoa học bảo tôi lần đầu tiên rằng hiệu quả vật lí đã thành công, và bây giờ tôi có thể bắt đầu thực nghiệm của mình, tôi đã nghĩ tới việc tới buồng tắm để xem khuôn mặt mình. Nhưng tôi không đủ liều lĩnh để bật đèn lên. Tôi không chắc về điều tôi sẽ thấy. Với một tay run run tôi bật đèn lên. Tôi đã trông đợi rằng tôi vẫn còn như tôi vẫn thế - tức là, nét mặt sẽ không thay đổi, chỉ màu da là khác đi. Nhưng khi tôi nhìn vào gương, tôi thấy rằng không chỉ màu da đã thay đổi mà tôi nữa cũng đã thay đổi. Tôi không thể đoán được điều gì đã xảy ra, không thể đoán được ai đang đứng trước gương. Mọi thứ đều thay đổi.

“Tôi đã nghĩ, khi trở nên giống người da đen, rằng tôi sẽ sống giữa những người da đen trong sáu tháng để kinh nghiệm một cách cá nhân điều họ đã phải chịu đựng; tôi biết rằng tôi sẽ không là người da đen mãi mãi - tôi sẽ vẫn còn như tôi thực sự vẫn là.” Nhưng người đó đã viết trong hồi kí của mình rằng “Sau khi sống giữa những người da đen trong bốn hay năm ngày, tôi bắt đầu quên mất rằng mình là người Mĩ da trắng. Tôi bắt đầu quên mất rằng mình là người da trắng. Hàng ngày tôi thấy khuôn mặt mới của mình trong gương. Tôi đã thấy ảnh chụp mình như một người da đen. Những người da đen khác bắt đầu đối xử với tôi cứ như tôi là người da đen vậy. Bước đi trên đường, những người Mĩ da trắng, người vẫn quen chào đón tôi, đi qua tôi mà không để ý gì đến tôi. Một hôm tôi tới nhà của vợ tôi và đứng dưới cửa. Vợ tôi nhìn tôi và bỏ qua tôi.”

Người nào để ý đến một người da đen? Bạn có để ý tới người phục vụ, hay người quét rác đang đứng ở cửa nhà bạn không? Ai chú ý tới họ? Ai nhìn vào họ một cách chăm chú? Họ đơn thuần

được nhìn; không ai nhìn họ chăm chú. Có lần người đó tới thợ chữa giày, người vẫn thường làm giày và cũng đánh bóng giày cho anh ta. Người đó đặt đôi giày ở chỗ để đánh bóng. Người thợ giày ngẩng lên nhìn và hỏi, “Ông không có mắt hay sao? Bỏ chân ông ra khỏi chỗ của tôi!”

Người đó đã viết, “Thế là tôi đã không cảm thấy rằng vì tôi thực sự là người da trắng tôi phải buồn cười về thái độ của người đó - rằng đây đơn giản là cách người đó đối xử với người da đen. Không, tôi đã cảm thấy rằng cách đối xử đó là dành cho tôi, người da trắng, và tôi cảm thấy bị xúc phạm.” Khi việc điều trị nhạt dần đi sau sáu tháng và làn da người đó trở lại màu trắng, người đó đã viết trong hồi kí, “Khi tôi nhớ lại sáu tháng đó, tôi không cảm thấy tôi thực sự đã trải qua cuộc sống như thế. Tôi cảm thấy dường như tôi đã thấy giấc mơ nào đó. Người da đen đó là một người nào đó khác, một người khác; tôi là một người khác với anh ta. Chúng ta liên kết quá nhiều với khuôn mặt mình.”

Khuôn mặt đó không phải là của người đó. Người đó mang khuôn mặt đó chỉ sáu tháng. Nhưng điều đáng quan tâm là thế này: người đó tin khuôn mặt mà người đó đã mang trong sáu tháng không phải là của người đó, mà tin rằng khuôn mặt người đó đã mang trước đó và sau đó sáu tháng mới là của người đó. Khuôn mặt đó cũng không phải là của người đó nốt. Khuôn mặt sáu tháng đã do các nhà khoa học trao cho anh ta, còn khuôn mặt ‘nguyên gốc’ này mà người đó có từ bố mẹ cũng không phải là của người đó. Nó không phải là của riêng người đó.

Khuôn mặt của riêng người ta chỉ có thể được bắt gặp hoặc trước sinh hoặc sau chết. Tìm kiếm trước sinh là rất gian nan; rất khó để biết Brahman không biểu hiện trước sinh. Tôi đã bảo các bạn trước đây rằng so sánh với Brahman biểu hiện, rất khó biết Brahman không biểu hiện. Bây giờ tôi lại bảo bạn, có hai cách.

Đi lùi lại trước khi sinh; đi sâu vào trong thiền đến mức bạn có thể quay lùi lại trước khi sinh, để cho bạn sẽ có thể biết Brahman không biểu hiện. Cách khác là đi xa hơn và xa hơn trong thiền để cho bạn có thể chết và đi ra ngoài cái chết; thế nữa bạn sẽ kinh nghiệm Brahman không biểu hiện.

Trong hai cách này, thực nghiệm với việc chết là dễ dàng, bởi vì nó có liên quan tới sự kiện tương lai. Đi lùi là rất khó, tiền lên là dễ dàng. Bạn có thể nhảy về phía trước. Đi lùi là rất khó. Mặc lại quần áo trẻ con là rất khó. Trở lại bụng mẹ là gian nan phi thường, bởi vì con đường trở nên ngày càng chật hẹp hơn. Nhưng bộ quần áo chùng của cái chết là dễ mặc vào. Con đường trở nên ngày càng rộng hơn. Nhớ lấy, cánh cửa tới việc sinh là rất nhỏ; cánh cửa tới cái chết là rất rộng. Đi ra ngoài cái chết là dễ dàng.

Có thể đi lùi lại ra ngoài việc sinh. Có những quá trình và kỹ thuật để làm điều đó, nhưng chúng rất khó thực hành và theo đuổi. Việc thiền mà tôi đang nói tới là thực nghiệm với cái chết. Nó là việc nhảy vào trong cái chết. Qua việc đi vào trong cái chết một cách có chủ ý, đây là một bài tập trong việc thấy. Đây là việc thực hành tồn tại dường như chết. Nếu điều này xảy ra và bạn đi vào cái chết một cách có ý thức và trở thành dường như bạn không có, thế thì khuôn mặt của Brahman không biểu hiện sẽ thành thấy được. Khuôn mặt đó sẽ được thấy chính là khuôn mặt trước sinh và cũng là sau chết.

Các quá trình có thể là hai, nhưng trung tâm đó là một và cùng một. Bạn có thể thấy trung tâm đó hoặc bằng cách đi lùi về sau hoặc bằng cách tiến lên trước. Nhưng con đường đi lên là dễ dàng, cho nên tôi nhấn mạnh vào con đường của cái chết. Tôi không khuyên bạn đi lùi lại trước khi sinh để thấy khuôn mặt đó; tôi khuyên bạn đi lên trước vượt ra ngoài cái chết để thấy khuôn mặt đó. Một ý chí như thế và cái chết được chấp nhận trở thành

thiền. Và nếu một cá nhân muốn sống trong một cái chết như thế không phải chỉ trong vài giây mà cho toàn bộ cuộc đời mình, người đó trở thành một sannyasin. Tính chất sanyas có nghĩa là sống theo cách dường như đã chết.

Có một thiền sư tên là Bokoju. Ông ấy đã đi vào trong tính chất sannyas. Có lần khi ông ấy đi qua một làng, một ai đó bắt đầu văng lời chửi rủa ông. Ông ấy chỉ đứng đó, nghe chửi.

Một chủ cửa hàng thấy điều này nói, “Sao ông cứ đứng như trời trồng ra thế? Nó đang chửi ông đấy.”

Bokoju đáp, “Tôi là người chết. Làm sao bây giờ tôi trả đũa được?”

Viên chủ cửa hàng ngạc nhiên và nói, “Ông mà là người chết à? Ông trông tuyệt đối sống.”

Thế rồi Bokoju nói, “Có giá trị gì trong cái chết vật lý của tôi? Khi tôi chết, tôi sẽ chết như tất cả mọi người chết; nhưng bây giờ tôi là chết khi còn sống: điều này có giá trị nào đó.”

Sinh xảy ra một cách vô ý thức, và bây giờ không có cách nào để đi vào trong nó. Nhưng chết vẫn còn ở phía trước trong tương lai, và bạn có thể đi qua nó một cách có chủ ý. Cơ hội để biết khuôn mặt nguyên thủy của bạn qua sinh nay đã mất rồi, nhưng cơ hội vẫn còn tồn tại để biết nó qua chết. Nhưng nhớ trong tâm trí rằng bạn có thể bỏ lỡ cơ hội này nữa. Nếu chết tới như như cái sinh tới cho bạn một cách ngẫu nhiên, thế thì bạn sẽ bỏ lỡ cơ hội này để biết. Nhưng nếu bạn tự chuẩn bị để đón chào chết, nếu bạn cứ chết đi thường xuyên, thế thì bạn sẽ biết.

Đây là nghĩa của tính chất sannyas - chết tự nguyện. Tiếp tục chết, tiếp tục trở thành dường như là chết. Nếu ai đó chửi bạn, nghĩ rằng bạn đã chết. Bạn sẽ làm gì nếu bạn chết về mặt vật lý và ai đó đứng trên nấm mồ của bạn và chửi bạn? Bắt đầu bây giờ đi.

Bắt đầu làm cái mà bạn sẽ làm khi sợ bạn đang nằm đâu đó và ai đó đá vào nó. Đây là ý nghĩa đúng đắn của sannyas. Do vậy bạn sẽ có thể đi vào Brahman không biểu hiện.

Bằng không bạn cũng sẽ bỏ lỡ cơ hội chết này. Và không phải là bạn đang bỏ lỡ nó lần đầu đâu; bạn đã bỏ lỡ nó nhiều lần rồi. Tương tự, bạn đã bỏ lỡ cơ hội sinh nhiều lần. Cơ hội này bây giờ bị mất đối với bạn, và trước nó nhiều cơ hội sinh và chết cũng đã bị mất.

Bạn đã quen thuộc với quá trình này đến mức bạn đam mê nghiện nó. Bạn đã đi qua một quá trình này lặp đi lặp lại. Bây giờ bạn cần ra quyết định về việc liệu có đi thêm nữa với quá trình này hay không, vì tất cả chúng ta đều có cơ hội làm lợi cho bản thân mình về cơ hội chết lần nữa. Tại sao không nhân cơ hội này để đi vào cái không biểu hiện!

Hiện nhân này tuyên bố, “Người đi vào cái không biểu hiện đạt tới cái bất tử. Người biết tới cái biểu hiện chinh phục được cái chết, và người đi vào cái không biểu hiện thì đạt tới cái bất tử.”

Nhớ lấy, cái bất tử chỉ có thể được biết chỉ bởi việc đi vào cái chết, bởi vì khi chúng ta đi vào cái chết một cách toàn bộ, khi chúng ta chết theo mọi cách thức và vậy mà vẫn thấy chúng ta đã không chết, thế thì tính bất tử được đạt tới. Cho nên khi ai đó chửi bạn và bạn hành xử hết như xác chết và vẫn còn có ý thức về bản thân mình, thế thì bạn sẽ không phản ứng với lời chửi đó. Nếu ai đó chặt tay bạn, hay thậm chí chặt cổ bạn, và trong khi bị chặt, bạn vẫn còn ý thức tới bản thân mình, thế thì cánh cửa của cái bất tử là mở ra cho bạn. Người mà cố gắng cứu bản thân mình khỏi chết thì sẽ không đạt tới cái bất tử, còn người đi vào cái chết sẽ ném cam lồ của cái bất tử.

Biết Brahman không biểu hiện là tìm ra cái bất tử, bởi vì cái không biểu hiện là cái bất tử. Tồn tại trước sinh và sau chết, đó là cái bất tử. Nó chưa hề sinh nên nó không hề diệt. Chúng ta cũng là cùng cái đó. Chỉ thân thể lấy việc sinh; nó là cái hợp thành, được nhận từ bố mẹ. Chúng ta tới từ thời rất, rất cổ đại. Chúng ta đã có khi thân thể còn chưa có. Khi đi vào thân thể, sự đồng nhất với nó xảy ra, và khi thân thể chết dường như là, “Tôi chết.”

Khi cái chết tới một cách bất thành linh - và nói chung nó tới một cách bất thành linh, không báo trước - nó bày tỏ cho bạn lòng tốt. Nếu nó định báo trước việc tới của nó bạn sẽ gặp khó khăn lớn; chính hành động khoan dung về phần cái chết là ở chỗ nó không báo trước cho bạn. Giả sử cái chết định thông báo cho bạn, hai mươi bốn giờ trước, về việc tới của nó: điều gì sẽ xảy ra? Bất kì cái gì sắp xảy ra trong hai mươi bốn giờ chắc chắn sẽ xảy ra, nhưng khó mà hình dung ra được bạn sẽ khổ như thế nào trong thời kì đó. Bạn sẽ khổ và không thoải mái khi chờ đợi cuộc hẹn hò, mặc dầu thực ra bây giờ bạn có cơ hội để đi qua cái chết một cách có ý thức. Bạn sẽ thấy việc sống hết giây nọ sang giây kia là rất khó khăn. Bạn có thể trải qua, bạn có thể mất cảm giác của mình. Cũng có thể xảy ra là - có khả năng ấy - bạn trải qua thời điểm này mà không mất ý thức. Nhưng khả năng lớn hơn là ở chỗ bạn sẽ trải qua thời gian trong cơn mê, và chung cuộc chết trong hoàn cảnh đó. Cho nên vấn đề có lẽ trở thành hoàn toàn vô ích đối với bạn để nhận được sự báo trước về thời điểm chết của bạn.

Sannyas có nghĩa là tự thông báo cho mình, tự hiểu và tự nhủ với mình rằng, “Chuông điểm cho ta đây. Cái xác đang được đưa tới nghĩa địa là thân thể ta. Thân thể đang cháy trên đụn thiêu là thân thể ta.” Đây là lí do tại sao đầu của sannyasin thường được cạo trọc, như được làm cho cái đầu của người chết. Trước đây đã có một số nghi lễ và tuân thủ tôn giáo đã được qui định cho việc điểm đạo cho một người thành sannyasin. Đầu người đó phải

được cạo tóc, và họ hàng người đó thường khóc lóc và tấm lòn cuối cho người đó, hết như họ vẫn làm cho người khác sau cái chết của họ.

Ngay cả bây giờ một số trong những nghi lễ này vẫn còn được duy trì, bởi vì người đi vào tính chất sannyas là đang làm chết đi những mối quan hệ và mối nối trần gian của mình. Việc khóc lóc của người thân sẽ dừng lại trong một hay hai ngày, vì họ thấy rằng mặc dầu con người này đã quyết định làm chết đi mối quan hệ trần thế, người đó vẫn sống. Điều này là tốt theo một cách nào đó. Sannyasin cho phép người thân của mình trải qua đau đớn và khổ của cái chết của người đó trong sự hiện diện của người đó; khi người đó thực sự chết thì người đó sẽ không có đó để an ủi họ trong nỗi khổ của họ.

Trong những ngày cổ xưa ấy người ta quen đặt một người mới điếm đạo lên dàn thiêu. Những ngày ấy là những ngày rất hồn nhiên. Sau khi đặt người đó lên dàn thiêu họ châm lửa dàn thiêu. Thế rồi thầy sẽ hô lên, “Ông đã chết! Nhớ lấy, ông đã chết!” Thế rồi người đó được nâng ra khỏi dàn thiêu đang cháy và được cho một cái tên mới, và nghi lễ này đã tuyên bố rằng con người cũ và cái tên cũ của người đó đã trôi qua vĩnh viễn. Đây là những ngày rất hồn nhiên, cho nên người trải qua buổi lễ nhỏ này đã tin rằng cái ta cũ của mình đã chết và người đó bây giờ là một người mới.

Ngày nay hồn nhiên đó không có đó. Nếu bạn bị đặt lên dàn thiêu, bạn sẽ lập tức trèo xuống ngay. Nếu đầu bạn được cạo tóc, bạn sẽ để cho bản thân mình được chụp ảnh rồi giữ chiếc ảnh đó trong anbum cùng với các ảnh khác. Bạn sẽ duy trì tính liên tục. Ngày nay con người đã trở nên rất láu lỉnh và tinh ranh, cho nên từ bỏ thực đã trở thành hiếm. Nhưng không có cách nào khác hơn tính chất sannyas để biết tới Brahman không biểu hiện. Ngay cả

một người trần tục cũng có thể biết tới Brahman biểu hiện, nhưng chỉ sannyasin mới có thể biết Brahman không biểu hiện.

Đủ cho hôm nay. Chúng ta sẽ gặp lại vào đêm nay.

Bây giờ chúng ta bắt đầu cuộc hành trình của mình tới cái không biểu hiện. Để chúng ta chết đi.

16

Chỉ việc biết còn lại

*Khuôn mặt của Brahman đó,
ngồi ở giữa sự tràn trề ánh sáng,
bị che phủ bởi tấm màn vàng.
Xin Thượng đế cởi bỏ tấm màn đó ra
để cho con, người tìm kiếm chân lí,
có thể đạt tới điều tối cao.*

Lời kinh này hơi khó hiểu, nhưng nó có ý nghĩa phi thường bởi nhiều lí do. Trước hết, chúng ta nói chung vẫn tin rằng nếu chân lí bị che phủ, nó phải bị che phủ bởi bóng tối, nhưng lời kinh này nói nó bị che phủ bởi ánh sáng; do đó có lời cầu nguyện rằng Thượng đế sẽ cởi bỏ tấm màn ánh sáng.

Đây là kinh nghiệm của người đã tiến hành tìm kiếm sâu sắc về chân lí. Những người chỉ suy nghĩ bao giờ cũng sẽ nói rằng chân lí bị bao phủ trong bóng tối, nhưng những người đã biết qua kinh nghiệm sâu sắc sẽ nói nó bị che phủ trong ánh sáng; và nếu nó trông có vẻ tối, đấy là vì cái chói của ánh sáng này. Chúng ta bị loá mắt khi ánh sáng quá mạnh; thế thì ánh sáng trông như bóng tối bởi vì nhược điểm của mắt chúng ta, chúng không thể chịu đựng được quá nhiều ánh sáng.

Nhìn vào mặt trời với mắt mở to, và trong một vài giây bạn sẽ trong bóng tối. Mặt trời chói lọi đến mức mắt không thể chịu đựng nổi nó. Cho nên những người đã biết từ một khoảng cách và không trực tiếp - người chỉ nghĩ về nó - sẽ nói rằng ngôi đền của Thượng đế bị giấu trong bóng tối. Nhưng những người đã biết đến kinh nghiệm về nó sẽ nói nó bị giấu trong ánh sáng, và họ sẽ cầu nguyện Thượng đế bỏ tấm màn đó. Áo tường được tạo ra bởi vì mắt chúng ta quá yếu không trụ nổi trước dư thừa ánh sáng. Con người chúng ta không thích hợp để đón nhận nó.

Khi người ta tiến tới chân lí, ánh sáng bắt đầu tăng lên, trở nên ngày càng chói lọi hơn. Những người đang đi xa thêm vào trong thiền dần dần đi tới biết việc toả sáng tăng lên khi việc thiền của họ trở nên ngày càng sâu hơn. Một sanniyasin người Italia tên là Veet Sandeh hôm nay bảo tôi rằng có quá nhiều ánh sáng bên trong cô ấy đến mức cô ấy kinh nghiệm các tia sáng loé ra từ cô ấy, và toàn bộ thân thể cô ấy bùng cháy cứ như mặt trời đang chiếu sáng bên trong cô ấy. Sức nóng không đến từ bên ngoài mà từ bên trong, và ánh sáng đó chói lọi đến mức cô ấy

khó ngủ được trong đêm. “Khi tôi lơ mơ,” cô ấy nói, “toàn ánh sáng là ánh sáng khắp xung quanh.”

Khi người ta đi ngày càng sâu hơn vào thiền, ánh sáng này trở nên càng mạnh, tập trung và xuyên thấu, và một khoảnh khắc sẽ tới khi cường độ ánh sáng lớn đến mức người đó kinh nghiệm bóng tối sâu sắc. Chỉ các vị thánh Ki tô giáo đặt tên đúng cho khoảnh khắc này. Họ gọi nó là, “Đêm tối của linh hồn.” Nhưng đêm tối như hắc ín này là do ánh sáng quá mức, sự tràn trề ánh sáng. Chính trong khoảnh khắc này mà con người cầu nguyện Thượng đế bỏ đi tấm màn ánh sáng, “Để cho con có thể thấy khuôn mặt của chân lý ẩn đằng sau nó.”

Điều duy nhất được trông đợi là sẽ có quá nhiều ánh sáng bao quanh chân lý đến mức nó làm mù mắt chúng ta. Điều khớp và tốt là chân lý được che giấu bên trong vòng tròn ánh sáng đó. Chỉ ảo tưởng của chúng ta là chân lý bị che giấu trong bóng tối. Làm sao có thể có bóng tối bao quanh chân lý được? Nếu bóng tối bao quanh chân lý, thế thì chúng ta sẽ tìm ra ánh sáng ở đâu trong thế giới này? Làm sao bóng tối có thể bao quanh chân lý được? Không có khả năng nào, không cách nào, để bóng tối tồn tại gần ánh sáng được. Nơi có chân lý chắc chắn sẽ có ánh sáng; nó chỉ trông như bóng tối đối với chúng ta. Nếu chúng ta hỏi nhà huyền môn Sufi, họ sẽ bảo chúng ta rằng khi chúng ta đi sâu vào thiền không chỉ có một mặt trời, có cả nghìn mặt trời. Cho nên việc tràn trề ánh sáng thì dường như là có vô số mặt trời đang chiếu sáng đồng thời bên trong. Một cách tự nhiên, chúng ta sẽ bị loá mắt như mù.

Chân lý được ẩn trong ánh sáng. Và bạn có để ý không? - thật dễ dàng cho chúng ta mở mắt trong bóng tối, nhưng rất khó để mở mắt trong sự tràn trề ánh sáng. Có gì khó khăn trong việc để mắt mở, hay trong việc mở chúng, vào đêm không trăng? Nhưng nếu mặt trời chiếu vào mắt chúng ta thấy rất khó mở mắt ra.

Xung đột cuối cùng của những người tiến tới chân lý là với ánh sáng, không phải với bóng tối.

Lời kinh này nói về thời kì đó của xung đột. Trong khoảnh khắc đó người tìm kiếm cầu nguyện, “Xin Thượng đế bỏ tấm màn đó ra để cho con có thể thấy được khuôn mặt nguyên thủy, thực sự của ngài.” Có vẻ hoàn toàn tự nhiên nếu ai đó cầu nguyện, “Xin đưa chúng con ra xa khỏi bóng tối; xin dẫn dắt chúng con ra khỏi bóng tối,” nhưng, “Xin bỏ ánh sáng này”... là sao? Và một điểm đáng quan tâm nữa là từ vàng được dùng để mô tả ánh sáng - đây là một từ rất dễ chịu. Ánh sáng này giống như vàng. Nó là ánh sáng mà chúng ta sẽ không có ước ao nào bỏ nó đi. Rất khó để yêu cầu nó được bỏ đi, nhưng chân lý không thể được thấy cho tới khi ánh sáng đó được loại bỏ. Cho nên để chúng ta hiểu điểm này.

Rất dễ dàng từ bỏ cái xấu, nhưng khó khăn thực nảy sinh khi thời điểm tới để từ bỏ cái tốt. Đây là khó khăn khi từ bỏ xiềng xích sắt? Khó khăn nảy sinh khi xiềng xích vàng bị từ bỏ, bởi vì khó mà coi xiềng xích vàng là xiềng xích. Chúng trông như đồ trang sức. Rất dễ dàng vứt bỏ cái không thánh thiện, nhưng ngay cả cái thánh thiện cũng trở thành cảnh nô lệ trong giai đoạn cuối cùng. Khi điều ấy nữa cũng phải từ bỏ, khó khăn lớn nảy sinh. Trong giai đoạn cuối cùng đó cái tốt cũng phải bị từ bỏ, bởi vì ngay cả gông bó ngàng ấy trở thành cảnh nô lệ, và ngay cả cảnh nô lệ ngàng ấy là rào chắn trong việc tìm kiếm chân lý. Chỉ tuyệt đối không gông bó, tuyệt đối tự do mới có tác dụng. Cho nên người tìm kiếm này, người đã phải tranh đấu với bóng tối và đã chinh phục được nó, bây giờ cầu nguyện Thượng đế rút bỏ tấm màn vàng. Không khó khăn để tranh đấu chống lại bóng tối, nhưng sẽ có nhiều khó khăn khi khoảnh khắc tới để tranh đấu chống lại ánh sáng.

Ánh sáng - và tranh đấu chống lại nó sao? Điều này thật đáng ngạc nhiên. Ánh sáng dễ chịu thể, tuyệt trần thể, đem lại an bình thể, hăng hái, đầy nước cam lồ của cuộc sống đến mức thật đau đớn phải nói tới việc loại bỏ nó. Và do đó hiền nhân này cầu nguyện Thượng đế rút bỏ nó: “Tự con không thể làm được điều đó. Tâm trí con sẽ thuyết phục con rằng hội nhập vào với nó là hơn.” Nhớ lấy, bạn sẽ phải tự cứu bản thân mình ngay cả với ánh sáng khi thiên của bạn đem bạn tới sự chói lọi tối thượng của nó. Cuộc hành trình của bạn phải đi ra ngoài cả điều đó. Bạn phải vượt qua nó, bạn phải siêu việt lên nó. Bạn phải vượt ra ngoài bóng tối, và vượt ra ngoài ánh sáng nữa. Khi tâm thức đi ra ngoài bóng tối và ánh sáng, nhị nguyên chấm dứt và bất nhị bắt đầu. Thế thì cái một đó được thấy, cái không ánh sáng không bóng tối, không đêm không ngày, không sống không chết, cái bao giờ cũng có đó, và vượt ra ngoài tất cả mọi nhị nguyên. Bạn đối diện với xung đột cuối cùng với ánh sáng trước khi cái bất nhị đó được đạt tới.

Cách khác để hiểu điều ấy là thế này: bao giờ cũng dễ dàng từ bỏ bất hạnh; cái mà chúng ta có thể tranh đấu chống lại. Nhưng nếu hạnh phúc tới trên con đường của chúng ta, rất khó để tranh đấu chống lại nó - gần như không thể được. Làm sao chúng ta có thể tranh đấu chống lại nó được? Nhưng giải thoát là không thể có được nếu chúng ta bị mắc và bị gắn vào hạnh phúc. Như tôi đã nói với các bạn sáng nay, hạnh phúc sẽ tạo ra cõi trời cho bạn, và trong cõi trời đó bạn sẽ thấy mình lại trong cảnh nô lệ, bị cắm dõ vào trong hoan lạc và tình yêu; không có giải thoát ở đây.

Lời cầu nguyện này, ham muốn này của hiền nhân để rút bỏ tấm màn ánh sáng và thấy khuôn mặt của Brahman bị bao phủ bởi ánh sáng loá mắt đó, làm lộ ra cái bất lực cuối cùng của tâm trí con người. Tâm trí con người không có ao ước được tự do khỏi ánh sáng hay hạnh phúc hay cõi trời. Nhưng người ta phải tự do khỏi chúng. Hiền nhân này đang đứng ở ngưỡng cửa. Một

bên là bản tính con người của ông ấy, cái thúc giục ông ấy nhảy múa với vui thú trong ánh sáng đó, để đồng nhất bản thân mình với ánh sáng đó và được hấp thu vào trong nó; trong khi bên kia là khao khát sâu xa bên trong về chân lí, cái thôi thúc ông ấy vượt ra ngoài. Chính trong khoảnh khắc khó khăn và quyết định đó mà ông ấy thốt ra lời kinh này, lời cầu nguyện này, “Xin Thượng đế cởi bỏ tấm màn ánh sáng quá mức đó ra. “ Ông ấy cầu nguyện, “Xin cởi bỏ vui thích này, dạng tuyệt trần này để cho con có thể thấy chân lí hoàn toàn, trần trụi, mà chính là ngài!”

Những người sống trong khổ không biết rằng hạnh phúc có cái khổ của nó. Những người sống giữa kẻ thù không biết rằng bạn bè cũng có những xung đột riêng của họ. Những người sống trong địa ngục không biết rằng cõi trời có những rắc rối của riêng nó. Làm sao những người sống trong bóng tối hình dung được rằng ánh sáng trở thành nhà tù?

Chừng nào có nhị nguyên không có giải thoát, có cảnh nô lệ. Thế thì cái gì sẽ còn lại khi ánh sáng bị loại bỏ đi, khi bóng tối bị loại bỏ đi? Cái gì là khuôn mặt của chân lí? Cái gì được thấy? Hiện tại, như trí tưởng tượng của chúng ta có thể vươn tới, cái xa nhất ý nghĩ của chúng ta có thể bay tới, cái xa nhất tâm trí chúng ta có thể đạt tới, cực điểm chúng ta có thể hình dung ra là ở chỗ nếu chân lí có khuôn mặt nó sẽ là ánh sáng - ánh sáng chói lọi. Tại sao chúng ta nghĩ như vậy?

Hiểu một hay hai điểm. Chúng ta vẫn chưa thấy ánh sáng đâu. Bạn có thể đáp, “Thầy ngụ ý gì, chúng tôi không thấy ánh sáng sao? Chúng tôi có thấy ánh sáng đấy. Chúng tôi thấy ánh sáng khi mặt trời lên vào buổi sáng. Chúng tôi thấy ánh sáng vào ban đêm khi trăng chiếu sáng và có ánh trăng mọi nơi.” Không, tôi nhắc lại, bạn chưa thấy ánh sáng đâu. Bạn chỉ thấy các vật được chiếu sáng. Khi mặt trời lên bạn thấy mọi vật được chiếu sáng - núi, sông, suối, cây, người. Bóng điện bây giờ đang cho

bạn ánh sáng. Bạn sẽ nói, “Chúng tôi thấy ánh sáng.” Nhưng không, bạn không thấy ánh sáng. Bạn thấy bóng điện chiếu sáng. Bạn thấy mọi người đang đứng trong ánh sáng của nó. Bạn thấy các đối tượng, không phải là ánh sáng. Không thể có bất kì kinh nghiệm nào về ánh sáng trong thế giới bên ngoài. Chỉ những đối tượng phát sáng được thấy, và khi chúng không được thấy chúng ta nói đó là bóng tối. Khi nào có bóng tối trong phòng này? Khi không gì có thể được thấy trong phòng này chúng ta nói có bóng tối, và khi các đối tượng là thấy được thì chúng ta nói có ánh sáng.

Chúng ta không thấy ánh sáng trực tiếp. Nếu không có vật nào trong phòng này bạn sẽ không có khả năng thấy được ánh sáng. Ánh sáng chạm vào một vật; hình dạng của vật này được bạn thấy và bạn nghĩ bạn đang thấy ánh sáng. Nếu vật này được thấy rất rõ ràng bạn nói có nhiều ánh sáng, nếu nó không được rõ ràng lắm bạn nói ánh sáng không đủ, và nếu nó không được thấy chút nào bạn nói có bóng tối. Nếu bạn không thể biết được cái gì về hình dạng và đối tượng bạn nói trời tối đen như hắc ín. Nhưng bạn đã không thấy ánh sáng lẫn bóng tối. Chính sự phỏng đoán của chúng ta là có ánh sáng bất kì khi nào ta có thể thấy các đối tượng. Thực ra, bản thân ánh sáng là một năng lượng chốc lát đến mức nó không thể được thấy từ bên ngoài.

Ánh sáng là thấy được ở bên trong bởi vì không có đối tượng nào bên trong mà có thể được chiếu sáng. Không có các đối tượng bên trong mà có thể phát sáng và chúng ta có thể thấy được, cho nên khi chúng ta kinh nghiệm ánh sáng bên trong, đây là ánh sáng thuần túy, nó là trực tiếp, nó không có bất kì trung gian nào. Chúng ta thấy hai thứ bên ngoài - đối tượng được chiếu sáng và nguồn ánh sáng; và ánh sáng ở giữa hai điều này chúng ta không bao giờ thấy được. Mặt trời là thấy được hay bóng điện là thấy được, và các vật được chiếu sáng ở đây là thấy được; nhưng ánh sáng ở giữa cả hai là không thấy được.

Khi ánh sáng được thấy ở bên trong không có các đối tượng, không có nguồn nào cả - nó là ánh sáng vô nguồn. Không có mặt trời mà từ đó ánh sáng toả ra. Không có đèn phát ra ánh sáng. Chỉ có ánh sáng vô nguồn. Khi ánh sáng được thấy lần đầu tiên trong thế giới vô vật ấy, thế thì Kabir, Mohammed, các nhà huyền môn Sufi, các nhà huyền môn Baul, các nhà huyền môn Jaina, bắt đầu nhảy múa, tuyên bố điều chúng ta gọi là ánh sáng thì chỉ là bóng tối.

Aurobindo đã viết, “Một lần tôi đã thấy bên trong, vấn đề trở nên rõ ràng rằng cái mà tôi vẫn hiểu là ánh sáng đã là bóng tối. Khi tôi nhìn vào bên trong tôi đã thấy rằng cái mà tôi đã coi là sống thực tế là chết.” Quả thực rất khó để nhận ra và chịu đựng ánh sáng, vô nguồn, vô vật và vô hình dạng được sinh ra bên trong. Khó khăn lớn nhất là ở chỗ tâm trí chúng ta có khuynh hướng nghĩ, “Mình đã đạt tới chỗ kết thúc của cuộc hành trình của mình, mình đã đạt tới đích đến của mình.”

Giác quan không phải là chướng ngại lớn trên con đường của người tìm kiếm chân lí; người đó vượt qua chúng. Ý nghĩ cũng không phải là cản trở lớn; người đó vượt ra ngoài chúng. Nhưng chân chúng ta từ chối di chuyển khi đoá hoa của vui mừng và vui vẻ của thành đạt bắt đầu hiện lộ bên trong. Chúng ta cảm thấy không thích từ bỏ chúng và loại bỏ chúng. Chúng ta thấy thiếu dũng cảm và bạo dạn trong mình để vượt ra ngoài chúng, và chúng ta nghĩ chúng ta đã đạt tới đích. Đây là khoảnh khắc hiện nhân này đã cầu nguyện, “Xin Thượng đế cởi bỏ ánh sáng chói lọi này nữa. Con ước ao biết cái nằm ngoài ánh sáng ấy. Con đã đi qua bóng tối - bây giờ xin đưa con vượt ra ngoài ánh sáng.”

Nhớ lấy điều này. Ý chí và quyết tâm có thể giúp chúng ta vượt ra ngoài bóng tối, nhưng chỉ buông xuôi giúp chúng ta vượt ra ngoài ánh sáng. Chúng ta phải đi vào trong xung đột để vượt ra ngoài bóng tối; chúng ta phải vật lộn và tranh đấu vất vả. Và con

người tìm thấy đủ sức mạnh trong tranh đấu với bóng tối, nhưng con người tuyệt đối yếu đuối khi cơ hội này sinh để tranh đấu chống lại ánh sáng. Con người gần như là không có. Quyết tâm và ý chí mạnh mẽ sẽ không có tác dụng ở đây; chúng là vô hiệu quả. Chỉ buông xuôi có hiệu lực.

Lời kinh này nói cho chúng ta về buông xuôi. Hiền nhân này đã tới chỗ ánh sáng được sinh ra. Bây giờ ông ấy bị thất bại. Cho tới lúc này ông ấy đã không cầu nguyện để được giúp đỡ. Cho tới lúc này ông ấy đã không yêu cầu Thượng đế làm bất kì điều gì cho mình. Với tự tin trong bản thân mình, ông ấy đã làm ra con đường của mình cho tới điểm này. Con người có thể đi xa tới điểm này, nhưng những người phụ thuộc vào quyết tâm không bao giờ có thể vượt ra ngoài điều này. Chỉ những người được chuẩn bị để buông xuôi toàn bộ mới có thể vượt qua biên giới này.

Điều này sẽ dễ hiểu nếu chúng ta diễn tả nó theo cách này: thiên đưa chúng ta tới kinh nghiệm lớn về ánh sáng. Sau điều này, thiên không còn hữu dụng. Cho nên những người chưa bao giờ thực hành thiên mà chỉ cúng dường lời cầu nguyện là ngu xuẩn - không có nhu cầu về lời cầu nguyện nơi họ đang ở. Và những người đã thực hành thiên và coi lời cầu nguyện là không cần thiết cũng là ngu xuẩn, bởi vì thiên sẽ đem chúng ta tới cánh cửa ánh sáng, nhưng một khi ở đấy rồi, chỉ lời cầu nguyện chân thành sâu sắc mới có thể có ích.

Đến cuối bạn sẽ phải cầu nguyện, “Con đang trong tay ngài, xin dẫn con đi! Con đã tới điểm này, bây giờ xin dẫn con vượt ra ngoài điều này.” Và nhớ lấy, người đã du hành tới những giới hạn của thiên giành được quyền yêu cầu Thượng đế dẫn mình vượt ra ngoài. Bây giờ, khi ân huệ của Thượng đế bắt đầu giáng xuống người đó, người đó được chuẩn bị. Người đó đã đạt tới nơi xa nhất con người có thể tới, và ngay cả Thượng đế cũng không

thể trông đợi nhiều hơn điều này từ người đó. Đây là giới hạn tốt bậc của khả năng con người. Nếu bây giờ Thượng đế cũng đòi hỏi thêm từ con người, đây là bạo chúa, đây là quá đáng.

Không còn vấn đề nào hơn vấn đề này này sinh. Bây giờ, chỉ lời cầu nguyện có thể giúp ích, và lời cầu nguyện là, “Con buông xuôi theo tay ngài: Xin Thượng đế cởi bỏ tấm màn này.” Lời cầu nguyện là bước đưa thiên tới sự hoàn tất của nó, và buông xuôi toàn bộ là bước cuối cùng trên con đường của ý chí và quyết tâm. Bạn phải nỗ lực nhiều nhất có thể được, nhưng khoảnh khắc bạn cảm thấy, “Mình không thể đi xa hơn thế này,” phải viện tới lời cầu nguyện. Vào khoảnh khắc đó, kêu to xin ân huệ của Thượng đế đi; nói với ngài, “Con đã đi xa nhất có thể được trên đôi chân yếu đuối của mình, nhưng điều đó nằm ngoài khả năng con đi xa hơn. Bây giờ xin ngài chăm nom cho con!” Đây là khoảnh khắc khi hiền nhân cầu nguyện rằng tấm màn có thể được cởi bỏ và khuôn mặt thật được lộ ra.

Chân lí sẽ giống cái gì? Nó sẽ giống cái gì khi ánh sáng cũng bị bỏ đi? Cần phải hiểu thấu điều này. Sẽ rất khó, rất tinh tế và sâu sắc, nhưng cần phải hiểu nó một chút sao cho nó có thể hữu dụng cho chúng ta. Tôi đã bảo các bạn rằng trong thế giới bên ngoài có các đối tượng được chiếu sáng và có nguồn sáng. Không có kinh nghiệm về bản thân ánh sáng trong thế giới bên ngoài. Nó chỉ được kinh nghiệm ở bên trong, nơi không có đối tượng lẫn nguồn sáng. Và thế thì, chung cuộc, ánh sáng cũng biến mất.

Chúng ta nghĩ sẽ có bóng tối khi ánh sáng biến mất, đó là kinh nghiệm của chúng ta; và chúng ta có thể coi lời cầu nguyện của hiền nhân này là ngu xuẩn, bởi vì làm sao ông ấy có thể thấy khuôn mặt của Thượng đế trong bóng tối mà sẽ có đó khi tấm màn ánh sáng được cởi bỏ ra? Nhớ lấy, ông ấy đã chinh phục bóng tối; bây giờ, khi ánh sáng biến mất, sẽ không có bóng tối.

Bóng tối đã biến mất từ lâu trước đó rồi. Đối mặt với ông ấy bây giờ là tấm màn ánh sáng. Cái gì sẽ còn lại khi ánh sáng biến mất?

Khi mặt trời lặn đây là buổi tối; đêm còn chưa tới. Đó là thời kì mà nguồn sáng đã biến mất và bóng tối chưa trùm xuống. Khoảnh khắc chúng ta đang tìm kiếm để mô tả là lúc chạng vạng nằm giữa ngày và đêm. Đó là lí do tại sao lời cầu nguyện và lúc chạng vạng được mô tả bởi cùng một từ Hindu - *sandhya* - chúng là đồng nghĩa. Người ta bắt đầu gọi lời cầu nguyện là sandhya, và lấy lúc mặt trời lặn làm thời gian cầu nguyện. Có hai sandhya - một trước khi mặt trời mọc và một sau khi mặt trời lặn. Chúng là các điểm giữa; ngày qua rồi nhưng đêm còn chưa tới, hoặc đêm qua rồi và ngày còn chưa tới. Lỗ hổng nhỏ đó giữa cả hai được biết là sandhya, và chúng ta đã lấy thời kì đó làm thời gian tôn thờ và cầu nguyện. Nhưng sự kiện thực là khác.

Sandhya đơn thuần là biểu tượng cho khoảnh khắc đó của sandhya bên trong, khi cả hai bóng tối và ánh sáng đã biến mất. Sandhya tới khi không có bóng tối không ánh sáng, chỉ có một loại ánh sáng đặc biệt được biết là *alok*. Ý nghĩa từ điển của từ này là ánh sáng. Điều ấy là không đúng. Alok có nghĩa là khoảnh khắc không bóng tối không ánh sáng. Vào lúc bình minh mặt trời còn chưa lên nhưng đêm đã trôi qua rồi. Khoảnh khắc đó của alok là bình minh. Tôi tham chiếu điều này như một minh họa để cho bạn có thể hiểu thấu ý tưởng, bởi vì không có cách nào khác để cho bạn một ý tưởng về việc xảy ra đó ở bên trong. Không có bóng tối không có ánh sáng. Chỉ có alok.

Như tôi đã nói với bạn, cả đối tượng và nguồn sáng biến mất khi bạn quay vào trong và chỉ có ánh sáng còn lại. Một khi ánh sáng đó, và cả bóng tối nữa, mất đi thì chỉ còn lại alok, thế thì cả hai người biết và cái được biết cũng biến mất. Người thấy và cái được thấy cả hai đều mất. Thế thì không phải là hiện nhân này đang đứng đó nhìn vào chân lí, không; thế thì bản thân hiện nhân

trở thành chân lí. Thế thì chân lí trở thành hiện nhân. Thế thì không có người biết không có cái được biết - cả hai biến mất. Trong alok, bóng tối và ánh sáng, người biết và cái được biết không còn nữa. Không có người kinh nghiệm không có kinh nghiệm, chỉ có việc kinh nghiệm. Nơi có kinh nghiệm, kinh nghiệm có đây và cái được kinh nghiệm có đây. Không, ở đây không có người kinh nghiệm không có cái được kinh nghiệm. Chỉ việc kinh nghiệm còn lại. Hiện nhân đang kinh nghiệm không còn nữa, Thượng đế không còn nữa. Khác biệt, phân biệt biến mất. Người yêu và đối tượng của tình yêu không còn nữa. Đó là khoảnh khắc của giải thoát tối cao.

Không phải là trong khoảnh khắc này chúng ta đi tới biết cái gì đó. Ngược lại, chúng ta biết rằng chúng ta không có; và chúng ta cũng biết rằng không cái gì còn lại để biết. Chỉ có việc biết còn lại. Cho nên thuật ngữ này được Mahavira dùng là thật tuyệt diệu. Ông ấy đã gọi nó chỉ là việc biết. Người biết không có, cái được biết không có - chỉ có việc biết. Cả hai đầu đã mất.

Nó cũng giống như thế này: mặt trời, cội nguồn nguyên thủy, mất đi và các đối tượng nhận ánh sáng cũng mất đi. Tương tự người biết - nguồn gốc - mất đi, và các đối tượng được biết cũng mất đi; chỉ việc biết còn lại.

Trong cuộc hành trình hướng tới việc biết này, như tôi đã bảo các bạn, bước đầu tiên là quyết tâm - ý chí mạnh mẽ - và bước thứ hai là buông xuôi. Bước thứ nhất là về thiền, bước thứ hai là về lời cầu nguyện.

Với người đã đi cả hai bước không cái gì còn lại để được biết hay được đạt tới hay được kinh nghiệm.

Đủ cho hôm nay.

Cái nhảy tối thượng

*Hỡi mặt trời,
 người nuôi dưỡng và người hỗ trợ cho thế giới,
 Hỡi lữ khách đơn độc trên bầu trời,
 Hỡi Yama, hỡi mặt trời, hỡi mặt trời của Brahman,
 Con xin cầu khẩn ngài rút lại các tia sáng.
 Con thấy hình ngài, tràn đầy ân huệ và hào hiệp.
 Con là người đang ngồi trong
 vòng tròn của các mặt trời.*

Chúng ta quen thuộc với một mặt trời chúng ta vẫn thấy trên bầu trời, nhưng có vô số mặt trời như mặt trời của chúng ta. Khi đêm tới bầu trời đầy sao. Mặc dầu chúng ta gọi chúng là sao nhưng chúng tất cả đều là mặt trời, nhưng bởi vì ở quá xa chúng trông nhỏ bé. Mặt trời của chúng ta không lớn lắm đâu. Trong vô số mặt trời nó có kích cỡ trung bình. Có những mặt trời lớn hơn nhiều trong vũ trụ. Một tính toán của các nhà khoa học ước lượng rằng có quãng bốn mươi triệu mặt trời. Kinh nghiệm của các hiền nhân là ở chỗ có vô số mặt trời, nhưng mặt trời được tham chiếu tới trong lời kinh này là mặt trời tối cao mà từ đó mọi mặt trời khác nhận ánh sáng. Tham chiếu này là tối mặt trời tối cao mà là gốc rễ và là nguồn ánh sáng nguyên thủy - và từ đó toả ra tất cả những tia sáng hoà trộn vào nhau trong vũ trụ. Toàn thể sự tồn tại là việc biểu lộ của mặt trời này.

Nhớ lấy, cuộc sống, sự tồn tại, không tránh khỏi được móc nối với các tia sáng của mặt trời này. Hiện tại các nhà khoa học đang rất lo nghĩ bởi vì họ sợ rằng mặt trời của chúng ta sẽ lạnh dần đi trong ba hay bốn triệu năm nữa. Nó đã phóng ra các tia sáng của nó đủ lâu rồi và đang mất việc phát sáng của nó. Nó bây giờ là một ngôi sao vàng vọt có các tia sáng đang giảm bớt mọi ngày. Nhiều nhất, họ nói, nó sẽ toả sáng trong bốn triệu năm nữa, và rồi một ngày nào đó nó sẽ hoàn toàn lạnh đi và cuộc sống trên trái đất sẽ trở nên tắt ngấm, bởi vì toàn thể sự tồn tại phụ thuộc vào các tia sáng của mặt trời. Toàn thể sự tồn tại - hoa nở, chim hót, sự rộn ràng của cuộc sống con người - đều phụ thuộc vào tia sáng mặt trời.

Trong lời kinh này đã mô tả về mặt trời vĩ đại mà với nó sự tồn tại của mọi mặt trời khác đều được nối lại. Mặt trời vĩ đại này không bao giờ có thể được đạt tới bởi cuộc hành trình và tìm kiếm bên ngoài của chúng ta. Như tôi đã nói với các bạn sáng nay, mặt trời của chúng ta là Brahman biểu hiện. Mặt trời vĩ đại

được mô tả ở đây là Brahman không biểu hiện. Nó là hạt mầm-Brahman. Toàn thể sự tồn tại này là sự mở rộng của cội nguồn không biểu hiện đó. Từ nó toàn thể vũ trụ này với các phẩm chất và hình dạng đang mở rộng và được tạo ra.

Hiện nhân này cầu nguyện ở đây, “Hỡi mặt trời, xin rút về mạng lưới các tia sáng của ngài.” Nhiều điều được hàm ý trong việc thu về các tia sáng của mặt trời, bởi vì toàn thể sự mở rộng của sự tồn tại được móc nối với chúng. Hiện nhân này nói ở đây, “Con đã vượt qua cái chết, hỡi mặt trời; bây giờ xin ngài thu về chính sự trải rộng của sự tồn tại của ngài.” Cũng hết như tôi đã bảo các bạn: “Tôi đã vượt qua bóng tối, bây giờ xin thu ánh sáng nữa!” Trong lời kinh này, hiện nhân đó cầu nguyện mặt trời vĩ đại đó rút về tất cả sự mở rộng của cuộc sống vào trong bản thân nó. “Con đã siêu việt lên trên cái chết, bây giờ con ước ao siêu việt lên trên sự sống nữa.”

Đây thực sự là khao khát siêu việt lên mọi nhị nguyên, bởi vì chừng nào nhị nguyên còn dai dẳng cái khác bao giờ cũng hiện diện, dù chúng ta đạt được bất kì cái gì. Dù chúng ta có thể tìm thấy sống nhiều đến đâu, chết bao giờ cũng sẽ đi kèm nó. Đây là nhị nguyên, đây là phía bên kia của cùng một đồng tiền. Không thể giữ mặt này của đồng tiền và vứt đi mặt kia. Mọi điều chúng ta có thể làm là giữ cho mặt này úp xuống và mặt kia lộ ra. Nhưng mặt bị ẩn kín đây vẫn đang đợi để lật lên, chỉ bởi vì nó có đây - nó không đi đâu mất.

Không ai có thể vứt mặt này và giữ mặt kia đồng thời, nhưng qua cuộc đời mình con người hành xử ngốc nghếch dường như điều này có thể được. Người đó cầu nguyện, “Xin Thượng đế cứu con khỏi khổ và cho con hạnh phúc.” Chúng là hai mặt của cùng một đồng tiền. Người đó muốn giữ lại hạnh phúc nhưng không hiểu rõ rằng bất hạnh chắc chắn sẽ theo sau nó. Người đó cầu nguyện được tôn kính và trọng vọng, không thấy rằng bất

kính có theo sau. Người đó cầu nguyện, “Con không muốn chết, con muốn sống,” và trong cầu nguyện cho sống, người đó quên mất rằng chết chắc chắn theo sau nó. Trong thế giới này khi một người đòi hỏi cái này, người đó nhận được cái khác mà không hỏi xin về nó.

Bạn phải sẵn lòng chấp nhận cả hai hoặc không cái nào. Bất kì ai sẵn lòng chấp nhận cả hai đều trở nên tự do với cả hai; và bất kì ai được chuẩn bị để bỏ cả hai cũng trở thành tự do với cả hai. Sẵn sàng chấp nhận cả sống và chết là không nắm giữ ưa thích sống và không ghét chết. Không nắm giữ ưa thích sống, người ta được giải thoát. Sướng nào có đó trong sướng và khổ nào có đó trong khổ đối với người đã chấp nhận cả sướng và khổ? Cả hai phủ định lẫn nhau khi cả hai được sẵn lòng chấp nhận và cái trống rỗng được tạo ra.

Người nói, “Tôi sẵn lòng từ bỏ cả hạnh phúc và bất hạnh,” cũng vượt ra ngoài chúng. Nhưng tâm trí thuyết phục chúng ta bỏ bất hạnh và giữ hạnh phúc. Có nhiều cách để phá vỡ hình mẫu này của tâm trí: hoặc là được chuẩn bị để chấp nhận cả hai, hoặc trở nên dừng đứng với cả hai. Tính phân cực của chúng, sự đối lập lẫn nhau của chúng là đồng thời; chúng là các khía cạnh của một và cùng một sự tồn tại. Cho nên hiện nhân này nói, “Xin rút các tia sáng của ngài lại, hỡi mặt trời, để cho tất cả cuộc sống có thể được kéo vào và co vào trong.”

Mọi thứ đi ra từ mặt trời vĩ đại này. Cho nên nếu chúng ta hiểu đúng khát khao của hiện nhân này, nó là thế này: “Con khát khao thấy cái mà từ đó mọi thứ đi ra, và cái mà mọi thứ bị kéo vào. Con ham muốn thấy cái gốc rễ, cái nguyên thủy. Con khao khát thấy cái mà từ đó toàn thể vũ trụ này được tạo ra và cái mà vũ trụ này, trong triệt tiêu tối hậu của nó, bị hấp thu vào; cái mà từ đó sự mở rộng mệnh mông của sự tồn tại này trải ra và cái mà việc huỷ diệt vĩ đại kéo tất cả nó lại.”

Chính bởi lí do này mà mặt trời cũng còn được coi là Yama - thần chết. Nhớ điều này trong trí: Yama là thần của chết và mặt trời là thần của sống. Nhưng nhớ lấy, chết đến từ cùng chỗ mà sống tới. Chết không đến từ bất kì chỗ nào khác, bởi vì hai điều này không thể bị tách rời. Không phải là sống tới từ chỗ này và chết đến từ chỗ khác. Nếu mà như thế chúng ta sẽ giữ sống và bỏ chết. Cho nên mặt trời cũng được gọi là Yama nữa. Từ *yama* là hữu dụng theo các nghĩa khác nữa. Những người đặt tên cái chết là Yama đều là những người xuất sắc. Từ *yama* có nghĩa là người kiểm soát. Họ đã gọi cái chết là người kiểm soát sự sống. Nếu cái chết không phải là để kiểm soát sự sống, thế thì sẽ có hỗn loạn và lộn lộn lớn. Cái chết tới và làm yên tĩnh mọi mối bất hoà. Chết là nghỉ ngơi. Hệt như một người ngủ và nghỉ ban đêm sau lao động ban ngày vất vả, cho nên chết cho chúng ta nghỉ ngơi.

Sẽ có hỗn loạn lớn trong cuộc sống của bạn nếu bạn không ngủ năm hay mười ngày. Bộ não bạn sẽ bị bối rối, khuấy động, mất trật tự. Ngủ ban đêm cứu bạn khỏi đau khổ và khuấy động này. Nó cho bạn trật tự và làm bạn tươi tỉnh vào buổi sáng. Khi nhìn sâu hơn vào cái chết, người ta thấy rằng nó giống như việc nghỉ ban đêm vào cuối cuộc đời lộn xộn và bất ổn - việc giải lao từ cuộc sống lao động vất vả làm bạn tươi tắn cho việc bùng lên một cuộc sống mới. Do đó thần chết được gọi là Yama. Thần kiểm soát và đem trật tự cho cuộc sống. Nếu thần không có đó, cuộc sống sẽ là điều thách đố và lộn lộn. Chết không phải là kẻ thù của sống. Yama tuyên bố chết là bạn của sống. Nếu chết không có đó, cuộc sống của chúng ta sẽ điên khùng và hỗn loạn.

Bạn sẽ rất ngạc nhiên nếu bạn nhìn vào hiện tượng này từ những cảnh quan khác, bởi vì ngụ ý lớn hơn của nó nhiều hoa nở ra - nhiều hướng dẫn có giá trị. Nếu một người thấy thừa thãi sướng và không có khổ chút nào, người đó sẽ phát điên. Phát biểu này có vẻ kì lạ, khó hiểu thấu điều ấy. Nếu bạn có sướng không trộn lẫn với khổ, thế thì sướng sẽ hướng bạn thành mất trí.

Điều đáng quan tâm là quan sát rằng có vài người trên cung trăng trong các xã hội nghèo và khổ. Có nhiều người trên cung trăng hơn trong các xã hội sung sướng và giàu có. Hiện tại, nước Mỹ có số lượng người trên cung trăng lớn nhất trên trái đất. Điều gì đã xảy ra?

Khổ là tác động giữ cân bằng, một bộ điều chỉnh. Chúng ta cảm thấy gai nhọn trong hoa hồng như kẻ thù, nhưng chúng chỉ là để bảo vệ hoa hồng, chúng là một loại bộ điều chỉnh. Cuộc sống kiểm soát, điều chỉnh bản thân nó thông qua các cái đối lập; qua các cái đối lập cân bằng được duy trì. Nếu bạn quan sát một người đi trên dây, bạn có thể thấy sự kiên siêu hình trong thủ thuật của anh ta. Chúng ta theo dõi, nhưng chúng ta không thấy. Khi người đó đi trên dây, bạn sẽ thấy người đó giữ cân bằng bản thân mình bằng một cây sào dài trong tay. Khi người đó đứng đưa cây sào về bên trái, đây là để tránh ngã về bên phải, và khi người đó có thể bị ngã về bên phải, người đó đứng đưa cây sào về bên trái. Do vậy người đó giữ cân bằng, ngăn mình khỏi bị ngã bằng việc đứng đưa sang phía đối diện. Để duy trì cân bằng người đó phải đứng đưa sang phía đối diện.

Chết là nhân tố cân bằng của sống. Bất hạnh là nhân tố cân bằng của hạnh phúc. Bóng tối là nhân tố cân bằng của ánh sáng. Các đối tượng vật chất là nhân tố cân bằng của tâm thức. Đây là điều làm cho những người đã gọi cái chết là Yama thành phi thường. Chắc chắn là họ không có thù địch gì với chết. Họ biết cái thực chất, chân lí của cái chết. Họ nói, “Chúng con biết rằng ngài, cái chết, là người kiểm soát sống; nếu ngài không tồn tại sẽ có hỗn loạn lớn.” Nghĩ một chút mà xem. Giả sử không ai chết trong một ngôi nhà trong vài trăm năm; sẽ không cần đưa ai vào nhà thương điên, bởi vì bản thân ngôi nhà ấy sẽ trở thành nhà điên rồi. Một đảng người già qua đời và đảng kia trẻ con được sinh ra; việc cân bằng giống như người đi trên dây đang tiếp diễn, và sẽ tiếp tục vào mọi thời.

Do đó hiền nhân này nói, “Hỡi mặt trời vĩ đại, hỡi Yama, ngài là người đem cho cuộc sống, ngài là người kiểm soát cân bằng của sống và chết. Xin ngài rút lại mọi tia sáng của ngài. Xin rút lại cuộc sống của ngài. Xin rút lại cả cái chết của ngài nữa. Con muốn biết yếu tố nằm ngoài cả sống và chết, cái chưa bao giờ sinh, chưa bao giờ chết. Con khao khát biết cội nguồn nguyên thủy đó. Con khao khát biết khoảnh khắc đầu tiên đó khi không có gì - khi đã có cái trống rỗng toàn bộ, từ cái không của nó mà mọi thứ được tạo ra. Con khao khát biết khoảnh khắc tối thượng khi mọi thứ sẽ lại bị hấp thu và cái không sẽ còn lại. Con khao khát biết cái trống rỗng mà từ đó mọi thứ được sinh ra. Con khao khát biết cái trống rỗng mà trong đó mọi thứ được hấp thu vào. Con cầu nguyện ngài, xin rút tất cả sự thừa thãi tia sáng của ngài.”

Chắc chắn đây không phải là lời cầu nguyện gửi tới bất kì mặt trời nào được thấy bên ngoài. Đây là lời cầu nguyện được đưa ra sau khi đạt tới chỗ đó bên trong, bên ngoài cái nằm ở đích cuối cùng mà từ đó cần phải tiến hành cái nhảy vào vô thủy và vô chung. Lời cầu nguyện này, “Hỡi mặt trời, xin rút lại mọi thứ của ngài,” thuộc về khoảnh khắc này. Dũng cảm lớn lao, một sự táo bạo cuối cùng được cần tới để làm ra lời cầu nguyện như thế, bởi vì người ta có thể nghĩ, “Liệu mình có thể được cứu không, ở nơi sống và chết bị co lại và mọi tia sáng của mặt trời vĩ đại đó đã bị rút hết? Mình cũng sẽ bị diệt vong.”

Nhưng khát khao của hiền nhân là thế này: “Mình có thể được cứu hay mình có thể bị diệt vong; điều này không còn là vấn đề. Vấn đề chỉ là khao khát của mình để biết người bao giờ cũng có đó. Mình khao khát biết người đang có đây, ngay cả khi mọi thứ đều bị mất đi và bị huỷ diệt. Mình cũng sẽ bị mất đi, nhưng mình muốn biết cái không mất đi.”

Vô số người trong vô số thời đại đã đi tìm chân lí trong thế giới này, nhưng không đâu trong thế giới này việc tìm kiếm như thế đã được tiến hành như người ta đã làm qua mảnh đất bên trong này. Không có thí dụ song song ở bất kì đâu trong thế giới này về việc tìm kiếm tối hậu như thế và việc kiểm tra cuối cùng như thế về lòng dũng cảm như một số nhà thám hiểm mảnh đất bên trong này đã dám làm.

Ngay cả sau khi tiến hành việc điều tra lâu dài tôi đã không có khả năng tìm ra những người sẵn lòng trở nên bị triệt tiêu trong cuộc truy tìm chân lí của họ. Đã có nhiều người tìm kiếm chân lí trên thế giới này nêu ra một điều kiện, “Bằng việc cứu bản thân mình, tôi muốn biết chân lí.” Nhưng chừng nào “tôi” còn được cứu, bạn sẽ chỉ biết thế giới này - luân hồi - vì ‘tôi’ là một phần và một gói của thế giới. Nếu ai đó bảo những người tìm kiếm như Aristotle, Hegel và Kant, “Ông sẽ có khả năng biết chân lí nếu ông tìm bên trong bản thân ông,” những người như thế sẽ đáp, “Mục đích gì có đó trong việc biết chân lí như thế? Đó là cái dụng của việc biết chân lí mà triệt tiêu chúng ta?” Tìm kiếm của họ là với một điều kiện này: “Chúng tôi muốn cứu bản thân chúng tôi và biết chân lí.”

Những người, khi đi tìm chân lí, cũng thăm dò bảo toàn bản thân họ, không bao giờ biết chân lí; thay vì thế họ bịa đặt ra nó. Họ chế tạo ra chân lí. Đó là lí do tại sao Hegel viết những cuốn sách dài còn Kant đề nghị những lí thuyết và nguyên lí sâu sắc và tinh vi về chân lí. Nhưng tuyệt đối không có giá trị gì, không quan trọng gì, trong bài viết và các nguyên tắc đó của những người không được chuẩn bị để tìm kiếm cái ta. Nếu bạn hỏi Kant hay Hegel về ý kiến của họ đối với hiền nhân này của Upanishad, họ sẽ nói, “Ông ta là người cung trăng. Giá trị nào có đó nếu ông mất bản thân mình khi đạt tới chân lí?”

Nhưng hiểu biết của hiền nhân này là sâu lắng và sâu sắc. Ông ấy nói, “‘Tôi’ là một phần và một mảnh của cái phi chân lí, một phần của thế giới, của luân hồi. Nếu con ham muốn rằng sự tồn tại trần tục này mất đi, rằng chân lí tới với con, và rằng cái ‘tôi’ của con ở bên trong vẫn còn không bị động chạm tới, thế thì con đang cố gắng làm điều không thể được. Nếu sự tồn tại trần tục này mà mất đi, nó phải đi mất hoàn toàn - từ bên trong cũng như từ bên ngoài. Một mặt, các đối tượng bên ngoài phải biến mất, và mặt khác, cái ‘tôi’ bên trong phải biến mất. Hình dạng bên ngoài và hình dạng bên trong phải trôi mất, để lại cái trống rỗng bên trong và bên ngoài. Do đó nếu chân lí được tìm thấy, điều kiện không tránh khỏi cho việc đó là làm mất bản thân người ta. Con cầu nguyện ngài, hỡi mặt trời vĩ đại, thiêu đốt mọi thứ của ngài một cách vô điều kiện. Xin rút lai toàn thể sự mở rộng của ngài. Trở về hạt mầm nguyên thủy của ngài. Trở về chỗ không có gì, để cho con có thể có khả năng biết được cái mà từ đó mọi thứ tiến triển!”

Đây là bước nhảy tối thượng. Khi một người thu được dũng cảm cho bước nhảy này, người đó trở thành một với chân lí tối cao. Không thể trở thành một với chân lí tối cao mà không làm mất bản thân mình. Do đó các nhà triết học phương Tây, trong nỗ lực của họ để tìm kiếm chân lí, đã không có khả năng vượt ra ngoài chân lí vật chất, con người. Chân lí của họ là việc tìm kiếm về con người; đây không phải là về sự tồn tại, nó chỉ nói đến con người. Việc tìm kiếm của hiền nhân phương Đông không phải về chân lí con người, vật chất mà là về chân lí mang tính tồn tại. Người đó nói, “Ông có bao giờ biết được về đại dương chỉ bằng việc đứng trên bờ của nó không? Tôi sẽ biết nó bằng việc chìm vào trong nó.” Nhưng ngay cả khi chìm vào trong nó chúng ta cũng không hội nhập vào trong nó hoàn toàn - chúng ta và đại dương vẫn còn tách biệt.

Cho nên hiền nhân này nói, “Vì đây là trường hợp, nên tôi sẽ trở thành một hình nộm làm bằng muối để cho tôi có thể tan biến vào trong nó. Tôi sẽ biết đại dương bằng cách hội nhập vào trong nó - bởi việc là bản thân đại dương. Tôi sẽ là một với đại dương. Tôi sẽ mặn như nó mặn. Tôi sẽ là nước như nó là nước. Tôi sẽ là một con sóng trong những con sóng của nó. Tôi sẽ là chiều sâu vô tận trong các chiều sâu vô tận của nó. Thế thì và chỉ thế thì tôi sẽ có khả năng biết nó.”

Không thể biết được nó trước tất cả những điều này. Trước điều này, chúng ta có thể có quen biết nào đó với nó nhưng không phải là tri thức mang tính tồn tại. Đứng trên bờ, chúng ta chỉ trở nên quen biết với đại dương. Để biết nó, chúng ta phải tan biến vào trong nó.

Đủ cho hôm nay.

Bây giờ chúng ta tự chuẩn bị để tan biến.

Tại cánh cửa của samadhi

*Bây giờ xin để tâm hồn ta gặp cái tuyệt đối
đang tràn ngập tất cả qua sinh khí,
và để cho thân thể ta được thu thành tro.
Này tâm trí đầy bản ngã và ham muốn,
bây giờ nhớ hành động quá khứ của mi đi,
nhớ hành vi quá khứ của mi đi.*

Để cho cuộc sống hội nhập vào trong cái mà từ đó nó đã được sinh ra. Để cho hình dạng tự mất đi trong cái vô hình dạng mà từ đó nó đã được tạo ra. Để cho chúng là một trong tâm thức thuần khiết của con người. Để thân thể được trộn lẫn với cát bụi, để cho nó được hội nhập trong đất. Trong khoảnh khắc như thế - và có hai khoảnh khắc như vậy - hiền nhân này đề cập tới tâm trí bản ngã của mình đầy những ham muốn: “Này tâm trí ta đầy bản ngã và ham muốn, tự nhớ về hành vi quá khứ của mi.”

Có hai khoảnh khắc khi lời cầu nguyện này có thể thực sự được nêu ra. Một là khoảnh khắc của cái chết và khoảnh khắc kia là khoảnh khắc của *samadhi*, đại định, thiền sâu. Một khoảnh khắc là khi một người đang trên ngưỡng cửa cái chết, và khoảnh khắc kia là khi người đó đang ở tại cái chết lớn hơn - *samadhi* - sẵn sàng hội nhập bản thân mình tựa như một giọt nước vào trong đại dương. Phần lớn mọi người đã giải thích lời kinh này đều đã diễn giải nó theo khoảnh khắc thứ nhất - khoảnh khắc của cái chết vật lí. Họ đã giả sử rằng hiền nhân đang nói điều này tại khoảnh khắc chết, khi toàn thể kinh nghiệm của người đó sắp được hội nhập vào trong cái mà từ đó người đó đã tới. Nhưng như tôi thấy điều đó, việc nhớ này không được thực hiện chút nào vào khoảnh khắc chết, mà vào khoảnh khắc của đại định. Nó là không thích hợp với khoảnh khắc chết, bởi vì không có nhận biết trước về cái chết. Bạn chưa bao giờ biết vào khoảnh khắc nào cái chết sẽ tới. Bạn biết về nó khi nó tới, nhưng vào lúc đó bạn đã chết. Chừng nào cái chết chưa tới người ta không biết về nó; và khi nó tới, người phải biết đã qua đời rồi.

Khi Socrates sắp chết, bạn bè ông ấy đã hỏi ông ấy lí do tại sao ông ấy dường như không sợ, khổ hay lo nghĩ. Thế rồi Socrates nói, “Tôi nghĩ theo cách này: chừng nào mà cái chết còn chưa tới, tôi vẫn còn sống; khi tôi còn sống, tại sao tôi phải lo nghĩ về cái chết? Và ai sẽ còn lại để lo nghĩ về cái chết khi nó

thực tới và tôi không còn nữa? Tôi sẽ hoàn toàn mất đi trong cái chết, không cái gì sẽ được để lại sau, và nếu không cái gì của tôi còn lại sau cái chết, thế thì không có lí do gì để mà sợ bất kì cái gì. Mặt khác, nếu, như ai đó nói, tôi sẽ không chết ngay cả sau cái chết, thế thì không có chút lí do nào để lo nghĩ về cái chết.”

Như tôi đã nói, lời kinh này là có nghĩa trong hai khoảnh khắc, hoặc vào khoảnh khắc chết hoặc vào khoảnh khắc của samadhi đại định. Nhưng chúng ta không có ý tưởng chút nào về khoảnh khắc chết - nó là không dự đoán trước được, nó không thể nói trước được. Nó tới bất thình lình, vào bất kì khoảnh khắc nào. Nó có thể xảy ra vào bất kì khoảnh khắc nào, không có tri thức biết trước về khoảnh khắc đó, và lời cầu nguyện này chỉ có thể đưa ra khi có tri thức biết trước; tức là, khi hiền nhân này biết, “Tôi sắp chết, tôi đang ở ngưỡng cửa cái chết.”

Không, đây không phải là lời cầu nguyện đưa ra vào khoảnh khắc chết. Nó được đưa ra vào thời điểm của cái chết lớn - samadhi có nghĩa là cái chết lớn. Tôi coi cái chết của con người là cái chết bình thường bởi vì thế thì chỉ có thân thể chết thôi; tâm trí không chết. Tôi coi thiền, samadhi, là cái chết vĩ đại bởi vì không có ý tưởng, không có nhớ về thân thể chút nào trong hoàn cảnh đó; tâm trí cũng chết. Do đó tôi nói rằng lời cầu nguyện này được đưa ra vào lúc của samadhi, bởi vì hiền nhân này đang yêu cầu tâm trí bản ngã và ham muốn của mình nhớ những hành động quá khứ của nó.

Phần thứ hai của lời kinh này đã bị hiểu sai nhiều. Sự kiện là ở chỗ những điều như thế này thường được diễn giải cho chúng ta qua các kẻ sĩ - bởi những người khôn ngoan tự nhận. Dù diễn giải và giải thích của họ có thể thông minh đến đâu, họ vẫn phạm phải một lỗi lầm nền tảng. Họ hiểu chữ nghĩa và các nguyên lí của kinh sách đúng đắn, nhưng họ không hiểu chút nào về cái được ẩn kín không được nói tới đằng sau chữ nghĩa và nguyên lí.

Cái tinh túy ẩn kín đó chưa bao giờ được chứa trong lời thực tại của các tôn giáo. Nó là để được hiểu qua lỗ hồng giữa từng lời. Nghĩa không có trong từng dòng mà là ở khoảng trống giữa các dòng. Cho nên những người không có khả năng hiểu được khoảng trống, nhưng người chỉ đọc được chữ in, không thể diễn giải đúng đắn lời kinh vĩ đại này.

Có một phong trào được gọi là Tâm thức Krishna ở phương Tây. Tôi vừa đọc một cuốn sách về Ishavanya Upanishad do Swami Bhakti Vedant Prabhupad viết - người lãnh đạo phong trào này. Tôi rất ngạc nhiên khi đọc diễn giải của ông ấy về bản kinh này. Cách thức ông ấy giải thích nó là: “Con đã tới điểm chết, con đang đứng tại cánh cửa cái chết. Do đó, xin Thượng đế vui lòng chấp nhận sự hi sinh và từ bỏ mà con đã làm cho ngài: xin nhớ lấy những hành động con đã thực hiện cho ngài.”

Ông ấy không chỉ không có khả năng đọc được khoảng cách giữa các chữ mà dường như là ông ấy không thể hiểu được ngay cả bản thân các từ, tìm ra các từ khác thế vào. Hiền nhân này đang đề cập tới tâm trí bản ngã và ham muốn của mình - không có vấn đề chút nào ở đây để đem Thượng đế vào. Hiền nhân này không nói, “Xin nhớ những hành động con đã thực hiện cho ngài, xin nhớ những hi sinh con đã làm cho ngài.” Nhưng tâm trí kinh doanh của chúng ta thích diễn giải điều đó theo cách này. Nó sẽ nói vào khoảnh khắc chết, “Hỡi Thượng đế, xin nhớ cho, con đã đem rất nhiều tiền bạc đi làm từ thiện, con đã xây dựng đền đài cho ngài, con đã xây đập cho thôn làng và vân vân. Hỡi Thượng đế, thời gian của con đã hết, bây giờ cho con phần thưởng xứng đáng với tất cả những hành động và sự hi sinh mà con đã làm vì ngài.”

“Tâm trí bản ngã và ham muốn...” Ý chí là kênh dẫn cho ham muốn của chúng ta, cho khát khao của tâm trí. Cần phải hiểu ý chí là gì để cho việc thảo luận có thể dễ theo dõi. Ham muốn

này sinh trong tâm trí của tất cả chúng ta, nhưng ham muốn không trở thành ý chí chừng nào mà bản ngã còn chưa được móc nối với nó.

Ham muốn mang tính bản ngã trở thành ý chí. Mọi người đều có ham muốn, nhưng những ham muốn này vẫn còn đơn thuần là mơ ước chừng nào chúng còn chưa được móc nối với bản ngã, chừng nào chúng còn chưa trở thành hành động. Được chuyển thành hành động, ham muốn phải được móc nối với bản ngã. Thế thì nó trở thành ý chí. Tự kiêu - bản ngã - được sinh ra để thực hiện, để hiện hữu. Ham muốn là người làm nảy sinh. Bạn trở thành người làm ngay khi bản ngã được thống nhất với ham muốn.

Hiền nhân này nói, “Này tâm trí ta đây bản ngã và ham muốn, nhớ những hành động do mi làm.” Tại sao ông ấy nói điều này, không chỉ một lần mà là hai lần? Tại sao? Nhu cầu gì có đây để nhớ điều này vào khoảnh khắc của samadhi hay vào khoảnh khắc chết? Hiền nhân này đang làm trò đùa. Ông ấy đang cười vào bản thân mình. Tại cánh cửa của samadhi mọi thứ đều mất đi: tâm trí bay hơi, thân thể mất đi, hồn đang biến đi - mọi thứ đều bị hấp thu hết. “Này tâm trí ta, điều gì đã xảy ra cho tất cả những cái mi đã nghĩ tới? Ta đã làm điều này - ta đã làm điều nọ. Đây là tất cả những ý tưởng mà mi bị cuốn hút vào, tất cả những đường mi vẽ trên nước? Qua hết rồi!”

Nhớ lấy, tất cả những điều bạn đã làm đều mất đi - ngay cả bạn cũng đang mất đi. Nhìn lại quá khứ, và nhớ lại với tự hào, tự cao làm sao bạn đã nghĩ, “Ta đã làm được điều này!” Bạn đã lập kế hoạch để làm điều đó với ước mơ làm sao! Nhớ lại tất cả những dấu ấn của vô số lần sinh thành và du hành của bạn. Không dấu vết nào về chúng được thấy hôm nay, và hôm nay bạn cũng sẽ thành cái không; không dấu vết nào của bạn sẽ còn lại.

Hôm nay mọi yếu tố sẽ bị hấp thu vào trong bản thân chúng. Hôm nay toàn bộ cuộc hành trình của bạn sẽ kết thúc.

Cho nên có một cái nhìn hồi tưởng đi, chỉ một lần thôi, và hiểu bạn đã sống trong ảo tưởng lớn đến đâu, bạn đã từng mơ những giấc mơ nào trong cái điên khùng của mình, bạn đã trải qua những nhọc nhằn nào với chúng, và làm sao, mất hút trong lo âu, bạn đã sống vì những giấc mơ này. Và khi bắt kỳ một giấc mơ của bạn không được toại nguyện, nghĩ về đau khổ và thất vọng bạn đã trải qua. Và nhớ bạn trở nên vui mừng biết bao khi mô giấc mơ của bạn được hoàn thành. Hôm nay mọi giấc mơ và mọi thành tựu đã biến mất, và bạn nữa cũng sắp qua đời. Khi nhìn dĩ vãng, nhớ lấy tất cả những điều này một lần nữa.

Trong chế nhạo và đùa cợt lớn hiền nhân này vẫy đề cập tới ý chí bản ngã riêng của mình, tâm trí hão huyền của mình. Đó là lí do tại sao, tôi bảo các bạn, điều này không được nói vào lúc chết mà vào lúc samadhi, bởi vì chỉ thân thể bị tàn lụi đi vào lúc chết; tâm trí bản ngã thì không. Bạn du hành với tâm trí mình ngay cả cả sau cái chết. Tâm trí đó là dòng sinh thành vô số của bạn. Thân thể ngã xuống ở đây, tâm trí du hành cùng bạn. Ham muốn đi cùng bạn. Bản ngã đi cùng bạn. Kí ức về các hành động quá khứ đi với bạn. Ham muốn hoàn thành những điều mà bạn không thể làm được vẫn đi cùng bạn. Toàn thể tâm trí bạn đi với bạn. Chỉ thân thể vật lí chết. Tâm trí rời khỏi thân thể và bắt giữ một thân thể mới - tâm trí này cái đã nắm giữ vô số thân thể trong quá khứ và sẽ tiếp tục làm như vậy.

Đây là lí do tại sao những người biết không coi cái chết là cái chết thật - bởi vì không cái gì tàn lụi trong nó cả, chúng ta đơn thuần thay quần áo của mình. Hiểu điều này cho rõ: thân thể không nhiều hơn quần áo, không nhiều hơn lớp che phủ bên ngoài. Thông thường chúng ta nghĩ rằng thân thể được sinh ra trước và thể rồi tâm trí được sinh ra trong nó. Điều này là sai.

Trong hai trăm năm vừa qua tư duy và niềm tin phương Tây đã làm lan rộng ảo tưởng rằng thân thể được tạo ra trước hết, và rằng thể rồi tâm trí được sinh ra trong nó, như một sản phẩm phụ, một hiện tượng phụ, đơn giản như một phẩm chất, một thuộc tính của thân thể. Điều ấy cũng tương tự như điều người Charvakas cổ đại hay nói - rằng nếu bạn tách các chất được trộn lẫn để làm ra rượu, và ăn hay uống chúng một cách riêng biệt, sẽ không bị say. Chết say là một sản phẩm phụ của các nội dung được trộn lẫn với nhau. Nó không đến từ đâu đó theo ý riêng của nó, nó không có sự tồn tại tách bạch. Nó được tạo ra bởi việc trộn lẫn một số thứ với nhau. Nếu các chất được tách ra nó biến mất. Cho nên người Charvakas cổ đại hay biện minh rằng thân thể được hợp thành từ năm yếu tố còn tâm trí thì được tạo ra bởi việc hợp nhất năm yếu tố này. Tâm trí là sản phẩm phụ.

Khoa học phương Tây hiện tại cũng đang ở trạng thái dốt nát trong vấn đề này, khi tin rằng tâm trí tới sau thân thể, như một cái bóng. Nhưng ở phương Đông, những người đã tìm kiếm sâu sắc trong chủ đề này vẫn coi tâm trí là có trước rồi thân thể tới như cái bóng sau nó. Để chúng ta hiểu điều đó theo cách này: cái gì tới trước nhất trong cuộc sống của bạn, hành động hay ham muốn? Trước hết ham muốn tới trong tâm trí bạn, và thể rồi nó được biến thành hành động - hành động theo sau. Nhưng bất kì ai nhìn nó từ bên ngoài, người đó sẽ thấy hành động trước và sẽ phải đoán ra ham muốn đằng sau hành động này. Giả sử giận dữ phát sinh bên trong tôi và tôi tát bạn: giận dữ tới trước, tâm trí tới trước, thể rồi tay được nâng lên và thân thể thực hiện hành động này. Nhưng bạn sẽ thấy tay tôi và hành động tát trước hết. Ngay cả như vậy, bạn sẽ không hoài nghi lí do mà tôi phải có trước khi trở nên giận dữ. Hành động thân thể được thấy trước hết, và xem như kết quả bạn bắt đầu đoán điều đang xảy ra trong tâm trí tôi. Nhưng đâu vậy những công việc ấy của tâm trí tôi đến trước, và hành động của thân thể theo sau.

Khi một đứa trẻ được sinh ra chúng ta cũng thấy thân thể trước hết, nhưng những người biết sâu sắc nói chính tâm trí đến trước. Chính tâm trí đó tạo ra thân thể được thụ thai và được sinh ra. Tâm trí đó tạo ra hình dáng, hình hài của thân thể này. Đây là một loại bản thiết kế tổng thể, đây là một chương trình làm sẵn. Khi một người chết đi, tâm trí người đó tiếp tục cuộc hành trình của nó với bản thiết kế tổng thể, và bản thiết kế tổng thể đó đặt bản thân nó vào một bụng mẹ mới. Và bạn sẽ ngạc nhiên mà biết điều này: chúng ta thông thường tin rằng một thân thể được tạo ra khi một người đàn ông và một người đàn bà làm tình, và thể rồi linh hồn đi vào trong thân thể, nhưng khi nhìn sâu vào trong hiện tượng này vấn đề trở thành hiển nhiên là khi một linh hồn mong muốn đi vào bụng mẹ, thể thì cả hai người đàn ông và đàn bà trở nên háo hức hoạt động dục tính. Lần nữa, chính thân thể được thấy trước, và chúng ta phải đoán về tâm trí. Tuy nhiên, những người đã nhìn sâu vào vấn đề này đều nói rằng khi một linh hồn mong muốn đi vào bụng mẹ, nó bắt đầu vờ quanh bạn, thể thì có phát sinh khao khát hưởng lạc dục. Tâm trí bận bịu lấy một thân thể sẵn sàng cho chính nó. Bạn có thể đã không nghĩ về sự kiện này.

Khi bạn nằm xuống ngủ vào ban đêm - khi giấc ngủ bắt đầu trùm xuống bạn và gần như bắt lấy bạn - đưa tâm thức của bạn về ý nghĩ cuối cùng trong tâm trí bạn, thể rồi đi vào trong giấc ngủ; và khi bạn thức dậy vào buổi sáng và sẵn sàng rời khỏi giường, nhìn lại và tìm ra ý nghĩ đầu tiên của bạn khi thức dậy mà xem. Bạn sẽ rất ngạc nhiên với kết quả. Ý nghĩ cuối cùng đêm trước trở thành ý nghĩ đầu tiên vào buổi sáng. Theo cùng cách này, ham muốn cuối cùng vào lúc chết trở thành ham muốn đầu tiên vào lúc sinh.

Trong cái chết, thân thể tan rã nhưng tâm trí vẫn tiếp tục cuộc hành trình của nó. Độ tuổi của thân thể bạn có thể là năm mươi năm nhưng độ tuổi của tâm trí bạn có thể là năm triệu năm.

Tổng số mọi tâm trí được sinh ra trong mọi lần sinh thành của bạn vẫn có đó trong bạn ngay cả cho tới ngày nay. Phật đã đặt một cái tên rất có ý nghĩa cho sự kiện này. Ông ấy là người đầu tiên làm như vậy. Ông ấy đã đặt tên nó là nhà kho tâm thức (tàng thức). Giống như một nhà kho, tâm trí bạn đã cất giữ mọi kí ức về tất cả những sinh thành quá khứ của bạn - cho nên tâm trí bạn rất già. Và không phải là tâm trí bạn là nhà kho chỉ cho sự sinh thành con người: nếu bạn đã từng được sinh ra như con vật, cây cối, vì trường hợp này cũng là chắc chắn, các kí ức của tất cả những lần sinh thành ấy cũng hiện diện bên trong bạn.

Những người đã tiến hành các cuộc điều tra sâu sắc vào trong quá trình của nhà kho tâm thức này đều nói rằng nếu bất thình lình một cảm giác yêu mến tràn ngập trong tâm trí của bất kì người nào khi ngắm bông hồng, lí do là ở chỗ có một kí ức sâu bên trong người đó về bản thân người đó đã từng là hoa hồng trong quá khứ, điều được nhen nhóm lại thành việc cảm thấy sự cộng hưởng của nó trong hoa hồng. Không phải ngẫu nhiên mà một người yêu chó lắm. Có những kí ức trong nhà kho tâm thức của người đó làm cho người đó nhận biết về quan hệ họ hàng lớn lao của người đó với chó. Bất kì cái gì xảy ra trong các kiếp sống của chúng ta đều không ngẫu nhiên. Một quá trình nhân quả tinh vi đang vận hành đằng sau những việc xảy ra này. Mặc dầu thân thể tàn lụi trong cái chết, tâm trí vẫn tiếp tục cuộc hành trình của nó và cứ thu thập các kí ức. Đây là lí do tại sao đôi khi bạn thấy những hình dạng trong tâm trí mình mà về nó bạn sẽ nói, “Chúng không phải là của tôi.” Đôi khi bạn làm những điều nào đó gây cho bạn cảm giác kì lạ và nói, “Điều này đã được làm bất chấp tôi.” Giả sử một người cãi nhau với ai đó và cắn người đó. Sau đó người này nghĩ, “Thật lạ làm sao mình có thể cắn được người đó! Không lẽ mình là con thú hoang dại sao?” Người đó không phải là con thú ở hôm nay, nhưng có thời người đó đã là con thú; và một khoảnh khắc có thể tới khi kí ức ẩn kín của người đó trở

nên kích hoạt đến mức người đó hành xử hết như con thú. Tất cả chúng ta đều hành xử giống như con vật trong nhiều trường hợp. Hành vi đó không giáng xuống từ bầu trời, nó tới từ cái kho bên trong tâm trí chúng ta.

Cái chết của chúng ta chỉ là cái chết của thân thể ta thôi. Tâm trí chúng ta, tràn đầy bản ngã và ham muốn, không chết, cho nên sẽ không có cơ hội nào cho hiền nhân nay đùa theo cách này nếu người đó đơn giản đang đối diện với cái chết vật lí. Lời kinh này được nói vào thời điểm của samadhi. Có một đặc điểm nổi bật về samadhi: việc tới của nó có thể được công bố trước. Cái chết đến bất ngờ, samadhi được mời tới. Cái chết xảy ra, samadhi được lập kế hoạch. Tiến bộ dần từng bước trong thiền, con người đạt tới trạng thái của samadhi.

Hiểu ý nghĩa lớn lao của từ samadhi đi. Nhiều lúc từ samadhi cũng được dùng để chỉ nắm mờ. Nắm mờ của một hiền nhân được gọi là samadhi. Nó được gọi đúng như vậy. Samadhi là một loại cái chết, nhưng là một cái chết sâu sắc và nổi bật. Thân thể vẫn còn đây sau cái chết, nhưng tâm trí bên trong bị phá huỷ. Vào khoảnh khắc này của phá huỷ tâm trí hiền nhân này nói, “Này tâm trí đầy bản ngã và ham muốn, nhớ về những hành động mi đã làm trong quá khứ.” Ông ấy đang nói điều này bởi vì tâm trí đã lừa dối ông ấy trong quá khứ lặp đi lặp lại; nhưng hôm nay chính tâm trí này bị phá huỷ.

“Tuỳ thuộc và dựa dẫm vào tâm trí mình, ta đã sống cuộc đời mình. Qua những thắng và thua, hạnh phúc và bất hạnh, thành công và thất bại, hi vọng và thất vọng, ta đã tin nó bao giờ cũng ở cùng ta; nhưng bây giờ ta thấy nó đang lừa dối ta. Học về nó để dựa dẫm, ta đã làm cuộc hành trình dài thế, nhưng hôm nay ta thấy rằng hỗ trợ cho ta đang tàn lụi đi - tan rã mãi mãi. Ta cứ tưởng nó là chiếc thuyền cứng cáp, nhưng hôm nay ta thấy rằng chính bản thân nước đang hội nhập vào trong dòng sông.”

Trong khoảnh khắc này hiền nhân đó đang đề cập tới tâm trí của mình: “Này tâm trí bản ngã, nhớ lại những hành động mi đã làm, những hành động mi đã ham muốn và dự định. Nhớ đến những hứa hẹn mi đã nói, những an ủi mi đưa ra. Nhớ ta đã tin cậy vào mi biết bao nhiêu. Nhớ điều mi đã xui khiến ta làm. Nhớ những ảo tưởng mi đã tạo ra trong ta. Nhớ những giấc mơ mi đã cho ta. Nhớ những điều xuân ngốc mi đã dẫn ta vào. Bây giờ bản thân mi đang mất đi, còn ta đang đi vào một vùng nơi mi sẽ không có. Mãi cho đến bây giờ mi bao giờ cũng thuyết phục ta rằng nơi không có bản ngã, nơi không có ý chí, không có bản thể. Nhưng ta thấy hôm nay là mi đang mất đi, và vậy mà bản thể ta còn lại.”

Tâm trí bao giờ cũng nói, “Nếu không có ý chí mình sẽ tàn lụi. Mình sẽ không thể đứng dậy chống lại xung đột của cuộc đời. Nếu không có bản ngã trong mình, mình sẽ héo tàn; mình sẽ không sống sót!” Tâm trí bao giờ cũng xúi bẩy hành động, quyết tâm và tranh đấu. “Nếu mình không tranh đấu mình sẽ bị quét đi.” Chắc chắn, điều tự nhiên duy nhất cho hiền nhân này vào ngày này để đưa cột tâm trí mình, để nói với tâm trí, “Bản thân mi đang héo tàn hôm nay trong khi ta không hề bị động chạm. Mi đang ra đi, ta không. Cho tới nay mi đã lừa dối ta, bảo ta rằng ta sẽ không được cứu nếu không có mi. Nhưng hôm nay mi đang bỏ đi và ta không.”

Hiền nhân dùng khoảnh khắc này để đưa cột và chế nhạo với hai lí do: một là về tâm trí riêng của mình, và hai là về tâm trí của những người còn chưa đạt tới cánh cửa của samadhi và đang bận rộn trong cả nghìn lẻ một hoạt động, tâm trí của họ đang xui khiến họ làm điều này và làm điều nọ, tâm trí của họ vẫn đang bảo họ, “Cuộc đời mình bị phí hoài nếu mình không hoàn thành việc này, nếu mình không xây dựng lâu đài này,” tâm trí của họ bảo họ, “Mình không đáng giá gì nếu mình không hoàn thành sứ mệnh này, cuộc phiêu lưu này.”

Với những người như thế hiền nhân này đang nói tới việc đùa của mình. Ông ấy cảnh báo họ phải nghĩ lại đi, bởi vì tâm trí là kẻ lừa dối lớn nhất. Tất cả mọi lừa dối của chúng ta do tâm trí tạo ra. Mỗi người và mọi người trong chúng ta sống trong thế giới mơ, và tâm trí láu cá đến mức nó không cho phép chúng ta nhìn đủ sâu để làm lộ ra lừa dối của nó. Tâm trí sẵn sàng với lừa dối mới trước khi chúng ta có khả năng thấy lừa dối trước. Trước khi lừa dối trước bị phá huỷ thì tâm trí bịa ra cấu trúc lừa dối khác và cám dỗ chúng ta, nói rằng, “Lại đây đi, nghỉ ở đây này.”

Nếu một ham muốn được đáp ứng và tâm trí định cho phép bạn một khoảng thời gian, bạn sẽ có khả năng thấy rằng không cái gì thực sự được đạt tới qua hoàn thành ham muốn đầu tiên của bạn, với nó bạn đã chịu đựng biết bao nhiêu rắc rối và lo âu. Bạn thực sự thu được cái gì? Còn kém hơn cả rác rưởi! Nhưng tâm trí không cho phép ngay cả có khoảng hở đó, cơ hội đó. Tâm trí bắt đầu trồng hạt mầm của ham muốn tiếp của bạn trước khi ham muốn trước đó được hoàn thành. Khi một ham muốn được hoàn thành, nó được thấy là vô dụng và mối quan tâm bị mất, nhưng tâm trí lập tức đưa ra mầm mống của ham muốn mới. Cuộc đua bắt đầu: tâm trí chưa bao giờ cho bạn một cơ hội nghỉ ngơi, dừng lại để bạn có thể thấy bạn đang trong lừa dối nào. Khi mặt đất biến mất dưới chân bạn, tâm trí không cho phép bạn thấy lỗ hổng tại chỗ của nó, nhưng thay vào đó đưa cho bạn một mảnh đất để đứng.

Tôi sẽ kể cho các bạn một câu chuyện ngắn nhưng thú vị mà Phật thường kể. Bạn có thể đã nghe nó, nhưng bạn có thể không diễn giải nó theo cách này.

Một người đang chạy qua khu rừng. Bây giờ, người này chạy bởi một trong hai lí do: hoặc là cái gì đó phía trước hấp dẫn người đó, hoặc là cái gì đó khác phía sau đang thúc đẩy người đó. Người này đang chạy bởi cả hai lí do. Người đó chạy để tìm kim

cương, bởi vì ai đó đã bảo người đó có mỏ kim cương trong khu rừng. Nhưng người đó chạy rất nhanh vào lúc này bởi vì một con sư tử đang đuổi theo. Người đó quên mất kim cương vào khoảnh khắc đó và chỉ nghĩ về cách cứu mình khỏi sư tử. Người đó chạy mà không mất hết can đảm, nhưng cuối cùng thì cũng tới chỗ lối cụt. Không còn đường phía trước, chỉ có hố bẫy sâu và nguy hiểm, và không có đường quay lại - không có cách nào quay lại, dù đi qua rừng hay trên đường. Đây chính là cách thức bạn chạy, trong khi đuổi theo kim cương hay để cứu mạng mình, và không có đường lui! Mọi thời quá khứ đều đã trôi qua vĩnh viễn. Bạn không thể bước lùi dù một li vào trong quá khứ.

Người này, bị sư tử đuổi theo, đã không thể quay lại, và con đường phía trước là lối cụt. Sợ hãi và không thấy đường ra, người đó đã làm điều mà người thất vọng sẽ làm. Bám lấy rễ cây, người đó dùng đưa mình trên bờ hố, nghĩ tới việc trèo lên khi sư tử đã bỏ đi. Nhưng con sư tử, đứng gần ngay miệng hố, bắt đầu đợi người đó. Con sư tử cũng có ham muốn của nó! Nó nghĩ, “Người này cuối cùng cũng phải trèo lên.” Khi người này thấy sư tử ngồi đợi mình, người đó nhìn xuống dưới để tìm cách thoát thân, và phía dưới kia, vọng tiếng gào trong hố bẫy phía dưới, là một con voi điên.

Chúng ta có thể hình dung hoàn cảnh của người này thật khổ và đáng thương làm sao - nhưng vẫn chưa đủ đáng thương đâu. Khổ cực và phiền phức của cuộc đời là không biết bao nhiêu. Không một xung đột hay rối loạn nào có thể vét cạn tiềm năng cuộc sống để tạo ra nhiều xung đột rối loạn hơn. Bỗng nhiên người đó nhận ra rằng cái rễ cây mình đang bám vào cũng dần dần mất đi. Người đó nhìn lên và thấy hai con chuột đang miệt mài gặm nhấm vào cái rễ cây. Một con chuột trắng và một con chuột đen. Phật hay so sánh chúng với ngày và đêm cứ làm ngắn dần cuộc sống con người. Chúng ta có thể hiểu tính mạng người này hiện nay đang trong nguy hiểm đến đâu, không có khả năng

trốn thoát. Nhưng không, ham muốn của người này thật đáng ngạc nhiên làm sao, và thủ đoạn lừa dối của tâm trí người đó là tuyệt vời. Vào khoảnh khắc đó người đó thấy một tổ ong phía trên chiếc rễ, từ đó từng giọt mật rơi xuống, từng giọt một. Người đó thè lưỡi ra, và một giọt mật rơi vào lưỡi. Người đó nhắm mắt trong vui vẻ lớn, và tự nhủ mình, “Mình được ân huệ làm sao, ngọt làm sao.” Vào khoảnh khắc đó không có sư tử ở trên, không có voi điên ở dưới, không có chuột đang gặm nhấm rễ cây không có sợ chết nào. Trong khoảnh khắc đó người đó mất hết mọi sợ hãi, và chỉ có thể cảm thấy, “Ngọt làm sao!”

Phật thường nói rằng từng người đều trong tình thế khó khăn này, nhưng tâm trí thì cứ thả ra từng giọt mật hết giọt nọ đến giọt kia. Con người nhắm mắt và nói, “Ngọt làm sao!” Đây là tình huống cho mọi thời. Có cái chết ở trên và có cái chết ở dưới. Nơi có cuộc sống, cái chết bao quanh tất cả. Cuộc sống bị bao bọc bởi cái chết, và gốc rễ của bản thân cuộc sống đang bị chặt đi vào mọi khoảnh khắc. Mọi ngày, mọi khoảnh khắc, cuộc sống đang bị làm rỗng đi. Giống như cát trong chiếc đồng hồ cát cứ trôi dần từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc tiếp, cuộc sống của chúng ta cũng tuột đi. Nhưng cho dù vậy, nếu một giọt mật rơi xuống chúng ta nhắm mắt lại và bắt đầu mơ ước về hi vọng. Tâm trí bảo chúng ta, “Nhìn này, mật ngọt làm sao!” Khi một giọt kết thúc giọt khác sẵn sàng rơi xuống. Tâm trí tiếp tục chống đỡ chúng ta với sự lừa dối, từng giọt một.

Cho nên hiền nhân này nói, “Này tâm trí bản ngã và ham muốn của ta, nghĩ về những lừa dối mi đã thực hành trên ta. Bây giờ nhớ điều này: tất cả những hành động quá khứ của mi và tất cả những kế hoạch tương lai của mi - mi là kẻ xúi bẩy cho những hành động đó, nhưng hôm nay mi tới số cùng của mi rồi. Mi đang ở cánh cổng huỷ diệt, mi sẽ bị thủ tiêu.” Tại cổng của samadhi tâm trí trở thành trống rỗng; ý nghĩ dừng tới, hoài nghi và không chắc chắn của tâm trí biến mất, những con sóng của

tâm trí trở nên êm đềm. Tuyệt đối không có tâm trí. Khi không có tâm trí, có samadhi.

Tôi đã kể cho các bạn rằng một nghĩa của samadhi là nắm mờ - nắm mờ của vị thánh. Ý nghĩa thứ hai của samadhi là điều kiện về không hoài nghi, nơi hoài nghi không tồn tại Cũng đáng biết rằng nơi có tâm trí, có hoài nghi, hoài nghi và hoài nghi; không bao giờ có thể không hoài nghi. Tâm trí là nhà giả kim lớn nhất của hoài nghi. Như lá nhú ra từ cây, hoài nghi lộ ra trong tâm trí; không hoài nghi không bao giờ lộ ra ở đó, nó có đó chỉ khi tâm trí không có đó. Cho nên khi một người tới tôi với một yêu cầu làm cho tâm trí người đó thoát khỏi hoài nghi, tôi bảo người đó, “Đừng bận tâm về điều đó; bạn sẽ không bao giờ có khả năng làm cho tâm trí thoát khỏi hoài nghi đâu. Gạt tâm trí bạn sang bên và bạn sẽ có không hoài nghi.”

Một người hỏi tôi tối nay, “Làm sao tôi có thể thoát khỏi tham?”

Tôi bảo người đó, “Bạn không bao giờ thoát được đâu, bởi vì bản thân bạn là tham lam. Chừng nào *bạn* có đó, bạn không bao giờ có thể không tham lam. Nếu bạn không có đó, tham lam sẽ không có đó.”

Không hoài nghi trong tâm trí là không bao giờ có thể có được; nó chỉ tới khi tâm trí không có đó. Đó là lí do tại sao vô trí được gọi là samadhi - không có hoài nghi chút nào. Chừng nào tâm trí có đó, nó sẽ cứ tạo ra hết hoài nghi nọ đến hoài nghi kia. Nếu bạn giải quyết được hoài nghi này, nó sẽ phát sinh ra hoài nghi khác, và nếu ai đó cho bạn một giải pháp, tâm trí sẽ tạo ra mười hoài nghi từ giải pháp đó.

Một người bạn thông báo cho tôi qua thư rằng anh ấy sắp tới dự trại thiền. Anh ấy gặp tôi hai ngày trước đây. Anh ấy đã viết thư cho tôi rằng tâm trí anh ấy tràn đầy những bất ổn. Sau ba

ngày trong trại cái bất ổn của anh ấy biến mất. “Sau ba ngày,” anh ấy bảo tôi, “bất ổn của tôi đã biến mất, nhưng liệu cái yên bình tôi đang cảm thấy đây không phải là lừa dối chứ?”

Tôi bảo anh ta, “Tâm trí bạn đã bao giờ bảo bạn rằng bất ổn là lừa dối không?”

Người đó nói, “Tâm trí chưa bao giờ nói thế.”

Tôi hỏi, “Bạn bất ổn trong bao lâu rồi?”

Người đó đáp, “Tôi bao giờ cũng bất ổn.”

Tâm trí người đó chưa bao giờ hỏi liệu bất ổn này không phải là sự lừa dối chẳng. Và bây giờ khi người đó đã trở nên yên bình trong ba ngày qua, tâm trí lại hỏi, “Có phải là yên bình thật không nhỉ? Nó không phải là lừa dối chứ?” Tâm trí thật đáng ngạc nhiên! Ngay cả nếu Thượng đế gặp bạn, tâm trí sẽ đưa ra hoài nghi: “Mình không thể nói dứt khoát liệu ngài là thực hay nhân tạo.” Chừng nào tâm trí có đó, hoài nghi chắc chắn nảy sinh. Cho nên chừng nào mà bạn còn giữ tâm trí mình bạn sẽ vẫn còn trong khó khăn lớn. Ngay cả nếu phúc lạc đến, tâm trí trở thành nghi ngờ và hoài nghi về sự hiện diện của nó. Tâm trí tạo ra hoài nghi, đưa ra nghi ngờ và không chắc chắn, và cho sinh ra lo nghĩ và lo âu.

Mặc cho tất cả những điều này, tại sao chúng ta ôm giữ tâm trí chặt chẽ? Nếu tâm trí là gốc rễ của tất cả những ốm yếu này - như những người biết nói cho chúng ta - thế thì cái gì là lí do cho níu bám chặt chẽ vào nó? Về câu trả lời, nhìn vào lưu ý thách thức của hiền nhân này. Lí do chúng ta níu bám vào nó chặt chẽ là ở chỗ chúng ta sợ rằng nếu tâm trí không có đó thế thì chúng ta cũng sẽ không có đó. Thực ra, dù có chủ ý hay không chủ ý, chúng ta đã đồng nhất bản thân chúng ta với nó. Chúng ta đã đi tới tin, “Mình là tâm trí.” Chừng nào mà đây là hiểu biết của

chúng ta thì chúng ta sẽ tiếp tục níu bám lấy tất cả những cái ôm yêu này.

Bạn không phải là tâm trí! Bạn là cái biết đến tâm trí, cái thấy nó và cái quen biết hoàn toàn với nó. Để nhận ra điều này bạn sẽ phải đi xa chút ít khỏi nó, bạn sẽ phải đứng xa một chút khỏi nó, bạn sẽ phải nâng bản thân mình lên trên nó một chút. Bạn sẽ phải đứng trên bờ để xem luồng tâm trí và để nhận ra nó. Làm sao bạn có thể rời bỏ nó khi mà bạn đồng nhất bản thân mình với nó? Điều đó sẽ là tự tử. Rời bỏ tâm trí nghĩa là chết. Cho nên bạn sẽ không có khả năng rời bỏ nó. Một mình người nói, “Ta không phải là tâm trí,” có thể từ bỏ được nó.

Bước đầu tiên đi vào samadhi là kinh nghiệm này: “Ta không là tâm trí.” Kinh nghiệm này trở nên ngày một sâu sắc hơn cho tới khi nó trở thành rõ ràng và chắc chắn đến mức tâm trí biến mất hoàn toàn. Nó biến mất tựa như ngọn lửa của chiếc đèn hết dầu. Ngay cả khi dầu trong đèn đã hết rồi nhưng bắc vẫn còn tiếp tục cháy lâu thêm vì còn có chút ít dầu trong bắc - nhưng bây giờ nó không cháy lâu nữa. Hiền nhân này đang trong hoàn cảnh tương tự. Ông ấy đã nhận ra, “Ta không phải là tâm trí,” nhưng ngọn lửa vẫn còn tiếp tục cháy từ bây giờ từ chút ít dầu còn lại trong bắc. Hiền nhân này đang đề cập tới ngọn lửa này trong những khoảnh khắc cháy cuối cùng của nó, “Này tâm trí bản ngã của ta, mi hứa hẹn với ta là bao giờ cũng cùng ta và cho ta ánh sáng. Nhưng mi đang ở điểm sắp tắt ngấm. Bây giờ ta thấy rằng dầu đã hết, cho nên ta hỏi mi bây giờ liệu mi còn kéo dài được bao lâu? Mi đã hoàn toàn chấm dứt, thế mà *ta còn*.” Cho nên người đó đang nói với tâm trí sắp chết của mình, “Ta bao giờ cũng tách biệt với mi, nhưng ta bao giờ cũng bị đồng nhất với mi. Đây là ảo tưởng của ta - luân hồi, ảo vọng maya - ảo tưởng lớn!”

Hiền nhân này đang đề cập tới bản thân mình, và như tôi đã nói với các bạn, ông ấy cũng đang đề cập tới bạn nữa. Có lẽ bạn

cũng có thể nhận ra điều đó. Quay lại với thời niên thiếu của bạn và nhớ bạn đã lo âu thế nào khi đứng đầu lớp: bạn mất ngủ ban đêm thế nào, bao nhiêu tải trọng của kì thi đè lên tâm trí bạn, bạn đã tin như thế nào vào mọi thứ bị phụ thuộc vào chúng! Nhưng hôm nay không còn kì thi nào, không còn lớp học. Quay lại và kiểm tra xem: Bạn nhất lớp hay nhì hay thứ ba trong lớp - hay ngay cả trượt - có gì khác biệt nào? Hôm nay bạn nhớ chẳng cái gì trong những việc xảy ra đó. Cứ quay lại mà xem. Bạn kiểm chuyện cãi nhau với ai đó: bạn nghĩ đấy là vấn đề sống chết. Hôm nay, sau mười năm, cuộc cãi lộn đó trông tựa như những đường vẽ trên nước. Ai đó xúc phạm bạn trên phố và bạn vật lộn với vấn đề làm sao bảo vệ bản thân mình khỏi sự lăng mạ của người đó. Nhìn xem: bạn đâu có bị phá hủy. Việc lăng mạ bây giờ không có đó. Hôm nay bạn không nhớ gì về nó cả. Quay lại và xem bạn đã gắn cho nó tầm quan trọng đến đâu. Hôm nay nó có quan trọng nữa không? Không, nó không còn quan trọng chút nào bây giờ.

Nhớ lấy, cái mà bạn coi là có giá trị hôm nay sẽ thành vô giá trị ngày mai, cho nên đừng cho nó quan trọng lắm vào hôm nay. Học từ kinh nghiệm của bạn về ngày hôm qua, và rút ra tất cả những giá trị mà bạn đã đặt vào những thứ bạn làm bây giờ. Hiền nhân này đang kể lại tâm trí bản ngã của mình, về sức mạnh của tất cả những kinh nghiệm của mình trong cuộc sống, “Ta đã coi mi là rất quan trọng, nhưng ta nói rất dứt khoát với mi, tại khoảnh khắc này nói cho mi lời chào vĩnh biệt, rằng mi đã tiến hành lừa dối suốt từ đầu đến cuối. Chính cái ngu xuẩn của ta là không thấy ra rằng ta đã và đang tách biệt với mi.”

Khi tâm trí tiêu tan mọi thứ tiêu tan, bởi vì nó là hạt nhân để mọi thứ được móc vào. Bánh xe của toàn bộ cuộc sống chúng ta quay quanh nó. Do đó hiền nhân này tuyên bố rằng năm yếu tố trong thân thể sẽ hấp thu bản thân chúng vào ngọn nguồn của

chúng và mọi thứ sẽ tiêu tan, bởi vì tâm trí - hạt nhân kết nối tất cả - hôm nay đang biến mất đi.

Khi Phật đạt tới tri thức tối thượng ông ấy nói một điều tuyệt diệu. Khi tâm trí ông ấy bị phá huỷ lần đầu tiên và ông ấy đi vào trạng thái trống rỗng, ông ấy nói đúng cái điều mà hiền nhân của Upanishad đã nói. Ông ấy nói, “Này tâm trí, bây giờ ta nói lời vĩnh biệt mi. Mãi cho đến giờ mi là được cần cho ta, vì ta đã muốn có dạng thân người. Nhưng bây giờ ta không cần thân người cho nên mi có thể ra đi. Mãi cho đến bây giờ, với việc cần thân người, ta đã cần kiến trúc sư của nó, tâm trí, nữa. Không ai có thể được tạo ra mà không có nó. Bây giờ ta có chỗ trú ngụ tối cao của mình. Bây giờ ta đã đạt tới đích của mình. Bây giờ ta đã đạt tới ngôi nhà không được tạo ra, nơi cư ngụ trong cái ta của ta. Bây giờ mi có thể ra đi.”

Những lời kinh như vậy là rất quan trọng cho người tìm kiếm chân lí. Không có lợi gì trong việc giao phó chúng cho kí ức. Chúng có lợi chỉ nếu được giữ trong tim. Nếu chúng được ghi nhớ và lặp lại hàng ngày chúng trở thành cữ rích. Dần dần nghĩa của chúng bị mất đi, và chỉ có từ chết còn lại. Nhưng nếu sự kiện này - rằng tâm trí không là cái gì ngoài sự lừa dối - được bạn hiểu rõ ràng, thế thì cuộc cách mạng mới sẽ đi vào cuộc sống của bạn. Tôi không nói về những lời kinh này với quan điểm để bạn ghi nhớ điều tôi nói và trở thành kẻ sĩ. Không, bạn đã là kẻ sĩ ngay từ trước khi nghe tôi: không cần làm tăng thêm mớ tri thức của bạn. Tôi nói về chúng để cho bạn bức tranh đúng đắn về các thực tại của cuộc sống. Nếu việc ghi nhớ xảy ra, để cho nó đi qua nhận biết rằng những lời kinh này đem đến việc soi sáng trên con đường mà bạn sống.

Trang Tử là một thầy Trung quốc. Một buổi chiều tối ông ấy cùng đệ tử của mình đi qua một vùng nghĩa địa. Một cái sọ bị

chân ông ấy đá phải. Ông ấy nhặt nó lên, chạm đầu mình vào và xin chiếc sọ tha thứ. Đệ tử của ông ấy hỏi, “Sao thầy làm điều này? Chúng tôi bao giờ cũng nghĩ thầy là con người của trí huệ. Cái gì là cái điên khùng đang diễn ra trong thầy bây giờ?”

Trang Tử đáp, “Các ông không hiểu. Vùng nghĩa địa này là dành riêng cho những người rất quan trọng (VIP). Chỉ những người quan trọng nhất của thành mới được mai táng ở đây.”

Họ nói, “Dù họ là ai đi chăng nữa, cao hay thấp, cái chết vẫn là kẻ san bằng vĩ đại.”

Cái chết mang tính cộng sản lớn - nó đặt mọi người theo cùng mức độ. Nhưng Trang Tử nói, “Không, ta phải xin tha thứ của nó. Giả sử người này còn sống bây giờ, vị trí của ta sẽ thế nào?”

Đệ tử nói, “Người này bây giờ *không* còn sống, vậy tại sao thầy phải lo nghĩ về ông ấy?”

Nhưng Trang Tử mang chiếc sọ về nhà và để nó gần giường mình. Bất kì ai đến gặp ông đều tự hỏi tại sao chiếc sọ được đặt ở đây. Trang Tử sẽ nói, “Một cách vô tình chân ta đá phải nó. Vì người này không còn nữa, nên ta không còn cơ hội nào để xin tha thứ, cho nên ta gặp khó khăn. Để giải quyết vấn đề này ta phải mang chiếc sọ về nhà, và ta cứ xin tha thứ trong hi vọng rằng một ngày nào đó lời ta có thể được nghe thấy.”

Nghe thấy điều này, mọi người thường nói với ông, “Ông nói điều vô nghĩa làm sao!”

Thế rồi ông ấy sẽ nói, “Lí do khác ta đem nó về đây là vì nó là lời nhắc nhở thường xuyên cho ta rằng sớm hay muộn sọ ta cũng sẽ nằm trong mảnh đất chôn vùi và người ta sẽ đá nó đi đây đó. Ta không bận tâm về điều đó, nhưng ta lấy làm tiếc là ta sẽ không thể ở vị trí để tha thứ cho bất kì ai xin ta tha thứ. Cho nên

một hiểu biết lớn về sợ của ta đã tới với ta từ khi ta mang chiếc sợ này về nhà. Nhìn vào nó ta sẽ vẫn còn bình thản và không bị khuấy động cho dù ai đó đá vào sợ ta!”

Đây là hiểu biết mang tính tồn tại, nó không phải là trí tuệ. Hiểu biết này đã mang lại kết quả, người này được biến đổi. Theo cùng cách đó, nếu lời kinh này đạt tới tim bạn nó sẽ mang lại kết quả khi bạn làm điều gì đó và tâm trí bạn thôi thúc bạn theo cách này hay cách khác.

Chẳng hạn, lời kinh này nên trao cho những người như Morarji Desai, người có tâm trí thường xuyên lập kế hoạch để làm cái này làm cái nọ. Tâm trí cứ làm việc như thế này cho đến lúc chết, mặc dầu nó không thu được cái gì từ hoạt động của nó. Bắt đầu nghề nghiệp của mình từ trợ lý thu thuế, ông ấy đã lên đến địa vị thứ trưởng, nhưng ông ấy chẳng đạt được cái gì. Cho dù ông ấy có lên hơn nữa, không kết quả gì, không đáng giá gì, sẽ thu được từ việc đó. Tâm trí bao giờ cũng giữ bạn trong khó khăn, dù nó được hay thua. Tâm trí giống như kẻ đánh bạc. Nếu nó thua, nó nghĩ, “Mình chơi thêm lần nữa - mình có thể thắng.” Và nếu nó thắng, nó nghĩ, “Bây giờ vận may của mình đang tới, mình phải không bỏ lỡ nó; mình phải chơi thêm nữa.” Nếu người đó thắng, kẻ đánh bạc trở nên hi vọng nhiều hơn, và tiếp tục chơi. Nếu người đó thua, tâm trí người đó ngần ngại trước viễn cảnh sắp thua: “Chơi thêm lần nữa, mình có thể thắng. Thử lần nữa xem sao!”

Cho nên nhớ lấy lời kinh này khi tâm trí, giống như kẻ đánh bạc, thúc giục bạn tiếp tục, dù thắng hay thua! Và nói với nó: “Này tâm trí đây những bản ngã và ham muốn của ta... nhớ hành động quá khứ của mi.” Kết quả của việc ghi nhớ này sẽ là ở chỗ sự hấp dẫn lớn hơn của bạn vào một hành động đặc biệt sẽ yếu đi. Cái ngu xuẩn của bạn trong việc nghĩ về bản thân mình là

người làm sẽ bị đập vỡ tan, và bạn sẽ đi tới gần samadhi hơn. Bạn sẽ làm sâu sắc hơn tính mạnh mẽ của việc thiền của bạn. Nhớ trong tâm trí, vô ý thức hay vô nhận biết sẽ không có tác dụng. Nếu bạn cứ còn vô nhận biết và không nhạy cảm với cách làm việc của tâm trí, thế thì tâm trí của bạn sẽ lặp lại điều nó đã làm hôm qua.

Có lẽ bạn không biết điều này, nhưng tâm trí bạn chưa bao giờ làm bất kì điều gì mới hay tươi tắn. Nó đơn giản cứ lặp lại điều nó đã làm trước đây. Bạn đã giận dữ ngày hôm qua, bạn đã giận dữ ngày hôm kia; và sau cơn giận dữ ngày hôm kia bạn đã ăn năn và thề không bao giờ giận dữ nữa. Hôm qua bạn làm hết như cũ, và ở đây bạn lại đang làm cùng việc đó hôm nay. Cơn giận dữ của bạn cũ kĩ, và việc ăn năn của bạn cũng cũ kĩ. Ngày nọ tiếp ngày kia bạn cứ lặp lại cái loại hành vi này. Nếu bạn không có khả năng loại bỏ giận dữ, ít nhất gạt sang bên việc ăn năn về nó; phá vỡ ít nhất một trong những thói quen cũ của bạn! Nhưng bạn sẽ không làm điều này; cơn giận của bạn và ăn năn của bạn cứ đi đôi với nhau.

Toàn bộ cuộc đời con người là sự lặp lại. Nó không khác gì với sự lặp lại của con trâu kéo máy nghiền mía. Con trâu có thể nghĩ nó đang bước một khoảng cách rất xa bởi vì mắt nó vẫn còn nhắm khi nó tiếp tục bước vòng quanh. Nó có thể nghĩ nó đã đi khắp trái đất và phải ở gần đích rồi. Giống như con trâu này, tâm trí đi theo vòng tròn. Nếu một người viết nhật kí hàng ngày, người đó sẽ phải xét xem liệu mình có là cái gì khác hơn là cái máy không: cùng những hoạt động, cùng việc thường lệ hàng ngày, lặp đi lặp lại. Sau hai mươi năm sống với nhau, vợ biết chồng mình sẽ nói gì khi anh ta về nhà muộn buổi tối; cô ấy có kinh nghiệm hai mươi năm. Chồng cũng biết vợ mình sẽ phản ứng ra sao với cái có của mình. Cho dù thế, cả hai vẫn cứ trải qua cùng câu hỏi và cùng câu trả lời.

Vậy bị cuốn hút vào quá trình máy móc của tâm trí, người sống trong vô nhận biết bỏ lỡ mọi cơ hội mà người đó gặp trong cuộc đời mình - và các cơ hội không ít đâu, nhưng chúng ta lười cá thể trong việc bỏ lỡ từng cơ hội đó. Cứ mỗi ngày lại có một cơ hội tươi tắn tới, mới mẻ vì không nhắc lại cái cũ - nhưng chúng ta lặp lại cái cũ. Điều này xảy ra bởi vì chúng ta không nhớ trong tâm trí lời kinh này... nhớ hành động quá khứ của mình. Trước khi bạn giận dữ vào ngày mai, bảo với tâm trí bạn, “Ngày tâm trí, nhớ tất cả những cơ hội mình đã trở nên giận dữ trước đây.” Trước hết, dừng lại một vài phút và nhớ lại những cơ hội giận dữ trước đây, và thế rồi hãy giận. Và tôi bảo các bạn, thế thì bạn sẽ không có khả năng giận được đâu.

Bất kì khi nào tâm trí trở nên tràn đầy những ham muốn và đam mê, vậy nói với tâm trí bạn: “Ngày tâm trí đầy những bản ngã và ham muốn, nhớ tới những ham muốn mà mi đã áp ủ trong quá khứ.” Giữ các kinh nghiệm cũ của bạn trong trí trước khi bước vào cuộc hành trình mới, thế thì bạn sẽ không bắt đầu cuộc hành trình khác qua cách cũ nữa. Ham muốn của bạn sẽ bị ngạc nhiên và phân vân! Nhận biết ngàn này là đủ để phá vỡ cách thức làm việc máy móc của tâm trí.

Gurdjieff đã ghi lại trong hồi ức của mình rằng lời khuyên cuối cùng của bố ông đã làm thay đổi toàn bộ quá trình cuộc đời ông ấy. Ông ấy đã là một cậu nhỏ, em út trong nhà. Bố ông ấy, đang nằm trên giường chết, gọi tất cả con cái đến và nói điều gì đó cho từng người trong họ. Khi cậu em út được gọi tới người bố nói, “Lại gần bố và nghiêng đầu về phía bố, bố muốn nói cho con một điều mà con phải nhớ như in trong đầu trong toàn bộ cuộc đời con. Bố không có gì khác cho con. Bố muốn con hứa với bố một điều - rằng bất kì khi nào một cơ hội nảy sinh để phạm vào một hành vi xấu con sẽ đợi hai mươi bốn giờ. Tất nhiên, con có thể làm nó, nhưng đợi hai mươi bốn giờ trước khi còn làm nó. Con hứa với bố về điều này đi. Nếu con muốn giận dữ, cứ giận

dữ hoàn toàn; bố không cấm con, nhưng làm việc đó sau hai mươi bốn giờ. Nếu con muốn giết ai đó, làm việc đó với toàn bộ trái tim con, nhưng đợi hai mươi bốn giờ.”

Gurdjieff hỏi, “Mục đích của việc này là gì?”

Bố ông ấy nói, “Bằng cách tuân theo lời khuyên này con sẽ có khả năng làm hành vi đó theo cách tốt hơn. Con sẽ có khả năng lập kế hoạch tốt cho nó, và chính kinh nghiệm của đời bố là ở chỗ sẽ không có sai lầm nào trong việc lập kế hoạch của con. Món quà của bố cho con là kinh nghiệm này.”

Gurdjieff đã viết, “Một phần của lời khuyên này đã làm thay đổi quá trình cuộc đời tôi, bởi vì không ai có thể làm hành vi ác nếu người đó đợi ngay cả hai mươi bốn giây, chưa nói đến hai mươi bốn giờ.”

Khi bạn trở nên giận dữ, nhìn vào đồng hồ của bạn và tự nhủ, “Mình sẽ giận dữ sau một phút.” Khi kim giây hoàn thành một vòng, đặt đồng hồ xuống và bắt đầu giận dữ. Bạn sẽ không có khả năng giận dữ được bởi cái thoáng nhìn và suy nghĩ về mọi cơ hội quá khứ sẽ trở tâm trí bạn trong khoảng sáu mươi giây. Tất cả những ăn năn quá khứ, tất cả những lời thề bạn đã đưa ra, tất cả những quyết định của bạn không làm lại điều đó, tất cả những điều này sẽ xuất hiện phía trước bạn, và bạn sẽ không có khả năng trở nên giận dữ.

Nhưng chúng ta không chờ đợi khi phạm phải hành vi ác; chúng ta chỉ đợi trong khi làm hành vi thiện. Một người bạn hôm nay tới và bày tỏ ham muốn của anh ấy được điếm đạo thành sannyas trong ngày sinh của anh ta, khoảng hai hay ba tháng nữa. Không ai đợi cho tới ngày sinh của mình nếu người đó muốn giận dữ! Tôi hỏi anh ta, “Có chắc không đây? Làm sao bạn biết bạn sẽ ở đâu vào ngày sinh của bạn? Nó thậm chí có thể là ngày chết của bạn đấy!”

Ngay cả khoảnh khắc tiếp bạn cũng không thể tin cậy được, nói gì đến thời gian hai hay ba tháng! Chúng ta trì hoãn hành động tốt, nhưng hành động xấu chúng ta làm ngay lập tức nếu chúng ta suýt có cơ hội làm nó. Không, trì hoãn cái ác, và làm cái thiện ngay lập tức. Bạn không thể tin cậy khoảnh khắc tiếp; nó có thể tới, nó có thể không tới. Nếu bạn bỏ lỡ khoảnh khắc làm việc thiện, cơ hội này có thể không tới nữa, và nếu bạn đợi - cho dù một khoảnh khắc - để làm một hành vi ác, tôi bảo bạn, bạn sẽ không có khả năng làm nó. Một người đủ mạnh mẽ để chờ đợi một khoảnh khắc sẽ không có khả năng làm một hành vi ác. Chờ đợi một khoảnh khắc đòi hỏi sức mạnh lớn. Chính sức mạnh lớn nhất trên thế giới này là chờ đợi một giây khi đôi mắt bắt đầu đỏ máu và nắm tay bắt đầu siết lại trong giận dữ.

Hiền nhân này đã tạo ra lời kinh này để làm mình thành trò đùa - để cười vào bản thân mình cũng như vào tất cả chúng ta. Dù cho hôm nay.

Cố hiểu một vài điểm về thiền trước khi chúng ta bắt đầu. Điều thứ nhất là đừng bao giờ trì hoãn nó, thậm chí một giây. Đừng nghĩ, “Mình sẽ bắt đầu vào ngày mai.” Nó cần phải được thực hành *bây giờ*.

Tôi phải nói điều gì đó về những người đang ngồi sau tôi. Tôi đã yêu cầu họ ngồi; dường như là họ nghĩ họ đã đơn giản ngồi đó. Khi tôi quay và nhìn, tôi thấy rằng chỉ có tám hay mười người đang thực hành thiền; số còn lại vẫn đang ngồi không làm gì. Bạn sẽ không được gì bởi việc ngồi không. Tôi phân vân khi thấy họ nhiều lúc ngồi không, không làm gì, khi biết bao nhiêu người xung quanh họ đang toàn bộ trong thiền, hứng khởi bởi nó, nhảy và múa. Bạn có tảng đá thay vì trái tim không, mà không cái gì làm bạn chuyển động? Bạn không động đậy chút nào, trong khi thấy biết bao nhiêu người đang say mê, đang trong cực lạc?

Bạn rất thông minh - bạn kiểm soát cảm giác của mình để cho chúng không thể bị ảnh hưởng. Xin đề cho bản thân bạn hoạt động! Đừng ngồi ở đây cứng nhắc như tảng đá, nơi mà biết bao nhiêu người đang nhảy múa với trái tim và tâm trí cởi mở và đã trở thành hồn nhiên như trẻ con. Để cho cái cứng nhắc của bạn ra đi; động đậy đi!

Một điểm nữa cần phải nhớ: một số trong các bạn nghĩ, “Chúng tôi sẽ làm điều đó khi nó trở thành có thể cho chúng tôi.” Chín mươi phần trăm làm điều đó theo ý riêng của họ, mười phần trăm không làm. Nhưng bản thân họ sẽ phải phá vỡ rào chắn. Cho nên tôi bảo bạn, những người nghĩ họ không thể tự mình làm điều đó nên bắt đầu làm điều đó. Họ sẽ phải nỗ lực chỉ trong đôi giây; nó sẽ trở thành tự phát từ khoảnh khắc thứ ba. Một khi dòng suối nước bung ra, thế thì nước bắt đầu chảy ra theo cách tự nhiên. Bây giờ chỉ còn lại một ngày, cho nên tôi muốn không ai vẫn còn không bị ảnh hưởng. Tất cả chúng ta cùng tham gia!

19

Biến đổi là phép thử

*Hỡi ngọn lửa,
xin dẫn chúng con theo đường đúng.
Hỡi Thượng đế,
người biết tất cả tri thức và hành động,
phá huỷ tội lỗi dối trá của chúng con.
Chúng con cúi lạy ngài vô hạn lần.*

Chúng ta đã thấy lạch và suối chảy từ núi xuống. Chúng ta biết rằng sông chảy ra đại dương. Nước bao giờ cũng chảy về mức càng ngày càng thấp hơn trong việc tìm tới mức thấp nhất, và cuộc hành trình của nó kết thúc trong rãnh. Chảy xuống là con đường của nó; bản tính của nó là đi xuống mãi. Lửa có bản tính hoàn toàn đối lập: nó bao giờ cũng đi lên. Đi lên trên là con đường của nó, ngày càng hướng lên trên trời. Bạn có thể đốt lên ngọn lửa ở bất kì đâu, bạn có thể giữ nó ở mọi vị trí, bạn có thể treo ngọn đèn lộn ngược - ngọn lửa của nó sẽ vẫn bắt đầu bốc lên. Từ thời cổ đại các linh hồn cao hơn, các nhà huyền môn, đã hiểu rõ ràng về bản tính đi lên, bốc lên của lửa.

Tâm thức có thể tuôn chảy theo hai cách, giống như nước hoặc giống như lửa. Nói chung, chúng ta chảy như nước, tìm rãnh thấp hơn. Nếu tâm thức chúng ta gặp cơ hội để trườn xuống, chúng ta lập tức bỏ đường đi lên. Thông thường chúng ta hành xử giống như nước; nhưng chúng ta nên hành xử giống như lửa, bỏ mức thấp ngay khi có một cơ hội nhỏ để bốc lên cao hơn tới trước chúng ta. Chúng ta nên sẵn sàng lấy dù chỉ cơ hội nhỏ nhất để giang rộng đôi cánh và bay lên trời.

Với những người tìm kiếm con đường đi lên, với những người có hi vọng đi vào chiều hướng cao hơn, lửa trở thành lí tưởng, thành biểu tượng, thành hành vi của họ; điều đó được coi như thiên thần. Còn có lí do khác tại sao lửa được coi như biểu tượng và thượng đế. Khi một cá nhân bắt đầu du hành đi lên, đồng thời người đó bắt đầu cuộc hành trình vào trong. Đây đích xác là cái đối lập của cuộc hành trình mà đồng thời đi xuống và đi ra ngoài. Khi nhìn vào nghĩa rộng của chúng, đi ra và đi xuống là đồng nghĩa; và đi vào và đi lên là đồng nghĩa nữa. Bạn sẽ đi xa lên cao khi bạn đi vào trong, và bạn sẽ đi xa xuống thấp khi bạn đi ra ngoài. Hay, bạn đi nhiều ra ngoài khi bạn đi xuống thấp, và

bạn đi nhiều vào trong khi bạn đi lên. Theo quan điểm của sự tồn tại, lên trên và vào trong có cùng nghĩa.

Giống thế, từ quan điểm của kinh nghiệm, mặc dầu không theo ngữ nghĩa từ, đi ra và đi xuống có cùng nghĩa. Những người đã quyết định tiến hành cuộc hành trình đi lên cũng phải tiến hành cuộc hành trình vào trong nữa, và khi họ đi xa hơn vào trong, bóng tối bắt đầu giảm đi và ánh sáng tăng lên. Cho nên lửa trở thành biểu tượng cho cuộc hành trình bên trong.

Cũng có lí do khác tại sao lửa trở thành biểu tượng và bắt đầu được tôn thờ. Nó có cái đẹp vĩ đại của riêng nó; nó giữ lại cái thuần khiết và phá huỷ cái không thuần khiết. Nếu vàng được ném vào trong lửa, các chất không thuần khiết bị thiêu cháy và phá huỷ, và vàng thuần khiết đưa ra sáng hơn. Điều này được biết tới như việc thử lửa - việc kiểm tra để phá huỷ cái không thuần khiết và giữ lại cái thuần khiết. Thử lửa trở thành biểu tượng cho sự kiện rằng lửa sẽ phá huỷ cái không thuần khiết và sẽ giữ lại và bảo vệ cái thuần khiết. Đây là phẩm chất tự nhiên của nó. Nó năng nổ bảo vệ cái thuần khiết và thiêu cháy cái không thuần khiết.

Có rất nhiều cái không thuần khiết bên trong chúng ta - nhiều đến mức không dấu vết nào của vàng được thấy, mặc dầu nó có thể nằm ẩn kín đâu đó bên trong chúng ta. Đôi khi một hiền nhân nào đó nói về vàng, nhưng chúng ta chỉ biết tới bụi và rác rưởi bên trong nằm đè lên nó. Linh hồn đã hiểu ra nào đó, người trí huệ nào đó, bảo chúng ta có vàng, vàng ròng, bên trong chúng ta, nhưng khi chúng ta đi tìm nó chúng ta không tìm thấy gì ngoài đá. Cho nên chúng ta phải ném ngay cả vàng vào lửa. Nghĩa của ăn năn là ném vàng vào lửa. Từ *tapa*, ăn năn, được xuất phát từ *tapa* - lửa. *Tapa* không chỉ có nghĩa là một người đứng trong nhiệt của mặt trời mà thực hành ăn năn. Ăn năn nghĩa là người ta nên trải qua thật nhiều lửa bên trong đến mức tất cả những cái

không thuần khiết đều có thể bị thiêu cháy, bị phá huỷ - và tất cả những cái thuần khiết có thể còn lại.

Cần phải nhớ trong tâm trí một hay hai điểm khác về lửa để cho sẽ dễ dàng nhớ dạng thiêng liêng của nó, tính thần thánh của nó. Sẽ có ích để hiểu lời cầu nguyện của hiền nhân này, “Hỡi ngọn lửa, xin dẫn con theo con đường đúng,” và nhận ra tại sao lời cầu nguyện như vậy được dâng lên cho lửa. Bạn đã thấy lửa, bạn cũng đã thấy nước. Dù nó có thể chìm thấp đến đâu, nước vẫn còn lại. Chảy xuống từ núi non nó đi vào thung lũng, nhưng nó không mất đi, nó không tan biến. Lửa bốc lên trời, nhưng tan biến sau khi bốc lên chỉ một khoảng cách nhỏ.

Nói cho đúng, người làm cuộc hành trình đi lên sẽ tan biến. Khi người đó đi lên và đi lên mãi người đó tan biến vào mọi khoảnh khắc; không mấy chốc người đó sẽ mất bản ngã và dừng hiện hữu. Người đó sẽ là một với bầu trời. Lửa vẫn còn thấy được trong một khoảng cách ngắn và thế rồi biến mất - mất đi trong trống rỗng, trong cái không. Nước còn lại, dù nó có thể chảy xuống thấp đến đâu. Bản ngã chắc chắn sẽ còn dai dẳng trên cuộc hành trình đi xuống của nó, và nếu nó đi xuống rất thấp nó sẽ được biến đổi. Khi bản ngã chìm rất thấp nó trở thành cứng rắn, tựa như đá. Mang điều này trong đầu; bản ngã trở thành mạnh mẽ, đông cứng, cứng rắn và kết tinh khi bạn đi xuống ngày càng thấp hơn, và trở thành mỏng, yếu và vô hình khi bạn lên ngày càng cao hơn. Cứ nhìn ngọn lửa bạn sẽ thấy - trong một thoáng chốc nó đã đi mất. Nó đã đi đâu?

Khi Phật sắp sửa đi vào giải thoát cuối cùng của mình, ông ấy nói, “Trong vài giây nữa ta sẽ dừng hiện hữu.”

Thế rồi một ai đó hỏi, “Thế thì thầy sẽ ở đâu, khi thầy không có đó?”

Phật đáp, “Quan sát chiếc đèn, và hỏi nó ngọn lửa của nó đã đi đâu, khi biến mất vào trong không khí. Ta cũng sẽ biến mất theo cách đó trong một thời gian ngắn. Khoảnh khắc đó đã tới khi ngọn lửa của ta sẽ bị hấp thu vào trong bầu trời bao la.”

Có một bí mật nữa, một bí ẩn nữa, về lửa: nó đốt cháy mọi thứ và cuối cùng tự phá huỷ bản thân nó nữa. Sau khi tiêu thụ dầu, lửa không giữ lại bản thân nó. Ngay khi dầu cạn lửa cũng tắt. Mọi thứ đều cạn kiệt, và cuối cùng không lửa nào là còn lại sau; nó cũng tan biến. Sẽ là bạo hành nếu nó giữ lại bản thân mình sau khi đốt cháy mọi thứ khác, nó là tình yêu là khi cái này biến mất sau khi làm cho cái khác biến mất. Cho nên lửa không phải là kẻ thù của dầu; nó là bạn, là người yêu của dầu. Nếu nó không phải là như vậy, chắc chắn nó sẽ giữ lại bản thân nó sau khi tiêu thụ dầu. Nó không tiêu thụ cái khác để gìn giữ bản thân nó; đây không phải là bản tính của lửa. Sau khi đốt hết dầu, nó đốt bản thân nó và trở nên yên tĩnh.

Cũng đáng để ý rằng dầu được gìn giữ dưới dạng tro sau khi nó đã bị tiêu thụ hết, trong khi lửa không được giữ lại trong bất kì hình dạng nào. Nó thuần khiết đến độ nó không để lại tro của riêng nó đằng sau. Trong sự kiện thực tế, tro được tạo thành do cái không thuần khiết. Lửa đơn giản là sự tồn tại thuần khiết nhất. Nó không để lại bất kì dấu vết nào đằng sau nó. Chính việc tìm kiếm rất gay go đối với người tìm kiếm là tìm ra một biểu tượng lí tưởng về cái bên ngoài cho điều xảy ra bên trong. Biểu tượng tốt nhất được tìm thấy cho tới nay là lửa. Dù bùng cháy thường xuyên trong các đền Parsi hay trong các buổi tế lễ tôn giáo hay trong các buổi tế lửa hay trong các ngọn đèn đền thờ, lửa cho đến ngày hôm nay vẫn được giữ là biểu tượng tốt nhất, gần gũi nhất cho điều xảy ra bên trong - những việc xảy ra siêu việt bên trong. Đây là lí do tại sao người ta coi nó là thượng đế.

Cái gì được coi là thượng đế? Nó không đơn giản cái nào là điều thiêng liêng, bởi vì mọi thứ và mọi người đều thiêng liêng. Mọi thứ là thiêng liêng bởi vì mọi thứ đều tới từ điều thiêng liêng. Nghĩa từ điển của từ *devata* là người là thiêng liêng, nhưng mọi người đều thiêng liêng. Một số người biết sự kiện này và một số người không biết, nhưng cái gì có đấy mà không phải là thiêng liêng? Tảng đá, cây cối, dòng sông, núi non, bầu trời - tất cả đều thiêng liêng. Từng nguyên tử là thiêng liêng. Cho nên từ *devata* không có nghĩa cái là thiêng liêng. Tại sao một thứ được mệnh danh là thượng đế theo một nghĩa phụ đặc biệt? Nó có nghĩa là thế này: nó không chỉ là thiêng liêng, mà nó còn dẫn người khác tới điều thiêng liêng. Một người biến người khác thành thiêng liêng, người chỉ ra điều thiêng liêng, người biến khao khát của chúng ta hướng tới điều thiêng liêng, là thượng đế. Đó là lí do tại sao hiền nhân này có thể nói thầy là Thượng đế. Không có lí do nào khác ngoài điều này. Nếu người ta được nhắc nhở bởi việc nhìn lên trời của cái không hình dạng, thế thì bầu trời là Thượng đế. Nhưng chúng ta có khó khăn trong việc hiểu điều này.

Những người đọc Veda ngày nay thấy khó hiểu được những khẳng định của nó rằng bầu trời là Thượng đế, Indra là Thượng đế, mặt trời là Thượng đế, và vân vân. Họ nghĩ, “Cái gì là tất cả những cái điên khùng này, tất cả những điều vô nghĩa này?” Khi những người phương Tây đầu tiên đọc Veda, họ nữa cũng thấy chúng khó hiểu. Họ nói, “Đây là chủ nghĩa đa thần - một tôn giáo của nhiều thần. Những người này có khuynh hướng thấy Thượng đế trong mọi thứ.” Nhưng không, nó không phải là điều đó. Bất kì cái gì là thượng đế, qua người đó tính thiêng liêng được ghi nhớ, bởi người đó mà người ta bị ngạc nhiên với tính thiêng liêng, qua người đó mà dây của chiếc đàn *veena* của trái tim được gây ra rung động, qua người đó mà người ta bắt đầu cuộc hành trình hướng tới điều thiêng liêng.

Nhìn lên trời mà xem. Nếu bạn tiếp tục nhìn trong một chỗ, hình dạng sẽ tan biến và khái lộ của cái vô dạng sẽ bắt đầu. Vậy bầu trời đang chỉ tới cái vô hình dạng. Thế thì chúng ta sẽ là vô ơn khi không cảm ơn hiện tượng đó, khi nói, “Hỡi Thượng đế, ngài nhắc nhở con về cái vô hình dạng; con xin cảm ơn”?

Cứ nhìn vào lửa - đó là mục đích và ý nghĩa của các cuộc tế lửa tôn giáo. Bản thân việc cúng dường là không quan trọng lắm trong tế lửa; điều quan trọng là trở thành một với cuộc hành trình siêu việt của lửa, qua việc ngồi gần nó. Bạn thấy lửa bập bùng đi lên, ngọn lửa của nó tan biến trong cái không lớn lao, và nếu vào khoảnh khắc đó bạn trở thành một với ngọn lửa đó với một tâm trí tập trung và thiền và làm mất bản thân mình trong cái trống rỗng đó, thế thì lửa trở thành thượng đế của bạn.

Đó là Thượng đế mà qua ngài bạn nghe thấy điều thiêng liêng, qua đó bạn có cảm hứng bên trong để đi tới điều thiêng liêng, qua đó hạt mầm đang ngủ của bạn về điều thiêng liêng bị đập vỡ mở ra, đưa bạn tới điều thiêng liêng. Đó là lí do tại sao hiền nhân này nói, “Hỡi Thượng đế, hỡi ngọn lửa, xin dắt con theo đường đúng. Con không biết con đường. Con thậm chí không biết rằng cái nào là có nghĩa từ cái cái nào là vô nghĩa. Con dốt nát. Xin dẫn dắt con.”

Có một điểm ở đây nên được hiểu thật sâu sắc, và nó là thế này: người xin được dẫn dắt tới đường đúng không đưa ra lời xin thông thường; nó là phi thường, bởi vì bản thân lời xin là cơ sở cho sự giúp đỡ mà người ta cần để tiến lên theo đường đúng. Lời xin này là phi thường bởi vì mọi ý định của chúng ta, mọi đam mê của chúng ta, mọi ham muốn của chúng ta, đều dẫn chúng ta tới đường sai - không cần phải cầu nguyện, xin về nó. Tự nhiên đã cho chúng ta đủ phương tiện về điều đó; bản thân tự nhiên dẫn chúng ta tới đó. Nếu bạn muốn đi xuống, hạ cấp bản thân mình, bạn không cần lời cầu nguyện để giúp bạn. Nếu bạn muốn đi tới

bóng tối, tự nhiên đang giúp bạn rồi. Hành động riêng của bạn dẫn bạn tới con đường đó. Thói quen riêng của bạn và các ấn tượng quá khứ đang dẫn bạn hướng tới nó. Điều thú vị để chú ý là không ai đã bao giờ cầu nguyện Thượng đế dẫn người đó tới con đường bất chính. Tại đây Thượng đế không được cần tới; bản thân con người đủ mạnh và có năng lực để đi sai đường. Không cần sự giúp đỡ của Thượng đế trong việc làm như thế. Ngược lại, con người có năng lực dẫn Thượng đế theo con đường bất chính.

Cái điên khùng là ở chỗ chính con đường bất chính đầy nguy hiểm, vậy mà không ai cầu nguyện sự giúp đỡ của Thượng đế để lấy con đường đó. Đáng phải làm như thế này: “Hỡi Thượng đế, xin giúp con đi theo đường bất chính, vì nó đầy những hiểm nguy!” Đi trên con đường này là đi vào trong nhiều đau khổ, khổ sở và điên khùng. Nó là việc mời rắc rối tràn ngập lên chúng ta. Trong những hoàn cảnh như vậy sự giúp đỡ của Thượng đế nên được tìm kiếm, nhưng không ai tìm kiếm nó bởi vì mọi người đều nghĩ mình có đủ khả năng để gặp gỡ với thách thức. Con người đủ mạnh để đi theo con đường bất chính, nhưng khi câu hỏi về việc đi theo con đường đúng tới, đột nhiên người đó thấy mình không có khả năng làm như vậy!

Lí do cho yếu kém của con người là ở chỗ tất cả những ham muốn và đam mê của người đó kéo người đó đi xuống, và không có những đam mê như thế do tự nhiên ban cho để nâng người đó lên. Nếu người đó không làm gì và đứng im, người đó sẽ tự động trượt xuống, trườn xuống và vấp ngã trong cái dốc của mình. Lực trọng trường của tự nhiên là đủ để kéo người đó xuống, và với mọi bước người đó sẽ nghĩ tới việc đi xuống thấp hơn nữa. Toàn thể lực cuộc sống sẽ thúc đẩy người đó đi xuống ngày một nhiều. Người đó tưởng tượng có hạnh phúc ở phía dưới, và nếu người đó gặp bất hạnh trong nỗ lực của mình, người đó biện minh, “Đây là vì mình còn chưa đi đủ xa.”

Khi cái gọi là người thật thà gặp tôi họ bảo tôi, “Thầy có thấy người không thật thà trở nên hạnh phúc thế nào trong thế giới này không?” Tôi gọi những người như vậy là cái gọi là người thật thà bởi vì họ không thể còn thật thà lâu được, vì họ thấy hạnh phúc trong không thật thà. Họ không thể là thật thà từ chiều sâu trái tim họ, và nếu họ có vẻ thật thà nó là từ sợ hãi. Là thật thà đòi hỏi dũng cảm và bạo dạn. Họ yếu đuối và hèn nhát; họ không dám thực hành không thật thà hay phụ bạc. Nhưng niềm tin của họ rằng kẻ phụ bạc đang trở nên hạnh phúc và thịnh vượng để lộ ra sự thật - tiếng nói của ham muốn của họ đang cảnh báo cho họ rằng họ đang phạm sai lầm trong việc là thật thà.

Cũng từ bên trong nữa, tự nhiên thôi thúc bạn đi xuống mãi. Tại sao? - bởi vì trong khi đi xuống bạn ngày càng trở thành một phần của tự nhiên. Với cùng dấu hiệu đó, khi bạn vươn lên ngày càng cao hơn bạn vượt ra ngoài tự nhiên. Thật dễ dàng cho tự nhiên khuyên nhủ bạn đi xuống thêm nữa bởi vì có nhiều chỗ nghỉ ngơi ở đó, và nếu bạn trở thành giống như tảng đá có việc nghỉ ngơi hoàn toàn. “Đi xuống đi, gạt sang bên ý thức của bạn,” ham muốn và đam mê của bạn nói. “Từ bỏ ý thức; nó là nguyên nhân cho bất hạnh của bạn, cho nên vẫn còn trong cơn mê đi - trong vô ý thức.” Đó là lý do tại sao con người uống rượu, say ma túy và hàng nghìn thủ đoạn khác như vậy - để cho người đó có thể đi xuống dễ dàng và vẫn còn đường như trong cơn mê. Có toàn thể hệ thống các thu xếp để giúp cho bạn đi xuống, nhưng không có sự giúp đỡ nào để bạn đi lên. Và không có phúc lạc, không có yên bình, nếu không vươn lên.

Đây là thể tiến thoái lưỡng nan của con người, đây là rối loạn của con người - cuộc đổ sức mà con người phải tranh đấu, với đủ mọi loại phương tiện và cách thức để đi xuống nhưng không có cách nào được vạch ra để giúp cho con người đi lên. Và không mục đích nào được phục vụ mà không có việc đi lên; không có cuộc hành trình đi lên không cái gì được đạt tới ngoài

việc lang thang. Trong bất lực như thế, lời cầu nguyện tới từ bên trong. Khi con người nhận ra bất lực trong hoàn cảnh của mình, người đó cầu nguyện Thượng đế. Cho nên hiền nhân này cầu nguyện, “Hỡi Thượng đế, xin dắt con theo con đường đúng.”

Điều này không có nghĩa là một Thượng đế nào đó sẽ đưa bạn tới con đường đó; loại diễn giải này đã tạo ra nhiều niềm tin giả. Không Thượng đế nào sẽ giúp bạn đâu. Bản thân bạn sẽ phải đi tới con đường đó; nhưng lời cầu nguyện này sẽ cho bạn sức mạnh, sẽ động viên bạn, đi tiếp. Nếu lời cầu nguyện này trở thành vững chãi và được tập trung trong bạn, nếu nó trở thành niềm khao khát, tiếng kêu từ mọi thứ thịt trong con người bạn, nếu nó trở thành bản thân hơi thở của bạn khi kêu lên, “Hỡi Thượng đế, hỡi ngọn lửa, xin đưa con đến nơi mọi thứ đều tan biến và chỉ còn lại cái không phải là con, và cái có đó và cái sẽ có đó khi con không còn!” thế thì lời cầu nguyện sẽ phá vỡ mở tung một cánh cửa bên trong bạn. Nó sẽ là phương tiện đưa bạn sang con đường đúng, bởi vì nơi chúng ta mong mỏi sâu sắc để tới, chúng ta đi. Chính ý nghĩ của chúng ta trở thành hành động của chúng ta.

Eddington đã viết một câu rất tuyệt diệu, tuyệt diệu hơn nữa bởi vì nó được viết ra bởi một người như Eddington. Ông ấy là người được giải thưởng Nobel, và là một trong những nhà khoa học giỏi nhất của năm mươi năm qua. Trong những ngày cuối của cuộc đời mình ông ấy đã viết trong hồi kí: “Tôi bắt đầu nghiên cứu khoa học từ thời thanh niên. Thế rồi tôi nghĩ về thế giới, vũ trụ, như tuyển tập các vật. Nhưng ngày càng đi sâu hơn vào công trình nghiên cứu của tôi và kinh nghiệm những bí ẩn của tự nhiên, tôi đã đi tới nhận ra rằng vũ trụ giống nhiều với ý nghĩ hơn là vật. Đây là di chúc và lời chứng nhận cuối cùng của tôi với thế giới.”

Cùng phát biểu như thế là câu đầu tiên của Phật trong Kinh pháp cú. “Ông sẽ là cái ông nghĩ, cho nên cho cân nhắc và suy xét đúng đắn cho các ý nghĩ của ông, bởi vì ông không thể đổ trách nhiệm cho bất kì ai khác về những hành động của ông; điều ông làm hôm nay là kết quả của điều ông nghĩ hôm qua.” Cái ngu xuẩn và những khái niệm sai lầm của chúng ta trở thành rắn chắc và chuyển vào trong hành động. Những suy nghĩ của riêng chúng ta trở nên cứng rắn và chỉ đạo cuộc sống của ta. Một con sóng nhỏ của ý nghĩ, đã gọi lên, bắt đầu cuộc hành trình của nó, và nếu không phải hôm nay, thế thì ngày mai, trở thành một thứ vững chắc.

Mọi vật thực sự là những suy nghĩ đậm đặc. Điều chúng ta đang là chính là kết quả của ý nghĩ của chúng ta. Cho nên nếu bất kì lời cầu nguyện nào trở nên được tập trung đến mức nó làm xúc động mọi hạt của cuộc sống của bạn, khuấy động trái tim bạn đập rộn ràng, tác động đến giấc mơ của bạn trong đêm, bao bọc giấc mơ ban ngày của bạn, thấm vào giấc ngủ của bạn và trở thành sự ám ảnh cuộc sống của bạn, thế thì lời cầu nguyện được trả lời. Không Thượng đế nào sẽ tới giúp bạn cả; nhưng lời cầu nguyện tới điều thiêng liêng, dù chúng ta thấy nó ở bất kì đâu, đều tạo ra trong chúng ta sự xúc động.

Phân biệt này nên được hiểu cho đúng. Nếu bạn nghĩ, “Cuộc đời mình bây giờ sẽ là vô tư. Mình đã cầu nguyện Thượng đế, bây giờ ngài sẽ chăm nom mình,” thế thì bạn lầm. Nhiều người nghĩ giống thế này. Họ nghĩ, “Chúng con cảm tạ Thượng đế đủ rồi bởi việc cúng dường lời cầu nguyện; chúng con đã biết ơn ngài đủ rồi, bây giờ trách nhiệm của ngài là phải chăm nom rằng lời cầu nguyện của chúng con được đáp ứng.” Và nếu Thượng đế không đáp ứng họ phàn nàn về ngài và tuyên bố, “Không có Thượng đế, tất cả là trò bịp bợm.”

Không, lời cầu nguyện không có nghĩa là dịch chuyển trách nhiệm của chúng ta sang người khác. Lời cầu nguyện là một loại phương cách để qua nó chúng ta đem sự xúc động vào trong toàn bộ cuộc đời mình, chúng ta xúc động đến từng hạt của thân thể mình. Và nhớ lấy, nó là phương cách mà có thể đi vào sâu nhất trong trái tim và thân thể ta. Nếu bất kì ai trở nên bị hấp thu hoàn toàn vào trong lời cầu nguyện, với tất cả trái tim người đó, thế thì mọi hạt của thân thể người đó trở nên tích cực.

Không ý nghĩ nào đi sâu như lời cầu nguyện, không ham muốn nào đi sâu như lời cầu nguyện, chỉ với điều kiện là người ta phải có năng lực cầu nguyện thực sự. Không có một ham muốn nào mà bạn không thể được tự do khỏi nó. Bạn có thể tự do ngay cả với dục, cái vẫn được coi như ham muốn kéo dài nhất. Bạn không bị cuốn hút toàn bộ ngay cả trong đó, bạn bị tách rời ngay cả từ đó. Một phần tâm thức ẩn kín vẫn còn bên ngoài nó. Nhiều nhất chính thân thể bị cuốn hút vào hoạt động dục; chỉ một phần rất nhỏ của tâm trí của người bị khuấy động dục đi vào hành động, nhưng tâm thức và linh hồn vẫn còn tuyệt đối ở ngoài nó. Bạn không thể toàn bộ trong dục, và đó là lí do cho rắc rối và thất vọng trong ham muốn dục. Tâm trí đầy dục vọng nói, “Ta sẽ chìm vào trong nó toàn bộ và sẽ nhận được hoan lạc đầy đủ từ nó.” Nhưng nó không bao giờ có khả năng chìm một cách toàn bộ được. Nó bao giờ cũng thấy bản thân nó *dường như* đã bị chìm hoàn toàn, nhưng thực ra không có khả năng làm được như vậy - nó đi tới một giới hạn nào đó và thế rồi quay lại. Ngay khi nó đạt tới khoảnh khắc chìm thì khoảnh khắc nó đem nó trở lại.

Lời cầu nguyện là việc xảy ra duy nhất trong đó con người chìm toàn bộ, trong đó không cái gì bị bỏ ra ngoài. Lời cầu nguyện trở thành toàn bộ khi không cái gì của người đưa ra lời cầu nguyện bị bỏ ra ngoài. Trong khi cầu nguyện, nếu bạn không toàn bộ trong đó thế thì nó trở thành hành động hời hợt. Nó sẽ không ảnh hưởng tới bạn, bạn sẽ vẫn còn không bị đụng chạm.

Nhưng lời cầu nguyện có thể sâu lắng đến mức - nó trở thành như thế - người đưa ra nó bị mất đi và chỉ lời cầu nguyện còn lại. Thế thì, bị mất đi trong luồng cầu nguyện toàn bộ, sự việc xảy ra, và cuộc hành trình tới con đường đúng bắt đầu. Toàn thể hướng thay đổi. Mặt quay một trăm tám mươi độ, từ cuộc hành trình đi xuống thành cuộc hành trình đi lên.

Đây là lí do tại sao các hiện nhân cầu nguyện lửa - nó là hiện tượng bốc lên, nó đốt cháy những cái không thuần khiết, nó không có bản ngã, và nó bị hấp thu ngay vào trong bầu trời. Khi một ai đó là toàn bộ trong lời cầu nguyện, là một với nó, người đó trở thành ngọn lửa trong đó không có khói. Khói có đó trước khi ai đó bắt đầu thực sự cầu nguyện. Không có lửa ngay lập tức. Có rất nhiều khói lúc bắt đầu bởi vì chất đốt của chúng ta rất ướt. Thực ra, chất đốt ướt vì ham muốn của chúng ta có nhiều. Nó cũng tựa như là khói cuộn cuộn bốc lên khi chúng ta đốt chất đốt ướt. Đừng sợ điều này. Người bắt đầu trên cuộc hành trình của lời cầu nguyện không chứng kiến ngọn lửa lúc đầu; người đó chỉ thấy khói dày đặc lúc ban đầu, bởi vì chúng ta có nhiều chất đốt ướt cùng mình. Đây là lí do tại sao hiện nhân này đã yêu cầu lửa đốt cháy cả các hành động quá khứ của mình - vì những hành động này là chất đốt ướt thế.

Khi nào một hành động là khô và khi nào nó là ướt? Hành động nào có thể được coi là ướt và hành động nào có thể được coi là khô? Nếu hành động là khô cuộc hành trình đi lên là dễ dàng, bởi vì hành động khô là chất đốt tốt; và nếu nó ướt cuộc hành trình đi lên trở thành gay go, bởi vì chất đốt không cháy nhưng tạo ra nhiều khói. Khi bạn vẫn còn hoàn toàn tách rời khỏi hành động trong khi làm nó, thế thì hành động là khô. Hành động đó là ướt nếu bạn vẫn còn bị móc nối với nó trong khi làm nó, và ngay cả sau khi làm nó. Nếu bạn có thể là nhân chứng trong khi làm một hành động, thế thì hành động đó trở thành khô. Nếu bạn không có khả năng là nhân chứng cho hành động trong khi làm

nó, nhưng trở thành người làm của nó, hành động đó sẽ là ướt. Nếu, trong khi thực hiện một hành động, bạn đầy bản ngã và nói, “Tôi đang làm điều đó,” thế thì hành động đó trở thành ướt. Nếu thay vì thế bạn nói, “Thượng đế xui khiến tôi làm điều này, tự nhiên làm điều đó được làm qua tôi, tôi đơn giản chứng kiến nó,” và tất nhiên nếu bạn không chỉ nói điều đó mà nhận ra điều đó và cũng sống theo tinh thần này, thế thì hành động đó trở thành khô. Và ngọn lửa của cuộc sống của những người có nhiên liệu hành động khô lập tức nhảy vào trong Brahman - linh hồn vĩnh hằng. Nhưng những người có chất đốt của hành động ướt gặp khó khăn.

Hiện nhân này biết rằng với tất cả chúng ta, phần lớn hành động của chúng ta đều ướt. Cho nên cố làm cho hành động của bạn thành khô đi, bởi vì một mình lời cầu nguyện, không có hành động khô, sẽ không đạt được cái gì. Tước bỏ bản ngã của bạn ra khỏi hành động của quá khứ và không để cho hành động hiện tại và tương lai của bạn bị gắn với bản ngã. Nhưng bao giờ cũng nhớ điều này trong tâm trí, rằng không ai sẽ tới để đáp ứng lời cầu nguyện của bạn đâu; bạn sẽ được biến đổi chỉ bởi lời cầu nguyện riêng của bạn. Lời cầu nguyện là biến đổi. Biến đổi không đi theo lời cầu nguyện, nó xảy ra trong bản thân lời cầu nguyện. Cho nên đừng trông đợi kết quả của nó tới trong tương lai, bởi vì bản thân lời cầu nguyện là kết quả; và quên nó một cách yên tĩnh sau khi bạn đã cầu nguyện, bởi vì bản thân nó là kết quả. Việc cầu nguyện theo tâm hồn đúng là thành tựu lớn. Nhưng chúng ta có khá niệm sai lầm, trông đợi ai đó khác sẽ đáp ứng lời cầu nguyện của chúng ta, cứ nghĩ rằng bây giờ chúng ta đã cầu nguyện thì chúng ta phải đợi kết quả.

Giống như lửa, lời cầu nguyện là một hiện tượng sống mạnh mẽ. Lời cầu nguyện có ba khía cạnh mà tôi sẽ giải thích cho bạn để cho bạn có thể hiểu thấu ý nghĩa của chúng một cách đúng đắn. Khía cạnh thứ nhất là ở chỗ khi bạn đưa ra lời cầu nguyện

bạn đang nói lời chia tay với bản ngã của bạn; không thể có lời cầu nguyện nếu bản ngã vẫn còn. Khi hiền nhân này nói, “Hỡi ngọn lửa, hỡi Thượng đế, xin chỉ cho con con đường đúng, con không biết gì,” ông ấy đã nói lời vĩnh biệt với bản ngã mình. Lời cầu nguyện là sự chấp nhận toàn bộ về tính khiêm tốn của chúng ta. Bạn không thể đưa ra lời cầu nguyện chừng nào bạn còn chưa trở thành cái không.

Cho nên điểm đầu tiên là ở chỗ việc đưa ra lời cầu nguyện là chứng tỏ việc chấp nhận của chúng ta về tính khiêm tốn, sự bất lực hoàn toàn của chúng ta. “Tôi tuyên bố rằng tôi không thể làm được bất kì cái gì. Tôi thừa nhận rằng bất kì cái gì tôi làm chỉ đem tôi đi xuống, bất kì cái gì tôi đã làm chỉ làm cho tôi thêm vướng mắc và bối rối. Hành động của tôi đã trở thành địa ngục cho mình. Vướng mắc của hành động của tôi đã trở thành gánh nặng, một hòn đá đè trĩu lên ngực tôi. Tôi không thể chịu đựng lâu hơn nữa. Bây giờ tôi cầu nguyện, ‘Hỡi Thượng đế, bây giờ ngài là người làm, bây giờ xin dẫn dắt con đi.’” Để tôi nhắc : điều này không có nghĩa là Thượng đế sẽ dẫn dắt bạn - chính lời cầu nguyện này sẽ dẫn dắt bạn. Nếu nó được làm với toàn bộ trái tim, với chân thành hoàn toàn, và nếu có tính vô ngã toàn bộ, thế thì nó chắc chắn sẽ dẫn dắt bạn.

Cho nên lời kinh đầu tiên là : Không bản ngã.

Lời kinh thứ hai: Chúng ta phụ thuộc quá nhiều vào bản thân mình.

Một lần một người tới gặp thánh Eckhart và nói, “Tôi là một người tự thành đạt.”

Eckhart nghe anh ta, nhìn lên trời với hai tay khoanh lại, và nói, “Hỡi Thượng đế, ngài được tự do khỏi nhiều trách nhiệm rồi. Cũng tốt là người này tự thành đạt, bởi vì con tự hỏi ngài xoay xở thế nào để chăm nom mọi kiểu người khác nhau mà ngài đang

tạo ra.” Thế rồi, nhìn vào người này, ông nói, “Vì anh là người tự thành đạt, nên anh phải biết ơn Thượng đế lắm. Ít nhất Thượng đế được cứu khỏi phạm tội là có trách nhiệm cho anh.”

Chúng ta có tin tưởng lớn vào bản thân mình. Phần lớn trong chúng ta nghĩ chúng ta tự thành đạt. Điều này giống như tin rằng chúng ta là bố của riêng mình. Mọi người đều nghĩ giống thế này. Tất cả hành vi của chúng ta phô bày ra để chứng minh rằng chúng ta là bố của riêng mình. Người nghĩ rằng mình là bố của bản thân mình cố gắng kéo mình lên bằng dây giây của riêng mình. Tất cả chúng ta đều hành xử theo cách này, và trong khi làm như thế chúng ta chỉ làm mình kiệt sức, làm đứt dây giây và làm mình bị thương.

Không ai có khả năng nâng bản thân mình lên. Từ bỏ phụ thuộc vào bản thân mình là cầu nguyện. Cho nên từ bỏ niềm tin vô ích rằng, “Ta sẽ tự nâng mình lên.” Từ bỏ tự tin rằng, “Ta sẽ làm theo cách riêng của mình và tự mình đạt tới đích của cuộc hành trình của mình.” Tôi nhắc lại, bạn sẽ phải làm cuộc hành trình này, không ai khác có thể làm điều đó thay cho bạn được. Nhưng cuộc hành trình chỉ bắt đầu khi việc tự tin này bị loại bỏ. Cái gọi là tự tin này là cản trở. Ngay khi nó bị từ bỏ năng lượng của bạn được giải thoát và trở thành được cúng dường cho Thượng đế. Bản thân bạn trở thành thượng đế. Không có ngọn lửa nào khác sẽ dẫn bạn; chỉ ngọn lửa bên trong bạn là có khả năng làm điều đó.

Bạn có đủ điều thiêng liêng trong mình để bắt đầu cuộc hành trình, nhưng điều thiêng liêng đó sẽ bị làm chật hẹp tới mức bạn có bản ngã. Bản ngã sẽ không có khả năng tìm ra cách của nó, nó sẽ tìm ra cánh cửa khép kín. Mặc cho những cố gắng cực kì lớn mà điều thiêng liêng vẫn không có khả năng cất lên, bởi vì bản ngã tựa như một hòn đá bao quanh cổ bạn sẽ nhấn bạn chết chìm

trong dòng sông. Nhưng từ bỏ tự tin đặt sai chỗ này vào bản thân bạn đi và bạn sẽ có khả năng đi qua sông.

Bạn đã bao giờ quan sát một việc xảy ra tuyệt diệu có ở trong sông chưa?... Nhưng chúng ta không quan sát, chúng ta mù. Người sống bị chìm, nhưng xác chết biết bí mật nào đó của việc bơi, của việc nổi trên nước, của việc không bị chìm, mà người sống không biết. Không dòng sông nào, ngay cả không đại dương lớn nào, có thể nhấn chìm một xác chết; nó lập tức nổi lên mặt nước. Bí mật là gì? Xác chết không biết gì, nó đơn giản là một xác chết, và đó là bí mật. Nếu người sống hành xử như xác chết, thế thì việc chìm là không thể có được - bạn nổi. Không Thượng đế nào giúp bạn nổi cả, bạn đơn giản trở thành vô trọng lượng. Bạn trở thành nhẹ ngay khi bạn tảng đá bản ngã của bạn bị loại bỏ. Thế thì, cho dù ai đó cố gắng nhấn chìm bạn xuống, làm sao người đó có thể làm được điều đó? Chúng ta bị chìm bởi cái ta riêng của chúng ta. Tự tin vào bản thân mình nhấn chìm chúng ta. Nắm lấy bản ngã nhấn chìm chúng ta. Ý nghĩ, “Ta sẽ làm mọi thứ,” đẩy chúng ta vào cuộc hành trình tới địa ngục.

Đó là lí do tại sao những lời cầu nguyện này là tuyệt diệu thế. Nhớ trong tâm trí, tôi có khó khăn của riêng mình khi tôi nói lời cầu nguyện của hiền nhân này là tuyệt diệu, bởi vì tôi không coi những lời cầu nguyện mà bạn tiến hành ở nhà bạn là tuyệt diệu, ngay cả những lời bạn bắt đầu cầu nguyện sau khi đọc xong Ishavanya. Chúng tuyệt đối hư huyền. Ngồi trước ngọn lửa tế đê ném vào lửa những đồ cúng dường và tụng những bài ca tôn giáo - tất cả những điều này là vô nghĩa nếu không có biến đổi gì trong bạn.

Biến đổi là phép kiểm tra thực sự.

Nếu một người thực hiện các tế lễ tôn giáo trong bốn mươi năm, trong cả đời mình, và không có biến đổi gì trong người đó, thế thì thực ra không tế lễ nào đã được thực hiện. Nếu một người

tới thăm ngôi đền hay tu viện hàng ngày và vẫn không có biến đổi gì trong người đó, người đó vẫn ở chỗ người đó ở - thế thì người đó chưa bao giờ vào đền thờ hay tu viện nào. Đền đài có thể bị hư hại chút ít bởi việc viếng thăm của người đó, nhưng không hư hại nào được làm cho anh ta, không biến đổi nào đã xảy ra trong anh ta. Người đó vẫn ở chỗ người đó ở. Đền thờ có thể sợ người đó, cứ nghĩ, “Người này đã gây rắc rối cho ta trong suốt bốn mươi năm qua, nhưng bản thân người đó không bị rắc rối chút nào.” Không, đây không phải là lời cầu nguyện chút nào. Việc viếng thăm đó tới ngôi đền chỉ là một cử chỉ.

Tôi thấy lời cầu nguyện của hiền nhân này tràn đầy ý nghĩa. Nó rất khiêm tốn, rất hồn nhiên, rất tự nhiên: ‘Hỡi ngọn lửa, xin dẫn dắt con theo đường đúng, bởi vì con không biết gì về nó, con dốt nát.’ Nếu bạn có thể nói với tất cả sự chân thành, “Hỡi bầu trời, xin dẫn dắt con tới cái vô dạng, bởi vì con không biết gì cả,” bất thần bạn sẽ thấy rằng con đường mở ra cho bạn. Con đường của tri thức mở ra cho bất kì ai nói, “Tôi không biết.” Người như thế đã bước bước đầu tiên hướng tới tri thức thực. Còn người nói, “Tôi biết, tôi là người có học,” bít kín nốt ngay cả vài cái lỗ mà có thể cho phép người đó đi vào trong ngôi đền bên trong.

Lời cầu nguyện là sự chấp nhận không chỉ cái dốt nát mà cả sự bất lực nữa. Không bến, không thuyền nào được thấy, chỉ đại dương vô biên là thấy được, và chiều sâu của nó là không thể dò được. Lòng dũng cảm của chúng ta làm chúng ta thất bại. Chúng ta nhắm mắt và tưởng tượng, cứ nghĩ mình đang trên thuyền, nhưng thực sự mọi thuyền đều là thuyền giấy. Đây là hoàn cảnh của chúng ta - tuyệt đối bất lực.

Trong lời cầu nguyện đúng đắn có sự chấp nhận về cái bất lực cũng như cái dốt nát. Và người tuyên bố, “Tôi bất lực,” tìm thấy phương thuốc, giải pháp. Chính tuyên bố này về cái bất lực

là giải pháp. Chấp nhận toàn bộ này về cái bất lực bản thân nó là giúp đỡ lớn nhất và duy nhất của chúng ta. Người buông xuôi bản thân mình gặp Thượng đế. Người nói, “Từ giờ trở đi con sẽ bước nếu ngài bảo con bước, con sẽ vươn dậy nếu ngài nâng con lên, con sẽ đi theo ngài tới bất kì đâu ngài đi” - người này thấy những cánh cửa của mình mở ra bên trong, bởi vì người đó đã liên lạc với cái vô hạn một cách hồn nhiên thể và với buông xuôi không điều kiện đến mức người đó thấy bản thân mình trước Thượng đế.

Những lời cầu nguyện này là chìa khoá để mở cánh cửa. Những lời cầu nguyện ngắn ngủi này là rất sâu sắc trong nghĩa và mang chúng ta đi rất xa. Giữ những lời cầu nguyện này trong tâm trí trong khi thực hiện công việc thường lệ hàng ngày của bạn, và bất kì khi nào bạn có cơ hội, tự nhắc bản thân mình, “Con không biết gì cả, con bất lực. Hỡi Thượng đế, xin dẫn dắt con.” Lần nữa tôi nhấn mạnh sự kiện là không ai khác sẽ tới để dẫn dắt bạn đến con đường đúng. Bản thân lời cầu nguyện này sẽ đưa bạn đi. VẬY trong việc cầu nguyện, bạn sẽ có khả năng tự dẫn dắt mình. Lời cầu nguyện là quyền năng, quyền năng rất lớn.

Có năng lượng cực lớn ẩn trong một nguyên tử nhỏ, nhưng năng lượng ẩn kín trong những lời cầu nguyện nhỏ này là nhiều lần mạnh hơn năng lượng trong vô số nguyên tử. Cầu nguyện và xem; thử nó đi! Kết quả là tức khắc. Bạn sẽ nhẹ nhàng không mất thời gian nào. Bạn sẽ phát triển cánh và sẵn sàng bay cao.

Gánh nặng tan biến khi bản ngã nặng trĩu của chúng ta rơi rụng đi. Nhưng chúng ta lười cá đến mức chúng ta thậm chí chất đầy lời cầu nguyện bằng bản ngã của mình. Nhìn người đang ra khỏi ngôi đền sau khi đưa ra lời cầu nguyện. Người đó nhìn quanh đầy vẻ tự mãn, dường như để công bố cho các tội nhân khắp xung quanh người đó về lòng mộ đạo riêng của mình khi đã đưa ra lời cầu nguyện trong ngôi đền.

Có lần Mohammed yêu cầu một thanh niên đi cùng ông ấy để cầu nguyện. Chàng thanh niên không thể thoái thác điều đó, bởi vì Mohammed đã yêu cầu người đó - cũng hết như bạn không thể tránh được điều gì đó nếu tôi yêu cầu bạn làm việc đó! Vào buổi sáng người đó tới với Mohammed. Mohammed đứng đó và cầu nguyện, và chàng thanh niên này cũng đứng và bắt đầu lẩm bẩm điều gì đó. Anh ta chỉ có thể lẩm bẩm thôi.

Mohammed trở nên rất không thoải mái và nghĩ, “Ta đã sai lầm mà đem cậu này tới đây.” Nhưng bây giờ không có cách nào thoát khỏi điều đó. Sau khi cầu nguyện, họ ra đi. Lúc đó là buổi sáng và mọi người vẫn còn trên giường.

Chàng thanh niên nói với Mohammed, “Thưa ngài, điều gì sẽ xảy ra cho những người này? Mặc dầu bây giờ là lúc cầu nguyện thể mà họ vẫn đang trên giường. Ngài nghĩ gì về họ? Họ sẽ phải xuống địa ngục chứ?”

Mohammed đáp, “Ta không biết họ sẽ đi đâu, nhưng ta sẽ phải quay lại nhà thờ.”

Người này hỏi, “Điều gì đã xảy ra cho ngài?”

Mohammed nói, “Lời cầu nguyện đầu tiên của ta đã trở thành vô dụng - ta đã làm hại cậu. Trước khi đưa ra lời cầu nguyện sáng nay ít nhất cậu cũng nên khiêm tốn; cậu đừng coi những người đó là tội lỗi. Đây là một cái hại nữa đã được làm. Ta xin lỗi, và đừng tới nhà thờ lần nữa. Bây giờ ta phải quay lại để cầu nguyện, bởi vì bây giờ lời cầu nguyện thứ nhất của ta là vô dụng. Ta đã làm hại cậu bởi việc mang cậu tới nhà thờ bởi vì bây giờ cậu đã trở nên nhiều bản ngã và vô ích hơn. Bản ngã phải bị phá tan bởi lời cầu nguyện, nhưng bản ngã của cậu đã trở nên mạnh hơn!”

Bạn đã bao giờ thấy một người tự mãn bước đi với dấu hiệu màu vàng nghệ và quai dép dán trên trán chưa? Ông ta hành xử cứ như Thượng đế đã trao cho ông ta giấy phép đặc biệt. Những người như thế nghĩ họ là họ hàng của Thượng đế, gia đình của Thượng đế, người được chọn của Thượng đế. Bây giờ họ sẽ không còn bằng lòng chừng nào họ còn chưa kết án toàn thể giới xuống địa ngục. Con người phải được xem như một con vật rất kì lạ khi con người có thể trở thành đầy bản ngã ngay cả qua lời cầu nguyện. Không có giới hạn nào cho sự xảo trá của con người.

Phẩm chất tinh túy của lời cầu nguyện là việc buông bỏ, cái chết của bản ngã. Một người tôn giáo thực sự thậm chí không thể nói, “Tôi là người tôn giáo.” Người đó nhận biết về cái bất chính của mình đến mức người đó thay vì thế sẽ nói, “Ai là người phi tôn giáo hơn tôi?” Người đó sẽ không có khả năng công bố bản thân mình là người đức hạnh bởi vì người đó sẽ thấy một vết tội lỗi trong đức hạnh; người đó sẽ thấy bản ngã đang nói như thế. Do đó hiền nhân này nói, “Tôi không biết tôi đã phạm phải bao nhiêu tội lỗi làm dè năng tôi trong tiến bộ của mình. Tôi hoàn toàn không phù hợp, tôi không thể đòi quyền để đạt tới mục đích. Tôi đơn giản có thể cầu nguyện.”

Cho nên nhớ lời kinh này nữa, rằng lời cầu nguyện không phải là lời tuyên bố. Nó không phải là việc công bố về quyền được phép mà là sự chấp nhận việc không phù hợp. Nếu bạn cảm thấy một chút rằng, “Tôi là người đòi hỏi chân chính,” thế thì lời cầu nguyện của bạn trở thành bị ô nhiễm và đầu độc. Người đưa ra lời cầu nguyện tìm thấy cái gì đó khi người đó cầu nguyện, “Hỡi Thượng đế, đây là ân huệ của ngài, con không xứng đáng với nó.” Do đó mọi người nghĩ ra từ ‘ân huệ của Thượng đế’. Đó là ân huệ thiêng liêng. Họ nói, “Khi nào chúng tôi phù hợp? Thật khó để tìm ra người không phù hợp hơn chúng tôi.”

Và vậy mà tôi nhắc lại, bạn đạt tới thông qua sự phù hợp của bạn - và không phải thông qua cái không phù hợp của bạn. Nhưng nhận biết về cái không phù hợp của bạn là lời cầu nguyện phù hợp. Nhận biết về việc là cái không là tuyên bố về lời cầu nguyện. Việc tuyên bố cái không là bản chất của lời cầu nguyện. Lời cầu nguyện ban cho kết quả, nhưng nếu nó không đến chúng ta sẽ nói, “Chúng tôi không phù hợp để nhận nó”; nếu nó tới chúng ta nói, “Đây là ân huệ của ngài.” Vậy mà nó không được đạt tới được bằng ân huệ của ngài bởi vì ngài là ân huệ bình đẳng cho tất cả! Nếu nó được đạt tới bởi ân huệ của ngài, điều đó có nghĩa là thói gia đình trị cũng đang tràn ngập ở đây.

Một người đi tới một ngôi đền, rung chuông và cầu nguyện, “Hỡi Thượng đế, ngài là người làm thuần khiết tội lỗi, ngài là đấng toàn năng,” với chủ định rằng Thượng đế sẽ được hài lòng và sẽ hoàn thành ham muốn của người đó. Điều này cũng hết như một người có được cái mình ham muốn bằng việc cầu nguyện trước vua và làm hài lòng vua. Đó là lí do tại sao mọi lời cầu nguyện của chúng ta đều là lời nói theo ngôn ngữ triều đình. Lời cầu nguyện hoàng gia như vậy tất cả đều là tăng bốc. Từ khác cho tăng bốc trong tiếng Phạn là *stuti* - cầu nguyện!

Không, bạn không phải nói, “Thượng đế vĩ đại.” Đây chỉ là tăng bốc. “Con là cái không” - câu này là đủ. Không phải: “Ngài vĩ đại. Làm sao con - một người khiêm tốn - có thể đề nghị về tính vĩ đại của ngài được? Bao nhiêu sự vĩ đại có đó trong việc dùng từ vĩ đại của con? Làm sao con có thể đo được ngài? Làm sao con có thể tính toán được sự vĩ đại của ngài? Không, con không có tiêu chuẩn nào để đo được cái vĩ đại của ngài. Đo sự khiêm tốn riêng của con là đủ. Thế là đủ nếu con có khả năng nói trong lời cầu nguyện của con, ‘Con là cái không.’”

Tôi muốn bảo bạn lần nữa rằng cái không, cái thu được do ân huệ của ngài, và vậy mà khi ai đó đạt tới, người đó biết nó là

ân huệ của Thượng đế. Bất kì khi nào ai đó đã đạt tới điều tối thượng người đó đã nhảy múa trong cực lạc và tuyên bố một cách chân thành nhất trước thế giới rằng mình đã đạt tới qua ân huệ của Thượng đế. Và vậy mà không ai đạt được bất kì cái gì qua ân huệ của ngài, bởi vì bạn chỉ có thể biểu lộ ân huệ và đặc ân nếu bạn cũng có thể biểu lộ sự ghét bỏ. Nhưng ân huệ của ngài là liên miên, nó liên tục mưa xuống.

Phật hay nói, “Nước cam lồ đang mưa xuống, nhưng một số người để bình đựng nước chống ngược lên.” Không phải là nước cam lồ sẽ bắt đầu mưa xuống vào ngày bạn lật bình đựng nước thẳng dậy. Nó vẫn mưa ngay cả khi bạn để bình úp xuống, nó vẫn rót ra ngay cả khi không có bình đựng nước chút nào. Sẽ không có ân huệ đặc biệt rót vào bình của bạn khi bạn giữ bình thẳng đứng. Nước cam lồ liên tục mưa xuống: biểu lộ ân huệ là bản tính của ngài - nước cam lồ của sự tồn tại là bản tính của ngài.

Nó vẫn liên tục mưa xuống, nhưng chúng ta đã để thùng chứa của mình lộn ngược xuống. Bản ngã giữ thùng chứa lộn ngược và đồng thời cố gắng làm đầy nó. Giữ cho thùng chứa đứng thẳng dậy nghĩa là thừa nhận, “tôi là cái không.” Khi thùng chứa được dựng thẳng cái trống rỗng của nó trở thành biểu lộ. Nó có thể biểu lộ cái gì khác được? Khi nó lộn ngược, cái trống rỗng của nó bị giấu giếm. Một thùng chứa để lộn ngược tạo ra một ảo tưởng của việc tràn đầy, vì cái trống rỗng không được thấy, nó bị kìm nén. Đó là lí do tại sao chúng ta giữ nó lộn ngược. Bằng việc dựng thẳng dậy, thùng chứa đi tới biết rằng nó không là gì ngoài cái trống rỗng. Có một chỗ mở mà có thể được rót đầy bằng cái gì đó.

Cái thùng chứa của con người quay thẳng lên khi người đó biết rằng người đó là cái không, và khi người đó giữ cho nó thẳng lên thì người đó đi vào lời cầu nguyện. Ân huệ của Thượng đế

đang mưa xuống và nó sẽ trút đầy bình chứa của người đó, và khi nó đầy người này sẽ nói, “Đây là ân huệ của ngài.”

Nếu bạn không giữ cho bình chứa của mình thẳng lên, ngài không thể bày tỏ ân huệ được. Chính là bởi ân huệ của bạn mà bạn giữ cho nó thẳng lên. Bày tỏ ân huệ với bản thân mình là lời cầu nguyện. Có từ bi với bản thân mình là lời cầu nguyện. Độc ác với bản thân mình là bản ngã. Thành bạo chúa với bản thân mình là bản ngã. Thành bạo hành chống lại bản thân mình là bản ngã.

Đây là đủ cho sáng nay. Bây giờ chúng ta giải tán. Và xin giữ thùng chứa của các bạn thẳng lên.

Sự tồn tại là một

Om.

*Cái đó là hoàn hảo và cái này cũng là hoàn hảo.
Vì chỉ cái hoàn hảo được sinh ra từ cái hoàn hảo;
và khi cái hoàn hảo
được lấy đi từ cái hoàn hảo,
chú ý, cái còn lại là hoàn hảo.
Om. An bình, an bình, an bình*

Đây là luật vĩnh hằng của sự tồn tại, rằng cái kết thúc là được tìm thấy ở cái bắt đầu. Kết thúc là nơi bắt đầu có. Theo luật vĩnh hằng này, Ishavanya kết thúc ở lời kinh mà nó bắt đầu. Không có cách nào khác ngoài điều này. Mọi cuộc hành trình đều là vòng tròn - bước đầu tiên cũng là bước cuối cùng.

Những người đã hiểu luật này - rằng bước đầu tiên cũng là bước cuối cùng - được cứu khỏi rối loạn vô dụng và xung đột của các xúc động của tâm trí; họ được cứu khỏi những lo nghĩ và lo âu vô tích sự của cuộc sống. Chúng ta đạt tới chỗ mà chúng ta đã bắt đầu. Trạm đầu tiên của cuộc hành trình của chúng ta cũng là trạm cuối cùng. Do đó chúng ta có thể du hành ở giữa rất vui vẻ, bởi vì không có cách khác. Chúng ta sẽ không bao giờ tới chỗ mà chúng ta không có. Dù chúng ta có thể làm nỗ lực lớn đến đâu cũng không thành vấn đề, chúng ta không thể đạt tới nơi chúng ta không có.

Chúng ta hiểu điều đó theo cách này: chúng ta chỉ có thể là cái mà chúng ta đã là. Không có phương án nào khác. Cái được ẩn kín trong chúng ta sẽ được lộ ra, và cái được lộ ra sẽ lại được giấu kín. Hạt mầm sẽ mọc thành cây, và cây sẽ lại trở thành hạt mầm. Đây là luật vĩnh cửu của cuộc sống. Lo âu và lo nghĩ của những người đã hiểu thấu luật này tiêu tan hoàn toàn. Những đau đớn tinh thần gấp ba của họ trở thành êm ả và im lặng. Thế thì không còn lại lí do gì cho hạnh phúc - không có nguyên nhân để bất hạnh khi chúng ta du hành tới đích của mình, và không có nguyên nhân để hạnh phúc bởi vì chúng ta không thu được cái gì chút nào, cái không có cùng chúng ta từ lúc bắt đầu. Để nêu ra một chỉ dẫn, một hướng dẫn, về luật vĩ đại này, Ishavanya kết thúc với lời kinh mà nó bắt đầu.

Cuộc hành trình mà chúng ta đã tiến hành ở giữa hai đầu này là những cánh cửa tách bạch khác nhau để làm cho chúng ta có khả năng hiểu được lời kinh này, để đi tới lời kinh này. Mỗi lời

kinh đều là một hướng dẫn để khuấy động việc nhớ lại của chúng ta về đại dương vĩ đại đó, và mỗi bến bờ và mỗi nơi thiêng liêng là một lời mời, một lời gọi, để con thuyền ta giương buồm lên. Nếu bạn giữ lời kinh này trong tâm trí, bạn có thể đã quan sát rằng lời kinh này được ẩn kín sâu trong nghĩa của mọi lời kinh. Đó là lý do tại sao nó đã được công bố ngay từ đầu và bây giờ công bố vào lúc cuối. Tôi đã nói với bạn ý nghĩa của nó từ ngay ngày đầu tiên. Hôm nay tôi sẽ giải thích ý nghĩa bên trong của nó - cái bản chất của nó.

Bạn có thể hỏi, “Cái gì là khác biệt giữa nghĩa và điều bản chất?” Nghĩa là dáng vẻ bên ngoài, dạng biểu hiện, một vật, trong khi bản chất là thứ giấu kín. Nghĩa là thân thể bên ngoài, bản chất là linh hồn bên trong. Nghĩa cũng có thể được hiểu bởi trí tuệ, nhưng bản chất chỉ có thể được hiểu thấu bởi trái tim. Nói chung, nghĩa được giải thích lúc bắt đầu và không phải là bản chất. Còn bây giờ, tại giai đoạn này, chúng ta đã nhìn qua nhiều cánh cửa vào trong ngôi đền mà với nó lời kinh này được ngụ ý. Không chỉ chúng ta đã đi tới hiểu nó về mặt trí tuệ, mà chúng ta còn cố gắng hiểu thấu nghĩa của nó bằng việc cũng đi vào trong thiền.

Đây là điều xảy ra duy nhất. Nhiều lời bình luận đã được đưa ra về Upanishad này, nhưng đây là cơ hội đầu tiên trên trái đất này khi lời bình luận đã được đi kèm với thiền. Cho nên một tìm kiếm sâu xa về nghĩa biểu hiện của nó và về nghĩa bên trong của nó đã được tiến hành đồng thời. Những lời của Upanishad đã được giải thích trước đây, nhưng đây là cơ hội lần đầu tiên mà qua đó một nỗ lực tích cực đã được thực hiện để nhảy vào nghĩa bên trong của nó - linh hồn của nó. Bất kỳ điều gì tôi đã nói cho các bạn đều với mục đích làm thành bàn nhảy cho bạn: mục đích là việc nhảy. Đây là lý do tại sao tôi đi vào trong thiền vào cuối mỗi lời kinh, để cho bạn có thể kinh nghiệm ý nghĩa của nó bằng việc lấy cái nhảy vào trong nó.

Cho nên bây giờ tôi có thể nói cho bạn ý nghĩa bên trong của nó. Bạn còn chưa xem xét nghĩa của những lời này thật đủ; nhưng bạn đã làm được điều gì đó khác - bạn đã đạt tới im lặng, bình thản. Những người hiểu những lời này đều có khả năng biết được nghĩa, nhưng chỉ những người biết im lặng là có khả năng biết nghĩa bên trong của nó, bản chất của nó. Nếu bạn đã đạt tới dù chỉ chút xíu hương vị của im lặng, bạn sẽ có khả năng hiểu nghĩa bên trong mà tôi đang định đi vào.

Điều đầu tiên tôi sẽ bảo bạn về nghĩa bên trong của lời kinh này là ở chỗ nó đã tuyên bố rằng cuộc sống là phi logic. Điều này không được nói ở bất kỳ đâu trong bao nhiêu từ của kinh này, chỉ có hướng dẫn về nó thôi. Bây giờ tôi sẽ nói cho bạn điều không được nói ra, điều chỉ được hướng dẫn tới. Wittgenstein đã viết một cuốn sách, *Tractatus*, mà có lẽ là cuốn sách quan trọng nhất của thế kỷ này. Trong đó ông ấy đã nói, “Cái không thể được nói ra phải không được nói ra: nó phải được bỏ lại không nói.” Ông ấy nói thêm, “Cái không thể được nói ra có thể được chỉ ra.” Nghĩa của ông ấy là ở chỗ một hướng dẫn, một chỉ dẫn, có thể được đưa ra cho cái không thể được nói ra. Cái không thể được nói ra và cái không nên được nói ra là nghĩa bên trong của kinh này. Điều tôi đang làm bây giờ chỉ là cho bạn một số chỉ dẫn hướng về nó.

Chỉ dẫn thứ nhất: Cuộc sống là phi lý, cho nên những người cố gắng tìm kiếm cuộc sống là gì sẽ lang thang quanh cái chết. Những người như thế không bao giờ có thể phát hiện ra bí mật của cuộc sống. Làm sao bạn có được chỉ dẫn về cái phi lý từ lời kinh này? Nó nói, “Cái hoàn hảo được lấy ra từ cái hoàn hảo.” Điều phi lý đầu tiên là trong câu hỏi, “Làm sao cái hoàn hảo có thể nổi lên từ cái hoàn hảo?” Vì không có không gian phụ bên ngoài cái hoàn hảo, cái hoàn hảo có thể đi đâu được?” *Purna* nghĩa là tuyệt đối, bên ngoài cái đó không có cái gì khác nữa; nếu có bất kỳ cái gì khác, thế thì hoàn hảo sẽ là không hoàn hảo ngàn

ấy. Chưa bao giờ có bất kì cái gì bên ngoài cái hoàn hảo, thậm chí không có cả không gian, cho nên làm sao cái gì có thể đi ra từ cái hoàn hảo được? Và giả sử nó có đi ra, nó sẽ đi đâu? Không có lối ra. Nhưng lời kinh này khẳng định rằng cái hoàn hảo được lấy ra từ cái hoàn hảo.

Không chỉ điều này, nhưng nó thêm cái phi lí nữa: “Sau khi cái hoàn hảo được lấy ra khỏi cái hoàn hảo, cái còn lại là hoàn hảo.” Nếu bất kì ai nhìn vào câu này theo quan điểm logic người đó sẽ tuyên bố đó là phát biểu của người điên. Và nếu ai đó xem xét nó theo quan điểm toán học, nó sẽ được thấy là không đúng toàn bộ. Người đó sẽ nghĩ nó được ai đó viết ra, mà người viết mất trí. Đây sẽ là ý kiến của bất kì ai xem xét nó theo quan điểm logic hay toán học. Nhưng những người xem xét và suy nghĩ theo cách này sẽ phạm phải sai lầm mà một thời đã mắc trong vườn.

Một người làm vườn nào đó mời bạn mình tới thăm hoa hồng đẹp đã ra hoa trong vườn mình. Người bạn là thợ kim hoàn, và người đó đến đó với một hòn đá thử. Khi thấy hoa hồng người đó nói với bạn mình, “Tớ không tin phát biểu của cậu đơn giản bằng việc nhìn hoa hồng. Cậu không thể lừa tớ được, tớ không phải là trẻ con. Tớ kiểm tra vàng, cho nên việc kiểm tra hoa hồng chỉ là trò chơi trẻ con. Tớ sẽ kiểm tra chúng.”

Người làm vườn hỏi, “Cậu kiểm tra hoa hồng thế nào?”

Anh bạn trả lời, “Tớ đã mang hòn đá thử đi theo đây.”

Người làm vườn trở nên bồn chồn và nghĩ, “Minh thật sai lầm thì đi mời thằng cha này!”

Nhưng vào lúc đó anh thợ kim hoàn đã ngắt một đoá hoa và kiểm tra nó bằng cách cọ xát nó vào viên đá thử. Người đó ném

đoá hoa xuống đất và nói, “Hòn đá thử đã chứng tỏ rằng không có cái gì trong hoa này cả; nó là giả.”

Hiện nhân của lời kinh này sẽ cảm thấy hết như người làm vườn phải đã cảm thấy nếu ai đó cố hiểu lời kinh này theo quan điểm logic. Hoa không được thử bằng đá thử cho vàng, và nếu ai đó cố làm như thế, hoa không có lỗi; nó đơn thuần chứng tỏ cái ngu xuẩn của người này. Về tất cả những lời kinh của Ishavanya, điều này đặc biệt có hương vị của tự nhận ra. Điều này không thể được kiểm tra bằng hòn đá thử của logic, và điều được áp dụng hoàn toàn trong lời kinh này là không nên được thử như thế. Lời kinh đang bảo chúng ta rằng nó sắp sửa nói một điều gì đó phi lí, vượt ra ngoài logic, điều không thể xảy ra và vậy mà vẫn xảy ra, điều không nên xảy ra và vậy mà vẫn cứ xảy ra, điều không có cơ sở nào cho việc xảy ra của nó, điều không có cách nào được chứng minh - và vậy mà nó xảy ra, và vậy mà nó hiện hữu!

Cuộc sống là phi lí: phát biểu này có nghĩa gì? Nó có nghĩa là những người cố gắng tìm ra nghĩa, tìm ra bí mật của cuộc sống theo quan điểm toán học, logic, công lí, qui ước, quy định và luật lệ, sẽ vẫn tiếp tục tìm mà không biết gì về nó.

Người thợ kim hoàn đã kiểm tra hoa bằng hòn đá thử. Nếu bạn lấy đoá hoa đó vào phòng thí nghiệm khoa học và nói, “Đây là một đoá hoa rất đẹp,” thế thì nhà khoa học nữa sẽ mổ xẻ mọi phần của nó và nói, “Cái đẹp ở đây đâu rồi?” Ông ấy sẽ trích rút từng yếu tố một và để rải rác chúng ra. Mỗi hoá chất sẽ được phân tách và rồi ông ấy sẽ hỏi, “Cái đẹp đâu rồi?” Nó có nhựa hoa, khoáng chất, hoá chất và tất cả những thứ như thế, nhưng không có cái đẹp trong đó ở đâu cả. Nếu cái đẹp không được tìm thấy trong phòng thí nghiệm của nhà khoa học, đây không phải là lỗi của hoa; không phải lỗi của nhà khoa học, vì phòng thí nghiệm của ông ấy không có đó để phát hiện ra cái đẹp. Chiều

hướng mà trong đó cái đẹp có thể được thăm dò và đo đạc là hoàn toàn khác.

Cho nên những người nghĩ về cuộc sống theo quan điểm toán học có thể không bao giờ đo được nó, bởi vì cuộc sống về cơ bản là bí mật. Tất cả tri thức của chúng ta, dù nó có thể lớn đến đâu, đều dựa trên dốt nát; nó đơn giản hướng dẫn vào cái vẫn còn được biết tới. Và khi chúng ta đi đến biết ngày càng nhiều hơn, chúng ta hiểu chiều sâu của cái dốt nát của chúng ta. Chúng ta không có khả năng bày tỏ cuộc sống, và nếu chúng ta cố gắng, chúng ta trở thành ngày càng bị vướng víu.

Tất cả nỗ lực của chúng ta để làm lộ nó ra cũng giống như những cố gắng trong câu chuyện của Aesop mà tôi đã nghe. Câu chuyện kể về con rết đang bước đi trên đường. Một con thỏ thấy nó và rất lấy làm phân vân. Con thỏ có lẽ đã được dạy trong một trường phái logic. Phân vân của nó là thế này: chân nào trong một trăm chân của con rết giơ lên trước nhất? Rồi chân nào là chân thứ hai cất lên? Chân nào thứ ba? vân vân. Làm sao con rết có thể nhớ được trật tự cho cả trăm chân của nó? Nó sẽ không vấp ngã khi bước chứ? Điều này chắc chắn là phải bị lẫn lộn.

Con thỏ bảo con rết dừng lại và trả lời câu hỏi của nó. Nó nói, “Tớ là sinh viên logic và tớ rất phân vân khi ngắm nhìn cậu. Chúng tớ bước trên bốn chân cho nên dễ dàng nhớ trật tự giơ từng chân lên khi bước. Nhưng làm sao cậu nhớ được trật tự giơ cho cả trăm chân thế vậy?”

Con rết đáp, “Từ trước tới nay tớ bước đi rất dễ dàng; tớ chưa bao giờ thấy cần phải nhớ đến trật tự giơ chân, và từ trước tới nay tớ cũng chưa bao giờ nghĩ đến cách thức đó. Nhưng bây giờ khi cậu hỏi tớ, tớ sẽ nghĩ về nó và giải quyết vấn đề của cậu.”

Con thỏ ngồi đó nhìn. Con rết cố gắng đưa chân lên nhưng bị loạng choạng và ngã kênh. Nó bây giờ gặp khó khăn. Với sự

buồn bã từ trong tim nó nói với con thỏ, “Anh bạn ơi, logic của cậu làm cho tớ gặp khó khăn lớn rồi. Xin cậu cứ giữ lấy cái logic cho cậu đi, và đừng hỏi câu hỏi của cậu với bất kì con rết nào khác mà ngẫu nhiên đi qua cậu trên đường. Chúng tớ sống thoải mái và hạnh phúc. Chân tớ chưa bao giờ gây khó khăn cho chúng tớ - chúng chưa bao giờ đặt ra những câu hỏi như thế và chưa bao giờ tranh luận về nó. Chúng tớ chưa bao giờ nghĩ chân nào phải nâng lên trước hết rồi chân nào thứ hai. Chúng tớ không biết. Ngăn này là chắc chắn: cho tới nay tớ vẫn có thể bước được. Chỉ từ bây giờ, vì cậu mà tớ thấy mình gặp khó khăn!”

Thế tiến thoái lưỡng nan của con người là ở chỗ con người luôn ở trong tình huống khó xử như tình huống của con rết. Con người không cần con thỏ phải đặt ra câu hỏi; con người tự đặt câu hỏi cho mình và tạo ra hoài nghi và làm mình lâm vào vướng víu. Con người tự hỏi mình những câu hỏi và đưa ra câu trả lời của riêng mình. Câu hỏi dứt khoát là sai, cho nên câu trả lời trở nên càng không đúng và lạc lối hơn. Mỗi câu trả lời làm nảy sinh thêm các câu hỏi mới. Câu hỏi và câu trả lời cứ thế nhân lên, một đồng lộn xộn lớn được tạo ra, và con người trở nên ngày càng khó xử cho tới khi một khoảnh khắc tới, lúc con người phân vân đến mức không còn biết cái gì là cái gì nữa. Tất cả chúng ta đều trong trạng huống khó xử này.

Ai đó nói với Thánh Augustine, “Tôi thấy rất bối rối bởi một câu hỏi, và nếu ông làm ơn trả lời câu hỏi đó cho tôi, điều đó sẽ làm tâm trí tôi được thanh thoi. Tôi nghe nói ông là người có học.”

Thánh Augustine nói, “Anh có thể đã nghe nói về điều đó, nhưng vì anh nói với ta cho nên ta gặp khó khăn.”

Người này nói, “Ông gặp khó khăn gì vậy? Khó khăn chỉ dành cho những người dốt nát như tôi thôi chứ.”

Thế rồi Thánh Augustine giải thích, “Ta đang gặp khó khăn vì lần đầu tiên ta nghe thấy nói rằng ta là người có học, bởi vì bây giờ ta đang cố gắng tìm ra xem tri thức này là ở đâu trong ta mà ta tìm không thấy nó. Trong sai lầm, trong dốt nát, ta đã tin vào điều đó lúc ban đầu. Nhưng bây giờ thật khó để cho ta tin như vậy. Nhưng thôi được, cho ta biết câu hỏi của anh. Anh đã tới từ nơi rất xa, cho nên hỏi câu hỏi của anh đi. Cho dù ta không có khả năng trả lời nó, ít nhất thì anh cũng được nhẹ bớt rằng câu hỏi đó đã được hỏi. Trong trường hợp ta có khả năng trả lời câu hỏi của anh, anh có cho rằng câu hỏi là được trả lời đúng bởi ai đó đưa ra câu trả lời không? Nhưng hỏi câu hỏi của anh đi.”

Người này hỏi, “Thời gian là gì?”

Thánh Augustine nói, “Anh đã hỏi một câu hỏi mà ta sợ anh có thể hỏi. Có một số câu hỏi nào đó mà chúng ta giả thiết chúng ta biết câu trả lời, nhưng khi chúng được hỏi ra, chúng ta bị mất hút vì câu trả lời. Ta dứt khoát biết thời gian là gì, nhưng khi anh hỏi câu hỏi này ta gặp khó khăn.”

Chừng nào ai đó còn chưa hỏi bạn câu hỏi này, bạn vẫn biết rất rõ thời gian là gì. Bạn đón tàu hỏa đúng giờ, bạn đón xe buýt đúng giờ, bạn tới văn phòng đúng giờ và trở về nhà đúng giờ. Cho nên bạn biết rất rõ thời gian là gì. Nhưng ngay khi ai đó hỏi bạn câu hỏi đó, bạn lại trong khó xử như con rết. Bạn biết ngày tháng, bạn có đồng hồ, lịch đang treo tường, và vậy mà không ai có khả năng đưa ra câu trả lời đúng cho câu hỏi đó. Và các câu trả lời đã được đưa ra đều giống như việc dò dẫm trong bóng tối - không cái gì được thiết lập.

Nếu ai đó hỏi bạn, “Linh hồn là gì?” bạn không thể trả lời nổi, vì bạn vẫn không biết, cho dù nó đã cùng với bạn từ ngày

bạn được sinh ra. Không chỉ có điều đó, những người biết đều nói nó đã có đó từ trước khi bạn được sinh ra. Không có khó khăn về nó cả chừng nào chưa ai hỏi về nó.

Nếu ai đó hỏi, “Tình yêu là gì?” thế thì cùng khó khăn ấy nảy sinh. Mọi người đều làm tình, và cho dù họ không làm tình, họ hành động dường như họ làm. Có biết bao chuyện tình đây! Mọi câu chuyện đều là chuyện tình, và chúng là về tình yêu bởi vì con người vẫn còn chưa có khả năng làm tình thực sự cho nên người đó lừa dối tâm trí mình bằng việc viết ra chuyện về nó. Mọi bài thơ đều là thơ tình, và người không có tình yêu trong cuộc đời mình bắt đầu viết thơ tình. Viết thơ là rất dễ, làm tình là rất gay go. Thơ có thể được soạn theo các dòng vần điệu, nhưng tình yêu chỉ có thể được làm ra bằng việc xé bỏ mọi dòng. Thơ có cách đo và qui tắc của riêng nó, tình yêu hoàn toàn không có thước đo hay qui tắc. Thơ có thể được học và có thể được soạn. Nhưng không có cách nào, không thủ đoạn nào để học hay làm tình yêu. Chúng ta thường xuyên nói về tình yêu, và vậy mà nếu ai đó hỏi chúng ta, “Tình yêu là gì?” thế là chúng ta gặp khó xử liền.

G.E. Moore là một nhà tư tưởng vĩ đại, có lẽ là vĩ đại nhất trong thế kỷ này. Theo suy nghĩ logic của mình, ông ấy đã gây ấn tượng lớn nhất lên tâm trí con người trong năm mươi năm qua. Ông ấy đã viết một cuốn sách gọi là Principia Ethica - nguyên lý về đạo đức. Ông ấy đã rất đau đớn khi viết cuốn sách này, làm việc càn cù chỉ trên một câu hỏi: Tốt là gì? Và ông ấy đã lao động vất vả để chuẩn bị công trình bất hủ này mà tôi nghĩ rằng không người nào khác trong lịch sử loài người có thể đã làm việc vất vả đến thế về một cuốn sách. Nó đã được chuẩn bị sau nhiều năm lao động vất vả và trong đó từng từ đều được cân nhắc và viết ra sau rất nhiều suy nghĩ. Nhà logic học của đại học Oxford này, nhà tư tưởng vĩ đại nhất này, trong kết luận cuối cùng của mình đã nói rằng tốt là không thể định nghĩa nổi. Đến cuối cùng, ông

ấy nói rằng việc định nghĩa tốt cũng giống như định nghĩa màu vàng.

Nếu ai đó hỏi tôi, “Màu vàng là gì?” tôi sẽ nói gì? Tôi chỉ có thể nói, “Màu vàng là màu vàng.” Tôi có thể nói cái khác? Nhưng đây có phải là định nghĩa không? Mọi người đều biết rằng màu vàng là màu vàng. Bạn sẽ làm gì? Bạn có thể ngắt một đoá hoa vàng và đưa nó ra, nói rằng, “Đây là màu vàng - đây là đoá hoa màu vàng.” Nhưng Moore phản đối và nói, “Nó không phải là màu vàng.” Nó cũng giống như một bức tường sơn vàng. Bức tường vàng không phải là màu vàng. Có một mẫu vải vàng - nhưng nó là mẫu vải nhuộm vàng, nó không phải là màu vàng. Một câu hỏi là, “Cái gì là tính vàng được thấy trong đoá hoa vàng, bức tường vàng hay mẫu vải vàng?” Bây giờ bạn sẽ nói gì? Bạn có thể nói, “Nó đây này, đừng làm nhầm thêm nữa.” Moore cũng nói điều này. Sau khi tiến hành công trình vất vả đến thế về chủ đề này, ông ấy nói, “Nhiều nhất chúng ta có thể nói rằng đây là tính vàng.” Chúng ta có thể cho chỉ dẫn, hướng dẫn mà thôi; chúng ta không thể đưa ra định nghĩa của nó. Khi mà bạn không thể định nghĩa được màu vàng, bạn có dám định nghĩa Thượng đế không? Nếu ai đó tới Moore và hỏi... nhưng cái ông Moore tội nghiệp này bây giờ không còn nữa! Nếu ông ấy còn sống, tôi nghĩ tôi sẽ hỏi ông ấy - hay nếu tôi ngẫu nhiên gặp ông ấy trong một kiếp khác tôi sẽ hỏi ông ấy, “Thượng đế có thể được định nghĩa không khi ông thậm chí không có khả năng định nghĩa được màu vàng là gì không?”

Ngay cả các sự kiện vô ý nghĩa nhất của cuộc sống cũng không thể được định nghĩa nổi; cho nên khi tôi nói cuộc sống là phi lí, tôi ngụ ý nó là không thể định nghĩa được. Bạn có thể sống cuộc sống, nhưng bạn không thể định nghĩa nó được, và nếu bạn còn cố gắng định nghĩa nó, bạn sẽ phạm phải cùng sai lầm mà hiền nhân của lời kinh này đã phạm phải. Ông ấy nói, “Cái hoàn hảo đến từ cái hoàn hảo và phần còn lại là hoàn hảo.”

Đây là một loại thách đố, kiểu như công án mà thiền sư Rinzai hay tạo ra. Những thầy này rất thích phát minh ra công án, vì có thể trao hướng dẫn qua chúng. Khi ai đó tới họ để tìm kiếm chân lí, họ sẽ nói, “Tìm cái đó về sau đi - ngay bây giờ ta có hơi chút khó khăn, và anh có muốn giải quyết vấn đề cho ta trước hết không.”

Người tìm kiếm sẽ hỏi, “Vấn đề của thầy là gì ạ?” Người đã tới trong việc tìm kiếm chân lí quên mất rằng, “Bản thân mình đã tới để tìm kiếm chân lí, làm sao mình có thể giải quyết vấn đề của người khác được?”

Khi Rinzai nói, “Hỏi câu hỏi của anh sau, giải quyết vấn đề của ta trước đi,” người này lập tức sẽ hỏi, “Vấn đề của thầy là gì ạ?”

Người tới là một học trò cố gắng thành thầy giáo. Người đó quên mất người đó đã tới để học. Người đó đáng phải nói, “Tôi đã tới để học từ thầy. Làm sao tôi có thể giải quyết vấn đề của thầy được? Bản thân tôi đang trong khó khăn.”

Nhưng Rinzai đã viết, “Ta đã giở thủ đoạn này với cả nghìn người mà lần nào người ta cũng nói, “Vấn đề của thầy là gì? Xin nói cho tôi.”

Rinzai đã tạo ra những vấn đề như thế mà không thể được giải. Trong sự kiện thực tế các vấn đề là ở mức chúng không thể được giải. Không vấn đề nào sẽ được giải quyết, bởi vì nó không phải là nhân tạo. Nó mang tính tồn tại, nó có đó trong sự tồn tại. Nếu nó là nhân tạo chúng ta có thể giải quyết được nó. Câu đó là nhân tạo cho nên chúng ta có thể giải chúng. Sách số học của trẻ con có câu hỏi bên trang này và câu trả lời bên trang kia. Không thủ đoạn nào như thế là có thể có trong cuộc sống. Chúng ta không thể lật trang cuộc sống để tìm câu trả lời cho một trong

những vấn đề của cuộc sống. Không bản sao của cuộc sống bất kì ai có thể hữu dụng. Bạn sẽ bắt chước ai? Và bằng cách nào? Tuyệt đối không có cách nào lật trang cuộc sống và tìm ra câu trả lời cho vấn đề của bạn. Chỉ có vấn đề, không có câu trả lời nào cả.

Rinzai giữ một vấn đề đặc biệt sẵn sàng. Ông ấy hay nói, “Nghe đây, nếu anh giải quyết được vấn đề của ta, ta sẽ giải quyết vấn đề của anh.” Người hỏi cảm thấy hài lòng là đã có một người sẽ giải quyết vấn đề cho mình, với điều kiện là người đó giải quyết vấn đề của người kia trước. Rinzai sẽ nói, “Khó khăn của ta là ở chỗ ta để quả trứng ngỗng trong một cái bình. Một con ngỗng con phá vỡ vỏ trứng chui ra và bắt đầu lớn lên. Ta vẫn nuôi nó qua miệng bình. Bây giờ ta muốn lấy nó ra, nhưng nó đã lớn nhiều đến mức cổ bình thành quá hẹp với nó; mà ta không muốn đập vỡ bình vì nó rất giá trị. Bây giờ anh chỉ cho ta cách giải quyết. Con ngỗng bị mắc vào trong bình, cổ bình quá hẹp nó không chui ra được. Cho nên đừng nói, ‘Đem nó ra qua miệng bình.’ Chúng ta đã thử điều đó rồi. Nếu nó vẫn còn ở đó lâu thêm nữa nó chắc chết - và anh sẽ phải chịu trách nhiệm cho điều đó!”

Khi nghe thấy điều này, phần lớn người hỏi đều trở nên rất bồn chồn. Họ sẽ nói, “Điều này là không thể được. Thầy đang định bảo chúng tôi cái gì?” Nhưng trong biến cố này một người nói, “Tôi sẽ cố gắng, tôi đang nghĩ ra một lối thoát,” thế rồi Rinzai sẽ nói, “Sang ngay phòng bên và thiền về nó. Đừng mất nhiều thời gian, vì cuộc sống con ngỗng đang lâm nguy. Thiền nhanh lên và sâu vào vì con ngỗng có thể chết vào bất kì lúc nào.” Có một lối ra khác cho cái phòng bên đó, và khi Rinzai mở cánh cửa sau nửa giờ, ông ấy bao giờ cũng thấy rằng người hỏi đã chạy mất. Thế rồi Rinzai trở về bảo với bạn bè anh ta, “Cái bình rỗng, con ngỗng ở ngoài!”

Chỉ một lần ông ấy nhận được đáp lại từ một người, nhưng người đó không đến để hỏi điều gì từ Rinzai. Một sáng người đó tới và ngồi gần Rinzai. Rinzai nói, “Anh muốn hỏi ta điều gì không?”

Người này đáp, “Thầy muốn chỉ cho tôi điều gì chẳng? Tôi không muốn hỏi bất kì điều gì. Nếu ai đó háo hức phô bày điều gì đó, để cho người đó phô bày điều đó!”

Rinzai sùng sốt bởi lời đáp và nghĩ, “Tay này thật nguy hiểm. Nó hoặc sẽ giết chết con ngỗng hoặc đập vỡ cái bình!” Nhưng bây giờ không có lối ra nào. Bởi vì điều này đã trở thành một thực hành khá lâu, Rinzai không thể dừng mà không hỏi người này về câu đố của mình. Ông ấy nói, “Không, ta không cái gì để phô bày cả. Thực ra, bản thân ta đang trong khó khăn.” Người lạ yêu cầu Rinzai kể lại cho mình khó khăn của ông ấy. Thế là Rinzai kể cho anh ta. Khi ông ấy vừa kết thúc, người này đứng dậy, tóm cổ Rinzai. Rinzai phản đối, “Con ngỗng không ở bên trong ta, nó ở trong cái lọ ấy.”

Nhưng người này nói, “Ta đang đem con ngỗng ra đây,” và yêu cầu Rinzai nói, “Con ngỗng ở bên ngoài cái lọ!”

Rinzai nói, “Đúng, nó ở ngoài!”

Cuộc sống không phải là câu đố, và những người cố gắng làm cho nó thành câu đố đều lâm vào khó khăn. Cuộc sống không phải là vấn đề; những người làm nó thành vấn đề đều phải tìm kiếm câu trả lời của nó, và mọi câu trả lời chỉ làm cho họ phân vân nhiều hơn nữa. Cuộc sống là bí ẩn để mở - tuyệt đối để mở trước mắt bạn và tất cả quanh chúng ta. Nó không bị che giấu ở đâu cả, nó không bị khuất sau bất kì tấm rèm nào, và vậy mà nó là một bí ẩn.

Có khác biệt giữa bí ẩn và câu đố. Câu đố có nghĩa là cái không mở nhưng có thể được mở ra. Bí ẩn nghĩa là cái đã mở và vẫn còn không mở; cái mà, qua việc mở ra, vẫn còn sâu lắng đến mức mặc cho các cuộc hành trình vô số kiếp của bạn, bạn sẽ thấy rằng bao giờ cũng có cái gì đó còn lại để được biết. “Cái toàn thể đến từ cái toàn thể, và vậy mà cái toàn thể còn lại, và khi cái toàn thể bị hấp thu vào trong cái toàn thể, nó vẫn còn nhiều như nó trước đó.” Lời kinh này hướng dẫn vào sự kiện là người đồng ý với nó có thể đi vào bí ẩn này. Và người không đồng ý với nó, nói điều ấy là không thể được, sẽ vẫn còn bên ngoài cánh cửa. Người đó không thể đi vào được. Cuộc sống là bí ẩn; nó nằm ngoài logic và hợp lí.

Qui tắc của logic do trí tuệ con người lập ra. Chúng không được viết ở đâu trong tự nhiên. Tự nhiên không hỗ trợ cho các qui tắc logic. Chúng là nhân tạo và tạm thời, mặc dầu chúng ta quên mất rằng chúng là thế. Mọi qui tắc của chúng ta đều giống thế này, giống qui tắc của trò chơi. Chẳng hạn, trong trò chơi cờ vua, có quân đầu ngựa và quân cờ thấp và vân vân. Có các qui tắc qui định nước đi của chúng, và người chơi cờ chơi với sự nghiêm chỉnh lớn. Sự kiện là, người ta dường như không nghiêm chỉnh trong cuộc sống như họ nghiêm chỉnh khi chơi cờ. Nếu cãi cọ nảy sinh giữa những người chơi, có khi họ còn đánh lẫn nhau, kiếm lăm lăm trong tay. Quân cờ tất cả đều làm bằng gỗ, và vậy mà người chơi quên mất và hành xử như trẻ con. Thực tế thì không có quân đầu ngựa, quân cờ thấp, quân vua; toàn bộ trò chơi chỉ là giả vờ.

Mọi qui tắc của logic trong cuộc sống đều giống như qui tắc của cờ vua - chúng đều là giả. Không có qui tắc nào đã được cuộc sống hay tự nhiên trao cho. Tất cả đều là việc chúng ta bắt chúng ta phải theo. Các qui tắc của chúng ta giống như luật giao thông. Ở Ấn Độ mọi người đi bên trái, ở Mỹ người ta đi bên phải. Nếu bạn phá luật này hoặc ở Ấn Độ hoặc ở Mỹ, bạn sẽ bị đưa về

đồn cảnh sát. Mọi người rất kì lạ. Nhưng một điều là chắc chắn: bạn phải lái xe hoặc bên trái hoặc bên phải, bằng không sẽ có hỗn độn trên đường. Và trong khi lái xe ở bên trái, dần dần chúng ta bắt đầu nghĩ rằng có một nguyên tắc nền tảng nào đó, tối thượng nào đó trong nó. Không có cái gì thuộc loại đó. Nó đơn thuần chỉ là sự thu xếp nhân tạo.

Mọi qui tắc logic của chúng ta đều là phương sách, cần cho việc điều chỉnh cuộc sống chúng ta; nhưng dần dần chúng ta trở nên bị mắc bẫy bởi chúng đến mức chúng ta cố gắng áp dụng chúng cho toàn thể bí ẩn của cuộc sống. Chúng ta cố gắng đảm bảo rằng cuộc sống của chúng ta tuân theo chúng. Một người trở nên lập dị khi người đó làm cho cuộc sống của mình phải tuân theo qui tắc của riêng mình. Đây là đặc trưng chính của người điên. Tôi gọi một người là lành mạnh khi người đó cư xử với bản thân mình theo điều bí ẩn của cuộc sống, và tôi gọi một người là điên khi người đó cố gắng ép buộc các qui tắc của riêng mình lên cuộc sống của mình. Đó là khi khó khăn đi vào cuộc sống người đó; và chúng ta đã chất đầy các qui tắc quanh các kiếp sống của mình.

Sẽ dễ dàng hiểu được lời kinh này nếu chúng ta hiểu một hoặc hai qui tắc của logic. Một trong những qui tắc cơ bản của logic là ở chỗ A là A và không thể là B. Như thế cũng được, tuyệt đối đúng, nhưng không có cái gì trong cuộc sống mà sẽ không đổi thành cái gì đó khác. Không có gì trong cuộc sống mà sẽ không đổi thành cái đối lập của nó. Mọi thứ trong cuộc sống đều là luồng, mọi thứ đều thay đổi. Đêm đổi thành ngày và ngày đổi thành đêm. Tuổi thơ đổi sang tuổi thanh niên và tuổi thanh niên đổi sang tuổi già. Sống đổi vào trong chết. Đôi khi chất độc đổi thành nước cam lồ. Tất cả thuốc đều là chất độc, nhưng chúng là nước cam lồ cho người ốm. Có tính luồng chảy trong cuộc sống, nhưng có tính cứng nhắc trong các qui tắc bởi vì chúng không sống.

Có biết bao nhiêu người ngồi trong phòng này. Giả sử tôi rời đi, quay trở lại sau một giờ, và tôi trông đợi bạn vẫn cứ ngồi tại cùng chỗ và trong cùng vị trí khi tôi rời đi; thế thì hoặc tôi là lập dị hoặc bạn là lập dị. Nếu tôi thấy bạn vẫn là bạn như lúc tôi rời đi, thế thì bạn hiện hữu! Chắc chắn phải có một thay đổi nào đó, bằng không xác chết phải đang ngồi đó. Người sống chắc chắn phải thay đổi vị trí và tư thế.

Một tình huống khó xử khá giống tình huống này đã có thời xuất hiện trong một thị trấn nào đó. Một nhà logic - và cũng khó mà nhớ được số những điều khó xử của nhà logic - đến một cửa hiệu cắt tóc vào sáng sớm để cắt tóc. Ông ấy cắt tóc xong. Tiền cắt tóc là năm mươi xu, và nhà logic đưa cho ông thợ cắt tóc một đồng ru pi. Không có tiền trả lại, ông thợ cắt tóc bảo khách hôm sau quay lại để lấy tiền thừa. “Làm sao mình có thể chắc chắn được rằng cho tới mai gã này sẽ không đổi lời hứa hay đổi nghề đây?” nhà logic nghĩ thầm.

Nói chung các nhà logic đều đòi hỏi bằng chứng. Ông ta biện luận với bản thân mình, “Thế nhờ gã này đổi nghề vào ngày mai thì sao? Thế nhờ gã đóng cửa hàng cắt tóc và mở cửa hàng kẹo thì sao? Người ta sẽ cười mình nếu mình nói gã này đã cắt tóc cho mình. Họ sẽ nói, ‘Nhưng ông ấy là người bán kẹo cơ mà!’ Cho nên ta phải nghĩ ra một thủ đoạn nào đó để cho gã không thể lừa được mình.”

Ông ta nghĩ rất lâu, thế rồi ông ta thấy một con trâu đang nằm đối diện với cửa hàng cắt tóc. Ông ta nghĩ, “Điều này thật hoàn hảo! Rất khó để mà di chuyển được con trâu. Nó là con vật bình thản và điềm tĩnh - giống hệt các qui tắc của logic. Nó nằm kiên quyết trên đường, phớt lờ mọi qui tắc giao thông. Ông thợ cắt tóc không bao giờ có thể thuyết phục được nó di chuyển. Làm

sao ông thợ cắt tóc có thể thuyết phục được nó khi mà ngay cả nhà logic còn không làm được nữa là?”

Ông ta về nhà sau khi đã thiết lập chắc chắn rằng con trâu vẫn nằm đối diện với cửa hàng cắt tóc này. Hôm sau ông ta trở và thấy con trâu vẫn nằm đó. Nhìn sang phía đối diện, ông ta thấy rằng mỗi phiên luy mà ông nghi ngờ đã diễn ra. Phía đối lập con trâu là cửa hàng kẹo. Ông ta chạy vào, tóm cổ người bán kẹo và nói, “Ta đã nghi ngờ điều này từ hôm qua rồi, cho nên ta đã nghĩ ra một kế hoạch để làm thất bại cái mẹo vặt của mi. Thế này thì quá lắm! Mi đã thay đổi cả nghề nghiệp của mình chỉ để giữ lấy vài đồng xu!” Nhà logic tội nghiệp không biết rằng con trâu không tuân theo qui tắc của logic. Nó không phải là con vật cố định, đứng im; trong đêm nó đã di chuyển và nằm đối diện với cửa hàng của người bán kẹo.

Các qui tắc của logic là phi cuộc sống. Cuộc sống là luồng sống động, luồng chảy. Những người coi các qui tắc của logic là có giá trị và cố gắng sống tương ứng theo chúng đều kết thúc với việc giữ những thứ chết trong tay họ, nhưng những người thoát khỏi mạng lưới logic và nhảy vào trong cuộc sống có khả năng biết tới điều bí ẩn của cuộc sống. Đó là lí do tại sao lời kinh này nói tới việc phá vỡ mọi mạng lưới logic. Tôi đang nói cho bạn về điều hướng dẫn, điều chỉ dẫn bên trong lời kinh này, không phải về câu chữ thực tại của nó. Tôi đã giải thích nghĩa của nó cho bạn vào ngày đầu tiên. Đây là nghĩa bên trong của nó. Phá vỡ mọi qui tắc của logic đi, bởi vì nếu bạn tuân theo chúng sẽ khó khăn cho bạn đi vào cuộc sống.

Plato là một nhà logic rất vĩ đại sống ở Hi Lạp hai nghìn năm trăm năm trước. Ông ấy đáng được gọi là cha đẻ của logic.

Ông ấy đã có một hàn lâm viện rất nổi tiếng tại đó ông ấy dạy logic cho sinh viên. Một nhà huyền môn lang thang tên là Diogenes có lần tới hàn lâm viện này. Ông ấy là một nhà huyền môn tinh quái và vui đùa; có rất ít người giống ông ấy. Giống như Mahavira, ông ấy thậm chí đã vứt bỏ quần áo của mình. Khi ông ấy tới Plato đang dạy trong lớp, giải thích các nguyên lý của logic. Plato được biết tới trong nước chúng ta như Afalatoon. Do đó, nếu một ai đó làm phiền nhiều mọi người với những biện luận và qui tắc logic, người đó bị chế nhạo bởi cái tên Afalatoon. Plato là một nhà logic lừng danh đến mức nếu ai đó bắt đầu tranh luận một cách logic, cho dù trong một làng nhỏ, mọi người đều sẽ nói, “Ông ta là một Afalatoon lớn,” cho dù người ta không biết Afalatoon là ai.

Diogenes đã tới hàn lâm viện nơi Plato đang dạy học. Vào khoảnh khắc đó một sinh viên đứng dậy và yêu cầu Plato định nghĩa về con người. Plato nói, “Con người là một con vật hai chân không có lông vũ.” Đứng sau người thầy, Diogenes lắng nghe, và ông ấy cười to khi nghe thấy định nghĩa này. Plato nhìn quanh, rồi hỏi ông ta, “Sao ông cười?”

Ông ấy đáp, “Tôi đang định đi tìm câu trả lời cho định nghĩa này.” Ông ấy đi ra ngoài, bắt lấy một con gà, con gà trống, nhổ hết lông. Ông ấy đem con gà trống vào lớp và nói, “Đây là định nghĩa của ông về con người. Nó không có lông vũ, và có hai chân.” Thế rồi ông ấy yêu cầu Plato đưa ra một định nghĩa khác, “Và khi ông nêu ra định nghĩa, xin cho tôi biết, và tôi sẽ đem cho ông câu trả lời khác!”

Tương truyền rằng Plato không bao giờ đưa ra định nghĩa khác. Ông ta biết Diogenes là một tay chuyên gây rối. Bản thân ông ta đã từng thấy cách thức ông này vật lông con gà rồi đem nó vào cho ông, và ông ta nghĩ, “Ai mà biết tay này sẽ làm cái gì tiếp nữa đây?” Diogenes đến hàn lâm viện nhiều lần để tìm xem

liệu Plato có đưa ra định nghĩa nào khác không. Cuối cùng Plato trở nên bần chôn và nói, “Này ông bạn, xin lỗi ông, tôi đã phạm phải sai lầm trong việc định nghĩa con người theo cách này. Ông còn định quấy rối tôi bao lâu nữa?”

Diogenes đáp, “Tôi muốn nghe ông thú nhận về sai lầm của ông. Tại sao nói về con người? Ngay cả một mẩu đá cũng không thể được định nghĩa. Cuộc sống là không định nghĩa được, không định nghĩa nào là có thể có cho bất kì cái gì. Tôi muốn ông thú nhận sai lầm của ông. Bây giờ tôi sẽ đi. Tôi cũng phát chán về cách định nghĩa của ông.”

Các qui tắc của logic là cố định, trong khi cuộc sống tuôn chảy. Con sông này đổi thành con sông khác. Trong khi bạn đang định nghĩa thứ này, cái gì đó khác đang xảy ra cho nó trong cùng lúc. Trước khi bạn kết thúc coi một người là giận dữ, người đó đã bắt đầu yêu cầu bạn tha thứ. Thế thì bạn sẽ làm gì? Sự kiện là ở chỗ con giận dữ rất có thể đã biến mất trước khi bạn kết thúc việc nói rằng người này đang giận dữ - cái gì kéo dài mãi trong cuộc sống này? - cho nên định nghĩa của bạn sẽ không đúng.

Các định nghĩa bao giờ cũng là về quá khứ, trong khi cuộc sống bao giờ cũng là hiện tại. Cuộc sống là thay đổi thường xuyên, mọi thứ đều đang thay đổi từng khoảnh khắc, nhưng các định nghĩa vẫn còn cố định, vẫn còn như đã thiết lập. Không có trưởng thành, không có thay đổi trong chúng. Chúng giống như ảnh chụp của chúng ta vậy. Giả sử ai đó chụp ảnh tôi; bây giờ nó sẽ vẫn còn lại cố định và tĩnh tại, trong khi tôi đang trở nên già hơn vào mọi khoảnh khắc. Cuộc sống giống như một người đang sống; các định nghĩa là cứng nhắc và không sống. Lời kinh này nói không có tính hợp lý, không có logic về cuộc sống. Cuộc sống là bí ẩn.

Có một nhà huyền môn Ki tô giáo tên là Tertullian. Ai đó hỏi ông ấy, “Tại sao ông tin vào Thượng đế? Cái gì là lí do cho niềm tin của ông?”

Ông ấy nói, “Ông muốn biết lí do sao? Khi tôi nhìn vào cuộc sống, tôi thấy rằng không có lí do nào cho bất kì cái gì. Thế rồi tôi nghĩ, ‘Bây giờ chẳng hại gì trong việc tin vào Thượng đế. Khi mà toàn thể cuộc sống bản thân nó là không có lí do gì, Thượng đế cũng có thể được tin mà không có lí do gì.’ Và nếu ông không tin vào Thượng đế vậy mà vẫn hỏi tôi câu hỏi ấy, tôi sẽ bảo ông, tôi tin vào Thượng đế bởi vì ngài là ngớ ngẩn toàn bộ” - ông ấy dùng từ ngớ ngẩn... tôi nghĩ nó là từ đúng - “bởi vì tôi đã xem xét mọi qui tắc, đã phân tích chúng, và thấy chúng không đúng. Tôi đã kiểm nghiệm mọi lập luận logic và thấy nó sai. Mọi định nghĩa tôi đã kiểm thử đều bị chứng tỏ là sai. Bất kì điều gì tôi xem xét đúng về mặt trí tuệ, tới cùng lại bị chứng tỏ là sai. Bây giờ tôi đã bỏ sự trợ giúp của trí tuệ và lập luận và trở thành người vô lập luận. Tôi tin vào Thượng đế.”

Đây là ý nghĩa đúng đắn của tin cậy.

Nó có nghĩa là nhảy vào trong cái không biết. Lời kinh này giải thích tin cậy là gì. Lời kinh này là về tin cậy. Khi gạt sang bên mọi qui tắc, mọi định nghĩa và mọi tính toán, việc nhảy vào trong cái không đo được chính là nghĩa của tin cậy. Bỏ lập luận để nhảy vào trong cái vô lập luận.

Bạn nên nhớ rằng các triết gia là những người cố gắng tìm kiếm chân lí của cuộc sống với sự giúp đỡ của trí tuệ. Cho đến giờ họ vẫn không có khả năng phát hiện ra được cái gì. Họ đã viết hàng nghìn cuốn sách, nhưng sách của họ đơn thuần chỉ là trò chơi chữ. Họ là người thành thạo trong diễn giải lời nói và họ trải rộng tấm lưới lời nói của mình một cách ranh mãnh và rộng đến mức khó mà tìm được lối ra. Nhưng họ không biết gì cả, không biết chút nào. Những người biết tới chân lí của cuộc sống

là các nhà huyền môn và các hiền nhân. Đây là những người, thay vì thực hành tung hứng lời, chìm vào trong sự tồn tại.

Tại sao chúng ta phải cố gắng học trong sách vở sông Hằng là gì? Khi sông Hằng đang chảy, tại sao chúng ta không chìm mình vào trong nó để biết nó là cái gì? Có thể người ta đã viết trong sách vở, trong thư viện, sông Hằng là gì, nhưng chúng ta có nên viện tới sách vở để biết nó là gì không? Tại sao chúng ta không nên biết nó bằng cách thực tế đi vào nó? Có hai cách để biết. Nếu tôi muốn biết về tình yêu, tôi có thể tới thư viện và đọc sách về nó và học tất cả về nó. Cách khác là với tôi rơi một cách cá nhân vào trong nó thật sâu sắc. Cách thứ nhất đứt khoát dễ dàng hơn, cho nên người yếu đuối viện tới con đường đó; ngay cả trẻ con cũng có thể đọc về nó. Nhưng thực sự biết yêu là trải qua thử lửa lớn, qua ăn năn lớn, qua thử thách lớn bằng lửa.

Biết yêu và biết về yêu là hai điều khác nhau. Không có mối liên hệ gì giữa chúng. Tương tự, biết chân lí và biết về nó là hai điều khác nhau. Bất kì cái gì được biết về chân lí tất cả đều là tri thức vay mượn, nó tất cả đều là cũ rích. Người muốn biết chân lí sẽ phải nhảy ra khỏi trí tuệ của mình.

Một người bạn tới gặp tôi hai hôm trước đây. Người đó nói, “Tôi nghi ngờ tất cả những gì tôi nghe thấy. Tôi nghi ngờ ngay cả điều thầy nói, và con sẽ tiếp tục nghi ngờ điều thầy sẽ nói. Nhưng tôi có vài câu hỏi, xin thầy trả lời chúng.”

Tôi bảo anh ta, “Bạn sẽ làm gì với câu trả lời bạn nhận được từ tôi? Tại sao bạn muốn gây rắc rối vô dụng cho tôi khi bạn không được chuẩn bị để di chuyển dù chỉ chút xíu từ lập trường hoài nghi của bạn? Bạn nên sống trong hoài nghi của mình. Tại sao bạn đã đến để hỏi tôi? Đừng hỏi bất kì ai nếu bạn quyết tâm hoài nghi, bởi vì bất kì cái gì người đó nói đều sẽ là tri thức của người đó, nó không thể là của bạn được, và bạn sẽ hoài nghi nó. Sự tồn tại trải rộng mọi bề - hoa nở, chim chóc nhảy múa, mây

dời trên trời, mặt trời lên, cuộc sống rộn ràng bên trong bạn. Sự tồn tại có việc mở rộng vô tận! Nhảy vào trong nó đi, biết từ đó! Hỏi người khác là vô tích sự - chẳng nào bạn cũng sẽ hoài nghi. Nhưng tôi muốn hỏi bạn một điều: Khi nào thì cái ngày đó tới, cái ngày mà bạn hoài nghi về sự hoài nghi của bạn?”

Khi một người quyết tâm hoài nghi, người đó nên hoài nghi bản thân sự hoài nghi; theo cách đó người đó có thể đạt tới cái gì đó qua hoài nghi của mình. Từ trước tới giờ việc hoài nghi của bạn đã đạt được cái gì? Nếu không, đấy là bởi vì bạn đã không hoài nghi về bản thân hoài nghi. Bạn đã không hoài nghi một cách toàn bộ. Nhớ trong tâm trí, tin cậy tới từ hai nguồn. Hoặc không có hoài nghi nào hết cả và lấy cú nhảy, hoặc làm cho việc hoài nghi của bạn thành sâu sắc đến độ bạn hoài nghi bản thân sự hoài nghi. Vậy hoài nghi của bạn sẽ huỷ bỏ việc hoài nghi thêm nữa và bạn sẽ thành trống rỗng hoài nghi, và thoát ra khỏi ảnh hưởng của trí tuệ. Không phải là trí tuệ bạn tạo ra hoài nghi; trí tuệ bạn *là* hoài nghi của bạn.

Sau khi hiểu lời kinh này, những người hồn nhiên và trung thực không nên hoài nghi về nó; còn những người tinh tế và phức tạp về bản chất thì nên hoài nghi nó một cách toàn bộ. Tin cậy sẽ được sinh ra từ cả hai điều kiện này và bạn sẽ có khả năng thực hiện cú nhảy.

Những người biết tin cậy là gì sẽ hiểu thấu ý nghĩa của lời kinh này, và những người có tin cậy ở trong lập luận sẽ không có khả năng hiểu thấu nghĩa của nó, bởi vì lập luận không có chỗ trong nó. Logic sẽ không đồng ý với phát biểu rằng cái hoàn hảo đi ra từ cái hoàn hảo, và cái còn lại cũng là hoàn hảo. Nhưng tin cậy sẽ đồng ý với nó, bởi vì điều đó là rất hồn nhiên và trung thực. Đó là tin cậy - niềm tin - trong sự tồn tại. Nó nói, “Không lẽ mình không có niềm tin nào đó vào sự tồn tại này, cái đã cho mình năng lực suy nghĩ, cái cho mình tình yêu, cái cho mình trái

tim sao? Không lẽ mình không thể trao một chút ít tin cậy bạn bè cho sự tồn tại này, cái đã cho mình cuộc sống, nhận biết và tâm thức sao? Nếu mình không thể làm được, đây thực sự là vô ơn lắm.” Lời kinh này đòi hỏi sự tin cậy và đức tin từ chúng ta. Nó hướng dẫn rằng duy nhất tin cậy sẽ mở ra cánh cửa cuộc sống, một mình tin cậy sẽ giúp bạn đạt tới đỉnh của cuộc sống. Đây là nghĩa giấu kín của nó.

Cuối cùng bạn nên hiểu đầy đủ điều nó đang nói về cái toàn thể, tại cuối cũng như tại đầu. Mọi thứ trong cuộc sống đều dường như không hoàn hảo. Có thể Ishavasya nên nói về cái không hoàn hảo, bởi vì thế thì nó sẽ nói về các sự kiện. Không cá nhân nào dường như hoàn hảo, không tình yêu nào dường như hoàn hảo; không quyền năng nào không hình dạng nào dường như hoàn hảo. Mọi thứ trong cuộc sống đều không hoàn hảo. Thế thì tại sao hiền nhân này của Ishavasya nghĩ về bắt đầu và kết thúc trong thảo luận của ông ấy về cái toàn thể? Những người tin vào chủ nghĩa hiện thực sẽ lên án điều này là phi hiện thực. Họ sẽ chỉ trích nó như sự giả vờ đồng bóng của những tay mơ. Bất kỳ cái gì toàn thể hay hoàn hảo trong thế giới này ở đâu? Điều lời kinh này chỉ dẫn là sự kiện rằng bất kỳ chỗ nào cái không hoàn hảo được bạn thấy, đấy là do cái không hoàn hảo của năng lực của bạn để thấy, bởi vì bằng không, không có sự không hoàn hảo ở bất kỳ đâu cả. Thực tại cái không hoàn hảo nằm ở cách nhìn của chúng ta.

Hoàn cảnh của chúng ta giống như một người nhìn lên trời từ cửa sổ nhà mình. Tất cả chúng ta đều làm điều đó. Một cách tự nhiên người đó sẽ thấy bầu trời bị cắt theo hình cửa sổ. Đường biên của cửa sổ cũng sẽ là đường biên của bầu trời. Liệu có phải là sai lầm không nếu một người, chưa bao giờ thấy bầu trời rộng mở từ bên ngoài toà nhà mình, nói rằng bầu trời là hình chữ nhật? Không, không có sai lầm gì cả, bởi vì bầu trời bao giờ trông cũng

như thế nếu được nhìn từ cửa sổ. Sẽ khó khăn cho người như thế để quan niệm rằng không có cái khung như thế trên bầu trời.

Cái khung này là cửa sổ của riêng bạn, không có khung nào quanh bầu trời. Nó được bạn dựng lên. Bầu trời tuyệt đối không có khung và không có dạng. Nhưng không ở đâu nó dường như vô dạng cả, ngay cả khi chúng ta đi ra ngoài nhà. Cái khung trở thành lớn hơn một chút, nó giả định có dạng trái đất. Bầu trời dường như bao quanh toàn bộ quả đất, giống như mái vòm - vòm của các ngôi đền cũng được xây dựng theo mô hình này. Ngay cả giữa ngoài trời bạn vẫn đang đứng bên trong cửa sổ - trái đất là cửa sổ - cho nên nó không tạo ra khác biệt gì. Tiến xa thêm nữa, đi vòng quanh cả trái đất. Bạn sẽ thấy rằng bầu trời không chạm vào đất ở đâu cả: không có đường chân trời, nó là giả như khung cửa sổ bao quanh bầu trời vậy. Nhưng ngay cả khi bạn bay trong một con tàu không gian bạn sẽ thấy bầu trời theo một quan điểm đặc biệt, và điều đó sẽ dường như là biên giới của nó. Dù nó mở rộng đến mức nào cũng không thành vấn đề, nó vẫn là biên giới của nó.

Thế thì chúng ta có thể đi đâu nơi chúng ta sẽ có khả năng thấy được cái vô dạng? Các hiền nhân của Upanishad nói, “Chỉ có một chỗ, và đó là bên trong ông, nơi không có cửa sổ chút nào.” Gạt sang bên việc dùng các giác quan bởi vì chúng tạo ra các khung. Các giác quan của chúng ta là những cửa sổ. Nếu chúng ta nhìn bất kì đâu với sự giúp đỡ của các cửa sổ này, hình dạng sẽ được tạo ra. Nhắm mắt lại và đi vào bên trong; không có mắt, không có tai, không có tay và chân, không có thân thể, và chìm ngày càng sâu hơn vào bên trong nơi mọi thứ đều vô dạng. Tại đó bạn sẽ kinh nghiệm cái toàn thể.

Sau khi đã kinh nghiệm cái toàn thể bên trong, hiền nhân này đã khẳng định rằng nó là như vậy, và rằng người đã biết đến cái toàn thể bao giờ cũng sẽ thấy cái toàn thể, dù người đó đi đâu

cũng không thành vấn đề, dù người đó có nhìn qua cửa sổ nào cũng không thành vấn đề. Cho dù người đó nhìn lên bầu trời khi đứng sau một khung cửa sổ rất nhỏ, người đó vẫn biết rõ rằng cái khung đó là cái khung cửa sổ của mình và không phải là của bầu trời. Bất kì ai đã có lần thấy cái toàn thể bên trong cũng đều sẽ bắt đầu thấy nó ở mọi nơi. Người đó có thể bị bao bọc quanh mình bởi bất kì cửa sổ nào, người đó có thể bị nhốt trong bao nhiêu nhà tù, vậy mà người đó biết rằng các nhà tù đó bị áp đặt bên ngoài; cái vô dạng vẫn ngồi tĩnh lặng bên trong.

Do đó hiền nhân này bắt đầu và kết thúc bài nói của mình bằng cái toàn thể. Sẽ không có hài hoà, không đồng điệu giữa lời kinh này và bản thân chúng ta nếu chúng ta đứng quay lưng lại nó. Chúng ta và hiền nhân của Upanishad đang đứng quay lưng nhau. Chúng ta nghe thấy lời của ông ấy, nhớ chúng vào kí ức, lặp lại chúng mọi sáng; nhưng nếu chỉ lưng chúng ta chạm tới, thế thì nghĩa mà chúng ta nhận được từ chúng trở thành vô dụng.

Điều cuối cùng tôi muốn nói với các bạn là ở chỗ cái toàn thể này là chân lí duy nhất. Nó ở mọi phía; mọi thứ đều là cái toàn thể. Không có vấn đề chút nào về cái không hoàn hảo. Làm sao có thể có cái không hoàn hảo? Ai sẽ tạo ra nó? Một mình Thượng đế hiện hữu; không có ai khác có thể làm ra cái không hoàn hảo. Một mình Thượng đế hiện hữu, cho nên ai sẽ vẽ ra biên giới? Biên giới bao giờ cũng được tạo nên bởi sự hiện diện của cái khác. Nếu bạn nghĩ biên giới của nhà bạn được làm bằng nhà bạn, thế thì bạn sai lầm. Nó được làm bằng nhà của hàng xóm đấy. Nó không được làm bằng nhà của bạn theo ý riêng của nó đâu, nó bao giờ cũng được làm bằng sự hiện diện của nhà khác.

Thượng đế bao giờ cũng một mình, sự tồn tại bao giờ cũng là một, luồng chảy của sự tồn tại bao giờ cũng là một. Không có cái khác chút nào. Ai sẽ làm ra biên giới? Ai sẽ làm ra cái không

hoàn hảo? Không, điều đó là không thể được; sự tồn tại là vô giới hạn, sự tồn tại là tuyệt đối. Nhưng chúng ta sẽ chỉ biết nó khi chúng ta có khả năng bắt được thoáng nhìn về nó ở bên trong.

Người đã ném dù chỉ một giọt của đại dương bên trong là có khả năng biết đến cái bí ẩn của đại dương vô biên. Cái toàn thể đến từ cái toàn thể, và cũng bị hấp thu vào trong cái toàn thể; và ở giữa cái không hoàn hảo đến, cái được tạo ra bởi khuôn khổ của trí tuệ chúng ta, bởi giác quan chúng ta. Từ bỏ các khuôn khổ này, đi chút ít ra ngoài chúng đi. Thế thì bạn sẽ được thiết lập trong cái toàn thể, và người đã được thiết lập như vậy trong cái toàn thể sẽ có khả năng hiểu được nghĩa ẩn kín của Ishavasya.

Bây giờ, ở chỗ cuối, chúng ta bắt đầu cuộc hành trình của chúng ta vào bên trong. Vì đây là ngày cuối cùng, tôi muốn nói với các bạn hai hay ba điều. Thứ nhất, trong thực nghiệm sáu ngày này tôi đã đưa các bạn tới điểm mà bây giờ tôi yêu cầu bạn bổ sung thêm một việc nhỏ vào nó. Sẽ có bùng nổ lớn nếu điều đó được thêm vào, cho nên được chuẩn bị về nó đi.

Khi bạn nhìn vào tôi, nhìn chăm chú cố định, đừng nháy mắt, và đồng thời, với từng hơi thở ra làm ra âm thanh Hu, Hu! Âm thanh này của Hu, Hu sẽ đập mạnh vào kundalini đang ngủ của bạn. Người Sufi đã nghiên cứu sâu vào trong âm thanh Allah Hu! Họ bắt đầu với âm Allah Hu, rồi dần dần từ Allah bị bỏ đi và chỉ còn lại Hu. Hô âm Hu thật mạnh, và khi bạn làm như vậy, rốn bạn sẽ co lại. Để cho Hu của bạn đập mạnh vào phía dưới rốn. Điều này sẽ làm cho rốn bạn co lại hoàn toàn và đập vào kundalini. Đây là chỗ kundalini đang ở. Nó sẽ bị đập mạnh vào.

Chín mươi phần trăm trong chúng ta bây giờ đang trong điều kiện khi âm Hu đập vào mạnh đến mức năng lượng bên trong sẽ bắt đầu dâng lên giống như ngọn lửa. Khi nó dâng lên tôi sẽ đưa

ra một dấu hiệu bằng tay với bạn. Rồi hãy phát rồ lên! Khi tôi nâng tay đưa lên bạn sẽ kinh nghiệm năng lượng bên trong dâng lên - dâng lên như ngọn lửa. Bạn sẽ cảm thấy rằng tất cả sinh lực của bạn đang dâng lên; bạn sẽ cảm thấy siêu việt. Thế rồi bắt đầu hò hét to, nhảy, múa, với tất cả khả năng của bạn.

Về Osho

Osho sinh ra tại Kuchwada, Madhya Pradesh, Ấn Độ, vào ngày 11 tháng 12 năm 1931. Từ thiếu thời ông đã là một tinh thần độc lập và nổi dậy, nhấn mạnh tới chứng nghiệm chân lý cho chính mình thay vì thu nhận tri thức và niềm tin do người khác trao lại.

Sau khi chứng ngộ ở tuổi hai mươi mốt, Osho hoàn thành học tập hàn lâm và dành nhiều năm giảng dạy triết học tại Đại học Jabalpur. Đồng thời, ông đã du hành trong toàn Ấn Độ để nói chuyện, thách thức các nhà lãnh đạo tôn giáo chính thống trong các cuộc tranh luận công khai, đặt câu hỏi về những niềm tin truyền thống và gặp gỡ mọi người từ mọi nẻo đường cuộc sống. Ông đọc rất nhiều, mọi thứ ông có thể tìm thấy để mở rộng hiểu biết của mình về hệ thống niềm tin và tâm lý của con người hiện đại.

Đến cuối những năm 1960 Osho đã bắt đầu phát triển các kỹ thuật thiền động duy nhất của mình. Con người hiện đại, ông nói, bị quá nặng gánh với những truyền thống lạc hậu của quá khứ và những lo âu của cuộc sống hiện đại đến mức người đó phải trải qua quá trình tẩy rửa sâu sắc trước khi người đó có thể hi vọng khám phá ra trạng thái thanh thoi, vô suy nghĩ của thiền.

Trong quá trình làm việc của mình, Osho đã nói về mọi khía cạnh thực của việc phát triển tâm thức con người. Ông đã cô đọng tinh hoa của điều có ý nghĩa cho việc truy tìm tâm linh của con người hiện đại, dựa trên không chỉ hiểu biết trí tuệ mà được kiểm nghiệm lại theo kinh nghiệm sống của riêng ông.

Ông không thuộc về tín ngưỡng nào cả - “Tôi là người bắt đầu cho tâm thức tôn giáo hoàn toàn mới,” ông nói. “Xin đừng gắn tôi với quá khứ - điều đó thậm chí chẳng đáng nhớ.”

Bài nói của ông cho các đệ tử và người tìm kiếm tâm linh đã được xuất bản trong hơn sáu trăm năm mươi tập, và đã được dịch sang hơn bốn mươi ba thứ tiếng. Và ông nói, “Thông điệp của tôi không phải là học thuyết, không phải là triết lý. Thông điệp của tôi là giả kim thuật nào đó, khoa học về biến đổi, cho nên chỉ những ai sẵn sàng chết như họ hiện tại và được sinh ra lần nữa trong cái gì đó mới đến mức họ không thể nào hình dung ra được điều đó ngay bây giờ... chỉ vài người dũng cảm mới sẵn sàng lắng nghe, vì lắng nghe là sắp nguy hiểm.

“Lắng nghe, bạn đã bước đi bước đầu tiên hướng tới tái sinh. Cho nên đây không phải là triết lý mà bạn có thể chỉ choàng vào người và đi khoác lác về nó. Đây không phải là học thuyết mà bạn có thể tìm ra khuây khoả cho những câu hỏi phiền nhiễu. Không, thông điệp của tôi không phải là truyền giao bằng lời nào đó. Nó còn nguy hiểm hơn thế nhiều. Nó không gì khác hơn là chết và tái sinh.”

Osho rời khỏi thân thể ngày 19 tháng 01 năm 1990. Công xã không lồ của ông ở Ấn Độ tiếp tục là trung tâm trường thành tâm linh lớn nhất trên thế giới hấp dẫn hàng nghìn khách thăm quốc tế, người tới để tham dự vào thiền, trị liệu, các chương trình sáng tạo, hay chỉ để chứng nghiệm bản thể trong phật trường.

Công xã Osho quốc tế

Pune, Ấn Độ

Công xã này là trường phái kì diệu cho việc thám hiểm bên trong. Đó là phiêu lưu lớn lao nhất có đó, và cũng là lễ hội lớn nhất.

Con đường bạn phải đi qua, bạn sẽ phải đi một mình; nhưng biết rằng bao nhiêu người cũng đang du hành một mình sẽ đem lại cho bạn động viên lớn lao.

Một ốc đảo nhỏ mà trong đó cuộc sống đang diễn ra với tầm nhìn hoàn toàn khác; nơi cuộc sống diễn ra có mục đích, ý nghĩa, nơi cuộc sống diễn ra có phương pháp, nơi cuộc sống diễn ra trong tỉnh táo, nhận biết, tỉnh thức; nơi cuộc sống không phải chỉ là điều ngẫu nhiên, nơi cuộc sống bắt đầu trở thành ngày một trưởng thành hơn theo chiều hướng nào đó.

Và đây không phải là tu viện Ấn Độ; đây là công xã quốc tế, nơi gặp gỡ của Đông và Tây. Công xã này đại diện cho toàn bộ loài người, không phải về quá khứ mà là về tương lai.

Nỗ lực của chúng tôi là để làm cho thiên trở thành có sẵn cho từng người và mọi người; bất kì ai muốn thiên, thiên đều sẵn có tương ứng với kiểu của người đó. Nếu người đó cần nghỉ ngơi, nghỉ ngơi cũng nên là thiên của người đó. “Ngồi im lặng không làm gì, rồi xuân tới và cỏ tự nó mọc lên” - đó sẽ là thiên của người đó. Chúng ta phải tìm ra thật nhiều chiều hướng cho thiên, nhiều như số người trên thế gian này. Và khuôn mẫu phải đừng quá cứng nhắc, vì chẳng có hai cá nhân nào giống nhau cả. Đây là cuộc cách mạng. Cá nhân phải không bị gò khít vào khuôn

mẫu; nhưng khuôn mẫu thì phải vừa vặn với cá nhân. Đó là lí do tại sao bạn thấy có nhiều cách thiên thể đang diễn ra ở đây. Cách thức thì có thể là tích cực hay thụ động, cũng chẳng thành vấn đề gì, mục tiêu là một: làm sao làm cho bạn thành im lặng đến mức tất cả mọi suy nghĩ đều biến mất và bạn chỉ còn là tấm gương, phản chiếu cái đang đấy.

Đa đại học Osho

Trong công xã này có ít nhất năm mươi nhóm trị liệu đang tiến hành, bởi những lí do nào đó. Đây chỉ là cách làm cân bằng lại hàng nghìn năm kìm nén. Đây chỉ là để đem lại nhẹ nhàng cho tất cả những cái bạn đã kìm nén - như người Ki tô giáo, người Hindu giáo, Phật tử. Nó chỉ hoàn tác lại cái hại của hàng thế kỉ cũ kĩ đã gây cho bạn. Các nhóm trị liệu này không phải là cứu cánh; chúng chỉ chuẩn bị cho bạn để thiên, chứng kiến thụ động về các ý nghĩ, tình cảm và hành động mà không đánh giá hay đồng nhất.

Sự bùng sáng của mỗi ngày là việc gặp gỡ vào buổi tối: một buổi lễ hai giờ với âm nhạc, nhảy múa và thiên im lặng theo dõi một trong những bài nói của Osho.

“Đây không phải là bài học; đây chỉ đơn thuần là phương tiện để làm cho bạn thành im lặng, vì nếu yêu cầu bạn phải im lặng không nỗ lực gì, bạn sẽ thấy rất khó khăn. Tôi đang làm cho bạn im lặng mà không phải nỗ lực gì về phần bạn cả. Việc nói của tôi trước hết là để dùng như một chiến lược tạo ra im lặng trong bạn.”

Để biết thêm thông tin

<http://www.osho.com>
Osho Commune International
17 Koregaon Park
Pune 411 011 (MS) India
Tel: + 91 (212) 628 562
Fax: + 91 (212) 624 181
Email: osho-commune@osho.com

Osho International
410 Park Avenue, 15th Floor,
New York, NY 10022
Tel. +1 212 231 8437
Fax. +1 212 658 9508
<http://www.osho.com/oshointernational>
Klau Steeg: klau.steeg@oshointernational.com
Montse Cortazar: montse.cortazar@oshointernational.com
Agent for Vietnam is Tuttle Mori Agency, Managing
Director Pimolporn Yutisri : pimolporn@tuttlemori.co.th
Office email: oshointernational@oshointernational.com
Royalties: OshoOffice@oshointernational.com

Để xem tin tức, trao đổi nói chuyện, xem các trích đoạn và
toàn văn bài nói của Osho, các bạn có thể ghé thăm trang web
<http://oshovietnam.net>

Để xem một số bản dịch tiếng Việt của sách Osho, các bạn
có thể vào trang web:
<http://oshovietnam.wordpress.com/>

“Lời thầy hàm chứa im lặng quanh đó, lời thầy không phải là tiếng động. Lời thầy có giai điệu, có nhịp điệu, có âm nhạc và tại chính cốt lõi của lời thầy là im lặng hoàn toàn. Nếu bạn có thể hiểu thấu lời thầy, bạn sẽ đi xuyên vào im lặng vô hạn này. Nhưng để hiểu thấu lời của Phật, cách thức không phải là phân tích, cách thức không phải là biện luận, cách thức không phải là tranh luận. Cách thức là chìm vào quan hệ với thầy, trở thành hoà hợp với thầy, đồng bộ với thầy. Trong hoà hợp đó, trong sự chân thành đó, người ta đi vào trong chính cốt lõi lời thầy. Và ở đó bạn sẽ không tìm thấy bất kì âm thanh nào, bất kì tiếng động nào; ở đó bạn sẽ thấy im lặng tuyệt đối. Và nếm trải nó là hiểu thầy.”

Osho, Dhammapada: Con đường của Phật, 5

“Từ lời tôi bạn có thể bùng cháy, nhưng bạn sẽ không thể nào tìm ra bất kì lí thuyết, học thuyết nào. Bạn có thể tìm ra cách sống, nhưng không tìm ra được giáo lí để thuyết giáo. Bạn có thể tìm ra tính cách nổi dậy hay tiềm ẩn nhưng bạn sẽ không tìm thấy chủ đề cách mạng nào được tổ chức.

“Lời tôi không chỉ là ngọn lửa. Tôi đang đặt thuốc nổ đây đó, chúng sẽ nổ tung trong nhiều thế kỉ. Tôi đang đặt nhiều hơn là sự cần thiết - tôi chưa bao giờ tính hết cơ hội. Gần như từng câu đều dự định để tạo ra rắc rối cho bất kì ai muốn tổ chức tôn giáo quanh tôi.”

Osho, Từ cá tính tới cá nhân

Sách Osho đã dịch sang tiếng Việt

1. Con đường tôi con đường của mây trắng	1997
2. Biển chuyển Mật tông	1997
3. Ngón tay chỉ trăng	1997
4. Thiền là gì?	1997
5. Đi tìm điều huyền bí, tập 2	1998
6. Thiền: Tự do đầu tiên và cuối cùng	1998
7. Kinh Kim Cương	1998
8. Tôi là lỗi công	1998
9. Nhịp đập của tuyệt đối	1998
10. Tâm Kinh	1998
11. Mưa rào không mây	1999
12. Nhạc cổ trong rừng thông	1999
13. Dhammapada: Con đường của Phật, t. 1	1999
14. Con thuyền rồng	1999
15. Tín Tâm Minh: Sách về cái không	1999
16. Từ đục tới Siêu tâm thức	1999
17. Từ Thuộc tới Thiền	1999
18. Cương lĩnh Thiền: Tự do với chính mình	2000
19. Vô trí: Hoa của vĩnh hằng	2000
20. Bồ đề đạt ma: Thiền sư vĩ đại nhất	2000
21. Và hoa đã mưa xuống	2000
22. Đạo: Ba kho báu, tập 1	2001
23. Kinh nghiệm Mật tông	2001
24. Bản kinh cuối cùng, tập 6	2001
25. Chiều bên kia cái biết	2001
26. Kỉ luật của siêu việt, tập 3	2002
27. Con đường bên ngoài mọi con đường	2002
28. Không nước không trăng	2002
29. Om Mani Padme Hum	2002

30. Nansen: Điểm khởi hành	2003
31. Joshu: Tiếng gầm của sư tử	2003
32. Mã Tổ: Tám gương trống rỗng	2003
33. Rinzai: Bậc thầy của điều phi lí	2003
34. Hyakujo: Đỉnh Everest của Thiền	2003
35. Isan: Không dấu chân trên trời xanh	2003
36. Kyozan: Con người thực của Thiền	2004
37. Dogen Thiền sư: Tìm kiếm và hoàn thành	2004
38. Yakusan: Thắng tới điểm chứng ngộ	2004
39. Đi tìm điều huyền bí, tập 1	2004
40. Dhammapada: Con đường của Phật, t. 2	2004
41. Từ Thuộc tới Thiền (chỉnh lí)	2004
42. Trưởng thành: Trách nhiệm là chính mình	2005
43. Sáng tạo: Khơi nguồn sức mạnh bên trong	2005
44. Dững cảm: Vui sống hiểm nguy	2005
45. Dược khoa cho linh hồn	2005
46. Cân bằng thân tâm	2005
47. Ta là cái đó	2006
48. Tình yêu, tự do, một mình	2006
49. Dhammapada: Con đường của Phật, t.3	2006
50. Kỉ luật của siêu việt - tập 1	2006
51. Kỉ luật của siêu việt - tập 2	2006
52. Kỉ luật của siêu việt - tập 4	2007
53. Vui vẻ: Hạnh phúc từ bên trong	2007
54. Chuyển bay của một mình tới một mình	2007
55. Nhận biết: Chìa khoá sống trong cân bằng	2007
56. Tự do: Dững cảm là bản thân mình	2007
57. Dhammapada: Con đường của Phật, t.4	2007
58. Trục giác: Việc biết bên ngoài logic	2007
59. Dhammapada: Con đường của Phật, t.5	2008
60. Dhammapada: Con đường của Phật, t.6	2008

61. Thân thiết: Tin cậy bản thân mình và người khác	2008
62. Dhammapada: Con đường của Phật, t.7	2008
63. Từ bi: Việc nở hoa tối thượng của tình yêu	2008
64. Đạo: lịch sử và giáo huấn	2008
65. Dhammapada: Con đường của Phật, t.8	2009
66. Dhammapada: Con đường của Phật, t.9	2009
67. Cuộc sống, tình yêu, tiếng cười	2009
68. Dhammapada: Con đường của Phật, t.10	2009
69. Dhammapada: Con đường của Phật, t.11	2009
70. Dhammapada: Con đường của Phật, t.12	2009
71. Đạo - Ba kho báu - tập 2	2010
72. Đạo - Ba kho báu - tập 3	2010
73. Đạo - Ba kho báu - tập 4	2010